

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

Cẩm nang hướng dẫn toàn diện
về các phương pháp giao dịch
và các ứng dụng

Technical Analysis of the Financial Markets

A Comprehensive Guide
to Trading Methods and Applications

JOHN J. MURPHY



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



TIN VÀ VÀNG
NHÀ XUẤT BẢN



Dù duy trì được sự đơn giản, rõ ràng và cấu trúc hợp lý nhưng cuốn **Phân tích kỹ thuật thị trường tài chính** vẫn bao quát trọn vẹn tất cả các kỹ thuật mới về đồ thị và lập đồ thị cũng như nhiều phát triển mới trong lĩnh vực luôn thay đổi nhanh chóng này. Mỗi chương đều được cập nhật những kiến thức mới. Ngoài ra, cuốn sách còn nhấn mạnh đến thị trường chứng khoán, hàng trăm minh họa mới nhất, và ba chương hoàn toàn mới với những thông tin chuyên sâu về:

- Các chỉ báo thị trường cổ phiếu - Lượng phát hành cổ phiếu tăng/giảm, các mức giá cao hơn/thấp hơn, khối lượng giao dịch tăng/giảm, và các công cụ khác để đánh giá cường độ thị trường đồng thời đưa ra cảnh báo sớm về những xu hướng thay đổi tiềm ẩn.
- Đồ thị hình nến - Cách sử dụng hiệu quả các đồ thị hấp dẫn, đẹp mắt này, những thủ tạo ra các dữ liệu với tác động mạnh mẽ như thế sắp nhay ra khỏi trang giấy hay màn hình máy tính.
- Phân tích liên thị trường - Một nội dung giải thích rõ ràng về mối tương quan thiết yếu giữa các thị trường tài chính.

Ngoài ra, cuốn cẩm nang này còn chưa dừng các phân mô rộng về quy trình phát triển các hệ thống, các chỉ báo kỹ thuật tiên tiến, và các dạng đồ thị mới như lập đồ thị phân khúc thị trường.

Một công cụ vô giá dành cho tất cả các nhà giao dịch thuộc mọi trình độ, **Phân tích kỹ thuật thị trường tài chính** sẽ hướng dẫn bạn từ ứng dụng đầu tiên của lý thuyết Dow và các kỹ thuật lập đồ thị cơ bản cho đến công nghệ máy tính mới nhất và các hệ thống phân tích tiên tiến nhất.

Phân tích kỹ thuật thị trường tài chính



TECHNICAL ANALYSIS OF THE FINANCIAL MARKETS: A COMPREHENSIVE GUIDE TO TRADING METHODS AND APPLICATIONS

Copyright © by John J. Murphy

All rights reserved including the right of reproduction in whole or in part in any form. This edition published by arrangement with Prentice Hall Press, a member of Penguin Group (USA) Inc.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH: CẨM NANG HƯỚNG DẪN TOÀN DIỆN VỀ CÁC PHƯƠNG PHÁP GIAO DỊCH VÀ CÁC ỨNG DỤNG

Bản quyền tiếng Việt © 2011 Công ty Cổ phần Tinh Văn & Nhà sách Lộc

Tất cả các quyền đã được bảo hộ, bao gồm quyền sao chép cả cuốn sách hoặc các phần của cuốn sách dưới bất kỳ hình thức nào.

Cuốn sách này được xuất bản theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền với Prentice Hall Press, một thành viên trực thuộc Penguin Group (USA) Inc.

Mọi thông tin về nội dung sách, vui lòng liên hệ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TINH VĂN

192 Nguyễn Hữu Cánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (+84.8) 38 407 837 - 38 407 847 - Fax: (+84.8) 38 409 693

E-mail: info@tinhvannmedia.com.vn - Website: www.bwportal.com.vn

Về phát hành, vui lòng liên hệ: **NHÀ SÁCH LỘC**

136 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Tel/Fax (+84.8) 38 274 172 - 0903.984.270

E-mail: nhasachloc@yahoo.com

JOHN J. MURPHY

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

**Cẩm nang hướng dẫn toàn diện về
các phương pháp giao dịch và các ứng dụng**

Technical Analysis of the Financial Markets

A Comprehensive Guide to
Trading Methods and Applications

Người dịch: **Th.s Lê Đạt Chí - Tường Vy**
Hiệu đính: **PSG, TS. Phan Thị Bích Nguyệt**



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TINH VĂN MEDIA

HUNG KHOAN tại: www.500dong.com / (facebook.com/Ngo500)

Mục lục

Lời nói đầu	7
Tác giả	9
Lời giới thiệu	13
Lời cảm ơn	17
Chương 1	
Triết lý của phân tích kỹ thuật	19
Chương 2	
Lý thuyết Dow	45
Chương 3	
Lập đồ thị	59
Chương 4	
Những khái niệm cơ bản về xu hướng	73
Chương 5	
Các mô hình đảo chiều cơ bản	123
Chương 6	
Mô hình tiếp diễn	153
Chương 7	
Khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán	179
Chương 8	
Đồ thị dài hạn	205
Chương 9	
Đường trung bình di động	219

Chương 10

Các chỉ báo dao động và quan điểm đối lập 249

Chương 11

Vẽ đồ thị điểm và hình 287

Chương 12

Đồ thị hình nền Nhật Bản 319

Chương 13

Lý thuyết sóng Elliott 343

Chương 14

Chu kỳ thời gian 367

Chương 15

Máy tính và các hệ thống giao dịch 401

Chương 16

Chiến lược quản lý tài sản và giao dịch 417

Chương 17

Mối liên hệ giữa thị trường chứng khoán và tương lai:
phân tích liên thị trường 437

Chương 18

Các chỉ báo thị trường chứng khoán 457

Chương 19

Danh sách kiểm tra 477

Phục lục 487

Phụ lục A

Các chỉ báo kỹ thuật nâng cao 489

Phụ lục B

Kỹ thuật phân tích thị trường 501

Phụ lục C

Các vấn đề cơ bản của việc xây dựng hệ thống giao dịch 519

Phụ lục D

Các hợp đồng tương lai tiếp diễn 531

Lời nói đầu

Ra đời cách đây hàng trăm năm trước, phân tích kỹ thuật là một công cụ đặc biệt được thiết kế cho thị trường chứng khoán và sau này được áp dụng cho thị trường ngoại hối, kim loại, năng lượng hay thị trường hàng hóa tương lai. Với công cụ này, nhà giao dịch sử dụng các biểu đồ trong các khung thời gian khác nhau để dự đoán được xu hướng tăng-giảm của thị trường, trên cơ sở đó phân tích các biến động cung cầu đối với cổ phiếu nhằm đưa ra quyết định nên mua vào, bán ra hay giữ nguyên cổ phiếu trên thị trường. Đây là một công cụ hữu ích giúp các nhà giao dịch kiếm được lợi nhuận trong kinh doanh theo phương châm mua tại đáy, bán tại đỉnh.

Trên thế giới, phân tích kỹ thuật đã trải qua một chặng đường phát triển hàng trăm năm với nhiều tên gọi khác nhau. Sau một thế kỷ sử dụng ở Hoa Kỳ và 300 năm sử dụng ở Nhật Bản, phân tích kỹ thuật đang càng ngày càng phát triển và chứng minh được tính hữu ích của mình đối với các thị trường tài chính nói chung cũng như thị trường chứng khoán nói riêng. Tại nhiều nước trên thế giới, các nhà phân tích kỹ thuật tụ họp trong *Hiệp hội các nhà phân tích kỹ thuật thị trường* (Market Technicians Association) - hiệp hội được thành lập năm 1972 để khuyến khích các ý tưởng về kỹ thuật giao dịch, đào tạo cho công chúng cũng như các cộng đồng đầu tư đồng thời ban hành một nguyên tắc đạo đức và chuẩn mực chuyên nghiệp trong cộng đồng phân tích kỹ thuật có tên gọi là CMT (Chartered Market Technician).

Tuy nhiên, tại Việt Nam, phân tích kỹ thuật vẫn chưa thực sự được các nhà đầu tư cá nhân quan tâm bởi họ cho rằng bên cạnh giá cả và khối lượng giao dịch, thị trường còn chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố cơ bản khác mà tâm lý kinh doanh bầy đàn là một trong những yếu tố đóng vai trò quan trọng trong các quyết định giao dịch. Nhiều nhà đầu tư cho rằng hiện nay

công cụ này khó có hiệu quả tại Việt Nam vì thị trường chứng khoán còn quá mới so với các quốc gia khác trên thế giới cũng như trong khu vực. do đó, khả năng ứng dụng sẽ không cao.

Bất chấp những rào cản tạm thời trong việc phổ biến công cụ này tới cộng đồng các nhà đầu tư, chúng tôi vẫn luôn tin tưởng rằng, trong xu thế hội nhập với các nền kinh tế thế giới, thị trường tài chính Việt Nam sẽ có những bước phát triển tương thích. Vì thế, chắc chắn rằng phân tích kỹ thuật sẽ là lĩnh vực được các nhà đầu tư thực sự quan tâm.

Năm năm trước, với mong muốn giới thiệu và phổ biến phương pháp phân tích kỹ thuật cho cộng đồng các nhà đầu tư tại Việt Nam, chúng tôi đã biên soạn cuốn “Phân tích kỹ thuật - Ứng dụng trong đầu tư chứng khoán” dựa trên tài liệu của John J. Murphy - một chuyên gia hàng đầu thế giới trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, tại thời điểm đó, do nhiều nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan, chúng tôi đã xuất bản cuốn sách mà chưa có sự chấp thuận của tác giả. Lần này, với sự đồng ý chuyển nhượng bản quyền của tác giả cho Công ty Cổ phần Tinh Văn thông qua Prentice Hall Press, chúng tôi hy vọng rằng cuốn sách sẽ được bạn đọc nói chung và cộng đồng các nhà đầu tư tổ chức/cá nhân tại Việt Nam đón nhận.

Vì phân tích kỹ thuật là một lĩnh vực còn khá mới tại Việt Nam, trong quá trình dịch thuật, chúng tôi đã cố gắng chuyển tải một cách chính xác các thuật ngữ chuyên ngành. Tuy nhiên, trong quá trình dịch thuật và hiệu đính, rất có thể sẽ xuất hiện các sai sót ngoài ý muốn. Vì vậy, chúng tôi rất mong nhận được sự phê bình, góp ý của độc giả.

Xin chân thành cảm ơn và chúc bạn đọc tìm thấy những điều hữu ích từ cuốn sách này.

TP. Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2011.

Th.s Lê Đạt Chí

Trưởng bộ môn Đầu tư Tài chính,
Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

Tác giả

John J. Murphy đã áp dụng phân tích kỹ thuật trong suốt 30 năm. Ông từng là giám đốc của Công ty Futures Technical Research đồng thời là chuyên gia tư vấn cao cấp phụ trách mảng giao dịch của Merrill Lynch. Murphy cũng từng giữ chức vụ phân tích kỹ thuật của đài CNBC-TV trong thời gian 7 năm. Ngoài ra, ông còn là tác giả của ba cuốn sách, bao gồm "*Phân tích kỹ thuật thị trường tương lai*" (*Technical Analysis of the Futures Markets: A Comprehensive Guide to Trading Methods and Applications*) được xuất bản trước cuốn sách này. Cuốn thứ hai với tựa đề "*Phân tích kỹ thuật liên thị trường*" (*Intermarket Analysis: Profiting from Global Market Relationships*) đã mở ra một nhánh khác cho lĩnh vực phân tích. Cuốn thứ ba "*Nhà đầu tư trực quan*" (*The Visual Investor: How to Spot Market Trends*) nói về vấn đề áp dụng công cụ kỹ thuật vào các quỹ hỗ tương.

Vào năm 1996, Murphy cùng chuyên gia phát triển phần mềm Greg Morris thành lập công ty cổ phần Murphymorris (www.murphymorris.com) nhằm giới thiệu những sản phẩm tư vấn có tính tương tác và phân tích trực tuyến cho các nhà đầu tư. Ông còn là sáng lập viên của công ty tư vấn kỹ thuật JJM (JJM Technical Advisors) tại Oradell, New Jersey.

Các cộng sự

Thomas E. Aspray (Phụ lục A) là chuyên gia phân tích Thị trường Vốn của Công ty Princeton Economic Institute tại Princeton, New Jersey. Asprays đã giao dịch trên thị trường từ những năm 70. Rất nhiều kỹ thuật được ông tiên phong sử dụng vào đầu thập niên 80 hiện được các nhà giao dịch chuyên nghiệp khác áp dụng.

Dennis C. Hynes (Phụ lục B) là Giám đốc điều hành và đồng sáng lập Công ty cổ phần R. W. Pressprich & Co., một công ty môi giới trong lĩnh vực thu nhập cố định tại New York. Ông đồng thời giữ vị trí Trưởng Bộ phận Chiến lược Thị trường của công ty. Hynes là một nhà giao dịch tương lai và quyền chọn đồng thời là một chuyên gia tư vấn giao dịch hàng hóa (CTA). Ông có bằng Thạc sĩ Tài chính của Đại học Houston.

Greg Morris (Chương 12 và phụ lục D) đã phát triển hệ thống và các chỉ báo giao dịch sử dụng phần mềm phân tích kỹ thuật cho các nhà đầu tư và nhà giao dịch trong 20 năm qua. Ông là tác giả của hai cuốn sách về đồ thị hình nền (xem Chương 12). Vào tháng 8 năm 1996, Morris cùng với cộng sự John Murphy sáng lập ra Công ty cổ phần Murphymorris với trụ sở đặt tại Dallas nhằm huấn luyện các nhà đầu tư.

Fred G. Schutzman, CMT (phụ lục C) là Chủ tịch kiêm Giám đốc điều hành của Biarwood Capital Management, một công ty tư vấn giao dịch hàng hóa có trụ sở tại New York. Ông cũng là người chịu trách nhiệm phát triển hệ thống giao dịch và nghiên cứu kỹ thuật tại Emcor Management Corporation, một công ty chuyên về tư vấn quản lý rủi ro. Schutzman là thành viên của Hiệp hội các Chuyên gia Phân tích Kỹ thuật Thị trường và hiện là thành viên HĐQT của Hiệp hội này.

Lời giới thiệu

Tôi đã không hề nghĩ rằng cuốn *Phân tích Kỹ thuật Thị trường Tương lai* lại tạo ra một tầm ảnh hưởng như vậy trong lĩnh vực này khi được phát hành vào năm 1986. Hiệp hội Các Nhà Phân tích Kỹ thuật Thị trường đã sử dụng cuốn sách này làm tài liệu gốc trong quá trình thử nghiệm chương trình "Nhà Phân tích Kỹ thuật Thị trường đủ tư cách hành nghề". Trong những công trình nghiên cứu đánh giá ý nghĩa của phương pháp phân tích kỹ thuật, Cục Dự trữ Liên bang đã viện dẫn cuốn sách này. Hơn nữa, cuốn sách cũng đã được dịch ra 8 thứ tiếng. Tôi cũng đã không hề nghĩ rằng vòng đời của cuốn sách lại dài như vậy. Nó vẫn tiếp tục được bán ra trong 10 năm sau đó với số lượng bằng 2 năm đầu tiên.

Tuy nhiên, mọi việc trở nên rõ ràng hơn khi nhiều tài liệu được bổ sung vào lĩnh vực phân tích kỹ thuật trong thập niên trước. Bản thân tôi là người bổ sung vào một vài thứ. Cuốn sách thứ hai của tôi - *Phân tích Kỹ thuật Liên Thị trường* (Wiley, 1991) đã giúp hình thành một nhánh mới của phân tích kỹ thuật hiện được sử dụng rộng rãi. Những kỹ thuật cũ như đồ thị hình nến Nhật và những phần mới mẻ như Sơ lược thị trường đã trở thành một bộ phận của tổng thể kỹ thuật. Rõ ràng, công trình nghiên cứu mới này cần được thể hiện trong bất kỳ cuốn sách nào với mong muốn giới thiệu một bức tranh dễ hiểu về phân tích kỹ thuật. Và công trình của tôi cũng thay đổi theo.

Mặc dù sự quan tâm chính của bản thân tôi trong 10 năm qua vẫn là thị trường tương lai, song công việc hiện tại của tôi lại liên quan đến thị trường chứng khoán nhiều hơn. Điều đó đẩy tôi vào một vòng tuần hoàn kể từ khi tôi bắt đầu sự nghiệp phân tích chứng khoán cách đây 30 năm. Đó cũng là một trong những tác động phụ khiến tôi trở thành một nhà phân tích kỹ thuật cho CNBC-TV trong 7 năm. Việc nghiên cứu những điều công chúng đang quan tâm đã thúc đẩy tôi viết cuốn sách thứ ba - *Nhà đầu tư trực quan* (Wiley, 1996). Cuốn sách nói đến cách sử dụng những công cụ kỹ thuật trong nhiều lĩnh vực của thị trường, trước tiên là thông qua những quỹ hỗ tương rất thịnh hành vào thập niên 90.

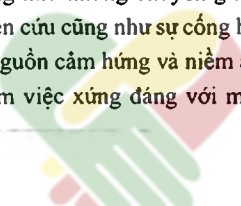
Nhiều chỉ báo kỹ thuật từng được sử dụng đầu tiên tại thị trường tương lai mà tôi viết vào 10 năm trước đã được đưa vào lĩnh vực nghiên cứu thị trường chứng khoán. Đó là thời điểm để chỉ ra cách thức mà nó được thực hiện. Cuối cùng, cũng như bất kỳ một lĩnh vực hay môn học nào, những người cầm bút cũng có được sự thăng hoa. Một vài điều tưởng như rất quan trọng đối với tôi 10 năm trước giờ đây lại không còn mấy quan trọng. Cũng như khi tôi phát triển nghiên cứu của mình thành một mô hình ứng dụng rộng hơn về những nguyên tắc kỹ thuật sử dụng trong tất cả các thị trường tài chính, dường như bất kỳ một sự sửa đổi nào công trình trước đó cũng có thể phản ánh được sự phát triển đó.

Tôi đã cố gắng giữ lại cấu trúc cuốn sách gốc. Do đó, rất nhiều chương gốc vẫn còn nguyên. Tuy nhiên, chúng đã được thay thế bằng những tài liệu mới và được cập nhật với những đồ thị mới. Vì những nguyên tắc trong phân tích kỹ thuật đã được phổ biến rộng rãi nên không khó khăn gì để mở rộng việc nghiên cứu ra tất cả các thị trường tài chính. Tuy nhiên, do mục tiêu ban đầu chỉ là thị trường tương lai nên rất nhiều tài liệu về thị trường chứng khoán đã được bổ sung vào.

Đã có thêm ba chương được bổ sung. Hai chương trước về đồ thị điểm và hình (Chương 11 và 12) đã được ghép thành một. Chương 12 là chương mới về đồ thị hình nến. Hai chương bổ sung cũng được lồng vào cuối cuốn sách. Chương 17 giới thiệu về phân tích liên thị trường.

Chương 18 nói về những chỉ báo thị trường chứng khoán. Chúng tôi thay thế những phụ lục cũ bằng những cái mới. Sơ lược thị trường được giới thiệu ở phụ lục B. Một phụ lục khác giới thiệu một số chỉ báo kỹ thuật cao cấp hơn và giải thích cách xây dựng một hệ thống giao dịch kỹ thuật. Ngoài ra cũng có một bảng chú thích.

Tôi chỉnh sửa cuốn sách này trong nỗi băn khoăn vì không cho rằng việc chỉnh sửa một cuốn sách được xem như "kinh điển" là một ý tưởng hay mà chỉ hy vọng mình đã thể hiện nó một cách tốt hơn với cách nhìn nhận vấn đề của một người cầm bút và nhà phân tích có kinh nghiệm. Thông qua cuốn sách, tôi cố gắng thể hiện sự kính trọng đối với môn phân tích kỹ thuật cũng như những chuyên gia phân tích tài năng. Sự thành công trong nghiên cứu cũng như sự cống hiến của họ vào lĩnh vực này đã trở thành một nguồn cảm hứng và niềm an ủi cho tôi. Tôi chỉ hy vọng rằng mình đã làm việc xứng đáng với môn học này và với bản thân họ.



500dong.com

Lời cảm ơn

Người xứng đáng có được danh tiếng nhất trong lần tái bản thứ hai có chỉnh sửa này là Ellen Schneid Cloeman, Tổng biên tập của SimonSchuster. Cô đã thuyết phục được tôi rằng đó là thời điểm thích hợp để chỉnh sửa cuốn *Phân tích kỹ thuật thị trường tương lai* và mở rộng phạm vi của nó. Tôi vui mừng là Ellen đã rất kiên trì trong việc này. Tôi đặc biệt gửi lời cảm ơn đến những người làm việc tại Omega Research đã cung cấp phần mềm đồ thị mà tôi cần, đặc biệt là Gaston Sanchez, người đã dành nhiều thời gian để nói chuyện Điện thoại với tôi. Những đồng tác giả của cuốn sách - Tom Aspray, Dennis Hynes và Fred Schutzman - đã đóng góp chuyên môn vô cùng cần thiết của họ. Ngoài ra, còn có một số nhà phân tích cũng đóng góp vào phần đồ thị như Micheal Burke, Stan Ehrlich, Jerry Toeke, Ken Tower và Nick Van Nice. Phiên bản sửa đổi của Chương 2 về lý thuyết Dow là một nỗ lực hợp tác với Elyce Picciotti, một chuyên gia độc lập về phân tích kỹ thuật đồng thời là nhà tư vấn thị trường tại New Orleans, Louisiana. Greg Morris xứng đáng được nhắc đến một cách đặc biệt. Anh đã viết chương đồ thị hình nền, đóng góp vào phụ lục D và thực hiện hầu hết các công việc về đồ thị. Fred Dahl từ công ty Inkwell Publishing Services (Fishkill, New York), người đã chịu trách nhiệm về việc xuất bản phiên bản đầu tiên của cuốn sách, cũng đã có công trong khâu thực hiện cuốn sách này. Thật tuyệt vì lần này tôi lại có cơ hội được làm việc với anh.

CHƯƠNG 1

Triết lý của phân tích kỹ thuật

GIỚI THIỆU

Trước khi bắt đầu nghiên cứu về các công cụ và kỹ thuật được sử dụng trong phân tích kỹ thuật hiện nay, đầu tiên chúng ta cần đưa ra định nghĩa về phân tích kỹ thuật, thảo luận về các tiền đề khoa học của phân tích kỹ thuật, phác họa một số khác biệt rõ ràng giữa phân tích kỹ thuật và phân tích cơ bản đồng thời nêu ra một số chỉ trích thường đả động đến liên quan đến phương pháp phân tích này.

Tác giả có một niềm tin mạnh mẽ rằng toàn bộ đánh giá về phương pháp phân tích kỹ thuật phải được bắt nguồn từ việc hiểu biết rõ ràng về những gì mà phân tích kỹ thuật có thể mang lại, thậm chí quan trọng hơn có thể là việc hiểu về các triết lý hay các yếu tố căn bản để chúng ta khẳng định điều đó.

Trước tiên, chúng ta hãy xác định mục tiêu. Phân tích kỹ thuật là nghiên cứu về các biến động của thị trường, chủ yếu thông qua việc sử dụng các đồ thị, nhằm dự đoán các xu hướng giá trong tương lai. Thuật ngữ "biến động thị trường" bao gồm ba nguồn thông tin cơ bản có sẵn - giá, khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán (open interest). (Số lượng hợp đồng chưa tất toán chỉ được sử dụng trong giao

dịch tương lai và giao dịch quyền chọn). Vốn thường được sử dụng, thuật ngữ "biến động giá" dường như quá hạn hẹp vì hầu hết các nhà phân tích kỹ thuật đều xem khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán như là một phần cần thiết trong phân tích thị trường của mình. Do điểm khác biệt này, các thuật ngữ "biến động giá" và "biến động thị trường" có thể được dùng để hoán đổi cho nhau trong suốt phần còn lại của cuốn sách này.

TRIẾT LÝ HAY YẾU TỐ CĂN BẢN

Phương pháp phân tích kỹ thuật được dựa trên cơ sở nền tảng của ba tiền đề:

1. Biến động thị trường phản ánh tất cả.
2. Giá dịch chuyển theo xu hướng.
3. Lịch sử sẽ tự lặp lại.

Biến động thị trường phản ánh tất cả

Có lẽ, nhận định "biến động thị trường phản ánh tất cả" tạo nên tất cả những gì được xem là cơ sở nền tảng của phân tích kỹ thuật. Nếu như tầm quan trọng của tiền đề thứ nhất chưa được hiểu và chấp nhận một cách trọn vẹn thì tất cả các tiền đề còn lại sẽ chẳng có ý nghĩa gì. Chuyên gia phân tích kỹ thuật tin rằng, bất cứ thứ gì mang tính cơ bản, chính trị, tâm lý hay những yếu tố khác đều có thể tác động đến giá cả và chúng được phản ánh qua giá của thị trường đó. Vì thế, người ta cho rằng việc nghiên cứu về biến động giá là tất cả những gì mà chúng ta cần. Mặc dù việc khẳng định điều này dường như là khá táo bạo song rất khó để phản bác nếu chúng ta dành thời gian để xem xét ý nghĩa thực sự của nó.

Tất cả những gì mà chuyên gia phân tích kỹ thuật khẳng định chính là việc biến động giá sẽ phản ánh sự thay đổi trong cung và cầu. Nếu cầu vượt cung, giá sẽ tăng. Nếu cung vượt cầu, giá sẽ giảm. Biến động này là nền tảng của tất cả các dự đoán cơ bản và kinh tế. Sau đó, các

chuyên gia phân tích kỹ thuật sẽ đi đến một kết luận là khi giá tăng thì dù với bất kỳ lý do nào, cầu cũng sẽ vượt cung và các yếu tố cơ bản cũng tăng. Nếu giá giảm, các yếu tố cơ bản sẽ theo xu hướng giảm. Dẫn giải cuối cùng này dường như không hề khiến chúng ta ngạc nhiên trong phạm vi thảo luận về phân tích kỹ thuật. Sau cùng, chuyên gia phân tích kỹ thuật nghiên cứu về phân tích cơ bản một cách gián tiếp. Hầu hết các nhà phân tích kỹ thuật đều đồng ý rằng động lực chính của cung và cầu - các yếu tố kinh tế căn bản - là căn nguyên của thị trường tăng hoặc giảm. Bản thân các đồ thị không hề khiến cho thị trường dịch chuyển lên xuống mà chỉ đơn thuần phản ánh tâm lý tăng hoặc giảm của thị trường.

Trong phần lớn các trường hợp, bản thân những người sử dụng đồ thị không quan tâm đến lý do tại sao giá tăng hay giảm. Thường thì trong những giai đoạn đầu của một xu hướng giá hay ở những điểm chuyển đổi quan trọng, dường như không ai biết được chính xác tại sao thị trường lại đang thể hiện một chiều hướng nào đó. Trong khi đó, đôi lúc cách tiếp cận kỹ thuật dường như lại đơn giản quá mức, và lô-gic ẩn sau tiền đề này - thị trường phản ánh mọi thứ - càng trở nên thuyết phục hơn. Hệ quả là, nếu những gì ảnh hưởng đến giá thị trường đều được phản ánh trong đó thì việc nghiên cứu về giá thị trường là tất cả những gì chúng ta cần làm. Bằng việc nghiên cứu các đồ thị giá và hàng loạt các chỉ báo kỹ thuật hỗ trợ khác, người sử dụng đồ thị thường tìm hiểu xem nên đi theo xu hướng nào là tốt nhất thông qua các thông tin từ thị trường. Người sử dụng đồ thị không cần phải cố gắng tỏ ra "khôn" hơn thị trường. Hầu hết các công cụ kỹ thuật được đề cập dưới đây đều là những công cụ đơn giản để hỗ trợ người sử dụng đồ thị trong quá trình nghiên cứu biến động thị trường. Người sử dụng đồ thị hiểu rằng có những lý do khiến thị trường tăng hoặc giảm. Họ không tin rằng việc nhận diện được các nguyên nhân này là điều cần thiết trong quá trình dự đoán thị trường.

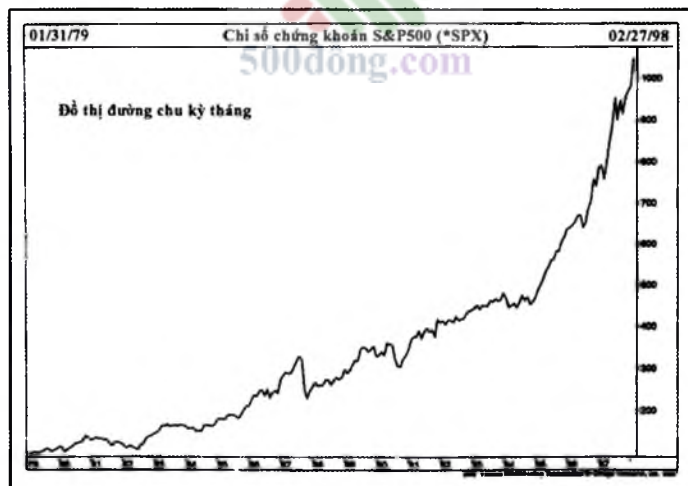
Giá di chuyển theo xu hướng

Khái niệm xu hướng đóng vai trò rất quan trọng trong phương pháp

HOC CHUNG KHOAN tại: www.500dong.com / ([facebook.com/Ngocbui000000](https://www.facebook.com/Ngocbui000000))

phân tích kỹ thuật. Một lần nữa, bạn không cần phải tiếp tục đọc cuốn sách này trừ khi chấp nhận giả thuyết rằng thị trường dịch chuyển theo xu hướng. Mục đích của việc vẽ đồ thị biến động giá là để xác định các xu hướng trong giai đoạn phát triển ban đầu và giao dịch theo những hướng đó. Trên thực tế, về bản chất, phần lớn các kỹ thuật được sử dụng trong phương pháp này đều phục vụ cho việc giao dịch theo xu hướng, nghĩa là mục đích của chúng nhằm xác định và đi theo các xu hướng hiện tại (Xem hình 1.1.)

Có một hệ quả tất yếu đối với giả thuyết rằng giá di chuyển theo xu hướng - *một xu hướng chuyển động có khả năng sẽ tiếp tục hơn là đổi chiều*. Tất nhiên, đây là một hệ quả rút ra từ định luật thứ nhất của Newton về sự chuyển động. Một cách khác để phát biểu lại định luật này là: *một xu hướng đang di chuyển sẽ tiếp tục theo hướng hiện tại cho đến khi nó đổi chiều*. Đây là một tuyên bố khác trong số những tuyên bố mà



Hình 1.1 Ví dụ về một xu hướng tăng. Phân tích kỹ thuật dựa vào giả thuyết là các thị trường đi theo xu hướng và những xu hướng đó có khuynh hướng tiếp diễn.

phân tích kỹ thuật thừa nhận rằng mọi thứ đều tuần hoàn. Toàn bộ cách tiếp cận theo xu hướng là nhằm đi theo xu hướng hiện tại cho đến khi có tín hiệu đảo chiều.

Lịch sử tự lặp lại

Phần lớn nội dung của quá trình phân tích kỹ thuật và nghiên cứu về biến động thị trường đều có liên quan đến nghiên cứu tâm lý con người. Chẳng hạn như các mẫu đồ thị, vốn được nhận diện và phân loại hơn một thế kỷ nay, đã phản ánh những sự việc nhất định xuất hiện trên các đồ thị giá. Những sự việc này cho thấy tâm lý đi theo xu hướng tăng hoặc giảm của thị trường. Vì đã từng hoạt động khá tốt trong quá khứ nên những mô hình này được cho rằng sẽ tiếp tục hoạt động tốt trong tương lai. Các mô hình này được dựa trên những nghiên cứu về tâm lý con người - thứ vốn có xu hướng không thay đổi. Nói cách khác, tiền đề cuối cùng này - lịch sử tự lặp lại - là chìa khóa cho việc hiểu được tương lai đang ẩn dưới những nghiên cứu trong quá khứ, hay có thể hiểu rằng tương lai chỉ là sự lặp lại của quá khứ.

DỰ ĐOÁN BẰNG PHÂN TÍCH CƠ BẢN SO VỚI DỰ ĐOÁN BẰNG PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Trong khi phân tích kỹ thuật tập trung vào việc nghiên cứu những biến động của thị trường, thì phân tích cơ bản lại tập trung vào các nguồn lực kinh tế về cung và cầu - vốn là các nguyên nhân khiến giá tăng cao hơn, thấp hơn, hoặc không thay đổi. Phương pháp phân tích cơ bản nghiên cứu tất cả các yếu tố liên quan có tác động đến giá thị trường nhằm xác định giá trị thực chất của thị trường đó. Giá trị thực chất là những gì thực sự đáng giá thông qua phân tích cơ bản và được dựa trên luật cung cầu. Nếu giá trị thực chất này nằm dưới giá trị hiện tại của thị trường, thì thị trường sẽ được định giá cao và cần được bán ra. Nếu giá thị trường thấp hơn giá trị thực chất thì thị trường sẽ được định giá thấp và cần được mua vào.

Cả hai phương pháp dự đoán thị trường đều nhằm giải quyết một vấn đề - xác định xu hướng di chuyển của giá. Chúng chỉ tiếp cận vấn đề theo những hướng khác nhau mà thôi. *Chuyên gia phân tích cơ bản nghiên cứu nguyên nhân khiến thị trường thay đổi, trong khi nhà phân tích kỹ thuật lại nghiên cứu kết quả của thị trường.* Dĩ nhiên, các chuyên gia phân tích kỹ thuật tin rằng kết quả là tất cả những gì mà họ muốn hoặc cần biết và mọi lý do hay nguyên nhân đều không cần thiết, trong khi đó, các nhà phân tích thông tin cơ bản lại luôn phải biết nguyên nhân vì sao.

Hầu hết các nhà giao dịch đều tự coi mình như những chuyên gia phân tích kỹ thuật hoặc phân tích cơ bản. Tuy nhiên, trên thực tế lại xuất hiện nhiều chông chéo. Nhiều chuyên gia phân tích cơ bản có kiến thức nhất định về nguyên lý phân tích đồ thị. Tương tự, nhiều nhà phân tích kỹ thuật cũng có những am hiểu nhất định về phân tích cơ bản. Vấn đề là các đồ thị và các thông tin cơ bản lại thường mâu thuẫn với nhau. Thường thì vào thời điểm bắt đầu diễn ra những biến động quan trọng trên thị trường, các thông tin cơ bản không hỗ trợ hoặc giải thích về những gì mà thị trường cần làm. Và chính trong những thời điểm này, dường như hai phương pháp phân tích mới tỏ rõ được sự khác biệt. Thông thường, chúng sẽ quay trở lại hòa hợp ở một vài điểm, nhưng lúc này lại quá trễ để các nhà giao dịch có thể hành động.

Lời giải thích cho những vấn đề có vẻ trái ngược nhau này là do giá cả thị trường có khuynh hướng dẫn dắt các thông tin cơ bản đã biết. Nói cách khác, giá thị trường đóng vai trò như một chỉ báo chủ đạo cho các thông tin cơ bản hay hiểu biết thông thường tại một thời điểm tức thời. Trong khi các nguồn tin cơ bản đã biết bị xem nhẹ và hiện hữu "trên thị trường", thì hiện tại giá lại đang phản ứng với các thông tin cơ bản chưa được biết. Một vài trong số các thị trường giá lên hoặc giá xuống đột ngột trong quá khứ đã bắt đầu với một ít thay đổi hoặc thậm chí là không hề có sự thay đổi nào trong các thông tin cơ bản. Ngay khi người ta nhận ra những thay đổi này thì xu hướng mới lại đang tiến triển tốt đẹp.

Sau một thời gian, chuyên gia phân tích kỹ thuật mới cũng cố được khả năng đọc đồ thị của mình. Anh ta/cô ta sẽ học cách hòa nhập với tình huống khi biến động thị trường mâu thuẫn với cái gọi là hiểu biết thông thường. Nhà phân tích kỹ thuật bắt đầu thích thú với việc trở thành thành viên của nhóm thiểu số. Anh ta/cô ta hiểu rằng, cuối cùng thì những nguyên nhân gây ra biến động thị trường cũng sẽ trở thành kiến thức thông thường. Chỉ có điều là nhà phân tích kỹ thuật chẳng sẵn lòng để chờ đợi sự xác nhận bổ sung.

Trong quá trình thừa nhận các giả thuyết của phân tích kỹ thuật, chúng ta có thể hiểu được tại sao các nhà phân tích kỹ thuật lại tin rằng phương pháp phân tích của mình lại vượt trội hơn so với các chuyên gia phân tích cơ bản. Nếu một nhà giao dịch phải chọn lựa một trong hai cách tiếp cận thì phân tích kỹ thuật sẽ là lựa chọn hợp lý bởi theo định nghĩa, phương pháp phân tích kỹ thuật đã bao gồm cả phân tích cơ bản. Nếu các thông tin cơ bản được phản ánh trong giá thị trường thì việc nghiên cứu những thông tin cơ bản này là không cần thiết. Việc đọc đồ thị trở thành hình thức rút ngọn của khâu phân tích cơ bản. Tuy nhiên, điều ngược lại thì không đúng. Phân tích cơ bản không bao gồm việc nghiên cứu biến động giá. Để giao dịch trên các thị trường tài chính, chúng ta có thể chỉ cần sử dụng phương pháp phân tích kỹ thuật. Nếu có một ai đó giao dịch chỉ với việc nghiên cứu các thông tin cơ bản mà không hề xem xét khía cạnh kỹ thuật của thị trường thì đó quả là điều đáng ngờ.

PHÂN TÍCH VÀ VIỆC TÍNH TOÁN THỜI ĐIỂM

Điểm cuối cùng này sẽ trở nên rõ ràng hơn nếu quá trình ra quyết định được chia thành hai giai đoạn khác nhau - phân tích và tính toán thời điểm. Vì các thị trường tương lai có tỷ lệ đòn bẩy cao nên việc tính toán thời điểm là một yếu tố đặc biệt quan trọng trong lĩnh vực này. Chúng ta hoàn toàn có khả năng bị thua lỗ trong khi vẫn đi theo xu hướng chung của thị trường. Vì các yêu cầu ký quỹ là rất thấp trong giao dịch tương lai (thường là dưới 10%), nên một sự dịch chuyển nhỏ sai xu

hướng có thể khiến các nhà giao dịch "văng" khỏi thị trường và cháy túi hoặc "nướng" gần hết khoản kỳ quỹ. Ngược lại, khi giao dịch trên thị trường chứng khoán, nếu nhận ra mình đang đi ngược hướng thị trường thì một nhà đầu tư chỉ cần quyết định đơn giản là giữ lại cổ phiếu, và hy vọng thị trường sẽ quay lại vào một thời điểm nào đó.

Các nhà giao dịch tương lai thì không có được sự thoải mái đó. Chiến lược "mua và nắm giữ" không được áp dụng trên thị trường tương lai. Cả hai phương pháp phân tích kỹ thuật và cơ bản đều có thể được sử dụng trong giai đoạn đầu - quá trình dự đoán. Tuy nhiên, vấn đề xác định thời điểm, nghĩa là xác nhận thời điểm cụ thể để tham gia và thoát khỏi thị trường, lại hoàn toàn thuộc về phân tích kỹ thuật. Do đó, sau khi xem xét các bước mà nhà giao dịch cần thực hiện trước khi đặt lệnh thị trường, chúng ta có thể thấy rằng việc áp dụng đúng các nguyên tắc kỹ thuật sẽ trở nên hết sức cần thiết tại một số điểm trong tiến trình này, ngay cả khi phân tích cơ bản đã được áp dụng trong những giai đoạn đầu của quyết định. Việc tính toán thời điểm cũng hết sức quan trọng trong việc lựa chọn cổ phiếu riêng biệt cũng như trong việc mua hoặc bán trên thị trường chứng khoán và các nhóm ngành.

TÍNH LINH ĐỘNG VÀ KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG CỦA PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Một trong những thế mạnh to lớn của phân tích kỹ thuật là khả năng thích ứng với hầu hết mọi môi trường và khung thời gian giao dịch. Quy tắc này được áp dụng cho bất kỳ lĩnh vực giao dịch nào, kể cả thị trường chứng khoán lẫn thị trường tương lai.

Người sử dụng đồ thị có thể theo đuổi nhiều thị trường nếu muốn, trong khi điều đó lại không phù hợp với các chuyên gia phân tích cơ bản. Do thường phải xử lý một lượng lớn các dữ liệu được cập nhật nên hầu hết các chuyên gia phân tích cơ bản có khuynh hướng chuyên về một lĩnh vực hẹp. Và chúng ta không nên bỏ qua lợi thế này.

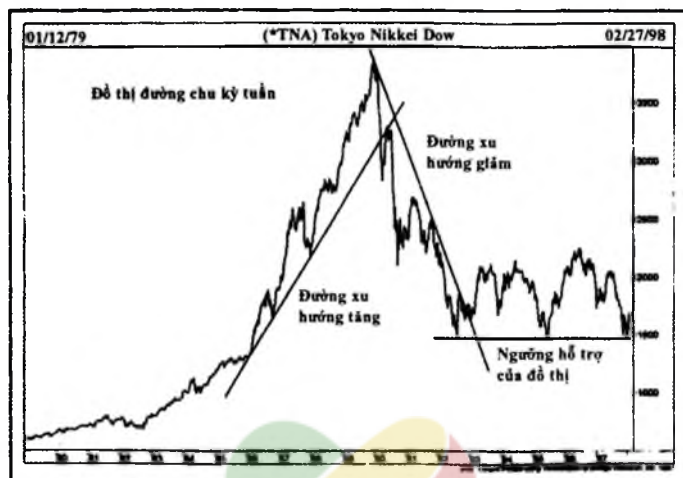
Có một điều là các thị trường sẽ trải qua những thời kỳ biến động

mạnh và trầm lắng, những giao đoạn theo xu hướng và không xu hướng. Nhà phân tích kỹ thuật có thể tập trung sự chú ý và các nguồn lực của mình vào những thị trường thể hiện các xu hướng biến động mạnh và bỏ qua các thị trường còn lại. Do vậy, những người sử dụng đồ thị có thể luân chuyển sự chú ý và nguồn lực nhằm tận dụng bản chất luân chuyển của các thị trường. Tại những thời điểm khác nhau, các thị trường vững chắc sẽ "nóng" lên và trải nghiệm những xu hướng quan trọng. Thông thường, theo sau các giai đoạn theo xu hướng này là những điều kiện thị trường tĩnh lặng và thiếu vắng xu hướng trong khi các thị trường hay các nhóm khác lại đang tiếp tục. Nhà giao dịch theo phương pháp kỹ thuật có thể thoải mái lựa chọn. Tuy nhiên, với khả năng chuyên môn hóa chỉ trong phạm vi một nhóm, nhà phân tích theo phương pháp cơ bản không có được sự linh động như vậy. Ngay cả khi có thể thoải mái chuyển nhóm, một chuyên gia phân tích cơ bản cũng phải vất vả hơn nhiều so với một nhà phân tích kỹ thuật.

Một lợi thế khác của chuyên gia phân tích kỹ thuật chính là việc họ nắm được diễn biến của sự việc. Bằng việc theo dõi tất cả các thị trường, anh ta/cô ta sẽ cảm nhận được rõ ràng những gì đang diễn ra trên thị trường chung, và tránh được tình trạng "éch ngồi đáy giếng" khi chỉ theo dõi một nhóm nhỏ thị trường. Tương tự, vì có rất nhiều thị trường được xây dựng dựa trên các mối quan hệ kinh tế và phản ứng với các yếu tố kinh tế giống nhau, sự biến động giá trên một thị trường hay một nhóm thị trường có thể sẽ tạo ra những manh mối quan trọng cho các chỉ dẫn tương lai của một thị trường hay một nhóm thị trường khác.

ỨNG DỤNG PHÂN TÍCH KỸ THUẬT TRONG CÁC MÔI TRƯỜNG GIAO DỊCH KHÁC NHAU

Các nguyên tắc phân tích đồ thị được áp dụng cho cả thị trường *chứng khoán* lẫn thị trường *tương lai*. Trên thực tế, phân tích kỹ thuật được áp dụng trước tiên ở thị trường chứng khoán và sau đó mới được ứng dụng vào thị trường tương lai. Với sự khai tâm của *các hợp đồng tương lai*



Hình 1.2 Thị trường chứng khoán Nhật Bản

chỉ số, ranh giới giữa hai thị trường này đang nhanh chóng biến mất. Các thị trường chứng khoán quốc tế cũng được lập đồ thị và phân tích theo các nguyên lý kỹ thuật. (Xem hình 1.2.)

Thị trường tài chính tương lai, bao gồm thị trường lãi suất và thị trường ngoại hối, đã trở nên vô cùng phổ biến trong hơn một thập kỷ qua và đã trở thành đối tượng hoàn hảo cho việc phân tích đồ thị.

Các nguyên tắc kỹ thuật đóng một vai trò quan trọng trong giao dịch quyền chọn. Việc dự báo bằng phân tích kỹ thuật cũng có thể được tận dụng triệt để trong quy trình phòng ngừa rủi ro.

ỨNG DỤNG PHÂN TÍCH KỸ THUẬT TRONG CÁC KHUNG THỜI GIAN KHÁC NHAU

Một thế mạnh khác của phương pháp phân tích đồ thị là ta có thể vận dụng nó trong các khung thời gian khác nhau. Cho dù người sử dụng có đang giao dịch với sự thay đổi liên tục theo mục tiêu kinh doanh ngày hay giao dịch theo kiểu xu hướng trung gian thì các nguyên tắc

tương tự cũng sẽ được áp dụng Chiều thời gian mà người ta thường bỏ qua chính là việc *dự bằng phân tích kỹ thuật dài hạn hơn*. Quan điểm của một số người cho rằng đồ thị chỉ hữu dụng trong ngắn hạn đơn giản là không chính xác. Một số quan điểm khác lại cho rằng phân tích cơ bản nên được sử dụng cho việc dự báo dài hạn kết hợp với các yếu tố kỹ thuật dùng cho việc tính toán thời gian trong ngắn hạn. Sự thật là, với việc sử dụng các đồ thị tuần và tháng thể hiện dữ liệu của nhiều năm trước, dự báo bằng phân tích kỹ thuật theo phạm vi dài hạn đã cho thấy đây là sự ứng dụng rất hiệu quả của các kỹ thuật nói trên.

Một khi được thấu hiểu, các nguyên lý kỹ thuật được đề cập trong cuốn sách này sẽ tạo ra sự linh động cho người sử dụng, như cách thức ứng dụng chúng từ quan điểm môi trường được phân tích lần chiều thời gian được nghiên cứu.

DỰ BÁO KINH TẾ

Phân tích kỹ thuật có thể đóng vai trò trong việc dự đoán kinh tế. Ví dụ, chiều hướng giá hàng hóa tiêu dùng cho ta biết điều gì đó về khả năng lạm phát. Chúng cũng chỉ ra manh mối về sự tăng trưởng hay suy yếu của nền kinh tế. Nhìn chung, giá hàng hóa tăng ám chỉ nền kinh tế đang tăng trưởng và áp lực lạm phát đang gia tăng. Giá hàng hóa giảm thường là sự cảnh báo về sự suy yếu của nền kinh tế cùng khả năng lạm phát. Xu hướng của hàng hóa tiêu dùng tác động đến chiều hướng lãi suất. Do đó, đồ thị của các thị trường hàng hóa như vàng và dầu cùng Trái phiếu Chính phủ có thể cho chúng ta biết nhiều điều về sự tăng trưởng hay suy yếu của nền kinh tế và dự báo mức độ tăng giá do lạm phát gây nên. Chiều hướng giá đồng đô-la Mỹ và thị trường ngoại hối tương lai cũng cung cấp những chỉ dẫn sớm sủa về sự tăng trưởng hay suy yếu của các nền kinh tế tương ứng trên toàn cầu. Điều ấn tượng hơn cả là việc các xu hướng trong những thị trường tương lai thường xuất hiện khá lâu trước khi được phản ánh trên các chỉ số kinh tế truyền thống vốn được công bố theo tháng hoặc quý, và các xu hướng này thường cho ta biết những gì vừa xảy ra. Như trên của chúng cho thấy,

thị trường tương lai thường cho ta biết về tương lai. Trong một thời gian dài, chỉ số thị trường chứng khoán S&P 500 được chính thức xem như là một chỉ báo kinh tế chủ đạo. "*Các chỉ báo chủ đạo của thập niên 90*" (*Leading Indicators for the 1990s*) - một cuốn sách được viết bởi một trong những chuyên gia hàng đầu của Mỹ trong lĩnh vực chu kỳ kinh tế - đã đưa ra một tình huống thuyết phục về tầm quan trọng của các xu hướng hàng hóa, trái phiếu và chứng khoán như là các chỉ báo kinh tế. Cả ba thị trường có thể được nghiên cứu thông qua việc phân tích kỹ thuật ứng dụng. Chúng ta sẽ nói nhiều hơn về vấn đề này trong Chương 17, "Sự liên kết giữa thị trường chứng khoán và thị trường tương lai".

NHÀ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT HAY NGƯỜI SỬ DỤNG ĐỒ THỊ?

Các nhà nghiên cứu phương pháp phân tích kỹ thuật được nhắc đến với nhiều tên gọi khác nhau: nhà phân tích kỹ thuật, người sử dụng đồ thị, chuyên gia phân tích thị trường và nhà phân tích trực quan. Gần đây, tất cả những danh xưng này đều có nghĩa giống nhau. Tuy nhiên, cùng với tính chuyên môn hóa ngày càng gia tăng trong lĩnh vực này, đã đến lúc chúng ta cần phải phân biệt và xác định các thuật ngữ này một cách cẩn thận hơn. Vì trong cả thập kỷ qua, gần như tất cả các nhà phân tích kỹ thuật đều sử dụng đồ thị, nên thuật ngữ "nhà phân tích kỹ thuật" và "người sử dụng đồ thị" đều có nghĩa như nhau. Vậy nhưng, điều này giờ đây đã không còn đúng nữa.

Những lĩnh vực phổ biến hơn của phân tích kỹ thuật đang được phân chia thành hai kiểu người thực hiện - người sử dụng đồ thị truyền thống, và chuyên gia phân tích kỹ thuật thống kê. Phải thừa nhận rằng có nhiều chỗ chèo ở đây và hầu hết các nhà phân tích kỹ thuật đều kết hợp cả hai lĩnh vực lại trong một mức độ nào đó. Ở tình huống của nhà phân tích kỹ thuật trong sự đối sánh với chuyên gia phân tích cơ bản, hầu như tất cả họ đều rơi vào hoặc loại này hoặc loại kia.

Cho dù nhà phân tích đồ thị truyền thống có sử dụng phương pháp định lượng để hỗ trợ cho phân tích của mình hay không thì các đồ thị

vẫn là công cụ làm việc chính của họ. Tất cả mọi điều khác chỉ đóng vai trò thứ yếu. Việc lập đồ thị vẫn còn một chút gì đó khá chủ quan dù rất cần thiết. Sự thành công của phương pháp này chủ yếu phụ thuộc vào kỹ năng cá nhân của từng người sử dụng đồ thị. Thuật ngữ "nghệ thuật lập đồ thị" được áp dụng cho phương pháp này bởi việc đọc đồ thị cũng được coi là một nghệ thuật.

Ngược lại, các nhà phân tích kỹ thuật thống kê hay phân tích định lượng lại thực hiện các nguyên tắc chủ quan này với việc xác định số lượng, kiểm tra và đánh giá chúng một cách lạc quan nhằm phát triển các hệ thống giao dịch tự động. Sau đó, các hệ thống, hay các mô hình giao dịch này được lập trình trên máy tính và máy tính sẽ tạo ra những tín hiệu "mua" và "bán". Những hệ thống này được sắp xếp từ đơn giản đến rất phức tạp. Tuy nhiên, mục đích ở đây là nhằm giảm bớt hoặc loại trừ hoàn toàn yếu tố chủ quan của con người trong giao dịch, khiến cho việc nghiên cứu mang tính khoa học hơn. Các nhà phân tích kỹ thuật thống kê này có thể có hoặc không sử dụng đồ thị giá trong công việc của mình, nhưng cho đến khi nào công việc của họ còn giới hạn trong lĩnh vực nghiên cứu các biến động thị trường thì họ vẫn được xem như là các nhà phân tích kỹ thuật.

Ngay cả khái niệm chuyên gia kỹ thuật máy tính cũng có thể được chia nhỏ thành nhóm bao gồm những người thích sử dụng hệ thống máy móc, hay còn gọi là cách tiếp cận "hộp đen", và nhóm những người sử dụng công nghệ máy tính để phát triển các chỉ báo kỹ thuật tốt hơn. Nhóm sau duy trì việc kiểm soát các diễn giải các chỉ báo đó cũng như quá trình ra quyết định.

Một phương pháp nữa để phân biệt sự khác nhau giữa nhà sử dụng đồ thị và nhà phân tích kỹ thuật thống kê là nhận định cho rằng tất cả các nhà sử dụng đồ thị đều là nhà phân tích kỹ thuật nhưng không phải nhà phân tích kỹ thuật nào cũng là nhà sử dụng đồ thị. Mặc dù trong cuốn sách này, những thuật ngữ trên có thể được sử dụng hoán đổi cho nhau, nhưng cũng nên nhớ rằng việc sử dụng đồ thị chỉ thể hiện một phạm vi của một chủ đề rộng lớn hơn trong phân tích kỹ thuật.

SO SÁNH NGẮN GỌN GIỮA PHÂN TÍCH KỸ THUẬT TRONG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ TRONG THỊ TRƯỜNG TƯƠNG LAI

Một câu hỏi thường được đặt ra là liệu khi được ứng dụng trong thị trường tương lai, phân tích kỹ thuật có được áp dụng giống như trong thị trường chứng khoán hay không. Câu trả lời là cả có lẫn không. Các nguyên lý cơ bản đều giống nhau, nhưng ở đây có một vài điểm khác biệt cần lưu ý. Các nguyên lý của phân tích kỹ thuật được áp dụng đầu tiên cho việc dự đoán thị trường chứng khoán và sau đó mới được áp dụng cho thị trường tương lai. Hầu hết các công cụ cơ bản - ví dụ như các đồ thị hình thanh, các đồ thị điểm và hình, các mô hình giá, khối lượng, các đường xu hướng, bình quân di động và các chỉ số - đều được sử dụng cho cả hai lĩnh vực. Những ai đã từng nghiên cứu các khái niệm này trong thị trường chứng khoán hay thị trường tương lai đều không gặp quá nhiều vấn đề trong việc điều chỉnh chúng trong các thị trường còn lại. Tuy nhiên, có một vài điểm khác biệt chung cần được giải quyết cùng với những điểm khác biệt tự nhiên của thị trường chứng khoán và thị trường tương lai hơn là với chính bản thân các công cụ.

Cấu trúc giá

Cấu trúc giá trên thị trường tương lai phức tạp hơn so với thị trường chứng khoán. Mỗi mặt hàng được định giá theo các đơn vị và số gia khác nhau. Ví dụ, các thị trường ngũ cốc được định giá theo công thức cents/gia (1 gia tương đương khoảng 36 lít), các thị trường súc sản lại được định giá theo cents/pound, vàng và bạc thì được định giá theo USD/ounce, còn thị trường lãi suất thì được định giá dựa trên điểm cơ bản. Các nhà giao dịch phải nghiên cứu chi tiết hợp đồng của mỗi thị trường: hợp đồng được giao dịch dựa trên loại ngoại hối nào, mỗi hợp đồng được định giá ra sao, mức lời lãi tối đa và tối thiểu là bao nhiêu, và những khoản lãi lãi này có bổ công hay không.

Thời gian tồn tại có hạn

Không giống thị trường chứng khoán, các hợp đồng tương lai đều có ngày đáo hạn. Ví dụ, một hợp đồng Trái phiếu kỳ hạn tháng 3/1999 sẽ đáo hạn vào tháng 3/1999. Một hợp đồng tương lai điển hình sẽ được giao dịch trong khoảng một năm rưỡi trước khi đáo hạn. Do đó, tại bất kỳ một thời điểm nào, ít nhất nửa tá hợp đồng cho các tháng khác nhau của cùng một loại hàng hóa đang được giao dịch trong cùng một thời điểm. Các nhà giao dịch cần phải biết những hợp đồng nào nên được giao dịch và những hợp đồng nào thì không nên. (Điều này sẽ được giải thích trong phần sau của cuốn sách này). Yếu tố giới hạn thời gian tồn tại làm phát sinh một số vấn đề trong việc dự đoán giá trong dài hạn. Điều quan trọng là cần phải tiếp tục xem xét các đồ thị mới khi những hợp đồng cũ đã ngừng giao dịch bởi đồ thị của các hợp đồng đã đáo hạn sẽ không còn hữu dụng nữa. Các đồ thị mới của các hợp đồng mới hơn phải được theo dõi cùng với các chỉ báo kỹ thuật của chúng. Sự luân phiên thường xuyên này khiến cho việc duy trì một thư viện đồ thị liên tục trở nên khó khăn hơn nhiều. Đối với những người sử dụng máy tính, nó cũng đòi hỏi nhiều thời gian và chi phí hơn bởi cần phải liên tục thu thập các dữ liệu mới khi các hợp đồng cũ đáo hạn.

Điều kiện ký quỹ thấp hơn

Có lẽ đây là điểm khác biệt quan trọng nhất giữa chứng khoán và các hợp đồng tương lai. Tất cả các hợp đồng tương lai đều được giao dịch dựa trên khoản ký quỹ, thường thấp hơn mức 10% giá trị hợp đồng. Các yêu cầu ký quỹ thấp này tạo ra khả năng đòn bẩy rất lớn. Chỉ một sự biến động khá nhỏ về giá theo bất kỳ hướng nào cũng đều có thể tác động mạnh đến kết quả giao dịch chung. Do đó, ta có thể nhanh chóng kiếm lời hoặc thua lỗ một khoản tiền rất lớn trên thị trường tương lai. Vì một nhà giao dịch chỉ cần ký quỹ 10% trên giá trị hợp đồng, nên chỉ cần một sự xê dịch 10% theo bất kỳ hướng nào cũng đều có thể khiến cho khoản tiền giao dịch của anh ta tăng lên gấp đôi hoặc mất trắng. Bằng cách khuếch đại ảnh hưởng của những biến động nhỏ, đôi khi yếu tố đòn bẩy cao khiến cho thị trường tương lai biến động mạnh hơn so

với bình thường. Chẳng hạn như khi một ai đó nói rằng anh ta/cô ta đã "trắng tay" trên thị trường tương lai, hãy nhớ rằng, trước hết, anh ta/cô ta chỉ kỳ quỹ có 10%.

Từ quan điểm đó của phân tích kỹ thuật, yếu tố đòn bẩy cao khiến cho việc xác định thời gian ở thị trường tương lai trở nên quan trọng hơn so với thị trường chứng khoán. Việc xác định thời gian chính xác để tham gia và thoát khỏi thị trường là yếu tố quyết định trong việc giao dịch trên thị trường tương lai đồng thời sẽ khó khăn hơn cũng như dễ nản hơn so với việc phân tích thị trường. Vì lý do này, kỹ năng giao dịch kỹ thuật trở nên rất cần thiết cho một chương trình giao dịch thành công trong thị trường tương lai.

Khung thời gian ngắn hơn

Do yếu tố đòn bẩy cao cũng như nhu cầu giám sát chặt chẽ các vị thế thị trường nên khung thời gian của nhà giao dịch hàng hóa cần phải ngắn hơn. Các nhà phân tích kỹ thuật trong thị trường chứng khoán có khuynh hướng xem xét những sự việc có tính dài hạn hơn và bàn về các khung thời gian vượt ra ngoài mối quan tâm của nhà giao dịch hàng hóa. Các nhà phân tích kỹ thuật của thị trường chứng khoán có thể nói về vị trí của thị trường trong vòng ba hoặc sáu tháng. Còn các nhà giao dịch trong thị trường tương lai lại muốn biết biết vị trí của giá cả trong tuần tới, ngày mai, hoặc thậm chí có thể là chiều nay. Điều này đòi hỏi phải có sự chọn lọc các công cụ tính toán thời gian rất ngắn hạn. Một ví dụ là đường trung trung bình di động (moving average). Hầu hết các đường trung bình di động thường được quan sát trong chứng khoán là 50 và 200 ngày. Trong thị trường hàng hóa, hầu hết các đường trung bình di động đều dưới 40 ngày. Ví dụ, tổ hợp các đường trung bình di động phổ biến trong thị trường tương lai là 4, 9, và 18 ngày.

Tính toán thời gian - yếu tố tối quan trọng

Việc tính toán thời gian đóng vai trò rất quan trọng trong giao dịch trên thị trường tương lai. Việc tính toán đúng chiều hướng của thị trường chỉ

giúp giải quyết một phần của vấn đề giao dịch. Chỉ cần tính toán muộn một ngày, hay đôi khi chỉ vài phút, bạn sẽ thấy ngay sự khác biệt giữa kẻ chiến thắng và người thua cuộc. Điều này cũng đủ tệ hại khi ta đi sai hướng thị trường và lâm vào cảnh thua lỗ. Việc đi đúng hướng thị trường mà vẫn tiền mất tật mang là một trong những khía cạnh gây thất vọng nhất trong giao dịch trên thị trường tương lai. Tất nhiên, về bản chất, việc xác định thời gian gần như mang tính phân tích kỹ thuật, vì các yếu tố cơ bản hiếm khi thay đổi hàng ngày.

ÍT PHỤ THUỘC HƠN VÀO CHỈ SỐ TRUNG BÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ CÁC CHỈ BÁO

Việc phân tích thị trường chứng khoán chủ yếu dựa vào những biến động của chỉ số trung bình thị trường - chẳng hạn như Chỉ số Bình quân Công nghiệp Dow Jones hay Chỉ số S&P 500. Ngoài ra, các chỉ báo kỹ thuật dùng để đo lường sự tăng trưởng và suy yếu của cả thị trường - chẳng hạn như đường tăng-giảm NYSE hay danh sách các mức cao mới-thấp mới - được sử dụng phổ biến. Trong khi thị trường hàng hóa có thể được theo dõi dựa trên các cách đo lường như Chỉ số giá thị trường tương lai của Cục Nghiên cứu Hàng hóa, người ta ít nhấn mạnh việc tiếp cận thị trường rộng lớn hơn. Việc phân tích thị trường hàng hóa tập trung nhiều hơn vào các biến động của từng thị trường riêng lẻ. Đó là nguyên nhân mà các chỉ báo kỹ thuật dùng để đánh giá các xu hướng hàng hóa tiêu dùng chung sẽ không còn được sử dụng nữa. Với khoảng 20 thị trường hàng hóa hoạt động, nên điều này cũng không cần thiết lắm.

Các công cụ kỹ thuật đặc trưng

Mặc dù khởi đầu được sử dụng cho thị trường chứng khoán và sau đó được ứng dụng trên các thị trường hàng hóa, song hầu hết các công cụ kỹ thuật vẫn không được sử dụng một cách đúng đắn. Ví dụ, các mô hình đồ thị trên các thị trường tương lai thường không có xu hướng định hình đầy đủ như trên các thị trường chứng khoán.

Các nhà giao dịch tương lai phụ thuộc chủ yếu vào các chỉ báo ngắn hạn - những chỉ báo nhấn mạnh các tín hiệu giao dịch chính xác hơn. Những điểm khác biệt này và nhiều điều khác nữa sẽ được nói tới trong phần sau của cuốn sách.

Cuối cùng, còn một điều khác biệt lớn khác giữa các thị trường chứng khoán và các thị trường tương lai. Phân tích kỹ thuật trong thị trường chứng khoán phụ thuộc nhiều vào cách sử dụng các *chỉ báo cảm tính* (*sentiment indicators*) và việc phân tích *luồng tiền quỹ* (*flow of funds*). Các *chỉ báo cảm tính* theo dõi hoạt động của các nhóm khác nhau, chẳng hạn như những nhà giao dịch lẻ (*odd lotters*), các quỹ hỗ tương, và các chuyên gia sản chứng khoán. Điều quan trọng nhất nằm ở các chỉ báo cảm tính - chỉ báo dùng để đo lường sự tăng giảm của các thị trường dựa trên lý thuyết rằng ý kiến của số đông thường là sai. Việc *phân tích luồng tiền quỹ* có liên quan đến vị thế tiền mặt của các nhóm khác nhau, chẳng hạn như các quỹ hỗ tương hoặc các tổ chức quản lý đầu tư tài chính lớn. Người ta nghĩ rằng, vị thế tiền mặt càng lớn thì càng có nhiều quỹ sẵn sàng cho việc mua bán chứng khoán.

Phân tích kỹ thuật trong các thị trường tương lai là một hình thức rõ ràng hơn của việc phân tích giá. Trong khi lý thuyết về quan điểm trái ngược được sử dụng ở một chừng mực nào đó thì điều quan trọng hơn cả nằm ở việc phân tích xu hướng cơ bản cũng như việc ứng dụng các chỉ báo kỹ thuật truyền thống.

MỘT SỐ CHỈ TRÍCH VỀ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Thông thường, một số vấn đề đã được đặt ra trong bất cứ cuộc thảo luận nào về phân tích kỹ thuật. Một trong những điều được quan tâm là *lời tiên đoán tự trở thành hiện thực* (*self-fulfilling prophecy*). Một vấn đề khác là liệu dữ liệu về giá trong quá khứ có thể được sử dụng để dự đoán xu hướng giá trong tương lai hay không. Những người chỉ trích thường đưa ra những bình phẩm đại loại như: “Các đồ thị cho chúng ta biết được thị trường đang ở đâu, nhưng không thể cho chúng ta biết được thị trường đang đi tới đâu.” Bây giờ, chúng ta sẽ trả lời rõ ràng là

một đồ thị sẽ không cho ta biết được điều gì nếu ta không biết cách đọc chúng. Lý thuyết Bước đi Ngẫu nhiên đặt ra giả thuyết rằng liệu giá cả có đi theo xu hướng hay không, và nghi ngại rằng bất cứ kỹ thuật dự đoán cũng có thể đánh bại một chiến lược *mua và nắm giữ* đơn giản. Những vấn đề này cần phải được trả lời.

Lời tiên đoán tự trở thành hiện thực

Vấn đề về việc liệu có hiện diện *lời tiên đoán tự trở thành hiện thực* hay không dường như đang gây ra phiền muộn cho nhiều người vì nó nảy sinh thường xuyên. Tất nhiên đó là một điều đáng được quan tâm, nhưng không phải quá quan trọng như người ta vẫn nghĩ. Có lẽ cách tốt nhất để tìm ra câu trả lời là trích dẫn một đoạn nói về những bất lợi của việc sử dụng các mẫu đồ thị:

a) Việc sử dụng hầu hết các *mẫu đồ thị* đã được công khai rộng rãi trong nhiều năm trước. Nhiều nhà giao dịch khá quen thuộc với những mô hình này và thường xuyên tác động đến chúng một cách hòa hợp. Điều này tạo nên cái gọi là "lời tiên đoán tự trở thành hiện thực" vì những đợt sóng mua vào và bán ra được tạo ra từ các mô hình "tăng" hoặc "giảm"...

b) Các *mẫu đồ thị* gần như mang tính chủ quan hoàn toàn. Chưa có một nghiên cứu nào thành công trong việc định lượng chúng theo phương pháp toán học cả. Chúng chỉ là suy nghĩ của người xem, theo nghĩa đen ... (Teweles và các cộng sự khác.)

Hai quan điểm này đối lập nhau và quan điểm thứ hai thực sự phủ nhận quan điểm đầu tiên. Nếu như các *mẫu đồ thị* mang tính "chủ quan hoàn toàn" và "chỉ là suy nghĩ của người xem", thì quả thật là khó có thể hình dung được cách thức nhìn nhận cùng một sự việc và cùng thời điểm của mỗi người - điều được coi là nền tảng cơ sở của *lời tiên đoán tự trở thành hiện thực*. Các nhà phê bình đồ thị không thể chỉ trích cả hai hướng này. Một mặt, họ không thể vừa chỉ trích tính khách quan và rõ ràng của việc phân tích dựa trên đồ thị, theo đó, mọi người cùng lúc làm theo một cách thức như nhau (do đó dẫn đến mô hình giá được

hoàn thành), trong khi mặt khác lại phê bình tính chủ quan của việc lập đồ thị.

Sự thật là việc lập đồ thị mang tính chủ quan. Việc đọc đồ thị là cả một nghệ thuật. (Có lẽ việc dùng từ "kỹ năng" sẽ hợp lý hơn). Những mẫu đồ thị ít khi rõ ràng đến nỗi ngay cả những nhà phân tích đồ thị kinh nghiệm cũng luôn chỉ biết đồng tình với cách diễn giải thích của chúng. Luôn luôn có sự hiện diện của yếu tố nghi ngờ và bất đồng. Như cuốn sách này cho thấy, có rất nhiều hướng tiếp cận phân tích kỹ thuật và chúng thường khác biệt nhau.

Ngay cả khi đồng tình với quan điểm dự đoán thị trường, phần lớn các nhà phân tích kỹ thuật cũng không nhất thiết phải nhập cuộc cùng một lúc và cùng một cách. Một số cố gắng lường trước tín hiệu trên đồ thị và nhập cuộc sớm hơn, trong khi số khác sẽ mua ở những "điểm phá vỡ" từ một mô hình hay chỉ báo cho trước. Còn số khác nữa sẽ đợi thị trường điều chỉnh giảm sau "điểm phá vỡ" trước khi hành động tiếp. Một số nhà giao dịch xông xáo năng nổ, trong khi số khác lại thận trọng. Một số sử dụng lệnh dừng để gia nhập thị trường, trong khi số khác thích dùng lệnh thị trường hay lệnh nghỉ giới hạn. Một số thích giao dịch dài hạn, trong khi số khác thích giao dịch theo ngày. Do đó, khả năng tất cả các nhà phân tích kỹ thuật hành động cùng một lúc theo cùng một cách thức thực sự là rất mong manh.

Ngay cả khi được coi là mối quan tâm chính, về bản chất, lời tiên đoán tự trở thành hiện thực cũng có thể "tự điều chỉnh". Nói cách khác, các nhà giao dịch sẽ phụ thuộc nhiều vào đồ thị cho đến khi những hành động của họ bắt đầu tác động hay bóp méo thị trường. Một khi nhận ra điều này đang xảy ra, các nhà giao dịch hoặc sẽ ngưng sử dụng đồ thị, hoặc điều chỉnh chiến thuật giao dịch của mình. Chẳng hạn, hoặc họ có thể hành động trước khi đám đông ra quyết định hoặc đợi lâu hơn để có xác nhận rõ ràng. Do đó, ngay cả khi được coi là một vấn đề rắc rối trong tương lai gần, lời tiên đoán tự trở thành hiện thực cũng sẽ có xu hướng tự điều chỉnh.

Cần nhớ rằng, việc các thị trường giá lên và giá xuống chỉ xảy ra và được duy trì khi chúng được điều chỉnh bởi luật cung cầu. Với quyền lực mua bán mong manh của mình, các nhà phân tích kỹ thuật không thể gây ra biến động mạnh trên thị trường. Nếu điều này xảy ra, hẳn các nhà phân tích kỹ thuật sẽ nhanh chóng trở nên giàu có.

Điều được quan tâm nhiều hơn bản thân các nhà phân tích đồ thị là sự phát triển mạnh mẽ trong việc ứng dụng các hệ thống giao dịch kỹ thuật điện toán của thị trường tương lai. Về bản chất, những hệ thống này chủ yếu tuân theo xu hướng, nghĩa là chúng hoàn toàn được lập trình để nhận diện và giao dịch các xu hướng chủ đạo. Với sự tăng trưởng về dòng tiền được quản lý một cách chuyên nghiệp trong thị trường tương lai cũng như sự gia tăng nhanh chóng của các quỹ công và tư trị giá hàng triệu đô-la, trong đó, phần lớn các quỹ này đều sử dụng các hệ thống kỹ thuật nói trên, sự tập trung mạnh mẽ vào thị trường tiền tệ lại chỉ gắn với một số ít xu hướng hiện hữu. Bởi hệ thống thị trường tương lai vẫn còn khá nhỏ nên tiềm năng cho những hệ thống này - những hệ hống làm méo mó biến động giá trong ngắn hạn - vẫn đang phát triển. Tuy nhiên, ngay cả trong trường hợp xảy ra sự bóp méo, về bản chất, chúng vẫn được coi là ngắn hạn và không thể gây ra những biến động mạnh.

Ngay cả vấn đề về những khoản tiền tăng cường có sử dụng các hệ thống kỹ thuật cũng có thể tự điều chỉnh. Nếu tất cả hệ thống bắt đầu hoạt động cùng lúc, các nhà giao dịch sẽ có thể điều chỉnh bằng cách làm cho những hệ thống của họ nhạy cảm hơn hoặc kém nhạy cảm hơn.

Lời tiên đoán tự trở thành hiện thực thường được xem như là một sự chỉ trích việc phân tích đồ thị. Nếu đây là một lời khen thì có vẻ phù hợp hơn. Sau cùng, để trở nên phổ biến và có thể tác động đến các khả năng có thể xảy ra, bất kỳ kỹ thuật dự đoán nào cũng đều phải tương đối ổn. Liên quan đến việc sử dụng các phân tích cơ bản, chúng ta chỉ có thể suy đoán rằng tại sao vấn đề này lại hiếm khi được đặt ra.

Có thể dựa vào quá khứ để dự đoán tương lai không?

Một vấn đề khác thường được đưa ra có liên quan đến hiệu lực của việc sử dụng các dữ liệu về giá trong quá khứ nhằm dự đoán tương lai. Thật ngạc nhiên là làm thế nào mà các nhà phê bình về phân tích kỹ thuật lại nêu ra quan điểm này khi mà mọi phương pháp dự đoán, từ việc dự báo thời tiết đến phân tích kỹ thuật, đều hoàn toàn dựa vào việc nghiên cứu các dữ liệu quá khứ. Vậy thì họ làm việc với loại dữ liệu nào ở đây?

Lĩnh vực thống kê tạo ra sự khác biệt giữa *thống kê diễn dịch* (*descriptive statistics*) và *thống kê quy nạp* (*inductive statistics*). *Thống kê diễn dịch* liên quan đến việc thể hiện dữ liệu bằng đồ họa, chẳng hạn như dữ liệu giá trên một đồ thị đường kẻ chuẩn. *Thống kê quy nạp* liên quan đến việc khái quát, dự đoán, hay ngoại suy từ dữ liệu cho trước. Do đó, tự bản thân đồ thị giá là một sự diễn dịch, trong khi sự thể hiện của những nhà phân tích kỹ thuật dựa trên dữ liệu giá đó lại rơi vào lĩnh vực quy nạp.

Một nội dung thống kê được thể hiện như thế này, “Bước đầu tiên trong việc dự đoán tương lai kinh doanh hay kinh tế bao gồm việc thu thập những điều quan sát được từ quá khứ.” (Freund và Williams) Phân tích đồ thị chỉ là một hình thức khác của việc *phân tích chuỗi thời gian* (*time series analysis*) và được dựa trên việc nghiên cứu quá khứ, điều chắc chắn đã xảy ra dưới mọi hình thức của việc phân tích chuỗi thời gian. Kiểu dữ liệu duy nhất mà bất cứ ai cũng phải dựa vào là dữ liệu về quá khứ. Chúng ta chỉ có thể ước đoán tương lai bằng cách chiếu những kinh nghiệm quá khứ vào tương lai.

Do đó, dường như việc ứng dụng dữ liệu giá của quá khứ để dự đoán tương lai trong phân tích kỹ thuật được dựa vào những khái niệm thống kê có cơ sở. Nếu từng thắc mắc về khía cạnh này của dự đoán kỹ thuật, chúng ta cũng sẽ thắc mắc về tính xác thực của từng hình thức dự đoán khác dựa vào các dữ liệu lịch sử, bao gồm cả phân tích kinh tế lẫn phân tích cơ bản.

LÝ THUYẾT BƯỚC ĐI NGẪU NHIÊN

Được xây dựng và ủng hộ trong cộng đồng học thuật, *lý thuyết Bước đi ngẫu nhiên (The Random Walk Theory)* cho rằng sự thay đổi về giá mang tính “độc lập theo ky” và lai lịch giá không phải là chỉ báo tin cậy cho xu hướng giá tương lai. Nói ngắn gọn, sự biến động giá là ngẫu nhiên và không thể đoán trước được. Lý thuyết này được dựa vào *thuyết thị trường hiệu quả* - thuyết cho rằng giá cả dao động ngẫu nhiên xung quanh giá trị thực chất của chúng. Nó cũng cho rằng chiến lược thị trường tốt nhất đơn giản chỉ là chiến lược “mua và nắm giữ” tương phản với bất cứ nỗ lực nào nhằm “đánh bại thị trường”.

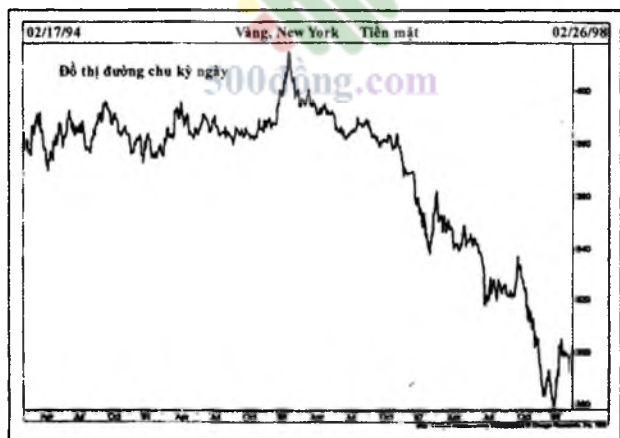
Trong khi một số ít nghi ngại rằng có chút tùy tiện hay “hội chứng nội nhiều” nhất định hiện diện trong tất cả các thị trường, thật khó mà tin rằng *tất cả* biến động giá đều là ngẫu nhiên. Đây có thể là một trong các lĩnh vực mà sự quan sát bằng thực nghiệm và kinh nghiệm thực tế hữu dụng hơn các kỹ thuật thống kê phức tạp vốn có khả năng làm sáng tỏ bất cứ thứ gì mà ta hình dung trong đầu, hoặc không có khả năng bác bỏ tất cả. Nên nhớ rằng sự ngẫu nhiên chỉ có thể được nhìn nhận theo nghĩa tiêu cực của sự bất lực trong việc khám phá ra những mô hình có tính hệ thống trong sự biến động giá. Và việc nhiều nghiên cứu không có khả năng nhận ra sự hiện diện của những mô hình này không có nghĩa rằng chúng không tồn tại.

Những cuộc tranh luận mang tính học thuật về việc có phải xu hướng thị trường ít thu hút đối với các nhà giao dịch hay phân tích thị trường trung bình hay không khi mà họ bị buộc phải giao dịch trong một thế giới thực, nơi mà các xu hướng thị trường là rất rõ rệt. Nếu bạn đọc nghi ngờ về một điểm nào đó, việc lướt qua bất cứ cuốn sách về đồ thị nào (được lựa chọn một cách ngẫu nhiên) cũng sẽ chứng tỏ sự hiện diện của các xu hướng đó theo cách thức đồ họa. Vậy làm thế nào mà “những người theo thuyết Bước đi ngẫu nhiên” có thể lý giải được tính bền bỉ của những xu hướng này, khi mà giá cả độc lập theo kỳ, nghĩa là những gì xảy ra hôm qua, hay tuần trước chẳng liên quan gì đến việc xảy ra vào hôm nay hay ngày mai? Làm thế nào mà họ có thể lý giải

được những vết tích thực hữu ích của nhiều hệ thống tuân theo xu hướng?

Ví dụ, làm thế nào mà chiến lược mua và nắm giữ có thể trụ được trong thị trường hàng hóa tương lai, nơi mà thời gian là yếu tố quyết định? Liệu những vị thế dài hạn có thể trụ được trong những thị trường đầu cơ giá xuống? Làm thế nào mà các nhà giao dịch có thể nhận ra được sự khác biệt giữa thị trường giá lên và thị trường giá xuống nếu như giá cả không thể định đoán được và cũng chẳng tuân theo xu hướng nào? Và trên thực tế, làm thế nào mà một thị trường đầu cơ giá xuống có thể hiện diện trước hết bởi nó đang ẩn chứa một xu hướng? (Xem hình 1.3).

Có vẻ không chắc chắn rằng bằng chứng thống kê sẽ hoàn toàn chấp nhận hay phủ nhận Lý thuyết Bước đi ngẫu nhiên. Tuy nhiên, ý kiến cho rằng thị trường là sự việc ngẫu nhiên đã bị cộng đồng các nhà phân tích



Hình 1.3 “Bước đi ngẫu nhiên” sẽ khó thuyết phục được các nhà đầu tư vàng thôi rằng không có xu hướng thực sự nào đang diễn ra.

kỹ thuật hoàn toàn phủ nhận. Nếu thị trường thực sự ngẫu nhiên, thì sẽ chẳng có dự báo kỹ thuật nào có hiệu lực. Ngoài việc chối bỏ tính đúng đắn của phương pháp phân tích kỹ thuật, *thuyết thị trường hiệu quả* có vẻ gần với giả thuyết kỹ thuật cho rằng *thị trường phản ánh mọi thứ*. Tuy nhiên, nhiều học giả cũng đồng tình vì thị trường phản ánh mọi thông tin rất nhanh, bởi thế mà không có cách nào để tận dụng được những thông tin đó. Như đã đề cập, nền tảng của dự báo kỹ thuật là thông tin quan trọng được phản ánh trên thị trường giá khá lâu trước khi được mọi người kịp biết đến. Các học giả cũng rất hùng hồn chứng tỏ sự cần thiết của việc giám sát chặt chẽ các biến động về giá cũng như sự vô ích trong việc cố gắng thu lợi từ thông tin cơ bản, ít nhất là trong một khoảng thời gian ngắn.

Cuối cùng, có vẻ như công bằng khi quan sát rằng bất cứ quy trình nào cũng đều diễn ra một cách *ngẫu nhiên* và không thể định đoán được đối với những ai không hiểu được quy tắc vận hành của chúng. Cũng như đối với một kẻ a-ma-tơ, bản điện tâm đồ được in ra sẽ trở thành thứ rất khó hiểu. Nhưng đối với một người tinh thông y học thì tất cả những đốm sáng nhò nhoi đó đều có ý nghĩa quan trọng và chẳng hề ngẫu nhiên tí nào. Sự vận hành của các thị trường có thể mang tính ngẫu nhiên đối với những ai không bỏ thời gian để nghiên cứu các quy tắc hành vi thị trường. *Áo giáp về sự ngẫu nhiên sẽ dần dần biến mất khi kỹ năng phân tích đồ thị được hoàn thiện*. Hy vọng rằng đó sẽ là những điều mà độc giả nắm được sau khi đọc qua nhiều mục khác nhau trong cuốn sách này.

Chúng ta cũng nên hy vọng cho giới học thuật. Nhiều trường đại học hàng đầu tại Mỹ đã bắt đầu khảo sát lĩnh vực Tài chính Hành vi, một lĩnh vực cho rằng tâm lý con người và giá chứng khoán có mối liên kết chặt chẽ với nhau. Và dĩ nhiên đó cũng là nền tảng cơ bản của phân tích kỹ thuật.

CÁC NGUYÊN TẮC TỔNG QUÁT

Khi phiên bản đầu tiên của cuốn sách này được xuất bản 12 năm trước,

nhieu công cụ tính toán thời gian phân tích kỹ thuật đã được sử dụng chủ yếu trong những thị trường tương lai. Tuy nhiên, trong suốt thập kỷ qua, các công cụ này đã được ứng dụng rộng rãi trong việc phân tích xu hướng thị trường chứng khoán. Các nguyên lý kỹ thuật được thảo luận trong cuốn sách này có thể được ứng dụng rộng rãi cho tất cả các thị trường, kể cả các quỹ hỗ tương. Một đặc tính bổ sung trong việc giao dịch của thị trường chứng khoán trở nên phổ biến trong thập kỷ qua chính là sự đầu tư vào lĩnh vực/ngành, chủ yếu thông qua các giao dịch tùy chọn chỉ số và các quỹ hỗ tương. Ở phần cuối cuốn sách, chúng tôi sẽ chỉ ra cách thức xác định những lĩnh vực “nóng” bằng việc áp dụng các công cụ tính toán thời gian phân tích kỹ thuật.



CHƯƠNG 2

Lý thuyết Dow

GIỚI THIỆU

Năm 1882, Charles Dow đã cùng Edward Jones - một cộng sự của mình - thành lập Dow Jones & Company. Hầu hết các nhà phân tích kỹ thuật và chuyên viên nghiên cứu thị trường đều công nhận rằng phần lớn những gì được gọi là *phân tích kỹ thuật* ngày nay đều bắt nguồn từ những lý thuyết của Dow vào giai đoạn chuyển đổi giữa hai thế kỷ. Dow đã từng cho công bố các ý kiến của mình trong loạt bài viết trên tờ *The Wall Street Journal*. Phần lớn các nhà phân tích kỹ thuật hiện nay đều công nhận và sử dụng những quan điểm cơ bản của Dow cho dù có thừa nhận nguồn của nó hay không. Mặc dù vậy nhưng *lý thuyết Dow* vẫn tạo ra nền móng cho việc nghiên cứu về phân tích kỹ thuật, bất chấp những tiến bộ của công nghệ máy tính phức tạp cũng như sự phát triển của rất nhiều chỉ báo kỹ thuật mới.

Vào ngày 3 tháng 7 năm 1884, Dow cho công bố chỉ số trung bình chứng khoán đầu tiên bao gồm giá đóng cửa của 11 loại cổ phiếu: 9 công ty đường sắt và 2 công ty sản xuất. Dow cho rằng 11 loại cổ phiếu này là sự thể hiện tình hình nền kinh tế quốc gia. Năm 1897, Dow đã xác định rằng hai chỉ số sẽ thể hiện được tình trạng nền kinh tế và tạo ra chỉ số chứng khoán của 12 công ty công nghiệp cùng chỉ số chứng khoán của 20 công ty đường sắt. Năm 1928, chỉ số công nghiệp đã phát

triển thành 30 loại cổ phiếu chứng khoán và đây cũng chính là cơ sở hiện nay. Trong những năm tiếp theo, các biên tập viên của tờ *The Wall Street Journal* đã nhiều lần cập nhật lại danh sách này và vào năm 1929 bổ sung thêm chỉ số của các công ty trong ngành phục vụ công. Năm 1984, nhân dịp lễ kỷ niệm 100 năm lần đầu tiên Dow công bố chỉ số chứng khoán, Hiệp hội các nhà phân tích kỹ thuật thị trường (Market Technicians Association - MTA) đã trao giải bạc Gorham cho công ty Dow Jones & Co. Theo MTA - một giải thưởng "công nhận sự đóng góp tột bậc của Charles Dow cho lĩnh vực phân tích đầu tư". Chỉ số Dow - nguyên mẫu đầu tiên của những gì được xem là công cụ hàng đầu trong việc đánh giá hoạt động của thị trường chứng khoán - vẫn luôn là công cụ thiết yếu đối với các nhà phân tích kỹ thuật thị trường suốt 80 năm sau ngày mất của ông.

Điều đáng tiếc đối với chúng ta là Dow chưa bao giờ viết một cuốn sách về lý thuyết của mình. Thay vào đó, ông đã có một loạt bài viết về hành vi thị trường chứng khoán được đăng tên tờ trên tờ *The Wall Street Journal* trong giai đoạn những năm chuyển giao thế kỷ. Năm 1903, một năm sau ngày mất của Dow, S.A. Nelson đã biên soạn những bài viết đó thành một cuốn sách có tựa là *Nhập môn đầu cơ chứng khoán (The ABC of Stock Speculation)*. Trong cuốn sách này, lần đầu tiên thuật ngữ "lý thuyết Dow" đã được tạo ra. Richard Russell, người viết lời giới thiệu cho ấn bản năm 1978, đã so sánh sự đóng góp của Dow cho thị trường chứng khoán với công lao của Freud trong lĩnh vực tâm thần học. Năm 1922, trong cuốn "*Công cụ đánh giá thị trường chứng khoán*" (*The Stock Market Barometer*), William Peter Hamilton (cộng sự đồng thời là người nổi nghiệp Dow trên tờ *The Wall Street Journal*) đã phân loại và công bố các nguyên tắc của lý thuyết Dow. Robert Rhea đã phát triển lý thuyết này một cách sâu rộng hơn với cuốn "*Lý thuyết Dow*" (*Dow Theory*) (New York: Barron's), được xuất bản vào năm 1932.

Dow đã ứng dụng lý thuyết của mình vào các chỉ số trung bình của thị trường chứng khoán mà ông đã tạo ra với tên gọi chỉ số Công nghiệp và chỉ số Đường sắt. Tuy nhiên, hầu hết các lý thuyết phân tích của ông

đều có thể được áp dụng cho các loại chỉ số trung bình của tất cả thị trường. Chương này sẽ đi vào mô tả 6 nguyên tắc cơ bản của lý thuyết Dow và thảo luận về cách thức mà theo đó, chúng trở nên thích hợp với phân tích kỹ thuật hiện đại. Các chương tiếp theo sẽ thảo luận về những phân nhánh của quan điểm này.

CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN

1. Chỉ số bình quân phản ánh mọi thứ

Tổng và xu thế của các giao dịch trên sàn chứng khoán thể hiện tổng lượng thông tin của Phố Wall trong quá khứ, kể cả quá khứ gần đây lẫn xa xưa, được ứng dụng để phản ánh tương lai. Giống như một số nhà thống kê vẫn thường làm, chúng ta không cần phải bổ sung vào chỉ số trung bình như các chỉ số giá hàng hóa, hoạt động thanh toán bù trừ của ngân hàng, dao động tỷ giá hối đoái, khối lượng giao dịch trong và ngoài nước hay bất kỳ thứ gì. Wall Street sẽ cân nhắc tất cả những điều này (Hamilton, trang 40-41).

Nghe có vẻ quen phải không? Như đã được đề cập trong Chương 1, quan điểm thị trường phản ánh tất cả những yếu tố có ảnh hưởng chung đến cung cầu chính là một trong những tiền đề căn bản của lý thuyết kỹ thuật. Lý thuyết này có hiệu quả đối với các chỉ số trung bình của thị trường cũng như đối với các thị trường riêng lẻ và thậm chí chiều cổ cá thiên tai. Mặc dù không thể dự đoán được những sự kiện như động đất hay thiên tai, nhưng thị trường lại có thể phản ánh những sự cố này bằng cách tác động gần như là lập tức đến giá cả.

2. Thị trường có ba xu hướng chính

Trước khi bàn luận về sự vận hành của các xu hướng, chúng ta phải làm rõ định nghĩa xu hướng của Dow. Dow định nghĩa một xu hướng tăng là tình huống mà trong đó thị trường sẽ có xu hướng tăng khi mức giá giao dịch cao nhất hiện tại cao hơn các mức giá đỉnh trước đây, và mức giá thấp nhất tại thời điểm hiện tại cũng cao hơn các mức giá thấp nhất trong quá khứ. Nói cách khác, một xu hướng tăng có đồ thị gồm các đỉnh và đáy tăng dần. Ngược lại, thị trường có chiều hướng đi xuống

khi mức giá cao nhất và thấp nhất của thị trường hiện tại thấp hơn mức cao nhất và thấp nhất trong quá khứ. Định nghĩa của Dow đã được thử thách qua thời gian và vẫn luôn được coi là nền móng cho việc phân tích xu hướng.

Dow tin rằng các quy luật về sự tác động và phản ứng được áp dụng cho các thị trường cũng như đối với thế giới vật chất. Ông đã viết "Hồ sơ giao dịch cho thấy rằng, trong nhiều trường hợp, khi chạm đỉnh, chúng khoán sẽ suy giảm đôi chút và sau đó quay đầu tiến gần về mức cao nhất. Nếu sau một biến động như trên mà giá lại rơi xuống nữa thì có khả năng nó sẽ giảm sâu hơn." (Nelson, trang 43).

Dow cho rằng một xu hướng phải có ba cấp: xu hướng chính hay xu hướng *cơ bản* (*primary*), xu hướng *trung gian* (*secondary*) và xu hướng *nhỏ* hay xu hướng *ngắn hạn* (*minor*) và được ví von như thủy triều, sóng và sóng lẫn tăn của đại dương. Giai đoạn đầu của xu hướng đại diện cho thủy triều, giai đoạn thứ hai hay còn gọi xu hướng trung gian (*intermediate*) đại diện cho những đợt sóng hình thành nên thủy triều và những xu hướng nhỏ có biểu hiện của những gợn sóng lẫn tăn.

Một nhà quan sát có thể xác định được hướng phát triển của thủy triều bằng cách đánh dấu điểm cao nhất của từng đợt sóng liên tiếp. Nếu mỗi đợt sóng chạm đỉnh cao hơn đợt sóng trước, tức thủy triều đang lên. Khi đỉnh của các làn sóng liên tiếp giảm dần thì có nghĩa là thủy triều đang rút. Không như thủy triều thực sự của đại dương chỉ kéo dài trong vài giờ, Dow cho rằng thủy triều của thị trường kéo dài hơn một năm, có khi là vài năm.

Giai đoạn thứ hai hay giai đoạn trung gian là sự hiệu chỉnh của xu hướng ban đầu và thường là kéo dài từ ba tuần đến ba tháng. Nhìn chung, những sự hiệu chỉnh *intermediate* này thoái lùi khoảng một phần ba đến hai phần ba xu hướng trước đó và đa phần là một nửa, hay 50%.

Theo Dow, xu thế thứ yếu (hoặc tương lai gần) thông thường ngắn hơn ba tuần. Xu hướng này là sự dao động của xu hướng trung gian. Chúng ta sẽ thảo luận về khái niệm xu hướng chi tiết hơn trong Chương

4, “Khái niệm cơ bản về xu hướng”, nơi chúng ta sẽ sử dụng những khái niệm và thuật ngữ này.

3. Xu hướng chính gồm ba giai đoạn

Dow tập trung vào các xu hướng chủ yếu hay xu hướng chính và ông cho rằng chúng diễn ra theo ba kỳ: kỳ tích lũy (accumulation phase), kỳ thâm nhập vào công chúng (public participation) và giai đoạn phân phối (distribution). Kỳ tích lũy diễn ra khi các nhà đầu tư có hiểu biết, chủ động mua các cổ phiếu của công ty, trái ngược với các ý kiến của thị trường. Nếu xu hướng trước đó đang giảm thì trong giai đoạn này các nhà đầu tư nhanh trí sẽ nhận ra rằng thị trường đã “tiếp nhận” hết tất cả những tin tức tồi tệ rồi. Giai đoạn này giá cổ phiếu tăng không đáng kể do số lượng người mua ít trong khi cung ra thị trường còn khá nhiều. Tuy nhiên, khi nhận thấy rằng các nhà đầu tư trên đã đúng, người ta sẽ đổ xô đi mua cổ phiếu này dẫn tới sự tăng đột biến về giá trong giai đoạn hai - giai đoạn thâm nhập vào công chúng. Xu hướng này sẽ kéo dài cho đến khi nhu cầu đầu cơ trên thị trường đạt mức cực đại. Lúc này, khi báo chí bắt đầu đưa tin về sự tăng giá của cổ phiếu và tin hiệu tích cực của nền kinh tế cũng như sự gia tăng về khối lượng đầu cơ và, các nhà đầu tư khôn ngoan sẽ bán số cổ phiếu của họ ra thị trường, và đây chính là giai đoạn thứ ba của xu hướng - giai đoạn phân phối.

Trong suốt giai đoạn cuối cùng này, những nhà đầu tư vốn đã tích lũy ở thời điểm thị trường chạm đáy (là lúc không ai muốn mua vào) bắt đầu phân phối ra bên ngoài trước khi có những người khác khởi động việc đó.

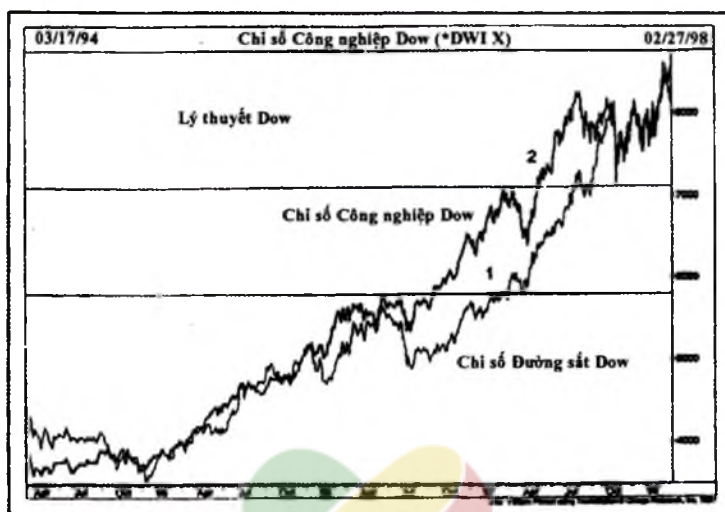
Những người theo lý thuyết sóng Elliott sẽ thừa nhận cách phân chia thị trường giá lên (bull market) chính thành ba giai đoạn riêng biệt. Dựa trên nghiên cứu của Rhea trong cuốn *Lý thuyết Dow*, R.N.Elliott đã bổ sung tỉ mỉ hơn với việc nhìn nhận rằng một thị trường giá lên bao gồm ba biến động tăng giá chính. Trong Chương 13, “Lý thuyết sóng Elliott”, chúng ta sẽ chỉ ra những điểm tương đồng giữa ba giai đoạn trong thị trường giá lên của lý thuyết Dow và chuỗi năm sóng Elliott.

4. Các chỉ số trung bình phải củng cố lẫn nhau

Liên quan đến chỉ số bình quân Công nghiệp và Đường sắt, Dow muốn nói rằng không quan trọng là tín hiệu thị trường tăng hay giảm giá có thể xảy ra trừ khi cả hai chỉ số bình quân phải đưa ra cùng một tín hiệu tương đồng, tức là chúng củng cố lẫn nhau. Ông cho rằng cả hai chỉ số phải cùng vượt qua đỉnh cao thứ hai của đợt trước đó để chứng minh rằng một thị trường tăng giá bắt đầu hay tiếp diễn. Ông đã không hề nghĩ rằng các tín hiệu buộc phải xuất hiện đồng thời, nhưng lại công nhận khoảng thời gian giữa hai tín hiệu càng ngắn thì càng cho thấy sự chắc chắn. Khi có một chỉ số chệch so với cái kia thì Dow cho rằng xu hướng trước vẫn được duy trì. (Lý thuyết sóng Elliott chỉ đòi hỏi tín hiệu từ một chỉ số riêng lẻ.) Chương 6, “Mô hình tiếp diễn”, sẽ nói đến các khái niệm cơ bản của việc củng cố và phân kỳ. (Xem hình 2.1 và 2.2)



Hình 2.1 Ví dụ về Lý thuyết Dow trong khi xem xét thị trường dài hạn. Khi một xu hướng tăng giá tiếp diễn thì cả hai chỉ số Dow Industrial (Công nghiệp) và Transports (Đường sắt) đều tăng.



Hình 2.2 Một số ví dụ về sự tương đồng của hai chỉ số trong lý thuyết Dow. Vào đầu năm 1997 (điểm 1), chỉ số đường sắt Dow đã chứng minh cho sự phá vỡ trước đó trong chỉ số công nghiệp. Tháng 5 (điểm 2), chỉ số công nghiệp Dow đã chứng minh mức cao trước đó trong chỉ số đường sắt.

500dong.com

5. Khối lượng giao dịch phải xác nhận xu hướng

Dow công nhận khối lượng giao dịch là một yếu tố đứng thứ hai nhưng không kém phần quan trọng trong việc xác nhận những tín hiệu giá. Có thể nói đơn giản rằng, khối lượng giao dịch sẽ gia tăng theo hướng phát triển của xu hướng chính. Trong một xu hướng tăng, khối lượng giao dịch sẽ tăng khi giá tăng lên, và giảm khi giá giảm. Trong một xu hướng giảm, khối lượng giao dịch sẽ tăng khi giá giảm và giảm khi giá phục hồi mức tăng. Dow xem khối lượng giao dịch là một chỉ báo có tầm quan trọng thứ hai. Ông quan sát những tín hiệu mua và bán hoàn toàn dựa trên giá đóng cửa. Trong Chương 7, “Khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán”, chúng ta sẽ nói về khối lượng giao dịch và các quan điểm của Dow. Ngày nay, các chỉ báo phức tạp về khối lượng giúp chúng ta xác định khối lượng đang gia tăng hay suy giảm.

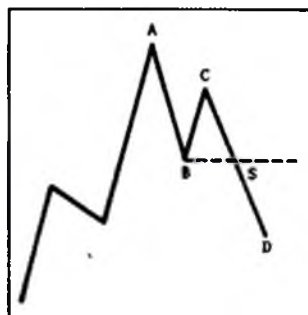
Những nhà giao dịch khôn ngoan sẽ biết sử dụng kiến thức này để đánh giá biến động giá và xem liệu hai chỉ số này có củng cố lẫn nhau hay không.

6. Một xu hướng được cho là sẽ tiếp diễn cho đến khi có tín hiệu đảo chiều

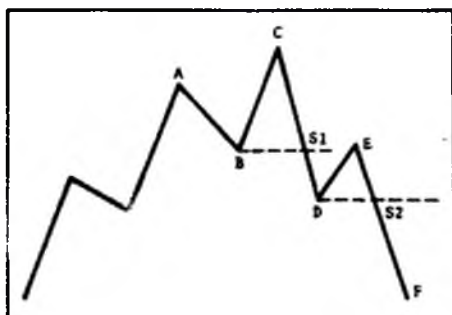
Đã từng được nhắc đến trong Chương 1, tiền đề này hình thành nên phần lớn nền tảng của cách tiếp cận hiện đại tuân theo xu hướng. Nó liên quan đến một quy tắc vật lý về biến động thị trường, trong đó một vật thể đang chuyển động (trong trường hợp này là một xu hướng) có khuynh hướng tiếp tục chuyển động cho đến khi những tác động ngoại vi khiến nó thay đổi hướng đi. Có nhiều công cụ hỗ trợ các nhà giao dịch phát hiện ra những tín hiệu đảo chiều, bao gồm nghiên cứu về ngưỡng hỗ trợ và kháng cự, mô hình giá, đường xu hướng và đường trung bình di động. Một số chỉ báo còn có thể đưa ra cảnh báo sớm về nguy cơ mất xung lượng. Nếu tất cả chúng không cho thấy điều gì có nghĩa là xu hướng hiện tại sẽ tiếp diễn.

Công việc được xem là khó khăn nhất đối với một người theo lý thuyết Dow hay bất kỳ một nhà giao dịch theo xu hướng nào là phân biệt một sự hiệu chỉnh thứ yếu trong xu hướng hiện tại với giai đoạn tín hiệu đầu tiên của một xu hướng mới đảo ngược. Những người theo lý thuyết Dow thường xuyên bất đồng về việc xác định thời điểm xuất hiện tín hiệu đảo chiều thực sự. Hình 2.3a và 2.3b chỉ ra cách thức xuất hiện sự bất đồng này.

Hình 2.3a và 2.3b minh họa hai tình huống thị trường khác nhau. Trong hình 2.3a, sự hồi phục tại điểm C thấp hơn đỉnh A trước đó. Sau đó, giá lại rơi xuống dưới điểm B. Sự xuất hiện của hai đỉnh thấp hơn và hai đáy thấp hơn đã tạo ra một tín hiệu bán rõ ràng tại điểm mà B bị phá vỡ (điểm S). Đôi khi, mô hình đảo chiều này ám chỉ đến thuật ngữ có tên gọi là “phân kỳ âm” (failure swing).



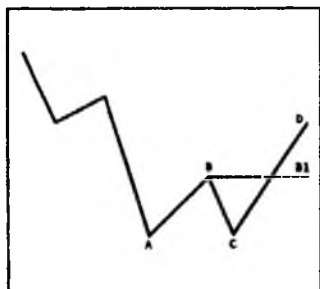
Hình 2.3a Phân kỳ âm. Đỉnh C thất bại trong việc vượt qua A, sau đó là phá vỡ mức thấp B, tạo nên một tín hiệu bán tại S.



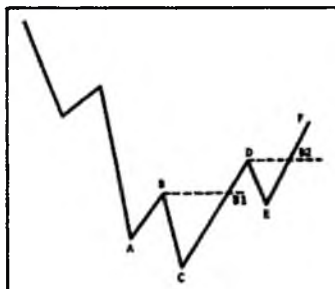
Hình 2.3b Phân kỳ dương. C vượt qua A trước khi rơi xuống dưới B. Một số người sử dụng lý thuyết Dow sẽ nhận thấy tín hiệu bán tại S1, trong khi những người khác lại cần một đỉnh thấp hơn tại E trước khi quay đầu rơi xuống S2.

Trong hình 2.3b, đỉnh C cao hơn đỉnh A. Giá sau đó lại giảm xuống dưới B. Một số người theo lý thuyết Dow có thể sẽ không xem sự phá vỡ ngưỡng hỗ trợ S1 là một tín hiệu bán thật sự. Họ cho rằng chỉ mới xuất hiện những ngưỡng thấp thấp hơn chứ chưa có ngưỡng cao thấp hơn. Họ mong muốn nhìn thấy sự hồi phục lên điểm E, thấp hơn điểm C và tìm kiếm một mức thấp mới nằm dưới D. Với họ, S2 đại diện cho một tín hiệu bán thực sự với hai đỉnh thấp hơn và hai đáy thấp hơn.

Mô hình đảo chiều trong hình 2.3b được gọi là "phân kỳ dương". Một phân kỳ âm (trong hình 2.3a) là một mô hình yếu hơn mô hình phân kỳ dương trong hình 2.3b. Hình 2.4a và 2.4b là ví dụ tương tự nhưng tại của đáy thị trường.



Hình 2.4a Đáy phân kỳ âm. Tín hiệu mua xuất hiện khi điểm B bị vượt qua. (tại B1)



Hình 2.4b Đáy phân kỳ dương. Tín hiệu mua xuất hiện tại các điểm B1 hoặc B2.

VIỆC SỬ DỤNG GIÁ ĐÓNG CỦA VÀ SỰ HIỆN DIỆN CỦA CÁC ĐƯỜNG

Dow chỉ tin cậy vào *giá đóng cửa*. Ông tin rằng các chỉ số trung bình phải kết thúc cao hơn mức **cao nhất** hoặc thấp hơn mức **thấp nhất** của hôm trước mới tạo ra ý nghĩa. Dow không xem trọng sự phá vỡ giá trong ngày.

Khi nói đến *đường* (line) trong chỉ số trung bình, các nhà giao dịch đang nói đến các mô hình nằm ngang đôi khi hiện diện trong các đồ thị. Những phạm vi giao dịch nằm ngang thường đóng vai trò như những giai đoạn hiệu chỉnh và thường được xem là sự củng cố. Thuật ngữ hiện đại gọi những mô hình dao động bằng phẳng này là “hình chữ nhật”.

MỘT SỐ CHỈ TRÍCH ĐỐI VỚI LÝ THUYẾT DOW

Dù đã được áp dụng thành công qua thời gian trong việc xác định thị trường giá lên và giá xuống cơ bản, song Lý thuyết Dow vẫn không tránh khỏi những chỉ trích. Tính bình quân, lý thuyết Dow đã bỏ qua từ 20 đến 25% của một biến động trước khi tạo ra tín hiệu. Nhiều nhà giao dịch coi điều này là quá trễ. Một tín hiệu mua trong lý thuyết Dow thường xuất hiện tại kỳ thứ hai của xu hướng tăng khi giá vượt qua mức

đỉnh trung gian trước đó. Thật đáng tiếc, đây cũng là thời điểm khi hầu hết các hệ thống kỹ thuật tuân theo xu hướng bắt đầu xác định và tham gia vào xu hướng hiện tại.

Đáp lại những ý kiến chỉ trích này, các nhà giao dịch cần nhớ rằng Dow không hề có ý định dự đoán xu hướng mà chỉ muốn thừa nhận sự xuất hiện của thị trường giá lên và giá xuống cơ bản đồng thời giành được tỷ lệ đáng kể trong sự biến động của thị trường quan trọng.

Các tài liệu cho thấy lý thuyết Dow đã thực hiện chức năng của nó tương đối tốt. Từ năm 1920 đến 1975, các tín hiệu trong lý thuyết Dow đã giành được 68% biến động trong các chỉ số trung bình công nghiệp và đường sắt, 67% chỉ số hỗn hợp S&P 500 (nguồn: Barron). Những ai chỉ trích lý thuyết Dow vì cho rằng lý thuyết này thất bại do không nắm bắt được đỉnh và đáy của thị trường quả thực không nắm rõ triết lý cơ bản của giao dịch theo xu hướng.

CHỨNG KHOÁN NHƯ LÀ NHỮNG CHỈ BÁO KINH TẾ

Rõ ràng, Dow chưa bao giờ có ý định sử dụng lý thuyết của mình để dự đoán hướng phát triển của thị trường chứng khoán. Với ông, giá trị thực sự của nó là dùng hướng đi của thị trường chứng khoán làm công cụ đánh giá tình hình kinh tế chung. Chúng ta lấy làm kinh ngạc trước tầm nhìn và tài năng của Dow. Hơn nữa, trong việc hình thành nên rất nhiều phương pháp dự đoán giá ngày nay, ông là người đầu tiên thừa nhận tầm quan trọng của các chỉ số trung bình thị trường chứng khoán như một chỉ báo kinh tế hàng đầu.

ÁP DỤNG LÝ THUYẾT DOW CHO GIAO DỊCH TƯƠNG LAI

Lý thuyết Dow xem xét hành vi của các chỉ số trung bình chứng khoán. Mặc dù công trình của ông vốn được áp dụng cho thị trường hàng hóa tương lai nhưng vẫn tồn tại một số điểm khác biệt quan trọng giữa giao dịch chứng khoán và tương lai. Thứ nhất, Dow cho rằng đa số các nhà giao dịch chỉ đi theo những xu hướng chính và sử dụng sự hiệu chỉnh

trung gian để xác định thời điểm. Dow cho rằng những xu hướng nhỏ đóng vai trò không quan trọng. Hiển nhiên, trường hợp này không xảy ra trong giao dịch tương lai vì các nhà giao dịch theo xu hướng sử dụng các xu hướng trung gian thay vì xu hướng chính. Những nhà giao dịch loại này phải đặc biệt chú ý đến những dao động nhỏ để xác định thời điểm. Nếu kỳ vọng một xu hướng tăng cấp trung sẽ kéo dài trong vài tháng, các nhà giao dịch tương lai sẽ chờ đợi một vùng đáy trong ngắn hạn làm tín hiệu mua. Trong một xu hướng giảm giá trung hạn, các nhà giao dịch dựa trên những đợt phục hồi nhỏ để xác định tín hiệu bán không. Chính vì thế mà những xu hướng nhỏ đóng vai trò rất quan trọng trong giao dịch tương lai.

CÁCH THỨC MỚI TRONG VIỆC SỬ DỤNG CHỈ SỐ DOW ĐỂ GIAO DỊCH

100 năm đầu tiên trong lịch sử phát triển của mình, Chỉ số trung bình công nghiệp Dow Jones (từ đây được gọi là chỉ số Dow Jones) chỉ được sử dụng như một chỉ báo thị trường. Sự thay đổi xuất hiện kể từ ngày 6 tháng 10 năm 1997, khi thị trường tương lai và quyền chọn lần đầu tiên giao dịch dựa trên chỉ số uy tín này. Sàn Chicago Board of Trade ban hành một hợp đồng tương lai dựa trên chỉ số Dow Jones, trong khi quyền chọn của chỉ số Dow (viết tắt DJX) cũng bắt đầu được giao dịch trên sàn giao dịch quyền chọn Chicago. Ngoài ra, quyền chọn cũng được giao dịch trên sàn Dow Jones Transportation (viết tắt DJTA) và Dow Jones Utility (viết tắt DJUA). Vào tháng Giêng năm 1998, Sàn American Stock Exchange bắt đầu giao dịch Diamond Trust, một tổ hợp ủy thác đầu tư mô phỏng theo chỉ số 30 Dow Industrials. Bên cạnh đó, hai quỹ hỗ tương cũng được đề xuất dựa trên chuẩn đối sánh 30 của Dow. hẳn Dow sẽ rất hạnh phúc nếu biết được rằng 100 năm sau ngày được công bố, mọi người có thể giao dịch chỉ số trung bình của ông và áp dụng lý thuyết Dow vào thực tiễn.

TÓM LƯỢC

Chương này điểm lại những khía cạnh quan trọng hơn của lý thuyết Dow. Khi đi sâu vào những phần sau của cuốn sách, bạn sẽ nhận thấy rằng việc hiểu được và đánh giá đúng lý thuyết Dow sẽ tạo ra cho bạn một nền tảng vững chắc đối với bất kỳ một nghiên cứu nào về phân tích kỹ thuật. Phần lớn những gì chúng ta thảo luận về sau sẽ là sự ứng dụng lý thuyết Dow. Bằng cách này hay cách khác, định nghĩa cơ bản về xu hướng, sự phân loại xu hướng thành ba loại và kỳ, nguyên tắc thừa nhận và phân kỳ, sự giải thích về khối lượng giao dịch và cách sử dụng thoái lui theo tỷ lệ phần trăm, tất cả đều được bắt nguồn từ lý thuyết Dow.

Ngoài những nguồn được trích dẫn trong chương này, bạn đọc có thể xem lại những nguyên lý của lý thuyết Dow được thể hiện một cách xuất sắc trong cuốn *Phân tích kỹ thuật xu hướng thị trường chứng khoán* (*Technical Analysis of Stock Trends*) của Edward và Magee.

500dong.com

CHƯƠNG 3

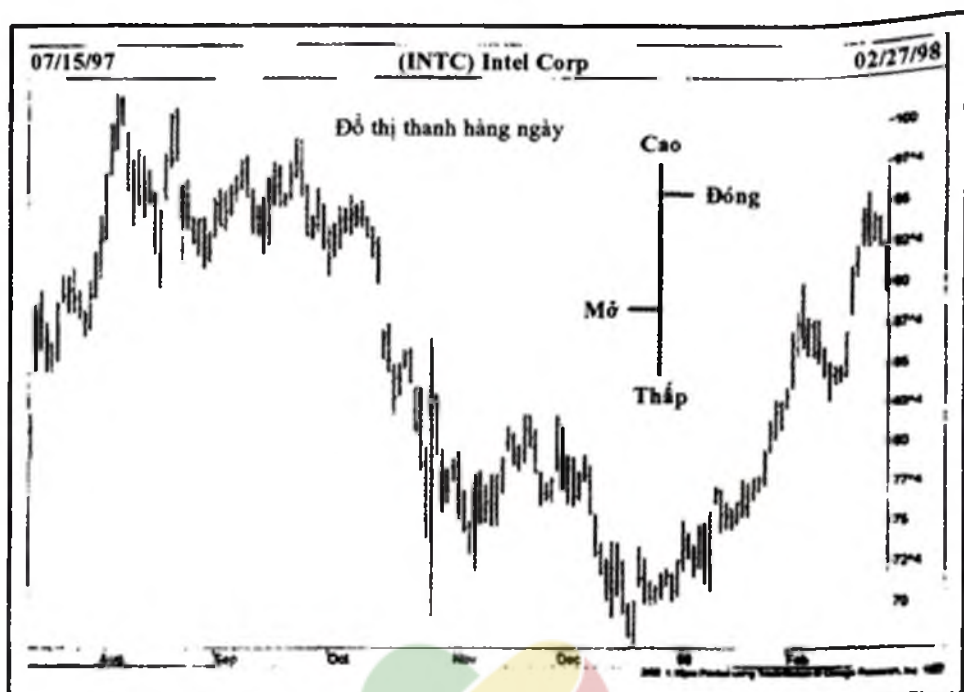
Lập đồ thị

GIỚI THIỆU

Chương này dành cho những độc giả chưa quen với việc tạo dựng đồ thị thanh. Chúng ta sẽ bắt đầu bằng việc thảo luận các dạng đồ thị hiện có và sau đó tập trung vào loại đồ thị được sử dụng phổ biến nhất - *đồ thị thanh hàng ngày*. Chúng ta sẽ xem xét cách thức mà dữ liệu về giá được ghi nhận và dựng thành đồ thị. Ngoài ra còn có *khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán*. Sau đó, chúng ta sẽ tìm hiểu về những biến thiên của đồ thị thanh, bao gồm đồ thị tuần và tháng với phạm vi rộng hơn. Sau khi làm quen với tất cả những khái niệm này, chúng ta sẽ xem xét các công cụ phân tích được sử dụng ở loại đồ thị này trong những chương sau. Những độc giả nào đã thành thạo với các dạng đồ thị trên có thể bỏ qua chương này nếu cảm thấy nó quá căn bản.

CÁC DẠNG ĐỒ THỊ

Đồ thị thanh hàng ngày được sử dụng rộng rãi nhất. Tuy nhiên, các nhà phân tích kỹ thuật vẫn dùng những loại như đồ thị dạng đường kẻ, đồ thị điểm và hình hoặc gần đây nhất là đồ thị nến. Hình 3.1 là một ví dụ về đồ thị thanh hàng ngày. Nó được đặt tên là đồ thị thanh là vì biên độ giao dịch mỗi ngày được đại diện bởi một thanh nằm dọc. Trên thanh có giá mở cửa, đóng cửa, cao nhất, thấp nhất. Dấu gạch vế phía phải



Hình 3.1 Một đồ thị thanh hàng ngày của Intel. Mỗi thanh dọc thể hiện biến động giá trong một ngày.

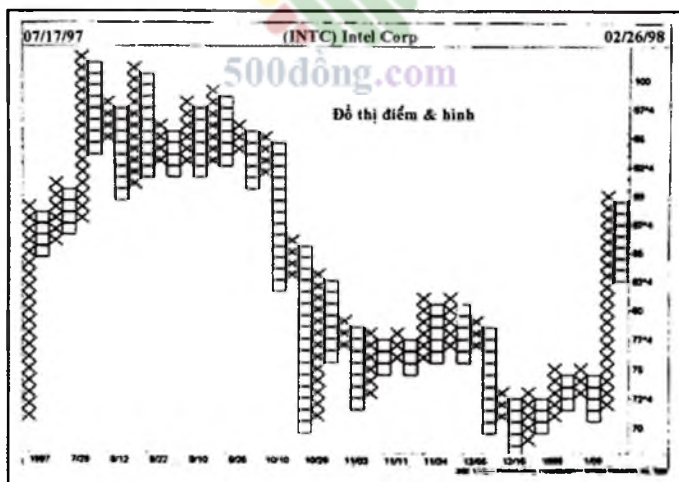


Hình 3.2 Một đồ thị dạng đường kẻ của Intel. Dạng đồ thị này tạo ra một đường nối liền các mức giá đóng cửa liên tiếp của từng ngày

thanh dọc là giá đóng cửa. Giá mở cửa là dấu gạch vế bên trái thanh.

Hình 3.2 cho thấy đồ thị dạng đường kẻ thể hiện tình trạng thị trường. Trong đồ thị dạng đường kẻ chỉ hiện diện giá đóng cửa của từng ngày liên tiếp. Nhiều người sử dụng đồ thị cho rằng do giá đóng cửa là giá quan trọng nhất trong ngày nên một đồ thị dạng đường kẻ (hay đồ thị giá đóng cửa) chính là công cụ phù hợp hơn trong việc đánh giá hoạt động của giá cả.

Dạng thứ ba - đồ thị điểm và hình - được dẫn ra trong hình 3.3. Nên lưu ý rằng đồ thị hình và điểm thể hiện biến động giá giống nhau nhưng theo một định dạng cô đọng hơn, bao gồm các cột x và o xen kẽ. Cột x thể hiện giá tăng và cột o thể hiện giá giảm. Tín hiệu mua và bán sẽ chính xác hơn và dễ xác định hơn khi được đưa vào đồ thị hình và điểm so với khi được thể hiện trên đồ thị thanh. Thậm chí, đồ thị hình và



Hình 3.3 Đồ thị điểm và hình của Intel. Hãy chú ý những cột x và o. Cột x thể hiện giá tăng và thể hiện giá giảm. Tín hiệu mua và bán chính xác hơn trong đồ thị này.

điểm còn có nhiều đặc tính linh hoạt hơn và bạn có thể tìm thấy thông tin về loại đồ thị này trong Chương 11.

ĐỒ THỊ HÌNH NỀN

Đồ thị hình nền là dạng đồ thị thanh phiên bản Nhật và đang trở nên rất phổ biến trong những năm gần đây trong cộng đồng giao dịch phương Tây. Những cây nến Nhật ghi nhận 4 loại giá giống với đồ thị thanh truyền thống là mở cửa, đóng cửa, cao nhất và thấp nhất. Tuy nhiên, cách thể hiện trên đồ thị thì khác. Trên đồ thị hình nền, một đường kẻ mảnh (được gọi là bóng mờ) thể hiện biên độ giá của ngày hôm đó từ cao xuống thấp. Một phần to hơn (được gọi là thân nền) xác định khoảng cách từ giá mở cửa đến đóng cửa. Nếu giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa, thân nền sẽ có màu trắng (giá trị tăng). Nếu giá đóng cửa thấp hơn mở cửa, thân nền sẽ màu đen (giá trị giảm). (Xem hình 3.4)

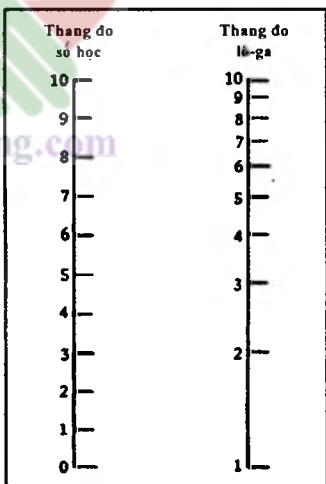


Hình 3.4 Đồ thị hình nền của Intel. Màu của các cây nến được xác định bởi mối quan hệ giữa giá mở cửa và giá đóng cửa. Nền trắng thể hiện giá tăng và nền đen thể hiện giá giảm.

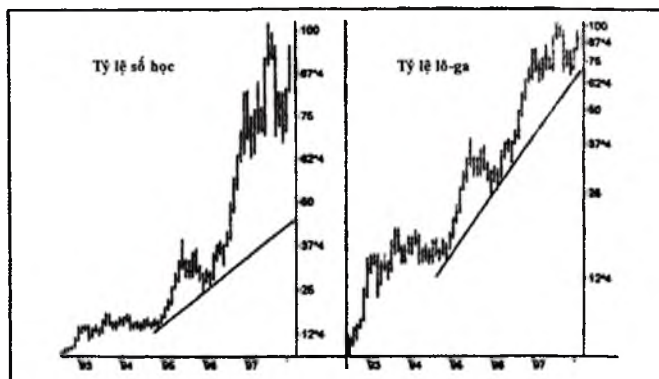
Điểm then chốt của đồ thị hình nền là mối quan hệ giữa giá mở cửa và đóng cửa. Có thể vì đồ thị hình nền đang ngày càng trở nên phổ biến nên các nhà sử dụng đồ thị phương Tây chú ý nhiều hơn đến đường gạch biểu thị giá mở cửa trên đồ thị thanh. Với đồ thị hình nền, bạn có thể làm bất kỳ thứ gì như với đồ thị hình thanh. Nói cách khác, những công cụ và chỉ báo kỹ thuật mà chúng tôi giới thiệu trong đồ thị thanh đều có thể được áp dụng với đồ thị hình nền. Chúng ta sẽ nói nhiều hơn nữa về cách thức dựng đồ thị thanh theo tuần và tháng. Bạn có thể thực hiện tương tự với đồ thị hình nền. Chương 12 “Đồ thị hình nền” sẽ giải thích nhiều hơn về cách vẽ những cây nến này.

THANG ĐO SỐ HỌC VÀ THANG ĐO LÔ-GA

Việc dựng đồ thị có thể được thực hiện bằng cách sử dụng thang đo số học hoặc thang đo lô-ga. Đối với một số kiểu phân tích, đặc biệt là phân tích xu hướng rất dài hạn, việc sử dụng đồ thị lô-ga có nhiều điểm thuận lợi. (Xem hình 3.5 và 3.6). Hình 3.5 sẽ cho chúng ta thấy được sự khác biệt khi sử dụng hai loại thang đo này. Với thang đo số học, trục giá nằm dọc cho thấy khoảng cách bằng nhau cho mỗi đơn vị giá thay đổi. Lưu ý rằng, trong ví dụ này, mỗi điểm theo thang đo số học đều cách đều nhau. Tuy nhiên, trên thang lô-ga, mức tăng theo tỷ lệ phần trăm (khoảng cách) nhỏ dần khi giá tăng dần. Khoảng cách từ điểm 1 đến 2 bằng khoảng cách từ điểm 5 đến 10 bởi vì cả hai đều thể hiện sự gia tăng gấp đôi về giá. Ví dụ, trên thang đo số học, khoảng cách



Hình 3.5 So sánh giữa thang đo số học và lô-ga. Lưu ý rằng hình bên trái thể hiện các khoảng cách bằng nhau, trong khi hình bên phải thể hiện sự thay đổi theo tỷ lệ phần trăm.



Hình 3.6 Đồ thị dài hạn của Intel sử dụng hai loại tỷ lệ giá khác nhau. Đồ thị bên trái thể hiện tỷ lệ số học truyền thống. Đồ thị bên phải thể hiện tỷ lệ lô-ga. Chú ý rằng đường xu hướng tăng trong thời hạn 3 năm được thể hiện rõ ràng hơn trên đồ thị lô-ga.

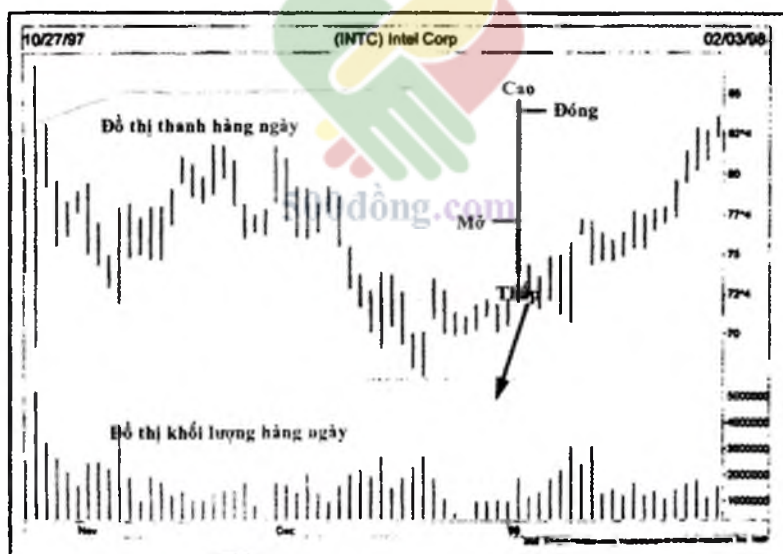
từ điểm 5 đến 10 bằng khoảng cách từ điểm 50 đến 55 mặc dù sự biến động từ điểm 5 đến 10 cho thấy sự gia tăng gấp đôi về giá trong khi sự biến động từ điểm 50 đến 55 chỉ tăng 10%. Giá được thể hiện trên thang đo tỷ lệ hay lô-ga cho thấy khoảng cách bằng nhau cho sự thay đổi theo tỷ lệ phần trăm như nhau. Ví dụ, khoảng cách từ điểm 10 đến 20 (tăng 100%) sẽ bằng khoảng cách từ điểm 20 đến 40 hoặc 40 đến 80. Đồ thị lô-ga được sử dụng nhiều trong chứng khoán trong khi đồ thị số học lại được dùng cho thị trường tương lai. Những phần mềm vẽ đồ thị cho phép chúng ta sử dụng cả hai loại thang đo này như đã được chỉ ra trong hình 3.6

DỤNG ĐỒ THỊ THANH HÀNG NGÀY

Việc dựng đồ thị thanh hàng ngày vô cùng đơn giản. Đồ thị thanh bao gồm trục giá và trục thời gian. Trục hoành (trục y) thể hiện giá của hợp đồng. Trục tung (trục x) ghi nhận thông tin về thời gian. Ngày tháng được ghi dọc theo đáy của đồ thị. Người sử dụng đồ thị chỉ cần vẽ một

thanh dọc trong ngày tương ứng từ mức cao nhất đến mức thấp nhất (được gọi là biên độ). Hãy vẽ một đoạn ngắn nằm ngang bên phải thanh dọc thể hiện mức giá đóng cửa trong ngày. (Xem hình 3.7)

Lý do cho việc vẽ một đoạn ngắn bên phải thanh dọc là để phân biệt nó với giá mở cửa được người sử dụng đồ thị đánh dấu bên trái thanh dọc. Sau khi thể hiện hoạt động giao dịch của ngày hôm đó trên đồ thị, người dùng di chuyển sang bên phải để vẽ hoạt động của ngày kế tiếp. Mọi người thường sử dụng đồ thị một tuần gồm 5 ngày giao dịch. Đồ thị không thể hiện ngày cuối tuần. Nếu sản giao dịch bị đóng cửa vào bất kỳ ngày nào trong tuần giao dịch, ngày hôm đó sẽ được để trống. Những thanh dọc đầy đồ thị là khối lượng giao dịch. (Xem hình 3.7)



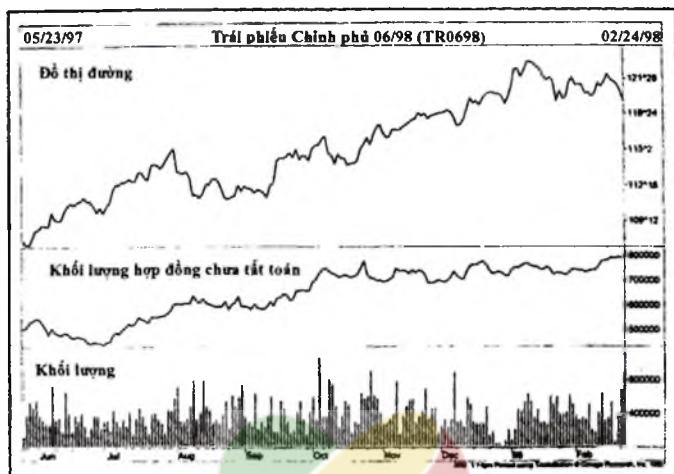
Hình 3.7 Đồ thị thanh hàng ngày của Intel. Mỗi thanh thể hiện biên độ giá của một ngày. Giá mở cửa được đánh dấu bằng một vạch ngang bên trái mỗi thanh. Vạch thể hiện giá đóng cửa nằm bên phải. Những đường sọc dưới đáy đồ thị là khối lượng giao dịch mỗi ngày.

KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH

Một yếu tố quan trọng khác cần phải nói đến khi sử dụng đồ thị thanh là khối lượng giao dịch. *Khối lượng giao dịch* là tổng lượng giao dịch trên thị trường trong một ngày. Nó là tổng số hợp đồng tương lai được giao dịch hoặc số cổ phiếu phổ thông được trao tay trên thị trường chứng khoán trong ngày. Khối lượng giao dịch được ghi nhận bằng một thanh dọc tại đáy đồ thị nằm dưới thanh giá trong ngày. Thanh khối lượng giao dịch càng cao có nghĩa là khối lượng giao dịch ngày hôm đó càng lớn. Ngược lại, thanh càng nhỏ thì khối lượng càng ít. Một thang đo nằm dọc đáy đồ thị được tạo ra để thể hiện các số liệu như trong hình 3.7.

SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI CHƯA TẮT TOÁN

Khối lượng hợp đồng chưa tắt toán (Open Interest) là tổng số hợp đồng tương lai còn tồn đọng được các nhà giao dịch tham gia thị trường nắm giữ cuối ngày. Khối lượng hợp đồng chưa tắt toán là số lượng hợp đồng còn tồn đọng bởi các vị thế mua hoặc bán, chứ không phải tổng số của cả hai. Nên nhớ rằng vì chúng ta đang nói đến các hợp đồng tương lai nên mỗi một vị thế mua sẽ phải có một vị thế bán tương ứng. Bởi vậy mà chúng ta cần phải biết được tổng số lượng của một bên. Số lượng hợp đồng chưa tắt toán được thể hiện trên đồ thị bằng một đường kẻ liền dọc đáy, thường là nằm trên khối lượng giao dịch và dưới đường giá. (Xem hình 3.8)



Hình 3.8 Đồ thị hàng ngày dạng đường kẻ của hợp đồng tương lai Trái phiếu Chính phủ. Những đường thẳng đứng dọc đáy thể hiện tổng khối lượng giao dịch hàng ngày. Một đường kẻ ở giữa thể hiện tổng số lượng hợp đồng còn tồn đọng trong thị trường tương lai Trái phiếu Chính phủ.

Tổng khối lượng giao dịch trong sự đối sánh với khối lượng giao dịch riêng lẻ và số lượng hợp đồng tương lai chưa tất toán

Cùng với phần lớn các nhà phân tích kỹ thuật của thị trường tương lai, các dịch vụ lập đồ thị trong thị trường này chỉ sử dụng *tổng* khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán. Mặc dù các số liệu này là sẵn có cho từng tháng riêng lẻ, song tổng số liệu của từng thị trường hàng hóa là những gì được sử dụng cho mục đích dự báo. Điều này được bắt nguồn từ một lý do rất hợp lý.

Trong những giai đoạn mới phát triển của vòng đời hợp đồng tương lai, khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán thường chiếm một lượng khá nhỏ. Các số liệu được thu thập lại khi hợp đồng tới kỳ hạn thanh toán. Tuy nhiên, trong những tháng cuối trước khi mãn hạn, những số liệu này bắt đầu giảm trở lại. Hiển nhiên là các nhà giao dịch phải thanh lý những vị thế mở một khi hợp đồng mãn hạn. Do đó,

sự gia tăng về số lượng trong những tháng đầu của vòng đời hợp đồng cũng như sự suy giảm ở gần giai đoạn cuối của quy trình giao dịch chẳng có ý nghĩa gì đối với chiều hướng thị trường và chỉ là một chức năng trong đặc trưng vòng đời giới hạn của một hợp đồng hàng hóa tương lai. Nói chung, để tạo ratinh liên tục cần thiết về khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán đồng thời mang lại cho chúng giá trị dự báo, người ta sử dụng tổng số lượng của thị trường hàng hóa. (các đồ thị chứng khoán thể hiện số liệu tổng khối lượng giao dịch nhưng không bao gồm số lượng hợp đồng chưa tất toán.)

Khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán được báo cáo trễ một ngày trong thị trường tương lai

Khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán trên thị trường tương lai được báo cáo trễ một ngày. Do đó, người sử dụng đồ thị phải chấp nhận sự chậm trễ một ngày để thu thập và diễn giải dữ liệu. Các con số thường được báo cáo vào giờ giao dịch của ngày hôm sau, nhưng lại quá muộn để công bố trên các tờ báo tài chính ngay hôm đó. Tuy nhiên, con số ước tính khối lượng giao dịch sau khi thị trường đóng cửa lại có sẵn và được công bố trên báo chí vào sáng hôm sau. Có thể không thật chính xác nhưng ít ra con số ước tính khối lượng giao dịch cũng có thể cung cấp cho các nhà phân tích kỹ thuật thị trường tương lai thông tin về việc liệu hoạt động giao dịch sẽ sôi động hơn hay âm đạm hơn trong ngày hôm trước. Bởi vậy cho nên những gì mà độc giả có được từ báo chí phát hành sáng sớm chính là giá tương lai của ngày hôm trước cùng với các số liệu về khối lượng giao dịch ước tính. Tuy nhiên, con số khối lượng giao dịch chính thức và số liệu hợp đồng chưa tất toán là của ngày trước đó. Các nhà sử dụng đồ thị trên thị trường chứng khoán thì không gặp phải vấn đề này. Tổng khối lượng giao dịch cho thị trường chứng khoán có hiệu lực ngay tức thì.

Giá trị của khối lượng giao dịch riêng lẻ và số lượng hợp đồng chưa tất toán trong thị trường tương lai

Các số liệu về số lượng hợp đồng riêng lẻ chưa tất toán trong thị trường

tương lai sẽ tạo ra những thông tin giá trị. Chúng cho ta biết được hợp đồng nào có tính thanh khoản nhất để thực hiện giao dịch. *Thông thường, hoạt động giao dịch nên được giới hạn đối với những tháng ghi nhận có giao dịch với số lượng hợp đồng chưa tất toán cao nhất. Những tháng nào có số lượng hợp đồng chưa tất toán thấp sẽ bị bỏ qua.* Như vậy, số lượng hợp đồng chưa tất toán càng cao thì lợi nhuận trong tháng được ghi nhận đó càng lớn.

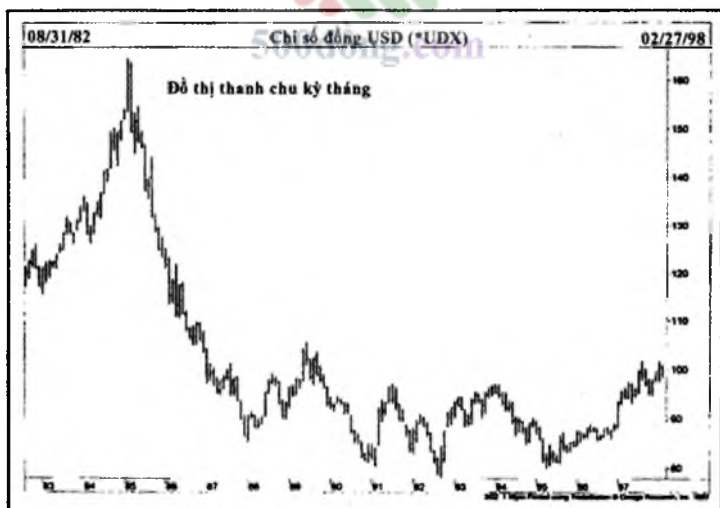
ĐỒ THỊ THANH TUẦN VÀ THÁNG

Chúng ta đã nói về đồ thị hàng ngày. Tuy nhiên, phải biết rằng ta có thể vẽ đồ thị thanh cho bất kỳ một giai đoạn nào. Đồ thị thanh trong ngày đo lường các mức giá cao nhất, thấp nhất và mới nhất trong mỗi 5 phút. Đồ thị thanh hàng ngày bao gồm sự biến động giá trong khoảng từ sáu đến chín tháng. Tuy nhiên, đối với phân tích xu hướng có phạm vi rộng hơn, chúng ta cần sử dụng đồ thị tuần và tháng. Giá trị của việc sử dụng những loại đồ thị dài hạn này được nhắc đến trong Chương 8. Phương pháp thiết kế và cập nhật các loại đồ thị này về cơ bản là như nhau. (Xem hình 3.9 và 3.10)

Trên đồ thị theo tuần, một thanh thể hiện hoạt động giá cho cả tuần. Trên đồ thị tháng, mỗi thanh thể hiện biến động giá của cả tháng. Rõ ràng, bằng việc nén biến động giá, biểu đồ tuần và tháng tính đến việc phân tích xu hướng dài hạn hơn. Trong khi đồ thị tuần có thể thể hiện được quãng thời gian truy hồi 5 năm thì đồ thị tháng thể hiện được khoảng thời gian lên đến 20 năm. Đây là một kỹ thuật đơn giản có thể giúp người sử dụng đồ thị nghiên cứu thị trường với viễn cảnh dài hạn hơn - một viễn cảnh đáng giá mà đồ thị theo ngày không thể có được.



Hình 3.9 Đồ thị thanh theo tuần thể hiện chỉ số đô-la Mỹ. Mỗi thanh thể hiện dữ liệu giá của một tuần. Bằng việc nền dữ liệu giá, đồ thị thanh theo tuần tính đến việc phân tích xu hướng giá dài hạn hơn, thường là trong khoảng 5 năm.



Hình 3.10 Đồ thị hình thanh theo tháng thể hiện chỉ số đô-la Mỹ. Mỗi thanh thể hiện dữ liệu giá của một tháng. Bằng việc nền dữ liệu nhiều hơn nữa, đồ thị theo tháng tính đến việc phân tích cho khoảng thời gian dài đến 20 năm.

KẾT LUẬN

Giờ đây, chúng ta đã biết cách tạo ra một đồ thị thanh và được giới thiệu về ba nguồn thông tin căn bản - giá, khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán - và chúng ta sẵn sàng xem xét cách thức diễn giải dữ liệu. Hãy nhớ rằng đồ thị chỉ lưu trữ các dữ liệu. Bản thân đồ thị có ít giá trị. Điều này được ví von như cây cọ và tấm vải. Bản thân chúng không hề có giá trị, nhưng dưới bàn tay của người nghệ sĩ tài hoa, chúng sẽ giúp tạo ra những bức tranh đẹp. Cũng có thể so sánh với con dao phẫu thuật. Qua bàn tay của vị bác sĩ tài ba, con dao mổ có thể cứu sống sinh mạng bao người, nhưng với bàn tay của chúng ta, con dao ấy trở nên không những vô dụng mà còn rất nguy hiểm. Một đồ thị có thể trở thành một công cụ cực kỳ hữu dụng cho việc dự đoán thị trường nếu người sử dụng nắm vững các nguyên tắc. Hãy bắt đầu làm quen với việc này. Trong chương tiếp theo, chúng ta sẽ tìm hiểu một số khái niệm căn bản về xu hướng và những điều mà tôi cho là nền tảng cơ bản của phân tích đồ thị.

500dong.com

CHƯƠNG 4

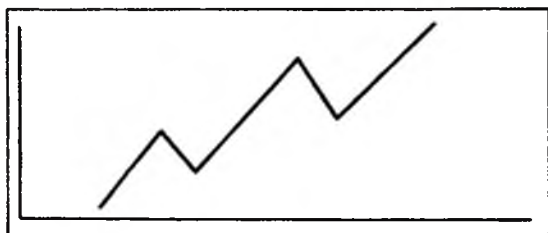
Những khái niệm cơ bản về xu hướng

ĐỊNH NGHĨA XU HƯỚNG

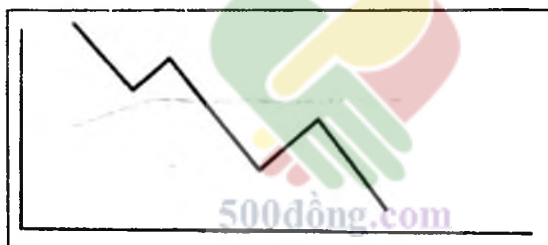
Khái niệm *xu hướng* là yếu tố cơ bản đối với phương pháp phân tích kỹ thuật để phân tích thị trường. Tất cả các công cụ dành cho người sử dụng đồ thị như ngưỡng hỗ trợ và kháng cự, mô hình giá, đường trung bình di động, đường xu hướng, v.v... đều có một mục đích duy nhất là giúp xác định xu hướng của thị trường để có thể tham gia vào xu hướng đó. Chúng ta thường nghe thấy những câu quen thuộc như “phải luôn giao dịch theo chiều hướng của xu hướng”, “đừng đi lệch xu hướng”, hoặc “xu hướng là người bạn đồng hành”. Vậy thì hãy cùng nhau xác định xem xu hướng là gì đồng thời phân loại chúng thành một số nhóm.

Nhìn chung, xu hướng chỉ đơn giản là chiều hướng cũng như cách thức dịch chuyển của thị trường. Nhưng chúng ta cần có một định nghĩa chính xác hơn. Trước hết, thị trường không bao giờ di chuyển theo một đường thẳng về bất kỳ hướng nào. Sự biến động của thị trường bao gồm hàng loạt chuyển động *zig zắc*. Những đường *zig zắc* này giống những đợt sóng liên tiếp bao gồm các đỉnh và đáy rõ rệt. *Chiều hướng của những đỉnh và đáy này cấu thành xu hướng thị trường*. Cho dù có đi lên, xuống hay đi ngang thì những đỉnh và đáy này cũng cho ta thấy xu hướng của thị trường. Một xu hướng được gọi là tăng khi các đỉnh và

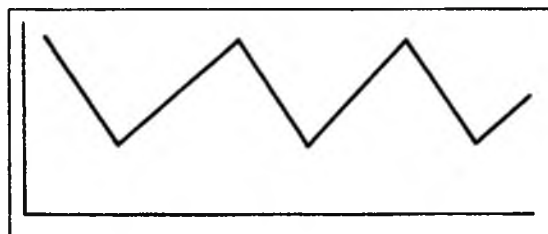
đáy liên tục đi lên, ngược lại, một xu hướng được gọi là giảm khi các đỉnh và đáy đi xuống; còn các đỉnh và đáy nằm ngang sẽ tạo nên một xu hướng đi ngang (không rõ xu hướng).



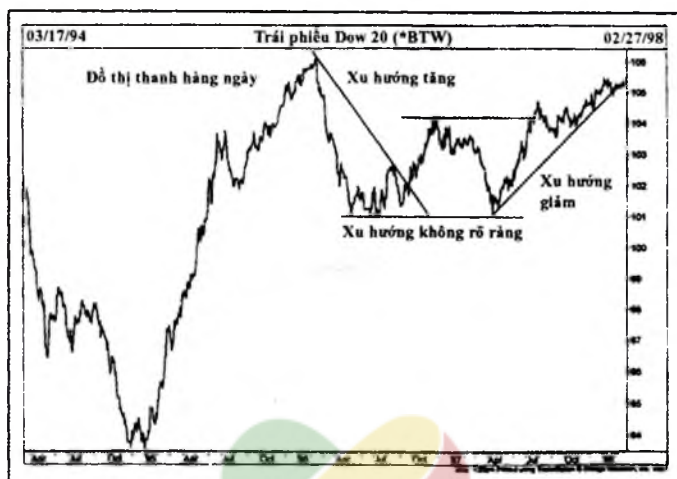
Hình 4.1a
Ví dụ về xu hướng tăng với đỉnh và đáy đi lên.



Hình 4.1b
Ví dụ về xu hướng tăng với đỉnh và đáy đi xuống.



Hình 4.1c Ví dụ về xu hướng đi ngang gồm những đỉnh và đáy tạo thành một hàng ngang. Dạng thị trường này thường được gọi là “không rõ xu hướng”.



Hình 4.1d Ví dụ về một xu hướng giảm chuyển thành xu hướng tăng. Phần đầu bên trái là một xu hướng giảm. Từ tháng 4 năm 1996 đến tháng 4 năm 1997, thị trường dao động không rõ xu hướng. Còn giai đoạn mùa hè năm 1997, thị trường chuyển dịch theo xu hướng tăng.

XU HƯỚNG CÓ BA CHIỀU HƯỚNG

Chúng ta đã nói đến xu hướng tăng, giảm và đi ngang với lý do hợp lý. Phần lớn mọi người thường có khuynh hướng cho rằng thị trường luôn theo xu hướng tăng hoặc giảm. Nhưng thực tế cho thấy rằng thị trường biến động theo ba hướng: lên, xuống và đi ngang. Điều quan trọng là cần nhận thức được sự tương phản này bởi theo ước tính thấp hơn so với thực tế, chỉ ít một phần ba thời gian này giá cũng biến động theo một biên độ nằm ngang được gọi là phạm vi giao dịch (trading range). Dạng vận động đi ngang này phản ánh một giai đoạn giá thăng bằng khi áp lực cung cầu tương đối cân bằng. (Hãy nhớ rằng Lý thuyết Dow thể hiện mô hình này bằng một đường kẻ liền). Mặc dù chúng ta xác định thị trường “đứng im” khi có xu hướng đi ngang nhưng mọi người thường xem nó là thị trường “không rõ xu hướng”.

Về bản chất, hầu hết các công cụ và hệ thống kỹ thuật đều đi theo xu hướng, có nghĩa là chúng được thiết kế cho những thị trường tăng hoặc giảm. Chúng thường vận hành rất kém khi thị trường rơi vào giai đoạn đi ngang hoặc không rõ xu hướng. Chính trong những lúc thị trường đi ngang như thế này, các nhà giao dịch theo phương pháp phân tích kỹ thuật nếm trải những cảm giác thất vọng nhất cũng như những thua lỗ trầm trọng nhất. Theo định nghĩa, một hệ thống tuân theo xu hướng cần một xu hướng để hoạt động. Sự bất động ở đây không phải bởi hệ thống mà là do nhà giao dịch cố gắng áp dụng một hệ thống vốn được thiết kế dành cho thị trường vận động có xu hướng vào một môi trường không có xu hướng.

Nhà giao dịch phải đối mặt với ba quyết định - mua, bán hặc không làm gì cả. Khi thị trường đang tăng giá, chiến lược mua được coi là phù hợp. Khi thị trường đang giảm, quyết định bán là điều cần làm. *Tuy nhiên, nếu thị trường đi ngang, quyết định thứ ba - không tham gia vào thị trường - thường được coi là lựa chọn khôn ngoan nhất.*

XU HƯỚNG CÓ BA LOẠI

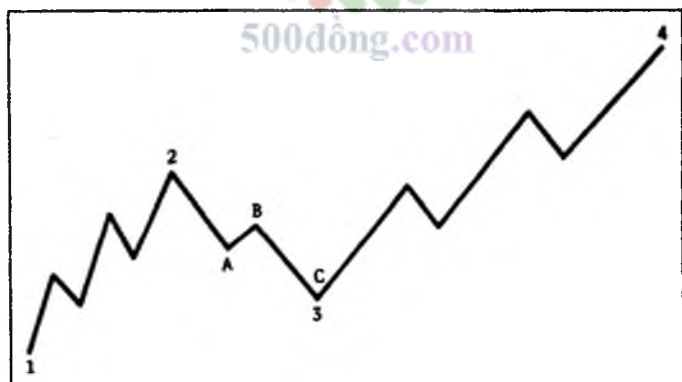
Ngoài sự hiện diện của ba chiều hướng, xu hướng còn được phân chia thành ba loại như đã được đề cập trong chương trước. Đó là *xu hướng chính*, *xu hướng trung gian* và *xu hướng ngắn hạn*. Trên thực tế, gần như không thể xác định được số lượng xu hướng có mối tương tác với một xu hướng khác, từ xu hướng rất ngắn hạn chỉ diễn ra trong vài phút hoặc vài giờ đồng hồ đến những xu hướng cực dài diễn ra từ 50 đến 100 năm. Tuy nhiên, hầu hết các nhà phân tích kỹ thuật đều giới hạn phân loại xu hướng thành ba loại. Tuy vậy, ở đây có một số nhập nhằng trong cách định nghĩa của các nhà phân tích khác nhau.

Ví dụ, lý thuyết Dow xếp *xu hướng chính* như là loại xu hướng có hiệu lực trên một năm. Vì các nhà giao dịch tương lai hoạt động trong một giới hạn thời gian ngắn hơn so với các nhà đầu tư chứng khoán nên chúng ta có khuynh hướng rút ngắn xu hướng chính đối với bất cứ thứ gì trên 6 tháng cho thị trường hàng hóa. Dow xác định xu hướng trung

giangian hay xu hướng thứ cấp là 3 tuần hoặc nhiều tháng - điều xem ra khá phù hợp cho thị trường tương lai. Xu hướng ngắn hạn được xác định với khoảng thời gian ít hơn 2 hoặc 3 tuần.

Mỗi xu hướng là một phần của xu hướng kế tiếp lớn hơn. Ví dụ, xu hướng trung gian sẽ là một *sự hiệu chỉnh* trong xu hướng chính. Trong một xu hướng tăng dài hạn, thị trường chững lại để hiệu chỉnh trong một vài tháng trước khi quay lại bước tăng giá của mình. Sự hiệu chỉnh thứ hai sẽ bao gồm những đợt sóng ngắn hơn được xác định bởi những đợt phục hồi ngắn hạn ngắn hạn. Tình trạng này diễn ra nhiều lần - mỗi xu hướng là một phần của xu hướng lớn hơn kế tiếp và bản thân nó cũng được cấu thành từ những xu hướng nhỏ hơn. (Xem hình 4.2a và b)

Trong hình 4.2a, xu hướng chính tăng với những đỉnh và đáy đi lên. (điểm 1,2,3,4). Giai đoạn hiệu chỉnh (2-3) thể hiện sự hiệu chỉnh xu hướng trung gian trong phạm vi một xu hướng tăng chính. Tuy nhiên, hãy lưu ý rằng sóng 2-3 cũng được phân thành 3 sóng nhỏ hơn (A,B,C).



Hình 4.2a Ví dụ về ba cấp độ của xu hướng: chính, trung gian và ngắn hạn. Điểm 1,2,3 và 4 thể hiện xu hướng chính. Sóng 2-3 thể hiện sự hiệu chỉnh trong xu hướng chính. Mỗi sóng trung gian lần lượt lại được chia thành những xu hướng ngắn hạn. Ví dụ, sóng trung gian 2-3 được chia thành những sóng nhỏ A-B-C.



Hình 4.2b Xu hướng chính trong năm 1997 là tăng (trên một năm). Một sự hiệu chỉnh ngắn hạn diễn ra suốt tháng 3. Một sự hiệu chỉnh trung gian diễn ra từ tháng 8 đến tháng 11 (trong 3 tháng). Sự hiệu chỉnh trung gian lại được chia thành ba xu hướng ngắn hạn.

Tại điểm C, nhà phân tích sẽ cho rằng xu hướng chính vẫn tiếp tục tăng, trong khi xu hướng trung gian và ngắn hạn lại giảm. Tại điểm 4, cả ba xu hướng đều tăng. Việc hiểu rõ được sự khác biệt giữa các cấp bậc xu hướng khác nhau là rất quan trọng. Khi một ai đó hỏi về kiểu xu hướng thị trường, thật khó nếu không muốn nói là không thể để giải đáp cho đến khi bạn biết được người đó đang nói đến loại xu hướng nào. Bạn có thể phải trả lời theo cách thức đã được nhắc đến trên đây thông qua việc xác định ba loại xu hướng khác nhau.

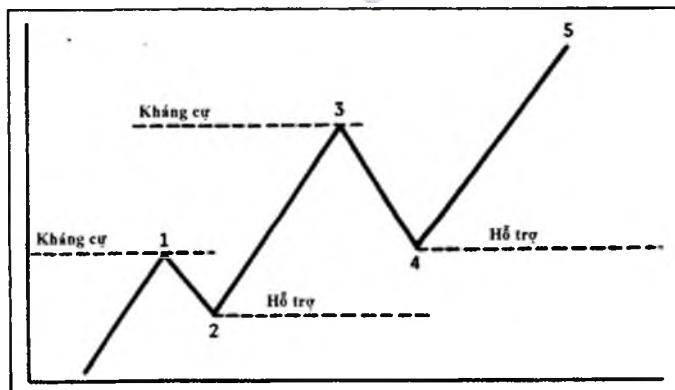
Có một chút hiểu nhầm nảy sinh do nhận thức khác biệt của các nhà giao dịch đối với khái niệm về xu hướng. Đối với các nhà giao dịch dài hạn, sự biến động giá từ vài ngày đến vài tuần có thể không mấy quan trọng. Nhưng đối với nhà giao dịch theo ngày, sự gia tăng trong hai hoặc ba ngày sẽ cấu thành một xu hướng tăng. Điều đặc biệt quan trọng là phải hiểu được các cấp độ khác nhau của xu hướng và chắc chắn rằng tất cả những gì dính dáng giao dịch đều đang cùng đề cập đến một vấn đề.

Nhìn chung, hầu hết các phương pháp tuân theo xu hướng đều tập trung vào xu hướng trung gian kéo dài trong vài tháng. Xu hướng ngắn hạn ban đầu được dùng để xác định thời điểm. Trong một xu hướng tăng trung gian, những điều chỉnh giảm ngắn hạn sẽ được sử dụng để khởi động vị thế mua.

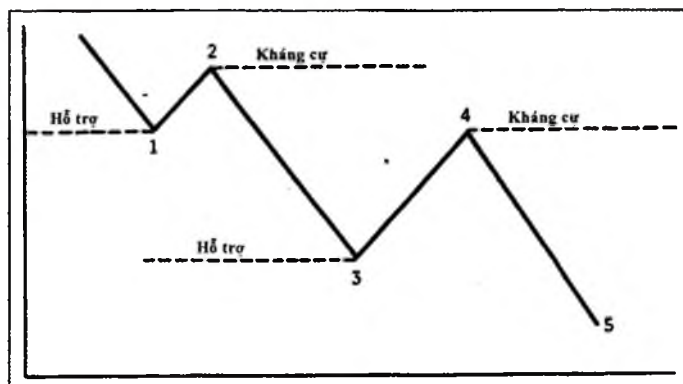
NGƯỠNG HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ

Trong phần thảo luận về xu hướng, chúng ta đã nói rõ rằng giá cả biến động theo chuỗi đỉnh và đáy, và chiều hướng của chúng xác định xu hướng của thị trường. Bây giờ chúng ta sẽ đi vào tìm hiểu tên gọi phù hợp của những loại đỉnh và đáy này, đồng thời giới thiệu khái niệm về ngưỡng hỗ trợ và ngưỡng kháng cự.

Các đáy, hay những vùng lõm, được gọi là ngưỡng hỗ trợ. Như chính cái tên của thuật ngữ này cho thấy, ngưỡng hỗ trợ là mức độ hoặc khu vực trên đồ thị dưới ngưỡng thị trường, nơi xu hướng mua vào cao hơn sức ép bán ra. Kết quả là sự sụt giá tạm ngừng và tăng trở lại. Thường thì một ngưỡng hỗ trợ đã được xác định bởi một vùng lõm trước đó. Trong hình 4.3a, điểm 2 và 4 thể hiện những ngưỡng hỗ trợ của một xu



Hình 4.3a Những ngưỡng hỗ trợ và kháng cự trong xu hướng tăng. Điểm 2 và 4 là những ngưỡng hỗ trợ vốn là những mức thấp trước đó. Điểm 1 và 3 là những ngưỡng kháng cự thường được tính từ những đỉnh cao trước đó.



Hình 4.3b Ngưỡng kháng cự và hỗ trợ trong xu hướng giảm

hướng tăng. (Xem hình 4.3a và b)

Ngưỡng *kháng cự* là hình thức trái ngược với ngưỡng *hỗ trợ* và thể hiện một mức giá hay một khu vực *cao hơn giá thị trường* với áp lực bán ra cao hơn mua vào và sự tăng giá cũng đã quay trở lại. Thông thường, ngưỡng kháng cự được xác định bởi một đỉnh xuất hiện trước đó. Trong hình 4.3a, điểm 1 và 3 là những ngưỡng kháng cự. Hình 4.3a là một xu hướng tăng. Trong một xu hướng tăng, ngưỡng hỗ trợ và kháng cự cho thấy một mô hình đi lên. Hình 4.3b là một xu hướng giảm với những đỉnh và đáy đi xuống. Trong một xu hướng giảm, điểm 1 và 3 là những ngưỡng hỗ trợ dưới mức thị trường và điểm 2 và 4 là những ngưỡng kháng cự vượt quá mức thị trường.

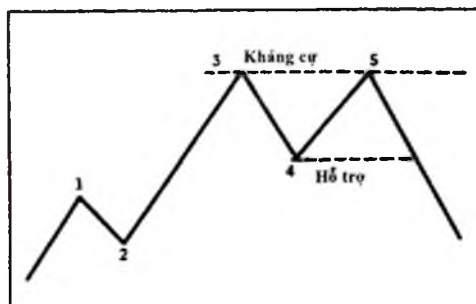
Trong một xu hướng tăng, ngưỡng kháng cự thể hiện sự tạm nghỉ trong xu hướng đó và thường bị vượt qua tại một số điểm. Trong một xu hướng giảm, ngưỡng hỗ trợ không đủ mạnh để ngăn ngừa hiện tượng rớt giá thường trực, nhưng cần phải kiểm tra ít nhất là trong tạm thời.

Việc nắm được những khái niệm về ngưỡng hỗ trợ và kháng cự là điều kiện cần thiết để thấu hiểu xu hướng. Để một xu hướng tăng có thể tiếp tục diễn ra, mỗi mức lồi kế tiếp (ngưỡng hỗ trợ) phải cao hơn mức trước đó. Mỗi ngưỡng cao phức hồi (ngưỡng kháng cự) phải cao hơn

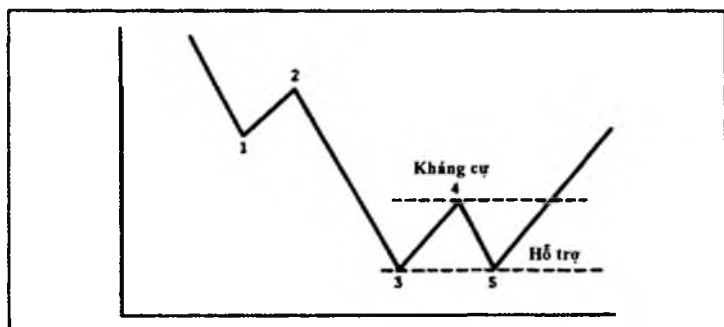
mức trước đó. Nếu vùng đáy hiệu chỉnh trong một xu hướng tăng nằm bên dưới ngưỡng hỗ trợ trước đó, có thể đó là một tín hiệu cảnh báo sớm cho biết xu hướng tăng đã kết thúc hoặc ít nhất đã chuyển sang xu hướng đi ngang. Nếu ngưỡng hỗ trợ bị phá vỡ, có thể xu hướng đã đảo chiều từ tăng sang giảm.

Mỗi lần ngưỡng kháng cự trước đó được kiểm nghiệm cũng là lúc mà xu hướng tăng nằm trong giai đoạn đặc biệt quan trọng. Sự thất bại trong việc vượt qua đỉnh trước của xu hướng tăng, hoặc khả năng giá bật lại từ ngưỡng hỗ trợ của xu hướng giảm là tín hiệu đầu tiên cảnh báo rằng xu hướng hiện tại đang thay đổi. Chương 5 và 6 về mô hình giá sẽ giới thiệu về cách thức thể hiện sự việc trên đồ thị của việc thử nghiệm các ngưỡng hỗ trợ và kháng cự - điều ám chỉ hoặc sự đảo chiều của xu hướng hoặc chỉ là sự tạm ngừng nghỉ trong xu hướng hiện tại. Những mô hình giá này được hình thành dựa trên nền tảng những ngưỡng hỗ trợ và kháng cự.

Hình 4.4a-c là những ví dụ về sự đảo chiều xu hướng kinh điển. Hãy chú ý hình 4.4a để thấy rằng tại điểm 5, giá không thể vượt qua đỉnh trước đó là điểm 3 trước khi quay đầu đi xuống để phá vỡ ngưỡng hỗ trợ tại điểm 4. Chúng ta có thể xác định được sự đảo chiều xu hướng bằng việc quan sát những ngưỡng kháng cự và hỗ trợ. Trong phần về mô hình giá, dạng đảo chiều này sẽ được xác định như là mô hình hai đỉnh (*double top*).



Hình 4.4a Ví dụ về sự đảo chiều xu hướng. Khi giá ở điểm 5 không thể vượt khỏi điểm 3, sau đó lại tiếp tục rơi mạnh phá vỡ mức hỗ trợ trước đó tại điểm 4 sẽ tạo thành một mô hình đảo chiều xu hướng giảm. Dạng mô hình này được gọi là hai đỉnh.



Hình 4.4b Ví dụ về mô hình đảo ngược đáy. Thông thường, tín hiệu đầu tiên của một đáy chính là khả năng giá tại điểm 5 sẽ duy trì trên mức đáy trước đó tại điểm 3. Đáy này sẽ được xác nhận độ vững chắc khi giá vượt khỏi đỉnh 4.



Hình 4.4c Ví dụ về đảo chiều ngược đáy. Suốt tháng Giêng năm 1998, giá đã tái kiểm nghiệm ngưỡng hỗ trợ của tháng Chạp và phục hồi trở lại, hình thành một ngưỡng hỗ trợ thứ hai. Sự phá vỡ đỉnh ngưỡng kháng cự giữa báo hiệu một xu hướng tăng mới.

Ngưỡng kháng cự và hỗ trợ trao đổi vai trò như thế nào?

Chúng ta đã xác định “ngưỡng hỗ trợ” như là mức đáy trước đó và “ngưỡng kháng cự” như là đỉnh trước đó. Tuy nhiên, mọi việc không phải lúc nào cũng diễn ra như vậy. Một trong những khía cạnh thú vị và ít được biết đến hơn về ngưỡng kháng cự và hỗ trợ chính là vai trò đảo nghịch của chúng. *Khi một ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự bị phá vỡ bởi một lượng đáng kể, vai trò của chúng sẽ bị đảo nghịch.* Nói cách khác, một ngưỡng kháng cự sẽ trở thành một ngưỡng hỗ trợ và hỗ trợ trở thành kháng cự. Để hiểu rõ hơn tại sao lại như thế, chúng ta cần thảo luận một số vấn đề tâm lý ẩn sau sự hình thành ngưỡng hỗ trợ và kháng cự.

Tâm lý học của ngưỡng hỗ trợ và kháng cự

Để minh họa, ta hãy chia những thành viên tham gia thị trường thành ba nhóm - thành phần mua, thành phần bán và thành phần không tham gia cuộc chơi. Thành phần mua là những nhà giao dịch đã giành được hợp đồng, thành phần bán là những người đã chuyển sang vị thế bán và thành phần không tham gia thị trường là những người đã thoát khỏi thị trường hoặc vẫn chưa quyết định sẽ tham gia vào vị thế nào.

Giả sử thị trường đang bắt đầu có biến động tăng từ một khu vực hỗ trợ, nơi giá đã dao động một thời gian. Những người mua (những người đã mua gần khu vực hỗ trợ) đang mừng rỡ, nhưng lại hối hận vì đã không mua nhiều hơn. Nếu thị trường rơi xuống lại gần khu vực hỗ trợ lần nữa, họ sẽ gia tăng vị thế mua của mình. Những người bán lúc này đã nhận ra (hoặc hoài nghi cực độ) rằng họ đã quyết định sai vị thế thị trường. (Cách thức dịch chuyển của thị trường ra xa khu vực hỗ trợ sẽ tác động mạnh đến việc ra quyết định, nhưng chúng ta sẽ quay lại vấn đề đó sau). Những người bán hy vọng rằng (và cầu nguyện) cho giá sẽ lại rơi xuống khu vực mà họ đã bán ra để có thể rời khỏi thị trường nơi mà họ đã tham gia (điểm hòa vốn).

Cuộc chơi có thể được chia thành hai nhóm - những người không bao giờ tham gia vào bất kỳ một vị thế nào và những người vì một lý

do nào đó đã thanh lý những vị thế mua của mình tại khu vực hỗ trợ. Nhóm thứ hai đương nhiên đang phẫn nộ vì đã thanh lý những vị thế mua trước thời hạn và hy vọng rằng sẽ có một cơ hội khác để phục hồi những vị thế mua gần điểm họ bán ra.

Nhóm cuối cùng, nhóm những người do dự, lúc này nhận thấy giá đang tăng và nhất định tham gia vào thị trường với tư cách bên mua khi có cơ hội mua tốt xảy ra lần nữa. Tất cả bốn nhóm này kiên quyết sẽ mua trong lần giá rơi tiếp theo. Tất cả đều được đảm bảo quyền lợi bất di bất dịch tại khu vực hỗ trợ đó dưới mức giá thị trường. Lẽ dĩ nhiên khi giá rơi xuống gần ngưỡng hỗ trợ đó, việc cả bốn nhóm này đều mua những vị thế mới sẽ khiến giá tăng lên.

Diễn ra càng nhiều tại ngưỡng hỗ trợ thì giao dịch càng trở nên quan trọng vì sẽ có nhiều người tham gia thị trường có được quyền lợi bất di bất dịch tại mức giá đó. Số lượng giao dịch tại một khu vực hỗ trợ hoặc kháng cự có thể được xác định bằng ba cách: lượng thời gian bỏ ra, khối lượng giao dịch và cách thức mà những giao dịch đó vừa diễn ra.

Chu kỳ thời gian càng dài, nơi giá được giao dịch tại một ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự, khu vực đó càng có ý nghĩa. Ví dụ, nếu giá dao động không rõ xu hướng trong thời gian 3 tuần trong một khu vực giằng co giá trước khi tăng cao hơn thì khu vực hỗ trợ đó sẽ trở nên quan trọng hơn thời hạn giao dịch 3 ngày.

Khối lượng giao dịch là một cách khác để đánh giá mức độ quan trọng của ngưỡng hỗ trợ và kháng cự. Nếu ngưỡng hỗ trợ được hình thành từ khối lượng giao dịch lớn, chúng tôi có một số lượng lớn đơn vị được trao tay, và điều này cho thấy ngưỡng hỗ trợ đó quan trọng hơn là chỉ có một số ít giao dịch diễn ra. Đồ thị hình và điểm đánh giá hoạt động giao dịch trong ngày là công cụ đặc biệt hữu ích trong việc xác định những mức giá này, nơi có nhiều giao dịch diễn ra nhất đồng thời cũng là nơi thích hợp nhất để ngưỡng hỗ trợ và kháng cự thực hiện chức năng của mình.

Cách thứ ba để xác định tầm quan trọng của một ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự là xem giao dịch gần nhất diễn ra như thế nào. Vì đang nhắc đến phản ứng của các nhà giao dịch với biến động thị trường và với các vị thế mà họ vừa nắm giữ hoặc không thể nắm giữ nên chúng ta có lý do để tin rằng càng diễn ra gần đây thì hoạt động giao dịch càng có ý nghĩa.

Bây giờ, hãy quay trở lại với các bảng biểu và thử hình dung rằng, thay vì tăng, giá lại giảm xuống. Trong ví dụ trước, do giá tăng nên phản ứng kết hợp của các thành phần tham gia thị trường đã khiến giá rớt xuống nhằm đáp ứng việc mua bổ sung (do đó tạo nên một ngưỡng hỗ trợ mới). Tuy nhiên, nếu giá bắt đầu giảm và rơi xuống dưới ngưỡng hỗ trợ trước đó thì phản ứng sẽ diễn ra ngược lại. Tất cả những người mua tại ngưỡng hỗ trợ bây giờ nhận ra rằng mình đã phạm sai lầm. Đối với các nhà giao dịch tương lai, những cá nhân/tổ chức mới giới của họ sẽ điên cuồng yêu cầu bổ sung tiền ký quỹ. Vì tính đòn bẩy cao của giao dịch tương lai nên các nhà giao dịch không thể ngồi yên với việc thua lỗ kéo dài. Họ buộc phải tăng thêm tiền ký quỹ hoặc phải chấm dứt những vị thế đang thua lỗ của mình.

Những gì tạo nên ngưỡng hỗ trợ trước hết chính là ưu thế của lệnh mua khi giá thấp hơn giá thị trường. Tuy nhiên, bây giờ tất cả những vị thế mua khi thị trường giảm giá trở thành lệnh bán trong thị trường tăng giá. *Ngưỡng hỗ trợ biến thành ngưỡng kháng cự.* Và khu vực hỗ trợ trước đó càng quan trọng - nghĩa là thời gian diễn ra giao dịch càng gần cùng số lượng giao dịch diễn ra tại đó càng lớn - thì khả năng trở thành khu vực kháng cự càng lớn. Tất cả những yếu tố tạo nên ngưỡng hỗ trợ gồm ba thành phần tham gia thị trường - người mua, người bán và người đứng ngoài thị trường - sẽ tạo nên mức giá trần cao hơn những mức giá hình thành sau một đợt hồi phục.

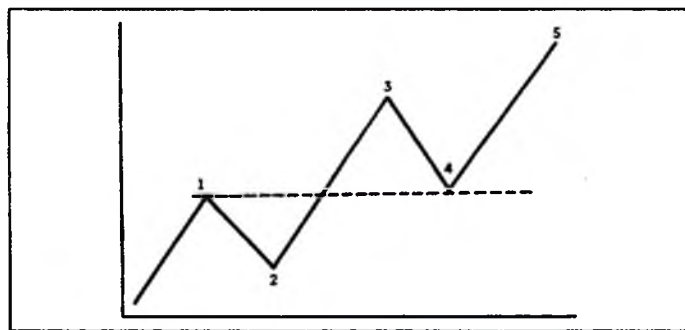
Đôi khi cũng cần phải tạm dừng lại và suy ngẫm về lý do tại sao mô hình giá lại được sử dụng, và những khái niệm như ngưỡng hỗ trợ và kháng cự có thật sự hiệu quả hay không. Điều đó không phải bởi sự kỳ diệu của đồ thị hay những đường kẻ được vẽ trên đồ thị. Những mô hình

HỌC CHUNG KHOAN tại: www.500dong.com / (facebook.com/Ngo500dong)

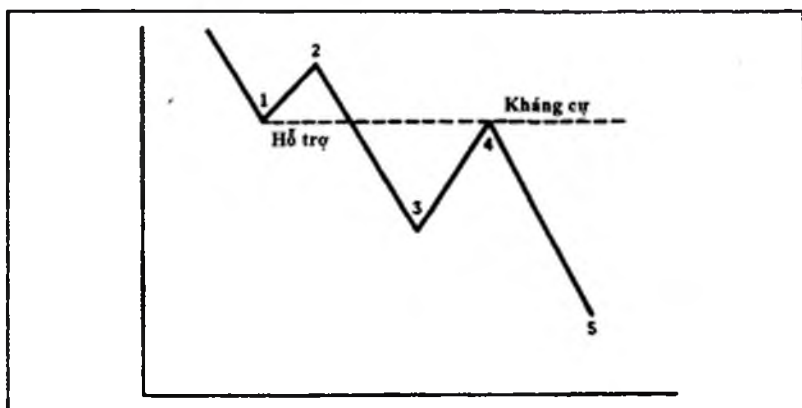
này có hiệu quả vì chúng tạo ra bức tranh về những gì mà những người tham gia thị trường đang làm và giúp chúng ta xác định được phản ứng của họ với những sự kiện trên thị trường. Phân tích đồ thị thực sự là việc nghiên cứu tâm lý con người và những phản ứng của các nhà giao dịch đối với những thay đổi của thị trường. Đáng tiếc là do đang sống trong một thế giới đầy biến động với sự phát triển nhanh chóng của các thị trường tài chính nên chúng ta có khuynh hướng dựa dẫm vào thuật ngữ đồ thị và những từ ngữ ngắn gọn mà xem nhẹ những tác nhân cơ bản tạo nên những mô hình trên đồ thị ngay từ lúc đầu. Có những lý do thuộc về tâm lý giải thích vì sao ngưỡng hỗ trợ và kháng cự có thể được xác định trên đồ thị giá và tại sao chúng có thể được sử dụng để hỗ trợ việc dự đoán biến động thị trường.

Ngưỡng hỗ trợ biến thành kháng cự và ngược lại: mức độ phá vỡ

Nếu bị phá vỡ bởi một mức tăng đáng kể, một ngưỡng hỗ trợ sẽ trở thành ngưỡng kháng cự và ngược lại. Hình 4.5a-c cũng tương tự hình 4.3a và b nhưng đã được tinh lọc lại. Lưu ý rằng khi giá đang tăng trong hình 4.5a thì phản ứng giá tại điểm 4 sẽ ngừng ở hoặc trên đỉnh tại điểm 1. Đỉnh trước đó tại điểm 1 là một ngưỡng kháng cự. Nhưng một khi nó



Hình 4.5a Trong một xu hướng giảm, ngưỡng hỗ trợ bị phá vỡ trở thành ngưỡng kháng cự của đợt phục hồi sau đó. Hãy lưu ý cách thức mà ngưỡng hỗ trợ tại điểm 1 trở thành ngưỡng kháng cự tại điểm 4.



Hình 4.5b Trong một xu hướng giảm, ngưỡng hỗ trợ bị phá vỡ trở thành ngưỡng kháng cự của đợt phục hồi sau đó. Hãy lưu ý cách thức mà ngưỡng hỗ trợ tại điểm 1 trở thành ngưỡng kháng cự tại điểm 4.



Hình 4.5c Sự chuyển đổi vai trò. Khi bị phá vỡ, ngưỡng kháng cự đầu năm 1997 lại biến thành một ngưỡng hỗ trợ.

bị phá vỡ bởi một sóng 3, ngưỡng kháng cự trước đó sẽ biến thành ngưỡng hỗ trợ. Tất cả những giao dịch bán gần đỉnh của sóng 1 (tạo nên ngưỡng kháng cự) hiện đã trở thành vị thế mua khi giá giảm. Trong hình 4.5b, giá đang giảm, điểm 1 (là một ngưỡng hỗ trợ trước đó trong thị trường giá giảm) hiện đã trở thành một ngưỡng kháng cự khi giá tăng tại điểm 4.

Như đã từng đề cập trước đó rằng khoảng cách giá vượt khỏi ngưỡng hỗ trợ hay kháng cự tương đương với mức độ quan trọng của ngưỡng đó. Điều này hoàn toàn đúng khi ngưỡng hỗ trợ và kháng cự bị phá vỡ và bị thay đổi vai trò. Ví dụ, ngưỡng hỗ trợ và kháng cự chỉ bị thay đổi vai trò khi bị phá vỡ với một giá trị đáng kể. Nhưng bao nhiêu mới là đáng kể? Ở đây có một chút chủ quan trong việc xác định mức độ ý nghĩa của sự phá vỡ. Như một chuẩn đối sánh, một số người sử dụng đồ thị sử dụng mức phá vỡ 3% làm tiêu chí, đặc biệt là đối với những ngưỡng kháng cự và hỗ trợ chính. Những khu vực kháng cự và hỗ trợ ngắn hạn hơn có thể sẽ đòi hỏi một con số nhỏ hơn, chẳng hạn 1%. Trên thực tế, mỗi nhà phân tích phải tự quyết định thể nào là một mức phá vỡ đáng kể. Tuy nhiên, cần phải nhớ rằng khu vực hỗ trợ và kháng cự chỉ đảo nghịch khi thị trường biến động nhiều đủ để khiến những người tham gia tin rằng họ đang phạm sai lầm. Thị trường biến động càng lớn thì họ càng trở nên dễ bị thuyết phục.

Tầm quan trọng của các con số làm tròn với tư cách là ngưỡng kháng cự và hỗ trợ

Ở đây có xu hướng sử dụng các số làm tròn để ngăn chặn việc tăng hoặc giảm giá. Các nhà giao dịch có khuynh hướng xem những số làm tròn như 10, 20, 25, 50, 75, 100 (và những bội số của 1000) là mục tiêu giá và dựa vào đó để hành động. Chính vì vậy mà những số làm tròn này thường sẽ đóng vai trò như những ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự mang tính tâm lý. Một nhà giao dịch có thể sử dụng thông tin này để bắt đầu kiếm lời khi đạt được con số làm tròn giá quan trọng.

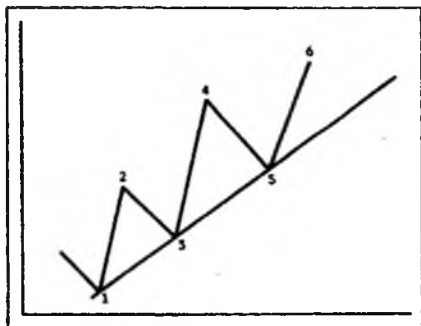
1982, đáy của thị trường giá xuống nằm tại mức \$300. Sau đó, trong quý một của năm 1983, thị trường lại hồi phục lên trên mức \$500 trước khi rớt xuống ngưỡng \$400. Một đợt hồi phục giá vàng vào năm 1987 đã dừng tại mức \$500. Từ năm 1990 đến 1997, mọi nỗ lực phá vỡ ngưỡng \$400 của vàng luôn thất bại. Chỉ số trung bình Dow Jones Industrial cho thấy thị trường có xu hướng dừng tại những mức bội số của 1000.

Một ứng dụng của nguyên tắc này trong giao dịch là *tránh đặt lệnh tại những mức số làm tròn hiển nhiên này*. Ví dụ, nếu nhà giao dịch cố đặt lệnh mua khi giá rớt mạnh (buy on dip), việc đặt lệnh giới hạn ngay trên số làm tròn sẽ đóng vai trò quan trọng. Vì những người khác đang cố mua vào tại những mức số làm tròn nên thị trường có thể sẽ không bao giờ đạt tới được điểm đó. Nhà giao dịch muốn bán ra khi có một đợt hồi phục nên đặt lệnh giới hạn ngay dưới con số làm tròn. Hành động ngược lại sẽ là khôn ngoan nếu đặt một lệnh tự động cắt lỗ tại những vị thế hiện tại. Thông thường, nên tránh đặt lệnh tự động cắt lỗ tại những mức số làm tròn.

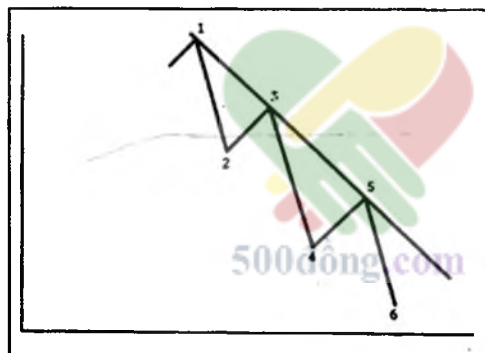
Nói cách khác, lệnh tự động cắt lỗ đối với các vị thế mua nên được đặt dưới những con số làm tròn và ngược lại, đối với các vị thế bán, lệnh tự động cắt lỗ nên được đặt bên trên. Xu hướng thị trường với việc xem trọng những số làm tròn, đặc biệt là những con số đã được đề cập trước đó chính là một trong những đặc điểm khác thường được chứng minh là hữu ích nhất trong giao dịch và được những nhà giao dịch kỹ thuật thị trường ghi nhớ.

ĐƯỜNG XU HƯỚNG

Chúng ta đã hiểu về ngưỡng hỗ trợ và kháng cự, và bây giờ hãy cùng tìm hiểu thêm một trong những công cụ kỹ thuật cơ bản khác - *đường xu hướng* (Xem hình 4.6a-c). Đường xu hướng cơ bản là một trong những công cụ kỹ thuật đơn giản nhất đồng thời cũng có giá trị nhất đối với người sử dụng đồ thị. Đường xu hướng tăng là một đường thẳng hướng lên sang phải nối liền những mức đáy thấp nhất như trong hình

**Hình 4.6a**

Ví dụ về đường xu hướng tăng. Đường xu hướng tăng được vẽ dưới các mức đáy thấp nhất theo chiều đi lên. Một đường xu hướng thăm dò được vẽ dưới hai đáy cao kế tiếp nhau (điểm 1 và 3) nhưng cần có điểm 5 để xác nhận giá trị của đường xu hướng đó.

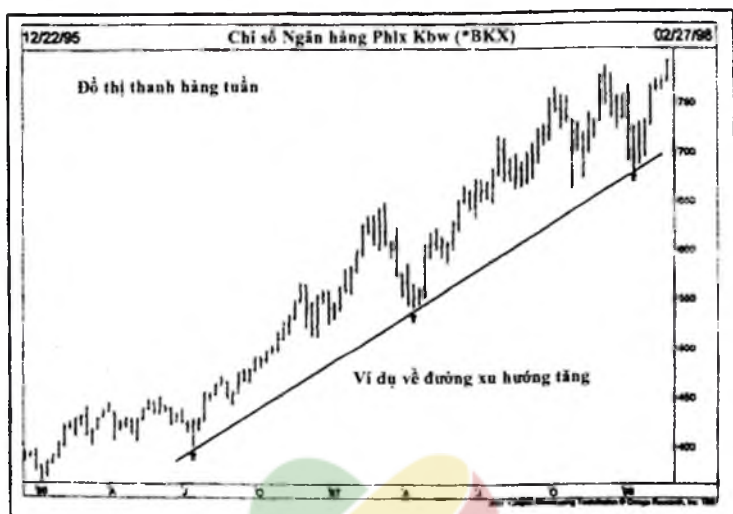
**Hình 4.6b**

Một đường xu hướng giảm được vẽ bên trên những đỉnh hồi phục thấp hơn. Đường xu hướng giảm thăm dò cần hai điểm (1 và 3) và một lần kiểm nghiệm thứ ba (điểm 5) để xác nhận giá trị của nó.

4.6a. Một đường xu hướng giảm được vẽ hướng xuống nối liền những đỉnh hồi phục như trong hình 4.6b.

Vẽ đường xu hướng

Việc vẽ chính xác các đường xu hướng là một khía cạnh quan trọng của đồ thị và một số thử nghiệm với các đường khác nhau sẽ giúp tìm ra đường xu hướng chính xác. Đôi khi, một đường xu hướng trông thì chính xác nhưng cần phải được vẽ lại. Tuy nhiên, ở đây có một số nguyên tắc chủ đạo hữu ích để biết được đâu là một đường xu hướng đúng.



Hình 4.6c. Đường xu hướng tăng dài hạn. Đường xu hướng tăng được vẽ đi lên sang phải nối hai đáy đầu tiên (nhìn mũi tên). Điểm đáy thứ ba ở đầu năm 1998 đã bật lên chứng tỏ xu hướng tăng được duy trì.

Trước hết, phải có tín hiệu của một xu hướng. Điều này có nghĩa rằng để vẽ một đường xu hướng tăng, cần phải có ít nhất hai đáy, trong đó đáy thứ hai cao hơn thứ nhất. Lẽ dĩ nhiên là ta cần có hai điểm để vẽ một đường thẳng. Ví dụ, trong hình 4.6a, chỉ khi giá bắt đầu tăng từ điểm 3 thì người vẽ đồ thị mới tin rằng một đáy đã được hình thành, và sau đó đường xu hướng tăng mới được vẽ từ điểm 1 và 3.

Một số người sử dụng đồ thị mong muốn điểm 2 phải bị phá vỡ để xác nhận xu hướng tăng trước khi vẽ đường xu hướng. Số khác lại chỉ cần một sự thoái lui 50% của sóng 2-3, hoặc giá tiến dần đến đỉnh sóng 2. Mặc dù tiêu chí có thể khác nhau, nhưng mấu chốt vẫn là người vẽ đồ thị muốn chắc chắn rằng có một đáy tương ứng được hình thành trước khi xác định giá trị của chúng. Một khi hai đáy tăng dần được xác định thì một đường xu hướng sẽ được vẽ nối liền các đáy, nhô lên và sang phải.

Đường xu hướng thăm dò trong sự đối sánh với đường xu hướng hợp lệ

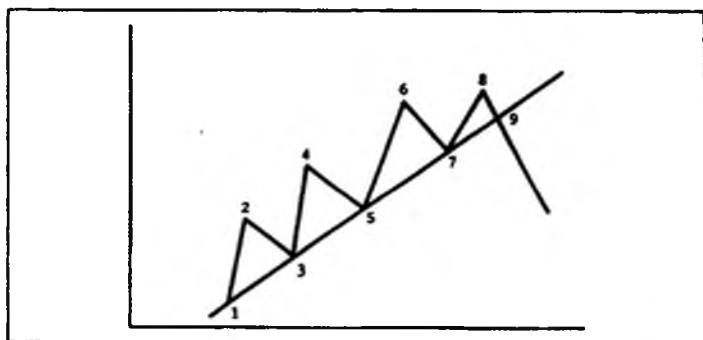
Cho tới giờ, tất cả những gì chúng ta đang có là một đường *xu hướng thăm dò*. Tuy nhiên, để xác định được giá trị của đường xu hướng thì đường này phải được đã động đến lần thứ ba với giá vượt khỏi nó. Do đó, trong hình 4.6a, việc kiểm nghiệm thành công đường xu hướng tăng tại điểm 5 đã xác nhận giá trị của đường này. Hình 4.6b cho thấy một xu hướng giảm với nguyên tắc không có gì thay đổi. Việc kiểm nghiệm thành công đường xu hướng diễn ra tại điểm 5. Tóm lại, chúng ta cần 2 điểm để vẽ đường xu hướng và một điểm thứ ba để biến nó trở thành đường *xu hướng hợp lệ*.

Cách sử dụng đường xu hướng

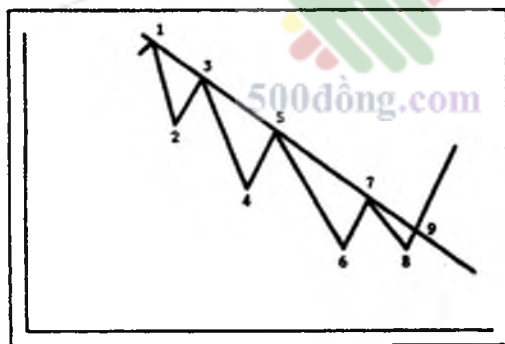
Khi điểm thứ ba đã được xác nhận và đường xu hướng vẫn duy trì chiều hướng ban đầu của mình thì đường này thực sự có ý nghĩa theo nhiều cách. Một trong những khái niệm cơ bản về đường xu hướng cho rằng một đường xu hướng đang hoạt động sẽ có khuynh hướng duy trì tình trạng hoạt động của nó. Hệ quả là khi thừa nhận một độ dốc hoặc tốc độ nhất định nào đó như đã được xác định bởi đường xu hướng, thì một xu hướng sẽ vẫn thường duy trì một độ dốc như thế. Đường xu hướng không những giúp xác định biên độ của giai đoạn hiệu chỉnh mà còn có thể cho ta biết được thời điểm thay đổi của xu hướng.

Ví dụ, trong một xu hướng tăng, sự giảm giá hiệu chỉnh không thể tránh khỏi thường sẽ tiếp xúc hoặc tiến đến gần đường xu hướng tăng. Bởi dự định của nhà giao dịch là mua vào khi giá thị trường giảm mạnh trong xu hướng tăng, đường xu hướng này sẽ tạo ra một ranh giới hỗ trợ khi giá giảm - điều được sử dụng như là một khu vực mua. Đường xu hướng giảm có thể được sử dụng như là một vùng kháng cự cho mục đích bán (Xem hình 4.7a và b).

Một khi còn chưa bị phá vỡ thì đường xu hướng vẫn còn được sử dụng để xác định khu vực mua và bán. Tuy nhiên, tại điểm 9 trong hình



Hình 4.7a Khi đường xu hướng tăng được thiết lập, các đáy tiếp sau gần đường xu hướng có thể được xem như một khu vực mua. Điểm 5 và 7 trong hình trên có thể được sử dụng cho những vị thế mua mới hoặc gia tăng. Đường xu hướng bị phá vỡ tại điểm 9 buộc nhà đầu tư phải thanh lý tất cả các vị thế mua vì báo hiệu một sự đảo chiều xu hướng giảm.



Hình 4.7b Điểm 5 và 7 có thể được sử dụng như khu vực bán. Sự phá vỡ đường xu hướng tại điểm 9 báo hiệu một sự đảo chiều xu hướng tăng.

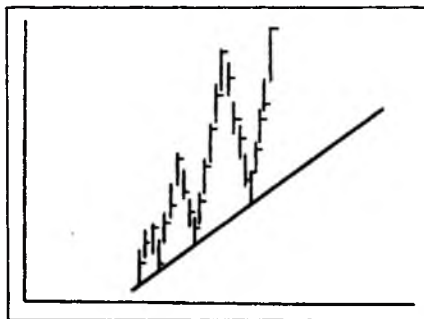
4.7a-b, đường xu hướng bị phá vỡ báo hiệu một sự thay đổi trong xu hướng, đòi hỏi phải thanh lý tất cả các vị thế theo xu hướng trước đó. Thông thường, đường xu hướng bị phá vỡ là một trong những tín hiệu cảnh báo sự thay đổi xu hướng sớm nhất.

Cách xác định tầm quan trọng của một đường xu hướng

Hãy thảo luận về một số tính chất nổi bật của đường xu hướng. Trước hết, điều gì quyết định tầm quan trọng của một đường xu hướng? Câu trả lời bao gồm hai phần: *thời gian theo đó đường xu hướng không thay đổi và số lần nó được kiểm nghiệm*. Ví dụ, một đường xu hướng được kiểm nghiệm thành công 8 lần, tức là liên tục thể hiện được giá trị của mình, hiển nhiên sẽ quan trọng hơn so với đường chỉ được kiểm nghiệm 3 lần. Hơn nữa, một đường xu hướng kéo dài trong 9 tháng sẽ quan trọng hơn đường xu hướng chỉ kéo dài trong 9 tuần hoặc 9 ngày. Đường xu hướng càng có ý nghĩa thì càng tạo được niềm tin và việc nó bị phá vỡ càng quan trọng hơn.

Đường xu hướng nên thể hiện tất cả biến động giá

Đường xu hướng trên đồ thị thanh nên được vẽ trên hoặc dưới biên độ giá của cả ngày. Một số người sử dụng đồ thị thích vẽ đường xu hướng bằng cách chỉ nối giá đóng cửa, nhưng đó không phải là một phương pháp đúng chuẩn. Giá đóng cửa có thể là mức giá quan trọng nhất trong ngày, nhưng nó vẫn chỉ đại diện cho số ít hoạt động giao dịch của ngày hôm đó. Phương pháp tính toán bộ biên độ giá của cả ngày được sử dụng phổ biến hơn vì nó bao quát tất cả các hoạt động giao dịch. (Xem hình 4.8).



Hình 4.8

Một đường xu hướng đúng phải bao gồm biên độ giao dịch của cả ngày.

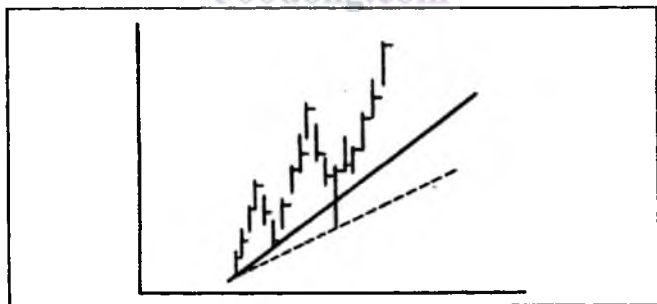
Cách xử lý những đợt phá vỡ không đáng kể đối với đường xu hướng

Đôi khi, giá cả sẽ phá vỡ đường xu hướng trên cơ sở giao dịch trong ngày, nhưng sau đó lại đóng cửa theo hướng xu hướng ban đầu, khiến các nhà phân tích trở nên phân vân không biết liệu đường xu hướng có thật sự bị phá vỡ hay chưa. (Xem hình 4.9) Hình 4.9 là ví dụ về một tình huống như vậy. Giá đã rút xuống dưới đường xu hướng suốt cả phiên, nhưng quay trở lại đóng cửa trên đường xu hướng tăng. Vậy đường xu hướng này có cần được vẽ lại không?

Thật đáng tiếc là không có một phương pháp nào để chúng ta có thể tuân theo một cách nhanh chóng. Đôi khi, tốt nhất chúng ta nên phớt lờ những sự phá vỡ nhỏ lẻ, đặc biệt là khi diễn biến của thị trường sau đó có thể chứng minh được là đường ban đầu vẫn còn hiệu lực.

Điều gì tạo nên sự phá vỡ hợp lệ đối với đường xu hướng?

Thông thường, một mức giá đóng cửa vượt khỏi phạm vi đường xu hướng vẫn quan trọng hơn một cú phá vỡ trong ngày. Thậm chí, đôi khi



Hình 4.9 Đôi khi, sự phá vỡ đường xu hướng trong ngày sẽ khiến người sử dụng đồ thị hoài nghi liệu đường xu hướng ban đầu vẫn có hiệu lực hay cần vẽ một đường mới. Hướng giải quyết cho vấn đề này là giữ nguyên đường xu hướng ban đầu nhưng vẽ thêm một đường gạch chấm cho đến khi ta xác định được đường nào đáng tin cậy hơn.

một sự phá vỡ mức giá đóng cửa cũng không đủ. Đa số các nhà phân tích kỹ thuật sử dụng nhiều công cụ lọc giá và thời gian nhằm phân biệt những cú phá vỡ đường xu hướng đáng kể và loại bỏ những tín hiệu xấu hay hiện tượng “lưỡi cưa” (là hiện tượng giá đang theo hướng tăng lại có biến động giảm mạnh khiến giá rút mạnh một cách thất thường và ngược lại - ND). Một ví dụ về “phễu” lọc giá là *chuẩn mực phá vỡ 3%*. Chuẩn mực này chủ yếu được áp dụng cho các cú phá vỡ đường xu hướng dài hạn, ít nhất là 3%. (Quy tắc 3% không được áp dụng cho một số thị trường tài chính tương lai, chẳng hạn như thị trường lãi suất).

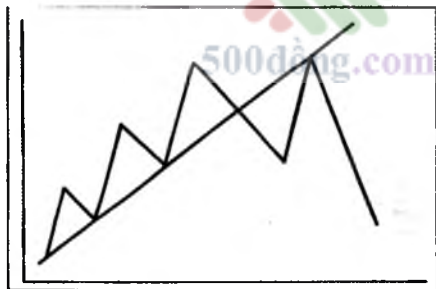
Ví dụ, nếu giá vàng phá vỡ một đường xu hướng tăng tại mức \$400, giá có thể sẽ đóng cửa 3% bên dưới đường đó tính từ điểm nó bị phá vỡ (trong trường hợp này, giá có thể sẽ đóng cửa ở mức thấp hơn đường xu hướng \$12, tức là tại mức \$388). **Hiển nhiên**, chuẩn mực phá vỡ mức \$12 không thích hợp với những giao dịch ngắn hạn. Có vẻ như chuẩn mực 1% sẽ thích hợp hơn. Quy tắc % chỉ là một trong những cách lọc giá. Người sử dụng đồ thị trong chứng khoán sẽ cần một cú phá vỡ triệt để và bỏ qua những biến động nhỏ lẻ. Ở đây có một sự thỏa hiệp liên quan đến việc sử dụng bất kỳ dạng phễu lọc nào. Nếu quá nhỏ, phễu lọc sẽ vô ích trong việc giảm thiểu tác động của hiện tượng lưỡi cưa. Nếu nó quá lớn thì hầu hết biến động ban đầu sẽ bị bỏ qua trước khi nhận thấy tín hiệu hợp lý. Một lần nữa, các nhà giao dịch cần phải xác định chắc chắn rằng loại phễu lọc nào sẽ thích hợp nhất với cấp độ của xu hướng theo sau trong khi vẫn thừa nhận sự khác biệt trong các thị trường riêng lẻ.

Một giải pháp thay thế khác đối với phễu lọc giá (đòi hỏi một đường xu hướng phải bị phá vỡ bởi lượng giá của giá hoặc tỷ lệ phần trăm định trước) chính là phễu lọc thời gian. Một dạng *phễu lọc thời gian* phổ biến là *quy luật hai ngày*. Nói cách khác, để có được một sự phá vỡ đáng kể, giá phải đóng cửa bên trên đường xu hướng trong hai ngày liên tiếp. Do vậy, để phá vỡ một đường xu hướng tăng, giá phải đóng cửa dưới đường xu hướng trong hai ngày liên tục. Sự phá vỡ một ngày sẽ không được tính. Quy tắc 1-3% và quy tắc hai ngày cũng được áp

dụng cho sự phá vỡ các ngưỡng hỗ trợ và kháng cự quan trọng chứ không chỉ riêng cho đường xu hướng chính. Một loại phổ lọc khác cần mức giá đóng cửa vào thứ Sáu vượt qua điểm phá vỡ chính để đảm bảo tín hiệu hàng tuần.

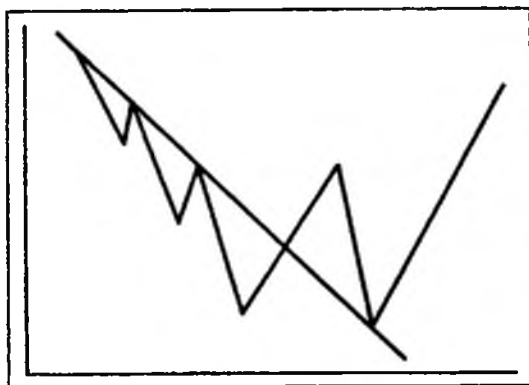
Cách thức hoán đổi vai trò của đường xu hướng

Chúng ta đã từng đề cập trước đó rằng ngưỡng hỗ trợ và kháng cự sẽ thay đổi vai trò nếu bị phá vỡ. Đối với đường xu hướng cũng vậy. (Xem hình 4.10a-c). Nói cách khác, một đường xu hướng tăng (đường hỗ trợ) sẽ trở thành đường kháng cự khi bị phá vỡ một cách triệt để. Đó là lý do tại sao đây được coi là ý tưởng tốt để hướng tất cả các đường xu hướng về bên phải đồ thị càng xa càng tốt ngay sau khi chúng bị phá vỡ. Thật bất ngờ là các đường xu hướng cũ thường vận hành như những đường hỗ trợ và kháng cự trong tương lai nhưng lại hoán đổi vai trò cho nhau.



Hình 4.10a

Ví dụ về đường hỗ trợ tăng giá trở thành đường kháng cự. Đường hỗ trợ sẽ có chức năng như một đường kháng cự đối với đợt phục hồi sau đó, sau khi nó đã bị phá vỡ trên đường giá đi xuống.

**Hình 4.10b**

Một đường xu hướng giảm thường sẽ trở thành đường hỗ trợ khi bị phá vỡ do giá đi theo xu hướng tăng.



Hình 4.10c Đường xu hướng cũng có thể đảo ngược vai trò. Trên đồ thị này, đường xu hướng tăng bị phá vỡ biến thành đường kháng cự của một đợt hồi phục sau đó.

Chức năng đo lường của đường xu hướng

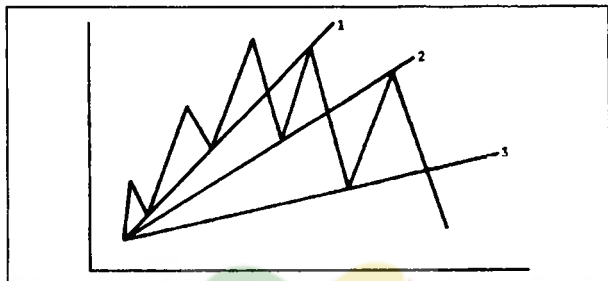
Đường xu hướng có thể được sử dụng để xác định mục tiêu giá. Trong hai chương tiếp theo về mô hình giá, chúng ta sẽ đề cập nhiều hơn về mục tiêu giá. Trên thực tế, một số mục tiêu giá có nguồn gốc từ các mô hình giá khác nhau đều tương tự như với đường xu hướng. Nói một cách ngắn gọn thì khi đường xu hướng bị phá vỡ, giá thường sẽ di chuyển vượt qua đường xu hướng một khoảng bằng với khoảng cách tính theo chiều dọc mà giá đạt được ở bên kia của đường xu hướng, trước khi xu hướng đảo chiều.

Nói cách khác, nếu trong một xu hướng tăng trước đó, giá biến động \$50 lên trên đường xu hướng tăng (tính theo chiều dọc), thì sau đó giá được kỳ vọng sẽ rút \$50 xuống dưới đường xu hướng sau khi bị phá vỡ. Ví dụ, trong chương tiếp theo chúng ta sẽ thấy rằng, với việc sử dụng đường xu hướng, nguyên tắc đo lường này sẽ tương tự với đường xu hướng được sử dụng trong mô hình đảo chiều “đầu và vai” (head and shoulder reversal pattern), trong đó khoảng cách từ đầu đến “đường viền cổ” (neckline) sẽ nhô ra bên ngoài đường này sau khi bị phá vỡ.

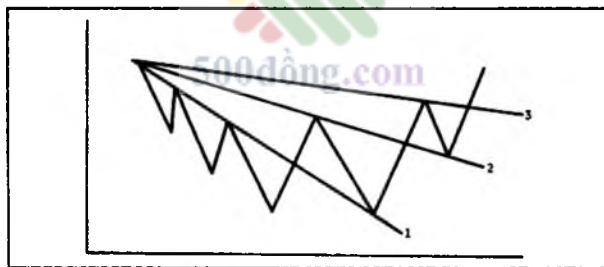
NGUYÊN TẮC HÌNH QUẠT

Phần này đưa chúng ta đến với cách sử dụng thú vị khác đối với đường xu hướng - *nguyên tắc hình quạt* (The Fan Principle). (Xem hình 4.11a-c). Đôi khi, sau sự phá vỡ của một đường xu hướng tăng, giá sẽ giảm một chút trước khi phục hồi trở lại tới đáy của đường xu hướng tăng cũ (mà bây giờ là đường kháng cự). Trong hình 4.11a, nên lưu ý cách phục hồi giá dù không thể vượt khỏi đường số 1. Một đường xu hướng thứ hai (đường 2) cũng bị phá vỡ. Sau một nỗ lực hồi phục bị thất bại khác, đường thứ ba được vẽ lên (đường 3). *Sự phá vỡ đường xu hướng thứ ba thường báo hiệu khả năng giá sẽ tiếp tục giảm.* Trong hình 4.11b, sự phá vỡ đường xu hướng giảm thứ ba (đường số 3) tạo thành tín hiệu của xu hướng tăng mới. Trong những ví dụ này, những đường hỗ trợ bị phá vỡ trước đó trở thành đường kháng cự và ngược lại. Thuật ngữ “nguyên tắc hình quạt” bắt nguồn từ hình dạng của những đường này - chúng tỏa

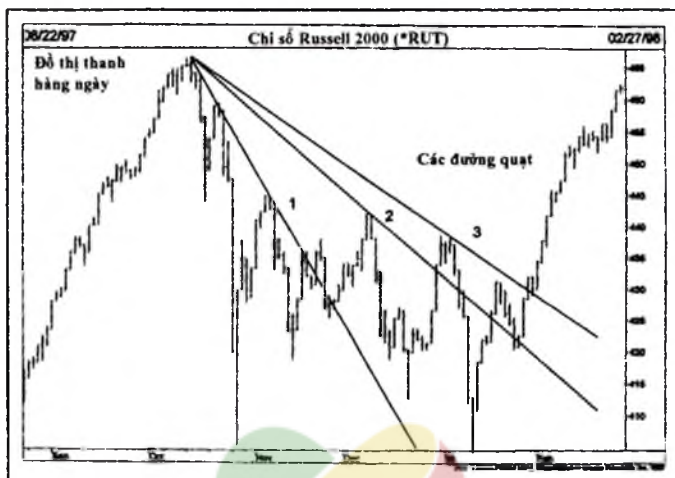
ra giống như những cánh quạt. Cần lưu ý rằng sự phá vỡ đường thứ ba là một tín hiệu đảo chiều xu hướng hợp lệ.



Hình 4.11a Ví dụ về nguyên tắc hình quạt. Sự phá vỡ đường xu hướng thứ ba báo hiệu sự đảo chiều xu hướng. Đường xu hướng 1 và 2 bị phá vỡ cũng trở thành đường kháng cự.



Hình 4.11b Nguyên tắc hình quạt tại đáy. Sự phá vỡ đường xu hướng thứ ba báo hiệu sự đảo chiều xu hướng đi lên. Đường xu hướng đã bị phá vỡ trước đó (1 và 2) trở thành những ngưỡng hỗ trợ.



Hình 4.11c Hình quạt được vẽ nối các đỉnh liên tiếp như trong đồ thị. Sự phá vỡ đường cánh quạt thứ ba thường báo hiệu sự bắt đầu của xu hướng tăng.

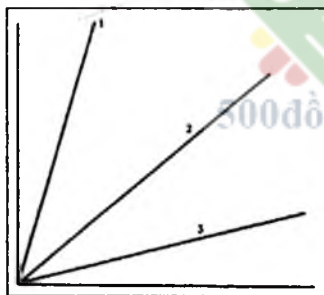
TẦM QUAN TRỌNG CỦA CON SỐ 3

Trong việc nghiên cứu ba đường xu hướng trong nguyên tắc hình quạt, có một điều thú vị là con số 3 xuất hiện rất thường xuyên trong nghiên cứu về phân tích kỹ thuật và đóng vai trò quan trọng trong nhiều phương pháp tiếp cận kỹ thuật. Ví dụ, nguyên tắc hình quạt sử dụng ba đường xu hướng; các thị trường tăng và giảm giá chính cũng thường có 3 giai đoạn cơ bản (lý thuyết Dow và lý thuyết sóng Elliott); có 3 loại vùng trống (gap - vùng không có giao dịch xảy ra - ND); một số mô hình đảo chiều phổ biến, chẳng hạn như mô hình ba đỉnh (triple top) hay mô hình vai và đầu, cũng có ba đỉnh nổi bật; có ba nhóm đường xu hướng khác nhau (chính, trung gian và nhỏ); ba chiều hướng của đường xu hướng (lên, xuống và đi ngang); trong những mô hình tiếp diễn được thừa nhận, có ba loại tam giác - đối xứng, tăng và giảm; có ba nguồn thông tin cơ bản - giá, khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán. Dù với lý do nào đi nữa thì con số 3 vẫn xuất hiện nổi bật trong lĩnh vực phân tích kỹ thuật.

ĐỘ ĐỐC TƯƠNG ĐỐI CỦA ĐƯỜNG XU HƯỚNG

Độ dốc tương đối của đường xu hướng cũng rất quan trọng. Nhìn chung, đường xu hướng tăng có xu hướng nghiêng 45 độ - độ dốc quan trọng nhất. Một số người chỉ đơn giản vẽ từ một đỉnh hoặc đáy nổi bật và sử dụng nó như một đường xu hướng chính. Đường 45 độ là một trong những kỹ thuật được W.D.Gann yêu thích. Dạng đường như vậy phản ánh tình huống nơi giá tăng hoặc giảm cùng một tỷ lệ khiến cho giá và thời gian trong tình trạng cân bằng hoàn toàn.

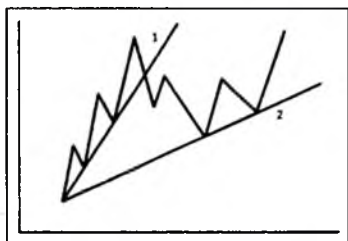
Nếu một đường xu hướng quá dốc như đường 1 trong hình 4.12, giá sẽ được cho là đang tăng quá nhanh và mức tăng hiện tại sẽ không bền vững. Sự phá vỡ đường xu hướng dốc chỉ đơn thuần là sự tụt lại để có một độ dốc bền vững hơn là 45 độ (đường 2). Nếu một đường xu hướng quá bằng phẳng (như hình 3) có thể cho thấy xu hướng tăng quá yếu và không đáng tin cậy.



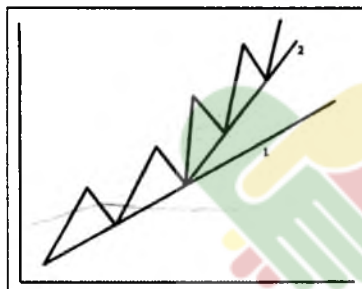
Hình 4.12 Hầu hết những đường xu hướng có giá trị đều nghiêng một góc khoảng 45 độ (xem đường 2). Nếu đường xu hướng quá dốc như đường 1, thì khả năng giá đi lên không lớn. Một đường xu hướng quá bằng phẳng như đường 3 thì lại chứng tỏ xu hướng tăng quá yếu và không đáng tin cậy. Nhiều nhà phân tích kỹ thuật sử dụng đường 45 độ bắt đầu từ đỉnh hoặc đáy trước đó như là đường xu hướng chính.

Cách thức điều chỉnh đường xu hướng

Đôi khi đường xu hướng phải được điều chỉnh để phù hợp với xu hướng tăng hay giảm. (Xem hình 4.13 và hình 4.14a và b). Ví dụ, như đã trình bày trong trường hợp trước, nếu một đường xu hướng dốc bị phá vỡ, ta phải vẽ thêm một đường xu hướng ít dốc hơn. Nếu đường xu hướng ban đầu quá bằng phẳng, ta phải vẽ lại thành một đường dốc hơn. Hình 4.13 cho thấy khi một đường xu hướng quá dốc bị phá vỡ (đường 1), một đường ít dốc hơn (đường 2) phải được vẽ ra.



Hình 4.13 Ví dụ về một đường xu hướng quá dốc (đường 1). Đường xu hướng tăng ban đầu có độ dốc quá lớn. Thường thì sự phá vỡ một đường xu hướng dốc đứng chỉ là sự điều chỉnh thành một đường xu hướng tăng chậm hơn và chắc chắn hơn.



Hình 4.14a Đường xu hướng ban đầu quá bằng phẳng và phải được vẽ lại cho dốc hơn (đường 2). Khi đường xu hướng tăng tăng tốc thì đòi hỏi phải vẽ một đường dốc hơn. Một đường xu hướng quá cách xa điểm biến động giá thì thường ít được sử dụng để theo dõi xu hướng.

Trong hình 4.14a, đường xu hướng ban đầu quá bằng phẳng và phải được vẽ lại cho dốc hơn (hình 2). Khi đường xu hướng tăng tăng tốc thì đòi hỏi phải vẽ một đường dốc hơn. Một đường xu hướng quá cách xa điểm biến động giá thì thường ít được sử dụng để theo dõi xu hướng.

Trong trường hợp một xu hướng đang tăng nhanh, đôi khi một vài đường xu hướng phải được vẽ lại với độ dốc lớn hơn. Tuy nhiên, theo kinh nghiệm của tôi, khi cần vẽ thêm đường xu hướng có độ dốc cao hơn thì phải sử dụng một công cụ khác - đường trung bình di động - là dạng đường xu hướng cong. Một trong những ưu thế của việc sở hữu nhiều dạng chỉ báo kỹ thuật khác nhau là có thể chọn được công cụ thích hợp nhất với tình hình hiện tại. Tất cả các kỹ thuật được nói đến trong cuốn sách này đều hiệu quả trong tình huống nào đó, nhưng lại vô hiệu trong những tình huống khác. Khi có nhiều công cụ để sử dụng



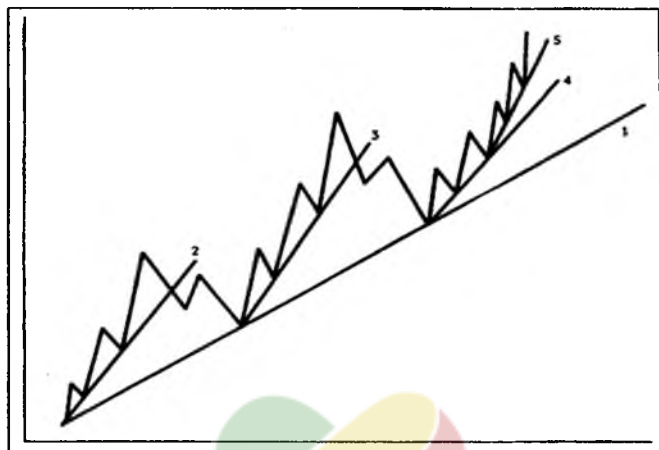
Hình 4.14b Một xu hướng đang tăng đòi hỏi phải có đường xu hướng dốc hơn như hình trên. Đường xu hướng có độ dốc lớn nhất là cái quan trọng nhất.

thì nhà phân tích kỹ thuật có thể nhanh chóng chuyển từ một công cụ này sang công cụ khác có thể hiệu quả hơn cho tình huống đó. Khi có một đường xu hướng tăng tốc thì một đường trung bình di động sẽ hữu ích hơn so với một chuỗi đường xu hướng dốc hơn.

Tại một thời điểm nào đó có thể có những cấp độ xu hướng khác nhau, vì thế cần có nhiều đường xu hướng khác nhau để đánh giá được những xu hướng đa dạng này. Ví dụ một đường xu hướng tăng chính có thể nối những điểm đáy của xu hướng tăng chính, mặc dù một đường ngắn hơn và nhạy cảm hơn lại được sử dụng cho xu hướng trung gian. Một đường nhỏ hơn nữa có thể đánh giá được những biến động ngắn hạn hơn. (Xem hình 4.15)

ĐƯỜNG KÊNH GIÁ

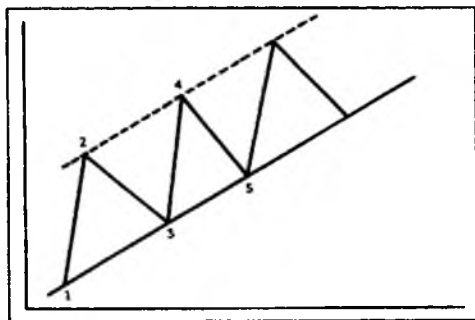
Đường kênh giá (Channel Line), hay đường thu hoạch (Return Line) là một biến thể hữu dụng khác của đường xu hướng. Đôi khi giá có xu



Hình 4.15 Những đường xu hướng khác nhau dùng để xác định những cấp độ xu hướng khác nhau. Đường 1 trong ví dụ trên là ví dụ về một đường xu hướng tăng chính giúp xác định một xu hướng chính. Đường 2, 3 và 4 xác định những xu hướng tăng cấp trung. Cuối cùng, đường 5 xác định sự tăng giá ngắn hạn hơn của xu hướng tăng cấp trung gần nhất. Các nhà kỹ thuật sử dụng nhiều đường xu hướng khác nhau trên cùng một đồ thị.

hướng nằm bên trong hai đường song song - đường xu hướng cơ bản và đường kênh giá. Hiển nhiên, khi thực tế đúng như vậy và sự tồn tại của kênh xu hướng được giới phân tích thừa nhận, kiến thức này sẽ được sử dụng để tạo ra lợi nhuận.

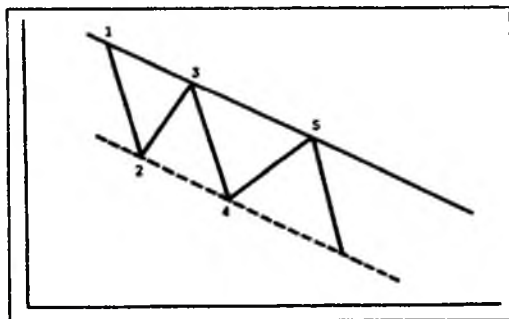
Việc vẽ đường kênh giá tương đối đơn giản. Trong một xu hướng tăng (Xem hình 4.16a), trước tiên ta vẽ đường xu hướng tăng cơ bản nối các đáy. Sau đó, ta vẽ một đường gạch chấm từ đỉnh đầu tiên (điểm 2) song song với đường xu hướng tăng cơ bản. Cả hai đường đều hướng lên về phía phải, hình thành một kênh giá. Nếu đợt hồi phục kế tiếp chạm đến và bật lại từ đường kênh giá (tại điểm 4), thì kênh giá có thể tồn tại. Nếu sau đó giá lại rơi ngược về đường xu hướng ban đầu (tại điểm 5) thì có khả năng kênh giá sẽ xuất hiện. Với xu hướng giảm, tình



Hình 4.16a Ví dụ về kênh xu hướng. Khi đường xu hướng tăng cơ bản được vẽ (dưới điểm 1 và 3) thì đường kênh giá hay đường thu hoạch có thể sẽ nằm trên đỉnh đầu tiên tại điểm 2, song song với đường xu hướng chính.

hình cũng diễn ra tương tự (hình 4.16b) nhưng tất nhiên là theo hướng ngược lại.

Bạn đọc chắc chắn sẽ nhận ra tầm quan trọng của tình huống này. Đường xu hướng tăng cơ bản được sử dụng để bắt đầu những vị thế mua mới. Đường kênh giá có thể được sử dụng cho những hoạt động kiếm lời ngắn hạn. Các nhà giao dịch tích cực sử dụng đường kênh giá để bắt đầu một vị thế bán ngắn hạn xu hướng cho dù việc giao dịch theo hướng ngược lại có thể nguy hiểm và tốn kém. Cũng như trường hợp của đường xu hướng căn bản, kênh giá càng dài và càng được thử thách thành công nhiều lần thì càng có ý nghĩa và bền vững.



Hình 4.16b Một kênh xu hướng giảm. Kênh giá giảm từ đáy đầu tiên là điểm 2, song song với đường xu hướng giảm nối đỉnh 1 và 3. Giá thường sẽ nằm bên trong kênh xu hướng.

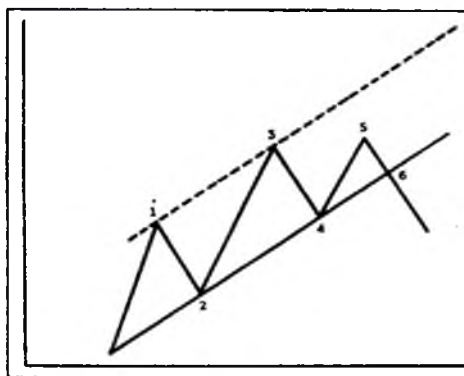


Hình 4.16c Hãy lưu ý đến mức độ dao động giá giữa đường kênh giá song song trên và dưới trong suốt 25 năm. Đỉnh của những năm 1987, 1989 và 1993 nằm ngay tại đường kênh giá trên. Đáy năm 1994 bị bật lại từ đường xu hướng bên dưới.

500dong.com

Việc phá vỡ đường xu hướng chính sẽ báo hiệu một sự thay đổi quan trọng về xu hướng. Tuy nhiên, sự phá vỡ đường kênh giá tăng lại có một ý nghĩa ngược lại, và báo hiệu một sự tăng tốc trong xu hướng hiện tại. Một số nhà giao dịch xem việc làm rõ đường kênh giá trên trong một xu hướng tăng như là một lý do để bổ sung các vị thế mua.

Một cách khác để sử dụng kỹ thuật đường kênh giá là nhận ra sự thất bại trong việc tiếp cận đường kênh giá, một tín hiệu cho thấy sự suy yếu của xu hướng. Trong hình 4.17, việc giá không thể chạm đỉnh kênh giá (tại điểm 5) có thể là một tín hiệu sớm báo hiệu sự thay đổi của xu hướng và khả năng đường còn lại (đường xu hướng tăng cơ bản) sẽ bị phá vỡ. Theo lệ thường, sự thất bại của bất cứ chuyển động nào trong phạm vi một kênh giá được thiết lập nhằm đạt được một mặt của kênh giá cũng thường cho thấy rằng xu hướng đang thay đổi, và làm gia tăng khả năng bị phá vỡ của đường kênh giá còn lại.

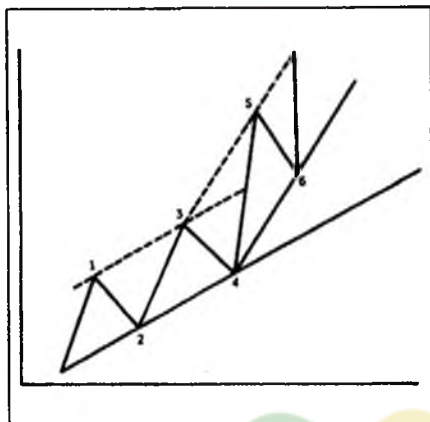


Hình 4.17 Sự thất bại trong việc tiếp cận đường kênh giá trên thường được coi là tín hiệu cảnh báo khả năng bị phá vỡ của đường kênh giá dưới. Hãy lưu ý rằng, theo sau thất bại trong việc tiếp cận đường kênh giá trên tại điểm 5 là sự phá vỡ đường xu hướng tăng cơ bản tại điểm 6.

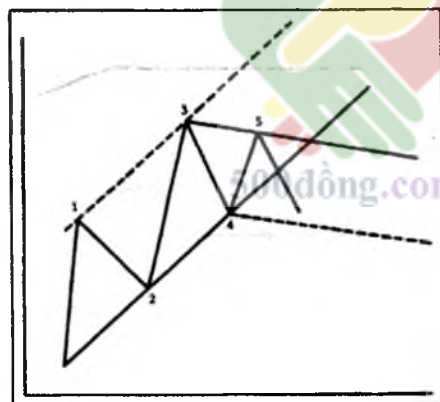
Kênh giá cũng có thể được sử dụng để điều chỉnh đường xu hướng cơ bản. (Xem hình 4.18 và 4.19). Thông thường, sự biến động với một mức đáng kể trên đường kênh giá tăng sẽ cho thấy sự bền vững của đường xu hướng. Một số người sử dụng đồ thị vẽ một đường xu hướng tăng cơ bản có độ dốc lớn hơn từ đáy gần nhất song song với đường kênh giá mới (như trên hình 4.18). Thông thường, một đường hỗ trợ mới có độ dốc hơn sẽ hoạt động tốt hơn so với đường ít dốc. Tương tự, sự thất bại của một xu hướng tăng trong việc tiếp cận đường biên trên của một kênh giá chứng minh rằng việc vẽ thêm đường hỗ trợ mới tại đáy tương ứng gần nhất song song với đường kháng cự mới nằm trên 2 đỉnh trước đó là đúng (Xem hình 4.19).

Đường kênh giá có chức năng đo lường. Khi kênh giá hiện tại bị phá vỡ, giá thường sẽ di chuyển một khoảng bằng chiều rộng kênh giá. Chính vì thế mà người sử dụng phải đo chiều rộng của kênh giá và dự tính khoảng cách đó từ điểm phá vỡ đường xu hướng.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng trong hai đường đó, đường xu hướng cơ bản đóng vai trò quan trọng và đáng tin cậy hơn nhiều. Đường kênh giá chỉ là cách sử dụng thứ yếu trong kỹ thuật đường xu hướng. Tuy nhiên, việc sử dụng đường kênh giá thường hiệu quả trong việc điều chỉnh công cụ phân tích của nhà phân tích đồ thị.



Hình 4.18 Khi đường kênh giá phía trên bị phá vỡ (như trong sóng 5), nhiều người sẽ vẽ lại đường xu hướng tăng cơ bản song song với đường kênh giá mới phía trên. Nói cách khác, đường 4-6 được vẽ song song với đường 3-5. Vì xu hướng tăng đang tăng tốc, nên có lý do tin rằng đường xu hướng tăng sẽ đi như vậy.



Hình 4.19 Khi giá không thể chạm đường kênh giá phía trên và đường xu hướng giảm được dựng lên trên hai đỉnh đang giảm (đường 3-5) thì một đường kênh giá thăm dò có thể được vẽ từ điểm 4 song song với đường 3-5. Đôi khi, đường kênh giá phía dưới cho thấy vị trí hiển thị ngưỡng hỗ trợ.

THOÁI LUI THEO TỶ LỆ PHẦN TRĂM

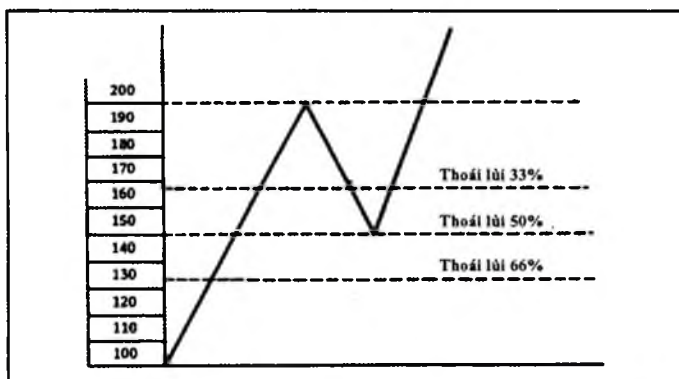
Trong tất cả các ví dụ trước về xu hướng tăng và giảm, độc giả nhận thấy rằng sau những biến động cụ thể thì giá lại lùi về một phần so với xu hướng trước đó trước khi tiếp tục dịch chuyển theo hướng ban đầu. Những biến động đảo chiều như vậy có khuynh hướng thuộc những tham số tỷ lệ phần trăm nhất định có thể được dự đoán trước. Ứng dụng được biết đến nhiều nhất của hiện tượng này là tỷ lệ *thoái lùi* 50%. Thử

HOC CHUNG KHOAN tại: www.500dong.com / (facebook.com/Ngo500dong)

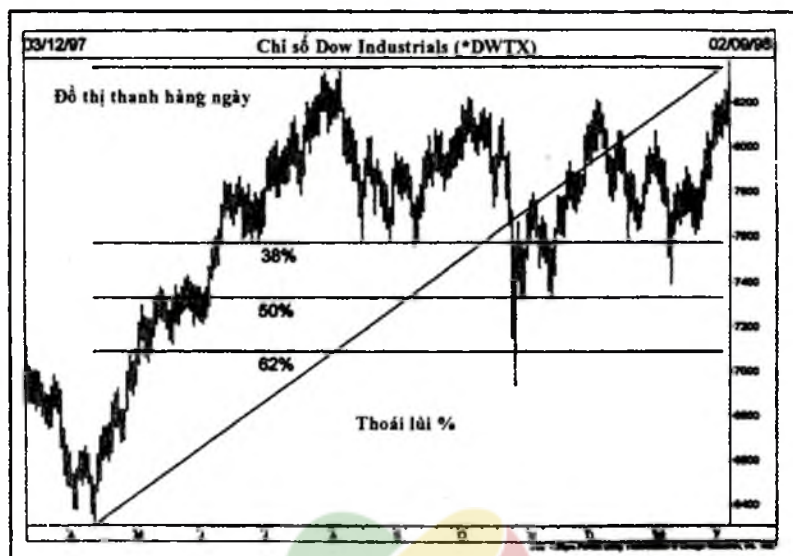
lấy ví dụ về thị trường đang có xu hướng tăng giá với mức dịch chuyển từ 100 lên 200. Phản ứng theo sau sẽ thoái lùi 50% của biến động trước đó, tức là xuống mức 150 trước khi xung lượng tăng giá được phục hồi. Đây là xu hướng phổ biến trên thị trường và xảy ra khá thường xuyên. Hơn nữa, hiện tượng này xảy ra với tất cả các loại xu hướng - chính, trung bình và ngắn hạn.

Bên cạnh sự thoái lùi 50% còn có những tham số tỷ lệ tối đa và tối thiểu được thừa nhận rộng rãi: *sự thoái lùi một phần ba và hai phần ba*. Nói cách khác, một xu hướng giá được chia làm ba phần. Thông thường, sự thoái lùi tối thiểu là 33% và tối đa là 66%. Điều đó có nghĩa là trong sự hiệu chỉnh của một xu hướng vững chắc, thị trường thường thoái lùi ít nhất một phần ba của biến độ biến động trước đó. Đây là thông tin vô cùng hữu ích bởi nhiều nguyên do. Nếu muốn tìm kiếm một khu vực mua giá giảm thì nhà giao dịch có thể ước tính một vùng từ 33-50% trên đồ thị và sử dụng vùng này như một khu vực chung cho mục đích mua. (Xem hình 4.20a và b).

Tham số thoái lùi tối đa là 66% và được coi là khu vực đặc biệt quan trọng. Nếu xu hướng trước đó vẫn được duy trì thì sự hiệu chỉnh phải



Hình 4.20a Giá thường thoái lùi một nửa so với xu hướng trước đó rồi lại phục hồi theo hướng ban đầu. Ví dụ trên là thoái lùi 50%. Thoái lùi tối thiểu là một phần ba và tối đa là hai phần ba.



Hình 4.20b Ba đường nằm ngang đánh dấu các mức thoái lùi 38%, 50% và 62% được đo lường từ những mức thấp tháng 4 năm 1997 đến mức cao của tháng 8. Dợt thoái lùi đầu tiên rơi xuống đường 38%, đợt thứ hai rơi xuống 62% và đường thứ ba gần mức 50%. Đa số những sự hiệu chỉnh đều có ngưỡng hỗ trợ trong khu vực từ 38% đến 50%. Các đường 38% và 50% là những mức thoái lùi Fibonacci và được người sử dụng đồ thị ứng dụng.

được ngừng tại điểm hai phần ba. Điểm này trở thành khu vực mua khá an toàn trong xu hướng tăng hoặc khu vực bán trong xu hướng giảm. Nếu giá vượt khỏi điểm hai phần ba, thì khả năng xu hướng sẽ đảo chiều hơn là chỉ thoái lùi. Sau đó, giá sẽ thoái lùi 100% so với xu hướng trước đó.

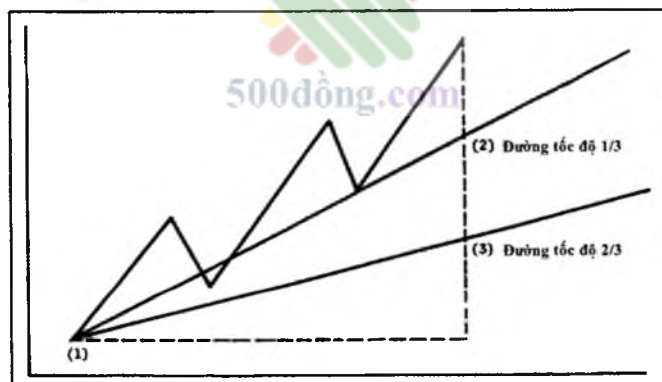
Bạn có thể nhận ra ba tham số tỷ lệ thoái lùi - 50%, 33%, và 66% - được bắt nguồn từ lý thuyết Dow. Khi bắt đầu với lý thuyết sóng Elliott và tỷ lệ Fibonacci, chúng ta sẽ thấy rằng những người ủng hộ phương pháp này sử dụng mức thoái lùi 38% và 62%. Tôi lại thích kết hợp cả hai phương pháp đó để có vùng thoái lùi tối thiểu 33-38% và tối đa là 62-66%. Một số nhà phân tích kỹ thuật làm tròn những con số này để có được vùng thoái lùi 40-60%.

Các học trò của W.D.Gann biết rằng ông chia cầu trúc xu hướng thành 8 phần - $1/8$, $2/8$, $3/8$, $4/8$, $5/8$, $6/8$, $7/8$, $8/8$. Tuy nhiên, Gann cũng đánh giá tầm quan trọng của mức $3/8$ (38%), $4/8$ (50%) và $5/8$ (62%) và cho rằng nên chia xu hướng thành những phần ba - $1/3$ (33%) và $2/3$ (66%).

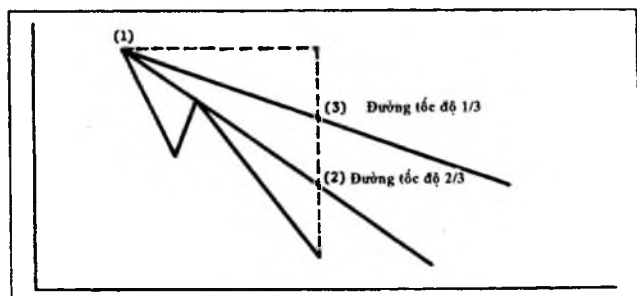
ĐƯỜNG KHÁNG CỰ TỐC ĐỘ

Liên quan đến những phần ba, chúng ta hãy tìm hiểu một kỹ thuật khác kết hợp đường xu hướng với sự thoái lùi phần trăm - *đường tốc độ*. Được Edson xây dựng và phát triển, kỹ thuật này chính là sự ứng dụng lý thuyết chia xu hướng thành những phần ba. Nó khác với khái niệm thoái lùi phần trăm ở chỗ đường kháng cự tốc độ đo lường tốc độ gia tăng hoặc suy giảm của một xu hướng.

Để vẽ *đường tốc độ* trong thị trường giá lên, ta phải tìm điểm cao nhất của xu hướng hiện tại. (Xem hình 4.21a). Từ điểm cao nhất trên



Hình 4.21a Ví dụ về đường kháng cự tốc độ của một xu hướng tăng. Khoảng cách chiều dọc từ đỉnh đến điểm bắt đầu xu hướng được chia làm ba phần bằng nhau. Sau đó, hai đường xu hướng được vẽ từ điểm 1 đến điểm 2 và điểm 3. Đường bên trên là đường tốc độ $2/3$ và bên dưới là $1/3$. Những đường này sẽ vận hành như ngưỡng hỗ trợ trong những lần hiệu chỉnh của thị trường. Khi bị phá vỡ, chúng trở thành đường kháng cự của đợt hồi phục. Đôi khi những đường tốc độ này gặp và cắt ngang đường biến động giá.



Hình 4.21b Đường tốc độ trong một xu hướng giảm

đồ thị, ta vẽ một đường thẳng xuống đáy đồ thị tại nơi xu hướng bắt đầu. Đường thẳng đó được chia thành ba phần bằng nhau. Tiếp đó, đường xu hướng sẽ được vẽ từ nơi xu hướng bắt đầu, đi qua hai điểm đã được đánh dấu trên đường thẳng, thể hiện điểm một phần ba và hai phần ba. Đối với xu hướng giảm, chỉ cần đảo ngược lại quy trình. Ta đo khoảng cách dọc từ điểm đáy trong xu hướng giảm đến điểm bắt đầu xu hướng, vẽ hai đường từ nơi bắt đầu xu hướng băng qua hai điểm một phần ba và hai phần ba nằm trên đường thẳng đó.

Mỗi lần hình thành ngưỡng cao mới trong xu hướng tăng hoặc ngưỡng thấp mới trong xu hướng giảm thì ta phải có những đường tốc độ mới (vì ta đã có những đỉnh và đáy mới). Bởi vì đường tốc độ được vẽ từ điểm bắt đầu xu hướng đến điểm một phần ba và hai phần ba, nên những đường xu hướng này đôi khi cắt ngang đường biến động giá. Điều này diễn ra là bởi đường xu hướng không được vẽ dưới những mức thấp hay trên những mức cao mà lại băng qua đường biến động giá.

Nếu xu hướng tăng đang trong quá trình tự hiệu chỉnh thì sự hiệu chỉnh giảm thường sẽ ngừng tại đường tốc độ bên trên (đường 2/3). Nếu không, giá sẽ rơi tiếp xuống đường bên dưới (đường 1/3). Nếu đường bên dưới bị phá vỡ thì giá có thể tiếp tục quay về điểm đầu xu hướng. Trong một xu hướng giảm, sự phá vỡ đường xu hướng bên dưới báo hiệu khả năng phục hồi lên đường bên trên. Nếu nó cũng bị phá vỡ thì đợt phục hồi sẽ tiến đến đỉnh của xu hướng trước đó.

Cũng như tất cả những đường xu hướng, đường tốc độ cũng đảo chiều khi bị phá vỡ. Do đó, trong thời gian diễn ra sự hiệu chỉnh của một xu hướng tăng, nếu đường biên phía trên (đường 2/3) bị phá vỡ và giá rút xuống đường 1/3 và hồi phục từ mức đó, khi đó đường biên trên trở thành ngưỡng kháng cự. Chỉ khi nào đường biên trên bị phá vỡ thì mới báo hiệu các đỉnh cũ sẽ bị thử thách. Đối với xu hướng giảm, quy tắc tương tự cũng được áp dụng.

ĐƯỜNG QUẠT GANN VÀ ĐƯỜNG CÁNH QUẠT FIBONACCI

Phần mềm vẽ đồ thị cho phép chúng ta vẽ *mô hình quạt Gann* và *đường cánh quạt Fibonacci*. Đường cánh quạt Fibonacci được vẽ như đường tốc độ, ngoại trừ việc nó có góc 38% và 62%. (Chúng ta sẽ giải thích những con số 38% và 62% bắt nguồn từ đâu trong Chương 13 về “Lý thuyết sóng Elliott”). *Đường quạt Gann* (được đặt theo tên của nhà giao dịch hàng hóa huyền thoại W.D. Gann) là những đường xu hướng được vẽ từ các đỉnh hoặc đáy nhô lên với góc hình học đặc trưng. Đường quạt Gann quan trọng nhất là đường được vẽ từ một đỉnh hoặc đáy với góc 45 độ. Những đường Gann có độ dốc lớn hơn được vẽ trong những xu hướng tăng với góc 63 ¾ độ và 75 độ. Những đường Gann ít dốc hơn lại được vẽ ở góc 26 ¼ và 15 độ. Ta có thể vẽ được đến 9 đường Gann khác nhau.

Đường Gann và Fibonacci được sử dụng như đường tốc độ. Chúng có bốn phận cung cấp sự hỗ trợ trong các đợt hiệu chỉnh giảm giá. Khi một đường bị phá vỡ thì giá sẽ rút xuống đường bên dưới. Đường Gann là một chủ đề thường gây ra tranh cãi. Ngay cả khi bất kỳ một đường nào trong số đó vận hành thì bạn cũng không thể chắc chắn trước đó là đường nào. Một số người sử dụng đồ thị nghi ngờ về tính chắc chắn của những đường kẻ hình học này.

ĐƯỜNG XU HƯỚNG NỘI BỘ

Đó là những biến thể của đường xu hướng không dựa vào các đỉnh và đáy xa nhất. Thay vào đó, đường *xu hướng nội bộ* lại được vẽ bằng qua



Hình 4.21c Đường xu hướng nội bộ được vẽ bằng qua đường biến động giá nổi càng nhiều đỉnh và đáy càng tốt. Đường xu hướng nội bộ được vẽ từ những mức đỉnh đầu năm 1996 tạo ra đường hỗ trợ 1 năm sau đó trong suốt mùa xuân năm 1997.

500dong.com

đường biến động giá và nổi càng nhiều đỉnh hoặc đáy bên trong đó càng tốt. Một số người sử dụng đồ thị tìm hiểu kỹ và nhận thấy dạng đường xu hướng này rất hữu ích. Vấn đề là việc vẽ đường xu hướng nội bộ khá chủ quan trong khi các quy tắc vẽ những đường xu hướng truyền thống qua những đỉnh và đáy quan trọng lại chính xác hơn. (Xem hình 4.21c)

PHIÊN ĐẢO CHIỀU

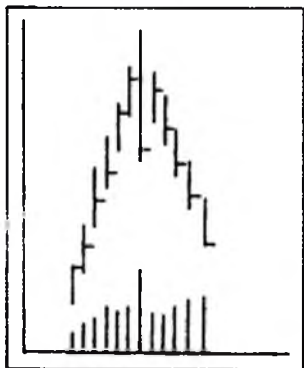
Một vấn đề căn bản cũng khá quan trọng khác là *phiên đảo chiều* (Reversal Day). Dạng đồ thị đặc biệt này có rất nhiều tên gọi - phiên đảo chiều đỉnh (Top Reversal Day), phiên đảo chiều đáy (Bottom Reversal Day), *vùng đáy* hoặc *vùng đỉnh* (Selling or Buying Climax) và phiên đảo chiều cơ bản (Key Reversal Day). Bản thân thuật ngữ này không có ý nghĩa lớn, tuy nhiên, khi được đặt vào ngữ cảnh của nguồn

thông tin kỹ thuật khác, nó lại đóng vai trò quan trọng. Vì thế, chúng ta hãy tìm hiểu phiên đảo chiều là gì.

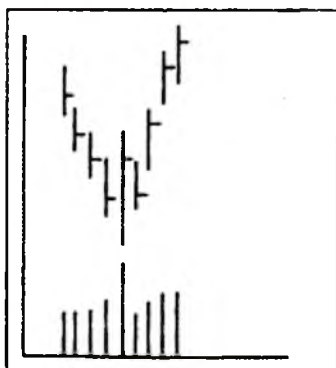
Một *phiên đảo chiều* có thể diễn ra tại một đỉnh hay một đáy. Định nghĩa được thừa nhận phổ biến về *phiên đảo chiều đỉnh* là sự thiết lập một đỉnh cao mới trong xu hướng tăng, sau đó lại đóng cửa phiên đó ở mức thấp hơn. Nói cách khác, giá sẽ tạo ra đỉnh mới cho một chiều hướng tăng tại một số điểm trong ngày (thường là bằng hoặc gần giá mở cửa), sau đó yếu đi và thực sự giảm xuống thấp hơn mức đóng cửa phiên trước đó. *Phiên đảo chiều đáy* lại có đáy thấp mới và đóng cửa ở mức cao hơn.

Biên độ biến động trong phiên càng rộng và khối lượng giao dịch càng lớn thì khả năng của tín hiệu đảo chiều xu hướng ngắn hạn càng có ý nghĩa. Hình 4.22a-b là ví dụ về cả hai dạng. Hãy chú ý rằng phiên đảo chiều có khối lượng giao dịch lớn hơn. Hơn nữa, cả đỉnh và đáy của phiên này đều vượt khỏi biên độ giao dịch của phiên trước đó, hình thành nên một *phiên phá vỡ* (outside day). Mặc dù không phải là yếu

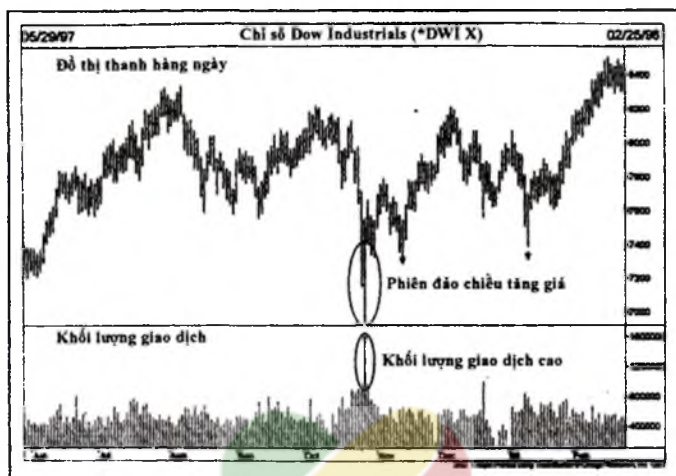
500dong.com



Hình 4.22a Ví dụ về một phiên đảo chiều đỉnh. Khối lượng giao dịch càng lớn và biên độ càng rộng thì ý nghĩa của nó càng cao.



Hình 4.22b Ví dụ về phiên đảo chiều đáy. Nếu khối lượng đặc biệt lớn thì đảo chiều đáy có thể được xem như "vùng đáy".



Hình 4.22c Ví dụ về đồ thị phiên đảo chiều tăng giá hay “vùng đáy” của ngày 28 tháng 10 năm 1997. Giá mở cửa rất thấp và đóng cửa rất cao. Thanh biểu thị khối lượng giao dịch cao bất thường của ngày đó càng chứng tỏ tầm quan trọng của nó. Hai phiên đảo chiều tăng giá nhẹ hơn (xem mũi tên) cũng đánh dấu những mức đáy có ý nghĩa.

tổ tạo nên một phiên đảo chiều nhưng phiên phá vỡ này đem lại nhiều ý nghĩa quan trọng khác. (Xem hình 4.22c)

Phiên đảo chiều đáy thường được xem như một vùng đáy (Selling Climax). Đây thường là một sự xoay vòng mạnh mẽ tại đáy của xu hướng giảm, nơi mà những người mua nản lòng rốt cuộc bị bật ra khỏi thị trường với khối lượng giao dịch lớn. Sự thiếu vắng áp lực bán tạo ra một khoảng trống trên thị trường khiến giá hồi phục nhanh chóng để lấp đầy khoảng trống đó. Vùng đáy là một trong những ví dụ điển hình về phiên đảo chiều, dù nó không báo hiệu thị trường giảm đã chạm đáy nhưng lại cho thấy sự xuất hiện của một ngưỡng thấp quan trọng.

Đảo chiều tuần và tháng

Mô hình đảo chiều dạng này xuất hiện trong các đồ thị thanh hàng tuần và hàng tháng với nhiều ý nghĩa quan trọng hơn. Trên đồ thị hàng tuần, mỗi thanh thể hiện biên độ dao động của cả tuần kết thúc vào Thứ Sáu. Do đó, *một đợt đảo chiều tăng giá tuần* sẽ diễn ra khi thị trường giảm trong suốt tuần thiết lập một đáy mới cho sự dịch chuyển, nhưng giá đóng cửa ngày Thứ Sáu lại cao hơn mức đóng cửa của Thứ Sáu trước đó.

Đảo chiều tuần có ý nghĩa quan trọng hơn đảo chiều ngày với những lý do hiển nhiên và được những người sử dụng đồ thị xem xét kỹ lưỡng như một dấu hiệu cho thấy những điểm chuyển đổi quan trọng. Tương tự vậy, đảo chiều tháng thậm chí còn quan trọng hơn.

VÙNG TRỐNG GIÁ

Vùng trống giá (Price Gap) là vùng không có giao dịch trên đồ thị. Ví dụ trong một xu hướng tăng, giá mở cửa trên mức cao nhất của phiên trước, để lại một vùng trống không được lấp đầy trong ngày hôm đó trên đồ thị. Trong xu hướng giảm, mức giá cao nhất trong ngày lại thấp hơn mức thấp hôm trước. Vùng trống trong xu hướng tăng biểu thị sức mạnh của thị trường, trong khi đó vùng trống trong xu hướng giảm lại chứng tỏ thị trường đang yếu đi. Vùng trống có thể xuất hiện trên đồ thị tuần và tháng, và khi đó, chúng rất có ý nghĩa. Nhưng chúng thường xuất hiện phổ biến hơn trên đồ thị ngày.

Có một số quan điểm sai lầm liên quan đến cách diễn giải về vùng trống. Một trong số những câu cách ngôn là “vùng trống luôn luôn được lấp đầy”. Điều này không đúng. Một số được lấp còn số khác lại không. Chúng ta thấy rằng vùng trống có thể có nhiều hàm ý mang tính dự đoán khác nhau dựa trên hình dạng và nơi chúng xuất hiện.

Các dạng vùng trống

Có ba loại vùng trống - *chạy trốn* (breakaway), *đo lường* (runaway hay measuring), và *suy yếu* (exhaustion).

Vùng trống chạy trốn. Vùng trống này thường xuất hiện vào giai đoạn hoàn chỉnh một mô hình giá quan trọng và cũng thường báo hiệu sự khởi đầu của một biến động thị trường quan trọng. Sau khi thị trường hoàn chỉnh một mô hình gốc chính, ngưỡng kháng cự thường xuyên bị phá vỡ với sự xuất hiện vùng trống chạy trốn. Những cú phá vỡ chính từ vùng đỉnh hoặc gốc là mảnh đất sinh trường màu mỡ cho dạng vùng trống này. Sự phá vỡ đường xu hướng báo hiệu sự đảo chiều xu hướng cũng có thể là một vùng trống chạy trốn.

Vùng trống chạy trốn thường xuất hiện khi khối lượng giao dịch lớn. Gần như các vùng trống này không được lấp đầy. Giá có thể sẽ quay trở lại phía trên của vùng trống (trong trường hợp có sự xuất hiện của điểm



Hình 4.23a Ba dạng vùng trống. Vùng trống chạy trốn là tín hiệu của sự hoàn thành mô hình gốc. Vùng trống đo lường xuất hiện ở phần giữa (do đó chúng được gọi là vùng trống đo lường). Vùng trống suy yếu theo hướng đi lên, xảy ra trong phạm vi tuần bởi một vùng trống chạy trốn theo hướng giảm, để lại một cụm đảo chiều. Lưu ý rằng những vùng trống chạy trốn và đo lường không hề được lấp đầy trong xu hướng tăng.

phá vỡ theo chiều hướng lên), và thậm chí có thể lấp kín một phần của vùng trống nhưng một số nào đó vẫn không được lấp đầy. Thông thường, khối lượng giao dịch sau khi xuất hiện vùng trống càng lớn thì khả năng nó được lấp đầy càng thấp. Những vùng trống giá lên thường vận hành như khu vực hỗ trợ cho những đợt hiệu chỉnh thị trường sau đó. Điều quan trọng là giá không rút xuống dưới vùng trống trong suốt xu hướng tăng. Trong mọi trường hợp, việc lấp đầy vùng trống dưới và trên là tín hiệu của sự suy yếu. (Xem hình 4.23a và b).

Vùng trống đo lường. Sau khi sự biến động diễn ra được một lúc, đầu đó quanh đoạn giữa của biến động, giá sẽ nhảy về phía trước hình thành loại vùng trống thứ hai (hoặc một loạt vùng trống) được gọi là *vùng trống đo lường*. Dạng vùng trống này thể hiện tình huống nơi thị trường dịch chuyển từ tổn với khối lượng vừa phải. Trong một xu hướng tăng,



Hình 4.23b Ở vuông đầu tiên đánh dấu vùng trống suy yếu gần cuối đợt hồi phục. Giá rút xuống bên dưới vùng trống đó tạo thành một đỉnh. Ở vuông thứ hai là một vùng trống đo lường ở khoảng giữa xu hướng giảm. Ở vuông thứ ba là một vùng trống suy yếu khác ở đáy. Biến động quay đầu đi lên trên vùng trống đó báo hiệu giá tăng cao hơn.

đây là tín hiệu thị trường mạnh lên, còn trong xu hướng giảm - đó là tín hiệu của sự suy yếu. Vùng trống đo lường cũng là ngưỡng hỗ trợ cho những đợt hiệu chỉnh trong thị trường giá giảm và không hề bị lấp đầy. Cũng như vùng trống chạy trốn, giá đóng cửa thấp hơn vùng trống đo lường là tín hiệu tiêu cực trong một xu hướng tăng.

Các trạng thái khác nhau này của vùng trống cũng được gọi là *vùng trống đo lường* vì nó thường xuất hiện ở đoạn giữa một xu hướng. Bằng việc đo khoảng cách di chuyển của xu hướng đó tính từ tín hiệu xuất hiện hoặc sự phá vỡ xu hướng đầu tiên, ta có thể ước lượng phạm vi của biến động bằng cách nhân đôi con số có được.

Vùng trống suy yếu. Dạng vùng trống này xuất hiện gần cuối một biến động thị trường. Sau khi đạt được mục tiêu giá và cả hai dạng vùng trống khác đều xuất hiện (vùng trống chạy trốn và đo lường), chuyên gia phân tích kỹ thuật sẽ bắt đầu mong đợi *vùng trống suy yếu*. Gần cuối xu hướng tăng, giá sẽ nhảy vọt lên lần cuối. Tuy nhiên, cú nhảy vọt đó nhanh chóng biến mất và giá quay đầu giảm trong vài phiên hoặc trong phạm vi một tuần. Khi giá đóng cửa dưới vùng trống cuối cùng, đó cũng là lúc xuất hiện vùng trống suy yếu. Đây là một ví dụ kinh điển, nơi việc rút giá xuống dưới một vùng trống mang hàm ý giảm giá.

Đảo chiều cụm đảo

Bây giờ chúng ta cùng thảo luận về mô hình *đảo chiều cụm đảo* (Island Reversal). Đôi lúc, sau khi một vùng trống suy yếu đi lên hình thành, giá sẽ dao động trong biên độ hẹp vài ngày hay một hai tuần trước khi tạo ra vùng trống phía dưới. Những tình huống như vậy sẽ khiến sự biến động giá trong vài ngày có hình dạng như một cụm đảo được bao quanh bởi không gian hoặc nước. Vùng trống suy yếu theo hướng tăng được tiếp nối bởi một vùng trống chạy trốn theo hướng xuống sẽ hoàn chỉnh mô hình đảo chiều cụm đảo và cho thấy một sự đảo chiều xu hướng với giá trị nào đó. Dĩ nhiên, ý nghĩa của sự đảo chiều phụ thuộc vào việc giá đang nằm ở mức nào trong mô hình xu hướng chung. (Xem hình 4.23c).



Hình 4.23c Hai loại vùng trống trên đồ thị tạo nên đỉnh đảo chiều cụm đảo. Ở vuông thứ nhất thể hiện một vùng trống tăng giá sau một sự hồi phục. Ở thứ hai thể hiện một vùng trống giảm giá vào 3 tuần sau đó. Sự kết hợp hai vùng trống thường báo hiệu một đỉnh quan trọng.

500dong.com

TÓM LƯỢC

Chương này giới thiệu những công cụ kỹ thuật được coi là nền tảng của phân tích đồ thị - ngưỡng hỗ trợ và kháng cự, đường và kênh xu hướng, thoái lui theo tỷ lệ phần trăm, đường kháng cự tốc độ, phiên đảo chiều và vùng trống. Mỗi cách tiếp cận kỹ thuật được đề cập đến trong những chương sau đều sử dụng các công cụ và khái niệm đó theo cách này hay cách khác. Nếu hiểu rõ hơn về những khái niệm này, chúng ta có thể bắt đầu nghiên cứu về các mô hình giá.

CHƯƠNG 5

Các mô hình đảo chiều cơ bản

GIỚI THIỆU

Chúng ta đã tiếp cận Lý thuyết Dow - lý thuyết được coi là nền tảng của hầu hết các nghiên cứu theo xu hướng được sử dụng ngày nay. Chúng ta cũng đã xem xét các khái niệm căn bản của xu hướng như ngưỡng hỗ trợ, ngưỡng kháng cự và đường xu hướng. Chúng ta cũng đề cập đến khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán. Với lượng thông tin kể trên, chúng ta sẽ tiến hành bước kế tiếp - thảo luận về các mô hình giá. Bạn sẽ sớm nhận thấy những mô hình này được xây dựng từ những khái niệm trên.

Trong Chương 4, chúng ta định nghĩa xu hướng là hàng loạt đỉnh và đáy tăng dần hoặc giảm dần. Khi chúng tăng dần, xu hướng sẽ được coi là tăng, còn khi giảm dần, đó là lúc xu hướng đi xuống. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, có những khoảng thời gian thị trường lại đi ngang. Dạng thị trường không có xu hướng rõ ràng khiến nhà giao dịch bán khoản này sẽ được thảo luận trong hai chương tiếp theo.

Việc cho rằng thị trường thay đổi một cách đột ngột là không đúng. Hầu như tất cả những sự thay đổi đều phải có một giai đoạn chuyển tiếp. Vấn đề nằm ở chỗ không phải sự chuyển tiếp nào cũng báo hiệu

một sự đảo chiều. Đôi khi, giai đoạn đi ngang chỉ đơn thuần là một sự tạm ngừng nghỉ hoặc củng cố xu hướng hiện tại trước khi hồi phục xu hướng ban đầu.

CÁC MÔ HÌNH GIÁ

Việc nghiên cứu các giai đoạn chuyển tiếp và ý nghĩa dự đoán của chúng sẽ dẫn chúng ta đến với vấn đề về mô hình giá. Vậy mô hình giá là gì? Mô hình giá là những hình ảnh hay sự sắp xếp trên đồ thị giá chúng khoán hoặc hàng hóa, được chia thành nhiều loại và được sử dụng để dự đoán.

HAI DẠNG MÔ HÌNH - ĐẢO CHIỀU VÀ TIẾP DIỄN

Có hai loại mô hình giá cơ bản - đảo chiều và tiếp diễn. Như chính tên gọi của chúng, mô hình đảo chiều đề cập đến một sự đảo chiều xu hướng quan trọng. Ngược lại, mô hình tiếp diễn ám chỉ sự tạm ngừng nghỉ của thị trường trong chốc lát, có thể là để hiệu chỉnh tình trạng mua quá mức hoặc bán quá mức trong ngắn hạn trước khi phục hồi xu hướng hiện tại. Vấn đề quan trọng là phải phân biệt được hai dạng mô hình này càng sớm càng tốt trong thời gian mô hình đang được hình thành.

Trong chương này, chúng ta sẽ khảo sát 5 mô hình đảo chiều chính là: đầu và vai, ba đỉnh và ba đáy, hai đỉnh và hai đáy, đỉnh và đáy hình chữ V và mô hình tròn (hình đĩa). Chúng ta sẽ khảo sát cách chúng hình thành trên đồ thị và cách xác định chúng. Sau đó, chúng ta sẽ xem xét những điểm quan trọng khác - *mô hình khối lượng giao dịch và chức năng đo lường đi kèm*.

Khối lượng giao dịch đóng vai trò quan trọng trong mọi mô hình giá. Khi ta còn ngờ vực về mô hình giá thì việc tìm hiểu về mô hình khối lượng giao dịch cùng với dữ liệu giá sẽ giúp ta xác định mô hình nào là đáng tin cậy.

Hầu hết các mô hình giá đều có những kỹ thuật đo lường nhất định giúp chuyên gia phân tích kỹ thuật xác định mục tiêu giá tối thiểu. Mặc dù chỉ là con số ước chừng biên độ của biến động diễn ra sau đó, song những mục tiêu này cũng hỗ trợ nhà giao dịch xác định được tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro của họ.

Trong Chương 5, chúng ta sẽ tìm hiểu loại mô hình thứ hai - các dạng mô hình tiếp diễn. Trong phần đó, chúng ta sẽ khảo sát mô hình dạng tam giác, cờ hiệu, cờ đuôi nheo, hình nêm và hình chữ nhật. Những mô hình này thường thể hiện sự tạm ngừng xu hướng hơn là đảo chiều, và chúng thường được chia thành xu hướng trung gian và dịch chuyển nhỏ chứ không phải là xu hướng chính.

Những đặc điểm cơ bản phổ biến của tất cả các mô hình đảo chiều

Trước khi thảo luận về từng mô hình đảo chiều chính, ta hãy xem qua những đặc điểm cơ bản rất phổ biến trong tất cả các mô hình đảo chiều.

1. Nhất thiết phải có một xu hướng trước đó để có thể hình thành mô hình đảo chiều.
2. Tín hiệu đầu tiên của một sự đảo chiều thường là sự phá vỡ đường xu hướng chính.
3. Mô hình càng lớn thì biến động theo sau càng lớn.
4. Các mô hình đỉnh có thời gian ngắn hơn nhưng bị phá vỡ nhiều hơn so với các mô hình đáy.
5. Các mô hình đáy thường có biên độ giá nhỏ hơn và mất nhiều thời gian hình thành hơn.
6. Khối lượng giao dịch trong xu hướng giá lên thường đóng vai trò quan trọng hơn.

Sự cần thiết một xu hướng trước đó. Sự tồn tại xu hướng trước đó là điều kiện tiên quyết để hình thành bất kỳ một mô hình đảo chiều nào. Thị trường phải có điều gì đó để đảo nghịch. Đôi khi, việc hình thành mô hình xuất hiện trên đồ thị, giống với một trong các mô hình đảo

chiều. Tuy nhiên, nếu trước đó không có một xu hướng rõ ràng thì mô hình đó không đáng tin cậy vì không có gì để đảo chiều. Việc nắm bắt được thời điểm mô hình xuất hiện là yếu tố quyết định trong việc nhận định mô hình.

Kết quả tất yếu đối với sự cần thiết có một xu hướng trước đó để đảo chiều chính là vấn đề mang hàm ý đo lường. Như đã đề cập trước đó, đa số các kỹ thuật đo lường đều chỉ cho ta mục tiêu giá *tối thiểu*. Còn mục tiêu giá *tối đa* là tổng biên độ biến động giá trước đó. Nếu thị trường giá lên chính yếu diễn ra và xuất hiện một mô hình đỉnh cơ bản thì hàm ý về sự biến động tiềm năng tối đa trong xu hướng giá giảm có thể là sự thoái lui 100% thị trường giá lên, hay chính là điểm khởi đầu của tất cả.

Sự phá vỡ đường xu hướng chính. Tín hiệu đầu tiên của sự đảo chiều xu hướng là việc phá vỡ đường xu hướng chính. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng sự phá vỡ đường xu hướng chính không hẳn là tín hiệu nhất thiết cho thấy sự đảo chiều mà nó chỉ báo hiệu sự thay đổi xu hướng. Việc phá vỡ một đường xu hướng chính đi lên có thể báo hiệu sự khởi đầu của một mô hình giá đi ngang - mô hình mà sau đó có thể được xác định là mô hình đảo chiều hay củng cố. Đôi khi, sự phá vỡ đường xu hướng chính xảy ra khi mô hình giá hình thành hoàn chỉnh.

Mô hình càng lớn thì tiềm năng cao. Khi sử dụng cấp độ so sánh "lớn hơn", chúng ta đang nói đến chiều rộng và chiều cao của mô hình giá. Chiều cao xác định tính dao động của mô hình và chiều rộng là khoảng thời gian cần thiết để thiết lập và hoàn thành mô hình. Kích thước mô hình càng lớn - tức là giá di chuyển rộng hơn (tính dao động) và thời gian hình thành lâu hơn - thì mô hình càng có ý nghĩa và tiềm năng biến động giá xảy ra sau đó sẽ lớn hơn.

Gần như là tất cả kỹ thuật đo lường trong hai chương này đều dựa vào *chiều cao* của mô hình. Đây là phương pháp đầu tiên được áp dụng cho đồ thị thanh với việc sử dụng tiêu chí đo lường theo *chiều dọc*. Thực tiễn đo lường *bề ngang* của mô hình giá được áp dụng cho đồ thị

hình và điểm. Phương pháp đồ thị đó sử dụng công cụ *đếm* - công cụ thừa nhận mối quan hệ giữa chiều rộng của đỉnh hoặc đáy và mục tiêu giá đi sau.

Sự khác biệt giữa đỉnh và đáy. Mô hình đỉnh thường diễn ra ngắn hơn và bị phá vỡ nhiều hơn so với mô hình đáy. Giá dao động giữa các đỉnh lớn hơn và mạnh mẽ hơn. Đỉnh mất ít thời gian hơn để hình thành. Đáy thường có biên độ giá nhỏ hơn nhưng thời gian hình thành dài hơn. Chính vì thế, việc nhận diện và giao dịch theo các đáy sẽ dễ dàng và ít tổn kém hơn so với việc đuổi theo đỉnh. Một điểm thú vị của mô hình đỉnh là giá có *khuyh hướng giảm nhanh hơn so với khi tăng*. Do đó, nhà giao dịch thường thu được lợi nhuận cao hơn khi tham gia vị thế bán trong thị trường giá xuống thay vì giao dịch ở vị thế mua trong thị trường giá lên. Mọi thứ trong đời là sự đánh đổi giữa phần thưởng và rủi ro. Rủi ro càng cao thì phần thưởng bù đắp càng lớn và ngược lại. Mô hình đỉnh khó nắm bắt hơn nhưng lại rất có giá trị để theo đuổi.

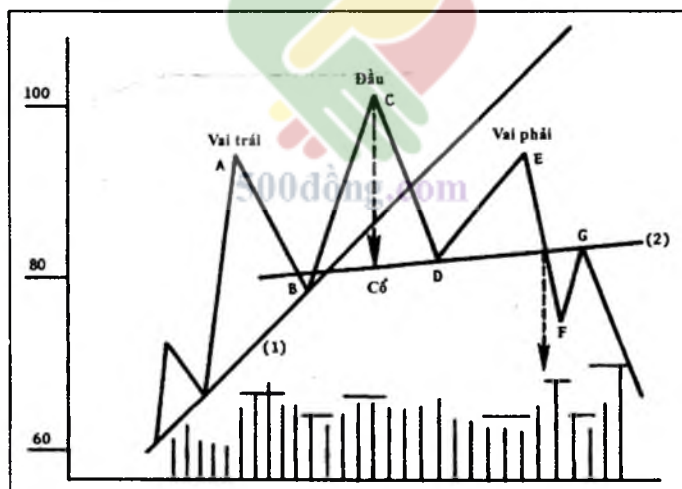
Khối lượng giao dịch trong xu hướng tăng quan trọng hơn. Khối lượng giao dịch tăng theo hướng phát triển của xu hướng thị trường và là yếu tố quyết định sự hoàn thành các mô hình giá. Mỗi mô hình giá khi hoàn thiện đều đi cùng sự gia tăng đáng kể khối lượng giao dịch. Tuy nhiên, ở giai đoạn đầu của sự đảo chiều xu hướng, *khối lượng giao dịch tại các đỉnh của thị trường không quan trọng*. Thị trường có cách "điều chỉnh" một khi sự biến động giá xuống thực sự bắt đầu. Người sử dụng đồ thị thích chứng kiến hoạt động giao dịch sôi nổi khi giá giảm, nhưng điều đó không quan trọng. Tuy nhiên, khi thị trường chạm đáy thì khối lượng giao dịch đương nhiên đóng vai trò rất quan trọng. Nếu mô hình khối lượng giao dịch không thể hiện được mức tăng đáng kể trong thời gian giá tăng bất phá thì phải xem xét lại. Chúng ta sẽ khảo sát sâu hơn về khối lượng giao dịch trong Chương 7.

MÔ HÌNH ĐẢO CHIỀU ĐẦU VÀ VAI

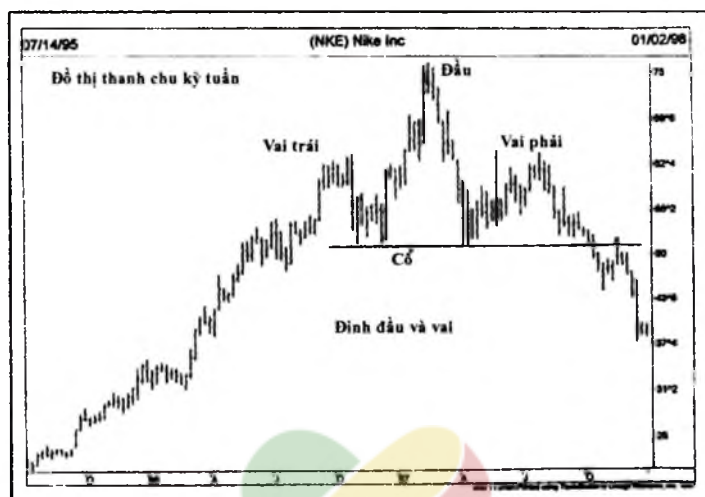
Hãy tìm hiểu mô hình có lẽ được coi là phổ biến và đáng tin cậy nhất trong các mô hình đảo chiều hiện nay - mô hình *đảo chiều đầu và vai*

(the Head and Shoulder Reversal). Chúng ta sẽ dành nhiều thời gian cho mô hình này vì tầm quan trọng của nó đồng thời để giải thích tất cả các đặc thái có liên quan. Phần lớn các mô hình đảo chiều khác đều là biến thể của mô hình đầu và vai, vì thế, chúng ta không cần nghiên cứu thêm.

Cũng như tất cả các mô hình khác, mô hình đảo chiều được đúc rút từ khái niệm xu hướng trong Chương 4. Hãy hình dung một tình huống trong xu hướng tăng chính, nơi hàng loạt đỉnh và đáy tăng dần đang bắt đầu đánh mất xung lượng. Sau đó, xu hướng tăng này chấm lại một lúc. Trong suốt thời gian này, áp lực cung cầu ở trạng thái tương đối cân bằng. Khi giai đoạn phân phối kết thúc, ngưỡng hỗ trợ tại đáy bị phá vỡ và một xu hướng đi xuống mới được hình thành. Xu hướng đi xuống này bao gồm các đỉnh và đáy đi xuống.



Hình 5.1a Ví dụ đỉnh đầu và vai. Vai trái và phải (A và E) có cùng chiều cao. Đầu (C) cao hơn hai vai kia. Khối lượng giao dịch tại mỗi đỉnh giảm dần. Mô hình hoàn chỉnh khi giá đóng cửa bên dưới đường viền cổ (đường 2). Mục tiêu giá tối thiểu được tính từ điểm phá vỡ đường viền cổ hướng xuống một khoảng cách thẳng đứng bằng khoảng cách từ đầu đến đường cổ. Sự dịch chuyển ngược lại thường diễn ra trở lại với đường viền cổ và sẽ không cắt đường viền cổ mỗi khi nó đã bị phá vỡ.



Hình 5.1b Đỉnh đầu và vai. Ba điểm cao nhất trong hình cho thấy đầu cao hơn hai vai. Ta có thể dự đoán sự dịch chuyển sẽ quay lại đường viền cổ sau đó.

Hãy xem xét tình huống này sẽ có đỉnh đầu và vai như thế nào (trong hình 5.1a và b). Tại điểm A, xu hướng tăng đang vận hành như mong đợi mà không thấy tín hiệu hình thành đỉnh. Khối lượng giao dịch cũng trải ra trên sự biến động giá thành một ngưỡng mới - điều được coi là bình thường. Sự giảm giá hiệu chỉnh tại điểm B có khối lượng giao dịch ít hơn cũng là điều được mong đợi. Tuy nhiên, tại điểm C, những người sử dụng đồ thị nhanh nhẹn có thể nhận thấy rằng khối lượng giao dịch theo xu hướng tăng bứt phá khỏi điểm A lại thấp hơn so với đợt hồi phục trước. Bản thân sự thay đổi này không quan trọng nhưng lại phát ra một tín hiệu cảnh báo trong đầu nhà phân tích.

Giá lại giảm xuống điểm D và một số xáo trộn xuất hiện. Sự suy giảm diễn ra bên 'r' rơi đỉnh trước đó tại A. Hãy nhớ rằng khi đỉnh trong xu hướng tăng bị phá vỡ sẽ trở thành điểm hỗ trợ của đợt hiệu chỉnh

diễn ra sau đó. Sự suy giảm dưới điểm A, gần như là bằng B, là tín hiệu cảnh báo có điều gì đó không ổn đang diễn ra đối với một xu hướng tăng.

Thị trường sau đó hồi phục lên điểm E với khối lượng giao dịch ít hơn và không thể bằng đỉnh cao nhất tại C. (Có khả năng đợt hồi phục tại E sẽ là thoái lùi một nửa hoặc hai phần ba của đợt suy giảm từ C đến D.) Để xu hướng tăng tiếp diễn, mỗi điểm cao nhất phải cao hơn điểm cao nhất của đợt hồi phục trước đó. Khi đợt hồi phục tại điểm E không thể chạm đỉnh trước đó là C thì nó đã có được một nửa điều kiện để thành lập xu hướng giảm mới - những đỉnh giảm dần.

Lúc này, đường xu hướng tăng chính (đường 1) đã bị phá vỡ tại điểm D làm phát sinh một tín hiệu xấu. **Bắt chấp** những tín hiệu cảnh báo này, chúng ta chỉ cần biết rằng xu hướng đang chuyển từ tăng sang nằm ngang. Điều này cũng đủ khiến ta thanh khoản những vị thế mua nhưng không đủ để chứng minh cho những đợt bán không mới.

Sự phá vỡ đường viền cổ giúp hoán chỉnh mô hình

Lúc này, ta có thể vẽ một đường xu hướng ít dốc hơn nối hai điểm thấp nhất (tại B và D), gọi là *đường viền cổ* (Xem đường 2). Thông thường, đường này nghiêng một góc nhỏ tại đỉnh (mặc dù đôi khi có thể nằm ngang hoặc đôi khi là hướng xuống). *Yếu tố quyết định hình thành một đỉnh đầu và vai là sự phá vỡ đường viền cổ một cách dứt khoát*. Thị trường đã bẻ gãy đường xu hướng nối các đáy B và D, rơi xuống ngưỡng hỗ trợ tại điểm D tạo đủ điều kiện hình thành một xu hướng giảm mới - gồm những đỉnh và đáy đi xuống. Những đỉnh và đáy giảm dần tại C, D, E và F xác định xu hướng giảm mới. Khối lượng giao dịch có thể tăng khi đường viền cổ bị phá vỡ. Tuy nhiên, việc khối lượng giao dịch tăng trong thị trường giá giảm cũng chưa phải là yếu tố then chốt để có thể bắt đầu hình thành một đỉnh thị trường.

Biến động quay đầu

Thông thường, một biến động được gọi là *quay đầu* khi bật trở lại mức

đáy của đường viền cổ hay mức đáy trước đó tại điểm D (xem điểm G) và bây giờ, cả hai điểm này đều trở thành ngưỡng kháng cự. Không phải lúc nào biến động quay đầu cũng diễn ra hay đôi khi chỉ đơn thuần là một sự bật lại không đáng kể. Khối lượng giao dịch có thể xác định phạm vi bật lại. Nếu điểm gãy ban đầu của đường viền cổ nằm tại mức giao dịch rất lớn thì khả năng xuất hiện biến động quay đầu là không có bởi khối lượng giao dịch tăng tức là áp lực giảm giá cũng tăng. Khối lượng giao dịch tại những điểm phá vỡ đường viền cổ ít hơn làm gia tăng khả năng một biến động quay đầu. Tuy nhiên, sự hồi phục nên diễn ra với khối lượng giao dịch nhỏ trong khi một xu hướng giảm mới diễn ra sau đó có thể bắt đầu cùng với khối lượng giao dịch tăng đáng kể.

TÓM LƯỢC

Chúng ta hãy cùng xem lại những đặc điểm căn bản của một đỉnh đầu và vai:

1. Cần một xu hướng diễn ra trước đó;
2. Vai trái với khối lượng giao dịch lớn hơn (điểm A) theo sau là một đợt hiệu chỉnh xuống điểm B;
3. Sự hồi phục lên ngưỡng cao mới sẽ có khối lượng giao dịch ít hơn (điểm C);
4. Một sự sụt giảm xuống bên dưới đỉnh trước đó (điểm A) và chạm đáy tương ứng trước đó (điểm D);
5. Đợt hồi phục thứ ba (điểm E) với khối lượng giao dịch ít đáng kể không thể chạm điểm cao nhất của đầu (điểm C);
6. Sự kết thúc diễn ra bên dưới đường viền cổ;
7. Một biến động quay đầu hướng đến đường viền cổ (điểm G) được tiếp nối bằng những đáy mới.

Rõ ràng là cần phải xác định được 3 đỉnh. Đỉnh ở giữa (đầu) cao hơn hai vai một ít (điểm A và E). Tuy nhiên, mô hình không thể hoàn thiện nếu đường viền cổ vẫn chưa bị phá vỡ một cách dứt khoát. Tiêu chuẩn phá vỡ 1-3% (cả những biến thể của nó) hay điều kiện phải có hai phiên

đóng cửa thấp hơn đường viền cổ (quy luật hai phiên) được dùng để gia tăng tính chắc chắn. Tuy nhiên, cho đến khi việc phá vỡ hướng xuống đó diễn ra thì có khả năng mô hình đó không thực sự có dạng đầu và vai nữa và xu hướng tăng sẽ hồi phục trở lại.

TẦM QUAN TRỌNG CỦA KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH

Mô hình khối lượng giao dịch đi kèm đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển đỉnh đầu và vai cũng như bất kỳ một mô hình giá nào. Nhìn chung, khối lượng giao dịch tại điểm đầu nên thấp hơn vai trái. Đó không phải là điều kiện nhưng lại là một xu thế phổ biến và là cảnh báo sớm cho sự sụt giảm áp lực mua. Khối lượng giao dịch trong giai đoạn ba đỉnh (vai phải) là quan trọng nhất. Khối lượng giao dịch phải thấp hơn hai đỉnh kia rất nhiều. Sau đó, khối lượng giao dịch sẽ gia tăng khi đường viền cổ bị phá vỡ, giảm khi có biến động quay đầu, và lại tăng khi biến động quay đầu kết thúc.

Như đã đề cập trước đó, khối lượng giao dịch không mấy quan trọng trong việc hoàn thành các đỉnh thị trường. Tuy nhiên, ở một số điểm, khối lượng giao dịch có thể sẽ bắt đầu gia tăng nếu xu hướng tăng tiếp diễn. Khối lượng giao dịch đóng vai trò quyết định tại các đáy thị trường và sẽ được nói đến sau. Tuy nhiên, trước hết ta hãy thảo luận về phương pháp đo lường trong mô hình đầu và vai.

XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU GIÁ

Phương pháp để đạt được mục tiêu giá sử dụng *chiều cao* của mô hình. Ta sẽ lấy khoảng cách theo chiều dọc từ đầu (điểm C) xuống đường viền cổ rồi sau đó chiếu khoảng cách này từ điểm đường viền cổ bị phá vỡ. Ví dụ điểm cao nhất của đầu là 100 và đường viền cổ là 80. Do đó, khoảng cách theo chiều dọc là khoảng chênh lệch 20. Điểm chênh lệch 20 này sẽ được đo xuống từ điểm mà đường viền cổ bị phá vỡ. Nếu như đường viền cổ trên hình 5.1a bị phá vỡ tại mức 82, mục tiêu giá giảm sẽ là 62 ($82-20=62$).

Một kỹ thuật khác cũng có thể được sử dụng để hoàn thành nhiệm vụ tương tự nhưng nhẹ nhàng hơn là chỉ cần đo chiều dài của đợt sóng suy giảm đầu tiên (từ C đến D) rồi sau đó nhân đôi. Đối với cả hai trường hợp thì chiều cao hay biên độ dao động của mô hình càng lớn thì mục tiêu càng xa. Chương 4 chỉ ra rằng, việc đo lường dựa trên điểm phá vỡ đường xu hướng cũng tương tự như thước đo được sử dụng trong mô hình đầu và vai. Chúng ta có thể nhìn thấy vấn đề này ngay sau đây. Giá cả dịch chuyển mạnh dưới đường viền cổ bị phá vỡ với khoảng cách tương tự như trên đường viền cổ. Bạn sẽ nhận ra rằng gần như *tất cả mục tiêu giá trên đồ thị thanh đều được xác định dựa trên chiều cao hoặc độ dao động của các dạng mô hình khác nhau*. Chủ đề đo chiều cao của mô hình và chiều khoảng cách đó từ điểm phá vỡ hướng xuống sẽ được lặp lại liên tục.

Cần nhớ rằng mục tiêu giá đạt được ở đây chỉ là mục tiêu tối thiểu. Giá sẽ còn di chuyển ra ngoài phạm vi mục tiêu này. Tuy nhiên, việc có được mục tiêu giá tối thiểu là rất hữu dụng trong việc xác định sớm tiềm năng biến động thị trường để chiếm vị thế. Nếu thị trường vượt qua khỏi mục tiêu giá, có nghĩa là thần may mắn đã mỉm cười với bạn. *Mục tiêu tối đa* là kích thước của biến động trước đó. Nếu thị trường tăng giá trước đó di chuyển từ 30 đến 100 thì mục tiêu tối đa tính từ mô hình đỉnh sẽ được tính bằng cách thoái lùi toàn bộ xu hướng tăng xuống mức 30. Các mô hình đảo chiều có thể được mong đợi sẽ đảo chiều hay thoái lùi những gì đã diễn ra trước đó.

Điều chỉnh mục tiêu giá

Có nhiều yếu tố cần được xem xét khi xác định mục tiêu giá. Những kỹ thuật như cho mô hình đầu và vai chỉ là bước đầu tiên. Còn nhiều yếu tố kỹ thuật khác cần phải xem xét. Ví dụ, những ngưỡng hỗ trợ nổi bật của xu hướng tăng trước đó ở đâu? Vì thị trường giảm giá thường đứng tại những mức này. Thoái lùi theo tỷ lệ phần trăm là bao nhiêu? *Mục tiêu tối đa* sẽ là sự thoái lùi 100% thị trường tăng giá trước đó. Vậy những mức thoái lùi 50% và 66% nằm ở đâu? Những mức này sẽ cho

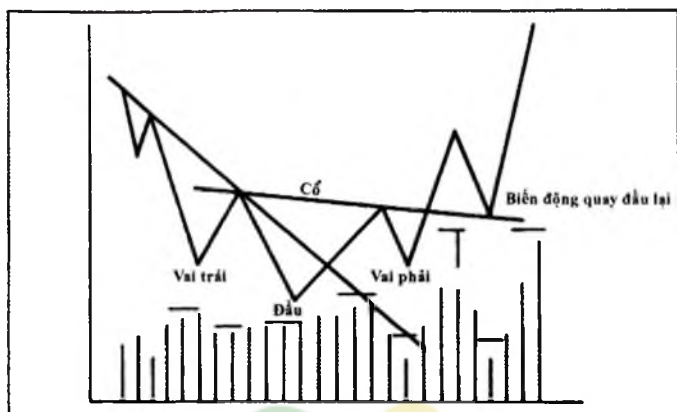
ta biết được ngưỡng hỗ trợ quan trọng khi thị trường giảm giá. Vậy những vùng trống bên dưới thì sao? Nó sẽ có chức năng như khu vực hỗ trợ. Liệu có đường xu hướng dài hạn nào xuất hiện bên dưới thị trường không?

Nhà phân tích kỹ thuật cần xem xét những dữ liệu kỹ thuật khác nhằm xác định các mục tiêu giá từ các mô hình giá. Ví dụ, khi giá giảm, mục tiêu được xác định tại 30 và có một ngưỡng hỗ trợ nổi bật nằm tại 32 thì người sử dụng sẽ linh hoạt điều chỉnh mức 32 thành mục tiêu giá thay vì 30. Nhìn chung, nếu có sự chênh lệch giữa mục tiêu giá do được và ngưỡng hỗ trợ hay kháng cự rõ ràng thì nên chọn mục tiêu giá tại ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự. Việc xem xét thêm những thông tin kỹ thuật khác để điều chỉnh mục tiêu giá là điều cần thiết. Nhà phân tích kỹ thuật sẽ có nhiều công cụ hỗ trợ lọc lại những thông tin này. Một nhà phân tích kỹ thuật khôn ngoan là người biết cách kết hợp những công cụ này một cách thích hợp.

MÔ HÌNH ĐẦU VÀ VAI ĐẢO NGHỊCH

Mô hình đầu và vai hay còn gọi *đầu và vai đảo chiều* (Inverse Head and Shoulder), là dạng đảo nghịch của mô hình đỉnh. Như hình 5.2a cho thấy 3 đáy khác nhau gồm đầu (đáy giữa) thấp hơn hai vai. Giá đóng cửa mang tính quyết định qua đường viền cổ được coi là cần thiết để hoàn tất mô hình, và các kỹ thuật đo lường cũng có tầm quan trọng như vậy. Một sự khác biệt nhỏ tại đáy là xu hướng mạnh hơn đối với biến động quay đầu về đường viền cổ để xuất hiện sau khi có sự phá vỡ tăng giá.

Điểm khác biệt quan trọng nhất giữa mô hình đỉnh và đáy là khối lượng giao dịch. Khối lượng giao dịch đóng vai trò quan trọng hơn trong việc nhận diện và hoàn chỉnh đầu và vai. Nói chung, điểm này đúng với tất cả các mô hình đáy. Như đã từng đề cập trước đó, thị trường có xu hướng “tự điều chỉnh”. Tuy nhiên, khi chạm đáy, thị trường cần sự gia tăng đáng kể về áp lực mua được phản ánh qua khối lượng giao dịch tăng nhằm khởi động một thị trường giá lên mới.

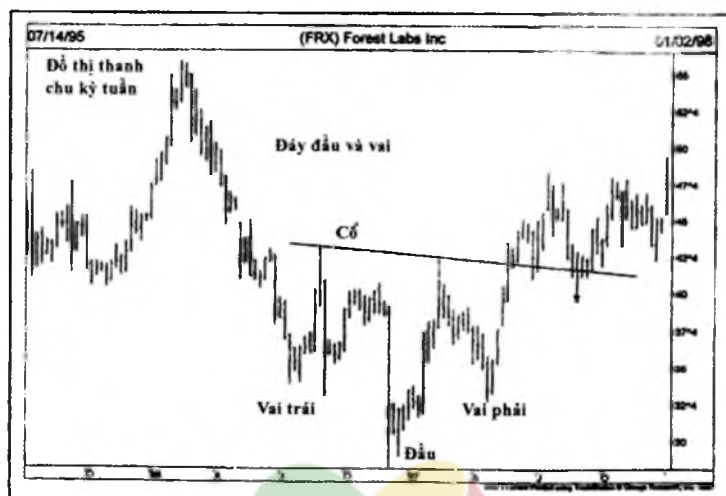


Hình 5.2a Ví dụ mô hình đầu và vai đảo ngược. Mô hình dây dầu và vai là một mô hình đỉnh đảo chiều. Sự khác biệt duy nhất là mô hình khối lượng giao dịch trong nửa phần sau của mô hình. Sự hồi phục từ điểm đầu sẽ chứng kiến khối lượng giao dịch lớn hơn và sự phá vỡ đường viền cổ sẽ chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ của hoạt động giao dịch. Biên động quay đầu lại đường viền cổ diễn ra phổ biến hơn trong mô hình dây.

500dong.com

Một phương pháp mang tính kỹ thuật hơn cho việc xem xét sự khác biệt này là thị trường rớt giá do sự ỉ ạch. Sự thiếu vắng nhu cầu hoặc mối quan tâm mua bán của một bộ phận nhà giao dịch đủ kéo thị trường đi xuống, nhưng thị trường lại không đi lên theo sự ỉ ạch này. Giá chỉ tăng khi cầu lớn hơn cung và người mua tích cực hơn người bán.

Mô hình khối lượng giao dịch tại đáy cũng tương tự như mô hình khối lượng tại đỉnh trong nửa phần đầu của mô hình. Điều này có nghĩa là khối lượng tại điểm đầu ít hơn một chút so với khối lượng giao dịch tại vai trái. Tuy nhiên, sự hồi phục từ điểm đầu cho thấy không chỉ sự gia tăng trong hoạt động giao dịch mà còn mức độ khối lượng giao dịch luôn vượt quá khối lượng thể hiện cho đợt hồi phục tại vai trái. Giá rớt xuống vai phải với khối lượng nhỏ. Điểm mấu chốt xuất hiện trong đợt hồi phục thông qua đường viền cổ. Tín hiệu này phải được song hành cùng với sự bứt phá về khối lượng giao dịch nếu sự phá vỡ thực sự diễn ra.



Hình 5.2b Đáy đầu và vai. Đường viền cổ hơi đi xuống là điều thường thấy. Biến động quay đầu sau cú phá vỡ giá (xem mũi tên) cắt đường viền cổ một ít rồi lại phục hồi xu hướng tăng sau đó.

Đây là điểm khác biệt giữa mô hình đáy với hầu hết các mô hình đỉnh. Tại đáy, khối lượng giao dịch lớn đương nhiên là yếu tố quyết định để hoàn thành mô hình gốc. Biến động quay đầu cũng phổ biến tại đáy hơn là tại đỉnh và có thể diễn ra với khối lượng không đáng kể. Sau đó, một xu hướng tăng mới sẽ lại bắt đầu với khối lượng giao dịch lớn hơn. Kỹ thuật đo lường tại đáy cũng tương tự như kỹ thuật đo lường tại đỉnh.

Độ dốc đường viền cổ

Đường viền cổ trong mô hình đỉnh thường dốc một chút. Tuy nhiên, đôi khi nó cũng nằm ngang hoàn toàn. Cả hai trường hợp đều không có nhiều khác biệt. Đôi khi, đường viền cổ ở đỉnh cũng nghiêng xuống. Sự nghiêng xuống là tín hiệu suy yếu của thị trường và thường đi cùng bởi một vai bên phải yếu. Tuy nhiên, việc này vừa may vừa rủi. Nhà phân tích mong đợi sự phá vỡ của đường viền cổ để bắt đầu một vị thế bán sẽ phải chờ lâu hơn, bởi tín hiệu từ đường viền cổ nghiêng xuống xuất hiện chậm hơn và chỉ sau khi phần lớn biến động giá đã xảy ra.

Trong các mô hình gốc, gần như mọi đường viền cổ đều nghiêng xuống. Đường viền cổ tăng là tín hiệu thị trường mạnh hơn nhưng vẫn có hạn chế là chậm trễ trong việc phát ra tín hiệu.

CÁC MÔ HÌNH ĐẦU VÀ VAI PHÚC

Một biến thể của mô hình đầu và vai đôi khi cũng xảy ra và được gọi là mô hình *đầu và vai phức*. Đó là những mô hình có hai đầu hoặc hai vai trái hoặc hai vai phải. Tuy không phổ biến bằng mô hình đầu và vai cơ bản, nhưng chúng có ý nghĩa dự báo như nhau. Một gợi ý hữu ích liên quan đến vấn đề này là xu hướng đối xứng mạnh trong mô hình đầu và vai. Điều này có nghĩa là vai trái thường sẽ đi cùng với một vai phải. Và vai trái đôi sẽ gia tăng khả năng xuất hiện của vai phải đôi.

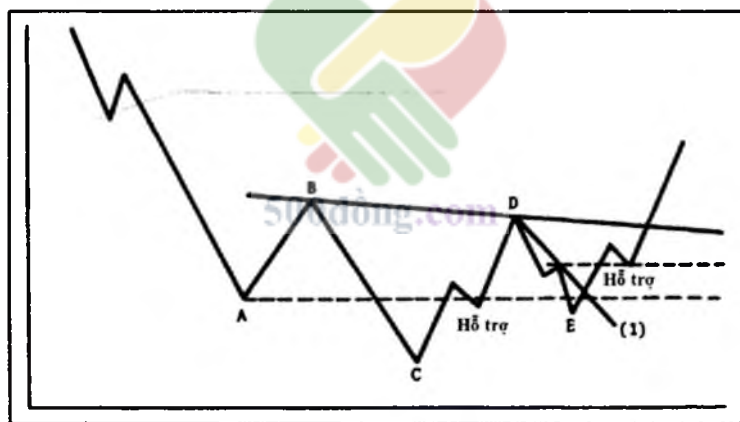
Các chiến thuật

Chiến thuật thị trường đóng vai trò quan trọng trong tất cả các hoạt động giao dịch. Không phải nhà giao dịch kỹ thuật thị trường nào cũng thích chờ đợi sự phá vỡ của đường viền cổ để khởi động vị thế mới. Như hình 5.3 cho thấy, những nhà giao dịch nôn nóng hơn tin rằng họ đã xác định chính xác một đáy đầu và vai và bắt đầu thăm dò vị thế mua trong thời gian vai phải hình thành. Hoặc có thể họ sẽ mua tại tín hiệu kỹ thuật đầu tiên khi sự suy giảm xuống vai phải đã kết thúc.

Một số người sẽ đo khoảng cách của đợt hồi phục từ điểm thấp nhất của đầu (điểm C đến D) và mua tại mức thoái lùi 50% đến 66% của đợt hồi phục đó. Những người kín tiếng sẽ vẽ một đường xu hướng giảm sát theo sự suy giảm từ D xuống E và mua tại điểm phá vỡ đi lên đầu tiên của đường xu hướng đó. Vì tính đối xứng của những mô hình này, một số người sẽ mua vào khi hình thành vai phải bởi nó đạt được mức tương tự như mức đáy của vai trái. Rất nhiều người mua tại thời điểm hình thành vai phải. Nếu việc thăm dò mua ban đầu chứng tỏ được khả năng sinh lợi, thì các vị thế bổ sung có thể được đưa vào tại thời điểm xảy ra sự phá vỡ thực sự của đường viền cổ hoặc biến động quay đầu chạm đường viền cổ sau cú phá vỡ.

Mô hình đầu và vai yếu dần

Một khi đã di chuyển qua đường viền cổ và hoàn thành mô hình đầu và vai thì *giá sẽ không cắt đường viền cổ nữa*. Tại đỉnh, một khi đường viền cổ đã bị phá vỡ khi giá đi xuống thì bất kỳ giá đóng cửa mang tính quyết định nào trên đường viền cổ này cũng là một tín hiệu cảnh báo nghiêm trọng rằng sự phá vỡ ban đầu có thể là tín hiệu tồi, và tạo nên mô hình mà chúng ta thường gọi là mô hình *đầu và vai yếu dần*. (the Failed Head and Shoulder Pattern). Kiểu mô hình này ban đầu trông giống dạng nghịch đảo đầu và vai cổ điển, nhưng ở một số khía cạnh của quá trình phát triển (hoặc trước sự phá vỡ của đường viền cổ hoặc ngay sau đó), giá lại hồi phục xu hướng ban đầu.



Hình 5.3 Chiến thuật đối với dây dầu và vai. Nhiều nhà giao dịch kỹ thuật thị trường sẽ khởi động vị thế mua khi vai phải (E) đang được hình thành. Sự thoái lui một nửa hoặc hai phần ba đợt hồi phục từ C đến D, một sự suy giảm cùng mức độ như vai trái tại điểm A, hoặc sự phá vỡ đường xu hướng giảm ngắn hạn (đường 1) đều tạo ra cơ hội cho việc gia nhập thị trường. Nhiều vị thế có thể được bổ sung khi xuất hiện sự phá vỡ của đường viền cổ hoặc biên động quay đầu chạm đường viền cổ.

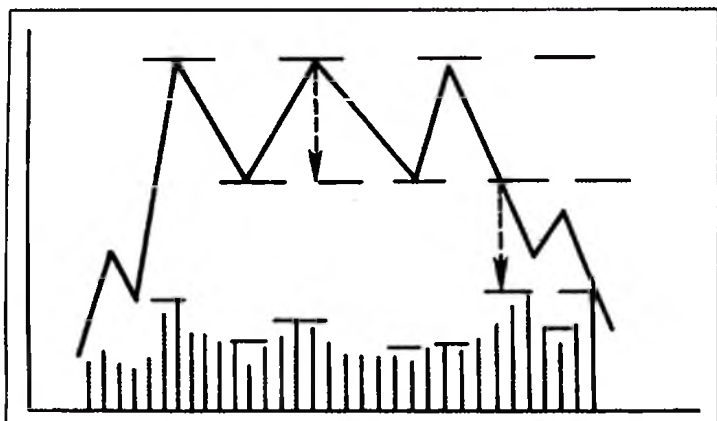
Ở đây có hai bài học quan trọng. Bài học thứ nhất là chẳng một mô hình nào trong số các mô hình đồ thị này luôn luôn đúng. Chúng vận hành gần như mọi lúc nhưng không phải luôn như vậy. Bài học thứ hai là các nhà giao dịch kỹ thuật cần phải luôn luôn cảnh giác với những tín hiệu khiến phân tích của họ đi sai hướng. Một trong những mấu chốt để tồn tại trên thị trường tài chính là giảm thua lỗ đến mức tối thiểu và thoát khỏi thị trường càng nhanh càng tốt. Một trong những lợi thế lớn nhất của phân tích đồ thị là khả năng nhanh chóng cảnh báo nhà giao dịch rằng họ đang đi sai hướng thị trường. Khả năng nhanh chóng nhận ra sai lầm và thực hiện biện pháp bảo toàn tức thì chính là những phẩm chất cần thiết trong thị trường tài chính.

Đầu và vai với tư cách là một mô hình củng cố

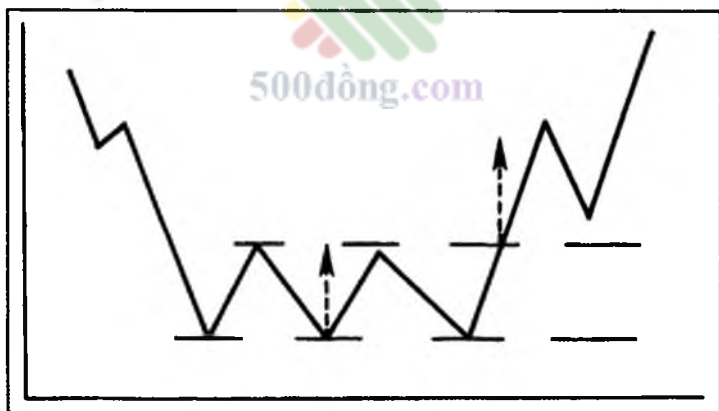
Trước khi chuyển sang mô hình giá khác, chúng ta cần lưu ý điểm cuối cùng về mô hình đầu và vai. Chúng ta đã bắt đầu cuộc thảo luận này bằng việc liệt kê những mô hình đảo chiều chính yếu phổ biến nhất và đáng tin cậy nhất. Tuy nhiên, bạn nên cẩn trọng vì đôi khi sự hình thành này vận hành như một sự củng cố chứ không phải là mô hình đảo chiều. Khi điều này xảy ra, đó chỉ là trường hợp ngoại lệ chứ không phải quy luật. Chúng ta sẽ đề cập đến vấn đề này nhiều hơn trong Chương 6, “Các mô hình tiếp diễn”.

MÔ HÌNH BA ĐỈNH VÀ BA ĐÁY

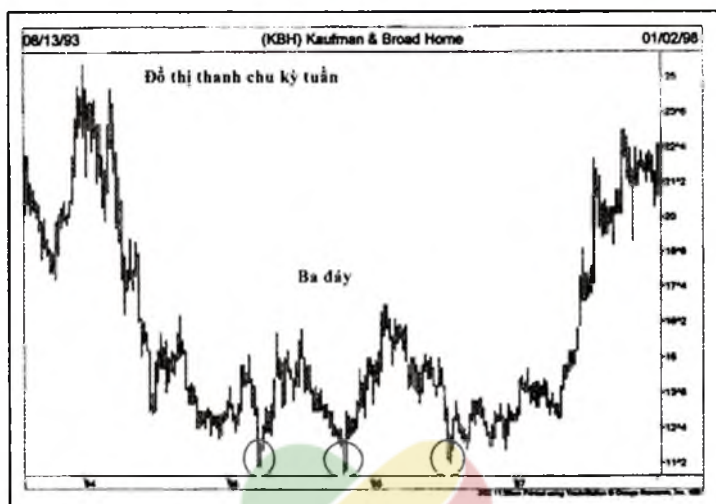
Gần như mọi đặc điểm được nhắc đến trong mô hình đầu và vai đều có thể được áp dụng cho các dạng mô hình đảo chiều khác. (Xem hình 5.4a-c). Mô hình *ba đỉnh hoặc ba đáy* (Triple Tops and Bottoms) - vốn rất hiếm khi xảy ra - là biến thể phụ của mô hình đó. Sự khác biệt nằm ở sự tương quan về mức độ của ba đỉnh hoặc đáy trong mô hình *ba đỉnh* và *ba đáy* (Xem hình 5.4a). Người sử dụng đồ thị thường bất đồng trong việc xem xét khả năng liệu một mô hình đảo chiều là đầu và vai cơ bản hay là ba đỉnh. Lập luận này mang tính học thuật vì cả hai mô hình đều có cùng hàm ý như nhau.



Hình 5.4a Mô hình ba đỉnh. Cũng giống như mô hình đầu và vai nhưng các đỉnh ở đây có cùng kích cỡ như nhau. Khối lượng giao dịch tại mỗi đỉnh giảm dần. Mô hình chỉ hoàn chỉnh khi cả hai đáy đều bị phá vỡ với khối lượng giao dịch lớn. Kỹ thuật đo lường là tính chiều cao từ điểm phá vỡ đi xuống. Biên động quay đầu chậm đường bên dưới là điều bình thường.



Hình 5.4b Một mô hình ba đáy. Cũng tương tự như đáy đầu và vai, ngoại trừ mức độ các đáy như nhau. Nó là hình ảnh đảo ngược của mô hình ba đỉnh ngoại trừ khối lượng giao dịch có ý nghĩa quan trọng hơn tại điểm phá vỡ tăng giá.



Hình 5.4c Một mô hình đảo chiều ba đáy. Giá tìm thấy ngưỡng hỗ trợ bên dưới 12 ba lần trước khi có đợt tăng giá chính. Sự hình thành đáy trong đồ thị tuần kéo dài hai năm càng chứng minh ý nghĩa của nó.

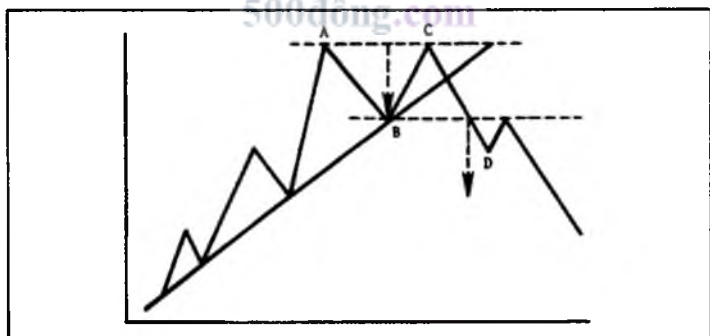
Khối lượng giao dịch có xu hướng giảm dần tại mỗi đỉnh và tăng dần tại các điểm phá vỡ. Mô hình ba đỉnh sẽ chưa hoàn chỉnh nếu ngưỡng hỗ trợ tại các đáy xen giữa vẫn chưa bị phá vỡ. Ngược lại, giá phải đóng thông qua hai đỉnh xen giữa tại đáy nhằm hoàn chỉnh mô hình ba đáy. (Như một chiến lược thay thế, việc phá vỡ đỉnh hoặc đáy gần nhất có thể được sử dụng như một tín hiệu đảo chiều). Khối lượng giao dịch lớn phía trên khi hoàn thiện đáy cũng là điều kiện quyết định.

Hàm ý đo lường cũng tương tự đầu và vai, và cũng được dựa vào chiều cao của mô hình. Giá thường biến động với một khoảng cách tối thiểu từ điểm phá vỡ ít nhất bằng chiều cao mô hình. Một khi sự phá vỡ xảy ra, biến động quay đầu tới điểm phá vỡ là bình thường. Vì mô hình ba đỉnh và đáy chỉ là một biến thể nhỏ của mô hình đầu và vai nên chúng ta sẽ không dành nhiều thời gian cho đề tài này.

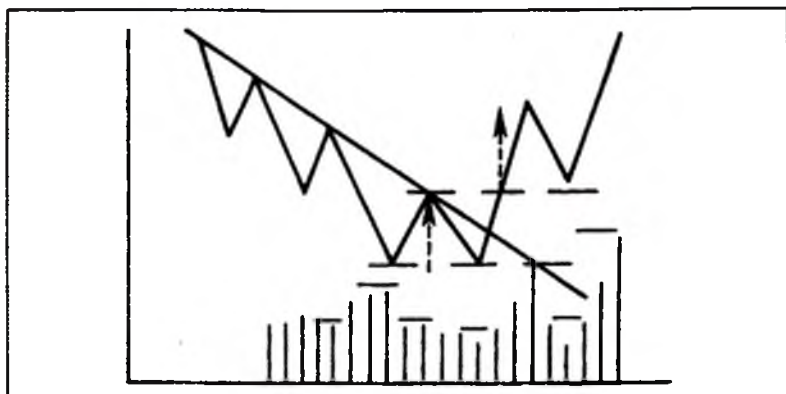
MÔ HÌNH HAI ĐỈNH VÀ HAI ĐÁY

Một mô hình đảo chiều phổ biến hơn là *hai đỉnh* hoặc *hai đáy*. Sau mô hình *đầu và vai* thì đây là dạng được sử dụng nhiều nhất và được nhận dạng dễ dàng nhất. (Xem hình 5.5a-c). Các hình 5.5a và 5.5b là ví dụ về trạng thái khác nhau của cả đỉnh lẫn đáy. Như hình dạng mà chúng ta có thể thấy được trên đồ thị, đỉnh thường được gắn với chữ M và đáy là chữ W. Các đặc điểm chung của một mô hình *hai đỉnh* cũng tương tự như các đặc điểm của mô hình *đầu và vai* và *ba đỉnh*, ngoại trừ việc chỉ có hai đỉnh xuất hiện thay vì ba. Mô hình khối lượng giao dịch cũng tương tự theo nguyên trạng của quy tắc đo lường.

Trong một xu hướng tăng (như được thể hiện trong hình 5.5a), thị trường sẽ thiết lập ngưỡng cao mới tại điểm A với khối lượng giao dịch tăng, sau đó rút xuống điểm B với khối lượng giảm. Cho đến giờ, mọi thứ diễn ra như kỳ vọng trong một xu hướng tăng thông thường. Tuy nhiên, đợt hồi phục tiếp theo tới điểm C thì không thể vượt qua đỉnh trước đó tại A để đóng lại mô hình và bắt đầu giảm xuống lần nữa. Một



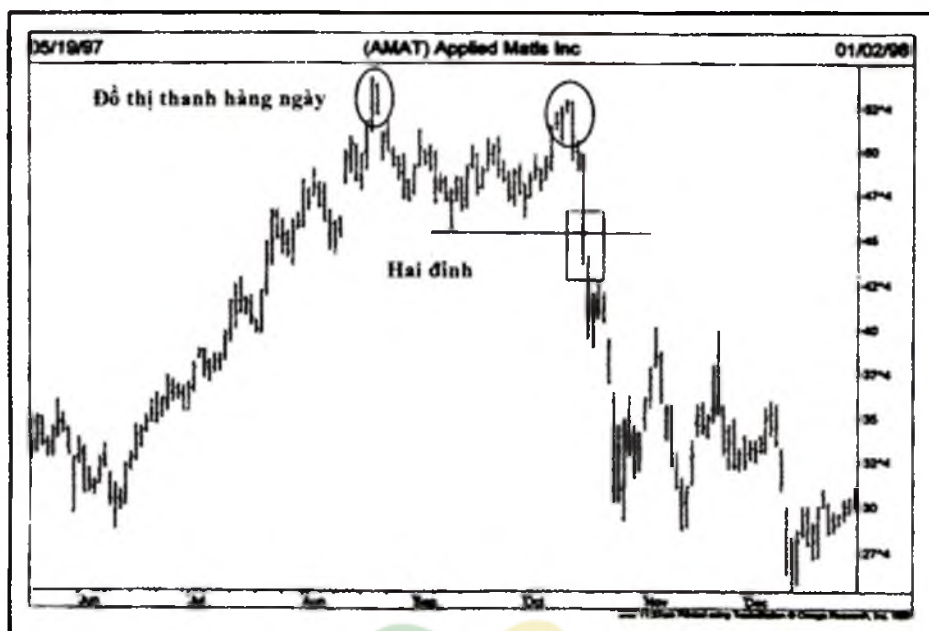
Hình 5.5a Mô hình hai đỉnh. Mô hình này có hai ngưỡng cao nhất (A và C) ở cùng một mức giá. Giá đóng cửa tại điểm B thấp hơn đáy giữa với khối lượng giao dịch lớn sẽ hoàn chỉnh mô hình và cho biết tín hiệu đảo chiều xu hướng đi xuống. Không có gì ngạc nhiên khi biến động quay đầu hướng đến điểm phá vỡ trước khi hồi phục xu hướng giảm.



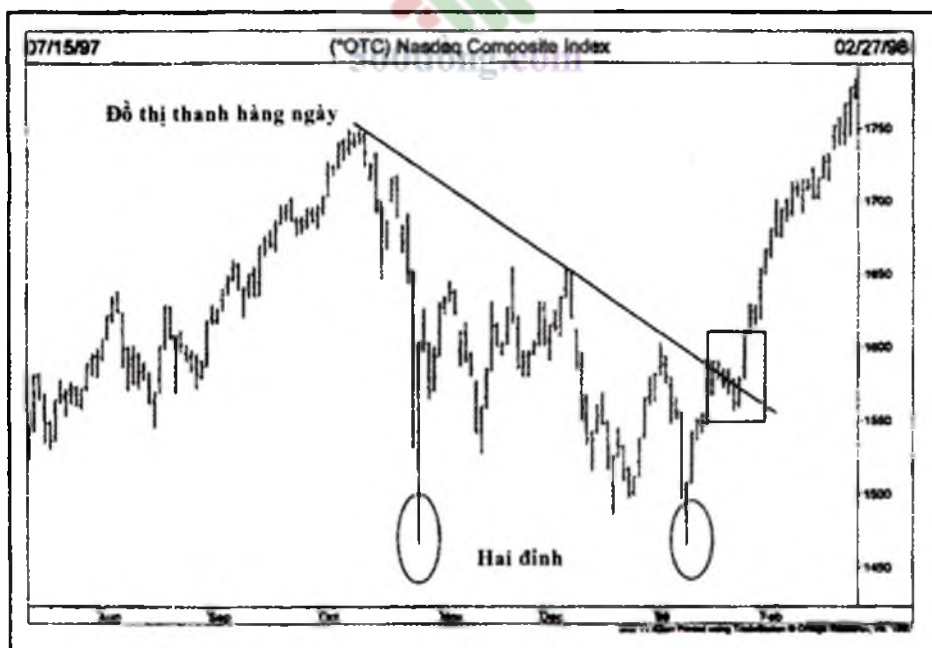
Hình 5.5b Mô hình hai đáy. Đây là hình ảnh tương phản của mô hình hai đỉnh. Khối lượng giao dịch trở nên quan trọng hơn ở điểm phá vỡ hướng lên. Các biến động quay đầu hướng đến điểm phá vỡ thường xảy ra ở đáy.



Hình 5.5c Ví dụ về mô hình hai đáy. Giá cổ phiếu giảm mạnh hai lần ở mức 68 trong thời gian ba tháng. Lưu ý rằng điểm đáy thứ hai còn là một phiên giao dịch đảo chiều đi lên. Sự phá vỡ ngưỡng kháng cự 80 hoàn chỉnh ở phần đáy.



Hình 5.5d Ví dụ về mô hình hai đỉnh. Đôi khi, đỉnh thứ hai không đạt đến mức giá của đỉnh thứ nhất như trong ví dụ này. Mô hình hai đỉnh kéo dài hai tháng này báo hiệu một xu hướng giảm giá lớn. Tín hiệu thật sự là điểm phá vỡ của ngưỡng hỗ trợ gần mức 46.



Hình 5.5e Các mô hình giá thường xuất hiện trên đồ thị của các đường trung bình giá chính. Trên đồ thị này, chỉ số Nasdaq Composite hình thành nên một mô hình hai đáy gần mức 1470 trước khi quay đầu hướng lên. Điểm phá vỡ của đường xu hướng giảm sẽ khẳng định xu hướng tăng giá.

mô hình *hai đỉnh* tiềm năng đã được thiết lập. Tôi sử dụng từ “*tiềm năng*” bởi theo nguyên trạng của tình huống với các mô hình đảo chiều thì sự đảo chiều vẫn chưa kết thúc cho đến khi ngưỡng hỗ trợ trước đó tại điểm B bị phá vỡ. Cho đến khi điều đó xảy ra, giá vẫn trong giai đoạn củng cố, chuẩn bị cho sự hồi phục xu hướng tăng ban đầu.

Một đỉnh lý tưởng sẽ có hai ngưỡng cao nhất ở cùng một mức giá. Khối lượng giao dịch tại ngưỡng thứ nhất sẽ rất lớn và giảm đi ở ngưỡng thứ hai. Giá đóng cửa tại điểm B thấp hơn đáy giữa với khối lượng giao dịch lớn sẽ hoàn chỉnh mô hình và cho biết tín hiệu đảo chiều xu hướng đi xuống. Không có gì ngạc nhiên khi biến động quay đầu hướng đến điểm phá vỡ trước khi hồi phục xu hướng giảm.

Kỹ thuật đo lường đối với mô hình hai đỉnh

Kỹ thuật đo lường được sử dụng trong mô hình hai đỉnh là chiều cao của mô hình từ điểm phá vỡ (nơi đáy giữa tại B bị phá vỡ). Ngoài ra, ta cũng có thể đo chiều cao từ A đến B và chiều khoảng cách đó đi xuống từ đáy giữa tại B. Cách đo lường trong mô hình đáy cũng tương tự nhưng theo hướng khác.

NHỮNG BIẾN THỂ TỪ MÔ HÌNH LÝ TƯỞNG

Cũng như trong phần lớn các lĩnh vực khác của phân tích thị trường, các ví dụ trong thực tế thường là những biến thể của mô hình lý tưởng. Chẳng hạn, đôi khi hai đỉnh lại không hoàn toàn giống như nhau. Đôi khi đỉnh thứ hai không thực sự đạt được cấp độ của đỉnh thứ nhất và đó không phải vấn đề lớn. Những gì gây nên chuyện chính khi đỉnh thứ hai vượt qua đỉnh thứ nhất với một mức tăng nhỏ. Điều trước hết có thể xuất hiện để trở thành sự phá vỡ theo chiều hướng tăng và sự hồi phục của xu hướng tăng hóa ra là một phần trong quá trình hình thành đỉnh. Để giải quyết vấn đề nan giải này, ta phải sử dụng một số tiêu chuẩn lọc đã được đề cập.

Bộ lọc

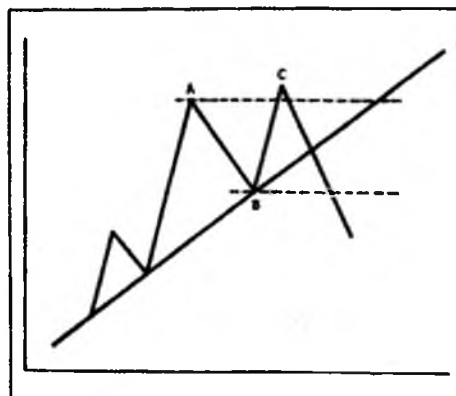
Phần lớn những người sử dụng đồ thị đều đòi hỏi giá đóng cửa vượt ra ngoài đỉnh kháng cự trước đó thay vì một sự phá vỡ giá trong ngày. Thứ hai, bộ lọc giá sẽ được sử dụng. Một ví dụ như vậy chính là tiêu chí phá vỡ theo tỷ lệ phần trăm (1% và 3%). Thứ ba, quy tắc phá vỡ hai phiên là một dạng bộ lọc thời gian. Nói cách khác, giá phải đóng cửa vượt ngưỡng cao của đỉnh thứ nhất trong hai phiên liên tiếp để chứng minh tính hiệu lực của sự phá vỡ. Một bộ lọc thời gian khác là giá đóng cửa ngày Thứ Sáu phải vượt qua đỉnh trước đó. Khối lượng giao dịch tại thời điểm phá vỡ giá đi lên cũng giúp xác minh độ tin cậy của sự phá vỡ.

Những bộ lọc này không phải lúc nào cũng đúng, nhưng giúp loại bỏ những tín hiệu sai (hay rằng cửa) thường xuyên xảy ra. Đôi khi, chúng thực sự hữu dụng, nhưng đôi khi lại không. Nhà phân tích phải đối mặt với thực tế rằng họ đang làm việc với tỷ lệ phần trăm và xác suất nên việc xuất hiện các tín hiệu sai trong những thời điểm nào đó cũng là điều bình thường. Và đó là sự thật của giao dịch trên thị trường.

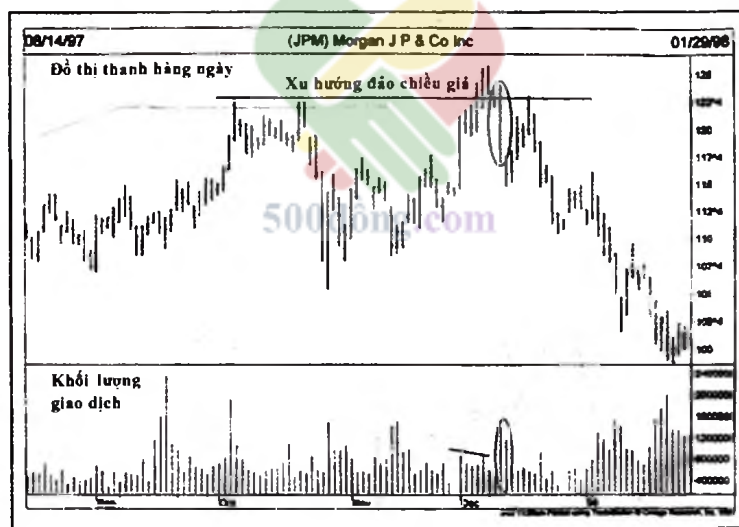
Việc một sóng cuối cùng của thị trường giá lên thiết lập một đỉnh cao mới trước khi đổi hướng cũng là điều bình thường. Trong tình huống đó, sự phá vỡ cuối cùng của xu hướng đi lên sẽ trở thành “bẫy giá lên”. (Xem hình 5.6a và b). Chúng tôi sẽ cho bạn thấy những chỉ báo giúp bạn nhận biết được những xu hướng đảo chiều nguy tạo.

Thuật ngữ “hai đỉnh” bị lạm dụng

Thuật ngữ “hai đỉnh và hai đáy” được sử dụng rất nhiều trong các thị trường tài chính. Phần lớn các mô hình hai đỉnh hoặc hai đáy tiềm năng rồi cuộc lại biến thành một thứ khác. Lý do là vì giá có xu hướng quay lại hoặc bật lại từ một đỉnh hoặc một đáy trước đó. Những sự thay đổi về giá này là phản ứng tự nhiên và tự bản thân chúng không cấu thành một mô hình đảo chiều. Lưu ý rằng trong một mô hình đỉnh, giá phải thực sự vượt khỏi đáy trước đó trước khi có sự hiện diện của mô hình hai đỉnh.



Hình 5.6a Ví dụ về một sự đảo chiều giả, thường được gọi là bẫy giá lên. Đôi khi, gần cuối xu hướng tăng chính, giá sẽ vượt khỏi đỉnh trước rồi lại giảm xuống. Người sử dụng đồ thị áp dụng nhiều loại bộ lọc thời gian và giá khác nhau để giảm thiểu những rủi ro này. Mô hình đỉnh này có tính chất của một mô hình hai đỉnh.

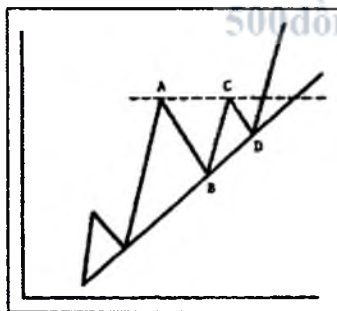


Hình 5.6b Ví dụ về một đảo chiều giả. Hãy lưu ý cách thức mà sự phá vỡ giá tăng có khối lượng thấp và sự giảm giá theo sau có khối lượng lớn tạo thành một tổ hợp đồ thị vô hiệu. Việc xem xét khối lượng giao dịch giúp ta tránh được một số xu hướng đảo chiều giả nhưng không phải là tất cả.

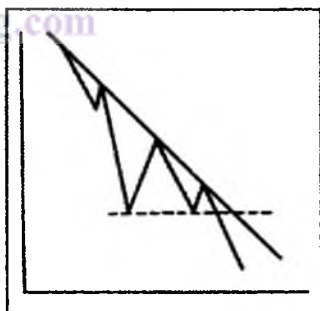
Hãy lưu ý rằng, trong hình 5.7a, giá tại điểm C bật lại từ đỉnh trước tại A. Đây là động thái bình thường trong một xu hướng tăng. Tuy nhiên, nhiều nhà giao dịch nhanh chóng coi nó như một mô hình hai đỉnh ngay khi giá giảm nhằm làm rõ đỉnh thứ nhất. Hình 5.7b cho thấy một ví dụ tương tự đối với xu hướng giảm. Đối với người sử dụng đồ thị thì khó mà có thể xác định được liệu sự thoái lùi từ đỉnh trước đó hay cú bật lại từ đáy trước chỉ là một sự giật lùi tạm thời trong xu hướng hiện có hay là sự bắt đầu một mô hình đảo chiều đáy hoặc đỉnh. Vì lợi thế kỹ thuật thường ủng hộ sự tiếp tục của xu hướng hiện tại cho nên tốt nhất là bạn nên chờ đợi sự hoàn thiện của mô hình trước khi có bất kỳ hành động nào.

Thời gian giữa các đỉnh và đáy rất quan trọng

Cuối cùng, kích thước của mô hình luôn đóng vai trò quan trọng. Khoảng thời gian giữa hai đỉnh càng dài và chiều cao của mô hình càng lớn thì khả năng đảo chiều càng lớn. Điều này đúng với mọi mô hình



Hình 5.7a Ví dụ về một sự thoái lùi thông thường từ một đỉnh trước khi khôi phục xu hướng tăng. Đây là động thái thị trường thông thường và không nên bị nhầm lẫn với mô hình hai đỉnh. Mô hình hai đỉnh chỉ xuất hiện khi ngưỡng hỗ trợ tại B bị phá vỡ.



Hình 5.7b Ví dụ một cú bật ngược thông thường từ đáy trước đó. Đây là động thái thị trường thông thường và không nên bị nhầm lẫn với mô hình hai đáy. Giá sẽ bật ngược lại từ đáy trước đó ít nhất là một lần, khiến mọi người hiểu lầm là mô hình hai đáy.

đồ thị. Nói chung, phần lớn các mô hình hai đỉnh và hai đáy hợp lệ phải có một khoảng thời gian ít nhất là một tháng giữa hai đỉnh hoặc hai đáy. Một số mô hình thậm chí còn có khoảng thời gian kéo dài tới hai hay ba tháng. (Trên biểu đồ tuần và tháng, những mô hình này có thể diễn ra trong vài năm). Phần lớn các ví dụ được sử dụng trong cuộc thảo luận này đã mô tả rõ nét đỉnh thị trường. Bạn đọc cần nhận thức rằng mô hình đáy là sự đảo ngược mô hình đỉnh ngoại trừ một số điểm khác biệt đã được nhắc đến ở đầu chương.

MÔ HÌNH ĐĨA VÀ ĐỈNH NHỌN

Mặc dù không thường xuyên xuất hiện nhưng đôi khi các mô hình đảo chiều lại có dạng giống như *chiếc đĩa (saucer)* hay những *đáy tròn*. Đáy hình đĩa cho thấy sự thay đổi giá rất chậm và rất từ tốn, từ dưới sang ngang rồi đi lên. Rất khó để xác định một cách chính xác thời điểm hoàn thiện hình đĩa cũng như khoảng cách di chuyển theo hướng ngược



Hình 5.8 Đồ thị này thể hiện một đáy hình đĩa (hay dạng tròn). Chúng diễn ra rất chậm và từ tốn, nhưng thường đánh dấu những sự chuyển hướng chính. Đáy này kéo dài trong 4 năm.

lại của giá. Đáy hình đĩa thường xuất hiện trên đồ thị tuần hoặc tháng và kéo dài trong vài năm. Thời gian chúng diễn ra càng dài thì ý nghĩa của chúng càng lớn. (Xem hình 5.8).

Đỉnh nhọn (spike) là những bước đổi hướng thị trường rõ ràng nhất vì đỉnh nhọn (hay còn gọi mô hình chữ V) xuất hiện rất nhanh và thời gian chuyển đổi rất ngắn hoặc không có. Chúng thường xuất hiện trong thị trường đi chuyển theo một hướng quá lâu (nổi dài) rồi đột ngột đảo chiều do những tin tức bất lợi. Cảnh báo duy nhất mà chúng cho ta thấy là sự đảo chiều ngày hoặc tuần với khối lượng giao dịch rất lớn. Chúng tôi không muốn nói điều gì khác ngoại trừ việc mong bạn không gặp phải loại đỉnh nhọn này. Một số chỉ báo kỹ thuật mà chúng ta sẽ thảo luận trong các chương sau sẽ giúp bạn xác định thời điểm thị trường lâm vào tình trạng nổi dài vượt mức **bảo động**. (Xem hình 5.9).



Hình 5.9 Ví dụ về mô hình đảo chiều đỉnh nhọn (chữ V). Những mô hình đảo chiều đột ngột này diễn ra với ít tín hiệu cảnh báo hoặc thậm chí là không có cảnh báo. Một sự giảm giá đột ngột với khối lượng giao dịch lớn thường chỉ là tín hiệu. Đáng tiếc là rất khó để phát hiện trước những sự thay đổi chiều hướng đột ngột như thế này.

TÓM LƯỢC

Chúng ta đã thảo luận về 5 dạng mô hình đảo chiều chính thường được sử dụng nhiều nhất - đầu và vai, hai đỉnh và hai đáy, ba đỉnh và ba đáy, hình đĩa và chữ V hay còn gọi đỉnh nhọn. Mô hình phổ biến nhất trong số chúng là đầu và vai, hai đỉnh và hai đáy. Những mô hình này thường báo hiệu sự đảo chiều xu hướng quan trọng và được xem là những mô hình đảo chiều chính. Tuy nhiên, có một loại mô hình khác ngắn hạn hơn về bản chất và thường biểu thị sự củng cố xu hướng hơn là đảo chiều. Đó chính là mô hình *tiếp diễn*. Chúng ta hãy xem xét loại mô hình này trong Chương 6.



CHƯƠNG 6

Mô hình tiếp diễn

GIỚI THIỆU

Các mô hình đồ thị trong chương này được gọi là mô hình *tiếp diễn*. Những mô hình này thường cho thấy rằng biến động giá đi ngang trên đồ thị chỉ là sự tạm ngưng trong xu hướng hiện tại và biến động tiếp theo sẽ theo hướng cũ. Đặc điểm này giúp ta phân biệt nhóm mô hình này với các mô hình khác thể hiện sự đảo chiều xu hướng được thảo luận trong chương trước.

Một điểm khác biệt khác giữa mô hình đảo chiều và mô hình tiếp diễn là thời gian. Mô hình đảo chiều thường mất thời gian dài hơn để hình thành đồng thời thể hiện sự thay đổi xu hướng chính. Còn mô hình tiếp diễn lại có khoảng thời gian tồn tại ngắn hơn và được phân loại là mô hình ngắn hạn hay mô hình trung gian.

Cần lưu ý cách sử dụng bất biến của từ “thường”. Mọi loại mô hình đều cần được xử lý một cách linh hoạt, tuy nhiên, cũng cần nhớ rằng luôn luôn có ngoại lệ. Thậm chí, việc nhóm mô hình giá thành những phạm trù khác nhau đôi khi cũng trở nên tinh tế. Các mô hình tam giác thường là mô hình tiếp diễn, nhưng đôi khi cũng trở thành mô hình đảo chiều. Mặc dù thường được xem như mô hình trung gian, nhưng đôi khi tam giác lại xuất hiện trên đồ thị dài hạn và mang ý nghĩa của xu hướng chính. Một biến thể của tam giác - dạng đảo nghịch - thường báo hiệu

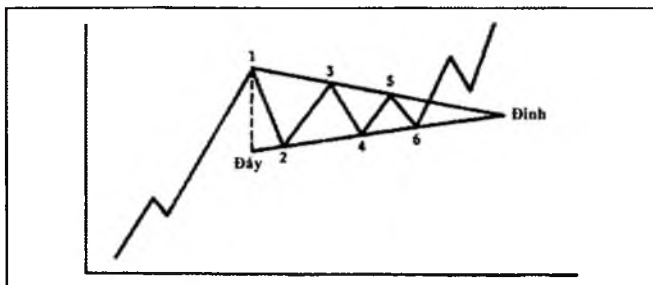
một đỉnh thị trường chính yếu. Thậm chí, đôi khi mô hình đảo chiều chính được sử dụng nhiều nhất là đầu và vai cũng trở thành mô hình củng cố.

Bất chấp sự nhập nhằng trên cũng như những ngoại lệ đôi khi xảy ra, mô hình đồ thị nói chung được chia thành hai loại, và nếu được giải thích chính xác, chúng sẽ rất có ích cho người sử dụng đồ thị trong việc xác định diễn biến của thị trường.

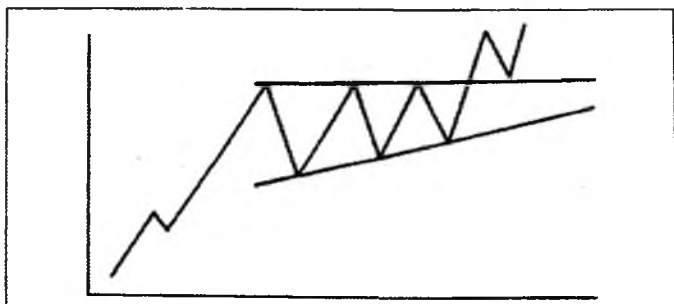
MÔ HÌNH TAM GIÁC

Hãy khởi động mô hình tiếp diễn bằng dạng tam giác. Có ba loại tam giác - *đối xứng*, *tăng* và *giảm*. (Một số người sử dụng đồ thị tính cả loại thứ tư là *tam giác nổi dài*, hay *dạng mở rộng*. Loại này sẽ được đề cập như một mô hình riêng biệt). Mỗi loại tam giác có hình dạng và ý nghĩa dự báo khác nhau.

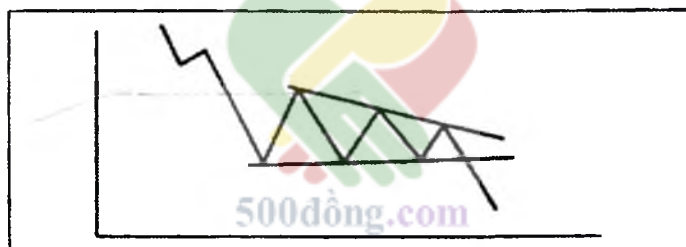
Hình 6.1a-c là những ví dụ về hình dạng của mỗi loại tam giác. Tam giác đối xứng đối xứng (trong hình 6.1a) thể hiện hai đường xu hướng cắt nhau, đường trên giảm và đường dưới tăng. Đường thẳng đứng ở bên trái thể hiện chiều cao mô hình, được gọi là *dây*. Điểm giao nhau của hai đường nằm bên phải là *đỉnh*.



Hình 6.1a Ví dụ về một tam giác đối xứng trong thị trường giá lên. Chú ý hai đường xu hướng cắt nhau. Giá đóng cửa bên ngoài hai đường xu hướng giúp hoàn chỉnh mô hình. Đường thẳng đứng bên trái là *dây*. Điểm giao nhau của hai đường nằm bên phải là *đỉnh*.



Hình 6.1b Ví dụ một tam giác tăng. Chú ý cạnh trên hơi ngang và cạnh dưới tăng. Đây là một mô hình giá lên.



Hình 6.1c Ví dụ một tam giác giảm. Chú ý cạnh dưới hơi ngang và cạnh trên giảm. Đây thường là một mô hình giá xuống.

của hai đường nằm bên phải được gọi là **đỉnh**. Có nhiều lý do khiến tam giác đối xứng còn được gọi là **dạng sóng**.

Tam giác tăng có cạnh dưới tăng và cạnh trên hơi nghiêng hoặc nằm ngang (Xem hình 6.1b). Tam giác giảm (Xem hình 6.1c) có cạnh trên giảm và cạnh dưới nghiêng hoặc nằm ngang. Hãy xem cách thức diễn giải của từng loại.

TAM GIÁC ĐỐI XỨNG

Tam giác *đối xứng* (hay còn gọi là *dạng sóng*) thường là một mô hình tiếp diễn. Nó thể hiện sự tạm ngừng trong xu hướng hiện hữu, sau đó
 HOC CHUNG KHOAN tại: www.500dong.com / (facebook.com/Ngo500dong)

xu hướng cũ lại được phục hồi. Trong ví dụ từ hình 6.1a, xu hướng ban đầu tăng và sau đó là sự củng cố xu hướng tăng theo hình tam giác. Nếu xu hướng trước đó là giảm thì tam giác đối xứng sẽ có ý nghĩa giảm giá.

Yêu cầu tối thiểu đối với một tam giác là phải có 4 điểm đảo chiều. Hãy nhớ rằng phải có ít nhất hai điểm để vẽ được một đường thẳng. Do đó, để vẽ được hai đường xu hướng hội tụ thì mỗi đường phải được tiếp xúc ít nhất hai lần. Trong hình 6.1a, tam giác bắt đầu hình thành tại điểm 1 cũng là điểm bắt đầu sự củng cố xu hướng tăng. Giá rút xuống điểm 2 và hồi phục lên điểm 3. Tuy nhiên, điểm 3 lại thấp hơn điểm 1. Đường xu hướng trên chỉ được vẽ khi giá bắt đầu giảm từ điểm 3.

Lưu ý rằng điểm 4 cao hơn điểm 2. Chỉ khi giá hồi phục từ điểm 4 thì ta mới có thể vẽ đường bên dưới nghiêng lên. Tại điểm này, nhà phân tích bắt đầu hoài nghi liệu có phải họ đang gặp phải một tam giác đối xứng hay không. Vậy ta có 4 điểm đảo chiều (1, 2, 3 và 4) và hai đường xu hướng cắt nhau.

Mặc dù điều kiện tối thiểu là cần có 4 điểm đảo chiều nhưng nhiều tam giác lại có 6 điểm đảo chiều như trên hình 6.1a. Điều đó có nghĩa là có ba đỉnh và ba đáy cấu thành nên 5 sóng bên trong tam giác trước khi xu hướng tăng hồi phục. (Khi chúng ta khảo sát về lý thuyết sóng Elliott, sẽ có nhiều điều để nói về xu thế 5 sóng bên trong tam giác.)

Giới hạn thời gian đối với việc hình thành mô hình tam giác

Có một giới hạn thời gian đối với việc hình thành mô hình tam giác, và đó là lúc hai đường giao nhau tại đỉnh. Theo quy luật, giá sẽ phá vỡ theo hướng của xu hướng trước đó trong khoảng từ hai phần ba đến ba phần tư bề ngang của tam giác. Đó chính là khoảng cách từ đáy bên trái mô hình đến đỉnh bên phải. Vì hai đường này phải giao nhau nên khoảng cách trên chỉ được tính khi hai đường xu hướng hội tụ được vẽ. Cú phá vỡ tăng giá được báo hiệu bằng một sự phá vỡ đường xu hướng phía trên. Nếu giá vẫn còn trong phạm vi tam giác nhưng vượt khỏi điểm ba phần tư, tam giác bắt đầu đánh mất xu thế và giá tiếp tục trôi về đỉnh và vượt qua nó.

Chính vì thế, mô hình tam giác tạo ra một sự kết hợp thú vị giữa giá và thời gian. Các đường xu hướng hội tụ tạo ra các đường biên giá, chỉ ra điểm hoàn thành mô hình và sự hồi phục của xu hướng bằng cách phá vỡ đường xu hướng bên trên (với xu hướng giảm). Những đường xu hướng này cũng tạo ra mục tiêu giá bằng phương pháp đo chiều rộng mô hình. Ví dụ, nếu chiều rộng là 20 tuần thì sự phá vỡ sẽ diễn ra đâu đó giữa tuần thứ 13 và 15. (Xem hình 6.1d.)

Tin hiệu thực sự chỉ xuất hiện khi một trong hai đường xu hướng bị phá vỡ. Đôi khi, biến động quay đầu quay trở lại đường xu hướng sau cú phá vỡ. Trong một xu hướng tăng, đường xu hướng đó trở thành ngưỡng hỗ trợ. Trong xu hướng giảm, đường biên dưới trở thành ngưỡng kháng cự khi đã bị phá vỡ. Sau khi cú phá vỡ xảy ra, đỉnh sẽ trở thành ngưỡng kháng cự hoặc hỗ trợ quan trọng. Cũng tương tự hai



Hình 6.1d Dell hình thành tam giác đối xứng tăng giá trong quý 4 năm 1997. Chiều rộng tam giác tính từ trái qua phải là 18 tuần. Giá phá vỡ trong tuần thứ 13 (xem hình tròn) nằm ngay trên điểm hai phần ba.

chương trước, có nhiều tiêu chí khác nhau có thể được áp dụng cho sự phá vỡ. Tiêu chí tối thiểu là giá phải đóng cửa bên ngoài đường xu hướng và không phải là một cú phá vỡ giá trong ngày.

Tầm quan trọng của khối lượng giao dịch

Khối lượng giao dịch sẽ giảm bớt khi giá dao động biên độ hẹp trong phạm vi tam giác. Khuynh hướng này xuất hiện trong mọi mô hình củng cố. Tuy nhiên, khối lượng giao dịch tăng đột biến tại điểm phá vỡ đường xu hướng để hoàn chỉnh mô hình. Biến động quay đầu sẽ đi cùng khối lượng nhỏ và sẽ tăng mạnh khi xu hướng hồi phục.

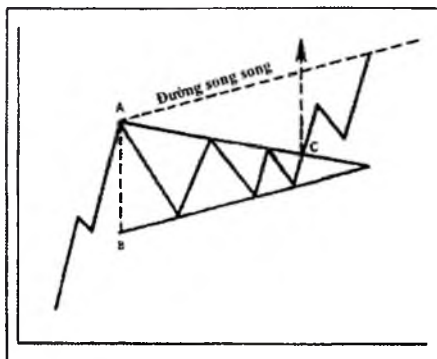
Có hai vấn đề ta cần đề cập về khối lượng giao dịch. Trong mô hình đảo chiều, khối lượng giao dịch trong xu hướng tăng quan trọng hơn so với khối lượng trong xu hướng giảm. Còn đối với mọi mô hình củng cố thì sự gia tăng khối lượng giao dịch là điều kiện tiên quyết cho sự hồi phục xu hướng tăng.

Điểm thứ hai là mặc dù khối lượng giao dịch trong thời gian hình thành mô hình giảm xuống nhưng việc kiểm tra khối lượng giao dịch thường cho ta manh mối liệu khối lượng giao dịch trong vận động tăng giá hoặc giảm giá có lớn hay không. Ví dụ, trong một xu hướng tăng thì khối lượng giao dịch tại đợt hồi phục có khuynh hướng lớn hơn và tại thời điểm giá giảm có khối lượng nhỏ hơn.

Kỹ thuật đo lường

Có những kỹ thuật đo lường cho mô hình tam giác. Trong tam giác đối xứng đối xứng, có một số kỹ thuật thường được sử dụng. Kỹ thuật đơn giản nhất là đo chiều cao của mô hình ở phần rộng nhất (đáy) và tính khoảng đó bắt đầu từ điểm phá vỡ. Hình 6.2 chỉ ra cách thức mà khoảng cách đó được chiếu từ điểm phá vỡ.

Phương pháp thứ hai là vẽ đường xu hướng từ đỉnh của đáy (tại điểm A) song song với đường xu hướng bên dưới. Đường kênh giá phía trên trở thành mục tiêu đi lên trong một xu hướng tăng. Có thể đạt được mục



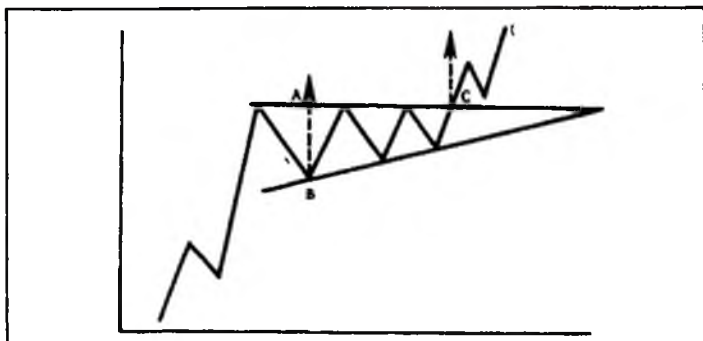
Hình 6.2 Có hai cách đo lường trong tam giác đối xứng. Một là đo chiều cao đáy (đoạn thẳng AB); chiều cao đó từ điểm phá vỡ tại C. Cách khác là vẽ đường song song hướng lên từ đỉnh của đường gốc (A) song song với đường xu hướng bên dưới của tam giác.

tiêu giá dù không đơn giản nhằm cắt được đường kênh giá phía trên. Đôi khi giá sẽ chạm đường kênh giá này ngay tại thời điểm hai đường xu hướng hội tụ gặp nhau tại đỉnh.

TAM GIÁC TĂNG

Là các dạng biến thể của tam giác đối xứng, nhưng tam giác tăng và giảm lại có ý nghĩa dự đoán khác nhau. Hình 6.3a và b cho thấy những ví dụ về mô hình *tam giác tăng*. Nên nhớ rằng đường xu hướng phía trên phẳng, trong khi đường dưới thì tăng. Mô hình này cho thấy rằng người mua tích cực hơn người bán. Nó cũng được xem như mô hình đầu cơ giá lên và thường được quyết định với sự phá vỡ theo hướng đi lên.

Cả tam giác tăng lẫn giảm đều khác với tam giác đối xứng ở một ý nghĩa rất quan trọng. Cho dù xuất hiện trong phần nào của cấu trúc xu hướng thì chúng cũng có ý nghĩa dự báo rõ ràng. Tam giác tăng thể hiện sự tăng giá còn tam giác giảm biểu thị sự giảm giá. Ngược lại, tam giác đối xứng vốn là một mô hình không thể hiện tính chất rõ rệt. Tuy nhiên, không có nghĩa rằng tam giác đối xứng không có giá trị dự báo. Vì tam giác đối xứng là mô hình tiếp diễn nên nhà phân tích chỉ cần lưu ý hướng phát triển của xu hướng trước và giả định rằng xu hướng đó sẽ tiếp diễn.



Hình 6.3a Một ví dụ về tam giác tăng. Mô hình này được hoàn chỉnh tại mức giá đóng cửa mang tính quyết định trên đầu đường phía trên. Cú phá vỡ này sẽ chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ trong khối lượng giao dịch. Đường kháng cự bên trên hoạt động như một ngưỡng hỗ trợ cho đợt giảm giá sau cú phá vỡ. Mục tiêu giá tối thiểu được tính bằng chiều cao tam giác (AB) và chiều khoảng cách đo từ điểm phá vỡ C đi lên.



Hình 6.3b Chỉ số Dow Transportation tạo ra một tam giác tăng trong thị trường giá lên gần cuối năm 1997. Lưu ý rằng đường xu hướng trên nằm ngang ở mức 3400 và đường bên dưới tăng. Nó luôn là mô hình tăng giá cho dù xuất hiện ở đâu trên đồ thị.

Chúng ta hãy quay trở lại với mô hình tam giác tăng. Như đã được nói rõ, tam giác tăng thể hiện sự tăng giá. Cú phá vỡ giá lên được báo hiệu bằng mức giá đóng cửa có tính chất quyết định trên đường xu hướng phẳng phía trên. Như trong trường hợp của tất cả cú phá vỡ có hiệu lực theo xu hướng tăng, khối lượng giao dịch sẽ chứng kiến sự gia tăng đáng chú ý. Một biến động quay đầu quay trở lại đường hỗ trợ (đường phẳng bên trên) là điều bình thường và sẽ diễn ra với khối lượng nhỏ.

Kỹ thuật đo lường

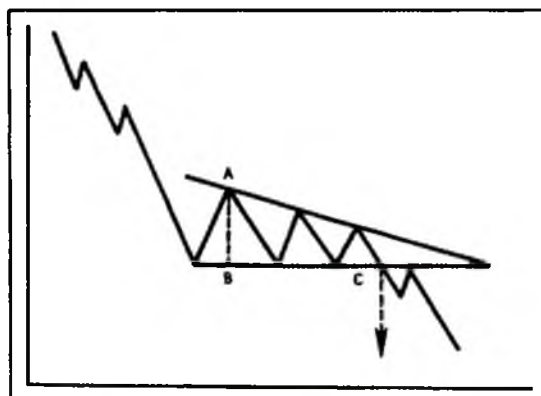
Kỹ thuật đo lường trong tam giác tăng tương đối đơn giản, đó là đo chiều cao của mô hình tại phần rộng nhất của nó và chiếu khoảng cách đó từ điểm phá vỡ theo chiều dọc. Đây chỉ là một ví dụ khác về việc sử dụng độ dao động của mô hình giả để xác định mục tiêu giá tối thiểu.

Tam giác tăng ở đáy

Trong khi thường xuất hiện trong xu hướng tăng và được xem là mô hình tiếp diễn, đôi khi tam giác tăng hiện diện với tư cách như một mô hình đáy. Việc tam giác tăng phát triển ở phần cuối xu hướng giảm không có gì bất thường. Tuy nhiên, trong trường hợp này thì mô hình vẫn được diễn giải là mô hình tăng giá. Sự phá vỡ đường bên trên báo hiệu sự hoàn thành đáy và được xem là tín hiệu tăng giá. Cả tam giác tăng và giảm đôi khi cũng được xem là tam giác *góc phải*.

TAM GIÁC GIẢM

Tam giác giảm là hình ảnh đảo ngược của tam giác tăng và thường được xem là mô hình giảm giá. Lưu ý hình 6.4a và b, nơi đường bên trên giảm và đường dưới phẳng. Mô hình này cho biết người bán tích cực hơn người mua và thường được nhận biết khi giá giảm. Tín hiệu giảm giá xuất hiện khi giá rút xuống dưới đường xu hướng thẳng bên dưới với khối lượng tăng. Một biến động quay đầu xuất hiện sẽ gặp phải rào chắn là đường xu hướng bên dưới.



Hình 6.4a Một ví dụ về tam giác giảm. Mô hình giảm giá hoàn tất khi giá giảm dứt khoát xuống dưới đường xu hướng phẳng bên dưới. Kỹ thuật đo lường là đo chiều cao của tam giác (AB) rồi chiếu nó xuống bắt đầu từ điểm phá vỡ tại C.



Hình 6.4b Ví dụ về một tam giác giảm giá của Du Pont vào mùa thu năm 1997. Đường biên bên trên nghiêng xuống trong khi đường bên dưới phẳng. Sự phá vỡ đường bên dưới đầu tháng 10 xác định xu hướng giảm của mô hình.

Kỹ thuật đo lường trong tam giác này giống với tam giác tăng ở chỗ nhà phân tích phải đo chiều cao mô hình tại đáy bên trái và chiều khoảng cách đó từ điểm phá vỡ đi xuống.

Tam giác giảm là một đỉnh

Mặc dù tam giác giảm là mô hình tiếp diễn và thường xuất hiện trong xu hướng giảm, nhưng đôi khi ta cũng thấy nó hiện diện ở các đỉnh thị trường. Dạng mô hình này không khó để nhận ra khi xuất hiện như một đỉnh. Trong trường hợp đó, giá đóng cửa thấp hơn đường xu hướng phẳng bên dưới sẽ báo hiệu một sự đảo chiều xu hướng chính theo hướng giảm.

Mô hình khối lượng giao dịch

Mô hình khối lượng giao dịch trong tam giác tăng và giảm đều như nhau, trong đó khối lượng giao dịch giảm xuống khi mô hình hình thành và tăng lên khi có cú phá vỡ. Trong trường hợp của tam giác đối xứng, trong thời gian hình thành mô hình, người sử dụng đồ thị có thể phát hiện những thay đổi nhỏ trong mô hình khối lượng cùng với sự dao động giá. Điều này có nghĩa là trong mô hình tam giác tăng, khối lượng giao dịch tại đợt hồi phục lớn hơn và giảm nhẹ tại đợt rút giá. Trong mô hình tam giác giảm, khối lượng giao dịch lớn hơn khi giá giảm nhưng lại ít hơn khi giá phục hồi.

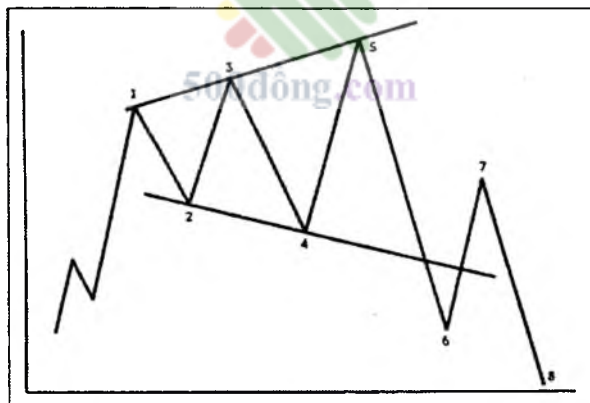
Yếu tố thời gian trong mô hình tam giác

Một yếu tố cuối cùng cần phải nhắc đến trong tam giác là thời gian. Tam giác được xem là mô hình trung gian, tức là nó mất thời gian hơn 1 tháng và dưới 3 tháng để hình thành. Một tam giác tồn tại dưới một tháng có thể là dạng mô hình khác, ví dụ mô hình cờ đuôi nheo chẳng hạn, và mô hình này sẽ được đề cập sau. Như đã được đề cập trước đó, mô hình tam giác thường xuất hiện trong đồ thị giá dài hạn nhưng ý nghĩa cơ bản thì vẫn như nhau.

MÔ HÌNH MỞ RỘNG

Mô hình giá tiếp theo là một biến thể của tam giác và rất ít xuất hiện. Thực ra nó là một tam giác đảo ngược hay một tam giác giạt lùi. Tất cả các mô hình tam giác đều được chứng minh là có những đường xu hướng hội tụ. *Mô hình mở rộng* chỉ là dạng nghịch đảo. Như mô hình trong hình 6.5 cho thấy, đường xu hướng đã thực sự phân rã trong mô hình mở rộng, tạo nên một mô hình giống tam giác mở ra. Nó còn được gọi là *đỉnh loe*.

Mô hình khối lượng giao dịch trong dạng tam giác này cũng khác. Trong những mô hình dạng tam giác khác, khối lượng giao dịch giảm khi biên độ dao động giá giảm dần. Trong mô hình mở rộng thì ngược lại. *Khối lượng giao dịch có xu hướng gia tăng cùng với biên độ dao động giá*. Nó thể hiện tình trạng thị trường mất kiểm soát và nhạy cảm một cách bất thường. Vì thể hiện số lượng người tham gia khác thường



Hình 6.5 Một mô hình tam giác mở rộng. Dạng tam giác mở rộng thường xuất hiện ở những đỉnh thị trường chính yếu. Nó thể hiện ba đỉnh liên tiếp tăng dần và hai đáy giảm dần. Sự phá vỡ đáy thứ hai giúp hoàn thiện mô hình. Đây là dạng thị trường khó giao dịch và may mắn là hiếm khi xảy ra.

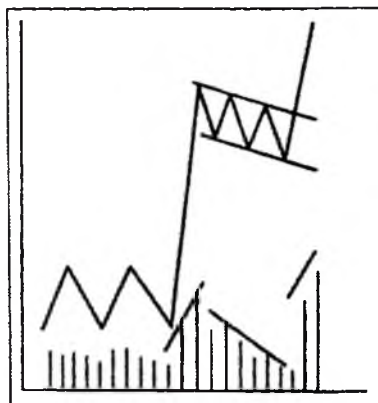
nên mô hình này phần lớn xuất hiện trong những đỉnh thị trường chính. Do đó, *mô hình mở rộng thường là mô hình trong thị trường giá xuống*. Nó chỉ xuất hiện khi thị trường giá lên chính yếu sắp bước vào giai đoạn kết thúc.

CỜ VÀ CỜ ĐUÔI NHEO

Mô hình *cờ* (flag) và *cờ đuôi nheo* (pennant) được sử dụng khá phổ biến. Chúng thường được nghiên cứu cùng lúc vì sự tương đồng về hình dạng, có xu hướng xuất hiện cùng một nơi trong xu hướng và có khối lượng giao dịch và tiêu chí đo lường như nhau.

Cờ và cờ đuôi nheo là sự tạm ngừng của một biến động thị trường sôi nổi. Một trong những điều kiện hình thành cờ và cờ đuôi nheo là phải có một biến động theo đường thẳng rõ rệt. Nó cho thấy sự tăng giá hoặc giảm giá diễn ra ngay trước đó và thị trường tạm ngừng để lấy đà chạy theo cùng hướng.

Cờ và cờ đuôi nheo là một trong những mô hình tiếp diễn đáng tin cậy nhất và hiếm khi tạo ra sự đảo chiều xu hướng. Hình 6.6a-b sẽ thể hiện hai mô hình này. Hãy lưu ý đến cường độ tăng giá rất mạnh với khối lượng lớn trước khi mô hình được hình thành. Hoạt động giao dịch



Hình 6.6a Ví dụ một mô hình cờ trong thị trường giá lên. Cờ thường xuất hiện sau một biến động rõ ràng và thể hiện một sự tạm ngừng xu hướng. Cờ dốc xuống tương phản với xu hướng hiện tại. Khối lượng giao dịch giảm xuống trong giai đoạn hình thành và tăng lại khi có sự phá vỡ. Cờ thường xuất hiện ở gần trung điểm của biến động giá.



Hình 6.6b Một mô hình cờ đuôi nheo trong thị trường giá lên. Nó trông giống một tam giác đối xứng nhưng thường không kéo dài quá 3 tuần. Khối lượng giao dịch trong quá trình hình thành sẽ ở mức thấp. Sau khi mô hình cờ đuôi nheo được hoàn chỉnh, kích cỡ biến động giá sẽ tăng gấp đôi so với biến động trước đó.

cũng giảm đáng kể khi mô hình cũng cố hình thành và đột ngột tăng khi có cú phá vỡ theo xu hướng lên.

Thiết kế cờ và cờ đuôi nheo

Việc thiết kế hai mô hình này không mấy khác nhau. Cờ giống với một hình bình hành hoặc hình chữ nhật được đánh dấu bằng hai đường xu hướng song song có xu hướng dốc so với đường xu hướng hiện tại. Trong xu hướng giảm, cờ sẽ có một góc dốc nhẹ lên phía trên.

Mô hình cờ đuôi nheo được xác định bởi hai đường xu hướng hội tụ và nằm theo chiều ngang hơn. Nó gần giống với hình dạng của tam giác đối xứng. Điều kiện quan trọng trong mỗi lần hình thành mô hình là khối lượng giao dịch phải giảm xuống đáng kể.

Cả hai mô hình đều tương đối ngắn hạn và được hoàn thành trong vòng 1 đến 3 tuần. Cờ và cờ đuôi nheo trong xu hướng giảm mất ít thời gian hơn để hình thành và thường kéo dài không quá một đến hai tuần. Cả hai đều hoàn thành khi giá phá vỡ đường xu hướng bên trên trong xu hướng tăng. Sự phá vỡ đường xu hướng bên dưới sẽ báo hiệu sự hồi phục xu hướng giảm. Sự phá vỡ những đường xu hướng này diễn ra với

khối lượng giao dịch tăng. Thông thường, khối lượng giao dịch trong đợt tăng giá quan trọng hơn trong đợt giảm giá. (Xem hình 6.7a-b)

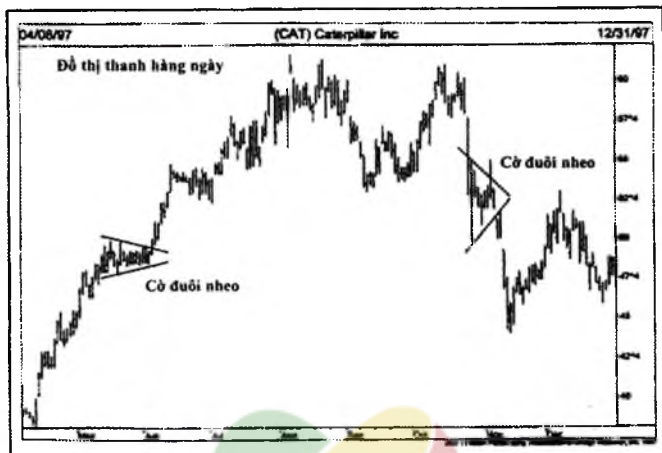
Chức năng đo lường

Chức năng đo lường trong cả hai mô hình là như nhau. Cờ và cờ đuôi neho pháp phối ở lưng chừng cột cờ. Cột cờ là đợt tăng hoặc giảm giá trước đó. Thuật ngữ “lưng chừng” ám chỉ rằng những mô hình tiếp diễn phụ có xu hướng xuất hiện ở điểm giữa của một biến động giá. Nhìn chung, sau khi xu hướng đã phục hồi, biến động giá sẽ gấp đôi cột cờ hay biến động giá trước khi có sự hình thành mô hình cờ này.

Để chính xác hơn, ta đo khoảng cách của biến động giá trước đó từ điểm phá vỡ ban đầu, nghĩa là điểm xuất hiện tín hiệu của xu hướng ban đầu nhờ cú phá vỡ ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự quan trọng hay chính đường xu hướng quan trọng. Khoảng cách tính theo chiều dọc của biến động giá đi trước sẽ được đo từ điểm phá vỡ cờ hoặc cờ đuôi



Hình 6.7a Mô hình cờ tăng trong thị trường giá lên của International Paper. Cờ trông giống như một hình bình hành dốc xuống. Lưu ý rằng cờ xuất hiện ở điểm giữa xu hướng tăng.



Hình 6.7b Một cặp cờ đuôi nheo trên đồ thị của Caterpillar. Cờ đuôi nheo là mô hình tiếp diễn ngắn hạn hơn, trông giống những tam giác đối xứng nhỏ. Cờ đuôi nheo bên trái tiếp tục xu hướng tăng, còn đường bên phải tiếp tục xu hướng giảm.

nheo, nghĩa là điểm mà tại đó, đường xu hướng bên trên bị phá vỡ trong xu hướng tăng hay đường bên dưới trong xu hướng giảm.

TÓM LƯỢC

Chúng ta sẽ cùng tóm tắt những điểm quan trọng của hai dạng mô hình trên:

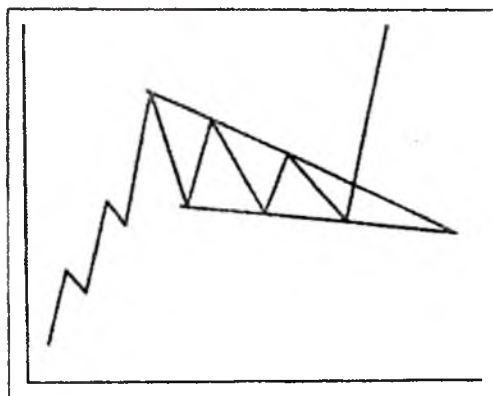
1. Cả hai mô hình đều đi sau một biến động giá theo đường thẳng (gọi là cột cờ) với khối lượng giao dịch lớn.
2. Sau đó, biến động giá tạm ngừng từ 1 đến 3 tuần với khối lượng rất ít.
3. Xu hướng phục hồi với khối lượng tăng đáng kể.
4. Cả hai mô hình đều xuất hiện tại điểm giữa của biến động giá.
5. Cờ đuôi nheo trông giống như một tam giác đối xứng nhỏ.

6. Cờ trông giống như một hình bình hành nghiêng so với xu hướng hiện tại.
7. Cả hai mô hình đều sẽ hình thành trong xu hướng giảm với thời gian ngắn hơn.
8. Cả hai mô hình đều rất phổ biến trong thị trường tài chính.

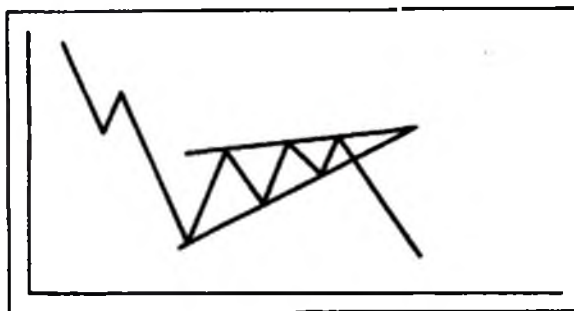
MÔ HÌNH HÌNH NÊM

Mô hình *hình nêm* cũng tương tự như mô hình tam giác đối xứng về hình dạng lẫn thời gian hình thành. Cũng như tam giác đối xứng, mô hình *hình nêm* được xác định bởi hai đường xu hướng hội tụ gặp nhau tại đỉnh. Về thời gian hình thành, hình nêm chỉ mất từ trên 1 đến dưới 3 tháng và được xếp vào phạm trù trung gian.

Độ dốc là đặc điểm phân biệt của mô hình *hình nêm*. Mô hình này có độ dốc lên và xuống đáng chú ý. Cũng như mô hình cờ, hình nêm có độ dốc tương phản so với xu hướng hiện có. Bởi thế, một hình nêm dốc xuống cho thấy xu hướng tăng giá và hình nêm dốc lên là biểu hiện xu hướng giảm giá. Lưu ý rằng, trong hình 6.8a, hình nêm tăng giá dốc xuống giữa hai đường xu hướng hội tụ. Trong xu hướng giảm ở hình 6.8b, hai đường xu hướng hội tụ có độ dốc hướng lên rõ ràng.



Hình 6.8a Ví dụ về hình nêm dốc xuống trong thị trường giá lên. Mô hình có hai đường xu hướng hội tụ nhưng có độ dốc tương phản với xu hướng hiện tại. Một hình nêm dốc xuống thường thể hiện xu hướng tăng giá.



Hình 6.8b Ví dụ về một hình nêm trong thị trường giá xuống. Hình nêm trong thị trường giá xuống có độ dốc lên tương phản với xu hướng hiện tại.

Hình nêm với tư cách là mô hình đảo chiều đáy và đỉnh

Hình nêm xuất hiện rất thường xuyên trong phạm vi đường xu hướng hiện hữu và thường tạo nên mô hình tiếp diễn. Hình nêm có thể xuất hiện tại đỉnh hoặc đáy và báo hiệu một sự đảo chiều xu hướng, nhưng dạng tình huống này không mấy phổ biến. Gần cuối một xu hướng tăng, người sử dụng đồ thị sẽ quan sát thấy một tam giác có độ dốc



Hình 6.8c Ví dụ về một hình nêm đi lên trong thị trường giá xuống. Hai đường xu hướng hội tụ có độ dốc đi lên. Hình nêm có độ dốc xuống tương phản với xu hướng hiện tại. Chính vì thế mà hình nêm đi lên là giảm giá và hình nêm xuống là tăng giá.

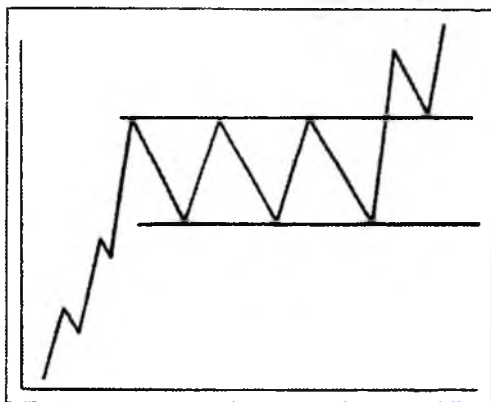
lên rất rõ rệt. Vì hình nêm tiếp diễn trong một xu hướng tăng thường dốc xuống so với xu hướng hiện có, hình nêm dốc lên sẽ là manh mối giúp người đọc đồ thị nhận biết đây là mô hình giảm giá chứ không phải là mô hình tăng. Tại đây, một hình nêm dốc xuống cảnh báo khả năng kết thúc xu hướng giảm.

Cho dù hình nêm xuất hiện ở giữa hay cuối một biến động giá thì nhà phân tích cũng nên biết áp dụng câu châm ngôn nói rằng *hình nêm đi lên thì giá xuống, còn hình nêm đi xuống thì giá lên*. (Xem hình 6.8c)

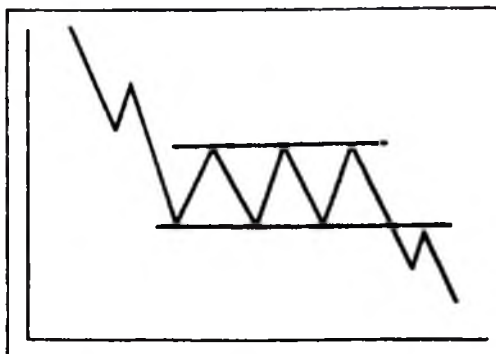
MÔ HÌNH HÌNH CHỮ NHẬT

Mô hình hình chữ nhật thường có nhiều tên gọi những rất dễ để nhận biết trên đồ thị giá. Nó là sự tạm ngừng xu hướng, trong đó giá biến động đi ngang giữa hai đường ngang nằm song song nhau. (xem hình 6.9a-c)

Hình chữ nhật thường được xem như *biên độ giao dịch* hoặc *khu vực giằng co giá*. Theo cách nói của lý thuyết Dow thì nó là một *đường*. Cho dù có được gọi bằng tên gọi nào đi chăng nữa thì nó vẫn chỉ là một giai đoạn củng cố xu hướng hiện có, và được xác định theo hướng thị trường diễn ra trước đó. Về giá trị dự báo, nó được coi là tương tự với tam giác đối xứng nhưng với các đường xu hướng phẳng chứ không



Hình 6.9a Ví dụ một hình chữ nhật trong thị trường giá lên trong xu hướng tăng. Mô hình này được gọi là biên độ giao dịch, và thể hiện giá đang giao dịch trong phạm vi giữa hai đường xu hướng nằm ngang. Nó còn được gọi là khu vực giằng co giá.



Hình 6.9b Ví dụ về một hình chữ nhật trong thị trường giá xuống. Mặc dù hình chữ nhật thường được xem như mô hình tiếp diễn, nhưng nhà giao dịch phải luôn luôn cảnh giác tín hiệu mô hình đảo chiều, chẳng hạn như mô ba đáy.



Hình 6.9c Một hình chữ nhật trong thị trường giá lên. Xu hướng tăng của Compaq bị ngắt quãng trong 4 tháng bằng những diễn biến giá đi ngang. Cú phá vỡ đi lên trên đường xu hướng phía trên đầu tháng 5 giúp hoàn chỉnh mô hình và hồi phục xu hướng tăng. Hình chữ nhật thường là dạng mô hình tiếp diễn.

phải hội tụ.

Giá vượt ra khỏi đường biên trên hoặc dưới một cách dứt khoát báo hiệu sự hoàn thành mô hình hình chữ nhật và chỉ ra hướng phát triển của xu hướng. Tuy nhiên, nhà phân tích phải luôn ghi nhớ rằng sự củng cố hình chữ nhật sẽ không chuyển thành mô hình đảo chiều. Trong xu hướng tăng trên hình 6.9a, ba đỉnh có thể được hiểu như mô hình đảo chiều ba đỉnh.

Tầm quan trọng của khối lượng giao dịch

Một điểm quan trọng cần xem xét là mô hình khối lượng giao dịch. Bởi vì sự dao động giá theo hai hướng đều rộng nên nhà phân tích nên quan sát kỹ biến động nào diễn ra với khối lượng giao dịch lớn. Nếu sự hồi phục có khối lượng lớn và suy giảm có khối lượng nhỏ thì khả năng sẽ là sự tiếp diễn xu hướng tăng. Nếu khối lượng tăng trong xu hướng giảm thì được xem là tín hiệu cảnh báo đảo chiều xu hướng.

Giao dịch theo những dao động trong phạm vi biên độ

Một số người sử dụng đồ thị giao dịch theo sự dao động trong phạm vi mô hình bằng cách mua khi giá rút gần đáy và bán khi giá phục hồi lên đỉnh của biên độ. Kỹ thuật này được các nhà giao dịch ngắn hạn sử dụng để tận dụng lợi thế của những đường biên giá đã được xác định sẵn và thu được lợi nhuận từ một thị trường không rõ xu hướng. Vì các vị thế được nắm giữ tại điểm cực của biên độ nên rủi ro tương đối thấp và có thể xác định được. Nếu biên độ giao dịch không đổi thì cách tiếp cận ngược xu hướng này rất hiệu quả. Khi một sự phá vỡ xuất hiện thì nhà giao dịch không chỉ thoát khỏi tình trạng thua lỗ một cách nhanh chóng mà còn đảo ngược được vị thế trước đó bằng cách khởi động giao dịch theo hướng phát triển thị trường mới. Những chỉ báo dao động đặc biệt hữu dụng trong các thị trường không rõ xu hướng nhưng sẽ không mấy hữu ích khi sự phá vỡ xảy ra vì những lý do sẽ được thảo luận trong Chương 10.

Những nhà giao dịch khác thừa nhận hình chữ nhật là một mô hình

tiếp diễn và giữ vị thế mua gần biên dưới dải giá trong xu hướng tăng, hoặc khởi động vị thế bán gần đỉnh biên độ trong xu hướng giảm. Những người khác cố né tránh các thị trường không rõ xu hướng như vậy và chờ đợi sự phá vỡ rõ rệt trước khi tiêu tiền của mình. Hầu hết những hệ thống theo xu hướng đều ít hiệu quả trong giai đoạn thị trường không rõ xu hướng như thế này.

Những điểm tương đồng và bất đồng khác

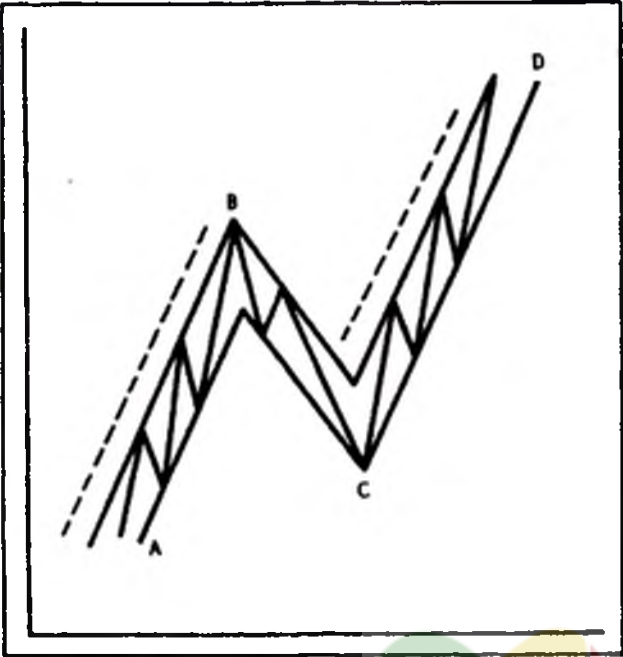
Về khía cạnh thời gian, hình chữ nhật thường bị phân vào nhóm mô hình từ một đến ba tháng, tương tự mô hình tam giác và hình nêm. Mô hình khối lượng giao dịch khác với những mô hình tiếp diễn khác ở chỗ biên độ dao động giá rộng sẽ ngăn chặn sự giảm sút mạnh mẽ hoạt động giao dịch thường thấy trong những mô hình khác.

Kỹ thuật đo lường phổ biến nhất được áp dụng cho hình chữ nhật dựa trên chiều cao của biên độ giá. Ta sẽ đo chiều cao của biên độ giao dịch từ đáy đến đỉnh rồi chia khoảng cách đó từ điểm phá vỡ. Phương pháp này giống như những phương pháp đã được đề cập, và được dựa trên độ dao động của thị trường. Khi nói về phương pháp đếm trong đồ thị điểm và hình, chúng ta sẽ nói nhiều về phương pháp đo lường theo chiều ngang.

Những điều mà chúng ta đã đề cập như khối lượng giao dịch tại điểm phá vỡ và khả năng biến động quay đầu cũng có thể được áp dụng ở đây. Vì các đường biên bên trên và bên dưới trong hình chữ nhật đều nằm ngang và được xác định rõ nên ngưỡng hỗ trợ và kháng cự cũng xuất hiện rõ ràng. Điều này có nghĩa là khi có sự phá vỡ giá thì đỉnh của dải giá trước đó sẽ tạo ra ngưỡng hỗ trợ chắc chắn để tiến hành bán tháo. Sau một sự phá vỡ hướng xuống của xu hướng giảm, đáy của biên độ giao dịch (khu vực hỗ trợ trước đó) cũng tạo ra mức kháng cự chắc chắn phía trên cho mọi đợt hồi phục.

BIẾN ĐỘNG ĐỀU DẪN

Biến động đều đặn hay cách đo lường dao động, mô tả hiện tượng nơi
 HOC CHUNG KHOAN tại: www.500dong.com / (facebook.com/Ngo500dong)



Hình 6.10a Ví dụ về biến động đều đặn (hay cách đo lường dao động) trong một xu hướng tăng. Lý thuyết này nói rằng chân thứ hai của đợt gia tăng (CD) gấp đôi kích thước và độ dốc của chân tăng thứ nhất (AB). Sóng hiệu chỉnh (BC) thường thoái lùi một phần ba đến một phần hai của đoạn AB trước khi xu hướng tăng hồi phục.



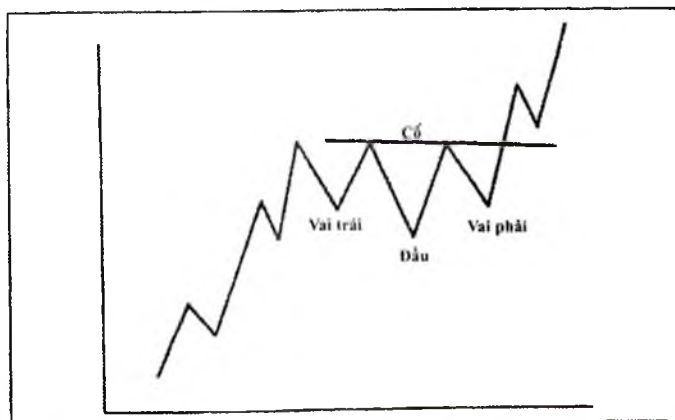
Hình 6.10b Một biến động đều đặn có tín hiệu tăng trước đó (AB) và cộng giá trị của chân này vào đáy đợt hiệu chỉnh tại C. Trên đồ thị này xu hướng tăng trước đó (AB) là 20 điểm. Việc bổ sung số đó vào điểm thấp nhất tại C (62) sẽ đẩy mục tiêu giá đến 82 (CD)

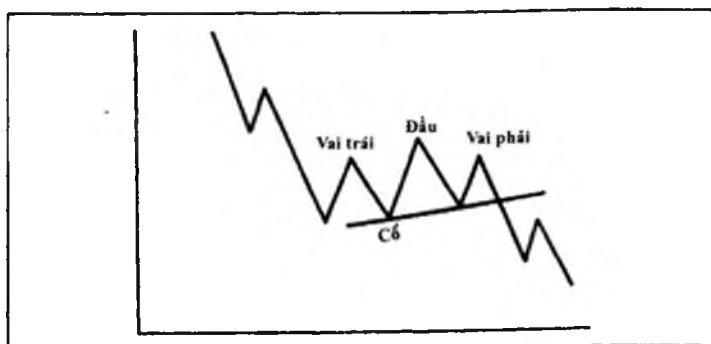
việc tăng hoặc giảm giá chính yếu của thị trường được chia thành hai biến động song song và bằng nhau như trên hình 6.10a. Để phương pháp này vận hành, biến động thị trường sẽ được xác định rõ ràng theo trình tự. Biến động đều đặn là một biến thể của những kỹ thuật chúng ta đã nói đến. Chúng ta đã nhìn thấy một số mô hình cứng cổ, như cờ và cờ đuôi nheo thường xuất hiện ở điểm giữa biến động. Chúng ta cũng đã đề cập đến xu hướng thoái lùi một nửa hay một phần ba của xu hướng trước đó trước khi nó hồi phục.

Trong biến động đều đặn, khi người sử dụng đồ thị xác định được tình trạng thị trường, như trên hình 6.10 a, trong đó đợt hồi phục từ A lên B được tiếp nối bởi dao động ngược hướng từ B sang C (thoái lùi $\frac{1}{2}$ hoặc $\frac{1}{3}$ AB), thì chân kẻ tiếp của xu hướng tăng (CD) sẽ gấp đôi chân đầu tiên (AB). Chính vì thế, chiều cao của sóng (AB) đơn giản sẽ được tính từ điểm đáy đợt hiệu chỉnh tại C hướng lên.

MÔ HÌNH ĐẦU VÀ VAI TIẾP DIỄN

Trong chương trước, chúng ta đã xem xét mô hình đầu và vai như là mô hình đảo chiều phổ biến nhất và đáng tin cậy nhất. Đôi khi, mô hình đầu và vai cũng xuất hiện như một mô hình tiếp diễn.





Hình 6.11b Ví dụ về mô hình đầu và vai tiếp diễn trong thị trường giá xuống.



Hình 6.11c General Motors hình thành mô hình đầu và vai tiếp diễn trong giai đoạn nửa đầu năm 1997. Mô hình xuất hiện rõ ràng nhưng lại diễn ra tại một vị trí bất thường. Mô hình được hoàn chỉnh và xu hướng đi lên phục hồi với giá đóng cửa nằm trên đường viền cổ tại 60.

Trong mô hình đầu và vai tiếp diễn, giá xác định một mô hình tương tự mô hình hình chữ nhật đi ngang ngoại trừ việc đáy giữa trong một xu hướng tăng (Xem hình 6.11a) thấp hơn hai vai. Trong xu hướng giảm (Xem hình 6.11b) thì đỉnh giữa trong đợt củng cố vượt khỏi hai đỉnh kia. Kết quả là mô hình đầu và vai bị lật ngược. Do đó, nó không được xem là mô hình đảo chiều nữa.

SỰ XÁC NHẬN VÀ PHÂN KỲ

Nguyên tắc *xác nhận* là một trong những đề tài phổ biến xuyên suốt những bài học về phân tích kỹ thuật, và được sử dụng cùng với đồng vị của nó - *sự phân kỳ*. Tại đây chúng ta sẽ giới thiệu cả hai khái niệm và giải thích ý nghĩa của chúng, nhưng chúng ta sẽ còn quay lại với nó nhiều lần trong cả cuốn sách bởi vì chúng có tầm ảnh hưởng rất lớn. Sự *xác nhận* mà chúng ta đang nói ở đây thuộc phạm vi mô hình đồ thị nhưng không được áp dụng với mọi khía cạnh của phân tích kỹ thuật. Sự xác nhận nhằm ám chỉ sự so sánh những tín hiệu và chỉ báo kỹ thuật để chắc rằng tất cả đều tương đồng và xác nhận lẫn nhau.

Sự phân kỳ ngược lại với sự xác nhận và ám chỉ tình trạng thị trường có những chỉ báo kỹ thuật khác nhau không xác nhận lẫn nhau. Mặc dù nó được dùng cho ý nghĩa tiêu cực, nhưng sự phân kỳ là một khái niệm hữu ích trong phân tích kỹ thuật, và là một trong những tín hiệu cảnh báo khả năng đảo chiều xu hướng. Chúng ta sẽ thảo luận về nguyên tắc chênh lệch sâu hơn trong Chương 10 “Chỉ báo dao động vô hướng và quan điểm đối nghịch”.

TÓM LƯỢC

Chúng ta đã bắt đầu bằng ba loại dữ liệu thô được sử dụng trong phân tích kỹ thuật là *giá*, *khối lượng giao dịch* và *số lượng hợp đồng chưa tất toán*. Gần như tất cả những gì chúng ta thảo luận là về giá. Hãy chú ý nhiều hơn đến khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán và cách thức chúng được xử lý trong quá trình phân tích.

CHƯƠNG 7

Khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán

GIỚI THIỆU

Gần như mọi nhà phân tích kỹ thuật trong thị trường tài chính đều sử dụng một phương pháp tiếp cận phân tích thị trường đa dụng bằng cách lần theo sự di chuyển của ba loại số liệu - *giá, khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán*. Phân tích khối lượng giao dịch có thể áp dụng cho mọi thị trường. Số lượng hợp đồng chưa tất toán chủ yếu được sử dụng trong thị trường tương lai. Chúng ta đã khảo sát cách vẽ đồ thị thanh hàng ngày và xem xét cách ba loại dữ liệu này được dựng lên trong Chương 3. Chúng ta cũng nhấn mạnh rằng mặc dù khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán trong từng tháng được giao đều được cập nhật, nhưng con số *tổng* là điều được dùng để dự đoán. Người sử dụng đồ thị chứng khoán chỉ cần vẽ khối lượng tổng và giá đi cùng.

Hầu như những thảo luận lý thuyết đồ thị về vấn đề này đều chủ yếu tập trung vào động thái giá có liên quan đến khối lượng giao dịch. Trong chương này, bằng cách quan sát kỹ hơn khối lượng giao dịch và

số lượng hợp đồng chưa tất toán, chúng ta sẽ xem xét kỹ hơn ba cách tiếp cận đa kích cỡ này đối với quá trình dự đoán cho mục đích dự đoán.

KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH VÀ SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG CHƯA TẤT TOÁN VỚI TƯ CÁCH LÀ CHỈ BẢO THỦ CẤP

Hãy bắt đầu bằng việc đặt *khối lượng giao dịch* và *số lượng hợp đồng chưa tất toán* vào đúng vị thế của nó. Giá luôn là yếu tố quan trọng nhất. Khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán có tầm quan trọng thứ hai và được sử dụng chủ yếu cho các chỉ báo xác nhận. Nếu so sánh giữa khối lượng và số hợp đồng chưa tất toán thì khối lượng quan trọng hơn.

Khối lượng giao dịch

Khối lượng giao dịch là số lượng chứng khoán được giao dịch trong khoảng thời gian ta xem xét. Vì chúng ta đang khảo sát đồ thị thanh



Hình 7.1 Hãy lưu ý những thanh khối lượng cao hơn khi giá hồi phục (nhìn hình tròn). Điều đó có nghĩa là khối lượng giao dịch khẳng định sự tăng giá và xu hướng tăng.

hàng ngày nên mỗi bận tâm chính sẽ là khối lượng giao dịch hàng ngày. Khối lượng giao dịch hàng ngày được thể hiện bằng một thanh đứng tại đáy đồ thị bên dưới đường biến động giá. (Xem hình 7.1)

Khối lượng giao dịch cũng được dựng trên đồ thị thanh *hàng tuần*. Trong trường hợp này, tổng khối lượng trong tuần sẽ được thể hiện bằng một thanh đứng đại diện cho hoạt động giá của cả tuần đó. Tuy nhiên, khối lượng giao dịch thường không được sử dụng trong đồ thị thanh *hàng tháng*.

Số lượng hợp đồng tương lai chưa tất toán

Tổng số lượng hợp đồng tương lai còn tồn tại hoặc vẫn chưa được thanh toán vào cuối phiên giao dịch chính là số lượng *hợp đồng chưa tất toán*. Trong hình 7.2, số lượng hợp đồng chưa tất toán được vẽ bên dưới đường giá của phiên đó, nhưng bên trên thanh khối lượng giao dịch. Hãy nhớ rằng số liệu về khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán trong thị trường tương lai được cập nhật trễ một ngày, chính vì thế nó sẽ được vẽ *chậm 1 ngày*. (Chỉ có số liệu ước lượng của ngày gần đó mới được thông báo) có nghĩa là mỗi ngày nhà giao dịch vẽ mức cao nhất, thấp nhất, và giá đóng cửa của phiên đó, nhưng vẽ số khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán chính thức của ngày trước đó.)

Số lượng hợp đồng chưa tất toán thể hiện tổng số hợp đồng mua hoặc bán còn tồn tại trên thị trường, *chứ không phải tổng của cả hai*. Chính vì thế, hai thành phần tham gia thị trường - *người mua và người bán* - chỉ có thể tạo thành một hợp đồng. Số liệu số lượng hợp đồng chưa tất toán được báo cáo hàng ngày là một con số dương hoặc âm thể hiện sự gia tăng hoặc giảm sút số lượng hợp đồng ngày hôm đó. Những thay đổi trong số lượng hợp đồng chưa tất toán dù tăng hay giảm đều cung cấp cho người dùng đồ thị những manh mối về sự thay đổi của những thành phần tham gia thị trường và cung cấp giá trị dự đoán cho số liệu số lượng hợp đồng chưa tất toán.

Số lượng hợp đồng chưa tất toán thay đổi như thế nào. Để hiểu được tầm quan trọng của cách diễn giải những thay đổi trong số lượng hợp đồng chưa tất toán, độc giả cần hiểu được cách mỗi giao dịch tạo ra sự thay đổi trong số liệu này.

Mỗi khi một giao dịch kết thúc thì số lượng hợp đồng chưa tất toán bị ảnh hưởng một trong ba hướng sau - nó gia tăng, sụt giảm hoặc không đổi. Hãy cùng xem xét chúng thay đổi như thế nào.

<i>Người mua</i>	<i>Người bán</i>	<i>Sự thay đổi SLHĐCTT</i>
1. Mua vị thế mới	Bán vị thế mới	Gia tăng
2. Mua vị thế mới	Bán vị thế mua cũ	Không đổi
3. Mua vị thế bán cũ	Bán vị thế mới	Không đổi
4. Mua vị thế bán cũ	Bán vị thế mua cũ	Sụt giảm

Trong trường hợp thứ nhất, cả người bán và người mua đang khởi động vị thế mới và hợp đồng mới được thành lập. Trong trường hợp thứ hai, người mua khởi động vị thế mua mới nhưng người bán lại thanh lý vị thế mua cũ của mình. Một bên vào còn một bên ra. Kết quả là số lượng hợp đồng không có gì thay đổi. Trường hợp thứ ba cũng tương tự ngoại trừ lúc này người bán khởi động vị thế bán mới và người mua chỉ đơn giản nắm giữ vị thế bán cũ. Vì một bên gia nhập thị trường còn bên kia lại rời khỏi thị trường nên không có sự thay đổi nào diễn ra. Trong trường hợp thứ tư, cả hai phía giao dịch đều thanh lý vị thế cũ nên số lượng hợp đồng chưa tất toán sẽ giảm xuống.

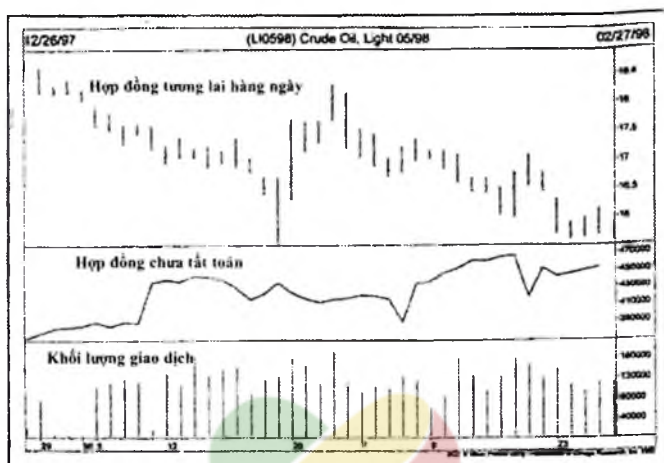
Nói tóm lại, nếu cả hai bên đều khởi động một vị thế mới thì số lượng này gia tăng. Nếu cả hai cùng thanh toán vị thế cũ thì khối lượng sụt giảm. Tuy nhiên, nếu một bên khởi động vị thế mới còn một bên thanh toán vị thế cũ thì số lượng hợp đồng không đổi. Khi nhìn vào sự thay đổi số lượng hợp đồng chưa tất toán ở cuối phiên thì nhà giao dịch có thể xác định được dòng tiền đang được đổ vào hay đang được rút ra khỏi thị trường. Nó cũng giúp phân tích viên xác minh độ chắc chắn của xu hướng hiện tại.

Quy tắc chung cho việc diễn giải khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán

Nhà phân tích thị kỹ thuật trường tương lai kết hợp thông tin về khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán. Nguyên tắc diễn giải hai yếu tố này cũng được kết hợp bởi vì chúng tương tự nhau. Tuy nhiên, có một số điểm khác biệt cần được hiểu rõ. Chúng ta sẽ bắt đầu với việc trình bày hai quy tắc này. Sau khi thực hiện điều đó, chúng ta cần phải giải quyết từng yếu tố riêng biệt.

<i>Giá</i>	<i>Khối lượng GD</i>	<i>Số lượng HDCTT</i>	<i>Thị trường</i>
Tăng	Tăng	Tăng	Mạnh
Tăng	Giảm	Giảm	Yếu
Giảm	Tăng	Tăng	Yếu
Giảm	Giảm	Giảm	Mạnh

Nếu khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán đều tăng thì xu hướng hiện tại sẽ tiếp tục đi theo hướng hiện có cả tăng lẫn giảm). Tuy nhiên, nếu khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán giảm thì đó là một cảnh báo khả năng kết thúc của xu hướng hiện tại. Vì vậy, chúng ta hãy khảo sát riêng khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán. (Xem hình 7.2).

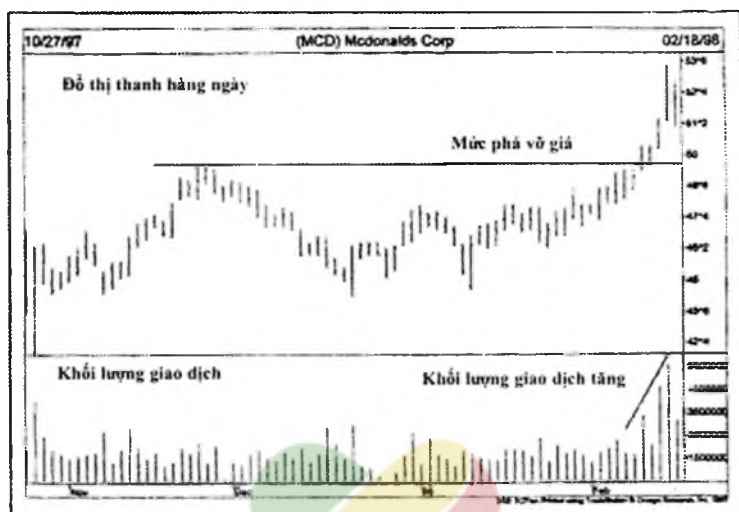


Hình 7.2 Đồ thị hàng ngày về dầu thô trong thị trường tương lai thể hiện khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tắt toàn (đường kẻ liền). Số lượng hợp đồng chưa tắt toàn tăng lên khi giá giảm.

DIỄN GIẢI KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CỦA TẤT CẢ CÁC THỊ TRƯỜNG

Mức độ khối lượng giao dịch đo lường cường độ hoặc tính cấp bách phía sau sự biến động giá. Khối lượng giao dịch càng cao thì cường độ và áp lực càng lớn. Bằng việc giám sát khối lượng giao dịch cùng với biến động giá, nhà phân tích kỹ thuật có thể đo lường được áp lực mua hoặc bán của thị trường. Thông tin này được sử dụng nhằm xác nhận sự vận động của giá cả hoặc cảnh báo rằng sự biến động giá là không đáng tin cậy. (Xem hình 7.3 và 7.4)

Nói một cách chính xác thì khối lượng giao dịch sẽ tăng hoặc mở rộng theo hướng phát triển của xu hướng hiện tại. Trong một xu hướng tăng, khối lượng giao dịch sẽ tăng khi giá tăng và giảm khi giá giảm. Xu hướng còn tiếp diễn thì khối lượng giao dịch còn được sử dụng để xác nhận xu hướng.

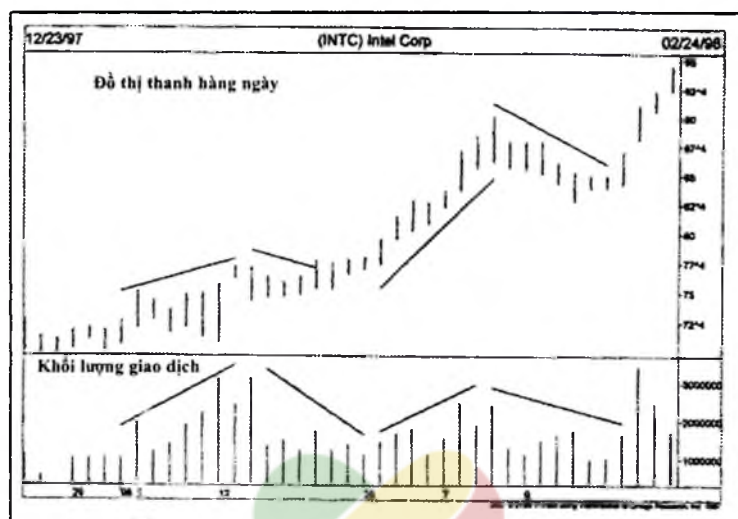


Hình 7.3 Sự phá vỡ giá đi lên thông qua đỉnh vào tháng 12 năm 1997 của McDonalds đi kèm sự gia tăng đột biến trong khối lượng giao dịch. Đây là xu hướng tăng.

Người sử dụng đồ thị cũng theo dõi tín hiệu phân kỳ. Sự phân kỳ xuất hiện nếu sự phá vỡ mức cao trước diễn ra với khối lượng giao dịch giảm. Việc này cảnh báo cho người dùng đồ thị biết khả năng xảy ra sự suy giảm áp lực mua. Nếu khối lượng giao dịch tăng khi giá giảm thì nhà phân tích bắt đầu hoài nghi về sự tiếp tục xu hướng tăng.

Khối lượng giao dịch như là sự xác nhận trong mô hình giá

Trong việc xử lý mô hình giá ở Chương 5 và 6, không ít lần khối lượng giao dịch được đề cập như một chỉ báo xác nhận quan trọng. Một trong những tín hiệu đầu tiên của mô hình *dấu và vai* xuất hiện khi giá tiến lên ngưỡng cao mới trong thời gian hình thành phần đầu của mô hình với khối lượng thấp nhưng hoạt động giao dịch tăng mạnh khi giá giảm xuống *đường viền cổ*. Mô hình *hai đỉnh* và *ba đỉnh* xuất hiện với khối lượng từng đỉnh thấp dần và hoạt động sôi nổi hẳn khi giá rút xuống. Trong mô hình tiếp diễn, chẳng hạn như mô hình *tam giác*, khối lượng



Hình 7.4 Các thanh đồ thị thể hiện khối lượng giao dịch dưới theo xu hướng tăng của Intel. Khối lượng giao dịch tăng khi giá tăng, và giảm khi giá giảm. Hãy lưu ý đến sự gia tăng đột biến trong hoạt động giao dịch ba ngày cuối của đợt tăng giá.

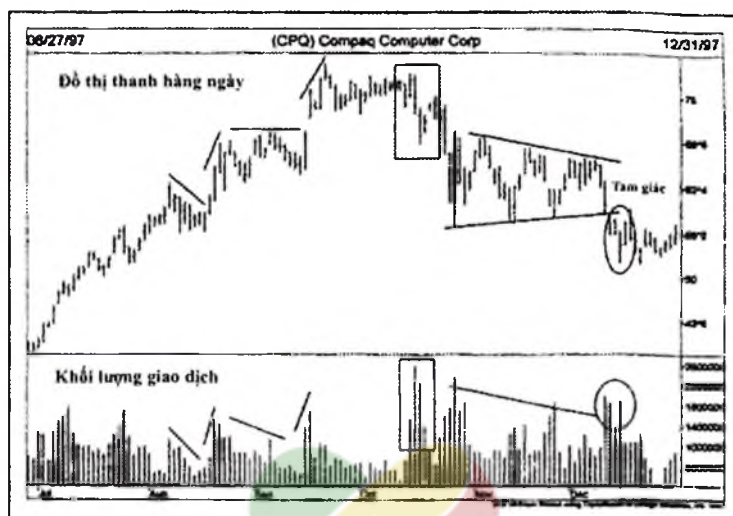
500dong.com

giao dịch giảm dần. Nói chung, mọi mô hình giá đều được nhận biết (bằng điểm phá vỡ) khi khối lượng giao dịch tăng mạnh nếu tín hiệu đưa ra bởi sự phá vỡ này là chính xác. (Xem hình 7.5)

Trong một xu hướng giảm, khối lượng giao dịch tăng mạnh trong thời gian giá suy giảm và tăng lên trong đợt hồi phục. Một khi mô hình còn tiếp diễn thì áp lực bán còn cao hơn áp lực mua và xu hướng giảm vẫn tồn tại. Mô hình chỉ thay đổi khi người sử dụng đồ thị nhận thấy tín hiệu của một đáy.

Khối lượng giao dịch đi trước giá

Bằng cách giám sát giá cùng với khối lượng giao dịch, chúng ta đang sử dụng hai loại công cụ khác nhau để đánh giá cùng một thứ - áp lực. Thông qua xu hướng giá tăng giá, chúng ta có thể thấy được áp lực mua cao hơn áp lực bán. Vì lý do đó mà khối lượng giao dịch sẽ gia tăng



Hình 7.5 *Nửa đầu đồ thị xu hướng là tích cực với khối lượng giao dịch tăng lên qua từng ngày. Hình chữ nhật ở đỉnh đánh dấu một sự quay đầu đột ngột với khối lượng cực lớn - một tín hiệu tiêu cực. Nên chú ý đến sự gia tăng hoạt động giao dịch khi tam giác tiếp diễn bị phá vỡ trên đường giá giảm.*

500dong.com

theo hướng phát triển của xu hướng chính. Nhà phân tích tin rằng khối lượng giao dịch đi trước yếu tố giá, tức là việc mất đi áp lực tăng giá trong xu hướng tăng hoặc áp lực giảm giá trong xu hướng giảm thực sự thể hiện trong con số khối lượng giao dịch trước khi hiển thị qua một sự đảo chiều xu hướng giá.

Chỉ báo cân bằng khối lượng

Nhà phân tích kỹ thuật đã trải nghiệm với nhiều chỉ báo khối lượng để xác định áp lực mua bán. Việc chăm chú thao diễn các thanh dọc thể hiện khối lượng giao dịch dưới đáy đồ thị không phải lúc nào cũng đúng để phát hiện những sự thay đổi đáng chú ý trong khối lượng. Chỉ báo đơn giản nhất và phổ biến nhất là cân bằng khối lượng hay viết tắt là OBV (On Balance Volume). Được phát triển và phổ biến bởi Joseph Granville trong cuốn sách “*Những vấn đề cơ bản mới giúp bạn kiếm*

tiên trên thị trường chứng khoán" (*Granville's New Key to Stock Market*) xuất bản năm 1963, OBV là một đường cong trên đồ thị giá. Đường cong này được sử dụng để khẳng định tính chắc chắn của xu hướng hiện tại và cảnh báo khả năng đảo chiều qua sự chênh lệch so với động thái giá.

Cách vẽ đường OBV rất đơn giản. Tổng khối lượng mỗi ngày sẽ được ấn định giá trị âm hay dương tùy thuộc giá đóng cửa hôm đó cao hơn hay thấp hơn. Giá đóng cửa cao hơn sẽ tạo ra giá trị dương cho khối lượng giao dịch ngày hôm đó, còn giá thấp hơn sẽ có giá trị âm. Tổng tích lũy có được bằng cách cộng hoặc trừ khối lượng mỗi ngày dựa theo hướng giá đóng cửa.

Hướng phát triển của đường OBV (xu hướng của nó) rất quan trọng và không phải là những con số thực. Giá trị thực của OBV thay đổi phụ thuộc vào quãng giá được dùng. Hãy để máy tính làm công việc tính



Hình 7.6 Ví dụ về một đồ thị giá có đường OBV ở đây thay vì những thanh khối lượng giao dịch. Hãy chú ý đến mức độ dễ dàng trong việc theo dõi xu hướng của khối lượng giao dịch bằng đường OBV.

toàn và chỉ cần tập trung vào đường OBV.

Đường *cân bằng khối lượng* có thể theo cùng một hướng với xu hướng giá. Nếu giá là những đỉnh và đáy tăng dần (xu hướng tăng), đường OBV cũng phải như vậy. Nếu giá theo xu hướng giảm dần, thì đường OBV cũng giảm. Khi khối lượng giao dịch không còn di chuyển cùng hướng với giá thì sự chênh lệch xuất hiện và cảnh báo tín hiệu đảo chiều xu hướng.

Các giải pháp thay thế đường OBV

Dù thực sự có hiệu quả nhưng đường *cân bằng khối lượng* vẫn có những thiếu sót. Thứ nhất, nó ấn định giá trị dương hoặc âm cho khối lượng giao dịch cả ngày. Giả sử thị trường đóng cửa phiên đó tăng rất ít. Liệu việc gán cho mọi hoạt động giao dịch của cả ngày hôm đó một giá trị dương có hợp lý không? Hay giả sử một tình huống mà thị trường tăng gần như cả ngày, nhưng lại đóng cửa ở mức giảm hơn một chút. Vậy có nên ấn định giá trị âm cho cả ngày? Để giải quyết những vấn đề này, các nhà phân tích kỹ thuật đã thử nghiệm nhiều biến thể của OBV để khám phá khối lượng giao dịch tăng giảm thực sự.

Một cách thức là gia tăng khối lượng cho những ngày có xu hướng mạnh nhất. Ví dụ, trong một phiên tăng giá thì khối lượng được nhân với giá trị tăng. Kỹ thuật này cũng vẫn ấn định giá trị dương và âm, nhưng cho những ngày có biến động giá lớn hơn và giảm sự ảnh hưởng của những ngày có sự thay đổi quá nhỏ.

Có những công thức phức tạp hơn kết hợp khối lượng giao dịch (và số lượng hợp đồng chưa tất toán) và động thái giá. Ví dụ, chỉ số nhu cầu của James Sibbet (James Sibbet's Demand Index) kết hợp số liệu giá và khối lượng thành một chỉ báo thị trường chủ đạo. Chỉ số trả nợ Herrick (Herrick Payoff Index) sử dụng số lượng hợp đồng chưa tất toán để đo lường dòng tiền. (Xem phụ lục A để giải thích về cả hai loại chỉ báo.)

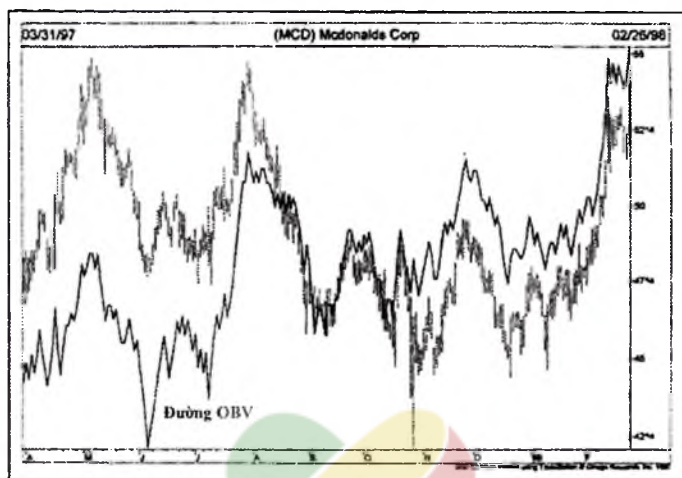
Lưu ý rằng khối lượng giao dịch được cập nhật trong thị trường chứng khoán hữu ích hơn trong thị trường tương lai. Khối lượng giao

dịch thị trường chứng khoán được cập nhật tức thời trong khi khối lượng này của thị trường tương lai thì lại trễ một ngày. Mức gia tăng hay sụt giảm khối lượng giao dịch cũng có sẵn ở thị trường chứng khoán, còn thị trường tương lai thì không. Tính có sẵn của dữ liệu khối lượng trên mỗi sự thay đổi giá của thị trường chứng khoán trong cả ngày hỗ trợ cho một loại chỉ báo cao cấp hơn với tên gọi là Dòng tiền (Money Flow), được xây dựng bởi Laszlo Birinyi (con). Phiên bản OBV mang tính thực tiễn theo dõi cấp độ khối lượng giao dịch trên từng sự thay đổi giá để biết được dòng tiền đang đổ vào hay chảy ra khỏi một loại chứng khoán. Tuy nhiên, dạng công thức phức tạp này làm hao tốn nhiều điện năng của máy tính và không thích hợp với đa số các nhà giao dịch.

Những biến thể phức tạp của OBV cũng được sử dụng cho mục đích xác định xem khối lượng giao dịch tăng mạnh trong xu hướng tăng hay giảm. Thậm chí, với tính giản đơn của mình, đường OBV vẫn hữu ích



Hình 7.7 Một ví dụ hoàn hảo về sự phân kỳ âm giữa đường cân bằng khối lượng (ở đây) và đường giá trong xu hướng giảm của Intel đã giúp cảnh báo về một cú rơi chính yếu.



Hình 7.8. Việc đặt đường OBV (đường kẻ liền) ngay trên thanh giá giúp so sánh giá và khối lượng giao dịch trở nên dễ dàng hơn. Đồ thị của McDonalds cho thấy đường OBV đưa giá đi cao hơn và cảnh báo trước cú phá vỡ tăng giá.

cho việc theo dõi dòng khối lượng giao dịch trong thị trường - cả thị trường tương lai lẫn chứng khoán. Và OBV luôn luôn có sẵn trong gần như tất cả mọi phần mềm vẽ đồ thị. Nhiều phần mềm còn cho phép bạn vẽ đường OBV ngay bên trên đường giá để dễ dàng so sánh hơn. (Xem hình 7.7 và 7.8)

Những hạn chế khác của khối lượng giao dịch trong thị trường tương lai

Chúng ta vừa đề cập đến sự chậm trễ một ngày trong việc báo cáo khối lượng giao dịch thị trường tương lai. Ngoài ra, nó cũng tương đối bất tiện khi sử dụng con số khối lượng tổng để phân tích các hợp đồng riêng lẻ thay vì khối lượng thật sự của mỗi loại hợp đồng. Chúng ta có lý do hợp lý để sử dụng khối lượng giao dịch tổng. Nhưng làm thế nào để giải quyết các tình huống khi một số hợp đồng có giá đóng cửa cao hơn trong khi số khác lại ở mức thấp hơn trong cùng một thị trường và

trong cùng một ngày? Những phiên giới hạn về khối lượng giao dịch sẽ tạo ra những vấn đề khác. Những phiên như vậy thường có khối lượng giao dịch rất ít. Đây là tín hiệu thị trường mạnh lên vì số người mua áp đảo người bán đẩy giá lên giới hạn cao nhất và giao dịch dừng lại. Theo những cách diễn giải truyền thống thì khối lượng giảm trong đợt hồi phục là xu hướng giảm giá. Khối lượng giao dịch nhỏ trong những phiên như vậy đã vi phạm nguyên tắc đó và bóp méo các con số của OBV.

Tuy nhiên, với những hạn chế trên thì khối lượng giao dịch vẫn được sử dụng trong thị trường tương lai và nhà phân tích kỹ thuật sẽ được khuyến nên thận trọng với các chỉ báo khối lượng giao dịch.

DIỄN GIẢI SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI CHƯA TẮT TOÁN

Nguyên tắc diễn giải sự thay đổi về số lượng hợp đồng chưa tắt toán cũng tương tự như sự thay đổi về khối lượng giao dịch, nhưng đòi hỏi có sự giải thích bổ sung.



Hình 7.9 Xu hướng tăng của giá bạc được khẳng định bằng sự gia tăng tương tự trong đường số lượng hợp đồng chưa tắt toán. Những ô bên phải cho thấy sự thanh lý một số hợp đồng còn tồn đọng khi giá bắt đầu đi xuống.

1. Với giá theo chiều hướng đi lên trong xu hướng tăng và tổng số lượng hợp đồng chưa tất toán tăng, *dòng tiền mới đang đổ vào thị trường, phản ánh sự mạnh mẽ trong hành động mua và được xem là thị trường giá lên.* (Xem hình 7.9)
2. Tuy nhiên, nếu giá đang tăng mà số lượng hợp đồng chưa tất toán giảm thì sự hồi phục bắt nguồn từ hoạt động mua lại chứng khoán bán khống (những người nắm giữ những vị thế bán khống đang thua lỗ buộc phải mua lại những vị thế này). *Tiền đang tuôn ra nhiều hơn là đổ vào thị trường.* Hoạt động này được xem là thị trường giá xuống bởi vì xu hướng tăng không còn hiệu lực khi hoạt động mua lại chứng khoán bán khống cần thiết đã kết thúc. (Xem hình 7.10)
3. Khi giá đang giảm và số lượng hợp đồng chưa tất toán tăng thì nhà phân tích hiểu rằng *dòng tiền mới đang đổ vào thị trường và phản ánh hiện tượng bán khống mới.* Hành động này gia tăng khả



Hình 7.10 Một ví dụ về sự hồi phục giá vàng trong thị trường tương lai. Giá tăng trong khi số lượng hợp đồng chưa tất toán giảm, còn khi giá giảm thì số lượng hợp đồng chưa tất toán lại tăng. Như vậy, xu thế chắc chắn sẽ là số lượng hợp đồng chưa tất toán song hành với giá, chứ không phải tương phản

năng tiếp tục xu hướng giảm và được xem là thị trường giảm giá (Xem hình 7.11).

4. Tuy nhiên, nếu số lượng hợp đồng chưa tất toán giảm mà giá cũng giảm thì sự rớt giá bắt nguồn từ sự bỏ cuộc hoặc những người mua đang thua lỗ buộc phải thanh lý các vị thế của mình. Hành động này được coi là tín hiệu mạnh lên của thị trường vì xu hướng giảm có thể sẽ kết thúc khi số lượng hợp đồng chưa tất toán giảm đủ để chứng minh những người mua đã bán xong những vị thế của mình.

Chúng ta hãy cùng tóm tắt bốn đặc điểm này:

1. Số lượng hợp đồng chưa tất toán tăng trong một xu hướng tăng là thị trường giá lên.
2. Số lượng hợp đồng chưa tất toán giảm trong một xu hướng tăng là thị trường giá xuống.



Hình 7.11 Sự rớt giá kim loại đồng trong mùa hè năm 1997 và sự rớt giá theo sau với số lượng hợp đồng chưa tất toán tăng. Số lượng hợp đồng chưa tất toán tăng trong thời gian giá giảm là thị trường giá xuống bởi vì nó thể hiện tính tích cực của hoạt động bán khống.

3. *Số lượng hợp đồng chưa tất toán tăng trong một xu hướng giảm là thị trường giá xuống.*
4. *Số lượng hợp đồng chưa tất toán giảm trong một xu hướng giảm là thị trường giá lên.*

Những tình huống khác, nơi số lượng hợp đồng chưa tất toán thể hiện tầm quan trọng.

Ngoài những xu thế được thảo luận trước đó còn có những trường hợp, trong đó số lượng hợp đồng chưa tất toán thể hiện tính hữu dụng của mình.

1. Vào giai đoạn cuối của biến động thị trường chính, nơi số lượng hợp đồng chưa tất toán tăng suốt cả xu hướng, *sự sụt giảm số lượng hợp đồng chưa tất toán thường là tín hiệu sớm cảnh báo sự thay đổi xu hướng.*

2. *Số lượng lớn hợp đồng chưa tất toán tại các đỉnh thị trường được xem là thị trường giá xuống nếu sự rút giá xuất hiện rất đột ngột.* Điều này có nghĩa là tất cả những vị thế mua được thiết lập gần đoạn cuối xu hướng tăng hiện đang trong tình thế thua lỗ. Việc họ buộc phải thanh lý các vị thế này khiến giá chịu áp lực cho đến khi số lượng hợp đồng chưa tất toán giảm đủ. Ví dụ, giá sử một xu hướng tăng đang hoạt động. Trong tháng trước, số lượng hợp đồng chưa tất toán tăng đáng kể. Hãy nhớ rằng mỗi hợp đồng chưa tất toán mới đều có một bên mua và một bên bán. Đột nhiên, giá bắt đầu giảm rõ rệt và xuống dưới mức thấp nhất trong tháng trước. Mỗi vị thế mua trong tháng đó đều sẽ rơi vào tình trạng thua lỗ.

Việc thanh lý mang tính bắt buộc đối với những vị thế mua này đã khiến giá chịu một áp lực cho đến khi tất cả đều được thanh lý hết. Tệ hơn nữa, áp lực bán cũng bắt đầu tăng khi giá bị đẩy xuống thấp hơn tạo ra những lệnh bán gia tăng từ những người mua khác và gia tăng cường độ giảm giá. Như một hệ luận tất yếu từ điểm trước, *số lượng hợp đồng chưa tất toán cao một cách bất thường trong một thị trường tăng giá là một tín hiệu nguy hiểm.*

3. Nếu số lượng hợp đồng chưa tất toán tăng đáng kể trong thời gian củng cố hoặc giao dịch theo biên độ đi ngang, thì cường độ của vận động giá sau đó sẽ tăng khi có cú phá vỡ diễn ra. Thị trường đang trong giai đoạn quyết định. Không ai chắc chắn được sự phá vỡ xu hướng sẽ đi theo hướng nào. Tuy nhiên, sự gia tăng số lượng hợp đồng chưa tất toán cho chúng ta biết rằng nhiều nhà giao dịch đang nắm lấy vị thế trước cú phá vỡ. Một khi cú phá vỡ diễn ra thì nhiều nhà giao dịch sẽ nhận ra sai lầm vì đã chọn nhầm hướng thị trường.

Giả sử chúng ta có biên độ giao dịch 3 tháng và số lượng hợp đồng chưa tất toán nhảy lên 10.000 hợp đồng. Có nghĩa là chúng ta có 10.000 vị thế mua mới và 10.000 vị thế bán mới. Sau đó giá phá vỡ theo hướng đi lên và ngưỡng cao mới ba tháng được xác lập. Vì giá đang được giao dịch ở ngưỡng cao nhất trong 3 tháng nên mỗi một vị thế bán (10.000) ngắn hạn được khởi động ở ba tháng trước hiện đang ở tình trạng thua lỗ. Giá vẫn đang mạnh đến khi nào toàn bộ hoặc hầu như 10.000 vị thế bán này đều được mua. Nếu sự phá vỡ diễn ra theo hướng giảm, thì những người mua sẽ phải đau đầu.

Giai đoạn đầu của bất kỳ một xu hướng mới nào phát sinh sau cú phá vỡ đều được kích thích bằng hoạt động thanh lý của những người có quyết định sai lầm. Càng nhiều người sai lầm (được ghi nhận trong số lượng lớn hợp đồng chưa tất toán) thì phản ứng với biến động đảo chiều đột ngột càng mạnh mẽ. Nếu nhìn nhận theo hướng tích cực thì xu hướng mới đã tiến xa hơn nhờ những người được chứng minh là có quyết định đúng đắn, và những người này đang sử dụng lợi nhuận tích lũy để gia tăng vị thế tài chính của mình. Chúng ta có thể thấy được tại sao sự gia tăng số lượng hợp đồng chưa tất toán trong biên độ giao dịch càng lớn (hay trong những mô hình giá khác), thì khả năng của biến động giá theo sau càng cao.

4. Sự gia tăng số lượng hợp đồng chưa tất toán tại thời điểm kết thúc một mô hình giá được xem là sự khẳng định một tín hiệu thị trường đáng tin cậy. Ví dụ, sự phá vỡ đường viền cổ trong một đáy đầu và vai càng có tính thuyết phục nếu nó diễn ra với sự gia tăng số lượng hợp đồng

chưa tất toán và khối lượng giao dịch. Nhà phân tích cần phải cẩn thận ở điểm này. Vì lực đẩy theo sau tin hiệu xu hướng đầu tiên bắt nguồn từ những người có quyết định sai, *nhưng đôi khi số lượng hợp đồng chưa tất toán lại giảm nhẹ ở giai đoạn đầu của một xu hướng mới*. Sự suy giảm ban đầu trong số lượng hợp đồng chưa tất toán có thể khiến những người đọc đồ thị bất cẩn đi sai hướng, đồng thời tranh luận về sự tập trung cao độ đối với sự thay đổi trong số lượng hợp đồng tương lai chưa tất toán ngắn hạn.

TÓM LƯỢC CÁC QUY TẮC VỀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH VÀ SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG CHƯA TẤT TOÁN

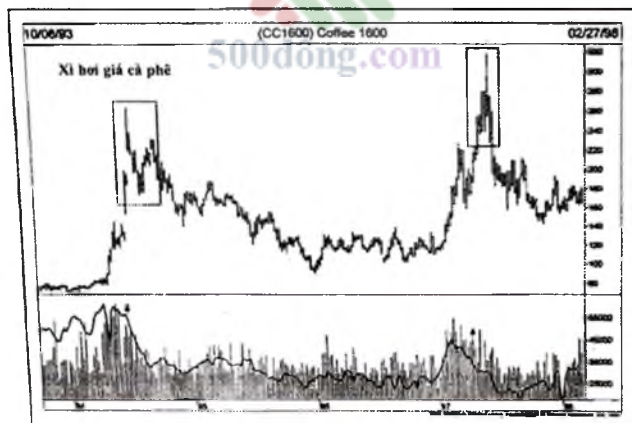
Chúng ta hãy cùng tóm lược một số đặc điểm quan trọng về giá, khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán

1. Khối lượng giao dịch được sử dụng trong tất cả các thị trường, số lượng hợp đồng chưa tất toán chủ yếu được sử dụng trong thị trường tương lai.
2. Chỉ có *tổng* khối lượng giao dịch và tổng số lượng hợp đồng chưa tất toán được sử dụng trong thị trường tương lai
3. Sự gia tăng khối lượng giao dịch (và số lượng hợp đồng chưa tất toán) cho biết khả năng tiếp diễn của xu hướng giá hiện tại.
4. Sự suy giảm khối lượng giao dịch (và số lượng hợp đồng chưa tất toán) cho biết khả năng thay đổi của xu hướng hiện tại.
5. Khối lượng giao dịch đi trước giá. Sự thay đổi trong áp lực mua bán được nhận biết trong khối lượng giao dịch trước khi được thể hiện trong giá.
6. Cân bằng khối lượng (OBV) hay những biến thể của nó có thể được sử dụng để đánh giá chính xác hướng phát triển của áp lực khối lượng giao dịch.
7. Trong một xu hướng tăng, sự suy giảm số lượng hợp đồng chưa tất toán thường cảnh báo sự thay đổi xu hướng. (Chỉ áp dụng cho thị trường tương lai).

8. Số lượng hợp đồng chưa tất toán rất cao ở đỉnh thị trường là tín hiệu nguy hiểm và có thể làm gia tăng áp lực giảm giá. (Chỉ áp dụng cho thị trường tương lai).
9. Sự gia tăng số lượng hợp đồng chưa tất toán trong giai đoạn củng cố thúc đẩy sự xuất hiện của cú phá vỡ sau đó. (Chỉ áp dụng cho thị trường tương lai.)
10. Sự gia tăng khối lượng giao dịch (và số lượng hợp đồng chưa tất toán) giúp xác nhận sự hoàn thiện mô hình giá hay bất kỳ sự hình thành đồ thị quan trọng nào báo hiệu sự bắt đầu một xu hướng mới.

HIỆN TƯỢNG XÌ HƠI VÀ VÙNG ĐÁY

Một trong những điểm mà chúng ta vẫn chưa đề cập đến là dạng thị trường rất đáng chú ý thường diễn ra ở các đỉnh và đáy - hiện tượng xì hơi (blowoff - thuật ngữ chỉ hiện tượng giá cổ phiếu tăng lên đáng kể



Hình 7.12 Trường hợp xì hơi giá cà phê của các hợp đồng tương lai. Trong cả hai trường hợp, giá tăng mạnh khi có khối lượng giao dịch lớn. Các cảnh báo âm xuất hiện từ sự suy giảm số lượng hợp đồng chưa tất toán trong suốt cả hai lần phục hồi giá (Xem dấu mũi tên).

sau một chuỗi dài tăng điểm, và tiếp theo đó là sự sụt giá. Đây là sự kết thúc của đợt phục hồi trước đó và là tín hiệu cho sự sụt giảm - ND) và *vùng đáy* (*selling climax*). Hiện tượng xi hơi diễn ra tại những đỉnh thị trường chính yếu, còn *vùng đáy* thì diễn ra tại các đáy. Trong thị trường tương lai, hiện tượng xi hơi thường đi liền với sự sụt giảm số lượng hợp đồng chưa tất toán trong đợt hồi phục cuối cùng. Trong trường hợp diễn ra hiện tượng xi hơi tại đỉnh, giá đột ngột hồi phục rõ rệt sau một thời gian tăng giá dài, đi kèm một cú nhảy mạnh của hoạt động giao dịch và bất ngờ chạm đỉnh. (Xem hình 7.12) Trong một đáy của vùng đáy, giá bất ngờ giảm rõ rệt với hoạt động giao dịch mạnh mẽ và nhanh chóng hồi phục. (Xem lại hình 4.22c).

BÁO CÁO COT

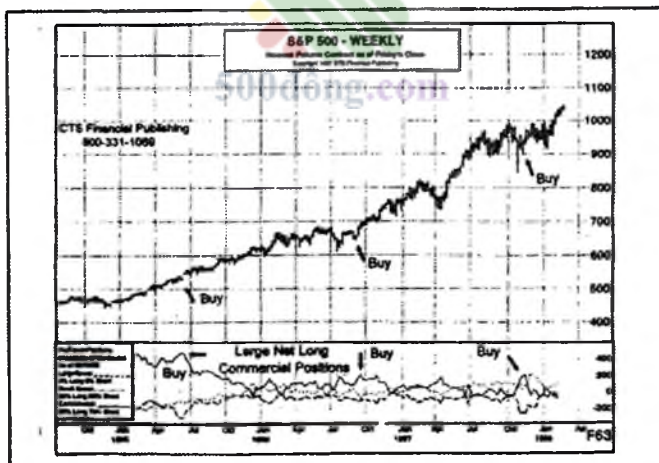
Việc xử lý số lượng hợp đồng chưa tất toán sẽ không thể được hoàn tất nếu chúng ta chưa đề cập đến *Báo cáo COT* (Commitment of Traders report - Báo cáo được Ủy ban Giao dịch Hàng hóa Giao sau Trên Thị trường Tương lai (Commodity Futures Trading Commission - CFTC) ban hành với mục đích cung cấp cho các nhà đầu tư thông tin cập nhật thường xuyên về các hoạt động của thị trường tương lai đồng thời làm gia tăng độ minh bạch của các hoạt động đó - ND), cũng như cách thức các nhà giao dịch sử dụng nó như một công cụ dự báo. Báo cáo này được phát hành hai lần một tháng bởi Ủy ban Giao dịch Hàng hóa Trên Thị trường Tương lai (CFTC) hai lần một tháng - báo cáo giữa tháng và cuối tháng. Trong báo cáo này, số lượng hợp đồng được chia thành ba loại - các “đại gia” giao dịch phòng hộ rủi ro, các nhà đầu cơ lớn và các nhà giao dịch nhỏ lẻ. Nhà đầu tư phòng hộ rủi ro thuộc nhóm “đại gia”, hay còn được gọi là nhà giao dịch thương mại, sử dụng thị trường tương lai cho mục đích đầu tư phòng hộ rủi ro. Nhà đầu cơ lớn bao gồm các quỹ hàng hóa lớn, chủ yếu dựa vào hệ thống máy móc tuân theo xu hướng. Loại cuối cùng là những nhà giao dịch nhỏ lẻ bao gồm công chúng nói chung, những người giao dịch với số lượng nhỏ.

XEM XÉT ĐỘNG THÁI CỦA CÁC NHÀ GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI

Nguyên tắc hướng dẫn trong việc phân tích Báo cáo COT chính là niềm tin rằng các nhà đầu tư phòng hộ rủi ro thường đúng, còn các nhà giao dịch thường sai. Trong trường hợp này, bạn hãy thử đặt mình vào vị thế của nhà đầu tư phòng hộ rủi ro và vị thế đối lập với hai loại nhà giao dịch còn lại. Ví dụ, một tín hiệu giá lên tại đáy thị trường thường xuất hiện khi nhà giao dịch thương mại mua ròng trong khi các nhà giao dịch lớn và nhỏ lẻ lại bán ròng. Trong một thị trường tăng giá, tín hiệu cảnh báo khả năng xuất hiện một đỉnh khi nhà giao dịch lớn và nhỏ mua ròng mạnh trong khi nhà giao dịch thương mại bán ròng mạnh.

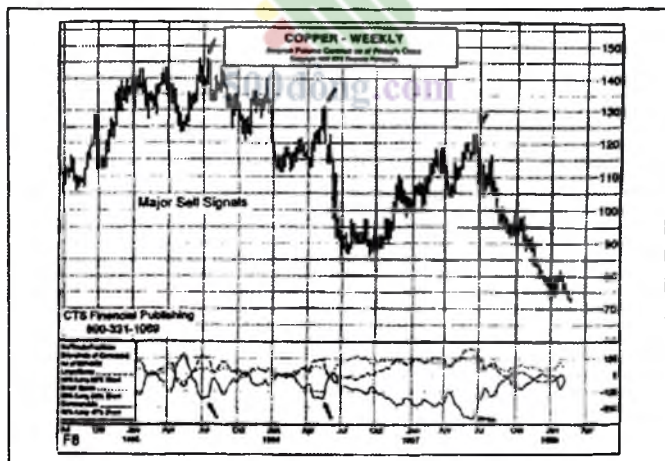
VỊ THẾ NHÀ GIAO DỊCH RÒNG

Ta có thể dựng đồ thị xu thế của ba nhóm thị trường này, và sử dụng để phát hiện những điểm cực trong vị thế của họ. Một phương pháp để



Hình 7.13 Đồ thị tuần của chỉ số S&P 500 tương lai cho ta biết ba tín hiệu mua (mũi tên). Những đường dọc dưới đây thể hiện nhóm nhà thương mại (đường kẻ liền) mua ròng mạnh và nhà đầu cơ lớn (đường mờ) bán ròng mạnh tại mỗi tín hiệu mua.

thực hiện điều này là nghiên cứu vị thế nhà giao dịch ròng được phát hành trong cuốn Đồ thị thị trường tương lai (Futures Charts) (được phát hành bởi Trung tâm Dịch vụ Xu hướng Thị trường Hàng hóa, PO Box 32309, Palm Beach Garden, FL 33420). Dịch vụ vẽ đồ thị đó sử dụng ba đường kẻ thể hiện vị thế giao dịch ròng của ba nhóm thị trường trên một đồ thị giá theo tuần trong 4 năm. Bằng việc đưa ra dữ liệu trong 4 năm, ta có thể dễ dàng so sánh những dữ liệu cũ. Nick Van Nice, chủ xuất bản loại dịch vụ đó tìm kiếm những trường hợp nơi các nhà giao dịch thương mại đang hiện diện trong một điểm cực, và hai nhóm kia ở điểm khác, để tìm kiếm cơ hội mua và bán (được thể hiện trên hình 7.13 và 7.14). Thậm chí nếu bạn không sử dụng Báo cáo COT như là dữ liệu hàng đầu trong việc đưa ra quyết định giao dịch thì việc quan sát hoạt động của ba nhóm này cũng không phải là ý kiến tồi.



Hình 7.14 Đồ thị tuần của giá đồng tương lai thể hiện ba tín hiệu bán được đánh dấu bằng những mũi tên. Mỗi tín hiệu bán thể hiện vị thế mua ròng của hai loại nhà giao dịch lớn nhỏ và một vị thế bán ròng của nhà giao dịch thương mại. Nhà giao dịch thương mại đã thực hiện đúng.

SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG QUYỀN CHỌN CHƯA TẮT TOÁN

Chúng ta đã thảo luận về số lượng hợp đồng chưa tắt toán trong thị trường *tương lai*. Nó cũng đóng một vai trò quan trọng trong *giao dịch quyền chọn*. Con số số lượng hợp đồng chưa tắt toán được cập nhật hàng ngày cho quyền chọn mua và bán trên thị trường tương lai, chỉ số trung bình chứng khoán, chỉ số công nghiệp và chứng khoán riêng lẻ. Mặc dù số lượng hợp đồng chưa tắt toán trong giao dịch quyền chọn không được diễn giải chính xác như trong giao dịch tương lai, nhưng đủ cho ta biết được sự quan tâm trên thị trường cũng như tình thanh khoản của thị trường. Một số nhà giao dịch quyền chọn so sánh số lượng hợp đồng *mua* chưa tắt toán với số lượng hợp đồng *bán* chưa tắt toán để đánh giá tâm lý thị trường, trong khi những người khác sử dụng khối lượng giao dịch quyền chọn.

TỶ SUẤT BÁN/MUA

Khối lượng giao dịch trong thị trường quyền chọn về căn bản được sử dụng như nhau cho hợp đồng tương lai và chứng khoán. Điều này có nghĩa là nó cho ta biết được mức độ của áp lực mua bán trong một thị trường có sẵn. Khối lượng giao dịch trong giao dịch quyền chọn được chia thành khối lượng *mua* và khối lượng *bán*. Bằng cách quan sát khối lượng mua so với khối lượng bán, chúng ta có thể xác định được mức độ tăng giá hoặc giảm giá trong một thị trường. Một trong những công dụng đầu tiên của khối lượng giao dịch trong giao dịch quyền chọn là sự hình thành tỷ lệ khối lượng bán/mua. Khi nhà giao dịch quyền chọn có xu hướng mua vào thì khối lượng mua cao hơn khối lượng bán và tỷ lệ bán/mua giảm. Xu hướng bán là khối lượng bán cao và tỷ lệ bán/mua cao. Hệ số bán/mua được xem là một chỉ báo nghịch. Tỷ lệ cao báo hiệu một thị trường bán quá mức. Tỷ lệ thấp lại là một sự tiêu cực cảnh báo một thị trường mua quá nhiều.

KẾT HỢP TÂM LÝ QUYỀN CHỌN VỚI CÔNG CỤ KỸ THUẬT

Nhà giao dịch quyền chọn sử dụng số lượng hợp đồng chưa tất toán và dữ liệu khối lượng bán/mua để xác định các điểm cực trong tâm lý mua hoặc bán. Những kết quả tâm lý này có hiệu quả nhất khi được kết hợp với yếu tố đo lường kỹ thuật như ngưỡng hỗ trợ, kháng cự và xu hướng của thị trường cơ bản. Vì việc xác định thời gian trong giao dịch quyền chọn là yếu tố quyết định nên nhà giao dịch quyền chọn có khuynh hướng sử dụng các yếu tố kỹ thuật.

TÓM LƯỢC

Phần này tóm gọn những lý thuyết về khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán, phân tích khối lượng giao dịch được sử dụng trong những thị trường tài chính như tương lai, quyền chọn và chứng khoán. Trong khi đó, số lượng hợp đồng chưa tất toán chỉ được áp dụng cho thị trường tương lai và quyền chọn. Tuy nhiên, vì giao dịch tương lai và quyền chọn được thực hiện bằng những phương pháp của thị trường chứng khoán, nên việc hiểu rõ về số lượng hợp đồng chưa tất toán sẽ rất hữu ích trong cả ba lĩnh vực này. Trong hầu hết những thảo luận trước đây, chúng ta đều tập trung vào đồ thị thanh hàng ngày. Bước kế tiếp, chúng ta sẽ mở rộng phạm vi thời gian và học cách áp dụng các công cụ đã học vào đồ thị thanh hàng tuần và tháng để thực hiện phân tích xu hướng những biên độ giao dịch dài hạn trong chương tiếp theo.

CHƯƠNG 8

Đồ thị dài hạn

GIỚI THIỆU

Trong số những đồ thị được các nhà phân tích kỹ thuật thị trường sử dụng để dự đoán và giao dịch trên thị trường tài chính thì đồ thị thanh hàng ngày là loại phổ biến nhất. Đồ thị thanh hàng ngày thường chỉ kéo dài từ sáu đến chín tháng. Tuy nhiên, vì chỉ quan tâm đến động thái thị trường trong quãng thời gian tương đối ngắn nên phần lớn các nhà giao dịch đều đã chấp nhận đồ thị thanh hàng ngày như một loại công cụ hàng đầu.

Tuy nhiên, sự phụ thuộc của nhà giao dịch đối với các đồ thị thanh hàng ngày và mối bận tâm đến hành vi thị trường ngắn hạn đã khiến nhiều nhà giao dịch bỏ qua một lĩnh vực hữu ích khác của đồ thị giá - việc sử dụng đồ thị hàng tuần và hàng tháng cho những phân tích và dự đoán xu hướng biên độ dài hơn.

Biểu đồ thanh hàng ngày chỉ ghi nhận được một khoảng thời gian tương đối ngắn trong vòng đời của bất cứ thị trường nào. Tuy nhiên, một nhà phân tích thấu đáo nên xem xét cách thức biến động giá hàng ngày trong mối quan hệ với cấu trúc xu hướng dài hạn của nó. Để thực hiện điều này, họ phải sử dụng đồ thị dài hạn. Trong đồ thị thanh hàng ngày, mỗi thanh sẽ thể hiện động thái giá của một ngày, còn mỗi thanh trong đồ thị hàng tuần và hàng tháng sẽ lần lượt thể hiện động thái giá của

HOC CHUNG KHOAN tại: www.500dong.com / (facebook.com/Ngo500dong)

một tuần và một tháng. Mục đích sử dụng đồ thị hàng tuần và hàng tháng là để nền động thái giá theo cách thức sao cho phạm vi thời gian có thể được mở rộng và chu kỳ thời gian dài hơn có thể được nghiên cứu.

TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆN CẢNH DÀI HẠN

Đồ thị giá dài hạn cho ta cái nhìn về xu hướng thị trường mà đồ thị hàng ngày không có. Trong phần giới thiệu của chúng tôi về triết lý kỹ thuật ở Chương 1, bạn đã thấy rằng một trong những ưu điểm lớn nhất của phân tích đồ thị là khả năng ứng dụng các nguyên tắc của nó đối với bất cứ phạm vi thời gian nào, bao gồm cả khả năng dự đoán dài hạn. Chúng ta cũng đã đề cập đến quan điểm sai lầm được một số nhà phân tích tán thành rằng phân tích kỹ thuật chỉ nên được giới hạn trong khoảng thời gian ngắn với việc dự báo dài hạn được sử dụng cho phân tích cơ bản.

Những đồ thị đi kèm sẽ cho thấy rằng các nguyên tắc phân tích kỹ thuật - bao gồm phân tích xu hướng, ngưỡng hỗ trợ và kháng cự, đường xu hướng, thoái lui theo tỷ lệ phần trăm và mô hình giá - sẽ cung cấp cho chúng ta cách thức phân tích biến động giá dài hạn. Những ai không tham khảo những đồ thị dài hạn như thế này tức là đang bỏ lỡ rất nhiều thông tin quý báu về giá.

THIẾT KẾ ĐỒ THỊ TIẾP DIỄN CHO THỊ TRƯỜNG TƯƠNG LAI

Hợp đồng tương lai trung bình có tuổi thọ từ khoảng một năm đến một năm rưỡi mới đáo hạn. Đặc điểm vòng đời bị giới hạn đặt ra một số vấn đề cho các nhà phân tích kỹ thuật - những người quan tâm đến việc thiết kế đồ thị dài hạn thể hiện dữ liệu của nhiều năm trước. Nhà phân tích kỹ thuật thị trường chứng khoán thì không gặp phải vấn đề này. Đồ thị của những chứng khoán phổ thông riêng lẻ và chỉ số giá bình quân thị trường đã có sẵn ngay từ lúc giao dịch bắt đầu. Vậy làm thế nào để một nhà phân tích kỹ thuật của thị trường tương lai thiết kế nên những đồ thị dài hạn cho những hợp đồng đến hạn liên tiếp này?

Câu trả lời là *đồ thị tiếp diễn*. Hãy lưu ý tầm quan trọng của từ “*tiếp diễn*”. Kỹ thuật được sử dụng phổ biến nhất là liên kết các hợp đồng lại với nhau để duy trì được sự liên tục. Khi một hợp đồng đến hạn, hợp đồng khác sẽ được sử dụng. Để có thể thực hiện được điều này, phương pháp đơn giản nhất và được sử dụng bởi phần lớn các dịch vụ đồ thị chính là việc *thường xuyên sử dụng giá của hợp đồng đến hạn sớm nhất*. Khi hợp đồng đến hạn sớm nhất đó ngừng giao dịch thì hợp đồng tiếp theo sẽ trở thành hợp đồng sớm nhất và được vẽ lên đồ thị.

Các phương pháp vẽ đồ thị tiếp diễn khác

Kỹ thuật liên kết giá của những hợp đồng đến hạn sớm nhất tương đối đơn giản và giải quyết được vấn đề liên quan đến tính liên tục của giá. Tuy nhiên, vẫn có một số vấn đề còn tồn tại. Đôi khi hợp đồng đến hạn được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn so với hợp đồng kế tiếp, và việc chuyển sang hợp đồng kế tiếp có thể gây ra sự tăng hoặc giảm giá đột ngột trên đồ thị. Ngoài ra, một số hợp đồng dao động cực lớn ngay gần ngày giao hàng cũng gây ra sự sai lệch.

Các nhà phân tích kỹ thuật thị trường tương lai đã phát minh ra nhiều cách để đối phó với những sai lệch đôi khi xảy ra này. Một số người sẽ ngừng vẽ đồ thị hợp đồng gần nhất một hoặc hai tháng trước khi đến hạn để tránh sự dao động trong tháng giao hàng. Số khác lại không sử dụng hợp đồng gần nhất và thay vào đó là vẽ đồ thị hợp đồng thứ hai hay thứ ba. Một phương pháp khác là vẽ đồ thị của hợp đồng có số lượng hợp đồng chưa tất toán cao nhất dựa trên lý thuyết rằng tháng giao hàng đó thể hiện giá trị thị trường chính xác nhất.

Đồ thị tiếp diễn cũng có thể được thiết kế bằng cách liên kết những tháng đặc biệt. Ví dụ, đồ thị tiếp diễn thể hiện giá đậu nành tháng 11 sẽ kết hợp dữ liệu gốc của từng hợp đồng đậu nành tháng 11 của mỗi năm kế tiếp. (Kỹ thuật liên kết những tháng giao hàng xác định này được W.D. Gann yêu thích.) Thậm chí một số người sử dụng đồ thị còn tính bình quân giá của các hợp đồng, hoặc xây dựng những chỉ số nhằm san bằng sự thay đổi bằng cách điều chỉnh khả năng tăng hoặc giảm giá.

HỢP ĐỒNG VĨNH VIỄN (PERPETUAL CONTRACT™)

Một giải pháp mang tính cách tân hơn đối với sự tiếp diễn của giá đã được phát minh bởi Robert Pelletier, Chủ tịch của Commodity Systems, Inc., một công ty chuyên cung cấp dịch vụ dữ liệu chứng khoán và hàng hóa (CSI, 200 W.Palmetto Park Road, Boca Raton, FL 33422), được gọi là *hợp đồng vĩnh viễn™*. (*Hợp đồng vĩnh viễn™* đã được công ty này đăng kí thương hiệu).

Mục đích của hợp đồng vĩnh viễn là cung cấp lại lịch về giá cả trong thị trường lai của nhiều năm trong một chuỗi thời gian liên tục. Nó được thực hiện bằng cách thiết kế một chuỗi thời gian dựa trên chu kỳ thời gian đặt mua trước. Ví dụ, chuỗi thời gian sẽ xác định giá trị ba hoặc sáu tháng trở về sau. Chu kỳ thời gian có thể thay đổi bởi người sử dụng. Hợp đồng vĩnh viễn™ được thiết kế bằng cách lấy bình quân gia quyền (weighted average) của hai hợp đồng tương lai cận thời điểm nhắm đến.

Giá trị của hợp đồng vĩnh viễn™ không phải là con số giá thực sự, mà là bình quân gia quyền của hai mức giá khác. Ưu điểm chính của hợp đồng vĩnh viễn™ là không cần sử dụng hợp đồng đáo hạn gần nhất và dàn xếp chuỗi giá bằng cách loại bỏ sự chênh lệch thời gian chuyển đổi giữa các tháng giao hàng. Đồ thị tiếp diễn tháng giao hàng sớm nhất của dịch vụ đồ thị đủ để phân tích đồ thị. Tuy nhiên, các chuỗi giá tiếp diễn là những hệ thống giao dịch sử dụng dữ liệu quá khứ để dự báo các sự kiện xảy ra trong tương lai cũng như các chỉ báo. Một cách giải thích hoàn chỉnh hơn cho việc thiết kế hợp đồng tương lai tiếp diễn sẽ được Greg Morris cung cấp trong phụ lục D.

XU HƯỚNG DÀI HẠN ĐI NGƯỢC THUYẾT NGẪU NHIÊN

Những đặc điểm nổi bật nhất của đồ thị dài hạn là không chỉ các xu hướng được xác định rõ ràng mà còn có khả năng kéo dài trong nhiều năm. Hãy tưởng tượng là ta có thể đưa ra dự đoán dựa trên một trong những xu hướng dài hạn hơn này mà không cần điều chỉnh dự đoán đo trong nhiều năm!

Tính bền bỉ của xu hướng dài hạn đã làm phát sinh một vấn đề cần phải đề cập đến tính ngẫu nhiên. Trong khi các nhà phân tích kỹ thuật không tán thành lý thuyết cho rằng động thái thị trường là ngẫu nhiên và khó lường, có vẻ như khá an toàn để nhận thấy rằng bất kỳ một sự ngẫu nhiên nào tồn tại trong động thái giá có thể là hiện tượng của một xu hướng rất ngắn hạn. *Trong nhiều trường hợp, sự liên tục của những xu hướng hiện tại trong những chu kỳ thời gia dài chính là luận cứ bắt buộc tương phản với tuyên bố của những người ủng hộ lý thuyết bước ngẫu nhiên (Random Walk), lý thuyết cho rằng giá thay đổi theo từng thời kỳ và động thái giá trong quá khứ không gây ảnh hưởng đến tương lai.*

MÔ HÌNH ĐẢO CHIỀU HÀNG TUẦN VÀ HÀNG THÁNG TRÊN ĐỒ THỊ

Các mô hình giá xuất hiện trên đồ thị dài hạn và cũng được diễn giải theo cách thức tương tự như trên đồ thị hàng ngày. Mô hình hai đỉnh và hai đáy trong đồ thị này cũng giống mô hình đảo chiều đầu và vai. Mô hình tam giác tiếp diễn cũng xuất hiện thường xuyên.

Một mô hình khác cũng xuất hiện thường xuyên trên những đồ thị này là *đảo chiều hàng tuần và hàng tháng*. Ví dụ, trên đồ thị hàng tháng, một ngưỡng cao mới theo tháng được tiếp nối bởi giá đóng cửa thấp hơn tháng trước thường thể hiện một điểm chuyển đổi quan trọng, đặc biệt nếu nó xuất hiện gần một khu vực hỗ trợ hoặc kháng cự quan trọng. Mô hình đảo chiều hàng tuần hiện diện rất thường xuyên trên đồ thị hàng tuần. Những mô hình này tương đương với mô hình *phiên đảo chiều chính* trên đồ thị hàng ngày, ngoại trừ khả năng rằng trên đồ thị dài hạn, những cú đảo chiều này có ý nghĩa to lớn hơn nhiều.

TỪ BIỂU ĐỒ DÀI HẠN ĐẾN NGẮN HẠN

Việc nhận thức được trình tự sử dụng đồ thị giá để phân tích triệt để xu hướng đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Trình tự thích hợp trong phân tích đồ thị là bắt đầu với biên độ dài và dần dần chuyển sang biên độ ngắn hạn. Lý do cho vấn đề này sẽ trở nên rõ ràng khi một nhà phân

tích kỹ thuật làm việc với nhiều khung thời gian. Nếu bắt đầu với đồ thị ngắn hạn, nhà phân tích kỹ thuật buộc phải liên tục chỉnh sửa những kết luận của mình bởi có nhiều dữ liệu giá cần được xem xét. Việc phân tích tỉ mỉ đối với đồ thị hàng ngày có thể sẽ phải được điều chỉnh lại hoàn toàn sau khi đồ thị dài hạn được xem xét. Bằng cách khởi động với diễn tiến sự việc của 20 năm trước, tất cả các dữ liệu giá được xem xét sẽ hiện diện trên đồ thị với viễn cảnh phù hợp. Một khi định dạng được thị trường từ viễn cảnh dài hạn hơn, nhà phân tích sẽ dần dần tập trung vào biên độ ngắn hạn hơn.

Đồ thị cần xem xét đầu tiên là đồ thị theo tháng với chu kỳ thời gian là 20 năm. Nhà phân tích tìm kiếm những mô hình đồ thị rõ ràng, những đường xu hướng chính, hay trạng thái gần ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự chính. Sau đó, anh ta/cô ta sẽ tham khảo đồ thị hàng tuần 5 năm gần đây, và lặp lại quá trình như vậy. Khi kết thúc việc này, nhà phân tích thu hẹp sự tập trung đối với động thái thị trường trong 6 đến 9 tháng trên đồ thị thanh hàng ngày, tức là sự tiếp cận từ “vĩ mô” đến “vi mô”. Nếu nhà giao dịch muốn đi xa hơn, đồ thị trong ngày sẽ được tham khảo để quan sát những động thái thị trường nhỏ bé hơn nữa.

TẠI SAO BIỂU ĐỒ DÀI HẠN NÊN ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH THEO LẠM PHÁT?

Một vấn đề thường được đặt ra là có nên điều chỉnh giá trên đồ thị dài hạn theo lạm phát hay không. Liệu các đỉnh và đáy dài hạn có còn giá trị không nếu không được điều chỉnh để phản ánh sự thay đổi trong giá trị đồng đô-la Mỹ? Đây là điểm thường gây ra tranh cãi trong cộng đồng các nhà phân tích kỹ thuật.

Tôi không tin là cần phải điều chỉnh những đồ thị dài hạn này vì một số lý do. Lý do chính là tôi có niềm tin rằng bản thân thị trường đã có sự điều chỉnh cần thiết. Một đồng tiền giảm giá sẽ khiến hàng hóa được niêm yết bằng đồng tiền đó tăng giá. Chính vì thế, sự sụt giảm giá trị đồng đô-la Mỹ khiến giá hàng hóa gia tăng. Đồng đô-la Mỹ tăng sẽ khiến cho đa số hàng hóa rớt giá.

Sự tăng giá khủng khiếp trên thị trường hàng hóa thập niên 70 và sự suy giảm giá trong những năm 80 và 90 là những ví dụ kinh điển về lạm phát. Việc đề nghị điều chỉnh giá hàng hóa với mức tăng gấp đôi và gấp ba vào những năm 70 nhằm phản ánh sự gia tăng lạm phát về cơ bản không tạo ra ý nghĩa. Bản thân sự tăng giá của thị trường hàng hóa chính là hiện thân của lạm phát. Thị trường hàng hóa suy giảm từ những năm 80 cũng phản ánh quãng thời gian dài giảm phát. Vậy chúng ta có nên điều chỉnh giá vàng để phản ánh tỷ lệ giảm phát trong khi giá trị hiện tại của nó còn thấp hơn một nửa giá trị của năm 1980. Thị trường đã giải quyết những vấn đề đó rồi.

Điểm cuối cùng của cuộc tranh luận này là trọng tâm của phân tích kỹ thuật với hàm ý cho rằng động thái giá phản ánh tất cả, thậm chí cả lạm phát. Tất cả mọi thị trường tài chính đều điều chỉnh theo những giai đoạn lạm phát và giảm phát và theo sự thay đổi giá trị đồng tiền. Câu



Hình 8.1 Giá vàng đạt đỉnh trong năm 1980 mở ra hai thập niên lạm phát. Lạm phát thấp thường khiến giá vàng giảm và giá chứng khoán tăng như trên đồ thị. Tại sao lại phải điều chỉnh theo lạm phát một lần nữa? Điều đó đã được thực hiện rồi.

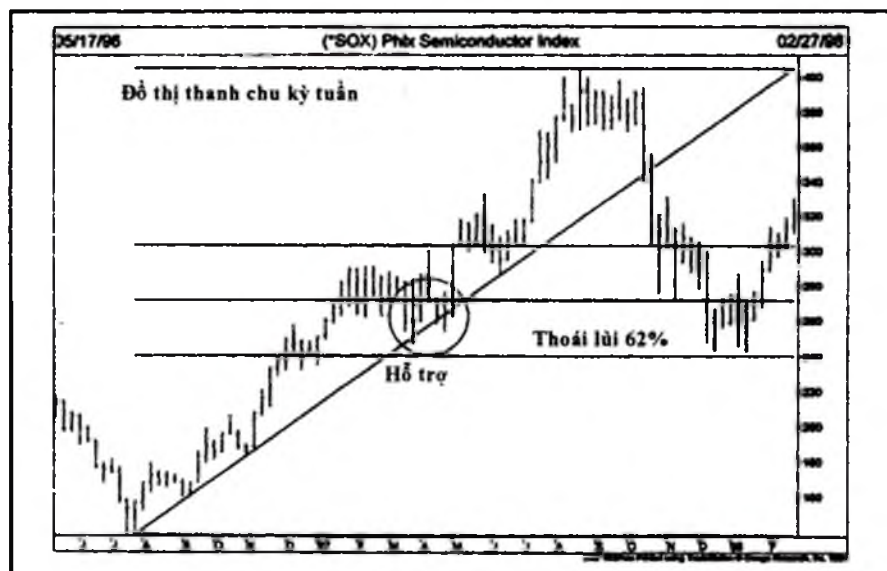
trả lời liệu đồ thị dài hạn có cần được điều chỉnh theo lạm phát hay không nằm ngay trên chính đồ thị đó. Nhiều thị trường không vượt qua được ngưỡng kháng cự thiết lập vài năm trước và sau đó bật lại xuống ngưỡng hỗ trợ chưa từng được tìm thấy trong nhiều năm. Rõ ràng là lạm phát suy giảm kể từ những năm đầu thập niên 80 đã hỗ trợ thị trường trái phiếu và chứng khoán tăng giá. Đường như là chính bản thân những thị trường đó đã điều chỉnh theo lạm phát. (Xem hình 8.1)

ĐỒ THỊ DÀI HẠN KHÔNG SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH GIAO DỊCH

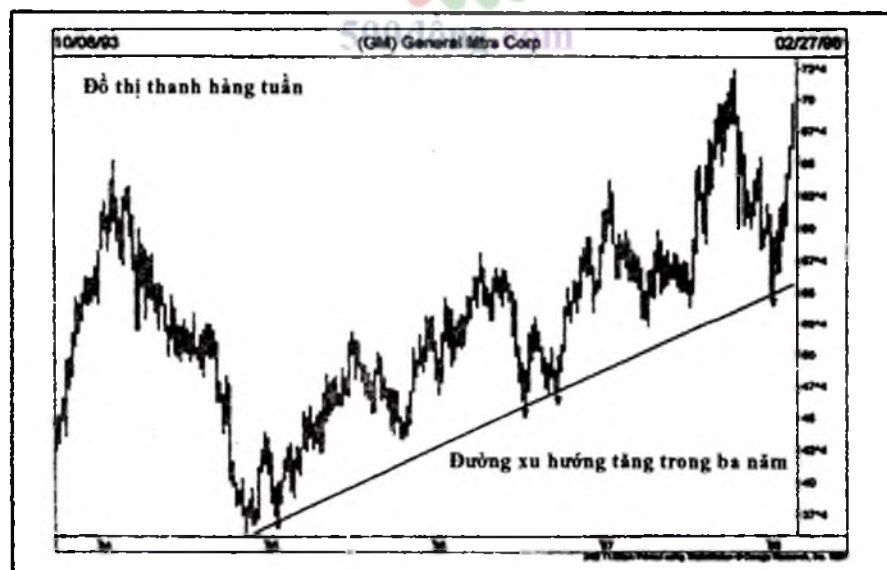
Đồ thị dài hạn không dùng cho mục đích giao dịch. Một sự khác biệt cần phải được làm rõ giữa *phân tích thị trường* cho mục đích dự báo và *xác định thời điểm* tham gia thị trường. Đồ thị dài hạn rất hữu ích trong quá trình phân tích nhằm *xác định xu hướng chính* và mục tiêu giá. Tuy nhiên, chúng không thích hợp và không nên được dùng để xác định thời điểm gia nhập và thoát khỏi thị trường. Những công việc cần độ thận trọng cao như vậy nên sử dụng đồ thị hàng ngày và trong ngày.

VÍ DỤ VỀ ĐỒ THỊ DÀI HẠN

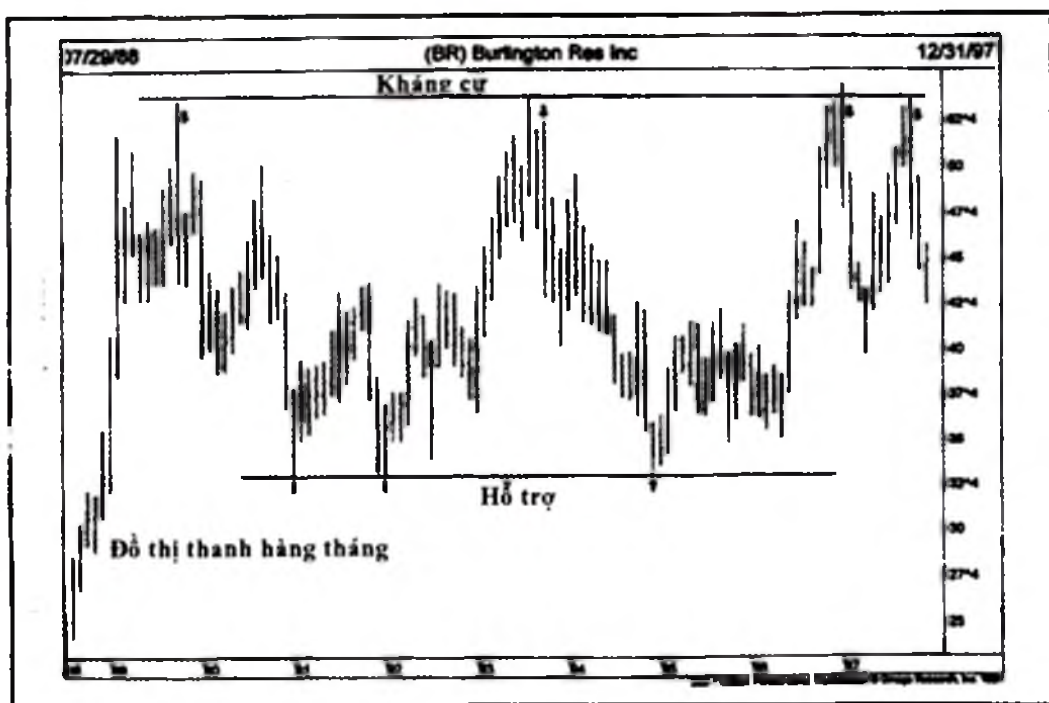
Những trang sau sẽ cho bạn thấy các ví dụ về đồ thị dài hạn hàng tuần và hàng tháng (Xem hình 8.2 - 8.12). Trên đồ thị chỉ có ngưỡng hỗ trợ và kháng cự dài hạn, đường xu hướng, thoái lui theo tỷ lệ phần trăm, đảo chiều hàng tuần và mô hình giá theo sự kiện. Tuy nhiên, chúng ta nên nhận thức rằng những gì có thể được thiết kế trên đồ thị hàng ngày đều có thể được thực hiện trên đồ thị hàng tuần và hàng tháng. Trong những phần sau của cuốn sách, chúng ta sẽ tìm hiểu cách thức ứng dụng các chỉ báo kỹ thuật khác nhau đối với đồ thị dài hạn cũng như cách thức mà các tín hiệu trên đồ thị hàng tuần trở thành những bộ lọc có giá trị trong việc quyết định thời điểm cho những giao dịch ngắn hạn hơn. Hãy nhớ rằng kích thước đồ thị theo dạng bán lô-ga sẽ trở nên có giá trị trong nghiên cứu xu hướng giá dài hạn.



Hình 8.2 Đồ thị thể hiện cổ phiếu chất bán dẫn cho thấy viễn cảnh đáng giá của một đồ thị hàng tuần. Sự suy giảm giá vào cuối năm 1997 dừng tại mức thoái lùi 62% và bật lại từ ngưỡng hỗ trợ của mùa suy giảm trước (hình tròn).



Hình 8.3 Đáy vào đầu năm 1998 của General Motor bắt đầu tại đường xu hướng vẽ nối các đáy năm 1995-1996. Đó là lý do tại sao ta nên theo dõi đồ thị hàng tuần.



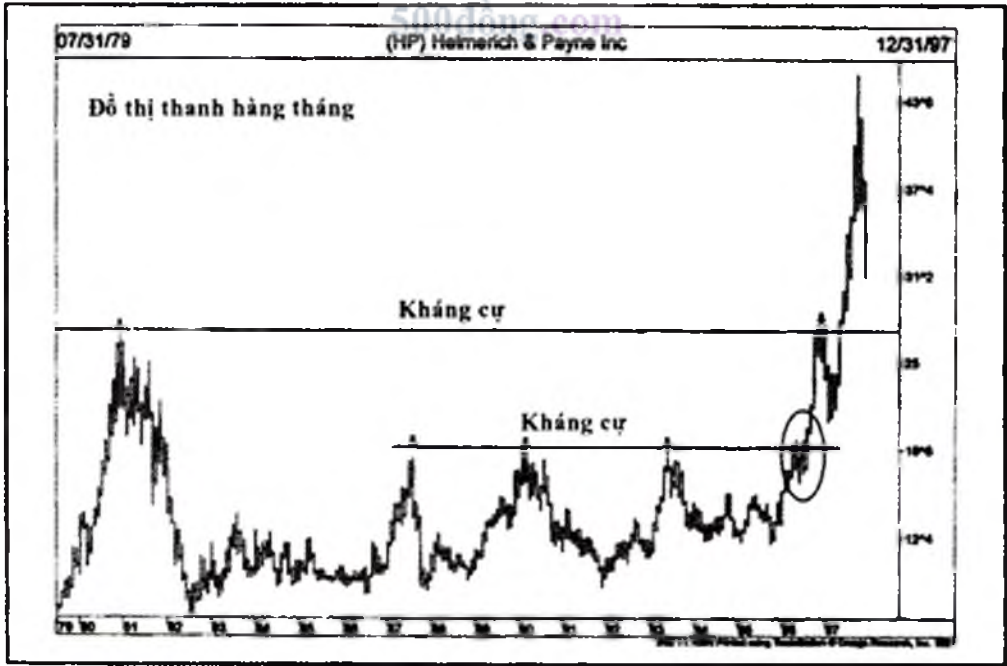
Hình 8.4 Đồ thị hàng tháng thể hiện sự hồi phục năm 1997 của Burlington Resource ngừng tại mức tương tự mức của đợt hồi phục năm 1989 và 1993. Đáy năm 1995 ở mức tương đương với mức đáy của năm 1991. Ai nói rằng đồ thị không thể ghi lại quá khứ?



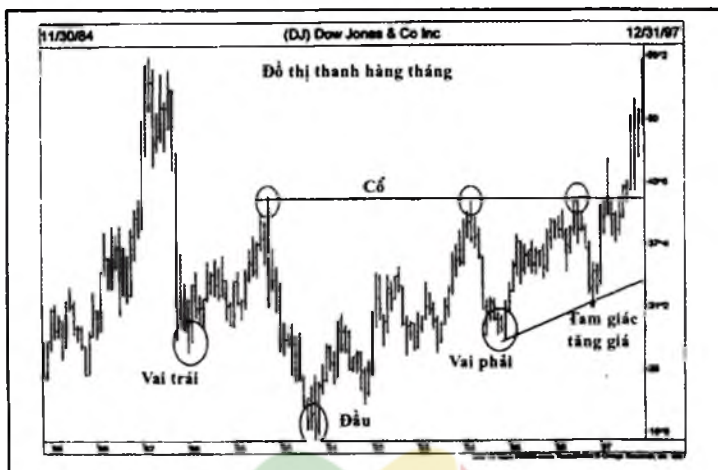
Hình 8.5 Một nhà giao dịch đầu tư vào Inco Ltd. đợt hồi phục năm 1997 có thể kiếm được lợi nhuận nếu biết rằng đỉnh của các năm 1989, 1991 và 1995 đều nằm tại mức 38.



Hình 8.6 Điều gì xảy ra với đồ thị dài hạn? Đáy năm 1993 của IBM nằm ở mức tương đương với mức đáy 20 năm trước vào năm 1974. Sự phá vỡ đường xu hướng giảm với chu kỳ 8 năm (nhìn hình vuông) vào năm 1995 giúp khẳng định xu hướng tăng chính mới.



Hình 8.7 Helmerich & Payne cuối cùng cũng phá vỡ lên trên mức 19 vào năm 1996 sau khi giảm xuống vào năm 1987, 1990 và 1993. Cuộc thoái lùi năm 1996 tại mức 28 năm gần đỉnh của năm 1980.



Hình 8.8 Đồ thị hàng tháng của Dow Jones bên trên thể hiện một dây đầu và vai hình thành trong 10 năm từ 1988 đến 1997. Vai phải có hình dáng của một tam giác tăng giá. Cú phá vỡ trên đường viền cổ tại điểm 42 giúp hoàn chỉnh mô hình.



Hình 8.9 Tam giác đối xứng tăng giá rất dễ nhận thấy trên đồ thị hàng tháng của Southwest Airlines. Nhưng có thể bạn sẽ không nhận thấy tam giác này trên đồ thị hàng ngày.



Hình 8.10 Đáy của Dow Utilities vào năm 1994 bật lại từ đường xu hướng trong 20 năm. Có những người cho rằng đồng thái giá trong quá khứ không có ý nghĩa đối với tương lai. Nếu bạn vẫn tin vào điều đó thì hãy xem lại những đồ thị dài hạn một lần nữa.



Hình 8.11 Trên đồ thị tỷ lệ tuyến tính của thị trường chứng khoán Nhật Bản, đường xu hướng tăng dài hạn (đường 1) được nối các đáy 1982 và 1984 bị phá vỡ vào đầu năm 1992 (xem hình tròn) ở gần mức 22000. Đó là hai năm sau sự hình thành một đỉnh thực sự.



Hình 8.12 Đồ thị thị trường Nhật Bản tương tự với hình 8.11 sử dụng tỷ lệ lôgarit. Đường 1 là đường xu hướng của hình trước. Đường 2 dốc hơn bị phá vỡ vào giữa năm 1990 (ô vuông) tại mức 30000. Đường xu hướng tăng trên đồ thị lôgarit bị phá vỡ sớm hơn trong đồ thị đường thẳng.

500dong.com

CHƯƠNG 9

Đường trung bình di động

GIỚI THIỆU

Đường *trung bình di động* là một trong những chỉ báo kỹ thuật linh hoạt nhất và được sử dụng rộng rãi. Do được vẽ cũng như được lượng hóa và kiểm tra một cách dễ dàng nên đường trung bình di động được coi là nền tảng cơ sở cho nhiều hệ thống tuân theo xu hướng cơ học ngày nay.

Phân tích đồ thị là công việc khá chủ quan và khó thực hiện. Chính vì thế mà nó không phù hợp với việc vi tính hóa. Ngược lại, các quy tắc về đường trung bình di động lại dễ dàng được lập trình vào máy tính và tạo ra những tín hiệu mua và bán. Trong khi hai nhà phân tích kỹ thuật bất đồng về dạng thức của một mô hình giá với bản khoản rằng đó là kiểu *tam giác* hay *hình nêm*, hoặc mô hình khối lượng giao dịch nghiêng về hướng tăng hay giảm, thì tín hiệu từ xu hướng của đường trung bình di động lại luôn luôn chính xác và không thể tranh cãi.

Chúng ta hãy cùng nhau phân tích định nghĩa về đường *trung bình di động*. Ngay từ lần đầu tiên đã cho thấy đó là mức *binh quân* của dữ liệu. Ví dụ, nếu bình quân giá đóng cửa 10 ngày được thỏa mãn, ta lấy tổng giá 10 ngày gần nhất chia cho 10. Từ “di động” được sử dụng bởi giá của 10 ngày gần nhất được tính đến (giá đang vận động). Vì thế, dữ liệu trung bình (giá đóng cửa 10 ngày gần nhất) được tính liên tục về sau theo mỗi phiên giao dịch mới. Cách tính trung bình di động phổ

HOC CHUNG KHOAN tại: www.500dong.com / (facebook.com/Ngo500dong)

biến nhất là tính giá đóng cửa 10 ngày gần nhất. Mỗi ngày, giá đóng cửa của mới được cộng vào tổng và giá đóng cửa 11 ngày trước thì bị trừ đi. Tổng mới sẽ được chia cho số lượng ngày (10). (Xem hình 9.1a)

Ví dụ trên xử lý đường trung bình di động giản đơn của giá đóng cửa 10 ngày. Tuy nhiên, có những loại đường trung bình di động khác không hề đơn giản. Cũng có nhiều vấn đề được đặt ra về cách sử dụng đường trung bình di động theo cách *tốt nhất*. Ví dụ, nên tính trung bình của bao nhiêu ngày? Nên sử dụng trung bình dài hạn hay ngắn hạn? Đường trung bình di động nào là tốt nhất dành cho tất cả các thị trường hoặc cho một thị trường riêng biệt? Giá đóng cửa có phải là giá tốt nhất dùng để tính bình quân không? Có nên sử dụng nhiều hơn một đường trung bình không?

Loại đường trung bình nào tốt hơn - loại giản đơn (Simple Moving Average), tỷ trọng (Weighted Moving Average) hay hàm mũ



Hình 9.1a Đường trung bình di động 10 ngày cho đồ thị thanh hàng ngày của chỉ số S&P 500. Giá cắt đường trung bình nhiều lần (những mũi tên) trước khi chuyển hướng tăng. Giá duy trì trên đường trung bình trong suốt đợt hồi phục.

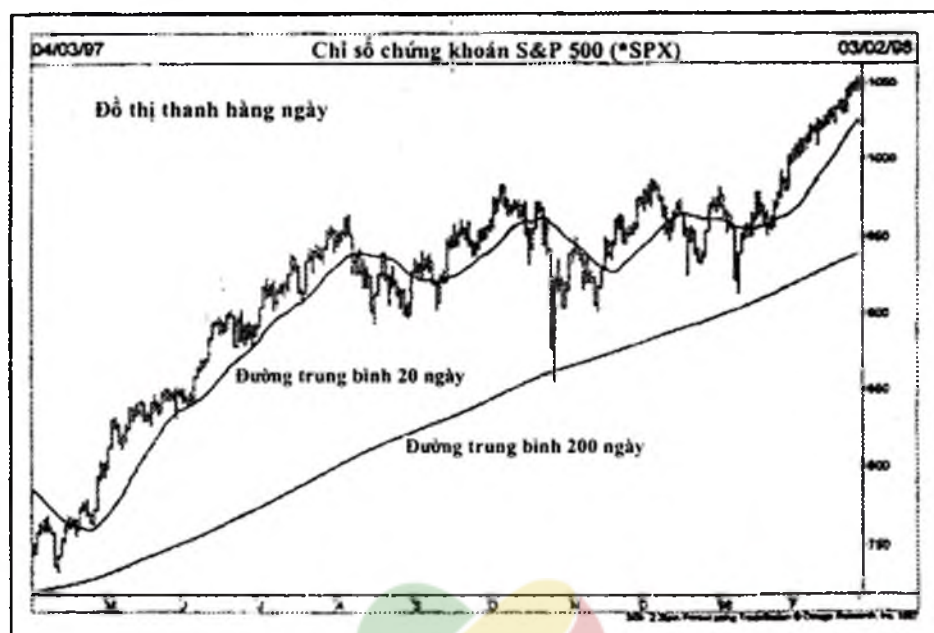
(Exponential Moving Average)? Có khi nào đường trung bình di động hoạt động hiệu quả hơn những lúc khác?

Có nhiều vấn đề cần được xem xét khi sử dụng đường trung bình di động. Chúng tôi sẽ giải thích rõ hơn trong chương này và đưa ra các ví dụ về cách sử dụng phổ biến đường trung bình di động.

ĐƯỜNG TRUNG BÌNH ĐỘNG: CÔNG CỤ DỰ BÁO XU HƯỚNG BẰNG VIỆC TÍNH TRUNG BÌNH DAO ĐỘNG TỪNG THÁNG VỚI KHOẢNG CÁCH THỜI GIAN

Về cơ bản, đường *trung bình di động* là một công cụ tuân theo xu hướng. Mục đích của nó là để nhận diện hoặc báo hiệu một xu hướng mới bắt đầu hoặc một xu hướng cũ đã kết thúc hoặc đã đảo chiều. Đường trung bình di động theo dõi diễn biến của xu hướng, có thể được xem là đường xu hướng cong. Tuy nhiên, nó không dự đoán được biến động thị trường như cách mà lĩnh vực phân tích đồ thị chuẩn mực vẫn làm. Đường trung bình di động tuân theo xu hướng chứ không phải đi trước xu hướng. Nó không dự báo trước mà chỉ đơn thuần phản ứng lại cái đi trước. Đường trung bình di động quan sát một thị trường và cho ta biết rằng xu hướng đã bắt đầu nhưng chỉ sau khi thực tế đã diễn ra.

Đường trung bình di động là một đường công cụ ít dao động. Bằng cách tính bình quân dữ liệu giá, một đường xu hướng suôn phẳng hơn được tạo ra sẽ giúp dễ dàng quan sát xu hướng cơ bản hơn. Tuy nhiên, do bản chất mà trung bình di động chậm trễ hơn so với biến động của thị trường. Một đường trung bình di động ngắn hơn, trong 20 ngày chẳng hạn, sẽ theo sát động thái giá hơn so với đường trung bình 200 ngày. Sự chậm trễ về thời gian được giảm xuống với đường trung bình di động ngắn hạn hơn, nhưng chẳng bao giờ bị loại trừ hoàn toàn. Những đường trung bình ngắn hạn nhạy cảm với động thái giá hơn so với những đường trung bình dài hạn. Trong một số loại thị trường, việc sử dụng đường trung bình ngắn hạn hơn sẽ có ưu thế hơn, và trong những dạng khác thì đường trung bình dài hạn hơn và ít nhạy cảm hơn lại hữu dụng hơn. (Xem hình 9.1b).



Hình 9.1b Sự so sánh giữa đường trung bình di động 20 ngày và 200 ngày. Trong khoảng từ tháng 8 đến tháng 1, giá cắt đường trung bình ngắn hạn hơn số vài lần. Tuy nhiên, chúng vẫn duy trì trên đường trung bình di động 200 ngày trong cả giai đoạn đó.

500dong.com

Các mức giá được sử dụng để tính trung bình di động

Cho đến giờ, chúng ta đang sử dụng giá đóng cửa trong tất cả các ví dụ. Tuy nhiên, trong khi giá đóng cửa được coi là mức giá quan trọng nhất trong ngày giao dịch và giá phổ biến nhất để dựng đường trung bình di động, bạn đọc nên hiểu rằng có một số nhà phân tích kỹ thuật lại thích dùng những mức giá khác. Một số người thì thích sử dụng giá trị *trung bình* được tính bằng cách lấy biên độ giao dịch của ngày đó chia cho 2.

Số khác đưa mức giá đóng cửa vào việc tính toán của mình bằng cách lấy tổng của các mức giá cao nhất, thấp nhất và giá đóng cửa chia cho 3. Cũng có một số người thích dựng dải giá bằng cách tính bình quân lần lượt giá cao nhất và thấp nhất. Kết quả có được là hai đường trung bình di động riêng biệt hoạt động như một kiểu vùng đệm dao động hay khu vực trung lập. Bất chấp những biến thể này, giá đóng cửa

vẫn là giá được sử dụng phổ biến nhất cho việc phân tích đường trung bình di động và là vấn đề mà chúng ta sẽ tập trung toàn bộ sự quan tâm trong chương này.

Đường trung bình di động giản đơn (Simple Moving Average -SMA)

Đường *trung bình di động giản đơn*, hoặc giá trị trung bình số học, là hình thức được phần lớn các nhà phân tích kỹ thuật sử dụng. Tuy nhiên, vẫn có một số người hoài nghi về tính hữu dụng ở hai khía cạnh. Chỉ trích thứ nhất là chỉ có chu kỳ thời gian được kiểm soát bởi đường trung bình (chẳng hạn 10 ngày đầu tiên) mới được tính đến. Chỉ trích thứ hai là đường trung bình di động giản đơn coi giá của mỗi ngày có tỷ trọng như nhau. Trong một đường trung bình di động 10 ngày, ý nghĩa giá của ngày gần nhất được nhìn nhận ngang với giá ngày đầu. Giá mỗi ngày chiếm 10% tỷ trọng. Trong đường trung bình di động 5 ngày, con số đó là 20%. Một số nhà phân tích kỹ thuật cho rằng động thái giá của ngày gần hơn nên có tỷ trọng cao hơn.

Đường trung bình di động tỷ trọng tuyến tính (Weighted Moving Average)

Trong nỗ lực hiệu chỉnh vấn đề tỷ trọng, một số nhà phân tích kỹ thuật đã áp dụng *đường trung bình di động tỷ trọng tuyến tính* (Linearly Weighted Moving Average). Theo cách tính toán này, giá đóng cửa của ngày thứ 10 (trong trường hợp đường trung bình 10 ngày) sẽ được nhân với 10, ngày 9 sẽ được nhân với 9, ngày thứ 8 sẽ được nhân với 8 và cứ tiếp tục như thế. Vì vậy, giá đóng cửa gần đây hơn được tính tỷ trọng lớn hơn. Tổng sau đó được chia cho tổng các bội số (55 trong trường hợp đường trung bình 10 ngày: $10+9+8+...+1$). Tuy nhiên, đường trung bình di động tỷ trọng tuyến tính vẫn không chỉ ra được vấn đề tính đến động thái giá trong phạm vi chiều dài của đường trung bình.

Đường trung bình di động suôn theo hàm mũ (Exponentially Smoothed Moving Average - EMA)

Loại đường trung bình di động này chỉ ra hai vấn đề có liên quan tới đường trung bình di động giản đơn. Thứ nhất, đường trung bình di động theo hàm mũ ấn định tỷ trọng lớn hơn cho dữ liệu cận kề hơn. Do đó, nó là một đường trung bình di động tính theo tỷ trọng. Nhưng khi coi nhẹ dữ liệu giá trong quá khứ, nó đã tính toán tất cả những dữ liệu giá trong cả vòng đời của công cụ này. Ngoài ra, người sử dụng còn có thể điều chỉnh tỷ trọng lớn hơn hoặc nhỏ hơn cho mức giá của ngày gần nhất. Điều này được thực hiện nhờ cách ấn định giá trị tính theo tỷ lệ phần trăm đối với mức giá của ngày gần nhất, và giá trị này được cộng vào giá trị phần trăm của ngày trước đó. Tổng hai giá trị phần trăm này cộng với nhau sẽ thành 100. Ví dụ, giá ngày gần nhất được ấn định giá trị 10% (0.1), rồi số này được cộng với giá trị 90% của ngày trước đó (0.9). Như vậy, ngày cuối cùng sẽ chiếm 10% tổng tỷ trọng. Điều này cũng sẽ tương đương với đường trung bình 20 ngày. Bằng cách ấn định



Hình 9.2 Đường trung bình di động hàm mũ 40 ngày (đường chấm) nhạy cảm hơn đường trung bình di động số học giản đơn 40 ngày (đường kẻ liền).

giá trị nhỏ hơn cho mức giá của ngày gần nhất là 5% (0.5), mức tỷ trọng ít hơn sẽ được gán cho dữ liệu của ngày gần nhất và đường trung bình cũng sẽ trở nên ít nhạy cảm hơn. Điều này sẽ tương đương như đường trung bình di động 40 ngày.

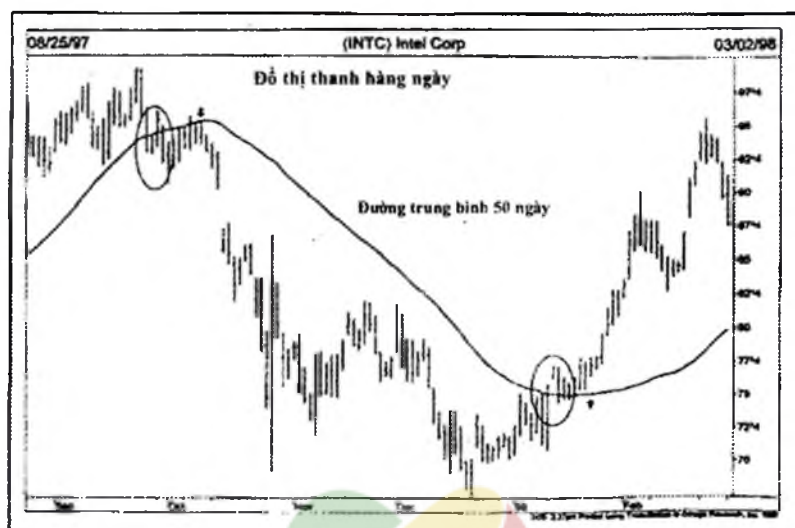
Máy tính có thể làm tất cả những điều này một cách dễ dàng cho bạn. Bạn chỉ cần chọn số lượng ngày mà mình muốn cho đường trung bình di động - 10, 20, 40,... Sau đó, chọn loại đường trung bình mà bạn muốn - giản đơn, tỷ trọng tuyến tính hoặc theo hàm mũ. Bạn cũng có thể chọn nhiều đường trung bình mà mình muốn - một, hai hoặc ba.

Cách sử dụng một đường trung bình động

Đường trung bình di động giản đơn được các nhà phân tích kỹ thuật sử dụng rộng rãi nhất và cũng là đường mà chúng ta sẽ chuyên tâm khảo sát trong chương này. Một số nhà giao dịch chỉ dùng một đường trung bình để tạo ra những tín hiệu xu hướng. Đường trung bình di động trong ngày giao dịch được vẽ trên đồ thị thanh cùng với động thái giá cả của ngày đó. Khi giá đóng cửa dịch chuyển lên trên đường trung bình di động, một tín hiệu mua sẽ được tạo ra. Tín hiệu bán sẽ xuất hiện khi giá nằm dưới đường trung bình động. Ngoài ra, một số nhà phân tích kỹ thuật cũng kỳ vọng nhìn thấy sự tự chuyển hướng của đường trung bình di động theo hướng phát triển của đường giá khi có sự giao nhau.

Nếu được sử dụng, một đường trung bình di động ngắn hạn hơn (5 ngày hoặc 10 ngày) sẽ theo sát đường giá hơn và xuất hiện một số lần giao nhau. Điều này cũng có thể là tốt và cũng có thể là xấu. Việc sử dụng một đường trung bình ít nhạy cảm hơn sẽ tạo ra nhiều giao dịch hơn (với chi phí hoa hồng cao hơn) và tạo ra nhiều tín hiệu sai (hiện tượng lưỡi cưa). Nếu như đường trung bình quá nhạy cảm thì một số chuyển động giá ngẫu nhiên trong ngắn hạn (hay còn được gọi là "tiếng ồn") sẽ kích hoạt những tín hiệu xu hướng sai.

Mặc dù tạo ra nhiều tín hiệu sai hơn nhưng đường trung bình ngắn hạn hơn lại có lợi thế là nó đưa ra tín hiệu xu hướng sớm hơn trong sự



Hình 9.3 Giá rơi xuống dưới đường trung bình di động 50 ngày trong tháng 11 (xem hình tròn bên trái). Tín hiệu bán cũng mạnh hơn khi đường trung bình di động quay đầu đi xuống (nhìn mũi tên bên trái). Tín hiệu mua được xác nhận trong tháng Giêng khi đường trung bình di động quay đầu đi lên. (Xem hình 9.5 và 9.6)

500dong.com

biến động. Đó là lý do tại sao đường trung bình càng nhạy cảm thì các tín hiệu càng được tạo ra sớm hơn. Do đó, ở đây có một sự cân nhắc. Đó là tìm ra đường trung bình đủ nhạy để tạo ra các tín hiệu sớm hơn, nhưng cũng ít nhạy đủ để tránh những tiếng ồn ngẫu nhiên. (Xem hình 9.4)

Hãy tiếp tục chủ đề so sánh ở trên. Đường trung bình dài hạn hơn này hiệu quả hơn khi xu hướng vẫn đang hoạt động, nhưng sẽ vô hiệu khi xu hướng đảo chiều. Tính ít nhạy của đường trung bình dài hạn hơn (thực ra là nó đuổi theo xu hướng từ một khoảng cách xa hơn), điều giúp nó không rơi vào tình trạng lộn xộn, phức tạp, trong những đợt hiệu chỉnh ngắn hạn của xu hướng, vận hành tương phản với kỳ vọng của nhà giao dịch khi xu hướng thực sự đảo chiều. Vì thế, ở đây chúng ta sẽ bổ sung thêm một kết quả tất yếu: Đường trung bình di động dài hạn hơn sẽ vận hành hiệu quả hơn khi xu hướng có hiệu lực, nhưng



Hình 9.4 Đường trung bình ngắn hạn hơn tạo ra tín hiệu sớm hơn. Đường trung bình dài hạn hơn thì chậm hơn nhưng đáng tin cậy hơn. Đường trung bình 10 ngày quay đầu hướng lên trước tiên tại đây. Nhưng nó cũng cho ta thấy một tín hiệu mua vội vàng trong tháng 11 và tín hiệu bán không đúng thời điểm trong tháng 2.

500dong.com

đường ngắn hạn hơn sẽ hiệu quả hơn khi xu hướng hiện diện trong quy trình đảo chiều.

Chính vì thế, rõ ràng việc chỉ sử dụng một đường trung bình di động có một số nhược điểm. Nhà phân tích kỹ thuật sẽ có lợi thế hơn khi sử dụng hai đường trung bình động.

Cách thức sử dụng hai đường trung bình để tạo ra tín hiệu

Kỹ thuật này gọi là *phương pháp giao đôi* (Double Crossover Method). Điều này có nghĩa là một tín hiệu mua được tạo ra khi đường trung bình ngắn hơn cắt lên trên một đường dài hơn. Ví dụ, hai sự kết hợp phổ biến nhất là đường 5 và 20 ngày, đường 10 và 50 ngày. Ở trường hợp đầu tiên, một tín hiệu mua sẽ xuất hiện khi đường trung bình 5 ngày giao lên trên đường 20 ngày, và một tín hiệu bán xuất hiện khi đường trung bình 10 ngày cắt xuống dưới đường 20 ngày. Trong ví

HOC CHUNG KHOAN tại: www.500dong.com / (facebook.com/Ngo500dong)

dụ sau, đường trung bình 10 ngày cắt lên trên đường 50 ngày báo hiệu một xu hướng tăng, và đường trung bình 10 ngày cắt xuống dưới đường 50 ngày báo hiệu một xu hướng giảm. Kỹ thuật sử dụng hai đường trung bình sẽ chậm trễ thị trường so với việc sử dụng đường trung bình đơn nhưng lại tạo ra ít lỗi cưa hơn (như hình 9.5 và 9.6)

Cách sử dụng ba đường trung bình, hay phương pháp giao ba

Chúng ta hãy cùng xem xét *phương pháp giao ba* (Triple Crossover Method). Vốn được sử dụng rộng rãi, hệ thống giao ba là sự kết hợp đường trung bình di động 4-9-18 ngày. Phương pháp 4-9-18 ngày chủ yếu được sử dụng trong những giao dịch tương lai. Khái niệm này được nhắc đến lần đầu tiên bởi R.C.Allen trong cuốn sách xuất bản năm 1972 có tên "*Làm thế nào để gây dựng một gia tài trong thị trường hàng hóa*" (*How to Build a Fortune in Commodities*) và một lần nữa



Hình 9.5 Phương pháp giao đôi sử dụng hai đường trung bình di động. Sự kết hợp hai đường trung bình 5 và 20 ngày là phương pháp ưa dùng của các nhà giao dịch tương lai. Đường trung bình 5 ngày rơi xuống dưới 20 ngày trong suốt tháng 10 (xem hình tròn) và theo kịp toàn bộ xu hướng giảm của giá dầu thô.



Hình 9.6 Các nhà giao dịch chứng khoán sử dụng đường trung bình di động 10 và 50 ngày. Đường 10 ngày rơi xuống đường 50 ngày trong tháng 10 (vòng tròn bên trái), tạo ra tín hiệu bán ra kịp thời. Sự giao nhau hướng lên diễn ra trong tháng 1 theo hướng khác. (vòng tròn dưới).

trong cuốn sách năm 1974 của cùng tác giả, "*Cách sử dụng đường trung bình di động 4-9-18 ngày để kiếm lợi nhuận trong thị trường hàng hóa*" (*How to Use the 4-Day, 9-Day and 18-Day Moving Averages to Earn Larger Profits from Commodities*). Phương pháp này là biến thể của những đường trung bình di động 5, 10 và 20 ngày - những con số phổ biến trong chu kỳ hàng hóa. Nhiều dịch vụ đồ thị thương mại đã cho công bố đường trung bình di động 4-9-18 ngày. (Nhiều phần mềm đồ thị sử dụng sự kết hợp 4-9-18 ngày làm giá trị mặc định khi vẽ ba đường trung bình).

Cách sử dụng đường trung bình 4-9-18 ngày

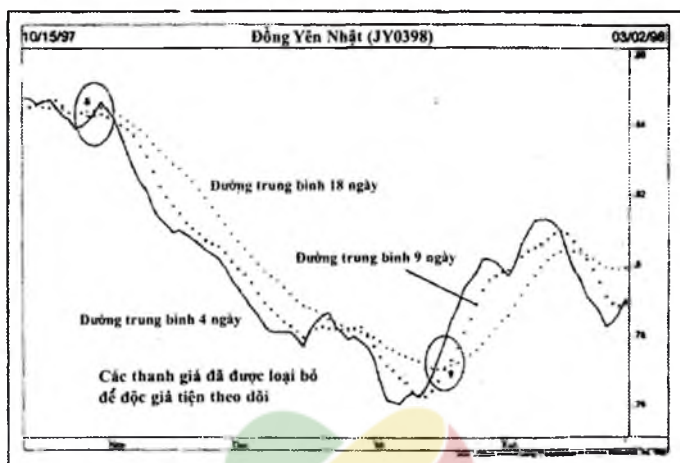
Rõ ràng là càng ngắn thì đường trung bình càng theo sát đường giá. Đó là lý do vì sao đường trung bình ngắn nhất - đường 4 ngày - sẽ theo xu hướng sát sao nhất, tiếp theo là 9 ngày và 18 ngày. Vì thế, trong một xu

hướng tăng, trình tự thích hợp nhất là đường trung bình 4 ngày hiện diện trên đường 9 ngày và đường 9 ngày hiện diện trên đường 10 ngày. Trong xu hướng giảm, trình tự sẽ được đảo ngược và việc sắp xếp cũng vậy. Đó là đường 4 ngày ở dưới cùng, tiếp theo là đường 9 ngày và sau cùng là đường 18 ngày. (Xem hình 9.7 a-b)

Một tín hiệu mua diễn ra trong xu hướng giảm khi đường trung bình 4 ngày cắt lên trên cả hai đường 9 ngày và 18 ngày. Tín hiệu mua được xác định khi đường trung bình 9 ngày cắt lên trên đường 18 ngày sau đó. Điều này đặt đường trung bình 4 ngày ở trên đường trung bình 9 ngày và trên đường trung bình 18 ngày. Sẽ có một số lần chúng quần vào nhau trong quá trình hiệu chỉnh hay củng cố, nhưng xu hướng tăng vẫn không đổi. Một số nhà giao dịch có thể kiếm được lợi nhuận trong giai đoạn rối rắm này và số khác sử dụng nó như một cơ hội mua. Việc



Hình 9.7a Các nhà giao dịch tương lai thích sự kết hợp đường trung bình di động 9 và 18 ngày. Một tín hiệu bán xuất hiện cuối tháng 10 (vòng tròn đầu tiên) khi đường trung bình 9 ngày rơi xuống dưới đường trung bình 18 ngày. Một tín hiệu mua được tạo ra vào đầu năm 1998 khi đường trung bình 9 ngày quay đầu cắt lên trên đường 18 ngày.



Hình 9.7b Đường trung bình di động 4-9-18 cũng phổ biến với những nhà giao dịch tương lai. Tại một đáy, đường trung bình 4 ngày (đường kẻ liền) quay lên trước tiên và cắt hai đường khác. Sau đó là đường trung bình 9 ngày cắt lên trên đường trung bình 18 ngày (vòng tròn), báo hiệu sự hình thành của một đáy.

500dong.com

áp dụng quy tắc có thể linh hoạt, dựa trên mức độ tích cực của một nhà giao dịch.

Khi xu hướng tăng đảo chiều xuống xu hướng giảm, điều đầu tiên sẽ xảy ra là đường trung bình ngắn nhất - đường 4 ngày (đường nhạy cảm nhất) - rơi xuống dưới đường 9 ngày và 18 ngày. Đây là một tín hiệu bán. Tuy nhiên, một số nhà giao dịch có thể sử dụng sự giao nhau ban đầu làm lý do để bắt đầu thanh lý những vị thế mua. Sau đó, nếu đường trung bình dài hơn kế tiếp - đường 9 ngày - sẽ rơi xuống bên dưới đường 18 ngày, tín hiệu bán trước đó đã được xác nhận.

NHỮNG ĐƯỜNG VIÊN BAO QUANH ĐƯỜNG TRUNG BÌNH

Tính hữu ích của một đường trung bình di động được gia tăng khi có những đường viên bao quanh nó. Những đường viên bao quanh theo tỷ

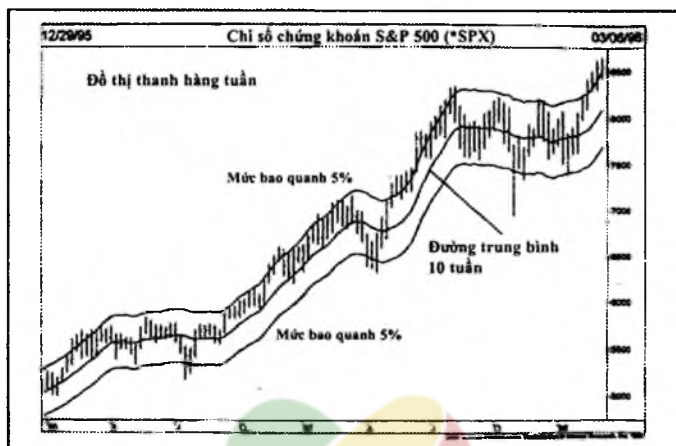
lệ phần trăm giúp xác định thời điểm thị trường mở rộng quá mức theo cả hai hướng. Nói cách khác, nó cho ta biết khi nào giá vượt quá xa đường trung bình động. Để làm được điều này, những đường bao quanh đó sẽ được đặt ở bên trên và bên dưới đường trung bình theo tỷ lệ phần trăm cố định. Ví dụ, những nhà giao dịch ngắn hạn thường sử dụng mức bao quanh 3% xung quanh đường trung bình di động giản đơn 21 ngày. Khi giá chạm một trong hai đường bao quanh (3% từ đường trung bình) thì xu hướng ngắn hạn coi như được mở rộng quá mức. Trong những phân tích dài hạn, có một số sự kết hợp khả thi bao gồm mức bao quanh 5% xung quanh đường trung bình 10 tuần hoặc bao quanh 10% xung quanh đường trung bình 40 tuần (Xem hình 9.8a-b)

DẢI BĂNG BOLLINGER

Kỹ thuật này được phát triển bởi John Bollinger. Hai đường biên của dải này được đặt xung quanh đường trung bình di động gần giống với

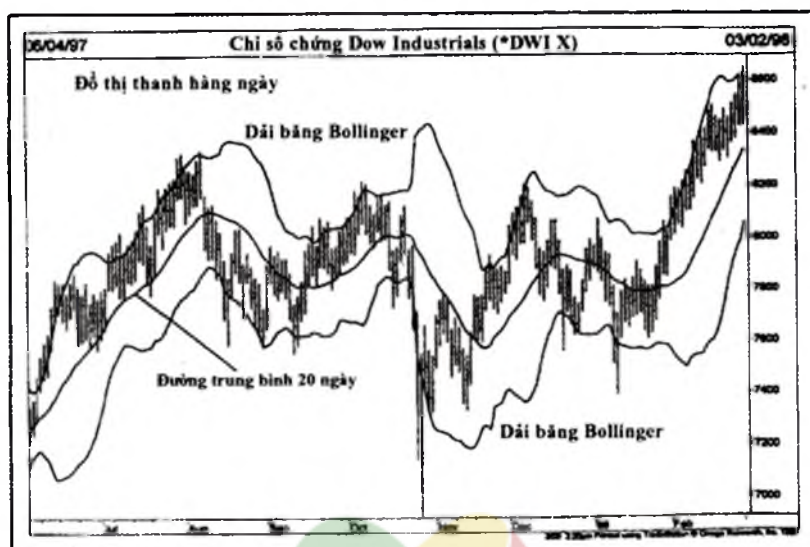


Hình 9.8a Mức bao quanh 3% được đặt ở xung quanh đường trung bình di động của chỉ số Dow. Những sự dịch chuyển ra ngoài đường bao quanh cho biết thị trường chứng khoán được mở rộng quá mức.

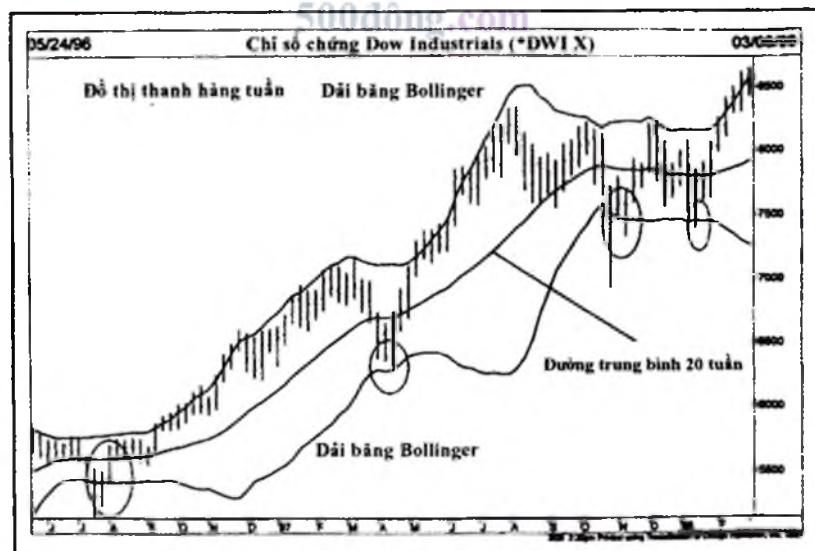


Hình 9.8b. Đối với những phân tích dài hạn, đường bao quanh 5% có thể được đặt xung quanh đường trung bình 10 tuần. Những dịch chuyển ra bên ngoài hai đường bao quanh xác định những điểm cực của thị trường.

kỹ thuật bao quanh, ngoại trừ việc dải băng Bollinger được đặt hai độ lệch chuẩn phía trên và phía dưới đường trung bình di động - đường có thời hạn thường là 20 ngày. **Độ lệch chuẩn** (Standard Deviation) là một khái niệm mang tính thống kê mô tả cách thức mà giá được phân tán xung quanh giá trị trung bình. Việc sử dụng hai hai đường lệch chuẩn này đảm bảo 95% dữ liệu giá cả nằm trong phạm vi dải băng giao dịch. Thông thường, giá được xem như mở rộng quá mức lên trên (mua quá mức) khi chạm phải dải bên trên. Chúng được xem như là mở rộng quá mức xuống dưới (bán quá mức) khi chạm vào dải bên dưới. (Xem hình 9.9 a-b).



Hình 9.9a Dải băng Bollinger được vẽ quanh đường trung bình di động 20 ngày. Trong suốt thời điểm từ tháng 8 đến tháng 1, nhiều lần giá vượt ra khỏi dải băng. Một 'hi xu hướng tăng phục hồi thì giá cả sẽ dao động giữa dải bên trên và đường trung bình di động 20 ngày.



Hình 9.9b Dải băng Bollinger cũng hiệu quả trên biểu đồ tuần với đường trung bình 20 ngày như là đường chính giữa. Mỗi một sự va chạm dải bên dưới (xem vòng tròn) đều báo hiệu một đáy thị trường quan trọng và một cơ hội mua.

VIỆC SỬ DỤNG DẢI BĂNG BOLLINGER NHƯ LÀ MỤC TIÊU

Cách đơn giản nhất để sử dụng dải Bollinger là xem dải bên trên và dưới như là những mục tiêu giá. Nói cách khác, nếu như giá cả bật lên từ dải bên dưới và vượt lên trên đường trung bình 20 ngày thì dải bên trên sẽ trở thành mục tiêu giá cao hơn. Việc giao nhau dưới đường trung bình đi động 20 ngày sẽ giúp xác định dải bên dưới như là mục tiêu theo xu hướng giảm. Trong một xu hướng đi lên khá mạnh, giá sẽ thường dao động giữa dải bên trên và đường trung bình 20 ngày. Trong trường hợp đó, sự giao nhau xuống bên dưới đường trung bình 20 ngày báo hiệu xu hướng đảo chiều đi xuống.

CHIỀU RỘNG DẢI BĂNG ĐO LƯỜNG ĐỘ DAO ĐỘNG

Dải băng Bollinger khác với đường bao quanh ở một điểm cơ bản. Trong khi đường bao quanh luôn có một tỷ lệ phần trăm chiều rộng cố định thì dải băng Bollinger lại có thể mở rộng và thu hẹp tùy vào sự biến động của 20 ngày gần nhất. Trong giai đoạn gia tăng biến động giá, khoảng cách giữa hai dải sẽ mở rộng ra. Ngược lại, trong giai đoạn suy giảm biến động giá, khoảng cách đó sẽ được rút ngắn. Hai dải này có khuynh hướng mở rộng và thu hẹp luân phiên nhau. Khi khoảng cách giữa hai dải rộng một cách khác thường, đó là tín hiệu kết thúc xu hướng hiện tại. Khi dải băng thu hẹp quá nhiều, đó thường là tín hiệu khởi động xu hướng mới của thị trường. Dải băng Bollinger có thể được áp dụng cho đồ thị giá hàng tuần và hàng tháng bằng cách sử dụng 20 tuần và 20 tháng thay vì 20 ngày. Dải băng Bollinger hoạt động hiệu quả nhất khi kết hợp với những chỉ báo dao động mua/bán quá mức được nhắc đến trong chương kế tiếp. (Xem phụ lục A để đọc thêm về kỹ thuật sử dụng dải băng).

Đặt đường trung bình vào tâm

Theo thống kê, cách vẽ đường trung bình đi động chính xác nhất là đặt nó vào tâm. Có nghĩa là đặt nó vào chính giữa chu kỳ thời gian nó hướng đến. Ví dụ, đường trung bình 10 ngày sẽ được vẽ ngược về 5

ngày. Đường trung bình 20 ngày được vẽ ngược về 10 ngày. Tuy nhiên, việc đặt đường trung bình vào tâm cũng gây ra bất cập khi tạo ra những tín hiệu chuyển đổi xu hướng chậm hơn nhiều. Chính vì thế, đường trung bình di động thường được đặt tại cuối chu kỳ thời gian mà nó thể hiện chứ không phải tại điểm chính giữa. Kỹ thuật đặt giữa này được nhà phân tích chu kỳ sử dụng nhằm tách biệt các chu kỳ thị trường cơ bản.

ĐƯỜNG TRUNG BÌNH GẮN CHẶT KẾT VỚI CÁC CHU KỲ THỜI GIAN

Nhiều nhà phân tích thị trường tin rằng *chu kỳ thời gian* đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động của thị trường. Vì những chu kỳ thời gian này được lặp đi lặp lại và có thể được đo lường nên chúng ta có thể xác định được thời gian gần xuất hiện đỉnh hoặc đáy thị trường. Nhiều chu kỳ thời gian khác nhau tồn tại cùng lúc, từ chu kỳ ngắn hạn 5 ngày cho đến chu kỳ dài 54 năm của Kondratieff. Chúng ta sẽ nghiên cứu sâu hơn lĩnh vực hấp dẫn này của phân tích kỹ thuật ở Chương 14.

Chủ đề chu kỳ được giới thiệu ở đây chỉ nhấn mạnh rằng dường như có một mối quan hệ giữa những chu kỳ căn bản ảnh hưởng đến một thị trường nhất định và những đường trung bình hiệu chỉnh khi sử dụng. Nói cách khác, đường trung bình di động có thể được điều chỉnh để phù hợp với các chu kỳ chi phối trong từng thị trường.

Dường như có một mối quan hệ rõ ràng giữa những đường trung bình di động và chu kỳ thời gian. Ví dụ, *chu kỳ tháng* là một trong những chu kỳ phổ biến nhất xuất hiện xuyên suốt trong thị trường hàng hóa. Một tháng có 20-21 ngày giao dịch. Chu kỳ có xu hướng liên quan *hài hòa* với chu kỳ ngắn hơn hay dài hơn kế tiếp theo cấp số 2. Có nghĩa là chu kỳ dài hơn kế tiếp có chiều dài gấp đôi một chu kỳ và chu kỳ ngắn hơn kế tiếp bằng một nửa chiều dài một chu kỳ.

Chính vì thế, chu kỳ tháng có thể giải thích sự phổ biến của đường trung bình di động 5, 10, 20, và 40 ngày. Chu kỳ 20 ngày đo lường chu

kỳ tháng. Đường trung bình 40 ngày sẽ gấp đôi đường trung bình 20 ngày. Đường trung bình 10 ngày thì bằng phân nửa đường trung bình 20 ngày và đường trung bình 5 ngày một lần nữa chỉ bằng một nửa đường 10 ngày.

Nhiều đường trung bình được sử dụng phổ biến (bao gồm đường trung bình 4, 9 và 18 ngày, những đường bắt nguồn từ đường trung bình 5, 10 và 20 ngày) có thể được giải thích bằng lý thuyết tác động tuần hoàn và mối tương quan hài hòa với chu kỳ lân cận. Nhân đây, chu kỳ 4 tuần cũng có thể giúp ta giải thích tính hiệu quả của *quy tắc 4 tuần* - quy tắc sẽ được giải thích ở phần sau của chương này cùng *quy tắc 2 tuần*.

CÁC CON SỐ FIBONACCI ĐƯỢC SỬ DỤNG NHƯ ĐƯỜNG TRUNG BÌNH DI ĐỘNG

Chúng ta sẽ khảo sát chuỗi số Fibonacci trong chương lý thuyết sóng Elliott. Tuy nhiên, tôi muốn đề cập rằng, chuỗi số bí ẩn này - 13, 21, 34, 55,... rất hữu ích cho việc phân tích đường trung bình động. Nó không những được sử dụng cho đồ thị hàng ngày mà còn cho cả đồ thị hàng tuần. Đường trung bình di động 21 ngày là một con số Fibonacci. Trên biểu đồ hàng tuần, đường trung bình di động 13 tuần hoạt động rất hiệu quả trong cả thị trường hàng hóa và tương lai. Chúng ta sẽ dành thời gian cho những con số này trong Chương 13.

ĐƯỜNG TRUNG BÌNH ĐỘNG ĐƯỢC ỨNG DỤNG CHO ĐỒ THỊ DÀI HẠN

Bạn đọc không nên xem nhẹ việc sử dụng kỹ thuật này vào phân tích xu hướng dài hạn. Những đường trung bình dài hạn hơn, chẳng hạn 10 hoặc 13 tuần, kết hợp với đường trung bình 30 hoặc 40 ngày được sử dụng trong phân tích chứng khoán từ lâu nhưng lại chưa nhận được nhiều sự quan tâm trong thị trường tương lai. Những đường trung bình di động 10 và 40 tuần có thể được sử dụng để quan sát xu hướng ban đầu của đồ thị tương lai và chứng khoán hàng tuần. (Xem hình 9.10)



Hình 9.10 Đường trung bình di động vận hành hiệu quả trên đồ thị hàng tuần. Đường trung bình di động 40 tuần có chức năng hỗ trợ giai đoạn hiệu chỉnh thị trường giá lên như trên hình.

Những ủng hộ và bất đồng đối với đường trung bình di động

Một trong những lợi thế lớn nhất của việc sử dụng đường trung bình động, và cũng là một trong những lý do cho thấy chúng được sử dụng phổ biến với tư cách như những hệ thống tuân theo xu hướng, chính là vì nó thể hiện một số câu châm ngôn lâu đời nhất về sự giao dịch thành công. Đó là chúng giao dịch theo hướng phát triển của thị trường. Chúng khiến lợi nhuận kéo đến và thua lỗ rời đi. Hệ thống đường trung bình di động khiến người sử dụng tuân theo những quy luật này bằng cách tạo ra những tín hiệu mua và bán cụ thể dựa trên những nguyên tắc này.

Tuy nhiên, về bản chất, chúng là công cụ tuân theo xu hướng, do đó, đường trung bình di động chỉ hoạt động hiệu quả trong những giai đoạn có xu hướng rõ ràng. Chúng không giúp ích được gì khi thị trường cực kỳ dao động và đi ngang trong một thời gian. Và dạng thị trường đó thì lại chiếm một nửa hoặc một phần ba thời gian.

Tuy nhiên, sự thật về tính vô hiệu của chúng trong những giai đoạn quan trọng giải thích vì sao việc phụ thuộc quá nhiều vào kỹ thuật đường trung bình di động là hết sức nguy hiểm. Trong những thị trường có xu hướng nhất định, đường trung bình di động đóng vai trò thống soái. Ta chỉ cần cài đặt chế độ tự động. Còn trong những lúc khác, phương pháp không có xu hướng giống như chỉ báo dao động mua-bán quá mức sẽ phù hợp hơn. (Trong Chương 15, chúng ta sẽ nói đến một chỉ báo dao động gọi là ADX giúp xác định khi nào thì thị trường có xu hướng và khi nào thì không, và xu thế chung của thị trường ủng hộ kỹ thuật đường trung bình di động theo xu hướng hay chỉ báo dao động không theo xu hướng.)

Đường trung bình di động như là chỉ báo sự dao động giá

Một cách để thiết kế chỉ báo sự dao động giá là so sánh sự khác nhau giữa hai đường trung bình di động. Chính vì thế mà phương pháp giao đôi giữa hai đường trung bình di động thường có ý nghĩa hơn và trở thành một kỹ thuật hữu ích hơn. Chúng ta sẽ xem xét cách thức mà chúng được thực hiện như trong Chương 10. Một phương pháp so sánh hai đường trung bình hàm mũ được gọi là đường trung bình hội tụ phân kỳ (Moving Average Convergence/Divergence (MACD)). Nó được sử dụng phần nào như một chỉ báo sự dao động giá. Do đó, chúng ta sẽ ngừng việc giải thích kỹ thuật này cho đến khi thảo luận về toàn bộ chủ đề chỉ báo dao động trong Chương 10.

Đường trung bình di động được áp dụng cho các dữ liệu kỹ thuật khác

Đường trung bình di động có thể được áp dụng cho bất cứ dữ liệu giá và chỉ báo nào. Nó cũng có thể được sử dụng cho khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán bao gồm cả cân bằng khối lượng. Đường trung bình di động còn có thể được sử dụng cho nhiều loại tỷ suất và chỉ báo khác nhau. Nó cũng có thể được áp dụng cho các chỉ báo về sự dao động giá.

QUY TẮC HÀNG TUẦN

Có những giải pháp thay thế đối với đường trung bình di động như là một công cụ tuân theo xu hướng. Một trong những kỹ thuật phổ biến và hiệu quả nhất là *kênh giá tuần* (*Weekly Price Channel*), hay đơn giản là *quy tắc hàng tuần*. Kỹ thuật này có nhiều lợi ích của đường trung bình động, nhưng mất ít thời gian hơn và dễ sử dụng hơn.

Nhờ những cải tiến trong ngành công nghệ máy tính của thập niên trước, một số lượng đáng kể các nghiên cứu về sự phát triển của hệ thống giao dịch kỹ thuật đã được thực thi. Những hệ thống này về bản chất đều được thực hiện bằng máy móc, nghĩa là cảm xúc và sự điều chỉnh của con người đều bị loại bỏ. Càng ngày, chúng càng trở nên tinh vi và phức tạp hơn. Trước hết, các đường trung bình di động giản đơn được đưa vào sử dụng. Sau đó, sự giao đôi và giao ba của các đường trung bình di động được bổ sung. Và rồi đường trung bình được tính tỷ trọng tuyến tính và được làm phẳng theo hàm mũ. Về cơ bản, những hệ thống này đều tuân theo xu hướng, nghĩa là mục tiêu của chúng là nhằm nhận diện và sau đó giao dịch theo chiều hướng của xu hướng hiện tại.

Tuy nhiên, với sự say mê đang càng ngày càng gia tăng của giới sử dụng đồ thị cũng như sự phát triển của các chỉ báo và những hệ thống phức tạp hơn, người ta có xu hướng bỏ qua cả kỹ thuật đơn giản hơn - những kỹ thuật tiếp tục vận hành hiệu quả và trụ vững qua sự kiểm chứng của thời gian. Chúng ta sẽ cùng thảo luận về một trong những kỹ thuật đơn giản nhất - quy tắc hàng tuần.

Năm 1970, một cuốn sách nhỏ có tựa đề *Sổ tay nhà giao dịch* (*Trader's Notebook*) đã được Dunn & Hargitt Services ở Lafayette, Indiana, xuất bản. Các hệ thống giao dịch hàng hóa phổ biến nhất đều được kiểm tra và so sánh bằng vi tính. Kết luận cuối cùng của tất cả các nghiên cứu cho thấy hệ thống hiệu quả nhất trong các hệ thống được kiểm chứng chính là *quy tắc 4 tuần* do Richard Donchian khởi xướng. Donchian được xem là người đi tiên phong trong lĩnh vực giao dịch theo xu hướng hàng hóa bằng hệ thống máy tính. (Năm 1983, Donchian

đã được *Managed Account Reports* trao giải vì đã có những đóng góp giá trị nhất cho lĩnh vực quản lý tiền tệ trong thị trường tương lai, và giới thiệu giải thưởng của Dochan cho những ứng viên xứng đáng.

Một nghiên cứu gần đây được thực hiện bởi Louis Lakac, cựu giám đốc phụ trách mảng nghiên cứu của Dunn & Hargitt đồng thời là chủ tịch đương nhiệm của Wizard Trading (một hãng tư vấn về giao dịch hàng hóa ở Massachusét) đã ủng hộ những kết luận trước đó với lập luận rằng các hệ thống phá vỡ (hoặc kênh giá) tương tự quy tắc hàng tuần tiếp tục thể hiện những kết quả tốt hơn. (Lukac và các cộng sự)*

Trong số những hệ thống được kiểm nghiệm từ năm 1975-1984, chỉ có 4 hệ thống tạo ra lợi nhuận đáng kể. Hai trong bốn hệ thống này là hệ thống phá vỡ kênh giá và một là hệ thống giao đôi đường trung bình di động. Một bài viết sau này của Lukac và Brorsen được đăng trên *The Financial Review* (12/1990) đã công bố kết quả nghiên cứu mang tính bao quát hơn về dữ liệu từ năm 1976-1986 với việc so sánh 23 hệ thống giao dịch kỹ thuật. Một lần nữa, hệ thống phá vỡ kênh giá và đường trung bình di động lại chiếm vị trí hàng đầu. Cuối cùng, Lukac kết luận rằng một hệ thống phá vỡ kênh giá là sự lựa chọn tiên quyết của ông và là điểm khởi đầu hoàn hảo nhất cho việc kiểm nghiệm và phát triển tất cả các hệ thống giao dịch kỹ thuật.

Quy tắc 4 tuần

Về cơ bản, quy tắc 4 tuần được sử dụng cho việc giao dịch trên thị trường tương lai.

Hệ thống dựa trên quy tắc 4 tuần mang tính đơn giản:

1. Bao gồm các vị thế bán và tiến hành mua khi giá vượt rào những ngưỡng cao trong 4 tuần trước.
2. Thanh lý vị thế mua và tiến hành bán khi giá rơi xuống dưới những ngưỡng thấp của 4 tuần trước.

* Xem Tiểu sử

Như đã được trình bày ở đây, về bản chất, hệ thống mang tính tiếp diễn, nghĩa là nhà giao dịch luôn có một vị thế, hoặc mua hoặc bán. Thông thường, các hệ thống tiếp diễn có một khuyết điểm cơ bản. Chúng hiện diện trên thị trường và rơi vào tình trạng “lưỡi cưa” trong các chu kỳ thị trường vô hướng. Chúng ta từng nhấn mạnh rằng các hệ thống tuân theo xu hướng không hiệu quả khi thị trường đi ngang, hay còn được gọi là thị trường không xu hướng.

Quy tắc 4 tuần có thể được tùy biến thành hệ thống phi tiếp diễn. Điều này được thực hiện bằng cách sử dụng quãng thời gian ngắn hơn - quy tắc một hoặc hai tuần - cho mục đích thanh lý. Nói cách khác, sự phá vỡ 4 tuần sẽ được coi là cần thiết để khởi động một vị thế mới, nhưng tín hiệu một hoặc hai tuần theo hướng ngược lại sẽ bảo đảm việc thanh lý vị thế. Nhà giao dịch sẽ rời khỏi thị trường cho đến khi sự phá vỡ 4 tuần xuất hiện.

Tính hợp lý ẩn sau hệ thống này được dựa trên các nguyên tắc kỹ thuật bền vững. Các tín hiệu của nó rất rõ ràng và chính xác một cách máy móc. Vì là hệ thống tuân theo xu hướng nên nó đảm bảo việc tham gia diễn ra theo đúng chiều hướng của một xu hướng quan trọng. Nó cũng được thiết kế để theo đuổi câu châm ngôn về sự hiệu quả trong giao dịch - kéo lợi nhuận đến, đẩy thua lỗ đi. Một đặc điểm khác không thể bỏ qua là phương pháp này có xu hướng giao dịch ít thường xuyên hơn nên phí hoa hồng cũng thấp hơn. Ưu điểm khác là hệ thống có thể được thực hiện cùng hoặc không cần sự giúp đỡ của máy tính.

Sự chỉ trích chính đối với quy tắc hàng tuần cũng tương tự như sự chỉ trích chĩa vào tất cả các phương pháp tuân theo xu hướng, tức là chúng không hề chạm đỉnh hoặc đáy. Nhưng các hệ thống tuân theo xu hướng làm gì? Điểm quan trọng cần ghi nhớ là ít nhất quy tắc 4 tuần thể hiện tốt như hầu hết các hệ thống tuân theo xu hướng khác và tốt hơn nhiều hệ thống khác, nhưng có nhiều lợi ích gia tăng từ chính sự đơn giản đến khó tin.

Những điều chỉnh đối với quy tắc 4 tuần

Mặc dù chúng ta đang xử lý quy tắc 4 tuần ở dạng nguyên bản, song vẫn có một số cách điều chỉnh có thể được áp dụng. Thứ nhất, quy tắc này không nên được sử dụng như một hệ thống giao dịch. Các tín hiệu hàng tuần có thể chỉ đơn thuần được sử dụng như một chỉ báo kỹ thuật khác để nhận biết sự phá vỡ và đảo chiều xu hướng. Sự phá vỡ hàng tuần có thể được dùng như một bộ lọc xác nhận cho các kỹ thuật khác, chẳng hạn như kỹ thuật giao nhau của đường trung bình di động. Quy tắc một hoặc hai tuần có chức năng của một bộ lọc hoàn hảo. Tín hiệu giao nhau đường trung bình di động có thể được xác nhận bởi sự phá vỡ hai tuần theo cùng một hướng để có thể nắm lấy một vị thế thị trường.

Kéo dài hoặc rút ngắn chu kỳ thời gian để tạo ra độ nhạy cảm

Chu kỳ thời gian được sử dụng có thể tăng lên hoặc giảm xuống tùy thuộc vào mức độ quan tâm đến quản trị rủi ro và độ nhạy cảm. Ví dụ, chu kỳ thời gian có thể được rút ngắn nếu muốn hệ thống nhạy cảm hơn. Trong một thị trường giá tương đối cao, nơi giá có xu hướng tăng cao rõ rệt thì quãng thời gian được chọn sẽ ngắn lại để gia tăng độ nhạy cảm cho hệ thống. Ví dụ, giả sử rằng có một vị thế mua được nắm giữ tại thời điểm phá vỡ 4 tuần theo hướng đi lên với một lệnh cắt lỗ được đặt ngay bên dưới ngưỡng thấp của hai tuần trước. Nếu thị trường hồi phục rõ rệt và nhà giao dịch muốn theo đuổi vị thế với một lệnh cắt lỗ gần hơn thì có thể sử dụng điểm chặn một tuần.

Trong một tình huống biên độ giao dịch, nơi một nhà giao dịch theo xu hướng đang do dự và chỉ muốn thăm dò phản ứng thị trường cho đến khi xuất hiện tín hiệu xu hướng quan trọng, chu kỳ thời gian có thể được kéo dài đến 8 tuần. Điều này sẽ hạn chế khả năng nắm vị thế ngắn hạn và những tín hiệu xu hướng chưa chín muồi.

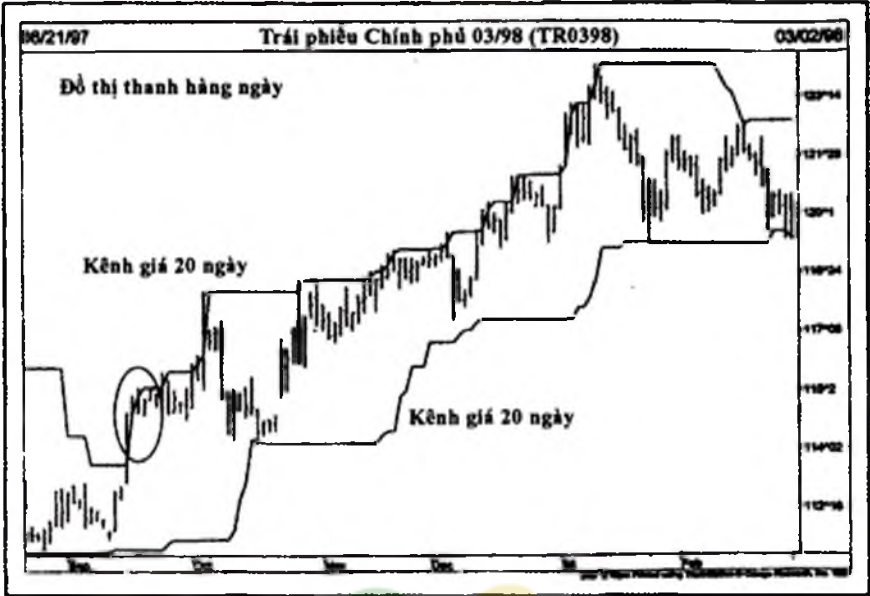
Quy tắc 4 tuần kết hợp với chu kỳ

Phần tham khảo trước của chương này nói đến ý nghĩa của chu kỳ theo HOC CHUNG KHOAN tại: www.500dong.com / (facebook.com/Ngo500dong)

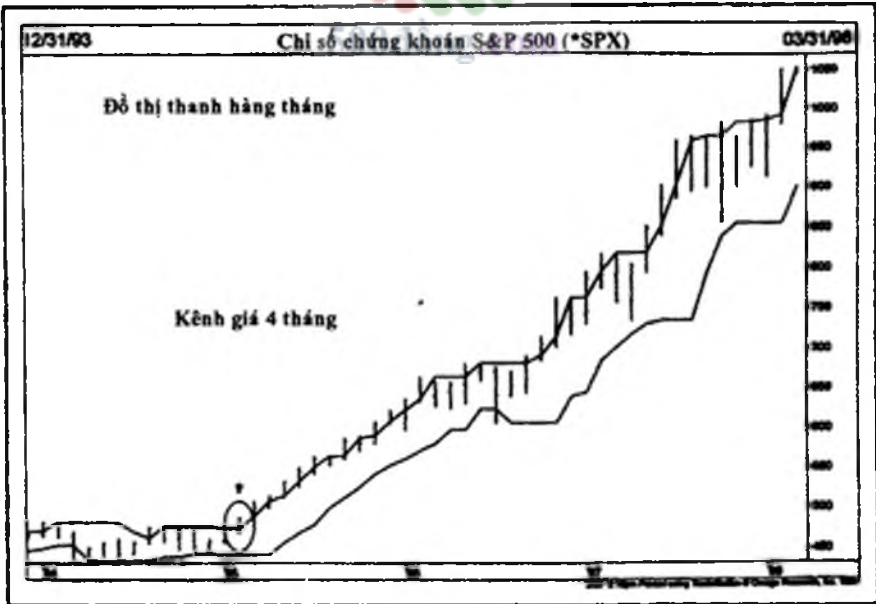
tháng trong các thị trường hàng hóa. Chu kỳ giao dịch 4 tuần, hay 20 ngày là chu kỳ quan trọng ảnh hưởng đến tất cả các thị trường. Điều này giúp giải thích vì sao khoảng chu kỳ thời gian 4 tuần được chứng minh là hiệu quả nhất. Hãy lưu ý rằng đó là việc đề cập đến quy tắc 1, 2 và 8 tuần. Nguyên tắc *sóng hài (harmonic)* trong phân tích chu kỳ cho rằng mỗi chu kỳ đều có liên quan đến những chu kỳ cận kề nó (những chu kỳ dài hơn hoặc ngắn hơn) theo cấp số 2.

Trong thảo luận trước đó về đường trung bình di động, chúng ta thấy được cách thức mà chu kỳ theo tháng và sóng hài giải thích tính phổ biến của đường trung bình di động 5, 10, 20 và 40 ngày. Những chu kỳ thời gian tương tự có quy luật tuần giống nhau. Những số liệu hàng ngày được chuyển thành hàng tuần sẽ là 1, 2, 4 và 8 tuần. Chính vì thế, sự điều chỉnh quy tắc 4 tuần hiệu quả nhất khi con số khởi đầu (4) được chia hoặc nhân cho/với 2. Để rút ngắn thời gian, chúng ta rút từ 4 xuống 2 tuần. Nếu muốn khoảng thời gian ngắn hơn nữa thì rút từ 2 xuống 1. Để kéo dài ra, chúng ta tăng từ 4 lên 8. Vì phương pháp này kết hợp giá và thời gian nên không có lý do gì mà nguyên lý sóng hài lại không đóng vai trò quan trọng. Chiến thuật chia thông số tuần cho 2 để rút ngắn nó, hoặc nhân đôi để kéo dài nó, là một cách làm hợp lý.

Quy tắc 4 tuần là một hệ thống phá vỡ đơn giản. Hệ thống nguyên thủy có thể được điều chỉnh bằng cách sử dụng một chu kỳ thời gian ngắn hơn - quy tắc 1 hoặc 2 tuần - cho các mục tiêu thanh lý. Nếu người sử dụng muốn có được hệ thống nhạy cảm hơn, chu kỳ 2 tuần có thể được sử dụng để nhận biết tín hiệu gia nhập thị trường. Đây là nguyên tắc được đơn giản hóa. Quy tắc 4 tuần đơn giản nhưng hiệu quả. (Các gói đồ thị cho phép bạn vẽ *kênh giá* ở trên và dưới giá hiện tại để phát hiện sự phá vỡ xu hướng. Kênh giá có thể được sử dụng trong đồ thị hàng ngày, hàng tuần hay hàng tháng. Xem hình 9.11 và 9.12)



Hình 9.11 Kênh giá 20 ngày (4 tuần) có thể được áp dụng cho giá tương lai của Trái phiếu Chính phủ. Một tín hiệu mua sẽ được phát ra khi giá đóng cửa trên đường kênh giá phía trên (hình tròn). Giá phải đóng cửa ở bên dưới đường kênh giá phía dưới để đảo tín hiệu.



Hình 9.12 Kênh giá 4 tháng được áp dụng cho chỉ số S&P 500. Giá cắt đường kênh giá phía trên vào đầu năm 1995 (hình tròn) để phát ra tín hiệu mua, tín hiệu được duy trì hiệu quả trong 3 năm sau. Giá đóng cửa dưới đường kênh giá phía dưới sẽ phát ra một tín hiệu bán.

TỐI ƯU HÓA HAY KHÔNG?

Ấn bản đầu tiên của cuốn sách này có bao hàm các kết quả của một chương trình nghiên cứu mở rộng do Merrill Lynch thực hiện với việc công bố hàng loạt công trình về kỹ thuật giao dịch vi tính hóa áp dụng cho thị trường tương lai từ 1978-1982. Việc thử nghiệm nhiều loại đường trung bình di động và thông số phá vỡ kênh giá được thực hiện để tìm ra những sự kết hợp khả thi và tốt nhất trong từng thị trường tương lai. Các nhà nghiên cứu của Merrill Lynch đã tạo ra các tập hợp khác nhau về giá trị chỉ báo tối ưu cho mỗi thị trường.

Đa số các gói đồ thị đều cho phép tối ưu hóa các hệ thống và chỉ báo. Thay vì sử dụng đường trung bình di động như nhau cho mọi loại thị trường, bạn có thể dùng máy tính để tìm đường trung bình động, hay sự kết hợp của đường trung bình di động và tính hiệu quả của chúng ở thị trường đó trong quá khứ. Điều này cũng có thể được thực hiện cho các hệ thống phá vỡ theo ngày và theo tuần cũng như hầu hết toàn bộ chỉ báo kỹ thuật được nhắc đến trong cuốn sách này. Sự tối ưu hóa cho phép các thông số kỹ thuật trở nên thích nghi với điều kiện thị trường thay đổi.

Một số người cho rằng việc tối ưu hóa hỗ trợ cho kết quả giao dịch của họ, nhưng số khác thì không tán thành quan điểm này. Trọng tâm của cuộc tranh luận tập trung vào cách thức tối ưu hóa dữ liệu. Các nhà nghiên cứu nhấn mạnh rằng một quy trình đúng là quy trình sử dụng chỉ một phần dữ liệu giá để chọn ra thông số tốt nhất, và phần khác để thử nghiệm kết quả. Việc thử nghiệm các thông số tối ưu hóa đối với dữ liệu giá thực tế bảo đảm rằng các kết quả cuối cùng sẽ gần với những gì mà người ta có thể trải nghiệm từ giao dịch thực tiễn.

Quyết định tối ưu hóa hay không là vấn đề mang tính cá nhân. Tuy nhiên, đa số các chứng cứ tín hiệu cho thấy rằng việc tối ưu hóa không phải là liều thuốc chữa bách bệnh như một số người thường nghĩ. Thông thường, tôi hay khuyên các nhà giao dịch - những người theo đuổi một số thị trường - rằng họ nên thử nghiệm sự tối ưu hóa. Tại sao Trại phiếu

Chính phủ hay đồng tác Đức lại có đường trung bình di động giống như của ngũ cốc và bông vải? Các nhà giao dịch thị trường chứng khoán lại là một câu chuyện khác. Việc phải theo dõi hàng ngàn loại chứng khoán đi ngược lại chức năng của sự tối ưu hóa. Nếu bạn chuyên tâm vào một nhóm thị trường thì mới nên sử dụng sự tối ưu hóa. Còn nếu bạn là một nhà giao dịch tổng hợp trên nhiều thị trường thì hãy sử dụng cùng một loại thông số kỹ thuật cho tất cả thị trường.

TÓM LƯỢC

Chúng tôi đã trình bày nhiều biến thể của phương pháp đường trung bình di động. Hầu hết các nhà phân tích kỹ thuật sử dụng sự kết hợp hai đường trung bình di động. Hai đường này thường là những đường trung bình di động giản đơn. Mặc dù đường trung bình di động hàm mũ đã trở nên phổ biến nhưng vẫn không có bằng chứng thực tế minh chứng rằng chúng hoạt động hiệu quả hơn đường trung bình giản đơn. Sự kết hợp các đường trung bình di động hàng ngày thông dụng nhất trong thị trường tương lai là 1 và 9, 9 và 18, 5 và 20, và 10 và 40. Các nhà giao dịch chứng khoán phụ thuộc chủ yếu vào đường trung bình 50 ngày (10 tuần). Đối với việc phân tích thị trường chứng khoán dài hạn hơn, các đường trung bình di động hàng tuần phổ biến là đường 30 và 40 tuần (200 ngày). Dải băng Bollinger sử dụng đường trung bình 20 ngày và 20 tuần. Đường trung bình 20 tuần có thể được chuyển đổi thành đồ thị hàng ngày bằng cách sử dụng đường trung bình đáng giá khác - đường 100 ngày. Các hệ thống phá vỡ kênh giá vận hành cực kỳ hiệu quả trong những thị trường có xu hướng và được sử dụng trên đồ thị hàng ngày, hàng tuần và hàng tháng.

ĐƯỜNG TRUNG BÌNH DI ĐỘNG THÍCH ỨNG

Một trong những vấn đề thường gặp với đường trung bình di động chính là sự lựa chọn giữa đường trung bình di động nhanh và chậm. Trong khi một loại có thể hoạt động hiệu quả trong thị trường giao dịch có biên độ, thì loại kia lại được ưa dùng cho thị trường có xu hướng.

Câu trả lời cho sự lựa chọn hai đường trung bình di động này chính là cách tiếp cận mang tính cách tân có tên gọi là “đường trung bình di động thích ứng”.

Trong cuốn sách của mình có tựa đề “*Giao dịch thông minh hơn*” (*Smarter Trading*), Perry Kaufmen đã trình bày kỹ thuật này. Tốc độ của “đường trung bình di động thích ứng” được tự động điều chỉnh với mức độ tiếng ồn (độ dao động) trên thị trường. Đường trung bình di động thích ứng di chuyển một cách chậm chạp hơn khi thị trường có xu hướng đi ngang, nhưng sau đó vận động nhanh dần khi thị trường có xu hướng. Điều này giúp tránh được vấn đề sử dụng đường trung bình nhanh hơn (và rơi vào tình trạng lười của một cách thường xuyên hơn) trong thị trường giao dịch theo biên độ, và sử dụng đường trung bình chậm hơn - đường trung bình theo dõi thị trường từ khoảng cách rất xa khi nó đang giao dịch theo xu hướng.

Kaufman thực hiện điều này bằng cách thiết kế một hệ số hiệu suất so sánh hướng giá với mức độ dao động. Khi hệ số hiệu suất cao, hướng giá lớn hơn độ dao động (trông giống đường trung bình nhanh hơn). Khi hệ số thấp, tính dao động cao hơn tính định hướng (trông giống đường trung bình chậm hơn). Bằng cách kết hợp chặt chẽ hệ số hiệu suất, đường trung bình di động thích ứng tự động điều chỉnh tốc độ thích hợp với thị trường hiện tại nhất.

CÁC GIẢI PHÁP THAY THẾ ĐƯỜNG TRUNG BÌNH DI ĐỘNG

Không phải lúc nào đường trung bình di động cũng hoạt động. Chúng hoạt động tốt nhất khi thị trường trong giai đoạn theo xu hướng nhưng không mấy hữu ích khi thị trường vô hướng và giá giao dịch đi ngang. May mắn là chúng ta có một loại chỉ báo khác hoạt động tốt hơn đường trung bình di động trong những biên độ giao dịch vô hiệu này. Chúng được gọi là *chỉ báo dao động (oscillator)* và sẽ được giải thích trong chương kế tiếp.

CHƯƠNG 10

Các chỉ báo dao động và quan điểm đối lập

GIỚI THIỆU

Trong chương này, chúng ta sẽ tìm hiểu về một giải pháp thay thế cách tiếp cận theo xu hướng - *chỉ báo dao động*. Chỉ báo dao động cực kỳ hữu hiệu trong thị trường vô hướng khi giá dao động trong dải băng giá nằm ngang, tức biên độ giao dịch, tạo nên một tình huống thị trường, nơi phần lớn các hệ thống tuân theo xu hướng không vận hành hiệu quả. Chỉ báo dao động tạo ra cho nhà giao dịch một công cụ giúp họ thu được lợi nhuận trong những môi trường không rõ xu hướng và dao động đi ngang.

Tuy nhiên, giá trị của chỉ báo dao động không chỉ giới hạn trong những biên độ giao dịch nằm ngang. Được sử dụng trong sự kết hợp với các đồ thị giá của giai đoạn có xu hướng, chỉ báo dao động trở thành một liên kết rất đáng giá thông qua việc báo động cho nhà giao dịch biết những điểm cực của thị trường ngắn hạn thường được gắn với tình trạng thị trường *mua quá mức* hoặc *bán quá mức*. Chỉ báo dao động còn báo hiệu rằng một thị trường đang dần mất đi xung lượng trước khi tình huống đó được thể hiện rõ ràng trong sự biến động giá. Chỉ báo dao động có thể cho biết một xu hướng đã sắp hoàn chỉnh hay chưa bằng sự phân kỳ hiển thị trên đó.

Chúng ta sẽ bắt đầu bằng định nghĩa chỉ báo dao động là gì và cơ sở nền tảng cho việc thiết kế cũng như diễn giải chỉ báo đó. Sau đó, chúng ta sẽ thảo luận về ý nghĩa của xung lượng và các hàm ý dự báo thị trường. Một số kỹ thuật chỉ báo dao động phổ biến hơn sẽ được trình bày theo mức độ từ đơn giản đến phức tạp. Vấn đề về sự phân kỳ cũng sẽ được thể hiện. Chúng ta sẽ nói đến giá trị của phân tích chỉ báo dao động kết hợp với chu kỳ thị trường cơ bản. Cuối cùng, chúng ta sẽ thảo luận về cách thức sử dụng chỉ báo dao động như một phần của phân tích kỹ thuật thị trường tổng quát.

SỬ DỤNG CHỈ BÁO DAO ĐỘNG TRONG SỰ KẾT HỢP VỚI XU HƯỚNG

Chỉ báo dao động chỉ là chỉ báo thứ cấp vì nó hỗ trợ cho phân tích xu hướng cơ bản. Bởi chúng ta lần lượt xem xét các dạng chỉ báo dao động khác nhau nên tầm quan trọng của việc giao dịch theo chiều hướng thị trường nổi bật nhất sẽ được nhấn mạnh liên tục. Độc giả nên hiểu rằng có những lúc chỉ báo dao động sẽ làm việc hiệu quả hơn những lúc khác. Ví dụ, gần giai đoạn đầu của những biến động quan trọng, phân tích chỉ báo dao động không hữu hiệu và sẽ đưa ra chỉ dẫn sai. Tuy nhiên, đến giai đoạn cuối của biến động, chỉ báo dao động trở nên cực kỳ hữu ích. Chúng ta sẽ tiếp tục diễn giải những điểm này sau. Cuối cùng, sẽ không thể có một nghiên cứu hoàn chỉnh về điểm cực thị trường nếu không có quan điểm đối lập (Contrary Opinion). Chúng ta sẽ nói về vai trò của lý thuyết đối lập và cách kết hợp nó vào phân tích và giao dịch thị trường.

Diễn giải chỉ báo dao động

Mặc dù có nhiều cách để thiết kế chỉ báo dao động xung lượng, nhưng mỗi cách diễn giải chỉ khác nhau một chút. Hầu như tất cả các chỉ báo dao động đều giống nhau. Chúng được dựng tại đáy của đồ thị giá và giống như một dải băng nằm ngang. Về cơ bản, dải băng chỉ báo dao động là băng phẳng, dù giá có thể tăng, giảm hay đi ngang. Tuy nhiên, đỉnh và đáy của chỉ báo dao động trùng với đỉnh và đáy của đồ thị giá.

Một số chỉ báo dao động có một trung điểm chia biên độ nằm ngang thành hai phần bằng nhau, phần nằm trên và phần phía dưới. Tùy vào công thức được sử dụng, đường trung bình nằm giữa đó thường là *đường số 0*. Một số chỉ báo dao động cũng có đường biên trên và dưới xếp từ 0 đến 100.

Quy tắc diễn giải chung

Thông thường, khi chỉ báo dao động đạt mức cực đại tại biên trên hoặc biên dưới, sự biến động giá hiện tại có thể đang di chuyển quá xa, quá nhanh nhằm có được sự hiệu chỉnh hoặc cũng có thể theo một dạng nào đó. Một quy tắc khác là nhà giao dịch nên mua khi đường chỉ báo dao động nằm ở đường biên phía dưới của dải băng và bán tại đường biên phía trên. Điểm giao nhau của đường trung bình đó sẽ tạo nên tín hiệu mua và bán. Chúng ta sẽ thấy được cách thức áp dụng của các quy tắc chung này khi làm việc với những dạng chỉ báo dao động khác nhau.

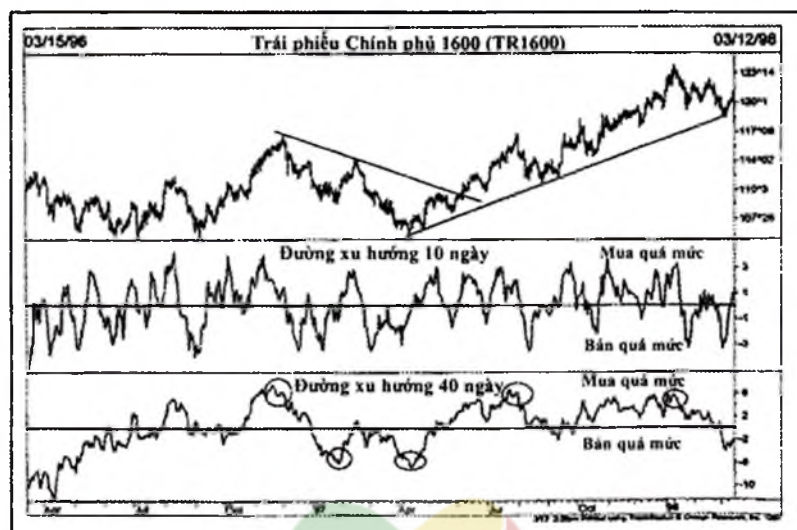
Ba công dụng quan trọng nhất của chỉ báo dao động

Có ba tình huống mà chỉ báo dao động hữu ích nhất. Bạn sẽ thấy ba tình huống này phổ biến với đa số loại chỉ báo dao động được sử dụng.

1. Chỉ báo dao động hữu ích nhất khi giá trị đạt điểm cực tại biên trên hoặc biên dưới của nó. Thị trường được nhận định là trong tình trạng mua quá mức nếu nó tiến gần điểm cực trên và sẽ trong tình trạng bán quá mức nếu nó tiến gần điểm cực dưới. Điều này cảnh báo sự kéo dài quá mức và tính dễ đảo võ của xu hướng.
2. Sự phân kỳ giữa chỉ báo dao động và động thái giá khi chỉ báo dao động đang ở mức độ cực đại thường là một cảnh báo quan trọng.
3. Việc giao nhau với đường số 0 (đường trung bình) có thể tạo ra tín hiệu giao dịch quan trọng theo chiều hướng của thị trường giá.

ĐO LƯỜNG XUNG LƯỢNG

Khái niệm *xung lượng* là ứng dụng cơ bản nhất trong phân tích chỉ báo



Hình 10.1b Sự so sánh giữa đường xung lượng 10 ngày và 40 ngày. Đường dài hơn nắm bắt sự biến đổi của thị trường chính tốt hơn (hình tròn).

Trong khi đường xung lượng 10 ngày là chu kỳ thời gian được sử dụng phổ biến hơn vì những lý do ta sẽ nhắc đến sau, nhưng bất cứ chu kỳ thời gian nào cũng sẽ được sử dụng. (Xem hình 10.1a). Chu kỳ thời gian ngắn hơn (5 ngày chẳng hạn) sẽ tạo ra một đường nhạy cảm hơn với độ dao động rõ ràng là cao hơn. Còn số lượng ngày nhiều hơn (chẳng hạn 40 ngày) sẽ cho ta đường suôn thẳng hơn với độ dao động thấp hơn. (Xem hình 10.1b)

Xung lượng đo lường tốc độ tăng hoặc giảm

Chúng ta hãy cùng thảo luận một chút về loại chỉ báo xung lượng nào được đo lường. Bằng cách vẽ lại độ chênh lệch giá trong một chu kỳ thời gian nào đó, người vẽ đồ thị đang xem xét đến tốc độ gia tăng hoặc suy giảm. Nếu giá đang tăng và đường xung lượng tăng nằm trên đường số 0, xu hướng đang tăng tốc. Nếu đường xung lượng dốc lên bắt đầu trải phẳng ra, tức là mức tăng mới của giá đóng cửa ngày gần nhất bằng với mức tăng của 10 ngày trước. Mặc dù giá vẫn đang tăng, nhưng tốc

độ đã giảm. Khi đường xung lượng bắt đầu quay xuống đường số 0, xu hướng tăng vẫn có hiệu lực nhưng với tốc độ giảm dần. Xu hướng tăng đã đánh mất động lượng.

Khi đường xung lượng rơi xuống bên dưới đường số 0, giá đóng cửa 10 ngày gần nhất đã thấp hơn 10 ngày trước và xu hướng giảm ngắn hạn xuất hiện (và ngẫu nhiên đường trung bình di động 10 ngày cũng suy yếu). Khi xung lượng tiếp tục giảm sâu hơn nữa xuống bên dưới đường số 0, xu hướng giảm gia tăng động lượng. Chỉ khi đường này bắt đầu tăng trở lại thì nhà phân tích mới biết rằng xu hướng giảm đang giảm tốc.

Cần phải nhớ một điều là xung lượng đo lường sự chênh lệch giá tại hai khoảng thời gian. Để đường này tăng, mức tăng giá đóng cửa của ngày gần nhất phải lớn hơn mức tăng 10 ngày trước. Nếu giá chỉ tăng một lượng tương đương 10 ngày trước, đường xung lượng sẽ hoàn toàn bằng phẳng. Nếu mức giá tăng gần nhất nhỏ hơn 10 ngày trước, đường xung lượng bắt đầu nghiêng xuống mặc dù giá vẫn đang tăng. Đó là cách đường xung lượng đo lường sự tăng tốc hay suy giảm tốc độ gia tăng hay sụt giảm hiện tại của xu hướng giá.

Đường xung lượng đi trước động thái giá

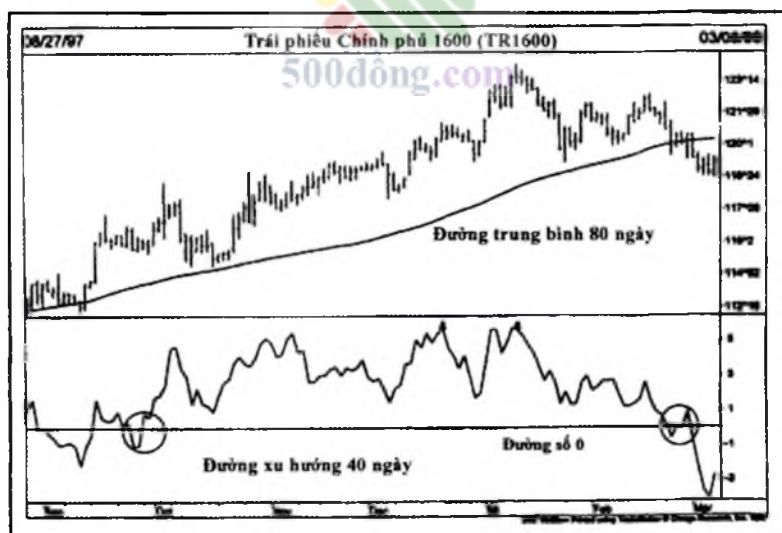
Do phương pháp dựng mà đường xung lượng lúc nào cũng đi trước vận động giá. Nó đi trước sự gia tăng hoặc suy giảm giá, rồi sau đó lại rơi xuống trong khi xu hướng hiện tại vẫn đang diễn ra. Sau đó nó lại bắt đầu di chuyển theo hướng ngược lại khi giá bắt đầu giảm.

Sự giao nhau của đường số 0 là một tín hiệu giao dịch

Đồ thị xung lượng có một đường số 0. Nhiều nhà kỹ thuật sử dụng thời điểm giao nhau với đường số 0 để tạo ra tín hiệu mua và bán. Một sự giao nhau đi lên trên đường số 0 sẽ tạo ra tín hiệu mua, và xuống dưới đường số 0 là tín hiệu bán. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh một lần nữa rằng phân tích xu hướng cơ bản luôn được ưu tiên hàng đầu. Không được sử dụng phân tích chỉ báo dao động để thực hiện những giao dịch ngược



Hình 10.2a Đường xu hướng trong đồ thị xung lượng bị phá vỡ sớm hơn trên đồ thị giá. Giá trị của chỉ báo xung lượng nằm ở chỗ nó biến đổi nhanh hơn thị trường, khiến nó trở thành một chỉ báo dẫn đường.

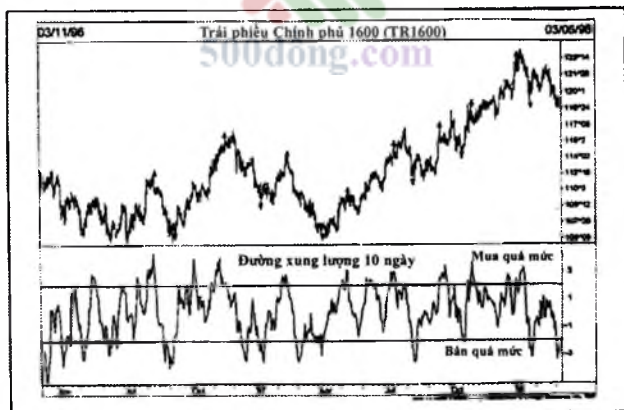


Hình 10.2b Một số nhà giao dịch nhận định sự giao nhau bên trên đường số 0 như là một tín hiệu mua và xuống bên dưới đường số 0 là một tín hiệu bán (hình tròn). Một đường trung bình di động sẽ giúp xác nhận sự thay đổi xu hướng. Đường xung lượng sẽ dừng đúng trước đường giá (xem mũi tên.)

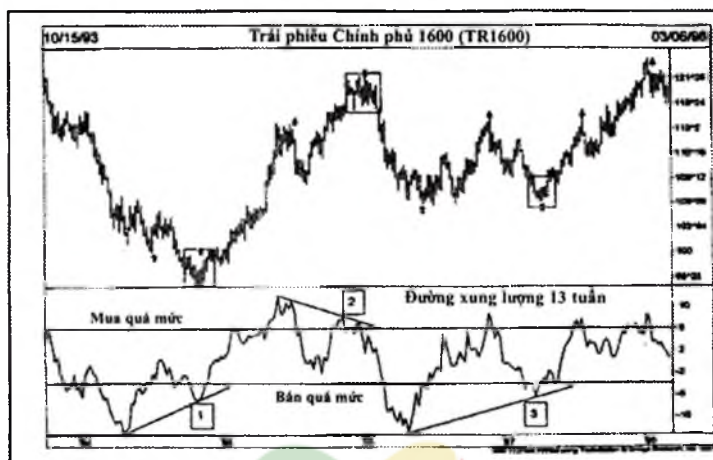
với xu hướng thị trường đang thịnh hành. Các vị thế mua nên được đưa ra tại điểm giao nhau trên đường số 0 nếu xu hướng thị trường đi lên. Các vị thế bán nên được đưa ra tại điểm giao nhau dưới đường số 0 chỉ khi xu hướng thị trường đi xuống. (Xem hình 10.2a và b).

Sự cần thiết của đường biên phía trên và phía dưới

Một vấn đề liên quan đến đường xung lượng - sẽ được đề cập sau đây - đó là sự tồn tại của đường biên phía trên và phía dưới. Chúng ta đã từng nhấn mạnh trước đó rằng một trong những giá trị then chốt của phân tích chỉ báo dao động là khả năng xác định thời điểm thị trường rơi vào vùng cực. Nhưng mức cao như thế nào mới được coi là quá cao và mức thấp như thế nào thì được coi là thấp đối với đường xung lượng? Cách đơn giản nhất để nhận biết là kiểm tra bằng mắt. Hãy kiểm tra quá trình hình thành của đường xung lượng trên đồ thị và vẽ những đường ngang làm biên trên và biên dưới. Những đường này sẽ được điều chỉnh



Hình 10.3 Khi kiểm tra bằng mắt, nhà phân tích kỹ thuật có thể tìm thấy đường biên xung lượng bên trên và bên dưới thích hợp cho từng loại thị trường (Xem đường nằm ngang).



Hình 10.4 Đường xung lượng 13 tuần trong đồ thị hàng tuần của Trái phiếu Chính phủ. Các mũi tên đánh dấu điểm chuyển đổi từ những vùng cực. Đường xung lượng đổi hướng trước đường giá tại những thời điểm biến đổi chính (điểm 1, 2 và 3).

tùy thời điểm, đặc biệt là sau những thay đổi xu hướng quan trọng. Nhưng đó là cách đơn giản nhất và hiệu quả nhất để nhận biết những điểm cực. (Xem hình 10.3 và 10.4).

ĐO LƯỜNG TỐC ĐỘ BIẾN THIÊN (RATE OF CHANGE - ROC)

Để đo lường *tốc độ biến thiên*, chúng ta tính tỉ suất giữa giá đóng cửa gần nhất với giá của một ngày xác định nào đó trong quá khứ. Để thiết kế chỉ báo dao động tốc độ biến thiên trong 10 ngày, ta lấy giá đóng cửa gần nhất chia cho giá đóng cửa của 10 ngày trước. Công thức được thể hiện như sau:

$$\text{Tốc độ biến thiên} = 100 (V/V_x)$$

Trong đó, V là giá đóng cửa gần nhất và V_x là giá đóng cửa x ngày trước.

Trong trường hợp này, đường 100 là đường trung bình. Nếu giá gần

nhất cao hơn giá 10 ngày trước (giá đang tăng), tốc độ biến thiên cho kết quả trên 100. Nếu giá gần nhất thấp hơn 10 ngày trước, tốc độ sẽ thấp hơn 100. (Đôi khi phần mềm đồ thị sử dụng dạng biến thể của công thức tính đường xung lượng và tốc độ biến thiên). Mặc dù kỹ thuật thiết kế có thể đa dạng nhưng cách diễn giải thì vẫn như vậy.)

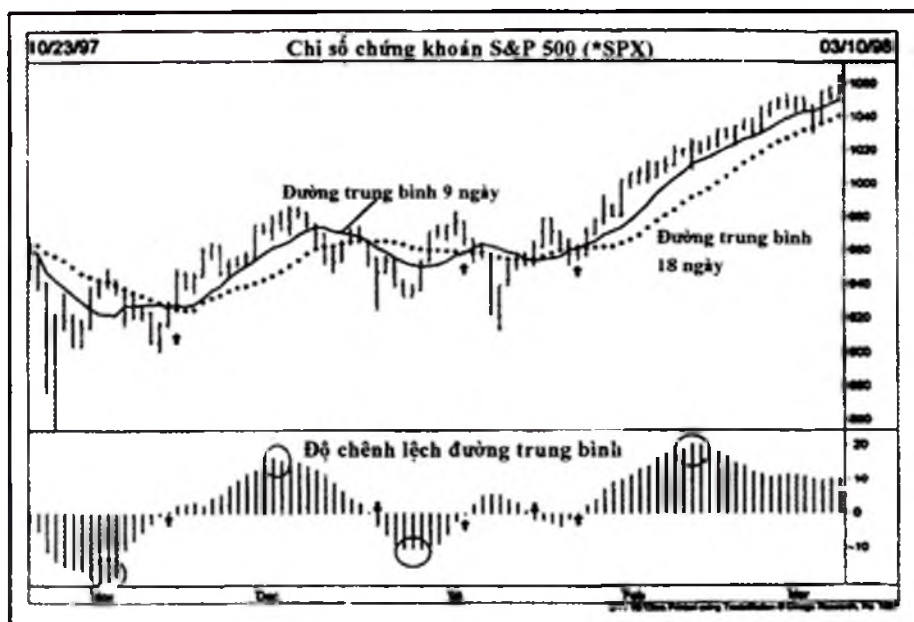
THIẾT KẾ MỘT CHỈ BÁO DAO ĐỘNG BẰNG CÁCH DÙNG HAI ĐƯỜNG TRUNG BÌNH ĐỘNG

Trong Chương 9, chúng ta đã thảo luận rằng hai đường trung bình di động được sử dụng để tạo ra tín hiệu mua và bán. Sự giao nhau của đường trung bình ngắn hạn lên trên hay xuống dưới đường trung bình dài hạn hơn lần lượt được ghi nhận là tín hiệu mua và bán. Sự kết hợp đường trung bình di động kép có thể được sử dụng để thiết kế đồ thị chỉ báo kỹ thuật. Điều này được thực hiện bằng cách vẽ độ chênh lệch giữa hai đường trung bình thành một biểu đồ thống kê tần suất. Những thanh đồ thị tần suất xuất hiện khi cộng hay trừ giá trị chênh lệch vào đường số 0 ở giữa. Dạng chỉ báo dao động này có ba công dụng:

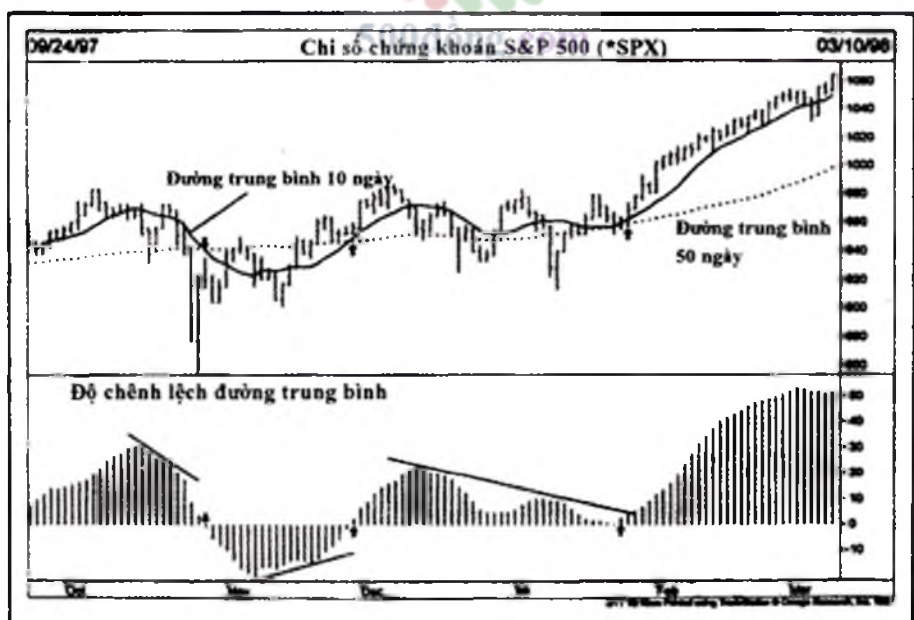
1. Giúp phát hiện sự phân kỳ.
2. Giúp nhận diện những biến thể ngắn hạn của xu hướng dài hạn, khi đường trung bình ngắn hạn di chuyển quá xa bên trên hoặc bên dưới đường trung bình dài hạn.
3. Xác định sự giao nhau của hai đường trung bình di động khi chỉ báo dao động cắt đường số 0.

Đường trung bình ngắn hạn bị phân chia bởi đường dài hạn. Tuy nhiên, trong cả hai trường hợp, đường trung bình ngắn hạn dao động quanh đường trung bình dài hạn mà trên thực tế là đường số 0. Nếu đường trung bình ngắn hạn nằm trên đường dài hạn, chỉ báo dao động sẽ là dương. Giá trị âm biểu thị đường trung bình ngắn hạn nằm dưới đường dài hạn. (Xem hình 10.5-10.7).

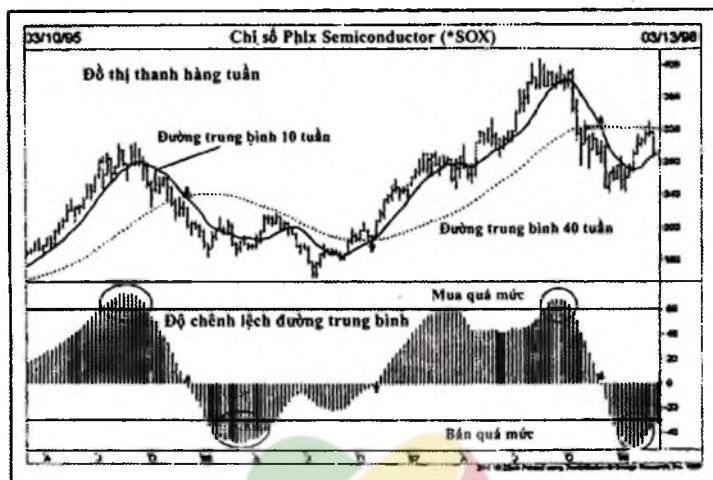
Khi hai đường trung bình di động cách nhau quá xa, sự xuất hiện điểm cực thị trường thể hiện sự tạm ngừng xu hướng. (Xem hình 10.6).



Hình 10.5 Đường biểu đồ thống kê tần suất đo lường độ chênh lệch giữa hai đường trung bình. Sự giao nhau đi lên trên và xuống dưới đường số 0 tạo ra tín hiệu mua và bán (mũi tên). Lưu ý rằng biểu đồ thống kê tần suất chuyển hướng trước khi có tín hiệu thất sự (hình tròn).



Hình 10.6 Một biểu đồ thống kê tần suất đo lường độ chênh lệch giữa đường trung bình 10 ngày và 50 ngày. Biểu đồ thống kê tần suất luôn chuyển hướng trước khi đường số 0 bị cắt. Trong một xu hướng tăng, biểu đồ thống kê tần suất sẽ tìm được ngưỡng hỗ trợ tại đường số 0 và quay đầu đi lên lần nữa (mũi tên thứ ba).



Hình 10.7 Biểu đồ thống kê tần suất thể hiện độ chênh lệch giữa hai đường trung bình hàng tuần. Biểu đồ thống kê tần suất chuyển theo hướng của xu hướng mới vài tuần trước khi đường số 0 bị cắt trên biểu đồ thống kê tần suất. Hãy lưu ý cách thức mà những mức mua quá mức và bán quá mức được nhận biết một cách dễ dàng như thế nào.

500dong.com

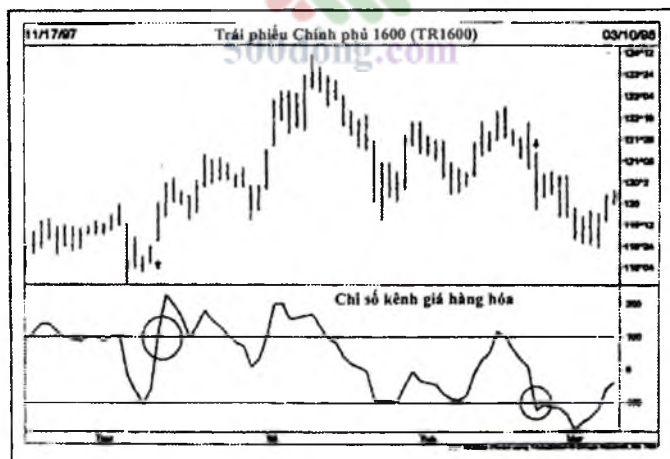
Thông thường xu hướng vẫn trì hoãn đến khi đường trung bình ngắn hơn di chuyển xuống bên dưới đường dài hơn. Khi đường ngắn hơn chạm đường dài hơn, điểm trọng yếu sẽ hiện diện. Ví dụ, trong một xu hướng tăng, đường ngắn hơn suy giảm xuống dưới đường trung bình dài hơn, nhưng có khả năng bật trở lại. Đây chính là một khu vực mua lý tưởng. Nó giống với sự thử thách đường xu hướng tăng. Tuy nhiên, nếu đường trung bình ngắn hơn băng xuống bên dưới đường trung bình dài hơn thì báo hiệu sự đảo chiều xu hướng.

Trong một xu hướng giảm, việc đường trung bình ngắn tiến đến đường trung bình dài hơn thường thể hiện một khu vực bán lý tưởng trừ phi đường dài hơn bị cắt ngang, trong đó ghi nhận tín hiệu đảo chiều xu hướng. Bởi vậy, mối quan hệ giữa hai đường trung bình có thể được sử dụng không chỉ với tư cách như một hệ tuân theo xu hướng hoàn hảo, HOC CHUNG KHOAN tại: www.500dong.com / (facebook.com/Ngo500dong)

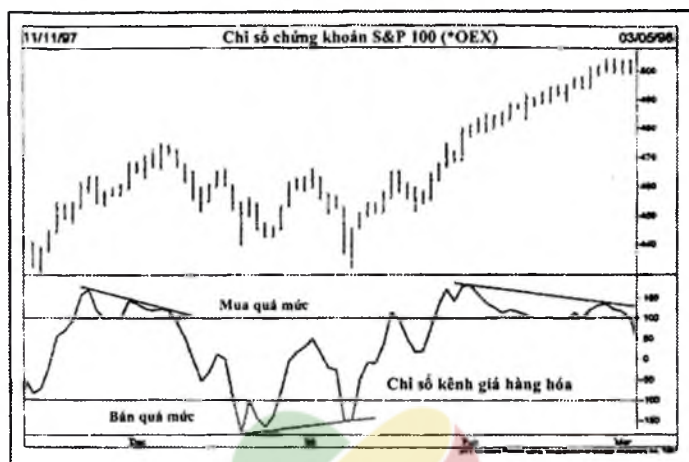
mà còn giúp xác định tình trạng ngắn hạn của thị trường mua và bán quá mức.

CHỈ SỐ KÊNH GIÁ HÀNG HÓA

Chúng ta có thể tiêu chuẩn hóa một chỉ báo dao động bằng cách phân chia giá trị thành các ước số cố định. Khi vẽ chỉ số kênh giá hàng hóa (CCI=Commodity Channel Index), Donald R. Lambert so sánh đường giá hiện tại với một đường trung bình di động trong quãng thời gian được chọn - thường là 20 ngày. Ông đã tiêu chuẩn hóa giá trị chỉ báo dao động bằng cách sử dụng một ước số dựa trên độ lệch trung bình. Kết quả, CCI thay đổi thất thường theo biên độ cố định từ +100 trên đường đi lên đến -100 trên đường đi xuống. Lambert đề nghị vị thế mua trong những thị trường có giá trị trên +100. Thị trường có CCI dưới -100 là tình trạng khuyến khích bán khống.



Hình 10.8 Chỉ báo kênh giá hàng hóa 20 ngày. Ý nghĩa từ chỉ báo này là mua khi giá trị nằm trên +100 và bán khi giá trị nằm dưới -100 như trên hình.



Hình 10.9 Chỉ báo kênh giá hàng hóa được sử dụng cho chỉ số chứng khoán như chỉ số này và mọi chỉ báo dao động khác để đo lường điểm cực thị trường. Lưu ý rằng CCI chuyển hướng trước giá tại mỗi đỉnh và đáy. Chiều dài mặc định là 20 ngày.

Tuy nhiên, dường như đa số người sử dụng đồ thị đều sử dụng CCI là chỉ báo dao động mua/bán quá mức. Giá trị trên +100 là mua quá mức và dưới -100 là bán quá mức. Mặc dù ban đầu được thiết kế cho thị trường hàng hóa, nhưng chỉ báo kênh giá hàng hóa vẫn được sử dụng để giao dịch chỉ số chứng khoán tương lai và quyền chọn như chỉ số S&P 100 (OEX). Mặc dù 20 ngày là giá trị mặc định cho CCI, người sử dụng vẫn có thể biến đổi số lượng để điều chỉnh tính nhạy cảm. (Xem hình 10.8 và 10.9).

CHỈ SỐ CƯỜNG ĐỘ TƯƠNG ĐỐI (RSI)

Chỉ số cường độ tương đối (Relative Strength Index - RSI) được xây dựng và phát triển bởi J. Welles Wilder (con) và xuất hiện trong cuốn sách xuất bản năm 1978 của ông có tựa đề *Khái niệm mới trong các hệ thống giao dịch kỹ thuật* (*New Concepts In Technical Trading Systems*.)

Ở đây chúng ta chỉ khảo sát những điểm chính. Để có thể nghiên cứu HOC CHUNG KHOAN tại: www.500dong.com / (facebook.com/Ngo500dong)

thấu đáo về vấn đề này, bạn nên đọc tác phẩm gốc của Wilder. Vì chỉ báo dao động này được sử dụng rộng rãi trong cộng đồng các nhà giao dịch kỹ thuật nên chúng ta sẽ sử dụng nó để giải thích hầu hết những nguyên tắc phân tích chỉ báo dao động.

Như Wilder đã chỉ ra, một trong hai vấn đề chính trong phương pháp xây dựng đường xung lượng (sử dụng sự chênh lệch giá) là sự vận động thất thường xuất hiện do sự thay đổi rõ rệt khi giá giảm. Sự gia tăng hay suy giảm 10 ngày trước (trong trường hợp đường xung lượng 10 ngày) có thể gây ra những biến đổi đột ngột cho đường xung lượng dù giá hiện tại chỉ thể hiện một sự thay đổi nhỏ. Sự điều tiết là cần thiết để có thể giảm thiểu những sự lệch lạc này. Vấn đề thứ hai là chúng ta cần một biên độ không đổi cho việc so sánh. Công thức chỉ số cường độ tương đối không chỉ đem lại sự điều tiết cần thiết, mà còn giải quyết vấn đề thứ hai bằng cách tạo ra biên độ không đổi từ 0 đến 100.

Thuật ngữ "cường độ tương đối" đã bị sử dụng sai và thường gây ra nhầm lẫn giữa các thuật ngữ quen thuộc trong phân tích thị trường chứng khoán. *Cường độ tương đối* có nghĩa là một đường tỉ suất so sánh hai thực thể khác nhau. Tỉ suất của một loại chứng khoán hay nhóm chứng khoán công nghiệp so với chỉ số S&P 500 là cách đánh giá *cường độ tương đối* của các nhóm chứng khoán hoặc công nghiệp khác nhau trong sự tương phản với một chuẩn đối sánh. Chúng tôi sẽ cho bạn thấy mức độ hữu ích của việc phân tích *tỉ suất* hay *cường độ tương đối*. Khái niệm chỉ số cường độ tương đối của Wilder không thực sự đo lường sức mạnh tương đối giữa hai thực thể khác nhau, có nghĩa là tên gọi của nó đã bị đặt sai. Tuy nhiên, chỉ số cường độ tương đối giải quyết vấn đề về sự vận động thất thường và sự cần thiết của đường biên cố định trên và dưới. Công thức được tính như sau:

$$RSI = 100 - \frac{100}{1 + RS}$$

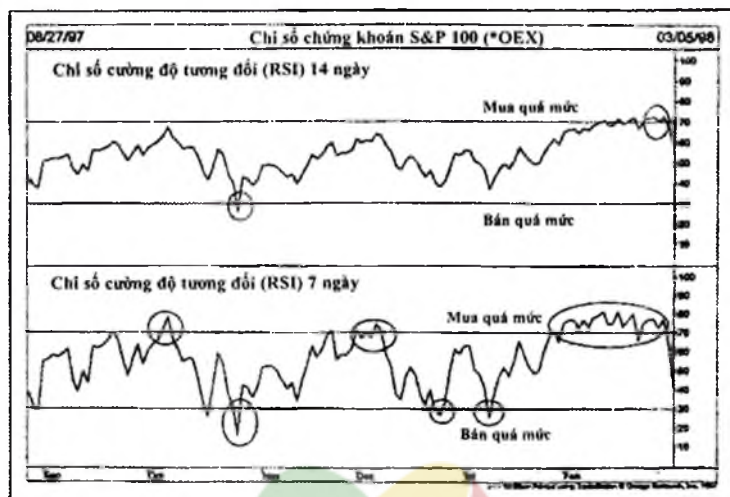
$$RS = \frac{\text{trung bình mức đóng cửa tăng x ngày}}{\text{trung bình mức đóng cửa giảm của x ngày}}$$

Công thức sử dụng 14 ngày; 14 tuần thì được dùng trong đồ thị 14 tuần. Để tính được giá trị trung bình tăng, ta tính tổng mức tăng của các phiên tăng giá trong 14 ngày rồi đem chia cho 14. Để tính giá trị trung bình giảm, ta cộng tổng mức giảm của các phiên giảm giá và chia số tổng đó cho 14. Cường độ tương đối (RS) được xác định bằng cách chia giá trị trung bình *tăng* cho trung bình *giảm*. Giá trị cường độ tương đối được sử dụng trong công thức tính chỉ số cường độ tương đối (RSI). Số lượng ngày có thể biến đổi bằng cách thay đổi giá trị x .

Ban đầu Wilder sử dụng chu kỳ thời gian 14 ngày. *Thời gian càng ngắn, chỉ báo dao động càng nhạy cảm và biên độ càng rộng*. Chỉ số cường độ tương đối hoạt động hiệu quả khi sự biến đổi thất thường của nó chạm điểm cực trên và cực dưới. Vì lý do đó, nếu người sử dụng đang giao dịch trên cơ sở rất ngắn hạn và muốn chỉ báo dao động lên xuống dứt khoát, chu kỳ thời gian có thể được rút ngắn. Thời gian dài



Hình 10.10 Chỉ báo cường độ tương đối 14 ngày được nhận định là mua quá mức khi trên 70 và bán quá mức khi dưới 30. Đồ thị này thể hiện chỉ số S&P 100 ở tình trạng bán quá mức trong tháng 10 và mua quá mức trong tháng 2.



Hình 10.11 Biên độ của đường chỉ số cường độ tương đối có thể được mở rộng bằng cách rút ngắn thời gian. Lưu ý rằng chỉ số cường độ tương đối 7 ngày chạm điểm cực bên ngoài thường xuyên hơn so với đường chỉ số cường độ tương đối 14 ngày. Điều này khiến chỉ số cường độ tương đối 7 ngày có ích cho những nhà giao dịch ngắn hạn.

500dong.com

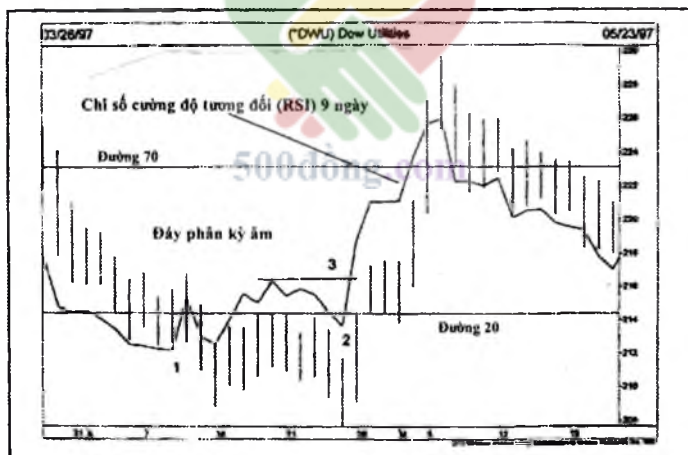
hơn sẽ khiến chỉ báo dao động đi trong biên độ nhẹ và hẹp hơn. Biên độ chỉ báo dao động 9 ngày lớn hơn 14 ngày. Mặc dù khoảng cách 9 và 14 ngày thường được sử dụng, nhưng một số nhà phân tích kỹ thuật lại thích sử dụng chu kỳ thời gian ngắn hơn, chẳng hạn 5 hoặc 7 ngày, để gia tăng tính dao động của đường chỉ số cường độ tương đối. Số khác lại thích sử dụng 21 hay 28 ngày để điều giảm tín hiệu chỉ số cường độ tương đối. (Xem hình 10.10 và 10.11).

Diễn giải chỉ số cường độ tương đối

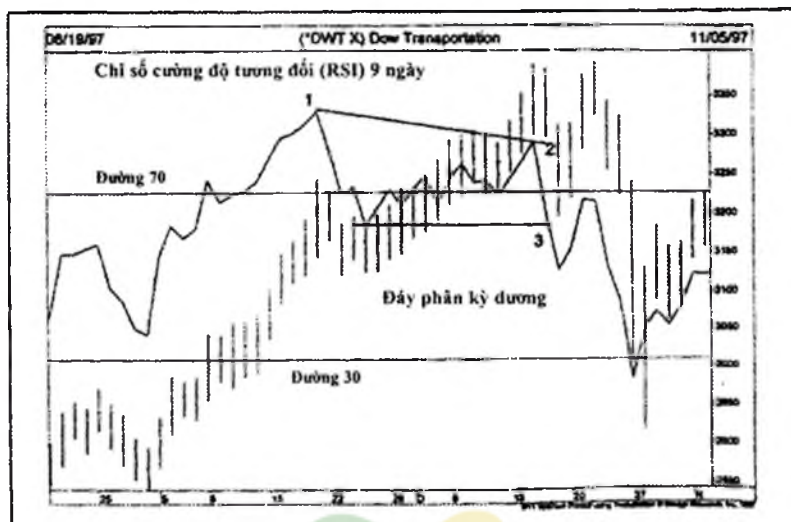
Chỉ số cường độ tương đối được vẽ theo tỷ lệ từ 0 đến 100. Biến động lên trên 70 được xem là mua quá mức, trong khi tình trạng bán quá mức sẽ được hiểu khi chỉ số cường độ tương đối xuống dưới 30. Mức 80 thường trở thành mức mua quá mức trong thị trường tăng và mức 20 là mức bán quá mức trong thị trường giảm.

Phân kỳ âm, theo cách gọi của Wilder, thường xuất hiện khi chỉ số cường độ tương đối cao hơn 70 hoặc dưới 30. *Đỉnh phân kỳ âm* xuất hiện khi một đỉnh của chỉ số cường độ tương đối (trên 70) không thể vượt khỏi đỉnh trước đó trong một xu hướng tăng, theo sau là một cú phá vỡ đi xuống phá vỡ đáy trước đó. Một *đáy phân kỳ âm* xuất hiện khi chỉ số cường độ tương đối ở trong xu hướng giảm (dưới 30), không thể thiết lập ngưỡng thấp mới sẽ tiến lên vượt khỏi đỉnh trước đó. (Xem hình 10.12a-b).

Sự phân kỳ giữa đường chỉ số cường độ tương đối và đường giá, khi chỉ số cường độ tương đối trên 70 hoặc dưới 30, là một cảnh báo quan trọng cần chú ý. Bản thân Wilder xem sự phân kỳ là đặc tính có tính chỉ báo nhất của chỉ số cường độ tương đối [Wilder, trang 70].



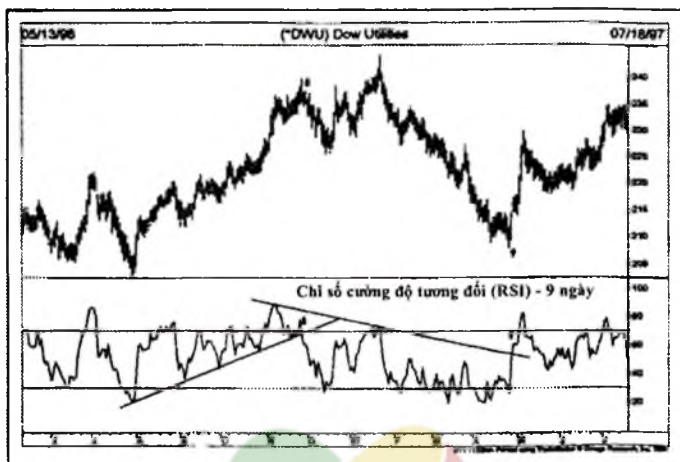
Hình 10.12a Đáy phân kỳ âm trong đường chỉ số cường độ tương đối. Đáy chỉ số cường độ tương đối thứ hai (điểm 2) cao hơn đáy thứ nhất (điểm 1) mặc dù nó thấp hơn 30 và giá vẫn đang giảm. Cú phá vỡ hướng lên của đỉnh chỉ số cường độ tương đối (điểm 3) báo hiệu sự xuất hiện một đáy.



Hình 10.12b Đáy phân kỳ dương trong đường chỉ số cường độ tương đối. Đáy chỉ số cường độ tương đối thứ hai (điểm 2) thấp hơn đáy thứ nhất (điểm 1) mặc dù nó thấp hơn 30 và giá vẫn đang tăng. Cú phá vỡ hướng xuống của đỉnh chỉ số cường độ tương đối (điểm 3) báo hiệu sự xuất hiện một đỉnh.

Phân tích đường xu hướng được áp dụng để phát hiện sự thay đổi trong xu hướng của chỉ số cường độ tương đối. Đường trung bình di động cũng có thể được sử dụng cho mục đích trên. (Xem hình 10.13).

Qua kinh nghiệm bản thân về chỉ báo dao động chỉ số cường độ tương đối, tôi có thể nói rằng, giá trị lớn nhất của nó nằm ở phân kỳ âm hay sự phân kỳ xuất hiện khi chỉ số cường độ tương đối trên 70 hoặc dưới 30. Hãy cùng làm sáng tỏ một điểm quan trọng khác trong cách sử dụng chỉ báo dao động. Bất kỳ một xu hướng mạnh mẽ nào, có thể là tăng hay giảm, cũng thường tạo ra một chỉ báo dao động đặc biệt trước khi kéo dài quá xa. Trong những trường hợp này, thị trường mua quá mức hoặc bán quá mức thường xuất hiện sớm và có thể dẫn đến khả năng thoát khỏi xu hướng sinh lãi. Trong một xu hướng tăng mạnh mẽ, thị trường mua quá mức duy trì trong một thời gian, chỉ bởi vì chỉ báo dao động đã di chuyển vào vùng bên trên không đủ lý do để thanh toán một vị thế mua (hay thậm chí là bán trong xu hướng tăng mạnh.)



Hình 10.13 Đường xu hướng hoạt động rất hiệu quả trên đường chỉ số cường độ tương đối. Sự phá vỡ hai đường xu hướng chỉ số cường độ tương đối tạo ra tín hiệu mua và bán kịp thời trên đồ thị này (xem mũi tên).

Sự di chuyển đầu tiên vào vùng mua quá mức hay bán quá mức thường chỉ là một cảnh báo. Tín hiệu cần phải chú ý là sự dịch chuyển lần thứ hai của chỉ báo dao động vào vùng *nguy hiểm*. Nếu sự dịch chuyển lần thứ hai không thể xác nhận được ngưỡng cao hoặc ngưỡng thấp mới (hình thành hai đỉnh hoặc hai đáy của chỉ báo dao động), sự phân kỳ có khả năng xảy ra. Tại điểm đó, hành động phòng thủ có thể được thực hiện để bảo toàn vị thế hiện tại. Nếu chỉ báo dao động di chuyển theo hướng ngược lại, sự phá vỡ ngưỡng cao hoặc thấp trước đó sẽ khẳng định sự phân kỳ âm.

Mức 50 trong chỉ số cường độ tương đối là giá trị trung bình, và thường là ngưỡng hỗ trợ trong thời gian suy giảm và ngưỡng kháng cự trong giai đoạn hồi phục. Một số nhà giao dịch xem sự giao nhau của đường chỉ số cường độ tương đối lên trên hoặc xuống dưới mức 50 như là tín hiệu mua và bán tương ứng.

SỬ DỤNG ĐƯỜNG 70 VÀ 30 ĐỂ TẠO RA TÍN HIỆU

Có hai đường nằm ngang trên đồ thị chỉ báo dao động tại mức 30 và 70. Nhà giao dịch thường sử dụng những đường này để nhận biết tín hiệu mua và bán. Chúng ta đã biết rằng sự dịch chuyển xuống dưới 30 cảnh báo tình trạng bán quá mức. Giả sử nhà giao dịch cho rằng một thị trường sắp chạm đáy và họ đang tìm kiếm một cơ hội mua. Họ sẽ chờ đợi chỉ báo dao động rút xuống dưới 30. Một số dạng phân kỳ hoặc hai đáy có thể tiến triển trong chỉ báo dao động tại khu vực bán quá mức. Nếu chỉ báo dao động cắt đường 30 tại khu vực đó lên phía trên sẽ được nhiều nhà giao dịch xem như một sự xác nhận rằng xu hướng của chỉ báo dao động đã quay đầu tăng. Vì vậy, trong một thị trường mua quá mức, sự quay đầu giao nhau xuống dưới đường 70 thường được sử dụng như một tín hiệu bán. (Xem hình 10.14)



Hình 10.14 Chỉ báo dao động RSI trên đồ thị hàng tháng. Lưu ý hai tín hiệu mua trong thị trường bán quá mức năm 1974 và 1994. Đỉnh mua quá mức của đường chỉ số cường độ tương đối đã hoạt động hiệu quả trong việc nhận định các đỉnh quan trọng.

CHỈ BÁO DAO ĐỘNG STOCHASTICS (K%D)

Chỉ báo dao động *stochastic* được phổ biến bởi Geogre Lane (Chủ tịch Công ty Investment Educators, Inc., Watseka, IL). Khái niệm này được dựa trên quan sát rằng khi giá tăng, giá đóng cửa có xu hướng tiến sát biên bên trên của một biên độ giá. Ngược lại, trong một xu hướng giảm, giá đóng cửa có xu hướng tiến gần biên bên dưới của một biên độ giá. Mỗi chỉ báo Stochastic sử dụng hai đường %K và %D. Đường %D quan trọng hơn và là đường sản sinh ra những tín hiệu chính.

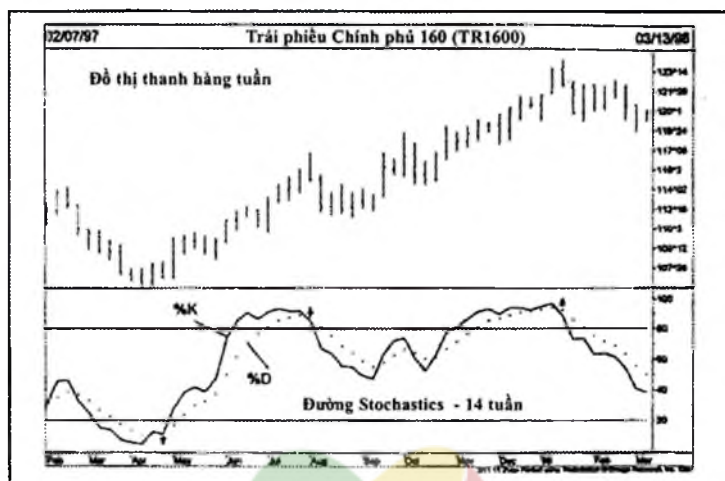
Mục đích của chỉ báo này là để xác định được đâu là mức giá đóng cửa mới nhất trong biên độ giá của quãng thời gian đã chọn. 14 là giai đoạn phổ biến nhất trong dạng chỉ báo dao động này. Để xác định được đường K, là đường có tính nhạy cảm cao hơn trong hai đường, ta có công thức như sau:

$$\%K = 100 [(C-L14)/(H14 - L14)]$$

Trong đó, C là giá đóng cửa gần nhất, L14 là ngưỡng thấp nhất trong giai đoạn 14, H14 là ngưỡng cao nhất trong giai đoạn 14 đó (14 ở đây có thể là ngày, tuần và tháng).

Công thức này đo lường trên cơ sở phần trăm từ 0 đến 100 với giá đóng cửa thuộc tổng biên độ giá trong quãng thời gian đã chọn. Một con số quá cao (trên 80) sẽ đặt giá đóng cửa gần đỉnh biên độ, trong khi con số thấp (dưới 20) đặt gần đáy biên độ.

Đường thứ hai (%D) là đường trung bình ba giai đoạn của đường %K. Công thức này tạo ra một phiên bản được gọi là đường stochastic *nhẹ*. Bằng cách lấy một giá trị trung bình ba giai đoạn khác của đường %D, một phiên bản nặng hơn được gọi là đường stochastic *chậm* sẽ xuất hiện. Đa số nhà giao dịch sử dụng đường stochastic *chậm* do những tín hiệu đáng tin cậy hơn. (Chỉ báo dao động chậm tạo ra ba đường. Chỉ báo dao động Stochastic nhẹ sử dụng hai đường đầu tiên. Chỉ báo dao động Stochastic chậm sử dụng hai đường sau).

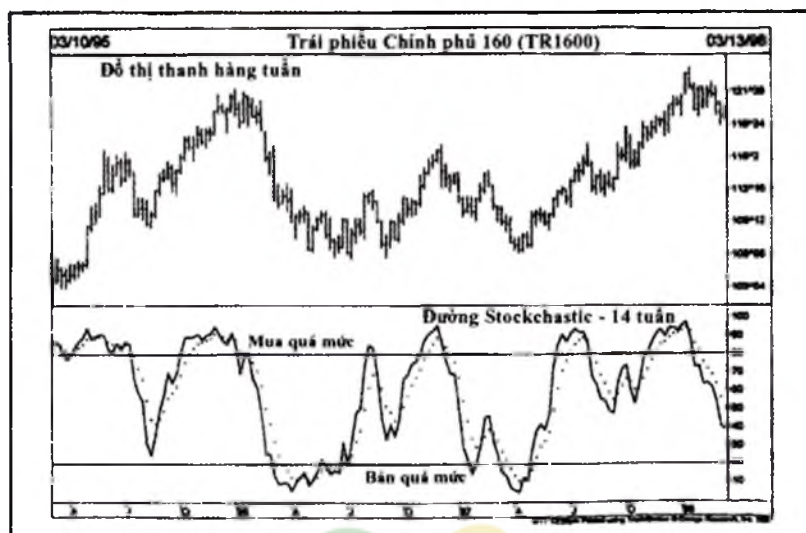


Hình 10.15 Mũi tên đi xuống thể hiện hai tín hiệu bán xuất hiện khi đường %K nhanh giao nhau xuống bên dưới đường %D chậm từ mức trên 80. Đường %K giao lên trên đường %D nằm dưới 20 là một tín hiệu mua (mũi tên hướng lên).

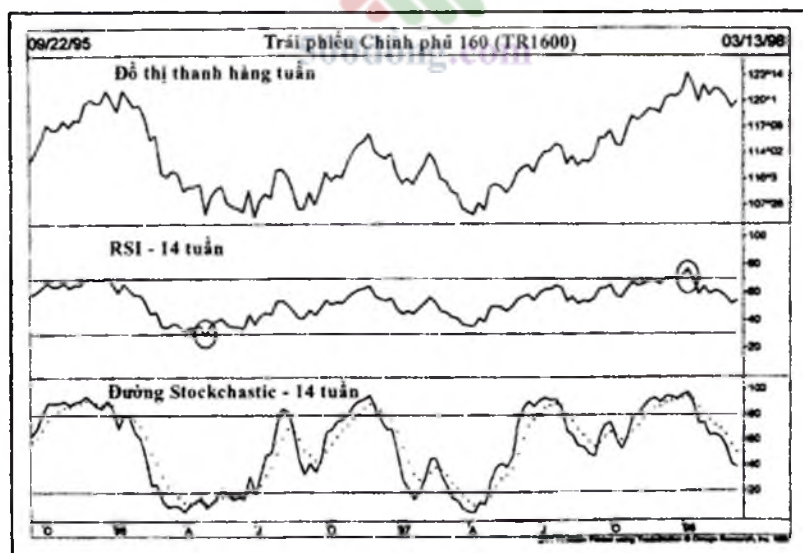
Những công thức này tạo ra hai đường dao động theo tỷ lệ từ 0 đến 100. Đường K là đường nhanh hơn, trong khi đường D lại chậm hơn. Tín hiệu chính cần chờ đợi là sự phân kỳ giữa đường D và đường giá của thị trường cơ bản khi đường D ở trong khu vực mua quá mức hoặc bán quá mức. Điểm cực trên và dưới nằm tại 80 và 20. (Xem hình 10.15).

Sự phân kỳ giảm xuất hiện khi đường D ở trên 80 và hình thành hai đỉnh giảm dần trong khi giá vẫn tiếp tục tăng. Phân kỳ tăng xuất hiện khi đường D ở dưới 20 và hình thành hai đáy tăng trong khi giá tiếp tục giảm. Giả sử tất cả những yếu tố này đều hiện diện, tín hiệu mua và bán xuất hiện khi đường K nhanh cắt đường D chậm.

Có những cách khác trong việc sử dụng đường stochastic được chọn lọc nhưng ta chỉ nhắc đến những điểm then chốt hơn. Cho dù mức độ cao hơn về sự phức tạp có hiện diện thì việc diễn giải vẫn như vậy. Một cảnh báo xuất hiện khi đường %D đạt cực điểm và phân kỳ so với động thái giá. Tín hiệu thực sự xuất hiện khi đường D cắt đường K nhanh.



Hình 10.16 Sự chuyển biến trong chỉ báo Stochastic 14 tuần từ mức trên 80 và dưới 20 đã thể hiện khả năng dự đoán chuyển biến chính trong thị trường Tráiphieu Chinh phu. Đồ thị Stochastic có thể được định cho khoảng thời gian 14 ngày, 14 tuần hoặc 14 tháng.



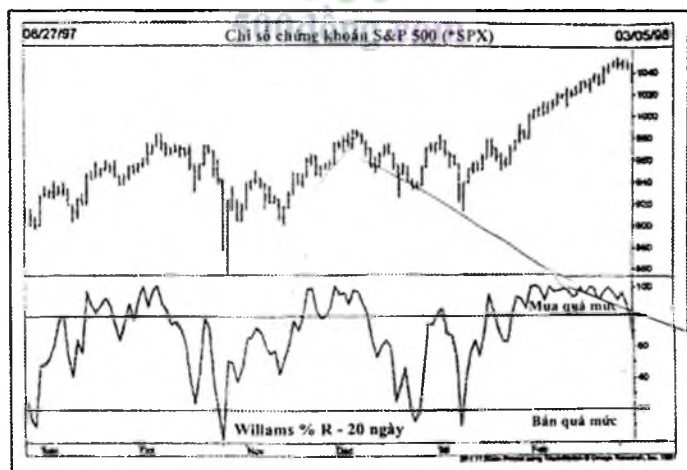
Hình 10.17 Sự so sánh giữa chỉ số cường độ tương đối và đường chỉ báo dao động Stochastic 14 tuần. Đường RSI dao động ít hơn và hiếm khi chạm điểm cực so với đường chỉ báo dao động Stochastic. Tín hiệu tốt nhất xuất hiện khi cả hai chỉ số dao động đều trong khu vực mua quá mức hoặc bán quá mức.

Chỉ báo dao động stochastic có thể được sử dụng trên đồ thị hàng tuần và hàng tháng để quan sát biên độ dài hạn. Nó còn được sử dụng rất hiệu quả trong đồ thị hàng ngày cho các giao dịch ngắn hạn. (Xem hình 10.16)

Có một cách kết hợp đường Stochastic hàng ngày và hàng tuần là sử dụng tín hiệu hàng tuần để xác định hướng phát triển của thị trường và tín hiệu hàng ngày để xác định thời điểm. Việc kết hợp đường Stochastic với chỉ số cường độ tương đối là một ý tưởng hay. (Xem hình 10.17).

ĐƯỜNG %R CỦA LARRY WILLIAM

Đường %R của Larry William được dựa trên một khái niệm căn bản về đo lường mức đóng cửa mới nhất trong biên độ giá của một số ngày cho sẵn. Lấy giá cao nhất trong biên độ của số ngày cho sẵn trừ cho giá đóng cửa của ngày hôm nay rồi lấy tổng biên độ của giai đoạn đó chia cho hiệu có được. Những khái niệm dùng trong diễn giải chỉ báo dao động cũng được áp dụng cho %R, trong đó yếu tố chính là sự phân kỳ xuất



Hình 10.18 Chỉ báo Larry William %R được sử dụng như những chỉ báo khác. Con số trên 80 hoặc dưới 20 xác định những điểm cực thị trường.

hiện tại khu vực mua quá mức hoặc bán quá mức. (Xem hình 10.18). Vì ta lấy ngưỡng cao nhất trừ đi %R, chỉ báo dao động Stochastic trông giống như bị lật ngược. Để giải quyết vấn đề này, các gói đồ thị đều cung cấp cách vẽ một phiên bản %R đảo ngược.

Lựa chọn khoảng thời gian thích hợp với chu kỳ

Chiều dài của chỉ báo dao động có thể tương thích với chu kỳ thị trường. Ta sử dụng khoảng thời gian bằng $\frac{1}{2}$ chiều dài chu kỳ. Khoảng thời gian sử dụng phổ biến là 5, 10 và 20 ngày dựa trên quãng thời gian trên lịch là 14, 28 và 56 ngày. Chỉ số cường độ tương đối của Wilder sử dụng 14 ngày, là phân nửa của 28 ngày. Trong chương trước, chúng ta đã thảo luận một số lý do tại sao số 5, 10 và 20 tiếp tục xuất hiện bất ngờ trong công thức đường trung bình di động và chỉ báo dao động, vì thế chúng ta sẽ không nhắc lại nữa. Chỉ cần đề cập con số 28 ngày theo lịch (là 20 ngày giao dịch) - con số thể hiện chu kỳ giao dịch tháng phổ biến và những con số khác có liên hệ một cách hài hòa đến những chu kỳ tháng khác. Tính phổ biến của đường xung lượng 10 ngày và chiều dài của chỉ số cường độ tương đối 14 ngày phần lớn bắt nguồn từ chu kỳ giao dịch 28 ngày và việc tính $\frac{1}{2}$ giá trị của chu kỳ giao dịch phổ biến đó. Chúng ta sẽ quay lại ý nghĩa của chu kỳ trong Chương 14.

TẦM QUAN TRỌNG CỦA XU HƯỚNG

Trong chương này, chúng ta sẽ thảo luận về việc sử dụng của chỉ báo dao động trong phân tích thị trường nhằm xác định các điều kiện mua và bán quá mức ngắn hạn, và cảnh báo nhà giao dịch về khả năng xảy ra sự phân kỳ. Chúng ta đã khởi động với đường xung lượng và cũng đã thảo luận về phương pháp khác trong việc đo lường tốc độ biến thiên (ROC) bằng cách sử dụng hệ số giả thay cho sự chênh lệch. Sau đó chúng ta cũng đã chỉ ra cách so sánh hai đường trung bình di động để định vị các điểm cực và giao điểm ngắn hạn. Cuối cùng, chúng ta cũng đã xem xét chỉ số cường độ tương đối và chỉ báo dao động Stochastic cũng như các cách thức tùy biến thích hợp của chỉ báo dao động đối với chu kỳ.

Việc phân tích sự phân kỳ tạo ra cho chúng ta giá trị lớn nhất của chỉ báo dao động. Tuy nhiên, bạn đọc không nên xem trọng quá mức ý nghĩa của phân tích chu kỳ mà bỏ qua hay xem nhẹ phân tích cơ bản. Những tín hiệu mua trong chỉ báo dao động có hiệu quả nhất trong xu hướng tăng và tín hiệu bán của chỉ báo dao động tốt nhất trong xu hướng giảm. Phân tích thị trường luôn luôn phải bắt đầu bằng việc xác định xu hướng chung của thị trường. Nếu xu hướng tăng, ta nên sử dụng chiến thuật mua. Chỉ báo dao động sau đó có thể được sử dụng để xác định thời điểm gia nhập thị trường. Hãy mua khi thị trường ở tình trạng bán quá mức trong xu hướng tăng. Hãy bán khống khi thị trường ở tình trạng mua quá mức trong một xu hướng giảm. Hoặc bạn nên mua khi chỉ báo xung lượng băng lên trên đường số 0 trong xu hướng tăng và bán khi đường này băng xuống dưới đường số 0 trong thị trường giảm.

Tầm quan trọng của việc giao dịch theo chiều hướng của xu hướng chính không thể được phóng đại quá mức. Việc xem trọng quá mức chỉ báo dao động nguy hiểm ở chỗ sự phân kỳ được sử dụng như một nguyên cớ để bắt đầu những giao dịch đối lập với xu hướng chung. Hành động này sẽ gây kèm chi phí cũng như công sức. Chỉ báo dao động chỉ là một trong nhiều công cụ và luôn luôn được sử dụng để hỗ trợ chứ không phải để thay thế cho phân tích xu hướng cơ bản.

KHI CHỈ BÁO DAO ĐỘNG HỮU HIỆU NHẤT

Có những khoảng thời gian chỉ báo dao động hữu dụng hơn những lúc khác. Trong những giai đoạn thị trường hỗn loạn, khi giá di chuyển đi ngang trong nhiều tuần hoặc nhiều tháng, chỉ báo dao động theo sát biến động giá. Đỉnh và đáy trong đồ thị giá trùng với đa số đỉnh và đáy của chỉ báo dao động. Vì đều đi ngang nên cả giá lẫn chỉ báo dao động trông giống nhau. Tuy nhiên, sự phá vỡ giá diễn ra và xu hướng tăng hoặc giảm bắt đầu tại một điểm nào đó. Chỉ báo dao động rơi vào điểm cực ngay tại thời điểm diễn ra phá vỡ. Nếu sự phá vỡ theo hướng đi lên, chỉ báo dao động sẽ là mua quá mức. Biểu hiện bán quá mức thường đi liền với sự phá vỡ đi xuống. Nhà giao dịch gặp phải một tình thế tiến thoái lưỡng nan. Liệu nhà giao dịch có nên mua tại thời điểm phá vỡ

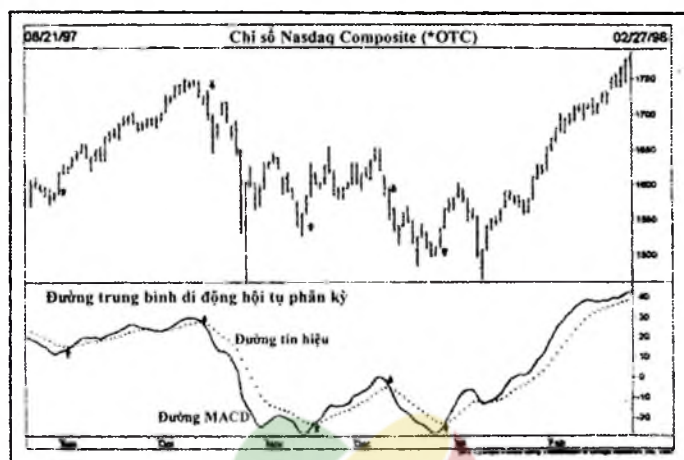
HOC CHUNG KHOAN tại: www.500dong.com / (facebook.com/Ngo500dong)

giá tăng khi chỉ báo dao động ở mức mua quá mức? Và có nên bán ra trong thời điểm phá vỡ đi xuống trong thị trường bán quá mức?

Trong những trường hợp như vậy, nhà giao dịch nên phớt lờ chỉ báo dao động và nắm lấy vị thế. Lý do là trong những thời kỳ đầu của một xu hướng mới, sau một cú phá vỡ quan trọng, chỉ báo dao động thường đạt điểm cực rất nhanh và duy trì ở đó một lúc. Việc phân tích xu hướng cơ bản cần được lưu tâm hơn chỉ báo dao động. Sau đó, khi xu hướng bắt đầu hoàn thiện, chỉ báo dao động sẽ cần thiết hơn. (Chúng ta sẽ thấy trong Chương 13 rằng sóng thứ 5 và là sóng cuối cùng trong phân tích sóng Elliott thường được xác nhận bằng sự phân kỳ chỉ báo dao động giảm giá.) Nhiều biến động tăng giá năng động có thể bị bỏ lỡ vì nhà giao dịch đã nhìn thấy dấu hiệu xu hướng chính nhưng lại quyết định chờ đợi sự dịch chuyển của chỉ báo dao động vào tình trạng bán quá mức trước khi quyết định mua. Tóm lại, hãy ít lưu tâm đến chỉ báo dao động ở những giai đoạn biến động quan trọng ban đầu, nhưng nên chú ý nhiều hơn đến các tín hiệu của chúng khi biến động gần hoàn thiện.

ĐƯỜNG TRUNG BÌNH ĐỘNG HỘI TỤ/PHÂN KỲ (MACD)

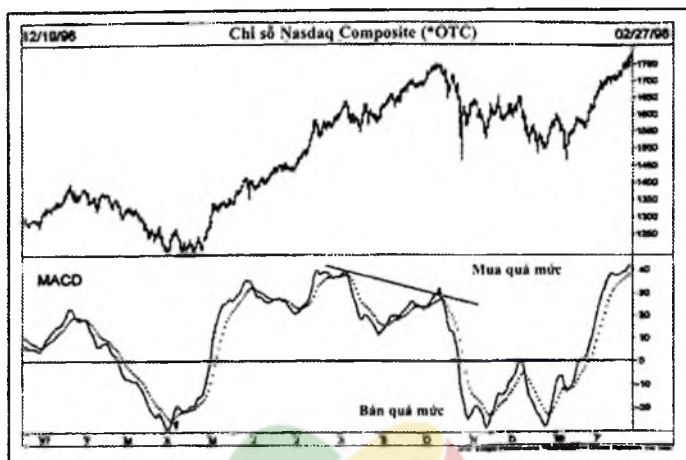
Trong chương trước, chúng ta đã đề cập đến một kỹ thuật chỉ báo dao động sử dụng hai đường trung bình di động hàm mũ và nó sẽ được nói chi tiết ở đây. Chỉ báo đường trung bình di động hội tụ/phân kỳ hay gọi tắt MACD (Moving Average Convergence/Divergence) được phát triển bởi Gerald Appel. Điều khiến chỉ báo này trở nên hữu ích là nó kết hợp một số nguyên tắc của chỉ báo dao động mà chúng ta đã thảo luận với phương pháp giao đôi đường trung bình di động. Bạn sẽ chỉ thấy hai đường trên màn hình máy tính mặc dù trên thực tế có đến ba đường được sử dụng trong tính toán. Đường nhanh (còn được gọi là đường MACD) là sự chênh lệch giữa hai đường trung bình di động của giá đóng cửa hàm mũ nhẵn (thường là 12 ngày hoặc 26 ngày hoặc những tuần gần nhất). Đường chậm hơn (còn được gọi là đường tín hiệu) thường là đường trung bình hàm mũ nhẵn chu kỳ 9 của đường MACD. Ban đầu, Appel đề xuất một tập hợp các con số cho tín hiệu mua và



Hình 10.19a Hệ thống đường trung bình di động hội tụ phân kỳ thể hiện hai đường. Một tín hiệu xuất hiện khi đường MACD cắt đường tín hiệu chậm hơn. Những mũi tên thể hiện 5 tín hiệu giao dịch trên đồ thị chỉ số Nasdaq Composite Index.

những số khác cho tín hiệu bán. Tuy nhiên, đa số các nhà giao dịch lại sử dụng những giá trị mặc định là 12, 26 và 9 trong tất cả các ví dụ. Nó sẽ bao gồm các giá trị hàng ngày và hàng tuần.

Tín hiệu mua và bán thực sự xuất hiện khi hai đường giao nhau. Khi đường MACD nhanh hơn cắt lên trên đường thấp hơn, chúng ta sẽ nhận được tín hiệu mua. Khi đường nhanh hơn cắt xuống dưới đường chậm hơn, ta có tín hiệu bán. Theo cách đó, MACD giống với phương pháp giao đôi đường trung bình di động. Tuy nhiên, giá trị của MACD dao động lên xuống quanh đường số 0. Đó là điểm khiến nó giống một chỉ báo dao động. Một tình trạng mua quá mức xuất hiện khi hai đường ở trên đường số 0 quá xa. Tình trạng bán quá mức xuất hiện khi hai đường nằm dưới đường số 0 quá xa. Tín hiệu mua tốt nhất là khi giá nằm dưới đường số 0 (bán quá mức). Việc cắt đường số 0 lên trên hoặc xuống dưới là cách tạo ra tín hiệu mua và bán khác, tương tự kỹ thuật đường xung lượng đã được đề cập trước đó.



Hình 10.19b Đường MACD dao động quanh đường số 0, thể hiện tính chất của một chỉ báo dao động. Tín hiệu mua tốt nhất xuất hiện bên dưới đường số 0. Tín hiệu bán tốt nhất xuất hiện từ bên trên. Chú ý sự phân kỳ âm diễn ra trong tháng 10 (xem mũi tên hướng xuống).

Sự phân kỳ xảy ra giữa xu hướng của đường MACD và đường giá. Sự phân kỳ âm, hay phân kỳ giảm, tồn tại khi đường MACD ở trên đường số 0 quá xa (mua quá mức) và bắt đầu suy yếu khi giá tiếp tục tăng lên. Đó thường là tín hiệu cảnh báo về sự xuất hiện của đỉnh thị trường. Sự phân kỳ dương, hay phân kỳ tăng, tồn tại khi đường MACD nằm dưới đường số 0 quá xa (bán quá mức) và bắt đầu tăng trước đường giá. Đó thường là tín hiệu sớm sửa cho thấy sự xuất hiện đáy thị trường. Những đường xu hướng đơn được vẽ trên đường MACD sẽ giúp xác định sự thay đổi xu hướng quan trọng. (Xem hình 10.19b.)

BIỂU ĐỒ THỐNG KÊ TẦN SUẤT MACD

Trong phần đầu chương, chúng tôi đã cho bạn thấy cách thiết kế một biểu đồ thống kê tần suất thể hiện chênh lệch giữa hai đường trung bình di động. Bằng việc sử dụng cùng một kỹ thuật, hai đường MACD có thể biến đổi thành một biểu đồ thống kê tần suất MACD. Biểu đồ thống

kê tần suất bao gồm những thanh đứng thể hiện sự chênh lệch giữa hai đường MACD. Biểu đồ thống kê tần suất cũng có đường số 0. Khi các đường MACD ở phần dương (đường nhanh hơn ở trên đường chậm hơn), biểu đồ thống kê tần suất sẽ nằm trên đường số 0 của nó. Sự giao nhau của đồ thị tần suất lên trên hoặc xuống dưới đường số 0 của nó trùng với những điểm giao nhau thực của MACD sẽ tạo ra tín hiệu mua và bán.

Giá trị thực sự của biểu đồ thống kê tần suất nằm ở chỗ nó xác định thời điểm sự chênh lệch giữa hai đường đang gia tăng hoặc thu hẹp. Khi biểu đồ thống kê tần suất ở trên đường số 0 của nó (dương) nhưng bắt đầu rơi về phía đường số 0, xu hướng tăng đang suy yếu. Ngược lại, khi biểu đồ thống kê tần suất nằm bên dưới đường số 0 của nó (âm) và bắt đầu tiến lên về phía đường số 0, xu hướng giảm đang đánh mất xung lượng. Mặc dù không có tín hiệu mua hoặc bán thực sự nào được tạo ra cho đến khi biểu đồ thống kê tần suất cắt đường số 0, nhưng sự chuyển

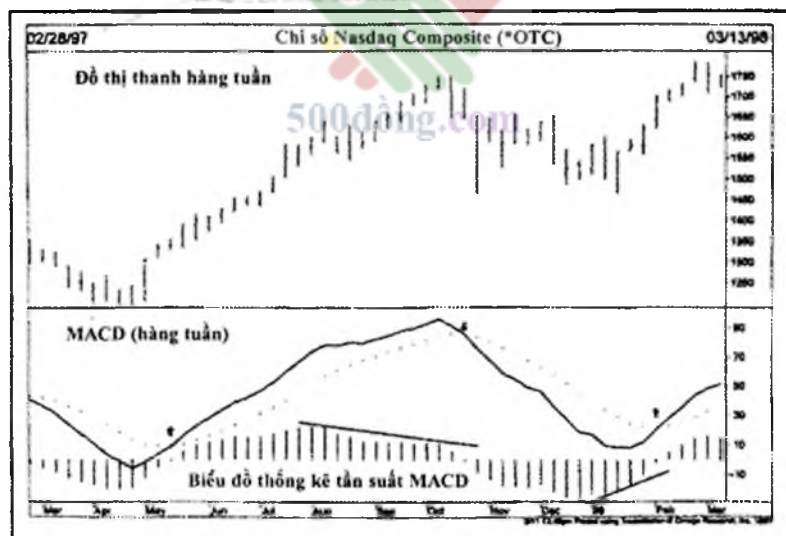


Hình 10.20a Biểu đồ thống kê tần suất MACD vẽ độ chênh lệch giữa hai đường MACD. Tín hiệu được phát ra khi đường số 0 bị cắt. Lưu ý rằng biểu đồ thống kê tần suất chuyển hướng sớm hơn so với tín hiệu giao nhau, tạo ra một số cảnh báo cho nhà giao dịch.

hướng của biểu đồ thống kê tần suất vẫn sẽ cung cấp tín hiệu cảnh báo sớm rằng xu hướng hiện tại đang đánh mất xung lượng. Sự chuyển hướng của biểu đồ thống kê tần suất quay đầu hướng về đường số 0 luôn luôn đi trước tín hiệu giao nhau thực sự. Sự chuyển hướng của biểu đồ thống kê tần suất được sử dụng để nhận định tín hiệu sớm của việc thoát khỏi thị trường từ vị thế hiện tại. Tuy nhiên, rất mạo hiểm nếu sử dụng sự chuyển hướng của biểu đồ thống kê tần suất như một lý do để khởi động vị thế mới ngược với xu hướng nổi bật. (Xem hình 10.20a).

KẾT HỢP ĐỒ THỊ HÀNG TUẦN VÀ HÀNG NGÀY

Cũng giống như tất cả các chỉ báo kỹ thuật, tín hiệu trong đồ thị hàng tuần luôn đóng vai trò quan trọng hơn so với tín hiệu trong đồ thị hàng ngày. Cách kết hợp chúng một cách tốt nhất là sử dụng tín hiệu hàng



Hình 10.20b Biểu đồ thống kê tần suất MACD hoạt động hiệu quả trong đồ thị hàng tuần. Tại đỉnh giữa, biểu đồ thống kê tần suất chuyển hướng đi xuống 10 tuần trước khi có tín hiệu bán (mũi tên hướng xuống). Tại hai điểm chuyển hướng lên, biểu đồ thống kê tần suất tăng 2 và 4 tuần trước khi có tín hiệu mua (mũi tên hướng lên).

tuần để nhận biết chiều hướng của thị trường và tín hiệu hàng ngày để tùy chỉnh các điểm gia nhập và thoát khỏi thị trường. Tín hiệu hàng ngày chỉ xuất hiện khi nó hòa hợp với tín hiệu hàng tuần. Được sử dụng theo cách này, tín hiệu hàng tuần trở thành bộ lọc xu hướng cho các tín hiệu hàng ngày. Nó giúp hạn chế việc sử dụng tín hiệu hàng ngày để giao dịch ngược với xu hướng phổ biến. Hai hệ thống giao nhau mà trong đó nguyên tắc này đặc biệt chính xác là biểu đồ thống kê tần suất MACD và chỉ báo dao động Stochastic. (Xem hình 10.20b)

NGUYÊN TẮC CỦA QUAN ĐIỂM ĐỐI LẬP TRONG THỊ TRƯỜNG TƯƠNG LAI

Phân tích chỉ báo dao động là nghiên cứu về điểm cực thị trường. Một trong những lý thuyết đo lường những điểm cực của thị trường phổ biến nhất bắt nguồn từ đó quan điểm đối lập. Trong phần đầu cuốn sách, hai triết lý căn bản của phân tích thị trường đã được xác định - phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật. Mặc dù được liệt vào nhóm phân tích kỹ thuật nhưng quan điểm đối lập thường được mô tả như một dạng của phân tích tâm lý. Quan điểm đối lập là đặc điểm quan trọng thứ ba của phân tích thị trường - tức là khía cạnh tâm lý - bằng cách xác định mức độ gia tăng hoặc suy giảm lượng người tham gia vào những thị trường tài chính khác nhau.

Nguyên lý của *quan điểm đối lập* là khi đồng ý với một điều gì đó, nhìn chung là phần lớn chúng ta đang sai lầm. Chính vì thế, phía đối lập trước tiên sẽ thử xác định số đông đang làm gì và sau đó sẽ hành động theo hướng ngược lại.

Humphrey B. Neil đã chú trọng đến quan điểm đối lập khi giới thiệu lý thuyết của mình trong cuốn sách phát hành năm 1954 có tựa đề "*The Art of Contrary Thinking*" (*Nghệ thuật tư duy đối nghịch*). Mười năm sau, tức là vào năm 1964, James H. Sibbet bắt đầu áp dụng nguyên lý của Neil vào lĩnh vực giao dịch hàng hóa tương lai bằng cách thành lập Công ty Dịch vụ Tư vấn Market Vane, bao gồm các dữ liệu Bullish Consensus (cuộc thăm dò ý kiến/khảo sát của chuyên gia phân

HOC CHUNG KHOAN tại: www.500dong.com / (facebook.com/Ngo500dong)

tích/chuyên gia tư vấn, thường được thể hiện như một tỷ lệ phần trăm lượng ý kiến của người tham gia giao dịch - ND) (Market Vane, P.O. Box 90490, Pasadena, CA 91109). Cứ mỗi tuần, một kết quả khảo sát được thu thập để xác định được sự gia tăng và suy giảm số chuyên gia giao dịch thị trường tương lai. Mục đích của cuộc khảo sát là xác định số lượng ý kiến thị trường thành một tập hợp các con số có thể được phân tích và sử dụng cho quá trình dự đoán thị trường. Điểm cơ bản của cách tiếp cận này là đa số nhà giao dịch tương lai đều bị tác động bởi các dịch vụ tư vấn thị trường. Bằng cách quan sát quan điểm của những người chuyên nghiệp tham gia thị trường, ta có thể xác định chính xác được hành vi của đại đa số người giao dịch.

Một dịch vụ cung cấp chỉ báo tâm lý thị trường khác là “chỉ số đồng thuận quan điểm thị trường tăng” (Consensus Index of Bullish Market Opinion), được thực hiện bởi *Consensus National Commodity Futures Weekly* (Consensus, Inc., 1735 McGee Street, Kansas City, MO 64108). Những số liệu này được công bố vào thứ Sáu hàng tuần và xem mức 75% là mua quá mức và 25% là bán quá mức.

Diễn giải dữ liệu Bullish Consensus

Đa số các nhà giao dịch áp dụng phương pháp phân tích dữ liệu tuần khá đơn giản. Nếu con số này trên 75%, thị trường được xem là mua quá mức và có nghĩa là đang tiến gần một đỉnh. Một con số dưới 25% được diễn giải là sự cảnh báo về tình trạng bán quá mức và gia tăng khả năng tiến gần một đáy thị trường.

Quan điểm đối lập đo lường cường độ mua hoặc bán còn lại

Hãy xem xét tình huống của một nhà đầu tư cá nhân. Giả sử nhà đầu tư đọc được thông tin và tin rằng thị trường về cơ bản là dịch chuyển theo hướng đi lên. Thị trường càng được dự đoán là tăng giá thì nhà giao dịch càng tích cực tiếp cận thị trường. Tuy nhiên, một khi tiền bạc của nhà đầu tư cá nhân được đổ vào một thị trường cụ thể, anh ta hoặc cô ta đang ở tình trạng mua quá mức - nghĩa là không có thêm nguồn tài chính nào được đổ thêm vào thị trường.

Mở rộng ví dụ sang tất cả những người tham gia thị trường, nếu 80-90% nhà giao dịch thị trường đều đầu cơ giá lên trong một thị trường, điều này có nghĩa là họ đều đã nắm vị thế. Ai là người còn lại thực hiện động thái mua và đẩy thị trường đi lên? Đây là một trong những mấu chốt để thấu hiểu lý thuyết quan điểm đối lập. Nếu số lượng ý kiến áp đảo của các nhà giao dịch thị trường ở về một phía thì áp lực mua hoặc bán còn lại không đủ để tiếp tục xu hướng hiện tại.

Quan điểm đối lập đánh giá được nhà đầu cơ mạnh và yếu

Một đặc điểm thứ hai của triết lý này là khả năng so sánh nhà đầu cơ có năng lực tài chính mạnh so với nhà đầu cơ có năng lực tài chính yếu. Giao dịch tương lai là một trò chơi 5 ăn 5 thua. Đối với một vị thế mua sẽ có một vị thế bán. Nếu 80% nhà giao dịch đều ở vị thế mua, thì 20% còn lại (người nắm giữ vị thế bán) phải huy động đủ vốn để thu thập vị thế mua của 80% kia. Chính vì thế, người bán phải nắm giữ vị thế nhiều hơn người mua. (Trong trường hợp này là 4 so với 1).

Điều này còn có ý nghĩa rằng người mua phải được trang bị vốn tốt và được xem là nhà đầu cơ có năng lực tài chính mạnh. 80% người đang nắm những vị thế nhỏ hơn nhiều, được xem ở thế yếu bị buộc phải thanh toán những vị thế mua tại bất kỳ một điểm chuyển đổi giá đột ngột nào.

Một số đặc điểm khác của dữ liệu Bullish Consensus

Hãy cùng xem xét một vài điểm bổ sung cần lưu ý khi sử dụng dữ liệu này. Tiêu chuẩn hay điểm cân bằng là 55%. Điều này tính đến khuynh hướng tăng một bộ phận cộng đồng. Điểm cực trên được xem là 90% và điểm cực dưới là 20%. Một lần nữa, các con số tăng nhẹ để tính đến một khuynh hướng tăng.

Vị thế đối lập thường có thể được cân nhắc khi Bullish Consensus ở trên 90% hoặc ở dưới 20%. Các con số trên 75% hoặc ở dưới 25% cũng được xem là vùng cảnh báo và cho biết sự chuyển hướng đang ở gần. Tuy nhiên, nhà giao dịch được khuyên là nên chờ đợi sự thay đổi xu

hướng dữ liệu trước khi có hành động ngược lại với xu hướng. Sự thay đổi trong hướng phát triển của Bullish Consensus, đặc biệt là nếu từ một trong những khu vực nguy hiểm, nên được theo dõi sát sao.

Tầm quan trọng của số lượng hợp đồng chưa tất toán (thị trường tương lai)

Số lượng hợp đồng chưa tất toán đóng vai trò quan trọng trong việc sử dụng dữ liệu Bullish Consensus. Nhìn chung, số lượng hợp đồng chưa tất toán càng cao, cơ hội sinh lãi của vị thế đối lập càng cao. Tuy nhiên, không nên nắm vị thế đối lập khi số lượng hợp đồng chưa tất toán vẫn đang tăng. Sự gia tăng số lượng hợp đồng chưa tất toán liên tục làm tăng khả năng tiếp tục của xu hướng hiện tại. Hãy đợi số lượng hợp đồng chưa tất toán bắt đầu giảm tăng hoặc rút xuống trước khi có hành động.

Hãy nghiên cứu báo cáo COT nhằm bảo đảm rằng các nhà đầu tư phòng hộ rủi ro nắm giữ ít hơn 50% số lượng hợp đồng chưa tất toán. Quan điểm đối lập sẽ hiệu quả hơn khi số lượng hợp đồng chưa tất toán được nắm giữ bởi những nhà đầu cơ yếu thế. Không nên giao dịch ngược với hướng quan tâm của các nhà đầu tư phòng hộ rủi ro.

Quan sát phản ứng thị trường đối với thông tin cơ bản

Hãy quan sát thật cận kề phản ứng thị trường đối với thông tin cơ bản. Việc giá không thể phản ứng với thông tin tăng giá trong một khu vực mua quá mức là cảnh báo rõ ràng về sự chuyển hướng sắp xảy ra. Những thông tin bất lợi đầu tiên cũng đủ để đẩy giá đi theo hướng khác một cách nhanh chóng. Nói một cách tương ứng, việc giá không thể phản ứng với thông tin giảm trong khu vực bán quá mức (dưới 25%) có thể được xem như cảnh báo rằng tất cả những tin tức xấu đã được phản ánh qua mức giá thấp hiện tại. Bất kỳ một thông tin tăng giá nào cũng có thể đẩy giá tăng lên.

Kết hợp quan điểm đối lập với những công cụ kỹ thuật khác

Thông thường, hãy giao dịch theo xu hướng của các số liệu đồng thuận cho đến khi chạm điểm cực - là lúc số liệu đồng thuận cho thấy tín hiệu thay đổi xu hướng. Hiển nhiên là các công cụ kỹ thuật chuẩn mực có thể được sử dụng để xác định sự chuyển hướng thị trường tại những thời điểm quyết định. Sự phá vỡ ngưỡng hỗ trợ hay kháng cự, đường xu hướng, hay đường trung bình di động có thể được sử dụng để xác nhận rằng xu hướng đang chuyển biến. Sự phân kỳ trên đồ thị chỉ báo dao động đặc biệt hữu ích khi các con số Bullish Consensus thể hiện mua quá mức hay bán quá mức.

ĐỌC CHỈ SỐ TÂM LÝ NHÀ ĐẦU TƯ

Mỗi cuối tuần, *Barron's* đưa vào Market Laboratory một tập hợp các con số dưới tiêu đề “Các chỉ số tâm lý nhà đầu tư” (Investor Sentiment Readings). Bốn dạng kết quả khác nhau được sử dụng để đo lường mức độ gia tăng hoặc suy giảm trong thị trường chứng khoán. Con số trong tuần gần nhất và giai đoạn hai hoặc ba tuần trước được sử dụng để so sánh. Đây là ví dụ ngẫu nhiên về số liệu tuần cuối cùng. Hãy nhớ rằng những con số này là chỉ báo đối lập. Thị trường tăng quá nhiều thì không tốt, và thị trường giảm quá nhiều thì không xấu.

Chỉ số đánh giá tình hình của nhà đầu tư

Tăng	48%
------	-----

Giảm	27
------	----

<i>Hiệu chỉnh</i>	24
-------------------	----

Chỉ báo đồng thuận

Quan điểm tăng giá	77%
--------------------	-----

Chỉ số AII

(American Association of
Individual Investors 625 N.

Michigan Ave. Chicago, IL 60611)

Tăng	53%
Giảm	13
Trung lập	34
<i>Market Vane</i>	
Bullish Consensus	66%

CÁC DỮ LIỆU ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Hàng tuần, Investor Intelligence (30 Church Street, New Rochelle, NY 10801) thực hiện khảo sát ý kiến từ các chuyên gia tư vấn đầu tư và cung cấp ba dữ liệu - tỷ lệ phần trăm các chuyên gia tư vấn đầu tư đi theo thị trường đầu cơ giá lên, tỷ lệ phần trăm khuyên các chuyên gia tư vấn đầu tư đi theo thị trường đầu cơ giá xuống và tỷ lệ phần trăm nhà giao dịch mong đợi sự hiệu chỉnh của thị trường. Con số tăng giá ở mức trên 55% sẽ cảnh báo về sự lạc quan thái quá và có khả năng mang tính tiêu cực đối với thị trường. Con số giảm giá dưới mức 35% phản ánh sự bi quan thái quá và mang tính tích cực đối với thị trường. Con số hiệu chỉnh thể hiện số lượng nhà giao dịch theo thị trường đầu cơ giá lên nhưng chờ đợi sự suy yếu ngắn hạn.

Investor Intelligence cũng công bố số liệu hàng tuần phục vụ việc đo lường số cổ phiếu chứng khoán đang nằm trên đường trung bình di động 10 tuần và 30 tuần. Những con số này cũng được áp dụng cho lý thuyết quan điểm đối lập. Con số trên 70% chứng tỏ thị trường chứng khoán mua quá mức. Con số dưới 30% là thị trường bán quá mức. Số liệu 10 tuần có ích trong việc đo lường lệnh bán trong thời điểm chuyển hướng thị trường cấp trung. Số liệu 30 tuần thì hữu dụng hơn cho việc đánh giá sự chuyển hướng của thị trường chính. Tín hiệu thực của khả năng thay đổi xu hướng sẽ diễn ra khi con số này tăng ngược lên trên 30 hoặc giảm ngược xuống dưới 70.

CHƯƠNG 11

Vẽ đồ thị điểm và hình

GIỚI THIỆU

Kỹ thuật đầu tiên trong việc xây dựng đồ thị được các nhà giao dịch trên thị trường chứng khoán sử dụng vào thế kỷ trước là đồ thị điểm và hình. Người ta cho rằng cái tên "điểm và hình" có nguồn gốc xuất xứ từ cuốn sách kinh điển của Victor Devilliers được xuất bản vào năm 1933 với tựa đề "*Phương pháp điểm và hình trong việc dự đoán biến động giá chứng khoán*" (*The Point and Figure Method of Anticipating Stock Price Movements*). Trong những năm qua, phương pháp này đã có thêm nhiều tên gọi khác nhau. Vào thập niên 80-90 của thế kỷ 19, nó được biết đến với tên gọi "phương pháp đánh dấu" (book method). Cái tên này cũng được Charles Dow sử dụng trong bài viết trên tờ *The Wall Street Journal* số ra ngày 20 tháng 7 năm 1901.

Dow chỉ ra rằng phương pháp đánh số đã được sử dụng trong khoảng 15 năm kể từ năm 1986. Tên gọi "đồ thị hình" đã được sử dụng từ những năm 20 của thế kỷ 20 cho đến năm 1933 khi "đồ thị điểm và hình" được chính thức chấp nhận như là tên gọi của kỹ thuật theo dõi biến động thị trường. R.D Wyckoff cũng đã công bố một số công trình nghiên cứu về phương pháp điểm và hình vào đầu những năm 30 của thế kỷ 20.

Vào năm 1986, tờ *The Wall Street Journal* bắt đầu đăng những thông tin về đồ thị thanh, gồm giá cao nhất, thấp nhất và giá đóng cửa của chứng khoán. Như vậy, có lẽ phương pháp đồ thị điểm và hình đã xuất hiện trước đồ thị thanh ít nhất 10 năm.

Chúng ta sẽ tiếp cận phương pháp đồ thị điểm và hình qua hai bước. Đầu tiên chúng ta sẽ xem xét phương pháp dựa trên những biến động giá trong ngày. Sau đó tôi sẽ chỉ cho các bạn thấy cách tiếp cận đồ thị điểm và hình đơn giản hơn, được vẽ từ những mức giá cao nhất và thấp nhất của một thị trường bất kỳ.

ĐỒ THỊ ĐIỂM VÀ HÌNH TRONG SỰ ĐỐI SẴNH VỚI ĐỒ THỊ THANH

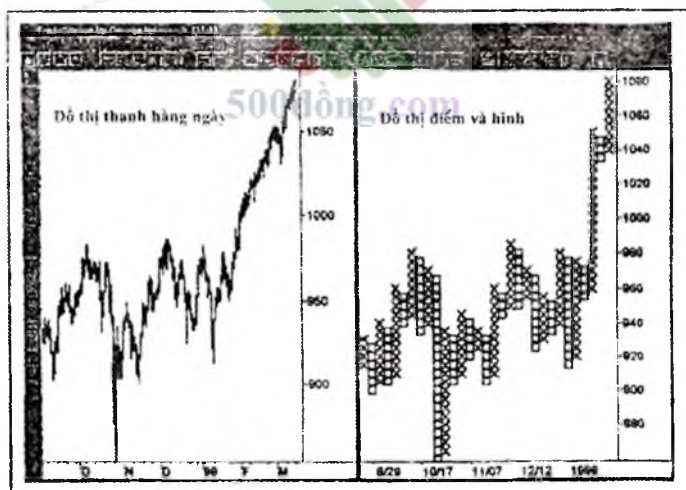
Hãy bắt đầu với một vài điểm khác biệt cơ bản giữa hai loại đồ thị này và xem qua một vài ví dụ.

Đồ thị điểm và hình là việc nghiên cứu sự biến động giá thuần túy. Có nghĩa là chúng ta không sử dụng yếu tố thời gian khi vẽ đường giá. Ngược lại, đồ thị thanh kết hợp cả yếu tố giá và thời gian. Do cách thức thiết kế đồ thị thanh, trục tung là trục thể hiện phạm vi giá và trục hoành thể hiện phạm vi thời gian. Ví dụ, trên đồ thị ngày, mỗi một biến động giá của ngày kế tiếp lần lượt được biểu thị bằng một đoạn hoặc một thanh trên trục hoành theo hướng dẫn về bên phải. Điều này vẫn diễn ra cho dù giá đứng yên hoặc chỉ thay đổi rất ít trong ngày đó. Phải có gì đó được vẽ vào đoạn kế tiếp. Đồ thị điểm và hình chỉ ghi nhận nhưng thay đổi về giá. Trong thời gian thị trường sôi động, một lượng đáng kể đồ thị có thể được yêu cầu. Trong điều kiện thị trường ảm đạm, số lượng đồ thị thường rất ít hoặc thậm chí là không có.

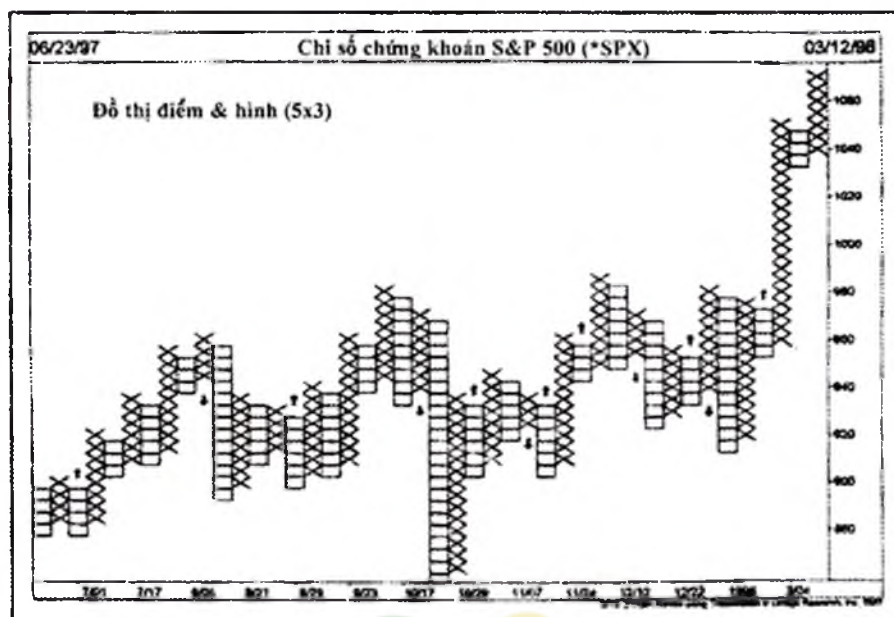
Một điểm khác biệt quan trọng nữa là cách xử lý khối lượng giao dịch. Đồ thị thanh ghi lại những thanh khối lượng giao dịch bên dưới biến động giá của ngày đó. Đồ thị điểm và hình bỏ qua các con số thể hiện khối lượng giao dịch, như là một thực thể riêng biệt. “Như là một thực thể riêng biệt” là một cụm từ rất quan trọng. Mặc dù con số thể

hiện khối lượng giao dịch không được ghi nhận trên đồ thị điểm và hình, nhưng không có nghĩa rằng khối lượng giao dịch hay hoạt động giao dịch hoàn toàn bị thua lỗ. Ngược lại, vì đồ thị điểm và hình ghi nhận tất cả các thay đổi về giá nên khối lượng giao dịch nhiều hơn hay ít hơn đều được phản ánh trong lượng biến đổi về giá được ghi nhận trên đồ thị. Do khối lượng giao dịch là một trong những yếu tố quan trọng dùng để xác định độ vững chắc của ngưỡng kháng cự và ngưỡng hỗ trợ, đồ thị điểm và hình được sử dụng phổ biến hơn trong việc xác định đâu là mức giá mà phần lớn các hoạt động giao dịch diễn ra và đâu là những số liệu kháng cự và hỗ trợ quan trọng nằm tại đâu.

Hình 11.1 so sánh đồ thị thanh và đồ thị điểm và hình trong cùng một khoảng thời gian. Ở một khía cạnh, các đồ thị này trông có vẻ giống nhau, nhưng ở một khía cạnh khác, chúng lại hơi khác biệt. Có thể thấy giá và xu hướng chung đều được thể hiện trên hai đồ thị, nhưng phương pháp ghi nhận giá lại hoàn toàn khác nhau. Hãy nhìn vào hình



Hình 11.1 Sự so sánh đồ thị thanh hàng ngày của Chỉ số S&P 500 (bên trái) và đồ thị điểm và hình (bên phải) trong cùng một khoảng thời gian. Đồ thị điểm và hình dùng những cột x thể hiện giá tăng và cột o cho giá giảm.



Hình 11.2 Tín hiệu mua hiện ra khi một *cột x* vượt lên trên đỉnh của *cột x* trước đó (xem những mũi tên đi lên). Tín hiệu bán hiện ra khi một *cột o* rơi xuống dưới *cột o* trước đó (xem mũi tên đi xuống). Những tín hiệu trên đồ thị điểm và hình hiện lên chính xác hơn.

500dong.com

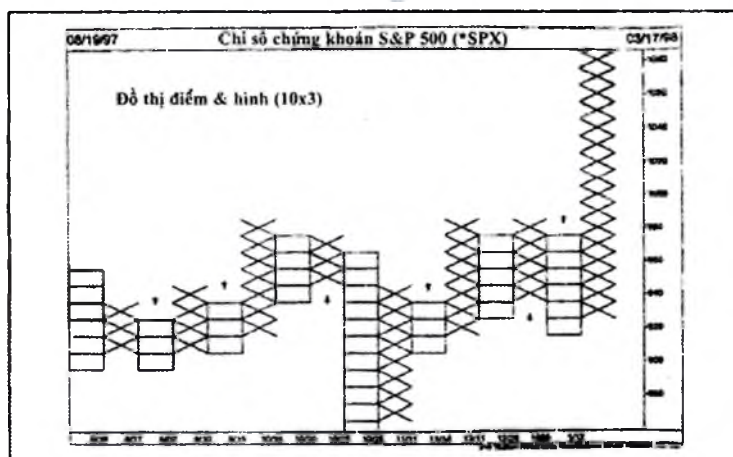
11.2 gồm những *cột x* và *o* xen kẽ nhau. Những *cột x* thể hiện mức giá tăng, *cột o* thể hiện mức giá giảm. Mỗi lần *cột x* dịch chuyển lên trên *cột x* trước đó một ô, sự phá vỡ theo xu hướng giá tăng sẽ xuất hiện. (Xem mũi tên trên hình 11.2)

Một cách tương ứng, khi *cột o* rơi xuống dưới *cột o* trước đó một ô, sự phá vỡ giá giảm sẽ xuất hiện. Hãy lưu ý rằng những điểm phá vỡ này hiện lên rõ ràng hơn so với những điểm phá vỡ trên đồ thị thanh. Dĩ nhiên, những điểm phá vỡ này có thể được sử dụng như tín hiệu mua hoặc bán. Chúng ta sẽ nói nhiều hơn về tín hiệu mua và bán ở những phần sau. Tuy nhiên, những đồ thị trên chứng minh được một trong những ưu điểm của đồ thị điểm và hình là sự chính xác và dễ dàng trong cách nhận diện các tín hiệu của xu hướng.

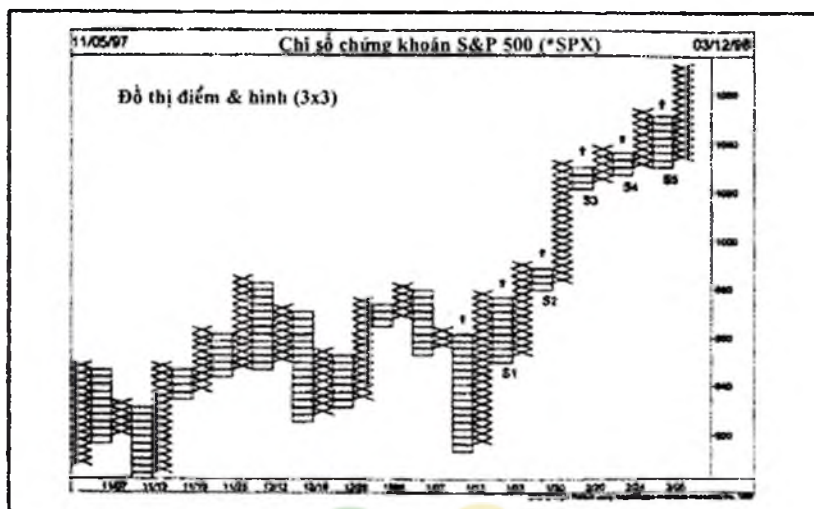
Hình 11.3 và 11.4 cho thấy một ưu điểm lớn khác của đồ thị điểm và hình - đó là tính linh hoạt. Trong khi cả ba đồ thị điểm và hình đều bao gồm cùng một động thái giá, chúng ta cũng có thể khiến cho chúng trông thật khác nhau cho những mục đích khác nhau. Một cách để thay đổi đồ thị điểm và hình là làm đa dạng hóa *tiêu chí đảo chiều* (từ đảo chiều 3 ô đến đảo chiều 5 ô). Số ô cần thiết cho một sự đảo chiều càng lớn thì độ nhạy của đồ thị càng ít.

Cách thứ hai để thay đổi đồ thị là thay đổi *kích thước ô*. Hình 2 sử dụng ô kích thước 5 điểm. Hình 11.3 chuyển kích thước ô từ 5 lên 10 điểm. Số lượng cột giảm từ 44 trong đồ thị 5x3 hình 11.2 xuống còn 16 cột trong hình 11.3. Bằng việc sử dụng kích cỡ ô lớn hơn trong hình 11.3, chỉ có một vài tín hiệu xuất hiện. Điều đó cho phép nhà đầu tư tập trung vào xu hướng thị trường chính bằng việc bỏ qua tất cả các tín hiệu bán ngắn hạn khi đồ thị giảm độ nhạy cảm.

Trong hình 11.4, kích thước ô đã giảm từ 5 xuống 3. Nhờ đó, độ nhạy của đồ thị tăng lên. Vậy tại sao lại có người muốn sử dụng nó?



Hình 11.3 Sự gia tăng kích thước ô từ 5 lên 10 điểm khiến đồ thị ít nhạy hơn và ít tín hiệu xuất hiện hơn. Điều này thích hợp cho nhà đầu tư dài hạn.



Hình 11.4 Sự giảm kích thước ô xuống còn 3 điểm sẽ tạo ra nhiều tín hiệu hơn. Dạng này phù hợp với chiến thuật giao dịch ngắn hạn. Điểm đặt lệnh dừng bán nằm ngay dưới cột o gần nhất (Xem S1-S5).

Bởi vì nó thích hợp với chiến thuật giao dịch ngắn hạn hơn. Hãy so sánh đợt phục hồi gần nhất từ mức 920 lên 1060 trong cả ba đồ thị. Đồ thị 10x3 (hình 11.3) cho thấy cột cuối cùng như là một chuỗi đầu x mà không có một cột o nào. Đồ thị 5x3 (hình 11.2) cho thấy tín hiệu tăng cuối cùng trong 5 cột - 3 cột x và 2 cột o. Đồ thị 3x3 (hình 11.4) đẩy tín hiệu tăng cuối cùng lên 11 cột - 6 cột x và 5 cột o. Khi số lần hiệu chỉnh gia tăng (bằng cách gia tăng số lượng cột o), tín hiệu mua lặp lại nhiều hơn báo hiệu điểm gia nhập thị trường hoặc gia tăng vị thế có lợi. Nó cũng cho phép nhà giao dịch nâng điểm đặt lệnh dừng bán bên dưới những cột o gần nhất. Điều quan trọng là bạn có thể thay đổi cách nhìn nhận đồ thị điểm và hình để điều chỉnh tính nhạy cảm của nó sao cho phù hợp với nhu cầu của mình.

VỀ BIỂU ĐỒ ĐIỂM VÀ HÌNH TRONG NGÀY

Chúng tôi đã nhấn mạnh rằng đồ thị trong ngày là kỹ thuật đầu tiên được các nhà sử dụng đồ thị áp dụng. Kỹ thuật này ban đầu được sử

dụng để theo dõi biến động trên thị trường chứng khoán với mục đích nắm giữ và lưu lại trên giấy từng điểm dịch chuyển giá chứng khoán đang được xem xét. Có vẻ như hoạt động tích lũy (mua vào) và phân phối (bán ra) có thể được phát hiện ra một cách tốt hơn theo cách thức này. Chỉ toàn bộ các con số được sử dụng. Mỗi ô được gắn với giá trị một điểm và mỗi điểm dịch chuyển theo cả hai hướng đều được ghi nhận lại. Các phân số phần lớn đều bị bỏ qua. Khi kỹ thuật này được áp dụng cho các thị trường hàng hóa, giá trị của ô phải được điều chỉnh để thích hợp với mỗi loại thị trường hàng hóa khác nhau. Hãy cùng thiết kế đồ thị hàng ngày bằng cách sử dụng các dữ liệu giá thực thụ.

Những con số dưới đây mô tả 9 ngày giao dịch thực tế trong một hợp đồng tương lai có giá trị tính bằng đồng frăng Thụy Sĩ. Kích thước ô là 5 điểm. Do đó, mỗi vận động tiến 5 điểm về cả hai hướng đều được vẽ lại. Chúng ta sẽ bắt đầu với một đồ thị đảo chiều 1 ô.



4/29 4875 4880 4860 4865 4850 4860 4855
 5/2 4870 4860 4865 4855 4860 4855 4860 4855 4860 4855 4865 4855
 5/3 4870 4865 4870 4860 4865 4860 4870 4865
 5/4 4885 4880 4890 4885 4890 4875
 5/5 4905 4900 4905 4900 4905
 5/6 4885 4900 4890 4930 4920 4930 4925 4930 4925
 5/9 4950 4925 4930 4925 4930 4925 4935 4925 4930 4925 4935 4930 4940 4935
 5/10 4940 4915 4920 4905 4925 4920 4930 4925 4935 4930 4940 4935 4940
 5/11 4935 4950 4945 4930 4935 4940 4935 4945 4940 4965 4960 4965 4955 4960 4955 4965 4960 4970

Hình 11.5a cho thấy cách thức thể hiện những con số trên đồ thị. Hãy bắt đầu từ bên trái của đồ thị. Đầu tiên, đồ thị được chia độ để phản ánh sự gia tăng 5 điểm mỗi ô.

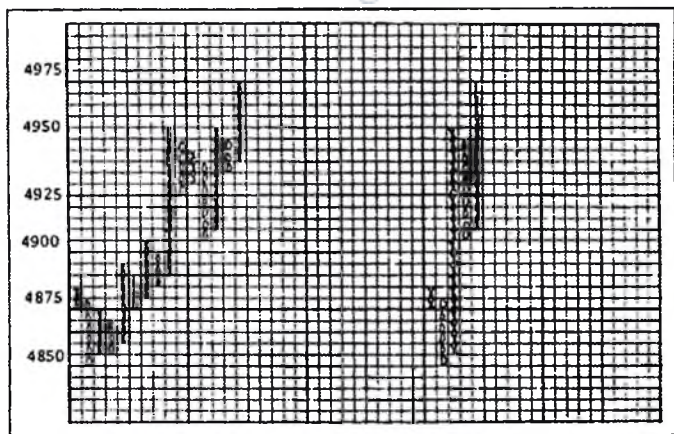
Cột 1: Đặt một dấu chấm tại 4875. Vì số kế tiếp - 4880 - cao hơn nên đánh dấu x vào ô 4880.

Cột 2: Số kế tiếp là 4860. Dịch chuyển 1 cột sang phải, chuyển xuống 1 ô và điền o đến ô 4860.

o trên cột 5. Bạn cần phải có ít nhất hai dấu trong mỗi cột. Do đó, bạn phải điền x đến 4870 (bởi vì giá đang tăng). Nhưng hãy chú ý rằng mức giá đóng cửa của ngày hôm trước bị tô đen. Điều này nhằm giúp bạn theo dõi thời gian. Bằng cách tô đen mức giá đóng cửa mỗi ngày, bạn sẽ thấy rằng việc theo dõi hoạt động giao dịch của mỗi ngày riêng biệt trở nên dễ dàng hơn.

Cứ tiếp tục theo dõi phần còn lại để hiểu rõ hơn quy trình dựng đồ thị. Hãy chú ý rằng đồ thị này có một số cột hiện hữu cả dấu x và o. Trạng thái này sẽ phát triển thành đồ thị đảo chiều một điểm và bắt nguồn từ yêu cầu cần có ít nhất 2 ô trong mỗi cột. Có những bất đồng về việc sử dụng cả cả dấu x và o trong một cột trong cộng đồng những người theo chủ nghĩa thuần túy. Tuy nhiên, kinh nghiệm cho thấy phương pháp vẽ dữ liệu giá này giúp việc theo dõi lệnh giao dịch dễ dàng hơn.

Hình 11.5b có cùng dữ liệu với hình 11.5a và chuyển thành đồ thị đảo chiều 3 ô. Chú ý rằng đồ thị này đã được rút gọn và rất nhiều dữ liệu bị lược bỏ. Hình 11.5c thể hiện một sự đảo chiều 5 ô. Có ba tiêu chuẩn đảo chiều thường được sử dụng - đảo chiều 1,3 và 5 ô. Đảo chiều



Hình 11.5b

Hình 11.5c

1 ô được sử dụng trong những hoạt động rất ngắn hạn, trong khi đảo chiều 3 ô lại được sử dụng trong những hoạt động trung hạn. Do được nén lại nên đảo chiều 5 ô được sử dụng trong việc nghiên cứu những xu hướng dài hạn hơn. Chúng ta nên đi theo một trình tự với việc bắt đầu với đồ thị đảo chiều 1 điểm được thể hiện dưới đây. Đảo chiều 3 hay 5 ô sẽ được xây dựng ngay sau đó trên đồ thị đầu tiên. Với những lý do rõ ràng, một đồ thị đảo chiều 1 điểm không thể được thiết kế từ đồ thị đảo chiều 3 hay 5 ô.

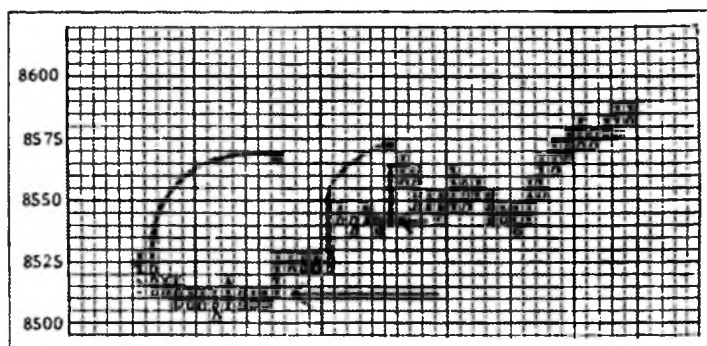
ĐỂM CHIỀU NGANG

Một lợi thế cơ bản của đồ thị đảo chiều 1 ô là khả năng biết được mục tiêu giá bằng cách *đếm chiều ngang*. Nếu bạn nhớ lại những gì chúng ta đã nói về đồ thị thanh và mô hình giá, vấn đề mục tiêu giá đã từng được nhắc đến. Tuy nhiên, hầu như tất cả những phương pháp đạt mục tiêu trong sử dụng đồ thị thanh đều dựa trên phương pháp *đo lường theo chiều dọc*. Có nghĩa là đo chiều cao của mô hình (độ dao động) và đếm khoảng cách đó hướng xuống hoặc hướng lên. Ví dụ, mô hình đầu và vai xác định được khoảng cách từ đầu đến đường viền cổ và dao động đến mục tiêu giá đó tính từ điểm phá vỡ đường viền cổ.

Đồ thị điểm và hình cho phép đo lường theo chiều ngang

Nguyên tắc đo chiều ngang được dựa trên tiền đề cho rằng mối quan hệ trực tiếp giữa chiều rộng của khu vực giằng co giá và sự biến động theo sau một khi sự phá vỡ giá xảy ra. Nếu *khu vực giằng co giá* thể hiện một mô hình gốc, ta có thể đưa ra một số dự ước tính giá tăng khi mô hình gốc đó được hoàn thiện. Khi xu hướng tăng bắt đầu, các khu vực giằng co giá theo sau có thể được sử dụng để xác nhận việc tính toán ban đầu từ mô hình gốc.

Mục đích của việc này là nhằm xác định được chiều rộng của mô hình. Hãy nhớ là chúng ta đang nói đến đồ thị đảo chiều 1 ô trong ngày. Kỹ thuật này đòi hỏi sự điều chỉnh một số dạng đồ thị khác mà chúng ta sẽ nói đến ở phần sau. Một khi khu vực đỉnh hoặc gốc được nhận



Hình 11.6 Bảng việc đếm các cột trong khu vực giằng co giá theo hàng ngang, ta sẽ xác định được mục tiêu giá. Khu vực giằng co giá càng rộng thì mục tiêu càng lớn.

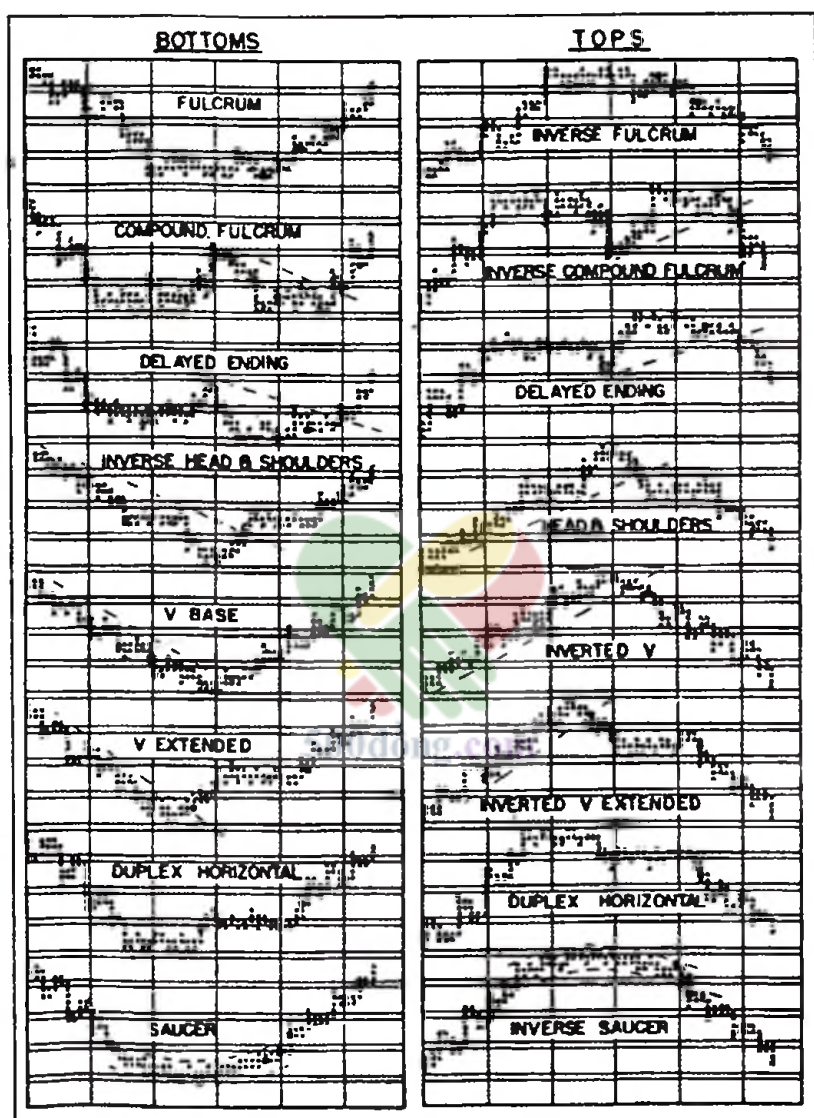
diện, đơn giản là ta sẽ đếm số cột trong đỉnh hoặc gốc đó. Ví dụ, nếu có 20 cột thì mục tiêu tăng hoặc giảm sẽ là 20 ô kể từ điểm đếm. Điều quan trọng là phải xác định được mình sẽ đếm từ đường nào. Đôi khi việc này diễn ra khá dễ dàng nhưng lắm khi cũng khó khăn hơn.

Thông thường, ta đếm đường hàng ngang nằm gần trung tâm khu vực giằng co giá. Một quy luật nghiêm ngặt khác là đếm đường có ít số ô trống nhất, hoặc đường có nhiều dấu x hoặc o nhất. Một khi bạn tìm được đường chính xác để bắt đầu đếm, nhất định phải đếm hết tất cả các cột, thậm chí cả những cột trống. Hãy đếm số cột trong khu vực giằng co giá và tính khoảng cách đó từ đường đếm lên trên hoặc xuống dưới.

CÁC MÔ HÌNH GIÁ

Đồ thị điểm và hình cũng cho phép nhận diện mô hình. Hình 11.7 cho thấy những dạng mô hình giá phổ biến nhất.

Như bạn có thể thấy thì chúng không khác biệt nhiều so với những dạng mô hình được thảo luận về đồ thị thanh. Hầu như các mô hình là biến thể của đáy và hai đỉnh và ba đỉnh, đầu và vai, V và V đảo chiều, HOC CHUNG KHOAN tại: www.500dong.com / (facebook.com/Ngo500dong)



Hình 11.7 Các mô hình đảo chiều. (Nguồn: Alexander H. Wheelan, Trong cuốn Trợ giúp nghiên cứu kỹ thuật xây dựng đồ thị điểm và hình [New York, NY: Morgan, Rogers và Roberts, Inc., 1954] trang 25) Tài bản năm 1990 bởi nhà xuất bản Traders Press, P.O. Box 620, Greenville, SC 29606.]

hình đĩa. Thuật ngữ “trục bản lề” cũng được nhắc đến trong tài liệu về đồ thị điểm và hình. Về bản chất, trục bản lề là một khu vực giằng co giá được xác định rõ, xuất hiện sau một đợt gia tăng hoặc suy giảm đáng kể, giúp hình thành một gốc tích lũy hoặc một đỉnh phân phối. Ví dụ trong một gốc, đáy của khu vực giằng co phải chịu thử nghiệm nhiều lần, đôi khi bị gián đoạn bởi những nỗ lực hồi phục. Trục bản lề rất thường xuất hiện với hình dạng của hai đáy hoặc ba đáy. Mô hình gốc sẽ được hoàn thiện khi sự phá vỡ xuất hiện (vượt lên) trên đỉnh của khu vực giằng co giá.

Những mô hình đảo chiều này với các biên độ theo chiều ngang rõ ràng là thích ứng với phương pháp đo lường. Ngược lại, vì không có trục giá nằm ngang nên gốc chữ V sẽ không được dùng để đo chiều ngang. Những ô được bôi đen trong các ví dụ hình 11.7 biểu thị những điểm đề nghị mua và bán. Hãy chú ý rằng những điểm thể hiện sự gia nhập thị trường thường xuất hiện đồng thời với việc tái thử nghiệm những vùng hỗ trợ trong một gốc hay khu vực kháng cự trong một đỉnh, điểm phá vỡ và sự phá vỡ đường xu hướng

Phân tích xu hướng và các đường xu hướng

Những mô hình giá trong hình 11.7 cho thấy đường xu hướng được vẽ như một phần của các mô hình này. Việc phân tích đường xu hướng trên đồ thị trong ngày cũng tương tự như phân tích được áp dụng cho các đồ thị thanh. Đường xu hướng tăng được vẽ từ các đáy liên tiếp và đường xu hướng giảm được vẽ từ những đỉnh liên tiếp. Điều này không đúng với đồ thị điểm và hình đã được đơn giản hóa mà chúng ta sẽ nói tới sau đây. Thay vào đó, nó sử dụng đường 45 độ với một cách vẽ khác.

VỀ ĐỒ THỊ ĐIỂM VÀ HÌNH ĐẢO CHIỀU 3 Ô

Vào năm 1947, một cuốn sách về đồ thị điểm và hình được viết bởi A.W.Cohen có tựa đề “Xác định thời điểm trong thị trường chứng khoán” (Stock Market Timing). Một năm sau đó, khi *Chartcraft Weekly Services* ra đời, tên cuốn sách được đổi thành “Thủ thuật sử dụng đồ thị

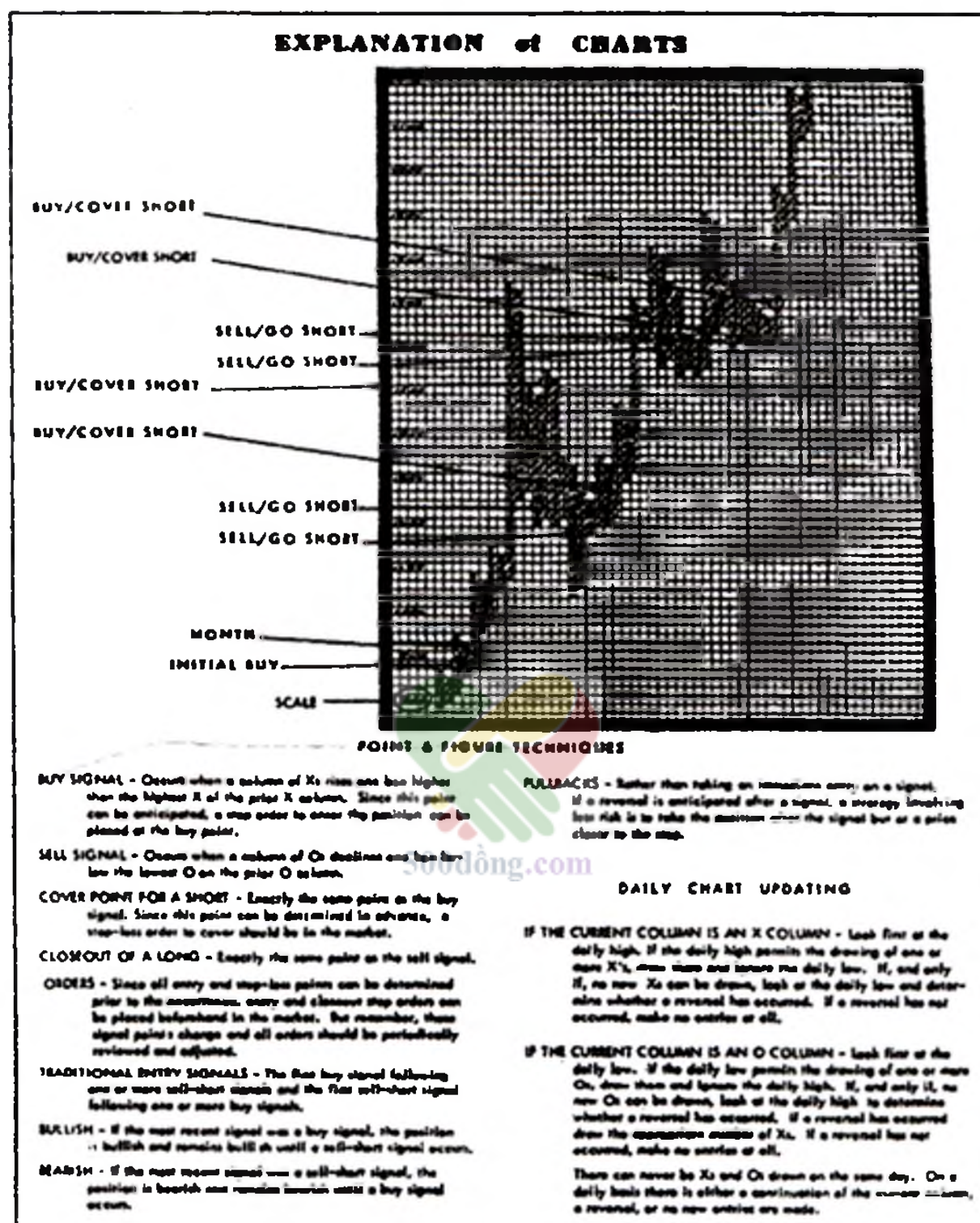
điểm và hình trong giao dịch" (*The Chartcraft Method of Point & Figure Trading*). Một số ấn bản có sửa đổi đã được xuất bản kể từ thời điểm này bao gồm cả thị trường hàng hóa lẫn quyền chọn. Năm 1990, Micheal Burke viết cuốn "*Hướng dẫn cách xây dựng và hình thành đồ thị điểm và hình đảo chiều 3 ô*" (*The All New Guide to the Three-Point Reversal Method of Point & Figure Construction and Formations*) (Chartcraft, New Rochelle, NY).

Cách vẽ đồ thị trong phương pháp đảo chiều 1 ô nguyên thủy đòi hỏi phải có giá trong ngày. Đảo chiều 3 ô được rút gọn từ đảo chiều 1 ô và sử dụng cho phân tích xu hướng trung gian. Cohen cho rằng vì có quá ít đảo chiều 3 ô xuất hiện trong ngày giao dịch nên không cần sử dụng giá trong ngày để xây dựng đồ thị đảo chiều 3 ô. Vì vậy mà ông quyết định chỉ sử dụng những mức giá cao nhất và thấp nhất trong ngày - những yếu tố có sẵn trong phần lớn các tờ báo tài chính. Kỹ thuật đã được điều chỉnh này - kỹ thuật được coi là nền tảng của dịch vụ Chartcraft - đã đơn giản hóa cách xây dựng đồ thị điểm và hình để giúp các nhà giao dịch trung bình có thể tiếp cận được.

DỤNG BIỂU ĐỒ ĐẢO CHIỀU 3 ĐIỂM

Cách vẽ dạng đồ thị này tương đối đơn giản. Đầu tiên, đồ thị có tỷ lệ như đồ thị hàng ngày. Mỗi ô phải được gắn với một giá trị. Những công việc này được thực hiện nếu nhà giao dịch đăng ký thuê bao sử dụng dịch vụ *Chartcraft*, trong đó các đồ thị đã được dựng sẵn và các giá trị trong ô đã được ấn định. Đồ thị này mô tả một loạt cột xen kẽ với cột x thể hiện sự gia tăng về giá và cột o thể hiện sự suy giảm giá. (Xem hình 11.8)

Việc dựng đồ thị cột x và o đòi hỏi phải có những mức giá cao nhất và thấp nhất trong ngày. Nếu cột cuối cùng là một cột x (biểu thị giá tăng), hãy nhìn mức cao nhất của ngày đó. Nếu mức cao của ngày cho phép đánh một hoặc nhiều dấu x thì hãy điền vào những ô này và dừng lại. Cả ngày hôm đó chỉ làm như vậy thôi. Hãy nhớ là tất cả các ô phải được đánh giá trị nguyên. Các phân số không được tính. Ngày hôm sau



Hình 11.8 Nguồn: Courtesy of Chartcraft, Inc., New Rochelle, NY

ta lặp lại những bước trên, chỉ chú ý những mức giá cao nhất. Chừng nào giá còn tăng ngay cả khi chỉ có thể đánh thêm một dấu x thì vẫn tiếp tục điền x vào các ô mà không cần quan tâm đến những mức giá thấp.

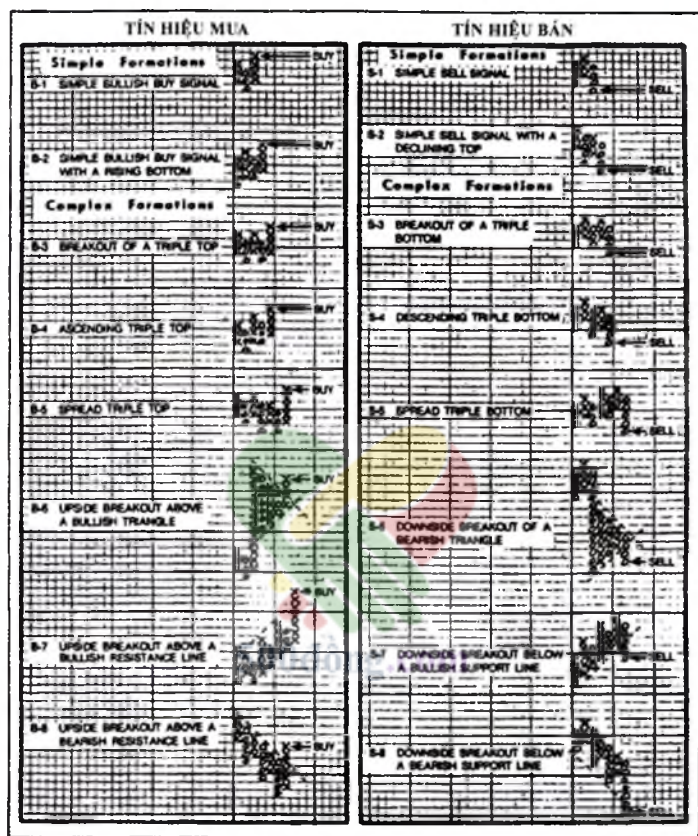
Ta dùng đánh dấu vào ngày đó khi mức giá cao nhất không đủ cao để đánh dấu x vào ô kế tiếp. Tại điểm đó, hãy nhìn mức giá thấp nhất và xác định xem có phải đảo chiều 3 ô đã diễn ra theo hướng khác hay không. Nếu đúng, ta chuyển sang phải một cột, xuống dưới 1 ô và điền o vào 3 ô kế tiếp để biểu thị một cột giảm. Do bạn đang có một cột giảm, ngày kế tiếp hãy tham khảo mức giá thấp nhất để xem liệu có tiếp tục những cột o hay không. Nếu có thể đánh thêm một hay nhiều dấu o. Chỉ khi mức thấp nhất ngày không cho phép điền thêm dấu o nào nữa thì hãy nhìn vào mức cao nhất ngày để xem liệu đảo chiều 3 ô tăng giá có xảy ra hay không. Nếu có, hãy chuyển sang phải một cột và bắt đầu một cột x mới.

Các mô hình đồ thị

Hình 11.9 cho thấy 16 mô hình giá phổ biến của đồ thị điểm và hình - 8 tín hiệu mua và 8 tín hiệu bán.

Hãy nhìn vào các mô hình đồ thị. Vì cho thấy các tín hiệu từ S-1 đến S-8, cột thứ 2 chỉ là một hình đảo ngược của cột 1 nên chúng ta sẽ tập trung vào bên mua. Hai tín hiệu đầu tiên, B-1 và B-2, là những dạng đơn giản. *Tín hiệu mua đơn giản tăng giá* đòi hỏi phải có 3 cột, với cột thứ hai của x dịch chuyển một ô trên cột x trước đó. B-1 chỉ khác B-2 một điểm nhỏ - hiện có 4 cột, trong đó đáy của cột o thứ 2 cao hơn cột đầu tiên. B-1 cho thấy một sự phá vỡ đơn khỏi ngưỡng kháng cự. B-2 thể hiện một sự phá vỡ giá lên tương tự nhưng với đặc trưng của các đáy đang tăng. Lý do đó khiến B-2 trở thành một mô hình mạnh hơn B-1.

Mô hình thứ 3 (B-3), *sự phá vỡ ba đỉnh*, bắt đầu những mô hình phức hợp. Chú ý rằng tín hiệu mua giá tăng đơn giản là một phần của bất kỳ một mô hình phức hợp nào. Trong những phần sau, chúng ta sẽ thấy những mô hình này ngày càng vững chắc hơn. Sự phá vỡ ba đỉnh mạnh hơn bởi vì nó phá vỡ 5 cột và 2 cột x. Hãy nhớ rằng góc càng rộng thì khả năng tăng giá càng cao. Mô hình *ba đỉnh tăng giá* (B-4) bền vững hơn B-3 vì đỉnh và đáy của nó đều đang hướng lên. *Mô hình*



Hình 11.9 Nguồn K.C. Zieg, Jr., và P.J.Kaufman, trong cuốn *Point và Figure Commodity Trading Techniques* (Kỹ thuật sử dụng đồ thị điểm và hình trong giao dịch hàng hóa) (New Rochelle, NY: Investors Intelligence)

ba đỉnh mở rộng (B-5) còn bền hơn nữa vì nó có 7 cột, trong đó có 3 cột x bị phá vỡ.

Sự phá vỡ lên trên một hình tam giác tăng giá (B-6) kết hợp cả hai tín hiệu. Trước hết, một tín hiệu mua đơn giản phải hiện diện. Sau đó đường xu hướng phía trên phải được dọn sạch (Chúng ta sẽ nói về cách

vẽ đường xu hướng trong phần kế tiếp). Tín hiệu B-7, *sự phá vỡ lên trên đường kháng cự*, đã tự giải thích được điều đó. Một lần nữa, có hai điều cần phải hiện diện: một tín hiệu mua, và biên trên của kênh xu hướng phải được dọn sạch hoàn toàn. Mô hình sau cùng, *sự phá vỡ lên trên một đường kháng cự giá giảm* (B-8), cũng cần có hai yếu tố. Một tín hiệu mua đơn giản kết hợp với việc phá vỡ đường xu hướng giảm. Dĩ nhiên những gì chúng ta thảo luận từ mô hình B-1 đến B-8 đều được áp dụng giống như nhau cho mô hình S-1 đến S-8, ngoại trừ trong trường hợp thứ hai thì giá giảm xuống thay vì tăng lên.

Ở đây có một điểm khác biệt giữa việc áp dụng những mô hình này vào thị trường hàng hóa so với thị trường chứng khoán. Nói chung, cả 16 tín hiệu này đều được sử dụng trong giao dịch chứng khoán. Tuy nhiên, vì tính biến động nhanh đặc trưng của thị trường tương lai nên mô hình *phức hợp* không phổ biến như trong thị trường hàng hóa. Vì thế mà các tín hiệu đơn giản có tầm quan trọng cao hơn. Nhiều nhà giao dịch thị trường tương lai chỉ dùng tín hiệu *đơn giản*. Nếu chọn cách chờ đợi những mô hình phức hợp và bền vững hơn, họ sẽ bỏ lỡ rất nhiều cơ hội sinh lời.

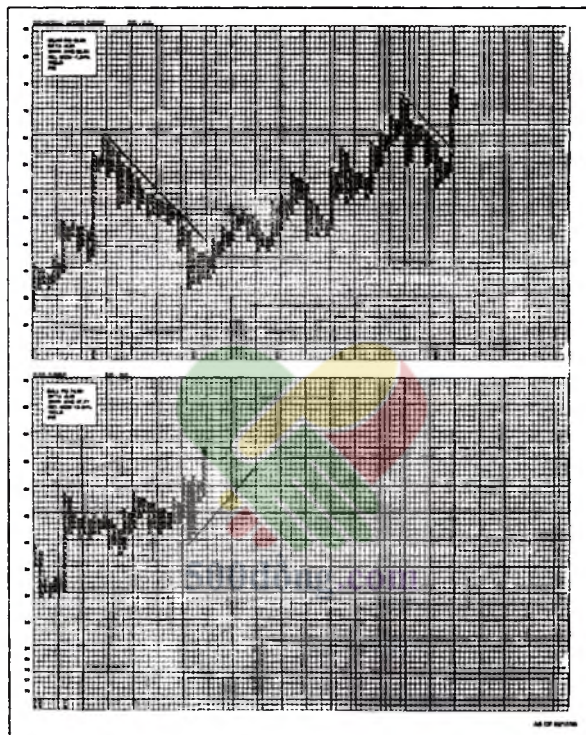
500dong.com

VỀ ĐƯỜNG XU HƯỚNG

Khi thảo luận về đồ thị ngày, chúng ta có nói đến đường xu hướng được vẽ bằng cách truyền thống. Đây không phải trường hợp đồ thị đảo chiều 3 điểm. Các đường xu hướng trên những dạng đồ thị này được vẽ ở một góc 45 độ. Ngoài ra, đường xu hướng cũng không cần phải nối những đỉnh và đáy trước đó.

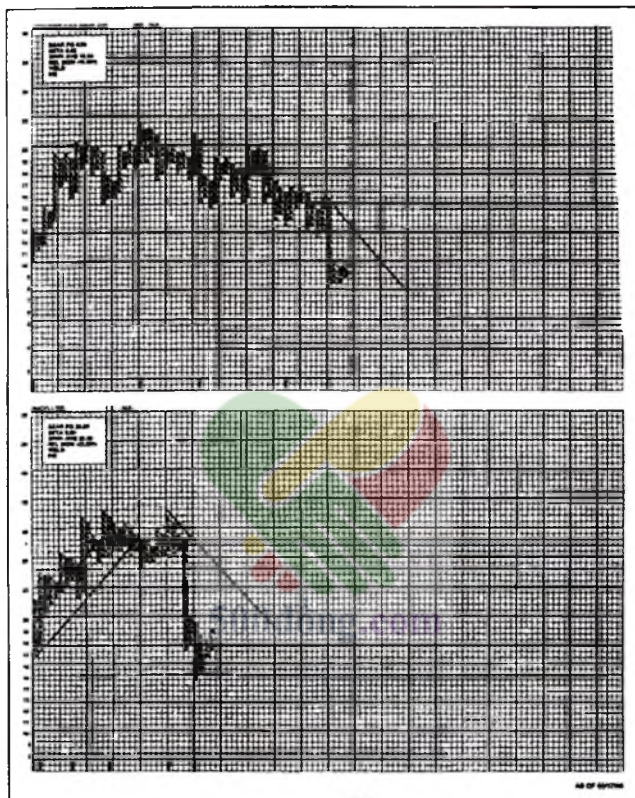
Đường kháng cự giá giảm và đường hỗ trợ giá tăng cơ bản

Đây là những đường xu hướng tăng giảm cơ bản. Vì những đồ thị này đã được rút gọn hết mức nên chúng ta không thể nối những đỉnh phức hợp hoặc những mức giá thấp tương ứng. Do đó, chúng ta sử dụng đường 45 độ. Trong xu hướng tăng, *đường hỗ trợ giá tăng* được vẽ hướng lên bên phải một góc 45° từ bên dưới những cột o thấp nhất. Đến



Hình 11.10 Ví dụ đồ thị đảo chiều 3 điểm của chứng khoán của Chartercraft. Chú ý rằng đường xu hướng được vẽ ở một góc 45°. (Nguồn: Chartercraft, New Rochelle, NY).

khi nào giá còn ở bên trên đường đó thì xu hướng chính vẫn là tăng giá. Trong xu hướng giảm, đường kháng cự giá giảm được vẽ hướng xuống bên phải một góc 45 độ từ đỉnh của cột x cao nhất. Đến khi nào giá còn ở bên dưới đường xu hướng giảm thì xu hướng chính vẫn là giảm. (Xem hình 11.10-11.12)



Hình 11.11 Hai ví dụ về phương pháp đảo chiều 3 ô trong đồ thị điểm và hình của Chartercraft. Các đường xu hướng được vẽ ở một góc 45° . (Nguồn: Chartercraft, New Rochelle, NY)

Đôi khi, những đường này phải được điều chỉnh. Ví dụ, có những lúc một sự hiệu chỉnh (giảm giá tạm thời) của xu hướng tăng lại làm giá rơi xuống dưới đường hỗ trợ rồi hồi phục xu hướng tăng sau đó. Trong những trường hợp như vậy, một đường hỗ trợ mới phải được vẽ ở một góc 45 độ từ đáy của ngưỡng thấp đó. Có khi, một xu hướng trở nên mạnh đến nỗi đường xu hướng tăng ban đầu cách rất xa đường động thái giá. Trong trường hợp đó, đường xu hướng phải được vẽ sát hơn để có đường hỗ trợ thích hợp nhất.

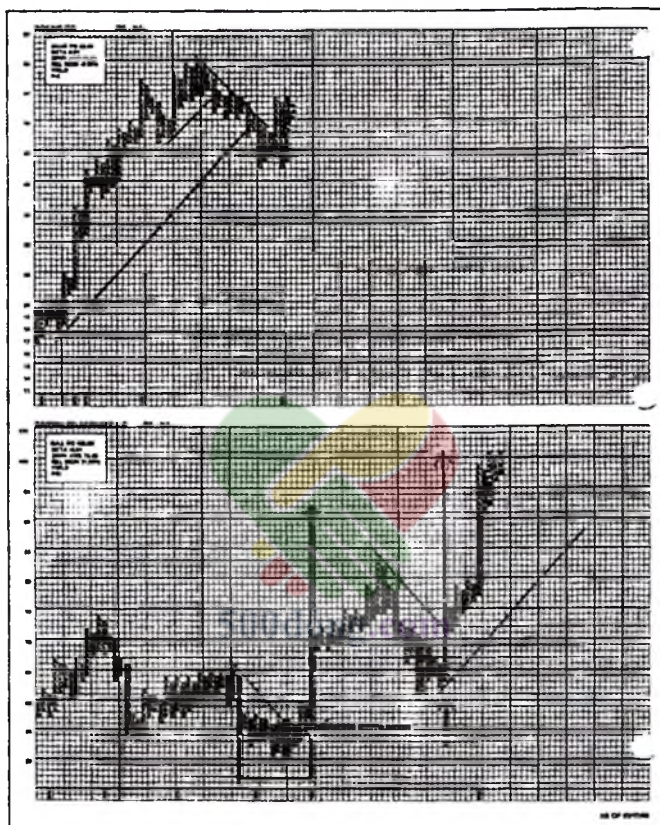
CÁC KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG

Đồ thị đảo chiều 3 điểm cho phép sử dụng hai kỹ thuật đo lường khác nhau - đo theo *chiều ngang* và theo *chiều dọc*. Đối với kỹ thuật đo lường theo chiều ngang, ta đếm số cột trong một mô hình đáy hoặc đỉnh, sau đó nhân số cột với giá trị của *đợt đảo chiều* hoặc số ô cần cho một sự đảo chiều. Ví dụ, trong một đồ thị đảo chiều 3 ô, ta đặt giá trị mỗi ô là \$1. Chúng ta đếm số ô ở trên phần gốc đến 10. Vì chúng ta sử dụng đảo chiều 3 ô, giá trị của *phần đảo chiều* sẽ là \$3 ($3 \times \1). Nhân 10 cột ở trên phần gốc với \$3 thành \$30. Lấy tích cộng vào đáy của mô hình đáy hoặc lấy đỉnh của mô hình đỉnh trừ cho tích đó để có mục tiêu giá.

Kỹ thuật đo lường theo chiều dọc thì đơn giản hơn. Ta sẽ đếm số ô trong cột thứ nhất của xu hướng mới. Trong xu hướng tăng, hãy đếm cột x đầu tiên. Trong xu hướng giảm, hãy đếm cột o đầu tiên. Nhân số đó với 3 và cộng tích đó và đáy hoặc lấy đỉnh của cột đó trừ cho tích. Cũng có thể làm tương tự với biểu đồ đảo chiều 3 ô bằng cách nhân 3 kích thước của chân đầu tiên. Nếu trên đồ thị xuất hiện đỉnh hoặc hai đáy, hãy đếm cột x hoặc o thứ hai. (Xem hình 11.12)

CÁC CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH

Hãy xem xét những phương thức sử dụng đồ thị điểm và hình khác nhau để xác định thời điểm gia nhập hoặc thoát khỏi thị trường.



Hình 11.12 Ô của đáy còn lại cho thấy mức tiêu trực ngang tại 92 của British Telecomm PLC bằng cách nhân ba phần góc và cộng với 50. Bên phải, mức tiêu chiều dọc là 102 được xác định bằng cách nhân ba cột x và cộng với 63. (Nguồn: Chartercraft, New Rochelle, NY)

1. Một tín hiệu mua đơn giản có thể được sử dụng để thực hiện việc bán những vị thế cũ và bắt đầu những đợt mua mới.
2. Tín hiệu bán đơn giản có thể được sử dụng để thanh khoản những

vị thế mua cũ và/hoặc bắt đầu những vị thế bán mới.

3. Tín hiệu đơn giản chỉ có thể được dùng để thanh khoản trong mô hình phức hợp để thực hiện việc tham gia mới.
4. Đường xu hướng có thể được sử dụng như một đầu lọc. Những vị thế mua được đưa lên trên và vị thế bán nằm dưới đường xu hướng.
5. Có thể thử mạo hiểm với những điểm nằm dưới cột o cuối cùng trong xu hướng tăng và trên cột x cuối cùng trong xu hướng giảm làm điểm đặt lệnh dừng.
6. Điểm gia nhập thị trường trên thực tế có thể bị thay đổi như sau:
 - a. Trong xu hướng tăng, hãy mua tại điểm phá vỡ thực sự.
 - b. Mua tại điểm đảo chiều 3 ô sau củ phá vỡ để có thể gia nhập thị trường tại điểm thấp hơn.
 - c. Sau một sự hiệu chỉnh, hãy mua tại điểm đảo chiều 3 ô theo hướng đột phá vỡ đầu tiên. Việc này không chỉ đòi hỏi có một sự đảo chiều tăng chắc chắn theo hướng chính xác, mà còn phải đặt lệnh dừng tại điểm gần bên dưới cột o mới nhất hơn.
 - d. Khi có tín hiệu phá vỡ đầu tiên, hãy mua tại điểm phá vỡ thứ hai cùng hướng.

Như có thể nhìn thấy trên bảng liệt kê, có rất nhiều cách sử dụng đồ thị điểm và hình. Khi đã thông hiểu kỹ thuật căn bản, bạn có thể linh hoạt trong việc tìm điểm gia nhập và thoát khỏi thị trường bằng kỹ thuật này.

Điều chỉnh lệnh dừng

Tín hiệu mua hoặc bán thực sự xuất hiện ngay ở tín hiệu đầu tiên. Tuy nhiên, khi biến động tiếp diễn thì một vài tín hiệu khác sẽ xuất hiện trên đồ thị. Những tín hiệu mua và bán lặp lại này được sử dụng cho những vị thế phát sinh thêm. Dù việc đó có diễn ra hay không thì điểm đặt lệnh dừng cũng có thể nằm ngay bên dưới cột o cuối cùng trong một xu hướng tăng và nằm ngay trên cột x cuối cùng trong một xu hướng giảm.

Việc sử dụng *lệnh dừng trượt giả* tạo điều kiện cho nhà đầu tư duy trì vị thế và bảo vệ lợi nhuận tích lũy cùng lúc.

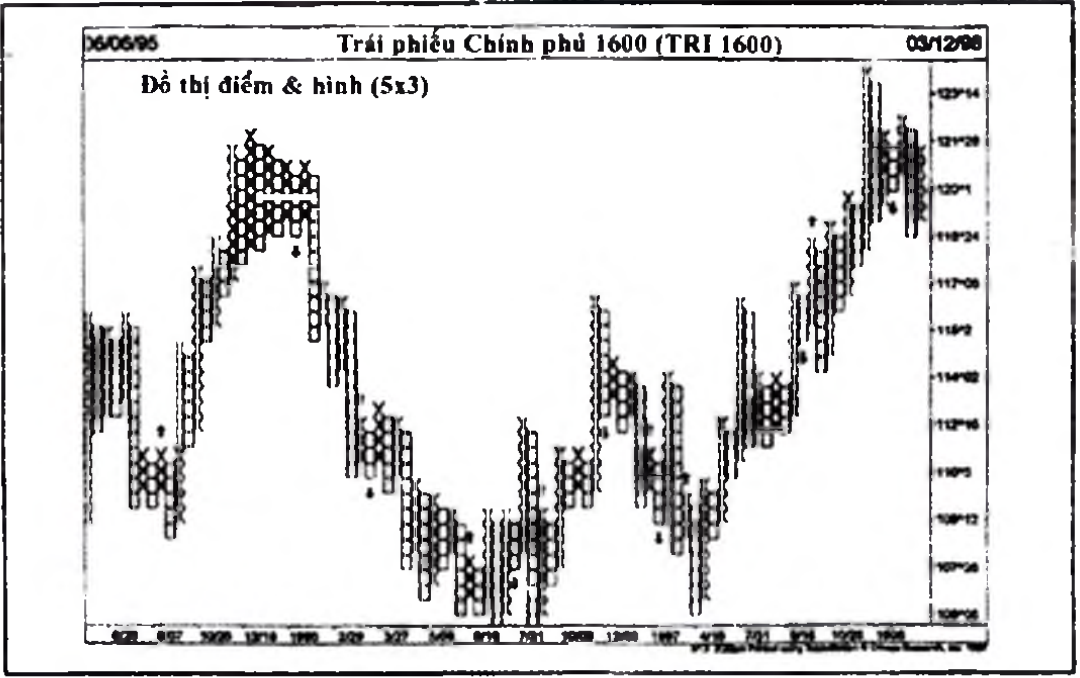
Nên làm gì sau một biến động kéo dài

Những đợt hiệu chỉnh lúc có lúc không trong xu hướng cho phép nhà giao dịch điều chỉnh lệnh dừng khi xu hướng đó phục hồi. Tuy nhiên, quá trình này sẽ kết thúc như thế nào nếu những đợt đảo chiều 3 ô xuất hiện trong xu hướng? Nhà giao dịch sau đó sẽ đối mặt với một cột x dài trong xu hướng tăng hoặc một cột o dài trong xu hướng giảm. Tình trạng thị trường này tạo ra một điểm cực, trong đó cột x và cột o kéo dài mà không có bất kỳ một sự hiệu chỉnh nào. Nhà giao dịch muốn duy trì xu hướng nhưng cũng cần những kỹ thuật để bảo toàn lợi nhuận. Có ít nhất một cách để thực hiện việc này. Sau một đợt biến động liên tục 10 ô hoặc hơn nữa, hãy đặt lệnh dừng tại điểm xảy ra đảo chiều 3 ô. Nếu vị thế không được bảo vệ thì việc tái tham gia thị trường sẽ được thực hiện tại điểm đảo chiều 3 ô khác theo hướng của xu hướng đầu tiên. Trong trường hợp đó, một ưu điểm khác là đặt một lệnh dừng mới bên dưới cột o gần nhất trong xu hướng tăng hoặc bên trên cột x gần nhất trong xu hướng giảm.

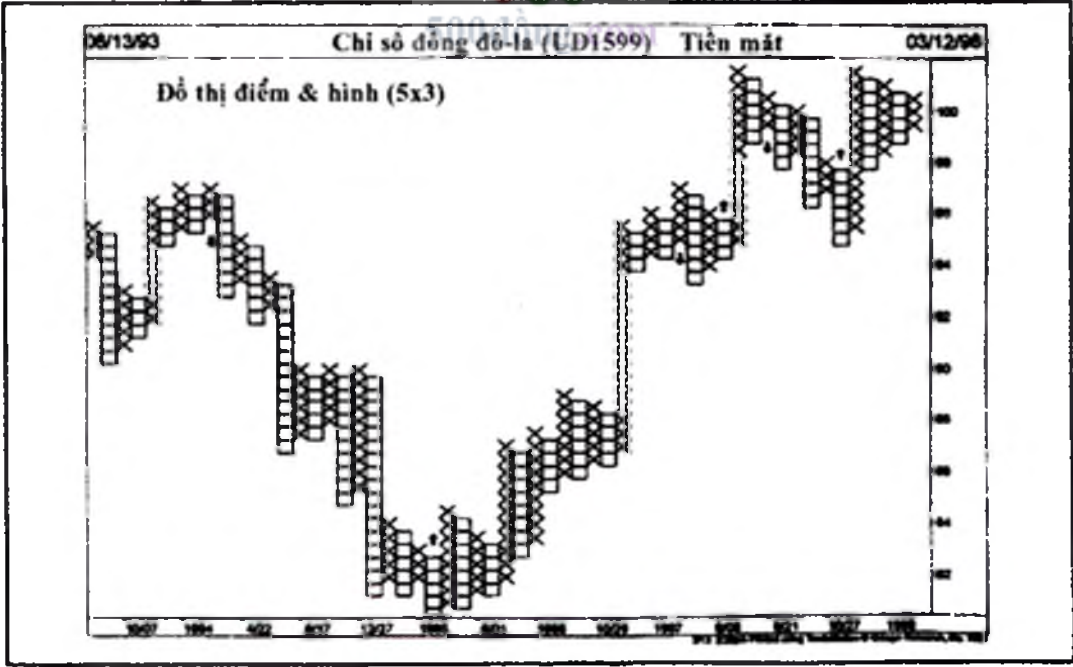
ƯU ĐIỂM CỦA BIỂU ĐỒ ĐIỂM VÀ HÌNH

Đồ thị điểm và hình có một số ưu điểm sau đây:

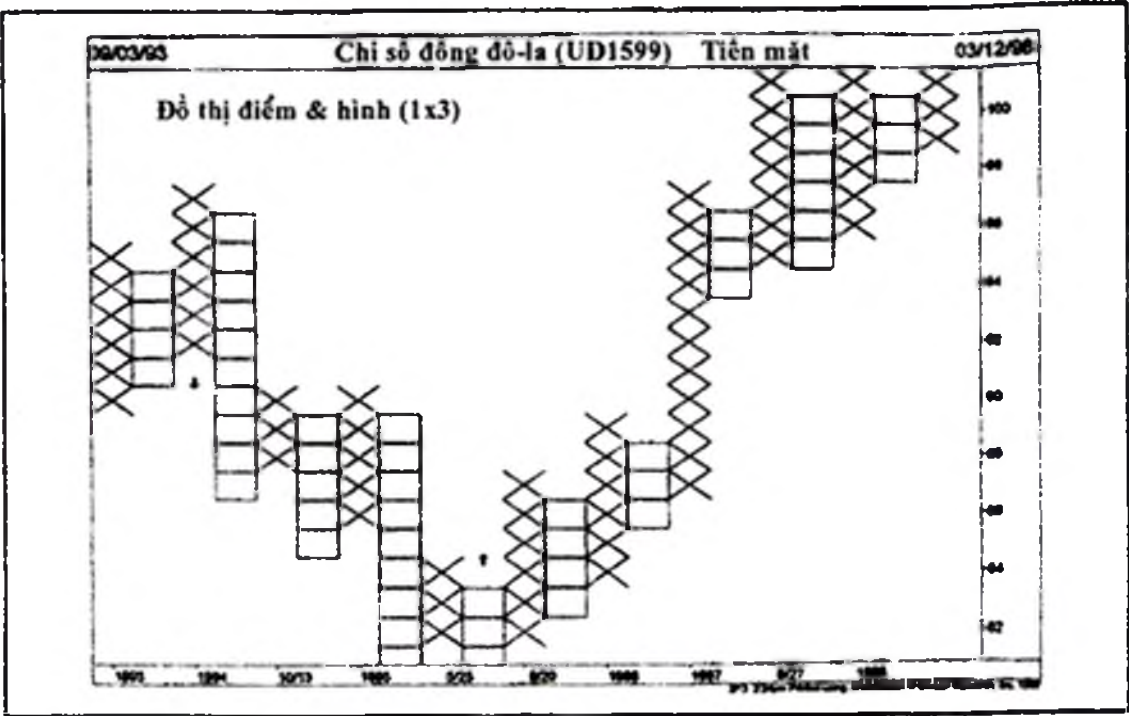
1. Bằng cách thay đổi kích thước của ô và khu vực đảo chiều, đồ thị này đáp ứng được hầu như mọi yêu cầu. Có rất nhiều cách khác nhau để tìm được điểm gia nhập và thoát khỏi thị trường.
2. Tín hiệu giao dịch chính xác hơn đồ thị thanh.
3. Khi tuân theo những tín hiệu xác định của đồ thị điểm và hình, trình tự giao dịch sẽ trở nên tốt hơn. (Xem hình 11.13 - 11.18)



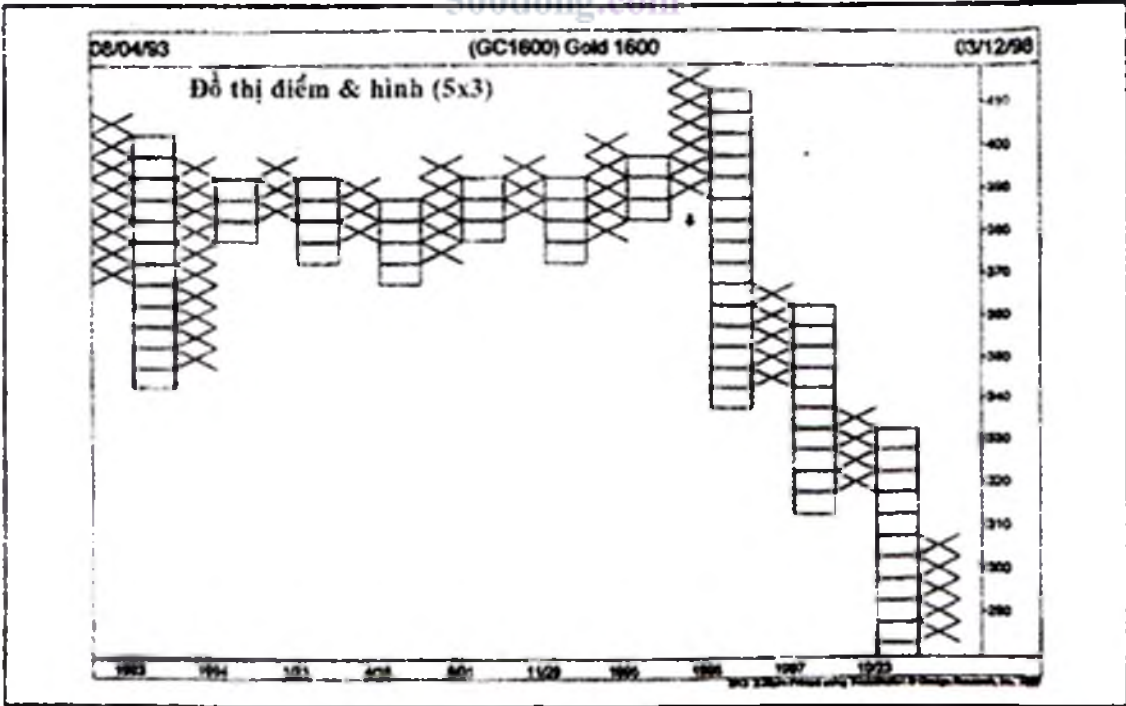
Hình 11.13 Đồ thị giá tương lai của Trái phiếu Chính phủ trong hơn 2 năm. Những mũi tên biểu thị tín hiệu mua và bán. Hầu hết các tín hiệu thể hiện khả năng xu hướng của thị trường. Ngay cả khi tín hiệu xấu xuất hiện thì đồ thị cũng nhanh chóng sửa chữa nó.



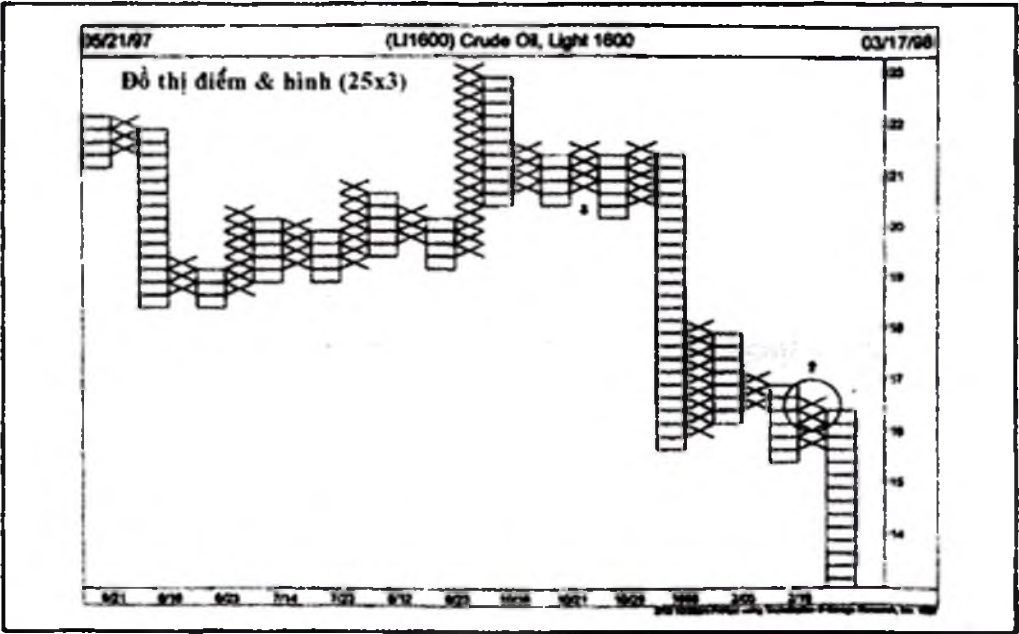
Hình 11.14 Tín hiệu bán vào đầu năm 1994 (mũi tên xuống thứ nhất) kéo dài cả năm 1994. Tín hiệu mua đầu năm 1995 (mũi tên lên thứ nhất) tồn tại 2 năm đến 1997. Một tín hiệu bán giữa năm 1997 chuyển hướng thành tín hiệu mua vào đầu năm 1998.



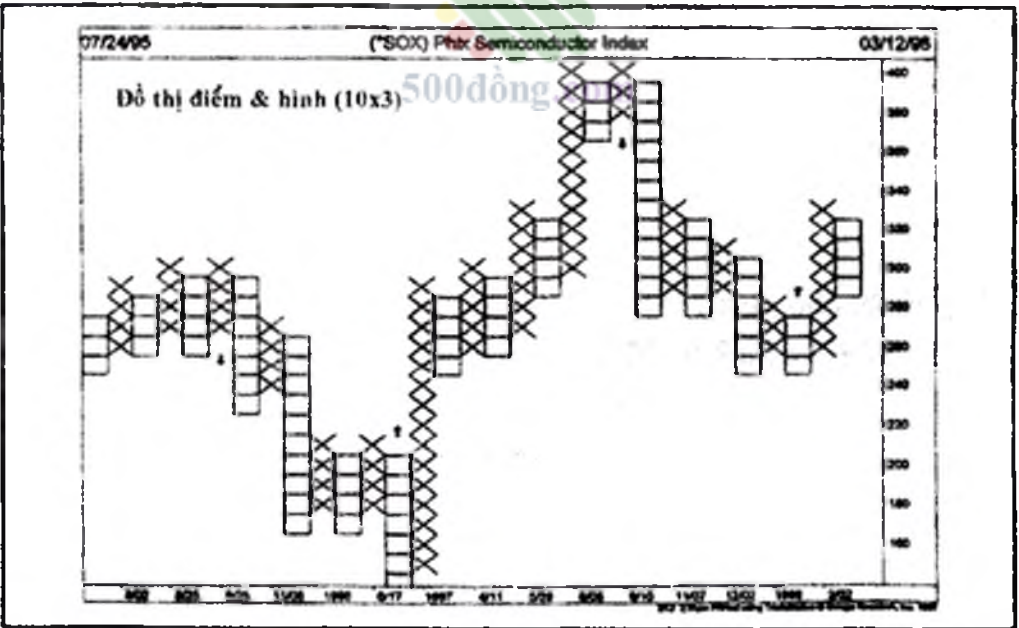
Hình 11.15 Đồ thị này được rút gọn từ đồ thị đồng USD trước đó bằng cách nhân đôi kích thước ô. Trong phiên bản ít nhạy hơn này chỉ có 2 tín hiệu. Tín hiệu cuối cùng là mua (mũi tên lên) giữa năm 1998 gần mức 85 trong gần 3 năm.



Hình 11.16 Đồ thị điểm và hình của Vàng cho thấy một tín hiệu bán (mũi tên xuống) gần mức \$380 trong năm 1996. Giá vàng giảm \$100 trong 2 năm kế tiếp.



Hình 11.17 Đồ thị điểm và hình của dầu thô cho thấy 1 tín hiệu bán (mũi tên xuống) gần mức \$20 trong tháng 10 năm 1997 và rớt giá \$6 sau đó. Phục hồi xu hướng giảm, giá dầu thô tăng lên trên cột x cuối cùng đến mức 16,50.



Hình 11.18 Đồ thị điểm và hình Chỉ số Semiconductor cho thấy 4 tín hiệu trong vòng 2 năm rưỡi. Mũi tên hướng xuống biểu hiện 2 tín hiệu bán kịp thời trong năm 1995 và 1997. Tín hiệu mua trong năm 1996 (mũi tên hướng lên thứ nhất) phục hồi sau đó.

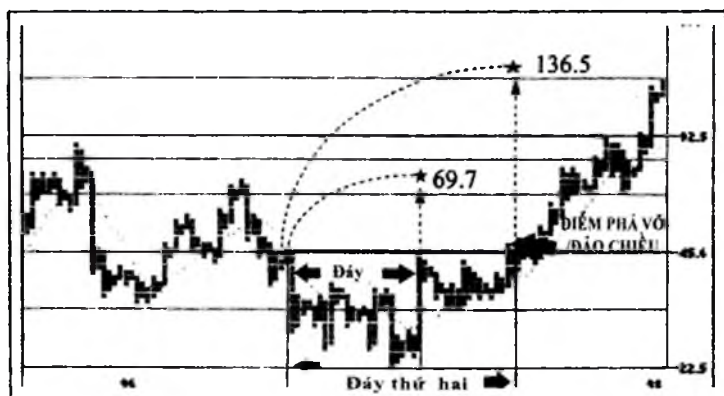
CHỈ BÁO KỸ THUẬT ĐIỂM VÀ HÌNH

Trong cuốn sách viết năm 1995 có tựa đề *Point & Figure Charting (Sử dụng đồ thị điểm và hình)* (John Wiley & Sons), Thomas J. Dorsey thừa nhận phương pháp đảo chiều 3 ô Chartcraft trong chứng khoán. Ông cũng thảo luận về việc ứng dụng đồ thị điểm và hình trong giao dịch hàng hóa và quyền chọn. Giải thích cách vẽ và đọc đồ thị, Dorsey cũng chứng minh kỹ thuật điểm và hình (gọi tắt điểm và hình - P&F) có thể được sử dụng cho việc phân tích cường độ tương đối, phân tích khu vực và trong việc xây dựng Chỉ số tỷ lệ gia tăng NYSE (NYSE Bullish Percent Index). Ông chỉ rõ các đồ thị điểm và hình có thể được dùng cho đường tăng giảm chỉ số NYSE, chỉ số NYSE cao nhất thấp nhất, và tỷ lệ chứng khoán trung bình 10 tuần và 30 tuần. Dorsey công nhận Micheal Burke, nhà sáng lập Chartcraft (Chartcraft, Inc., Investors Intelligence, 30 Church Street, New Rochelle, N.Y. 10801) và sự phát triển những chỉ báo điểm và hình cải tiến của dịch vụ này.

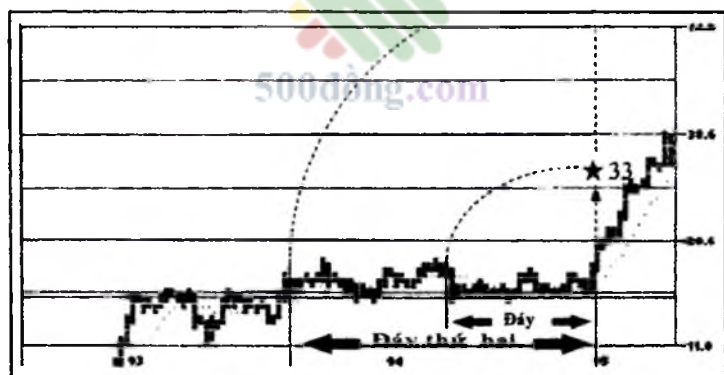
VI TÍNH HÓA ĐỒ THỊ HÌNH VÀ ĐIỂM

Máy vi tính đã khiến cho việc vẽ đồ thị điểm và hình không còn vất vả nữa. Những chuỗi ngày vẽ cột x và o lên giấy chỉ là hoài niệm. Các phần mềm vẽ đồ thị đã làm giúp bạn công việc này. Hơn nữa, bằng một bàn phím, bạn có thể thay đổi kích thước ô và vùng đảo chiều để điều chỉnh đồ thị cho phân tích trong ngắn hay dài hạn. Bạn có thể xây dựng biểu đồ điểm và hình từ dữ liệu thực (trong ngày) và cuối ngày, và còn có thể áp dụng chúng cho bất kỳ thị trường nào bạn muốn. Nhưng, với một chiếc máy tính, bạn có thể làm nhiều điều hơn thế nữa.

Kenneth Tower (CMT), nhà phân tích kỹ thuật của Công ty Chứng khoán UST, (5 Vaughn Drive, CN5209, Princeton, N.J.08543) đã sử dụng một phương pháp vẽ đồ thị điểm và hình lô-ga. Một quy trình chiếu đo lường độ dao động của chứng khoán trong 3 năm có thể xác định được kích thước theo tỷ lệ phần trăm chính xác cho mỗi loại chứng khoán. Hình 11.19 và 11.20 cho thấy ví dụ về đồ thị điểm và hình lô-ga của Tower áp dụng cho America Online và Intel. Kích thước ô dùng



Hình 11.19 Một đồ thị điểm và hình lô-ga của America Online. Đồ thị đảo chiều được dựa trên tiêu chuẩn tỷ lệ. Mỗi ô có giá trị 3,6%. Vì đây là đồ thị đảo chiều 2 ô, một sự đảo chiều có giá trị 7,2%. Hãy chú ý cách đo chiều ngang hướng lên đến mức 69,7 và 136,5. (2 đường cong). (Hình do UST Securities Corp cung cấp.)



Hình 11.20 Một đồ thị điểm và hình đảo chiều 1 ô của Intel có sử dụng tỷ lệ. Để có thể di chuyển sang cột kế tiếp, chúng ta cần sự đảo chiều 3,6%. Hãy đếm trên trục ngang từ phải sang trái dọc theo phần gốc, hướng lên trên đến mức 33 và có thể đến 87,6 (xem các đường cong). (Hình do UST Securities Corp cung cấp.)

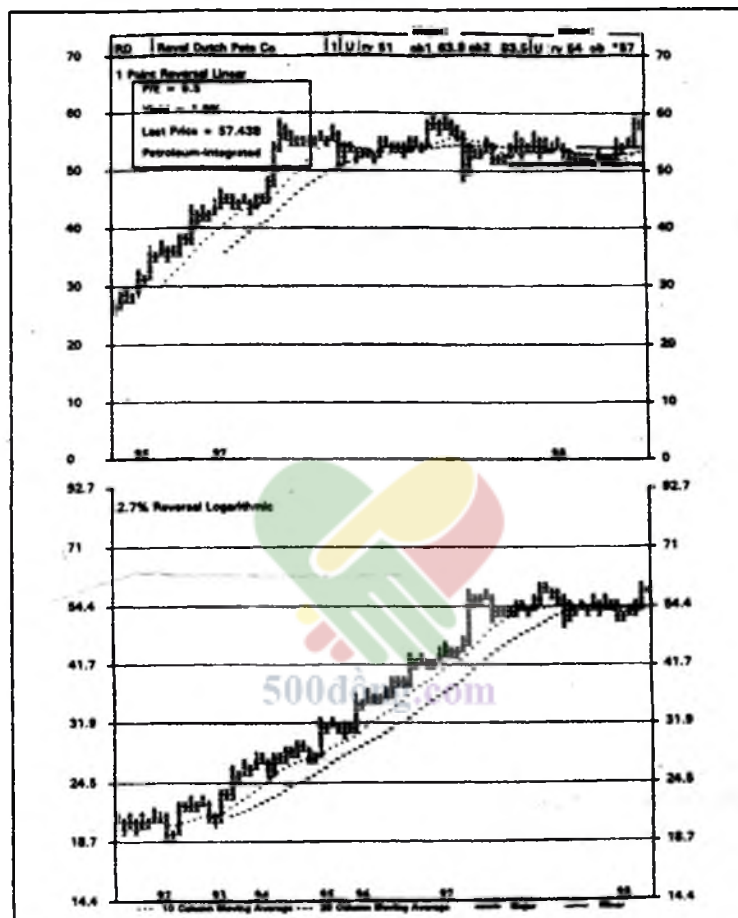
cho AOL trong hình 11.19 là 3,6%. Sự đảo chiều 1 ô do đó sẽ cần mức thoái lùi 3,6%. Vì là biểu đồ đảo chiều 2 ô nên mức thoái lùi là 7,2% để bắt đầu một cột mới. Kích thước mỗi ô của đồ thị cho Intel trong hình 11.20 có giá trị 3,2%.

Những đường cong trên cả hai đồ thị là ví dụ về việc sử dụng cách đo lường giá chiều ngang của một gốc để đạt mục tiêu giá về ngắn và dài hạn. Ví dụ, đồ thị của Intel cho thấy mục tiêu giá ngắn hạn ở 33 bằng cách đo nửa đường gốc giá (đường cong bên dưới). Đường cong lớn hơn được đo đến 87,6, bằng cách đo gốc giá và chiều khoảng cách hướng lên. Nếu nhìn kỹ hơn hình 11.19 và 11.20, bạn cũng sẽ thấy những dấu chấm lẩn theo động thái giá. Những chấm này là những đường trung bình động.

ĐƯỜNG TRUNG BÌNH ĐỘNG ĐIỂM VÀ HÌNH

Đường trung bình di động thường được áp dụng cho đồ thị thanh. Nhưng ở đây là đồ thị điểm và hình của Ken Tower và UST Securities. Tower sử dụng hai đường trung bình di động trên đồ thị của ông, một đường 10 cột và một 20 cột. Những chấm bạn thấy trên hình 11.19 và 11.20 là những đường trung bình di động 10 cột. Đường trung bình di động được vẽ bằng cách tính giá bình quân mỗi cột. Để làm được việc này, ta tính tổng mức giá trong mỗi cột và chia tổng đó cho số x hoặc o trong cột đó. Sau đó, kết quả được tính bình quân trên 10 và 20 cột. Đường trung bình di động được sử dụng tương tự như đồ thị thanh.

Hình 11.21 là đồ thị điểm và hình của cùng một loại cổ phiếu với đường trung bình di động 10 cột (chấm) và 20 đường trung bình di động 20 cột (gạch ngang). Đồ thị đây là đồ thị lô-ga đảo chiều 2,7% của Royal Dutch Petroleum năm 1992. Hãy chú ý rằng đường trung bình di động nhanh hơn nằm trên đường trung bình di động chậm hơn trong xu hướng tăng giá 4 năm từ 1993 đến 1997. Ta có thể thấy rằng hai đường trung bình di động song hành trong nửa sau của năm 1997, năm đầy biến động của loại cổ phiếu này. Nhìn về phía phải ta có thể thấy cổ phiếu của Royal Dutch đang trên bờ phục hồi xu hướng tăng



Hình 11.21 Hai đồ thị điểm và hình của Royal Dutch Petroleum. Đồ thị đáy là một đồ thị lô-ga kéo dài trong một số năm. Đồ thị ở trên là đồ thị đường thẳng trong 1 năm. Những chấm và gạch ngang tương ứng thể hiện những đường trung bình di động 10 và 20 cột. (Cung cấp bởi UST Securities Corp. Cập nhật ngày 26 tháng 3 năm 1998).

chính của nó. Khi nhìn kỹ hơn, ta có thể thấy khả năng phá vỡ tăng giá được thể hiện trên đồ thị phía trên trong hình 11.21.

Đồ thị bên trên là đồ thị đường thẳng đảo chiều 1 điểm truyền thống của cùng loại cổ phiếu. Khung thời gian trên đồ thị đường thẳng ngắn hơn đồ thị dài. Nhưng nếu quan sát kỹ sự biến động giá giai đoạn cuối năm 1997 và đầu 1998, bạn có thể nhận thấy sự phá vỡ giá lên trong ngắn hạn vào đầu năm 1998. Chúng khoán này cản tiến đến mức 60 để xác nhận một cú phá vỡ tăng giá chính. Đường trung bình di động không hữu ích khi giá giao dịch trong biên độ (và chúng chưa bao giờ vô ích như vậy), nhưng sẽ tăng nếu thực sự có một sự phá vỡ giá lên. Khi bổ sung thêm đường trung bình di động vào đồ thị điểm và hình, Ken Tower đã tạo ra một chỉ báo kỹ thuật hữu ích khác cho việc sử dụng đồ thị điểm và hình. Cách sử dụng đồ thị lô-ga tạo ra một phương pháp mới mẻ khi vẽ dạng đồ thị kinh điển này.

TÓM LƯỢC

Đồ thị điểm và hình chẳng phải là kỹ thuật lâu đời nhất trên thế giới. Danh hiệu đó thuộc về đồ thị hình nến Nhật Bản vốn được sử dụng tại quốc gia này trong hàng thế kỷ. Trong chương tiếp theo, Greg Morris, tác giả của hai cuốn sách về đồ thị hình nến sẽ giới thiệu về kỹ thuật lâu đời này nhưng được phổ biến trong giới phân tích kỹ thuật phương Tây những năm gần đây.

CHƯƠNG 12

Đồ thị hình nền Nhật Bản*

GIỚI THIỆU

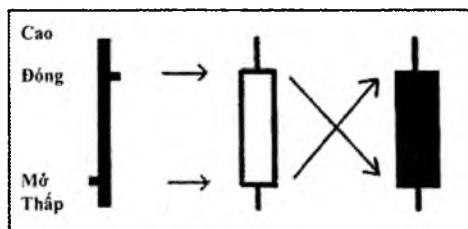
Trong khi được người Nhật sử dụng suốt hàng thế kỷ nay, đồ thị hình nền và kỹ thuật phân tích chỉ mới phổ biến ở phương Tây những năm gần đây. Thuật ngữ “hình nền” thực sự đề cập đến hai vấn đề khác nhau nhưng lại có mối liên quan với nhau. Sự khác biệt đầu tiên và có lẽ phổ biến hơn được thể hiện ở chỗ rằng đây là phương pháp thể hiện các dữ liệu chứng khoán và giao dịch tương lai nhằm phục vụ việc phân tích đồ thị. Khác biệt thứ hai - đó là nghệ thuật nhận diện những cách kết hợp nhất định các thanh nền trong số những cách kết hợp đã được xác định và chứng minh. Điều đáng mừng là cả hai kỹ thuật đều có thể được sử dụng độc lập hoặc phối hợp với nhau.

VẼ ĐỒ THỊ HÌNH NỀN

Những dữ liệu thị trường phục vụ việc vẽ đồ thị hình nền sử dụng cùng loại dữ liệu có sẵn áp dụng cho đồ thị thanh: giá mở cửa, cao nhất, thấp nhất và đóng cửa. Mặc dù sử dụng cùng một dữ liệu nhưng đồ thị hình nền có sự trình bày bắt mắt hơn. Thông tin trên đồ thị hình nền nổi bật

*Chương này được biên soạn và cung cấp bởi Gregory L. Morris

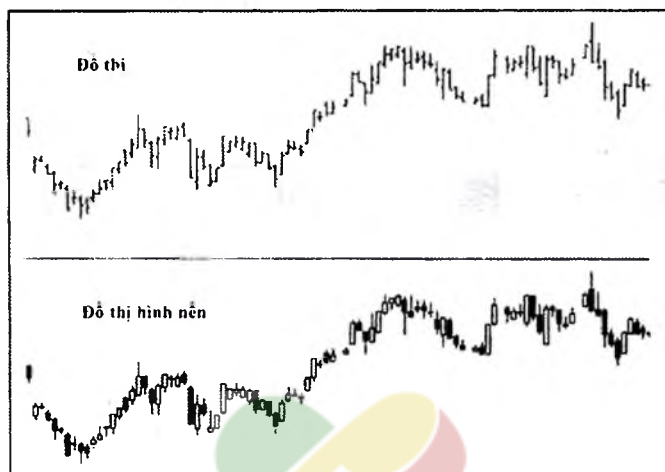
lên màn hình, dễ diễn giải và dễ phân tích hơn nhiều. Hình bên dưới cho thấy sự khác biệt về giá trong ngày của đồ thị hình nến và hình thanh. (Xem hình 12.1).



Hình 12.1

Bạn có thể thấy được tại sao nó lại có tên là đồ thị hình nến. Chúng trông giống một thanh nến với ngọn bắc. Hình chữ nhật biểu thị độ chênh lệch giữa giá mở và đóng của trong ngày được gọi là *thân nến*. Hãy chú ý rằng thân nến có thể là đen hoặc trắng. Một *thân nến trắng* có nghĩa là giá đóng của cao hơn giá mở cửa. Thực ra, thân nến không phải màu trắng, nhưng để trắng như vậy khiến nó dễ phân biệt hơn trên máy tính. Cũng bởi thế mà đồ thị được in từ máy tính một cách chính xác. Đây là một trong những sự điều chỉnh khi nó du nhập vào các nước phương Tây, vì người Nhật vốn dùng màu đỏ cho thân nến rỗng. *Thân nến đen* có nghĩa là giá đóng của thấp hơn giá mở cửa. Trong đồ thị hình nến Nhật Bản, giá mở cửa và đóng cửa có tầm quan trọng hơn nhiều. Những đường nhỏ phía trên và bên dưới thân nến chính là *ngọn bắc* hay *bóng mờ*. Nhiều tên gọi khác nhau của những đường này xuất hiện trong các tài liệu tham khảo của Nhật Bản, nhưng chúng được xem là dư thừa vì biểu thị cho mức giá cao và thấp nhất vốn không được các nhà phân tích Nhật Bản coi trọng (Xem hình 12.2).

Hình 12.2 thể hiện cùng một loại dữ liệu trên cả đồ thị thanh và đồ thị hình nến Nhật Bản. Bạn có thể nhanh chóng nhận ra những dữ liệu vốn rất khó xác định trên đồ thị thanh lại hiện ra rất rõ ràng trên đồ thị hình nến. Ban đầu bạn có thể cần thời gian để làm quen nó nhưng về sau bạn sẽ thích nó hơn nhiều.



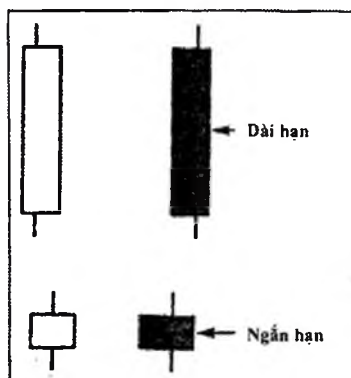
Hình 12.2

Mỗi dạng nến khác nhau lại mang những ý nghĩa khác nhau. Người Nhật đã xác định được những loại hình nến đầu tiên, dựa trên mối quan hệ của giá mở cửa, cao nhất, thấp nhất và đóng cửa. Việc hiểu được những dạng nến căn bản là bước đầu tiên của phân tích đồ thị hình nến.

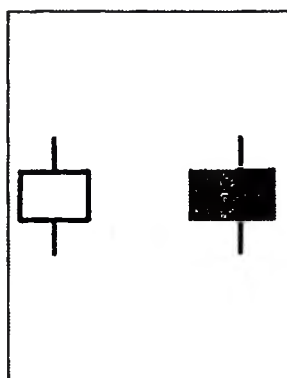
NHỮNG HÌNH NẾN CƠ BẢN

Sự kết hợp những thân nến/ngọn bấc khác nhau sẽ mang những ý nghĩa khác nhau. Phiên giao dịch với sự chênh lệch giữa giá mở cửa và đóng cửa lớn được gọi là *nến dài (long days)*. Phiên giao dịch có chênh lệch nhỏ gọi là *nến ngắn (short days)*. Hãy nhớ rằng chúng ta đang nói đến chiều dài thân nến và không nhắc đến giá cao nhất và thấp nhất. (Xem hình 12.3).

Đỉnh xoay (Spinning top) là những phiên có thanh nến nhỏ với ngọn bấc trên và dưới dài hơn thân nến. Với thanh nến đỉnh xoay thì màu thân nến không quan trọng. Đỉnh xoay thể hiện sự giằng co, không quả quyết của thị trường. (Xem hình 12.4).



Hình 12.3

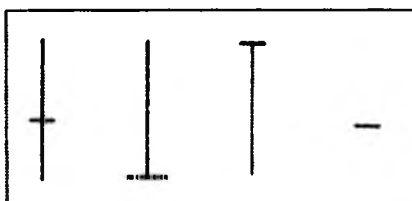


Hình 12.4. Đỉnh xoay

Khi giá đóng cửa bằng giá mở cửa thì chúng được gọi là đường Doji. Những thanh nến Doji có chiều dài ngọn bậc khác nhau. Khi nói đến thanh nến Doji, chúng ta nên nhớ rằng vấn đề nằm ở chỗ liệu giá đóng cửa và mở cửa có buộc phải hoàn toàn bằng nhau hay không. Đó là thời điểm khi giá phải gần như ngang bằng nhau, đặc biệt là khi đề cập đến các biến động lớn về giá.

Có những thanh nến Doji khác cũng rất quan trọng. Doji chân dài (Long-Legged Doji) có bóng mờ trên và dưới dài, phản ánh sự lưỡng lự của những người tham gia thị trường. Doji bia đá (Gravestone Doji) chỉ có một bóng mờ trên dài và không có bóng mờ dưới.

Bóng mờ trên càng dài thì càng cho thấy xu hướng giảm giá. Doji chuẩn chuẩn (Dragonfly Doji) là thanh nến đối lập với Doji bia đá với bóng mờ dưới dài và không có bóng mờ trên. Nó thường biểu thị xu hướng tăng giá. (Xem hình 12.5).



Hình 12.5 Thanh nến Doji

Những thanh nền đơn giản cực kỳ quan trọng trong phân đồ thị hình nền Nhật Bản. Bạn sẽ nhận ra rằng tất cả các mô hình nền Nhật đều được kết hợp từ những thanh nền cơ bản này.

PHÂN TÍCH MÔ HÌNH NỀN NHẬT

Mô hình nền Nhật là bức tranh mô tả tâm lý các nhà giao dịch tại thời điểm đó. Nó cho thấy hành động của nhà giao dịch trên thị trường qua thời gian. Phân tích mô hình nền Nhật thực sự có hiệu quả vì con người luôn luôn có những hành động tương tự trong những hoàn cảnh giống nhau.

Một mô hình nền Nhật có thể được tạo thành từ một đường nền đơn hay nhiều đường khác nhau nhưng không bao giờ nhiều hơn 5. Trong khi hầu hết mô hình nền Nhật được dùng để xác định điểm đảo chiều, thì có rất ít mô hình được sử dụng nhằm xác định sự tiếp diễn xu hướng của thị trường. Chúng ám chỉ những mô hình đảo chiều và tiếp diễn. Bất cứ lúc nào một mô hình đảo chiều mang tín hiệu tăng giá thì một mô hình ngược lại sẽ có ý nghĩa giảm giá. Tương tự, một mô hình tiếp diễn biểu thị xu hướng giá tăng thì mô hình ngược lại cũng cho biết giá giảm. Khi có một cặp mô hình hình thành trong những tình trạng giá tăng và giá giảm thì chúng cùng tên. Tuy nhiên, trong một số ít trường hợp thì mô hình tăng giá và giảm giảm lại mang những cái tên hoàn toàn khác nhau.

Mô hình đảo chiều

Mô hình nền đảo chiều là sự kết hợp những thanh nền Nhật biểu thị một sự đảo chiều xu hướng. Cần phải thận trọng xem xét xu hướng thị trường trước đó để có thể xác định được mô hình là tăng hay giảm. Bạn không thể có một mô hình đảo chiều tăng giá trong một xu hướng tăng. Bạn có thể có hàng loạt thanh nền mang biểu hiện của mô hình tăng, nhưng nếu xu hướng đang tăng thì nó không phải là mô hình nền Nhật tăng giá. Ngược lại, không thể có mô hình đảo chiều giá giảm trong một xu hướng giảm.

Điều này thể hiện một vấn đề tồn tại lâu nay khi phân tích thị trường: xu hướng là gì? Bạn phải xác định được xu hướng trước khi có thể sử dụng mô hình nền Nhật một cách hiệu quả. Mặc dù trong việc xác định xu hướng, chúng ta quan tâm đến khối lượng giao dịch, nhưng với mô hình nền Nhật thì việc sử dụng đường trung bình đi động sẽ tốt hơn. Khi xu hướng ngắn hạn (mười chu kỳ thời gian hoặc hơn nữa), mô hình nền Nhật sẽ hỗ trợ đáng kể việc xác định đợt đảo chiều của xu hướng đó.

Người Nhật đã tìm ra được khoảng 40 mô hình nền đảo chiều. Nó đa dạng từ những đường nền đơn đến những mô hình phức tạp nhất là 5 đường. Có rất nhiều ví dụ đáng xem nhưng ở đây ta chỉ thảo luận một số ít mô hình phổ biến.

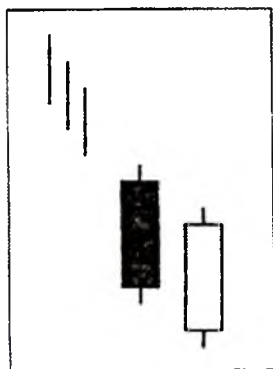


Hình 12.6 *Dark Cloud Cover* (mây đen bao phủ)

Mô hình mây đen bao phủ (Dark Cloud Cover) là mô hình đảo chiều hai phiên biểu thị xu hướng giảm giá. (Xem hình 12.6) Nó cũng có một mô hình bổ sung nhưng dưới một cái tên khác là đường xuyên phá (*Piercing Line*). Phiên đầu tiên của mô hình được biểu thị bằng một thanh nền trắng dài. Nó phản ánh xu hướng hiện tại và giúp xác nhận xu hướng tăng giá cho nhà giao dịch. Giá mở cửa ngày tiếp theo cao hơn giá cao nhất của ngày hôm trước, củng cố xu hướng tăng. Tuy nhiên, thời gian giao

dịch trong quãng thời gian còn lại thấp hơn trong đó giá đóng cửa nằm dưới trung điểm của thân nến ngày thứ nhất. Việc này ảnh hưởng đáng kể đến tâm lý giá tăng và sẽ khiến nhiều người bán ra. Vì giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa nên nến của ngày thứ hai là thanh nền đen. Cái tên mây đen bao phủ ám chỉ điều này.

Đường xuyên phá (Piercing Line). Là dạng đối lập của mô hình mây đen bao phủ, Đường xuyên phá biểu thị sự tăng giá. (Xem hình 12.7) với tình huống tương tự nhưng đảo ngược lại. Xu hướng hiện tại



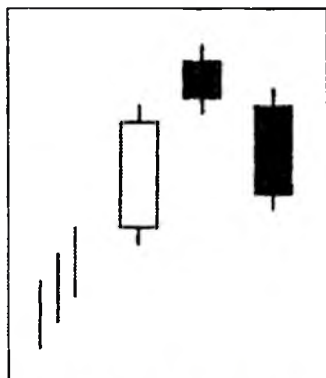
Hình 12.7 *Piercing line+*
(Đường xuyên phá)

là giảm, thanh nến thứ nhất là thanh nến đen dài củng cố niềm tin nhà giao dịch trong xu hướng giảm. Ngày kế tiếp mở cửa tại một mức giá thấp mới và giao dịch cao hơn sau đó rồi đóng cửa trên trung điểm của thân nến đầu tiên. Điều này làm thay đổi đáng kể tâm lý giảm giá và nhiều người sẽ quay đầu hoặc thoát khỏi vị thế.

Mô hình nến *Sao hôm* và *Sao mai* (Evening Star và Morning Star): Đây là hai mô hình nến Nhật rất mạnh mẽ. Hai mô hình ba phiên này đều có hiệu quả

khác thường. Phương pháp nắm bắt tâm lý nhà giao dịch trong mô hình Sao Hôm Sao Hôm sẽ được thảo luận đầy đủ ở đây vì điều ngược lại cũng sẽ được nói đến trong mô hình Sao Mai. (Xem hình 12.8 và 12.9).

Mô hình Sao Hôm là mô hình nến đảo chiều giá giảm. Ngày đầu tiên



Hình 12.8 Mô hình nến Sao Hôm



Hình 12.9 Mô hình nến Sao Mai

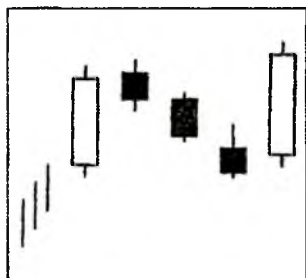
của mô hình là một thanh nền trắng dài cùng có xu hướng tăng hiện tại. Mở cửa ngày giao dịch thứ hai, giá tăng hẳn lên trên thân của thanh nền đầu tiên. Hoạt động giao dịch ngày thứ hai hơi bị hạn chế và đóng cửa gần mức giá mở cửa dù vẫn cao hơn phần thân nền thứ nhất. Thân nền ngày thứ hai nhỏ. Kiểu giao dịch sau một thanh nền dài như thế này được xem là một mô hình ngôi sao. Một ngôi sao là một thanh nền nhỏ theo sau một thanh nền dài. Ngày thứ ba và là ngày cuối của mô hình mở cửa bên dưới thân của ngôi sao một đoạn và đóng cửa giảm với giá đóng cửa thấp hơn trung điểm của ngày đầu tiên.

Cách giải thích trước đó được xem là hoàn hảo. Nhiều tài liệu tham khảo có thể chứng minh chắc chắn một điều, một mô hình Sao Hôm không thể đáp ứng đầy đủ và chính xác **từng** chi tiết. Ví dụ, có thể ngày thứ ba nền sẽ không rơi xuống hoặc giá đóng cửa của nó không hoàn toàn nằm bên dưới trung điểm **thân nền thứ nhất**. Ta phải quan tâm đến những chi tiết này khi xem xét một **đồ thị** hình nền, nhưng khi sử dụng chương trình máy tính để xác định mô hình thì không cần. Lý do là chương trình máy tính đòi hỏi **các** chỉ dẫn cụ thể để đọc đồ thị hình nền chứ không cho phép sự diễn giải chủ quan.

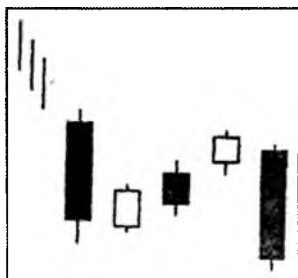
Các mô hình tiếp diễn

Trong mỗi ngày giao dịch, nhà đầu tư cần đưa ra những quyết định chính xác như bán ra, mua vào hay nắm giữ. Do đó, mô hình nền tiếp diễn giúp chúng ta biết được xu hướng giao dịch trên thị trường sẽ tiếp tục đi lên/đi xuống là rất cần thiết. Nó còn giúp trả lời được câu hỏi liệu bạn có nên duy trì vị thế giao dịch hay không. Hiện có khoảng 16 mô hình xác định xu hướng tiếp diễn. Trong đó, hai mô hình đặc biệt hiệu quả phải kể đến là Công thức Tăng/Giảm 3 (*Rising and Falling Three Methods*).

Công thức Tăng/Giảm 3. Mô hình nền tiếp diễn này là mô hình tăng giá, chỉ xuất hiện trong xu hướng tăng và mô hình tiếp diễn giảm giá chỉ xuất hiện trong xu hướng giảm. Điều này khẳng định lại sự mối liên hệ với xu hướng và rất cần thiết cho phân tích mô hình nền. (Xem hình



Hình 12.10 Phương pháp tăng ba +.



Hình 12.11 Phương pháp giảm ba -.

12.10 và 12.11).

Ngày đầu tiên của Phương pháp tăng ba là một thanh nền trắng dài, mang tính chất hỗ trợ xu hướng đi lên của thị trường. Tuy nhiên, trong ba ngày tiếp theo, ba thanh nền ngắn xuất hiện với xu hướng đi xuống. Chúng đều nằm trong chiều dài của thân nền trắng ngày thứ nhất và ít nhất hai trong số đó là màu đen. Khoảng thời gian này được gọi là "khoảng nghỉ" khi thị trường không có biểu hiện rõ ràng. Tiếp đó, ngày thứ năm là một thanh nền trắng dài khác và đóng cửa với một mức cao mới. Giá phá vỡ phạm vi giao dịch chật chội trước đó và báo hiệu xu hướng đi lên sẽ tiếp tục.

Những mô hình nền năm ngày như Phương pháp tăng ba bao gồm rất nhiều chi tiết trong định nghĩa của nó. Cách lý giải trên là một ví dụ hoàn hảo của mô hình Phương pháp tăng ba, người có kinh nghiệm có thể áp dụng một cách linh hoạt. Ví dụ, "khoảng nghỉ" ba ngày có thể không nằm trong khoảng thân nền mà nằm trong khoảng giá cao nhất-thấp nhất của ngày thứ nhất. Những ngày này cũng không bắt buộc đều là nền đen. Và cuối cùng, "khoảng nghỉ" có thể kéo dài ra hơn ba ngày. Hãy lưu ý Phương pháp tăng/giảm ba để thoát khỏi những lo âu về việc làm sao để bảo toàn lợi nhuận.

Xác định mô hình nền Nhật bằng máy tính

Chương trình máy tính sẽ giúp bạn nhận biết các mô hình nền mà không bị ảnh hưởng bởi yếu tố cảm tính. Tuy nhiên, khi xem các thanh nền trên màn hình máy tính, bạn cần lưu ý hai điều sau. Màn hình máy tính được tạo nên từ những đơn vị nhỏ gọi là điểm ảnh. Có rất nhiều điểm ảnh và số lượng phụ thuộc vào độ phân giải khi kết hợp thể màn hình của máy tính. Nếu bạn đang xem những thanh nền có phạm vi giá lớn trong một khoảng thời gian ngắn, bạn sẽ có cảm giác đang nhìn những thanh Doji (vì giá đóng và mở cửa bằng nhau). Nhưng thực ra không phải. Với phạm vi giá lớn, trên màn hình mỗi điểm ảnh sẽ có phạm vi giá riêng. Chương trình máy xác định các mô hình dựa trên hệ thức toán học sẽ không gặp phải các khuyết điểm về thị giác. Hy vọng rằng những dòng giải thích này giúp bạn không cho rằng phần mềm máy tính của bạn không hoạt động.

CÁC MÔ HÌNH NỀN CHỌN LỌC

Năm 1991, Greg Morris đã phát triển một khái niệm mới gọi là chọn lọc mô hình nền Nhật, tạo ra một phương pháp cải thiện độ chính xác của mô hình nền Nhật. Mặc dù xu hướng thị trường ngắn hạn phải được xác định trước khi mô hình nền hình thành, nhưng việc sử dụng phương pháp phân tích kỹ thuật truyền thống để xác định thị trường mua quá mức và bán quá mức sẽ làm gia tăng khả năng dự báo của mô hình nền Nhật. Kỹ thuật này đồng thời loại bỏ những mô hình xấu hoặc chưa hoàn hảo.

Bạn phải nắm vững cách phản ứng với dữ liệu về giá của các chỉ báo kỹ thuật, điển hình là cách dùng chỉ báo Stochastic %D. Chỉ báo Stochastic dao động trong khoảng từ 0 đến 100, trong đó 20 là bán quá mức (giá rút mạnh xuống dưới giá trị thực) và 80 là mua quá mức (giá tăng cao quá mức). Khi %D tăng lên trên 80 rồi rút xuống dưới 80 sẽ tạo ra một tín hiệu bán. Tương tự, khi nó giảm xuống dưới 20 rồi nhảy lên trên 20 sẽ tạo ra một tín hiệu mua. (Xem Chương 10 về Stochastic).



Hình 12.12

Nói tóm lại, khi chỉ báo Stochastic tiến lên trên 80 hoặc xuống dưới 20 thì tín hiệu xuất hiện. Nói cách khác, chỉ là vấn đề thời gian cho đến lúc tín hiệu xuất hiện. Khu vực bên trên 80 và bên dưới 20 được gọi là vùng tiền tín hiệu, cũng chính là vùng mục tiêu của %D trước khi nó cho thấy một tín hiệu giao dịch (Xem hình 12.12)

Khái niệm mô hình nền Nhật sử dụng vùng tiền tín hiệu. Chỉ khi %D tiến vào vùng tiền tín hiệu thì mô hình nền Nhật mới được xem xét, chẳng hạn ở mức 65 thì không. Hơn nữa, chỉ có mô hình nền đảo chiều mới áp dụng khái niệm này.

Việc chọn lọc mô hình nền Nhật không giới hạn ở khâu sử dụng chỉ báo Stochastic %D. Bất kỳ một chỉ số dao động kỹ thuật dùng được cho phân tích cũng được áp dụng để chọn lọc mô hình nền Nhật. Những chỉ số RSI của Wilder, CCI của Lambert và %R của William là số ít có thể sử dụng hiệu quả. (Những chỉ báo dao động này đã được giải thích trong Chương 10).

TÓM LƯỢC

Việc xây dựng và phân tích đồ thị nền Nhật là công cụ thiết yếu để xác định thời điểm trong giao dịch thị trường. Bạn nên sử dụng mô hình nền Nhật như bất kỳ một công cụ kỹ thuật nào để nghiên cứu tâm lý của người tham gia thị trường. Một khi quen với việc sử dụng các thanh nền để xem giá, bạn sẽ không muốn sử dụng đồ thị thanh nữa. Việc kết hợp mô hình nền Nhật với những chỉ báo kỹ thuật khác trong vấn đề chọn lọc sẽ tạo ra tín hiệu giao dịch trước những chỉ báo dựa trên giá khác.



MÔ HÌNH NỀN NHẬT

Danh sách các mô hình nền Nhật bên dưới được dùng để xác định dấu hiệu. Con số trong ngoặc đơn là số thanh nền cần cho việc xác định mô hình được nói đến. Các mô hình tăng giá và giảm giá được chia thành hai nhóm biểu thị mô hình đảo chiều hoặc tiếp diễn.

Bullish Reversals

Long White Body (1)
Hammer (1)
Inverted Hammer (1)
Belt Hold (1)
Engulfing Pattern (2)
Harami (2)
Harami Cross (2)
Piercing Line (2)
Doji Star (2)
Meeting Lines (2)
Three White Soldiers (3)
Morning Star (3)
Morning Doji Star (3)
Abandoned Baby (3)
Tri-Star (3)
Breakaway (5)
Three Inside Up (3)
Three Outside Up (3)
Kicking (2)
Unique Three Rivers Bottom (3)
Three Stars in the South (3)
Concealing Swallow (4)
Stick Sandwich (3)
Homing Pigeon (2)
Ladder Bottom (5)
Matching Low (2)

Bullish Continuation

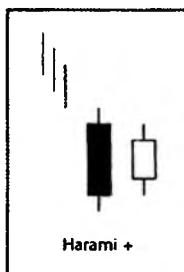
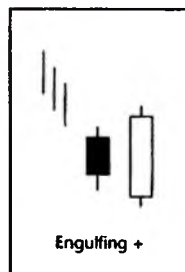
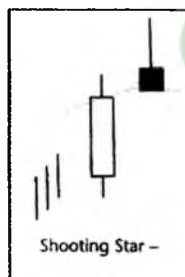
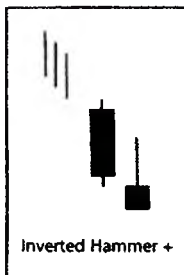
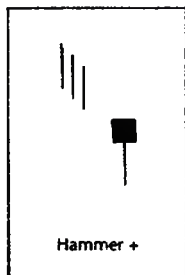
Separating Lines (2)
Rising Three Methods (5)
Upside Tasuki Gap (3)
Side by Side White Lines (3)
Three Line Strike (4)
Upside Gap Three Methods (3)
On Neck Line (2)
In Neck Line (2)

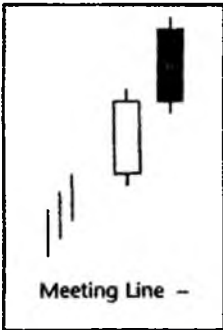
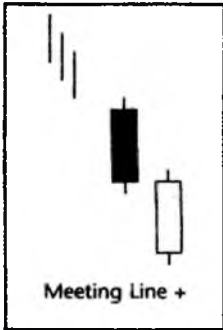
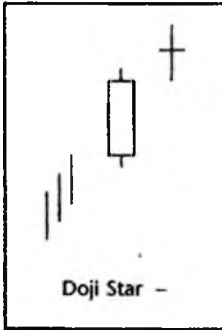
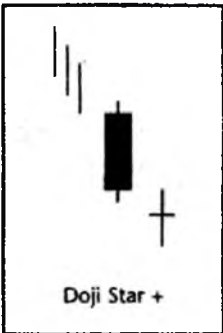
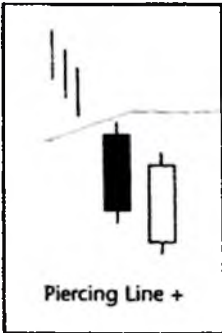
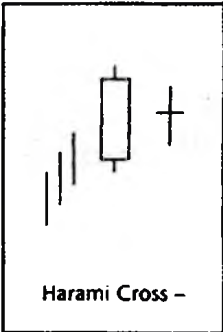
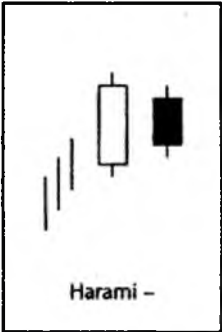
Bearish Reversals

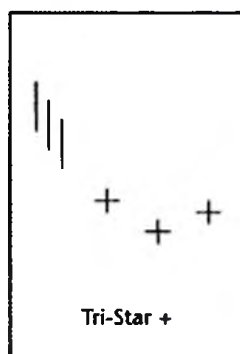
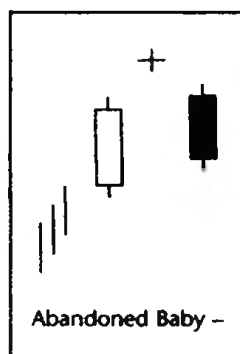
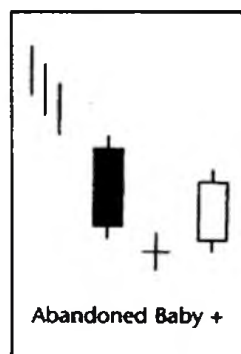
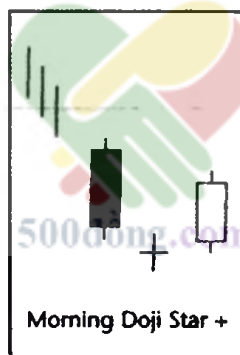
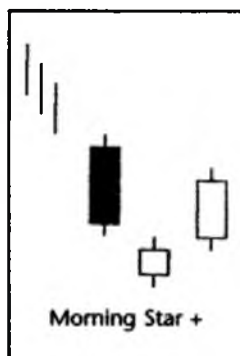
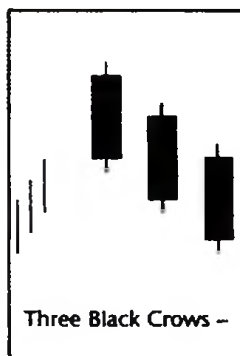
Long Black Body (1)
Hanging Man (1)
Shooting Star (1)
Belt Hold (1)
Engulfing Pattern (2)
Harami (2)
Harami Cross (2)
Dark Cloud Cover (2)
Doji Star (2)
Meeting Lines (2)
Three Black Crows (3)
Evening Star (3)
Evening Doji Star (3)
Abandoned Baby (3)
Tri-Star (3)
Breakaway (5)
Three Inside Down (3)
Three Outside Down (3)
Kicking (2)
Latter Top (5)
Matching High (2)
Upside Gap Two Crows (3)
Identical Three Crows (3)
Deliberation (3)
Advance Block (3)
Two Crows (3)

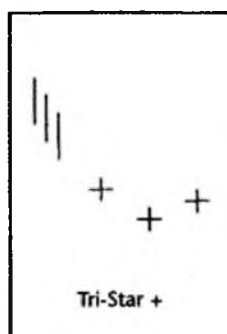
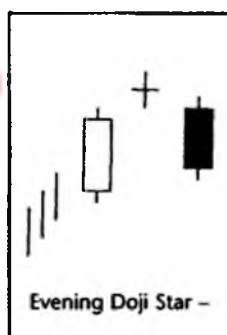
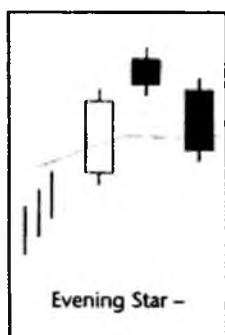
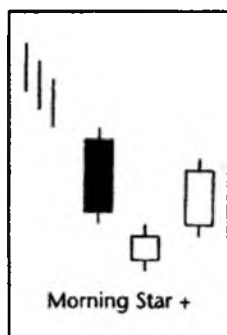
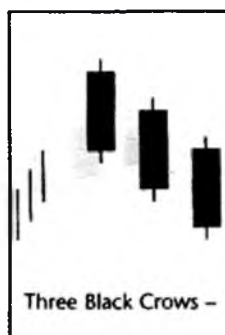
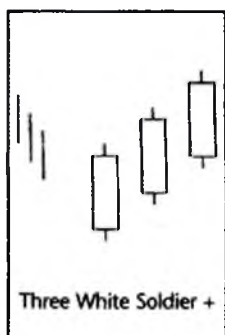
Bearish Continuation

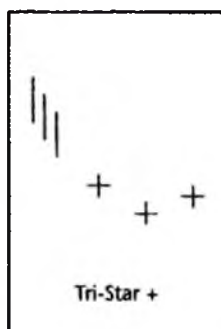
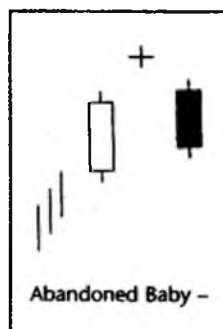
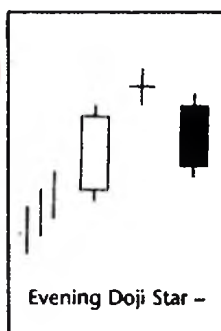
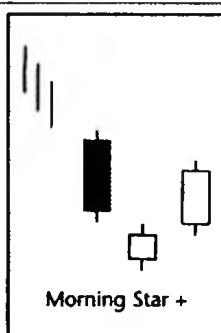
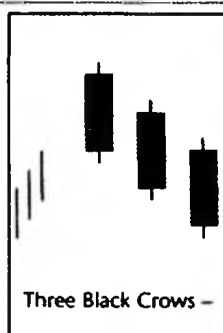
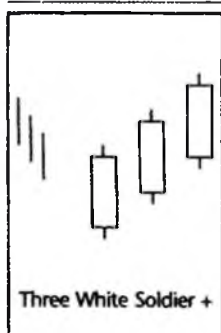
Separating Lines (2)
Falling Three Methods (5)
Downside Tasuki Gap (3)
Side by Side White Lines (3)
Three Line Strike (4)
Downside Gap Three Methods (3)
On Neck Line (2)
In Neck Line (2)

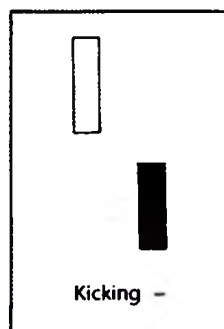
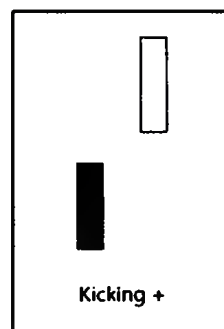
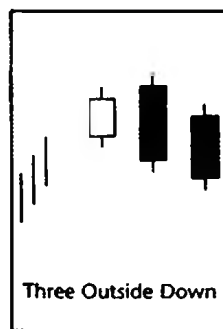
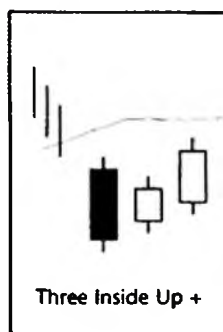
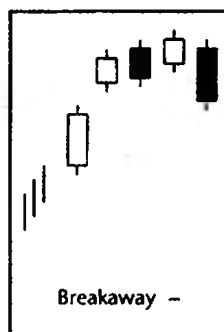
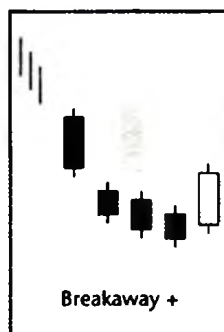
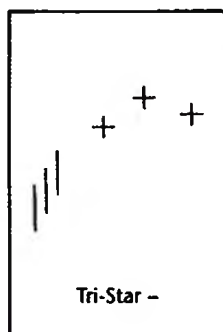


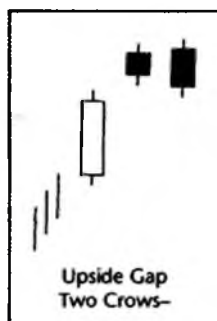
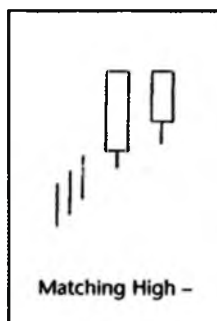
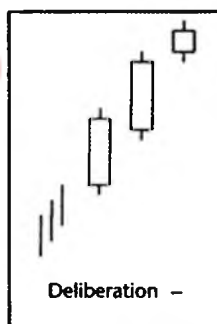
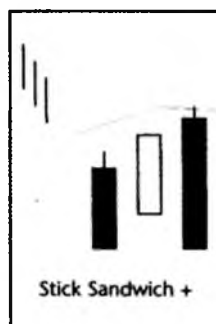
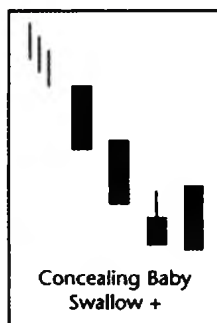
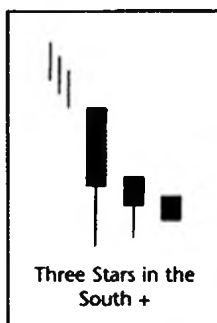


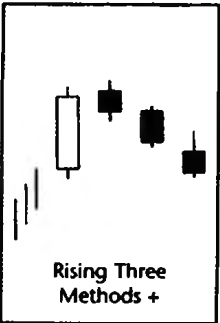
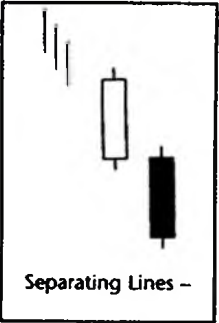
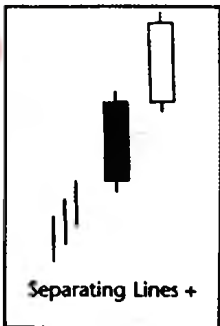
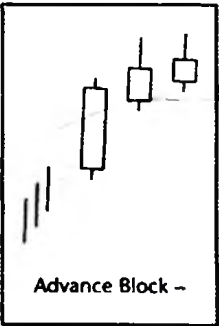
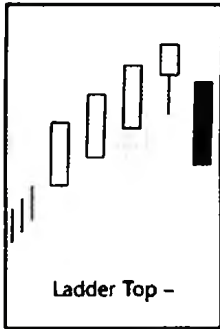
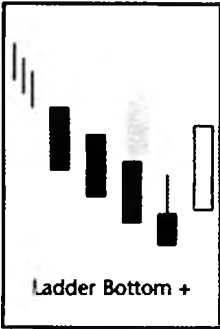
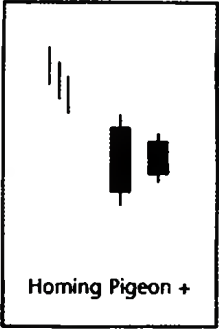


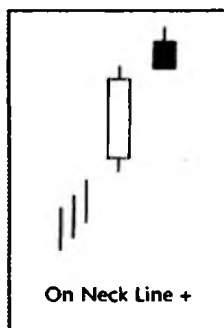
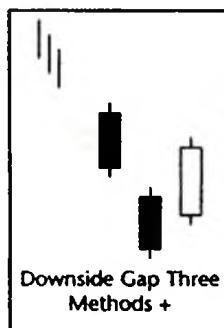
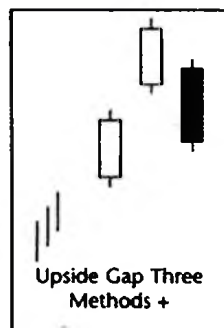
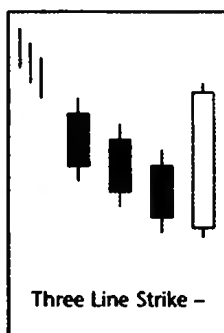
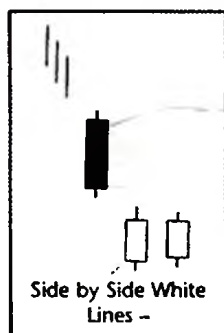
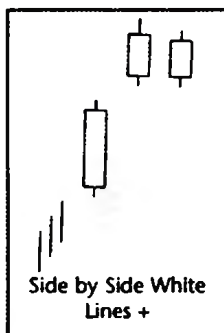
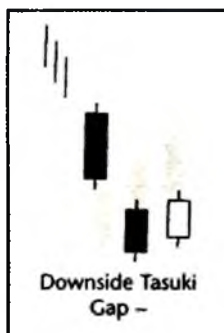
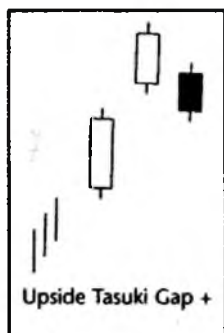


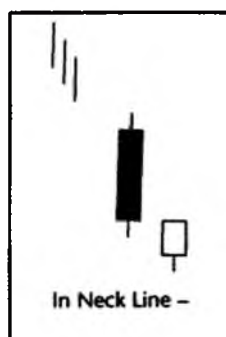
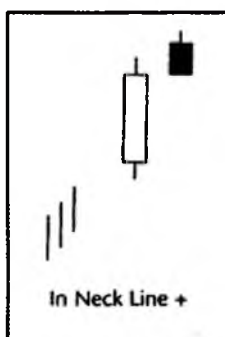
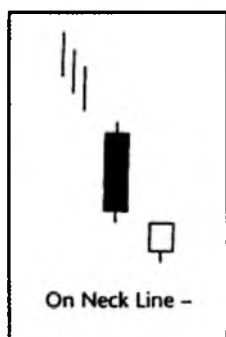












CHƯƠNG 13

Lý thuyết sóng Elliott

NỀN TẢNG LỊCH SỬ

Năm 1938, một chuyên đề có tựa là *Nguyên lý Sóng* được coi là tài liệu tham khảo đầu tiên về những gì mà giờ đây có tên gọi là *Nguyên lý Sóng Elliott*. Chuyên đề này được công bố bởi Charles J. Collins và được dựa trên công trình nghiên cứu gốc của người sáng lập nguyên lý sóng Ralph Nelson (R.N.) Elliott.

Elliott chịu ảnh hưởng rất nhiều từ lý thuyết Dow và Nguyên lý sóng cũng mang nhiều điểm tương đồng với nó. Trong một lá thư viết cho Collins năm 1934, Elliott đã từng đề cập rằng ông là người sử dụng dịch vụ thị trường chứng khoán của Robert Rhea và sử dụng cuốn sách của ông về lý thuyết Dow. Elliott cho biết nguyên lý Sóng là một “phương tiện cần thiết của lý thuyết Dow”.

Năm 1964, hai năm trước khi mất, Elliott đã thực hiện nghiên cứu cuối cùng về nguyên lý Sóng với tựa đề “*Quy luật của tự nhiên - bí mật của vũ trụ*” (*Nature's Law - The Secret of the Universe*).

Những ý tưởng của Elliott có thể đã chìm vào quên lãng nếu vào năm 1953 A. Hamilton Bolton không quyết định công bố *Phụ lục Sóng Elliott* (*Elliott Wave Supplement*) trong cuốn “*Nhà phân tích tín dụng ngân hàng*” (*Bank Credit Analyst*), và Phụ lục này được công bố liên

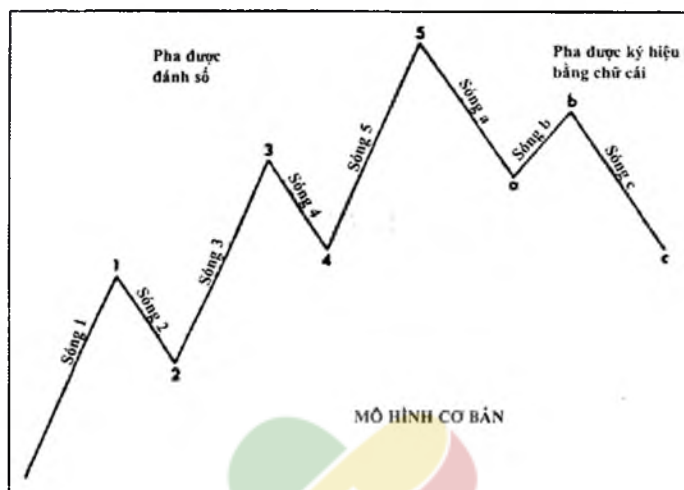
tục thường niên trong suốt 14 năm liền cho đến khi ông qua đời năm 1967. A.J. Frost sau đó tiếp quản Phụ lục Sóng Elliott và vào năm 1978 hợp tác với Robert Prechter để tiếp tục cho ra đời cuốn *Nguyên lý Sóng Elliott (Elliott Wave Principle)*. Hầu hết các đồ thị trong chương này đều được trích dẫn từ cuốn sách của Frost và Prechter. Prechter tiến thêm một bước và xuất bản cuốn *Các công trình cơ bản của R.N. Elliott (The Major Works of R.N.Elliott)* vào năm 1980 để tiếp tục hiện thực hóa các công trình này của Elliott.

NHỮNG TIỀN ĐỀ CƠ BẢN CỦA NGUYÊN LÝ SÓNG ELLIOTT

Nguyên lý Sóng có ba khía cạnh quan trọng được sắp xếp theo thứ tự giảm dần là *mô hình, tỷ suất và thời gian*. Mô hình tức những mô hình hay những cấu trúc hình sóng là yếu tố quan trọng nhất của lý thuyết này. *Phân tích tỷ suất* rất hữu ích trong việc xác định điểm thoái lùi và mục tiêu giá bằng cách đo lường mối quan hệ giữa những sóng khác nhau. Cuối cùng, mỗi quan hệ *thời gian* cũng tồn tại và được sử dụng để xác nhận mô hình hay hệ số sóng, nhưng không được những người ủng hộ thuyết Elliott đánh giá cao độ tin cậy trong việc dự đoán thị trường.

Lý thuyết sóng Elliott lần đầu tiên được áp dụng vào các chỉ số trung bình quan trọng của thị trường chứng khoán, đặc biệt là chỉ số trung bình Dow Jones Industrial. Lý thuyết này cho rằng thị trường chứng khoán đi theo một nhịp liên tục 5 sóng tăng sau đó là 3 sóng giảm. Hình 13.1 cho thấy một chu kỳ hoàn chỉnh. Nếu đếm sóng, bạn sẽ nhận thấy cần 8 sóng để tạo nên một chu kỳ hoàn chỉnh - năm lên và ba xuống. Phần lên của chu kỳ được đánh số từ 1 đến 5. Sóng 1,3,5 được gọi là *sóng tiến* - là những sóng tăng, trong khi 2 và 4 di chuyển ngược lại xu hướng tăng. Sóng 2 và 4 được gọi là sóng hiệu chỉnh bởi vì chúng hiệu chỉnh sóng 1 và 3. Sau khi đánh số sóng 5 tăng, sự hiệu chỉnh sóng 3 bắt đầu. 3 sóng hiệu chỉnh được đánh ký tự a, b và c.

Cùng với sự liên tục của các sóng khác nhau, cấp độ sóng cũng quan trọng không kém. Có nhiều cấp độ xu hướng khác nhau. Elliott phân xu

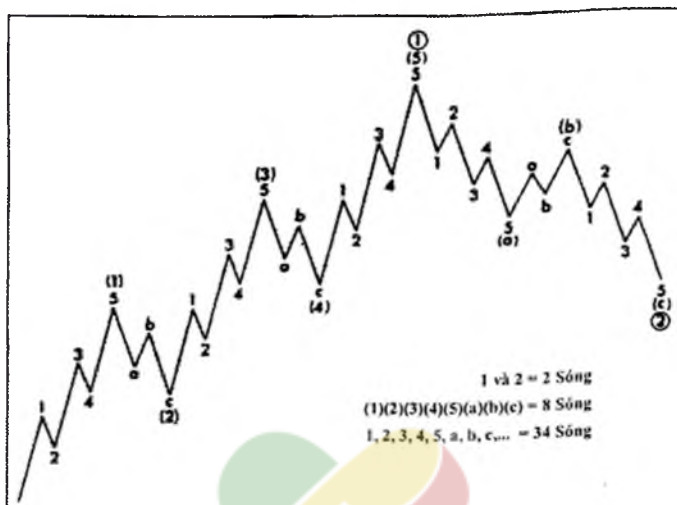


Hình 13.1 Mô hình cơ bản (A.J. Frost và Robert Prechter, nguyên lý Wave của Elliott [Gainesville, GA: New Classic Library, 1978], trang 20. Copyright © 1978 Frost và Prechter.)

hướng làm 9 loại (hay độ lớn) theo thứ tự từ một siêu chu kỳ lớn kéo dài hai trăm năm đến một loại vi cấp chỉ trong vài giờ. Cần nhớ là dù cấp độ xu hướng như thế nào thì chu kỳ 8 sóng cơ bản vẫn là liên tục không dừng.

Mỗi sóng được chia thành những sóng nhỏ hơn, và sau đó chúng lại được chia nhỏ thành những sóng còn nhỏ hơn nữa. Mỗi sóng là một phần của sóng lớn hơn. Hình 13.2 chứng minh những mối quan hệ này. Hai sóng lớn nhất là 1 và 2, có thể được chia nhỏ thành 8 sóng nhỏ hơn, rồi tiếp tục được chia thành 34 sóng nhỏ hơn nữa. Hai sóng lớn nhất 1 và 2 chỉ là hai sóng đầu tiên trong năm sóng của 5 sóng tăng lớn. Sóng 3 của mức độ lớn kế tiếp sắp bắt đầu. 34 sóng trong hình 13.2 được chia thành những sóng còn nhỏ hơn nữa trong hình 13.3 thành 144 sóng.

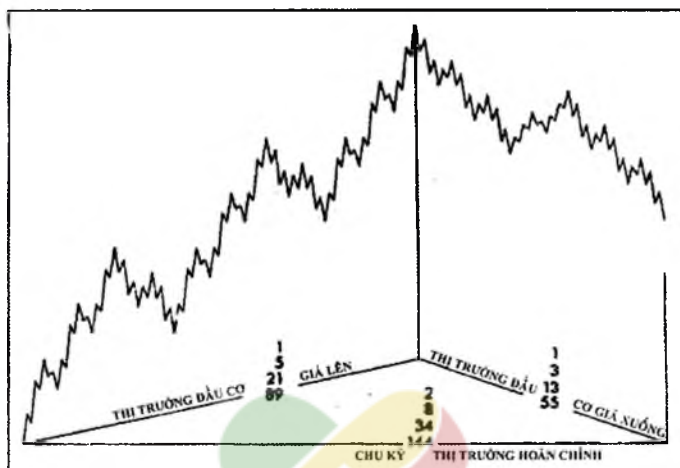
Các con số được thể hiện từ 1,2,3,5,8,13,21,34,55,89,144 - không chỉ là những con số ngẫu nhiên. Chúng là một phần của dãy số



Hình 13.2 (Frost và Prechter, trang 21. Copyright © 1978 bởi Frost và Prechter.)

Fibonacci giúp hình thành cơ sở toán học của lý thuyết sóng Elliott. Chúng ta sẽ quay lại vấn đề ngay sau đây. Bây giờ hãy nhìn vào hình 13.1-13.3 và chú ý một đặc điểm rất quan trọng của sóng. Bất chấp một sóng cho sẵn được chia thành năm hay ba sóng đều được xác định bởi đợt sự hiệu chỉnh của sóng lớn hơn kế tiếp. Ví dụ, trong hình 13.2, sóng (1), (3) và (5) được chia thành năm sóng bởi vì sóng lớn kế tiếp bao hàm chúng - sóng 1 - là một sóng tăng. Vì đang dịch chuyển ngược lại với xu hướng, sóng (2) và (4) chỉ được chia thành ba sóng. Nhìn kỹ hơn những sóng hiệu chỉnh (a), (b) và (c) tạo thành sóng hiệu chỉnh (2). Hãy chú ý rằng hai sóng giảm - (a) và (c) - được chia thành 5 sóng. Đó là do chúng di chuyển cùng hướng với sóng lớn hơn là sóng 2. Sóng (b) ngược lại chỉ gồm ba sóng, bởi vì chúng di chuyển ngược với sóng lớn 2.

Khả năng xác định 3 sóng và 5 sóng đóng vai trò rất quan trọng trong việc áp dụng phương pháp tiếp cận này. Thông tin này cho nhà



Hình 13.3 (Frost và Prechter, trang 22. Copyright © 1978 bởi Frost và Prechter.)

phân tích kỹ thuật biết điều gì sẽ diễn ra tiếp theo. Một biến động 5 sóng kết thúc có nghĩa rằng một phần của sóng lớn hơn đã hình thành và còn có những sóng khác (trừ khi nó là sóng thứ 5 của một sóng lớn gồm 5 sóng). Một trong những nguyên tắc quan trọng nhất cần phải ghi nhớ là trong 5 sóng đó không bao giờ xuất hiện một sự hiệu chỉnh. Trong một thị trường đầu cơ giá lên, nếu đợt suy giảm 5 sóng xuất hiện thì nó chỉ là sóng đầu tiên của 3 sóng giảm (a-b-c) và còn những sóng giảm khác nữa. Trong một thị trường đầu cơ giá xuống, sự tăng giá ba sóng được tiếp nối bằng sự hồi phục xu hướng giảm. Sự phục hồi năm sóng cảnh báo một vận động tăng giá quan trọng và có khả năng chỉ là sóng đầu tiên của một xu hướng tăng mới.

MỐI LIÊN HỆ GIỮA LÝ THUYẾT SÓNG ELLIOTT VÀ LÝ THUYẾT DOW

Hãy nói về mối liên hệ giữa ý tưởng của Elliot về năm sóng tăng và ba kỳ tăng của Dow trong thị trường đầu cơ giá lên. Rõ ràng là ý tưởng về

3 sóng tăng đi cùng 2 sóng hiệu chỉnh của Elliott tương thích với lý thuyết Dow. Rõ ràng là chịu ảnh hưởng từ lý thuyết Dow, tuy nhiên, Elliott tin rằng ông đã vượt ra khỏi lý thuyết Dow và cải tiến nó. Thật thú vị để lưu ý đến tác động của khái niệm biến cả đối với hai học giả này trong việc hình thành các lý thuyết của mình. Dow so sánh những xu hướng chính, cấp trung và nhỏ trong thị trường với những đợt thủy triều, sóng và những sóng lẫn tẩn của biển cả. Elliott thì thích những cụm "triều xuống và dòng" trong những bài viết của mình và đặt tên cho lý thuyết của mình là nguyên lý sóng.

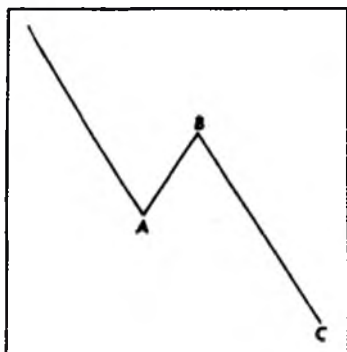
SÓNG HIỆU CHỈNH

Từ đầu đến giờ, chúng ta đã nói nhiều về sóng xung lượng trong xu hướng chính. Ngay bây giờ, chúng ta sẽ nói về sóng hiệu chỉnh. Nhìn chung, sóng hiệu chỉnh thường không được xác định một cách rõ ràng và cũng khó dự đoán hơn. Tuy nhiên, một điều chắc chắn là sóng hiệu chỉnh không bao giờ diễn ra trong năm sóng. Sóng hiệu chỉnh là ba sóng chứ không bao giờ là năm sóng (trừ trường hợp tam giác). Chúng ta sẽ thảo luận về ba loại sóng hiệu chỉnh hình zic zắc, mặt phẳng và tam giác.

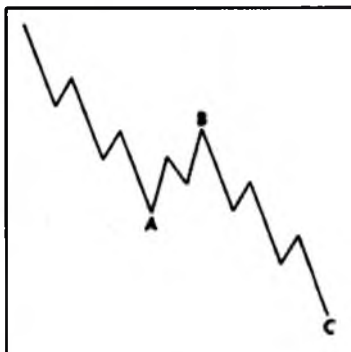
Hình zic zắc

Zic zắc là mô hình hiệu chỉnh ba sóng, ngược với xu hướng chính, bị tách thành một chuỗi 5-3-5. Hình 13.4 và 13.5 cho thấy một sự hiệu chỉnh hình zic zắc của thị trường đầu cơ giá lên, trong khi hình 13.6 và 13.7 lại thể hiện cho sự hồi phục của thị trường đầu cơ giá xuống. Có thể thấy được sóng trung B rơi xuống một khoảng ngắn trong phạm vi đầu sóng A và sóng C và vượt lên trên khỏi đoạn cuối của sóng A.

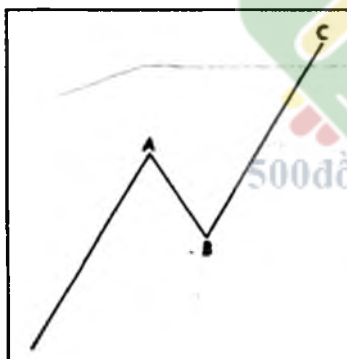
Một biến thể khác của hình zic zắc là zic zắc đôi trong hình 13.8. Biến thể này đôi khi lại xuất hiện trong những mô hình hiệu chỉnh lớn. Vì lý do này mà những mô hình zic zắc 5-3-5 thường lại xen kẽ với mô hình a-b-c.



Hình 13.4 Mô hình zic zắc (5-3-5) của thị trường dầu cơ giá lên. (Frost và Prechter, trang 36. Bản quyền năm 1978 của Frost và Prechter.)



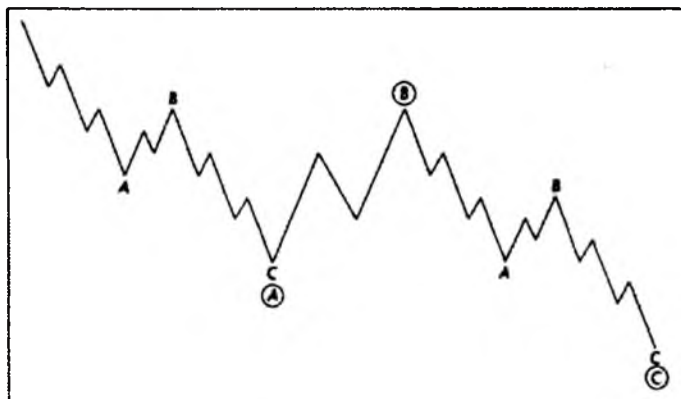
Hình 13.5 Mô hình zic zắc (5-3-5) của thị trường dầu cơ giá lên. (Frost và Prechter, trang 36. Bản quyền năm 1978 của Frost và Prechter.)



Hình 13.6 Mô hình zic zắc (5-3-5) của thị trường dầu cơ giá xuống. (Frost và Prechter, trang 36. Bản quyền năm 1978 của Frost và Prechter.)



Hình 13.7 Mô hình zic zắc (5-3-5) của thị trường dầu cơ giá xuống. (Frost và Prechter, trang 36. Bản quyền năm 1978 của Frost và Prechter.)



Hình 13.8 Mô hình zic zắc đôi. (Frost và Prechter, trang 36. Bản quyền năm 1978 của Frost và Prechter.)

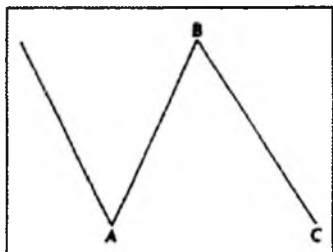
Hình mặt phẳng

Cách phân biệt được sự hiệu chỉnh mặt phẳng với mô hình hiệu chỉnh zic zắc là mặt phẳng luôn theo sau mô hình 3-3-5. Trong hình 13.10 và 13.12, sóng A là 3 chứ không phải 5. Nhìn chung thì hình mặt phẳng cho thấy tín hiệu củng cố hơn là hiệu chỉnh và biểu thị sự vững chắc của thị trường. Hình 13.9 và 13.12 là ví dụ cho những hình mặt phẳng thông thường. Chẳng hạn trong những thị trường giá tăng thì sóng B hồi phục lên trên đỉnh của sóng A để khẳng định sự vững chắc của thị trường. Sóng cuối cùng là sóng C kết thúc ngay tại hoặc chỉ ngay dưới đáy sóng A trong khi ở hình zic zắc thì sẽ rơi sâu xuống dưới điểm đó.

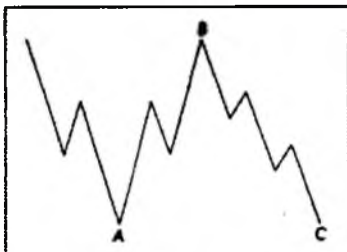
Hiệu chỉnh mặt phẳng có hai dạng biến thể bất quy tắc. Hình 13.13-13.16 là dạng thứ nhất. Lưu ý là trong ví dụ về thị trường đầu cơ giá lên (Xem hình 13.13 và 13.14), đỉnh của sóng B cao hơn đỉnh sóng A và sóng C vượt khỏi phạm vi đáy của sóng A.

Sẽ xuất hiện một dạng khác nữa khi sóng B đạt mức đỉnh của A, nhưng sóng C lại rơi xuống bằng với đáy của A. Hiển nhiên là mô hình

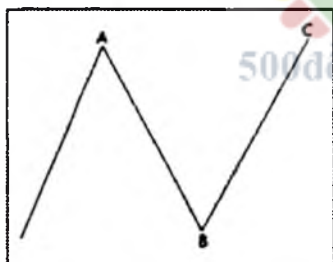
này mang ý nghĩa một thị trường tăng giá vững chắc hơn. Ta có thể xem ví dụ về biến thể này trong hình 13.17-13.20 với thị trường đầu cơ giá lên và thị trường đầu cơ giá xuống.



Hình 13.9 Một phẳng thị trường đầu cơ giá lên (3-3-5), mô hình hiệu chỉnh thông thường. (Frost và Prechter, trang 38. Bản quyền năm 1978 của Frost và Prechter.)



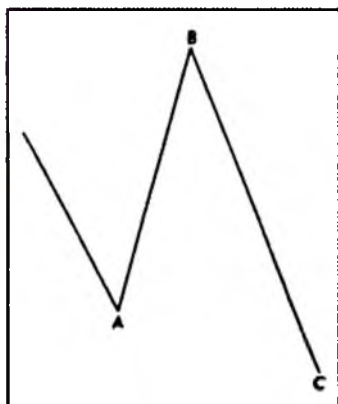
Hình 13.10 Một phẳng thị trường đầu cơ giá lên (3-3-5), mô hình hiệu chỉnh thông thường. (Frost và Prechter, trang 38. Bản quyền năm 1978 của Frost và Prechter.)



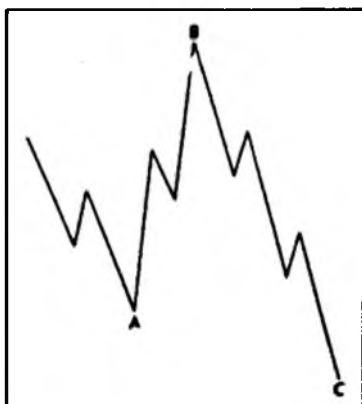
Hình 13.11 Một phẳng thị trường đầu cơ giá xuống (3-3-5), mô hình hiệu chỉnh thông thường. (Frost và Prechter, trang 38. Bản quyền năm 1978 của Frost và Prechter.)



Hình 13.12 Một phẳng thị trường đầu cơ giá xuống (3-3-5), mô hình hiệu chỉnh thông thường. (Frost và Prechter, trang 38. Bản quyền năm 1978 của Frost và Prechter.)



Hình 13.13 Mặt phẳng thị trường dầu cơ giá lên (3-3-5), mô hình hiệu chỉnh bất quy tắc. (Frost và Prechter, trang 39. Bản quyền năm 1978 của Frost và Prechter.)



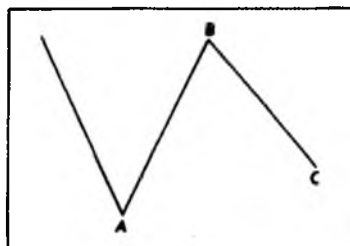
Hình 13.114 Mặt phẳng thị trường dầu cơ giá lên (3-3-5), mô hình hiệu chỉnh bất quy tắc. (Frost và Prechter, trang 39. Bản quyền năm 1978 của Frost và Prechter.)



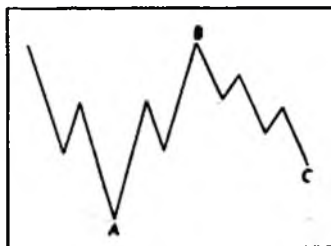
Hình 13.15 Mặt phẳng thị trường dầu cơ giá xuống (3-3-5), mô hình hiệu chỉnh bất quy tắc. (Frost và Prechter, trang 39. Bản quyền năm 1978 của Frost và Prechter.)



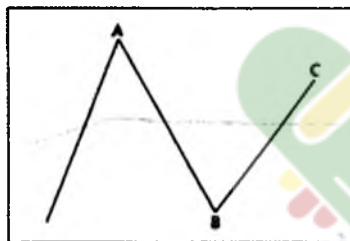
Hình 13.16 Mặt phẳng thị trường dầu cơ giá xuống (3-3-5), mô hình hiệu chỉnh bất quy tắc. (Frost và Prechter, trang 39. Bản quyền năm 1978 của Frost và Prechter.)



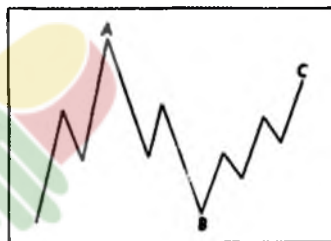
Hình 13.17 Mặt phẳng thị trường dầu cơ giá lên (3-3-5), mô hình hiệu chỉnh bất quy tắc đảo chiều. (Frost và Prechter, trang 40. Bản quyền năm 1978 của Frost và Prechter.)



Hình 13.18 Mặt phẳng thị trường dầu cơ giá lên (3-3-5), mô hình hiệu chỉnh bất quy tắc đảo chiều. (Frost và Prechter, trang 40. Bản quyền năm 1978 của Frost và Prechter.)



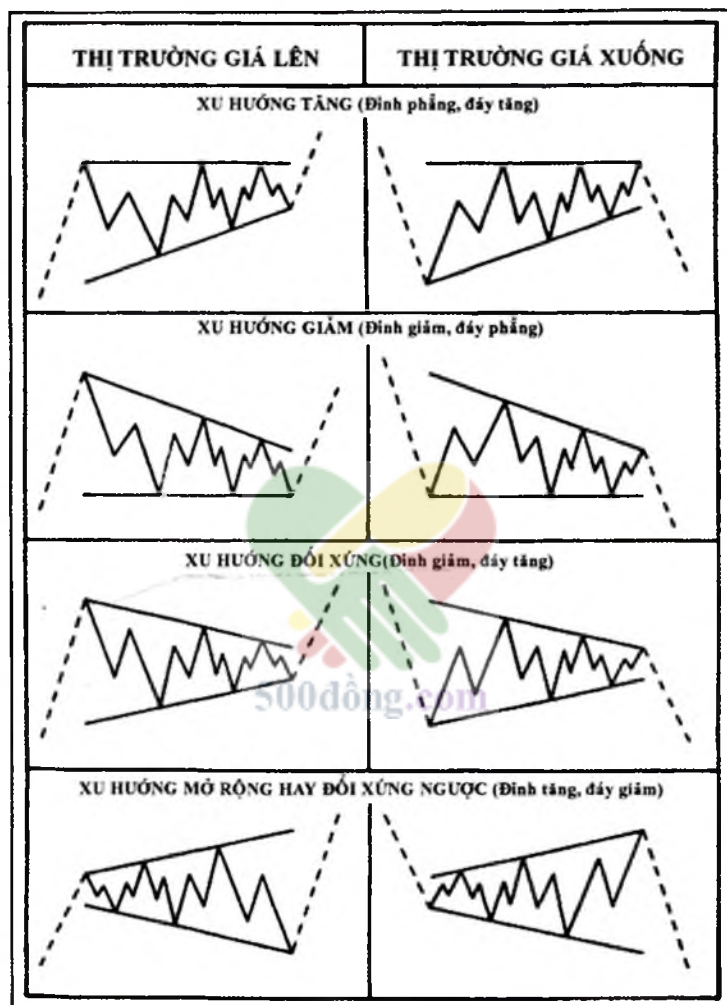
Hình 13.19 Mặt phẳng thị trường dầu cơ giá xuống (3-3-5), mô hình hiệu chỉnh bất quy tắc đảo chiều. (Frost và Prechter, trang 40. Bản quyền năm 1978 của Frost và Prechter.)



Hình 13.20 Mặt phẳng thị trường dầu cơ giá xuống (3-3-5), mô hình hiệu chỉnh bất quy tắc đảo chiều. (Frost và Prechter, trang 40. Bản quyền năm 1978 của Frost và Prechter.)

Mô hình tam giác

Tam giác chỉ xuất hiện tại sóng thứ tư và ngay trước vận động cuối cùng theo chiều hướng của xu hướng chính. (Chúng cũng xuất hiện tại sóng b trong mô hình hiệu chỉnh a-b-c.) Vì nguyên nhân đó, trong một xu hướng tăng, chúng ta có thể nói rằng tam giác là biểu hiện của cả thị trường dầu cơ giá lên lẫn thị trường dầu cơ giá xuống. Chúng được hiểu là tăng giá khi biểu thị sự hồi phục của xu hướng tăng. Ngược lại, ta hiểu rằng giảm giá nếu chúng thể hiện khả năng đạt đỉnh sau một sóng tăng. (Xem hình 13.21)



Hình 13.21 Tam giác sóng hiệu chỉnh (tam giác nằm ngang). (Frost và Prechter, trang 43. Bản quyền năm 1978 của Frost và Prechter.)

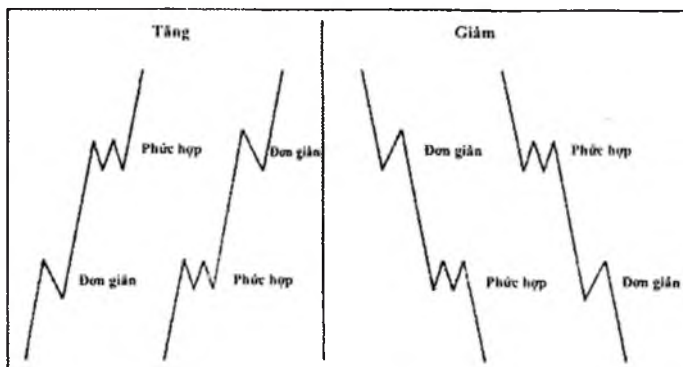
Cách diễn giải của Elliott về tam giác tương tự như cách giải thích truyền thống trước đó, nhưng có độ chính xác cao hơn. Như đã nói trong Chương 6, tam giác thường là một mô hình tiếp diễn. Tam giác của Elliott là một mô hình củng cố không rõ xu hướng, có 5 sóng trong đó mỗi sóng gồm 3 sóng nhỏ. Elliott chia thành 4 loại tam giác khác nhau - *tăng, giảm, đối xứng* và *mở rộng* - đã được giới thiệu trong Chương 6. Hình 13.21 thể hiện 4 dạng biến thể trong cả xu hướng tăng và giảm.

Vì đôi khi các mô hình đồ thị trong những hợp đồng hàng hóa tương lai không hình thành hoàn chỉnh như thị trường chứng khoán, nên không có gì bất thường khi mà tam giác trong thị trường tương lai lại chỉ có 3 sóng thay vì 5. (Tuy nhiên, cần lưu ý rằng một tam giác đòi hỏi phải có 4 điểm - 2 phía lên và 2 phía dưới để có thể vẽ được hai đường xu hướng hội tụ.) Lý thuyết sóng Elliott cũng cho rằng sóng thứ năm và sóng cuối cùng trong tam giác đôi khi lại phá vỡ đường xu hướng của chính nó, tạo ra một tín hiệu nguy tạo trước khi thực sự bắt đầu một cú phá vỡ theo hướng ban đầu.

Cách đo lường sóng thứ năm và sóng cuối cùng của Elliott sau khi một tam giác hình thành về cơ bản là giống với cách sử dụng đồ thị kinh điển, đó là dự đoán thị trường sẽ biến động một khoảng tương ứng với phần rộng nhất của tam giác (chiều cao). Ngoài ra cũng cần phải lưu ý thời gian hình thành nên đỉnh hoặc đáy cuối cùng. Theo Prechter thì đỉnh của tam giác (nơi hai đường xu hướng gặp nhau) thường đánh dấu thời điểm hình thành sóng thứ năm cuối cùng.

QUY LUẬT LUÂN PHIÊN

Nếu phát biểu một cách tổng quát hơn, quy tắc này cho biết thị trường không bao giờ hành động hai lần như nhau trong một dòng. Nếu đã xuất hiện trước đó thì một dạng đáy hoặc đỉnh sẽ không xuất hiện lần nữa. Quy tắc luân phiên không cho chúng ta biết chính xác chuyện gì sẽ diễn ra nhưng lại cho ta biết chuyện gì không thể xảy ra. Nếu áp dụng vào những trường hợp xác định, nó thường sẽ báo hiệu dạng mô hình hiệu



Hình 13.22 Quy tắc luân phiên. (Frost và Prechter, trang 50. Bản quyền năm 1978 của Frost và Prechter.)

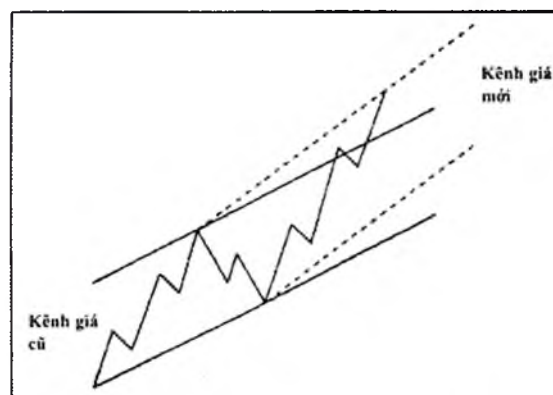
chính trong tương lai. Các sóng hiệu chỉnh thường có xu thế xen kẽ nhau. Nói cách khác, nếu sóng hiệu chỉnh 2 là mô hình a-b-c đơn giản thì sóng 4 sẽ là mô hình phức - một tam giác chẳng hạn. Ngược lại, nếu sóng 2 là sóng phức thì sóng 4 sẽ là sóng đơn. Hình 13.22 là một ví dụ.

VỀ KÊNH GIÁ

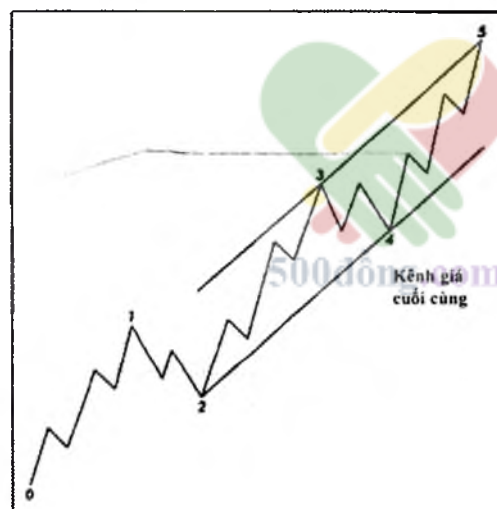
500dong.com

Một khía cạnh khác của lý thuyết sóng chính là cách sử dụng kênh giá, hãy nhớ lại những gì chúng ta đã nói về kênh giá trong Chương 4. Elliott dùng kênh giá để đạt được mục tiêu giá và xác nhận việc đếm sóng. Một khi xu hướng tăng được hình thành thì kênh giá ban đầu sẽ được vẽ từ đường xu hướng tăng cơ bản nối các đáy của sóng 1 và 2. Một đường song song sẽ được vẽ từ đỉnh sóng 1 như trong hình 13.23. Như vậy, cả xu hướng tăng nằm trong phạm vi hai đường xu hướng đó.

Nếu sóng 3 bắt đầu tiến nhanh vượt qua đường xu hướng bên trên, ta cần vẽ lại các đường xu hướng nối đỉnh sóng 1 và đáy của sóng 2 như trong hình 13.23. Kênh giá cuối cùng được vẽ bên dưới hai sóng hiệu chỉnh 2 và 4 thường nằm bên trên đỉnh của sóng 3 như trong hình 13.24. Nếu sóng 3 vững chắc một cách bất thường hoặc được mở rộng thì đường xu hướng bên trên phải được vẽ từ đỉnh của sóng 1. Sóng thứ 5



Hình 13.23
Kênh giá cũ và mới (Frost và Prechter, trang 62, Bản quyền năm 1978 của Frost và Prechter)



Hình 13.24
Kênh giá cuối cùng (Frost và Prechter, trang 63, Bản quyền năm 1978 của Frost và Prechter)

có thể tiến gần đường biên trên của kênh xu hướng trước khi kết thúc. Nếu muốn vẽ các đường biên của kênh xu hướng đồ thị, ta nên sử dụng đồ thị bán lô-ga chung với đồ thị số học.

SÓNG 4 VỚI TƯ CÁCH LÀ KHU VỰC HỖ TRỢ

Trước khi kết thúc phần này về mô hình sóng cùng các chỉ dẫn, chúng ta cần biết về tầm quan trọng của sóng 4 như một khu vực hỗ trợ trong

thị trường dầu cơ giá xuống. Sau 5 sóng tăng kết thúc và xu hướng giảm bắt đầu, thị trường dầu cơ giá xuống sẽ không rơi xuống thấp hơn sóng thứ tư trước đó một mức độ nhỏ hơn, tức là sóng thứ tư gần nhất hình thành trong thời gian giá tăng trước đó. Quy tắc này cũng có ngoại lệ nhưng thường thì đáy của sóng thứ tư kim hãm thị trường dầu cơ giá xuống. Thông tin này hữu dụng trong việc đạt được mục tiêu giá giảm cực đại.

CHUỖI FIBONACCI LÀ NỀN TẢNG CỦA NGUYÊN LÝ SÓNG

Trong cuốn *Luật Tự nhiên (Nature's Law)*, Elliott đã chỉ ra rằng nền tảng toán học của nguyên lý sóng chính là dãy số được Leonardo Fibonacci phát minh vào thế kỷ 15. Dãy số đó đã được thừa nhận và thường được gọi là *dãy Fibonacci*. Dãy này gồm các con số 1, 1, 2, 3, 5, 8, 13, 21, 34, 55, 89, 144 và tiếp tục đến vô cực.

Dãy này có rất nhiều đặc tính thú vị, trong số đó là mối liên hệ gần như là bền vững giữa các con số.

1. Tổng của bất kỳ hai số liên tiếp nào cũng bằng con số lớn hơn tiếp theo. Ví dụ, $3 + 5$ bằng 8, $5 + 8$ bằng 13,...
2. Tỷ số của bất kỳ một số nào với số lớn hơn tiếp theo đều bằng 0,618, sau 4 con số đầu tiên. Ví dụ, $1/1$ là 1,00; $1/2$ là 0,5; $2/3$ là 0,67; $3/5$ là 0,60; $5/8$ là 0,625; $8/13$ là 0,615; $13/21$ là 0,619 và tiếp tục. Chú ý rằng những giá trị phân số đầu tiên dao động trên dưới mức 0,618 với biên độ hẹp. Ngoài ra, các giá trị 1,00; 0,50; 0,67 cũng cần được lưu ý và chúng sẽ được nhắc đến nhiều hơn trong phần phân tích hệ số và thoái lui theo tỷ lệ phần trăm.
3. Tỷ số giữa một số bất kỳ với số nhỏ hơn bên cạnh đều bằng khoảng 1,618 hoặc nghịch đảo 0,618. Ví dụ, $13/8$ bằng 1,625; $21/13$ bằng 1,615; $34/21$ bằng 1,619. Số càng cao thì tỷ số càng tiến gần giá trị 0,618 và 1,618.
4. Tỷ số giữa các số xen kẽ gần bằng 2,618 hoặc nghịch đảo của nó, 0,382. Ví dụ $13/34$ bằng 0,382; $34/13$ bằng 2,615.

CÁC HỆ SỐ FIBONACCI VÀ SỰ THOÁI LUI

Chúng ta đã từng biết rằng lý thuyết sóng có ba khía cạnh: dạng sóng, hệ số và thời gian. Phần quan trọng nhất về dạng sóng đã được nói đến. Vậy bây giờ chúng ta sẽ chuyển sang các hệ số Fibonacci và sự thoái lui. Những mối quan hệ này đều có thể được áp dụng cho cả giá cả và thời gian, dù hệ số Fibonacci được coi là đáng tin cậy hơn. Trong phần sau, chúng ta sẽ thảo luận về khía cạnh thời gian.

Trước tiên, hãy xem ví dụ ở hình 13.1 và 13.3 để thấy rằng mô hình sóng cơ bản luôn luôn đột phân thành những con số Fibonacci. Một chu kỳ đầy đủ bao gồm 8 sóng - năm tăng và ba giảm - tất cả các con số đều thuộc dãy Fibonacci. Hai lần phân chia nữa sẽ sinh ra 34 và 144 sóng - cũng thuộc dãy Fibonacci. Tuy nhiên, cơ sở toán học chuỗi Fibonacci của lý thuyết sóng đã vượt ra khỏi việc đếm sóng đơn thuần. Có một số câu hỏi về mối quan hệ tỷ lệ giữa những sóng khác nhau, và sau đây là những hệ số Fibonacci được sử dụng thông dụng nhất:

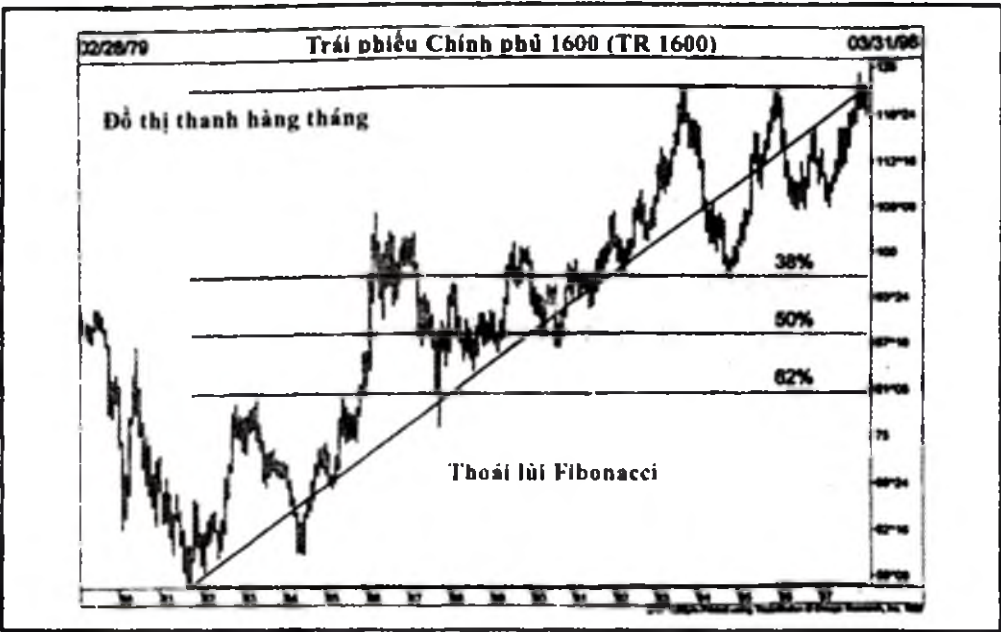
1. Một trong ba sóng xung lượng đôi khi lại được nối dài. Hai sóng còn lại bằng nhau về thời gian và độ lớn. Nếu sóng 5 được nối dài, sóng 1 và 3 có thể sẽ bằng nhau. Nếu sóng 3 được nối dài, sóng 1 và 5 có xu thế bằng nhau.
2. Mục tiêu tối thiểu của đỉnh sóng 3 được tính bằng cách nhân chiều dài sóng 1 với 1,618 và cộng tích đó với đáy của sóng 2.
3. Mục tiêu tối đa và tối thiểu của đỉnh sóng 5 được tính bằng tích của sóng 1 với 3,236 ($2 \times 1,618$) và lần lượt cộng tích đó vào giá trị của đỉnh hoặc đáy của sóng 1.
4. Khi sóng 1 và 3 bằng nhau thì sóng 5 dự đoán sẽ được nối dài, mục tiêu giá được xác định bằng khoảng cách từ đáy của sóng 1 đến đỉnh sóng 3, nhân với 1,618 và cộng tích đó vào đáy của sóng 4.
5. Đối với sóng hiệu chỉnh, trong mô hình hiệu chỉnh zig zắc 5-3-5 thông thường, sóng c thường bằng với chiều dài của sóng a.

6. Một cách khác để xác định chiều dài sóng c là nhân 0,618 với chiều dài của sóng a và lấy đáy của sóng a trừ tích đó.
7. Trong mô hình hiệu chỉnh mặt phẳng 3-3-5, khi sóng b đạt hoặc vượt khỏi đỉnh sóng a thì sóng c sẽ ở khoảng 1,618 chiều dài sóng a.
8. Trong mô hình tam giác đối xứng, mỗi sóng kế tiếp đều có mối liên hệ với sóng trước một giá trị 0,618.

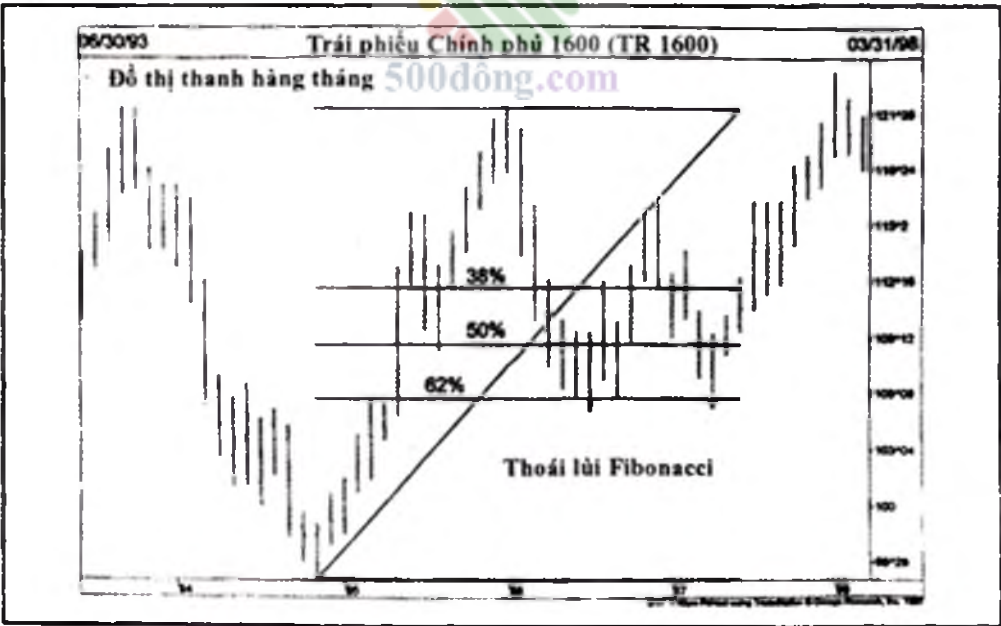
Thoái lui theo tỷ lệ phần trăm Fibonacci

Những hệ số nói trên giúp ta xác định được mục tiêu giá trong cả sóng tới và sóng hiệu chỉnh. Một cách khác cũng được sử dụng để xác định mục tiêu giá là sử dụng *thoái lui tỷ lệ phần trăm*. Những con số thường được dùng để phân tích thoái lui là 61,8% (thường được làm tròn thành 62%), 38% và 50%. Hãy nhớ lại **Chương 4**, trong đó nói rằng thị trường thường thoái lui so với những biến động trước đó một tỷ lệ phần trăm có thể dự đoán được - với những mức phổ biến là 33%, 50% và 67%. Chuỗi Fibonacci lọc những con số này lại. Trong một xu hướng vững chắc, mức thoái lui nhỏ nhất là khoảng 38%. Trong một xu hướng yếu hơn, mức thoái lui theo phần trăm tối đa là 62%. (Xem hình 13.25 và 13.26)

Như đã nói ở phần đầu, các hệ số Fibonacci chỉ đạt gần 0,618 sau 4 số đầu tiên. Ba tỷ số đầu là 1/1 (100%), 1/2 (50%) và 2/3 (66%). Nhiều bạn đọc không biết rằng mức thoái lui 50% phổ biến thực chất là thoái lui 2/3. Một sự thoái lui hoàn toàn (100%) của một thị trường đầu cơ giá lên hoặc giá xuống trước đó cũng đánh dấu một khu vực hỗ trợ hoặc kháng cự quan trọng.



Hình 13.25 Ba đường ngang là các mức thoái lùi 38%, 50% và 62% được xác định từ mức đáy năm 1981 đến mức đỉnh 1993 của Trái phiếu Chính phủ. Sự hiệu chỉnh giá trái phiếu năm 1994 ngưng tại đường thoái lùi 38%.



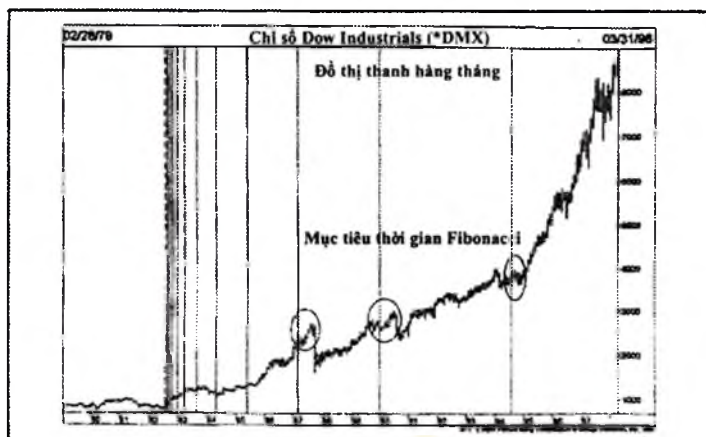
Hình 13.26 Ba đường tỷ lệ phần trăm Fibonacci được đo từ mức đáy năm 1994 của giá Trái phiếu đến mức đỉnh đầu năm 1996. Giá Trái phiếu được hiệu chỉnh đến đường 62%.

MỤC TIÊU THỜI GIAN FIBONACCI

Tuy chúng ta đã không nhắc nhiều đến khía cạnh thời gian trong phân tích sóng, nhưng mối quan hệ về thời gian Fibonacci vẫn tồn tại, chỉ là đặc điểm khó dự đoán của nó khiến những người sử dụng lý thuyết Elliott coi nó là khía cạnh ít quan trọng nhất của lý thuyết này. Mục tiêu thời gian này được tính từ những đỉnh và đáy quan trọng. Trên đồ thị hàng ngày, các nhà phân tích đếm số phiên giao dịch từ điểm chuyển đổi quan trọng và kỳ vọng các đáy và đỉnh tương lai sẽ xuất hiện tại những ngày Fibonacci - ngày thứ 13, 21, 34, 55 hoặc 89. Có thể sử dụng kỹ thuật này trong đồ thị hàng tuần, hàng tháng và hàng năm. Trên đồ thị tuần, nhà phân tích chọn một đỉnh hoặc đáy quan trọng và tìm kiếm mục tiêu thời gian trong tuần thuộc dãy Fibonacci. (Xem hình 13.27 và 13.28)



Hình 13.27 Mục tiêu thời gian Fibonacci được xác định trong khoảng thời gian từ đáy năm 1981 của Trái phiếu Chính phủ. Điều này có thể trùng hợp, nhưng 4 mục tiêu thời gian Fibonacci gần nhất (các thanh đứng) trùng với thời điểm thay đổi giá quan trọng.



Hình 13.28 Mục tiêu thời gian Fibonacci trong khoảng thời gian từ đáy năm 1982 của chỉ số Dow. Ba thanh đứng cuối cùng trùng với thời điểm thị trường chứng khoán giảm giá - 1987, 1990 và 1994. Kể từ mức đáy của năm 1982, đỉnh năm 1987 tồn tại trong 13 năm - là một con số thuộc dãy Fibonacci.

SỰ KẾT HỢP BA KHÍA CẠNH CỦA LÝ THUYẾT SÓNG

Một tình huống lý tưởng sẽ diễn ra khi mô hình sóng, phân tích hệ số và mục tiêu thời gian cùng xuất hiện. Giả sử một nghiên cứu cho thấy rằng khi hoàn chỉnh, sóng thứ năm sẽ bằng 1,618 lần khoảng cách từ đáy sóng 1 đến đỉnh sóng 3, và thời gian tính từ đầu xu hướng là 13 tuần tính từ đáy trước đó và 34 tuần từ đỉnh trước đó. Tiếp tục, giả sử sóng thứ năm kéo dài 21 ngày thì khả năng sắp xuất hiện một đỉnh quan trọng.

Khi nghiên cứu đồ thị giá chứng khoán và các thị trường tương lai, chúng ta sẽ nhận ra những mối quan hệ thời gian Fibonacci. Tuy nhiên, các mối quan hệ này lại rất đa dạng. Mục tiêu thời gian Fibonacci có thể được tính từ đỉnh đến đỉnh, đỉnh đến đáy, đáy đến đáy và đáy đến đỉnh, những mối quan hệ này sẽ được xác minh sau khi xảy ra sự kiện. Không phải lúc nào cũng có thể biết rõ mối quan hệ nào dùng cho một xu hướng nào.

LÝ THUYẾT SÓNG ELLIOT ĐƯỢC ÁP DỤNG CHO THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Có những khác biệt trong việc áp dụng lý thuyết sóng vào thị trường chứng khoán so với thị trường hàng hóa. Ví dụ, sóng 3 có xu hướng nổi dài trong chứng khoán, nhưng trong thị trường hàng hóa thì là sóng 5. Một quy tắc bất di bất dịch của thị trường chứng khoán nhưng không phải của thị trường hàng hóa, đó là sóng 4 không bao giờ chồng lên sóng 1. (Trên đồ thị tương lai có thể xuất hiện những cú phá vỡ trong ngày). Đôi khi, đồ thị của thị trường tiền mặt có mô hình rõ ràng hơn so với thị trường tương lai. Việc sử dụng những mô hình tiếp diễn trong thị trường hàng hóa tương lai đã gây ra những nhầm lẫn ảnh hưởng đến những mô hình Elliott dài hạn.

Sự khác biệt quan trọng nhất giữa hai thị trường là sự tăng giá trong thị trường hàng hóa có thể bị “kìm hãm”, nghĩa là những mức cao đạt được khi giá tăng không phải lúc nào cũng cao hơn mức cao trước. Trong thị trường hàng hóa có 5 sóng hoàn chỉnh, có khả năng xu hướng tăng sẽ thấp hơn mức cao trước đó. Trong giai đoạn từ năm 1980 đến 1981, những đỉnh quan trọng của nhiều thị trường hàng hóa thất bại trong việc vượt ra khỏi những đỉnh quan trọng của 7,8 năm về trước. Với tư cách là một sự so sánh cuối cùng giữa hai lĩnh vực, dường như các mô hình sóng hoàn hảo của thị trường hàng hóa được sinh ra từ cú phá vỡ một gốc nổi dài trong dài hạn.

Cần nhớ rằng lý thuyết sóng vốn được áp dụng cho thị trường chứng khoán chung và nó không mấy hiệu quả trong một thị trường riêng lẻ. Đồng thời nó cũng không hoạt động tốt trong những thị trường giao dịch tương lai vắng vẻ vì lý thuyết này chủ yếu dựa trên nền tảng tâm lý số đông. Với tư cách là một minh họa, vàng là công cụ hoàn hảo cho việc phân tích sóng do tính phổ biến của nó.

TÓM LƯỢC

Chúng ta hãy cùng tóm lược những yếu tố quan trọng của lý thuyết sóng và đặt nó trong một viễn cảnh thích hợp.

1. Một chu kỳ thị trường đầu cơ giá lên hoàn chỉnh bao gồm 8 sóng, 5 sóng tăng đi trước 3 sóng giảm.
2. Một xu hướng được chia thành 5 sóng theo hướng phát triển của xu hướng lớn hơn.
3. Sự hiệu chỉnh luôn luôn gồm ba sóng.
4. Hai loại hiệu chỉnh đơn giản là zig zag (5-3-5) và mặt phẳng (3-3-5).
5. Mô hình tam giác thường là sóng thứ tư và luôn luôn xuất hiện trước sóng cuối cùng. Tam giác cũng có thể là sóng hiệu chỉnh B.
6. Sóng có thể được nối dài thành sóng dài hơn và được có thể chia nhỏ thành những sóng ngắn hơn.
7. Đôi khi một trong những sóng xung lượng sẽ được nối dài. Hai sóng còn lại sẽ bằng nhau về thời gian và độ lớn.
8. Chuỗi Fibonacci là cơ sở toán học của Lý thuyết sóng Elliott.
9. Số lượng sóng cũng tuân theo theo chuỗi Fibonacci.
10. Hệ số Fibonacci và sự thoái lùi được dùng để xác định mục tiêu giá. Mức thoái lùi thường thấy là 62%, 50% và 38%.
11. Quy tắc luân phiên cho ta biết một sự kiện không diễn ra hai lần liên tiếp.
12. Thị trường đầu cơ giá xuống có thể sẽ không rơi xuống dưới đáy của sóng thứ tư trước đó.
13. Sóng 4 không chống lên sóng 1 (không áp dụng cho thị trường tương lai).
14. Lý thuyết sóng Elliott bao gồm mô hình sóng, hệ số và thời gian xếp theo trình tự quan trọng.
15. Lý thuyết này vốn được áp dụng cho thị trường chứng khoán chung và không hiệu quả cho một thị trường riêng lẻ.
16. Lý thuyết này có hiệu quả nhất cho thị trường hàng hóa có tính phổ biến cao, như vàng chẳng hạn.
17. Sự khác biệt chủ yếu trong các nhóm hàng hóa là sự tồn tại của thị trường giá lên.

CHƯƠNG 14

Chu kỳ thời gian

GIỚI THIỆU

Mỗi quan tâm của chúng ta cho đến điểm này luôn là sự biến động giá mà không nhắc nhiều đến vai trò của yếu tố thời gian trong vấn đề dự đoán. Vấn đề thời gian hiện diện trong hầu hết những thảo luận của chúng ta về phân tích kỹ thuật, nhưng chỉ nhận được sự quan tâm thứ yếu. Trong chương này, chúng ta sẽ tìm hiểu quá trình dự đoán qua cách nhìn của các nhà phân tích chu kỳ - những người tin rằng *chu kỳ thời gian* đóng vai trò chủ chốt trong việc nhận định vì sao thị trường tại đi lên hoặc đi xuống. Trong quy trình này, chúng ta sẽ bổ sung tầm quan trọng của thời gian vào danh sách không ngừng tăng các công cụ kỹ thuật. Thay vì tự hỏi thị trường đi theo *hướng nào* và *đi bao xa*, chúng ta sẽ chất vấn rằng khi nào nó sẽ đến đó hay thậm chí là khi nào thì biến động sẽ bắt đầu.

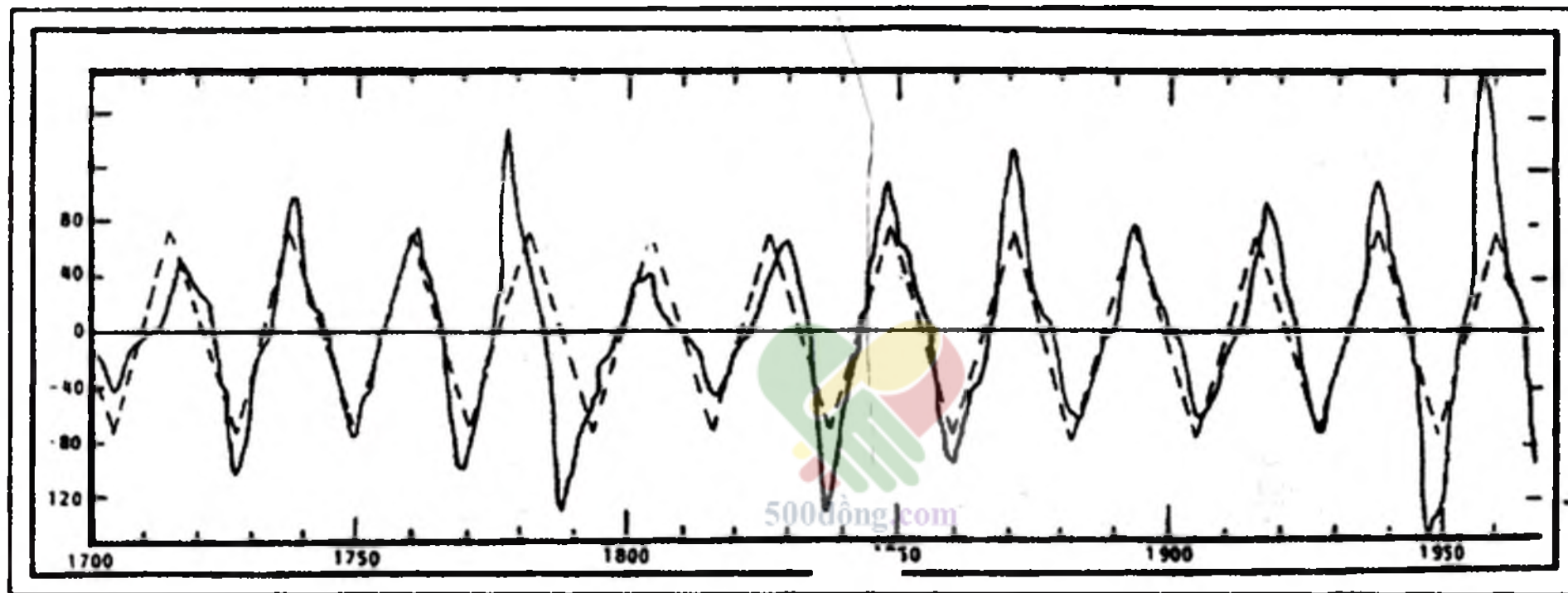
Hãy xem đồ thị thanh hàng chuẩn hàng ngày. Cột dọc là thang giá. Nhưng đó chỉ là 50% số dữ liệu cần thiết. Cột nằm ngang là thang thời gian. Chính vì thế, đồ thị thanh thực sự là đồ thị giá và thời gian. Tuy nhiên, nhiều nhà giao dịch chỉ tập trung vào dữ liệu giá mà quên đi yếu tố thời gian. Khi nghiên cứu mô hình, chúng ta biết rằng có một mối quan hệ giữa thời gian hình thành mô hình và tiềm năng của vận động thị trường theo sau. Chẳng hạn như một ngưỡng kháng cự hay hỗ trợ hoặc một đường xu hướng càng duy trì lâu thì độ bền vững càng cao.

Đường trung bình di động phải tính trong khoảng thời gian thích hợp. Thậm chí khi đo lường chỉ báo dao động, ta cũng cần biết nó đo lường bao nhiêu ngày. Trong chương trước, chúng ta đã đề cập đến tính hữu dụng của mục tiêu thời gian Fibonacci.

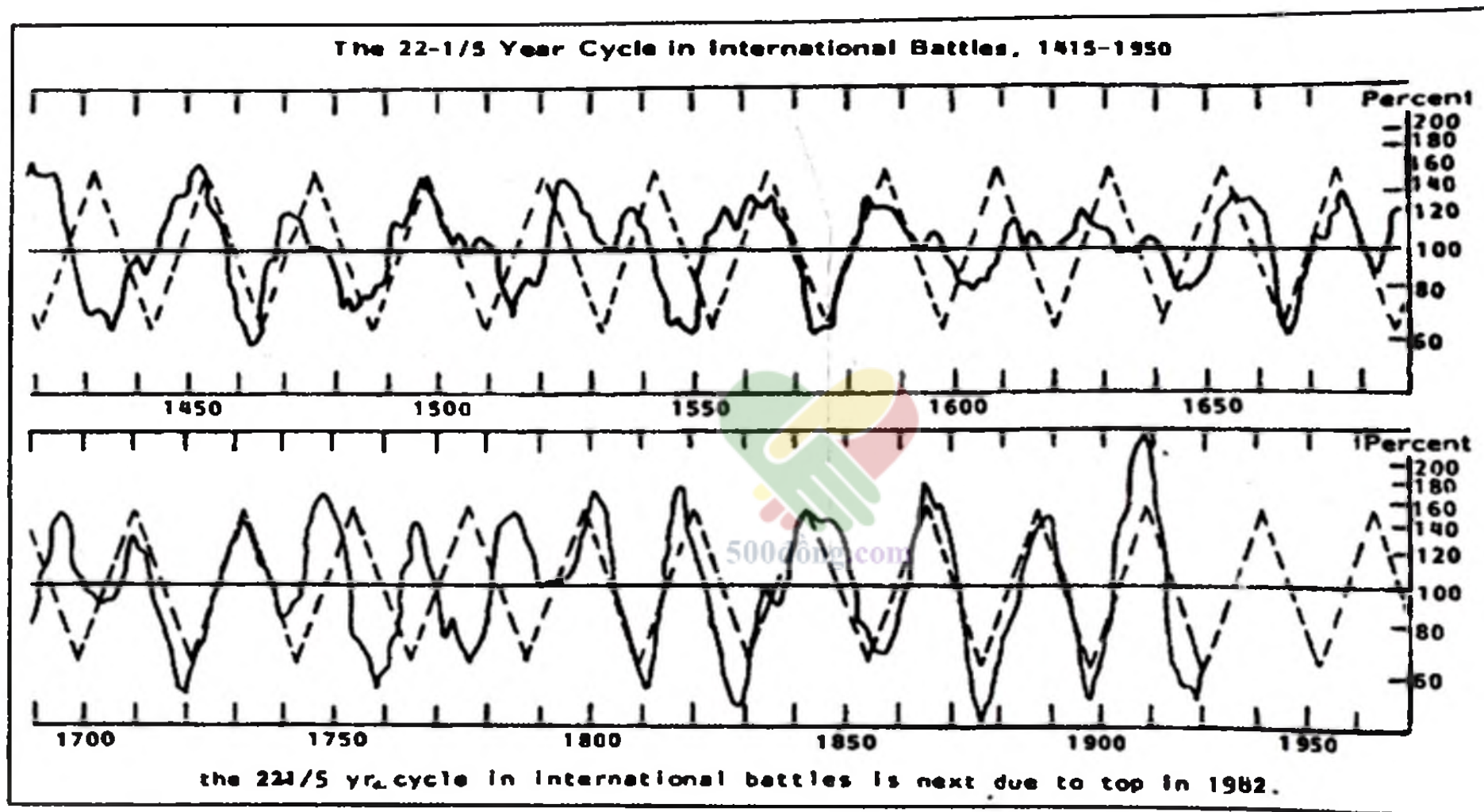
Rõ ràng, ở một khía cạnh nào đó, tất cả các giai đoạn trong phân tích kỹ thuật đều phụ thuộc vào sự xem xét về thời gian. Tuy nhiên, những cân nhắc này không phải lúc nào cũng được áp dụng một cách phù hợp. Do đó mà chu kỳ thời gian thể hiện điểm mạnh của nó. Thay vì đóng vai trò thứ yếu hay vai trò hỗ trợ trong các vận động của thị trường, chu kỳ thời gian được các nhà phân tích chu kỳ xem là yếu tố quyết định trong thị trường dầu cơ giá lên và giá xuống. Không chỉ thời gian là yếu tố nổi bật mà tất cả những công cụ kỹ thuật khác cũng được cải thiện khi kết hợp với chu kỳ. Ví dụ, đường trung bình di động và chỉ báo dao động được tối ưu hóa khi đưa vào chu kỳ chính. Phân tích xu hướng cũng có thể chính xác hơn so với phân tích chu kỳ nhờ xác định được đường xu hướng bền vững. Phân tích mô hình giá cũng có hiệu quả hơn nếu kết hợp với các đỉnh và đáy của chu kỳ. Bằng cách sử dụng "cửa sổ thời gian", vận động giá có thể được chọn lọc bằng cách bỏ qua những động thái không liên quan và đặt trọng tâm vào những thời điểm xuất hiện đỉnh và đáy chu kỳ quan trọng.

CHU KỲ

Cuốn sách hấp dẫn nhất về chu kỳ mà tôi đã từng đọc là cuốn *Những động lực bí ẩn làm nảy sinh sự kiện* (*The mysterious forces that trigger event*) của hai tác giả Edward R. Dewey, một trong những nhà phân tích chu kỳ tiên phong và Og Mandino. Hàng nghìn chu kỳ tưởng chừng không hề liên quan lại tồn tại độc lập kéo dài hàng trăm năm, có những trường hợp cả hàng nghìn năm. Mọi thứ từ chu kỳ 9,6 năm của đàn cá hồi Ấn Độ Dương đến chu kỳ 22,20 năm của các cuộc chiến tranh thế giới từ năm 1415 đến 1930 đều được theo dõi và ghi lại. Chu kỳ trung bình của vết đen mặt trời kể từ năm 1527 là 11,11 năm. Nhiều chu kỳ kinh tế, gồm chu kỳ hoạt động bất động sản 18,33 năm đến chu kỳ thị trường chứng khoán 9,2 năm đều được trình bày. (Xem hình 14.1 và 14.2)



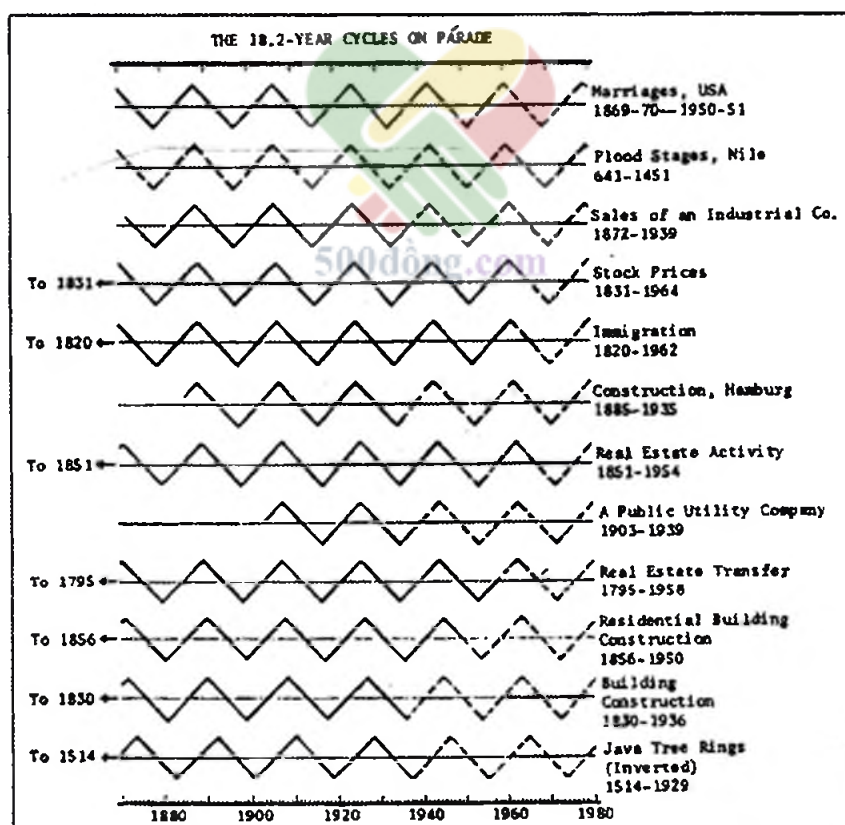
Hình 14.1 Chu kỳ 22,2 năm của vết đen mặt trời. Hạn hán thường diễn ra 2 năm sau khi vết đen bắt đầu từ năm 1770, và lần tiếp theo là giữa thập niên 90 của thế kỷ 20. Trên đồ thị, đường gạch chấm là đường chu kỳ lý tưởng, còn đường kẻ liền là trên thực tế.
(Courtesy of the Foundation for the Study of Cycles, Wayne, PA.)



Hình 14.2 Năm 1982 là đỉnh chu kỳ 22,3 năm của chiến tranh thế giới. Trên đồ thị, đường gạch chấm là đường chu kỳ lý tưởng, đường kẻ liền là số liệu từ thực tế. (Courtesy of the Foundation for the Study of Cycles, Wayne, PA.)

Dewey đưa ra hai kết luận gây ngạc nhiên. Thứ nhất, nhiều chu kỳ của các hiện tượng có vẻ không liên quan nhau lại có khoảng thời gian tương tự. Trong trang 188 của cuốn sách, Dewey liệt kê 37 ví dụ về chu kỳ 9,6 năm, bao gồm đàn sâu bướm ở New Jersey, bầy chó sói ở Canada, diện tích trồng lúa mì ở Mỹ và giá bông vải ở Mỹ. Tại sao những hoạt động không liên quan lại thể hiện những chu kỳ như nhau?

Khám phá thứ hai là những chu kỳ tương tự này hoạt động đồng thời, tức là đối chiều cùng một lúc. Hình 14.3 thể hiện 12 ví dụ khác nhau về chu kỳ 18,2 năm gồm kết hôn, nhập cư, và giá chứng khoán Mỹ. Dewey đã táo bạo rút ra kết luận rằng có gì đó trong vũ trụ tạo nên



Hình 14.3 Chu kỳ 18.2 năm của các sự kiện. (Nguồn: Dewey, Edward R., *Cycles: động lực bí ẩn thúc đẩy sự kiện* (New York: Manor Book, 1973).)

những chu kỳ này, dường như là có một mầm mống nào đó trong vũ trụ giải thích cho những chu kỳ hiện diện trong quá nhiều lĩnh vực của đời sống con người.

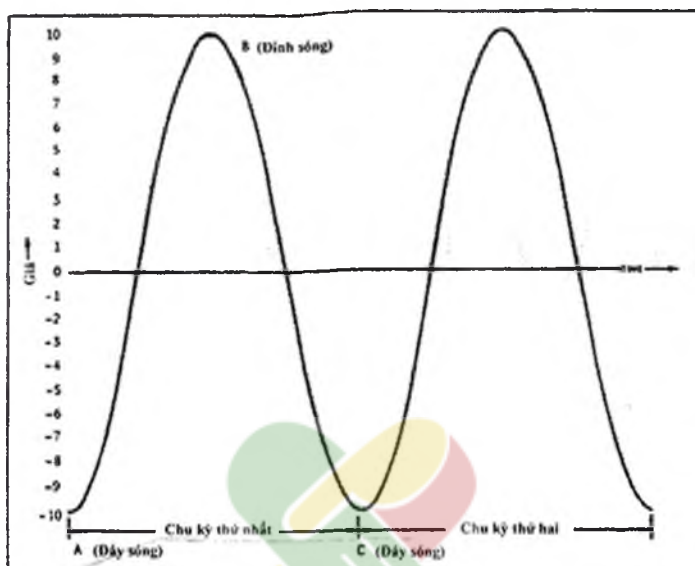
Năm 1941, Dewey thành lập Tổ chức nghiên cứu chu kỳ (Foundation for Study of Cycles, 900 W. Valley Rd., Suite 502, Wayne, Pa 19087). Đây là tổ chức lâu đời nhất và dẫn đầu trong lĩnh vực nghiên cứu chu kỳ. Tổ chức này phát hành tạp chí *Chu kỳ (Cycles)* để giới thiệu các nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực bao gồm kinh tế học và kinh doanh. Tổ chức này cũng ban hành một báo cáo hàng tháng có tên là *Cycles Projections* - ấn bản áp dụng những phân tích chu kỳ vào chứng khoán, hàng hóa, bất động sản và nền kinh tế.

Khái niệm cơ bản về chu kỳ

Năm 1970, J.M. Hurst viết cuốn “*Sự nhiệm màu của việc xác định thời điểm giao dịch chứng khoán*” (*The Profit Magic of Stock Transaction Timing*). Mặc dù chủ yếu liên quan đến các chu kỳ trong thị trường chứng khoán, nhưng cuốn sách này đại diện cho một trong những tài liệu hay nhất từng được xuất bản về lý thuyết chu kỳ và được khuyến nghị nên đọc. Những đồ thị sau đây được trích từ tác phẩm của Hurst.

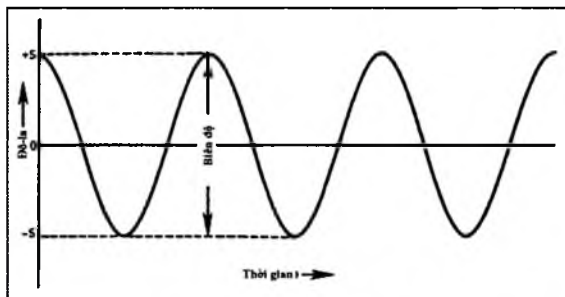
Đầu tiên, hãy xem chu kỳ là gì và thảo luận về ba đặc điểm chính của nó. Hình 14.4 thể hiện hai lần lặp lại của một chu kỳ giá. Đáy chu kỳ được gọi là *máng (trough)* và đỉnh là *chòm (crest)*. Hãy chú ý hai sóng ở đây được đo từ đáy đến đáy. *Nhà phân tích chu kỳ thích đo chiều dài của chu kỳ từ những điểm thấp nhất với nhau*. Ta cũng có thể đo từ các đỉnh nhưng chúng được xem là không ổn định và không đáng tin cậy như đáy. Chính vì thế, ta thường đo điểm bắt đầu và kết thúc của một sóng chu kỳ tại một đáy như trên hình.

Chu kỳ có 3 đặc điểm là *biên độ, thời gian, pha*. Biên độ là chiều cao của sóng như trong hình 14.5 và được biểu diễn qua đồng đô-la Mỹ, xu hoặc điểm. Thời gian của một sóng như trên hình 14.6 là thời gian giữa hai đáy. Thời gian trong ví dụ là 20 ngày. Pha là thời gian xác định

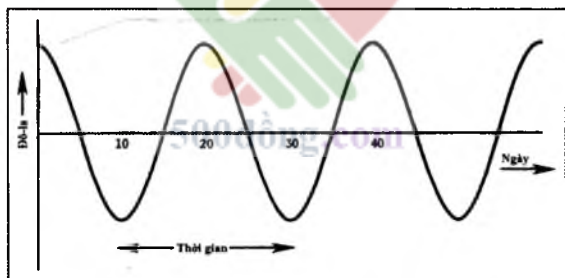


Hình 14.4 Hai chu kỳ của một *sóng giả*. Một sóng đơn kết hợp thành động thái giá chứng khoán và hàng hóa. Chỉ hai chu kỳ của sóng này được thể hiện trên hình, nhưng bản thân sóng nổi dài vô định về trái và phải. Những sóng như vậy cứ lặp đi lặp lại các chu kỳ. Kết quả, một khi xác định được sóng thì có thể xác định giá trị của chúng ở bất kỳ thời điểm nào trong quá khứ hoặc tương lai. Đặc điểm này mang lại khả năng dự đoán động thái giá chứng khoán.

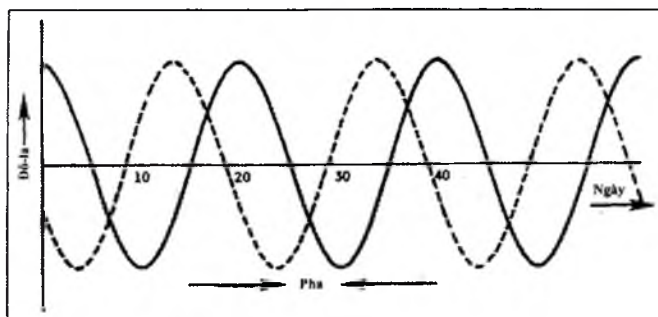
một đáy. Hình 14.7 thể hiện sự chênh lệch pha giữa hai sóng. Bởi vì có nhiều chu kỳ xuất hiện cùng một lúc nên *pha* cho phép nhà phân tích tìm hiểu mối quan hệ giữa những chiều dài chu kỳ khác nhau. Pha cũng được sử dụng để xác định ngày của đáy chu kỳ cuối cùng. Ví dụ, nếu một chu kỳ 20 ngày đạt đáy 10 ngày trước, thì ngày xuất hiện đáy chu kỳ tiếp theo có thể được dự đoán. Một khi biên độ, thời gian và pha của một chu kỳ được xác định, trên lý thuyết, ta có thể dự đoán được nó trong tương lai. Giả sử chu kỳ vẫn bất biến, nó có thể được sử dụng để dự đoán đỉnh và đáy trong tương lai. Đó là đặc điểm căn bản nhất của cách tiếp cận chu kỳ.



Hình 14.5 Biên độ của sóng. Trên hình, sóng có biên độ 10 đô-la (từ -5 đến +5). Biên độ luôn được đo từ đỉnh đến đáy sóng.



Hình 14.6 Thời gian của một sóng. Trên hình, sóng có thời gian 20 ngày, được tính từ đây này đến đây kế tiếp. Thời gian cũng có thể được đo tương tự giữa hai đỉnh, nhưng trong những sóng giả thì đây sóng được xác định rõ hơn đỉnh sóng vì lý do sẽ được nói đến ở phần sau. Vì vậy, thời gian của sóng giả thường được đo từ đây đến đây.



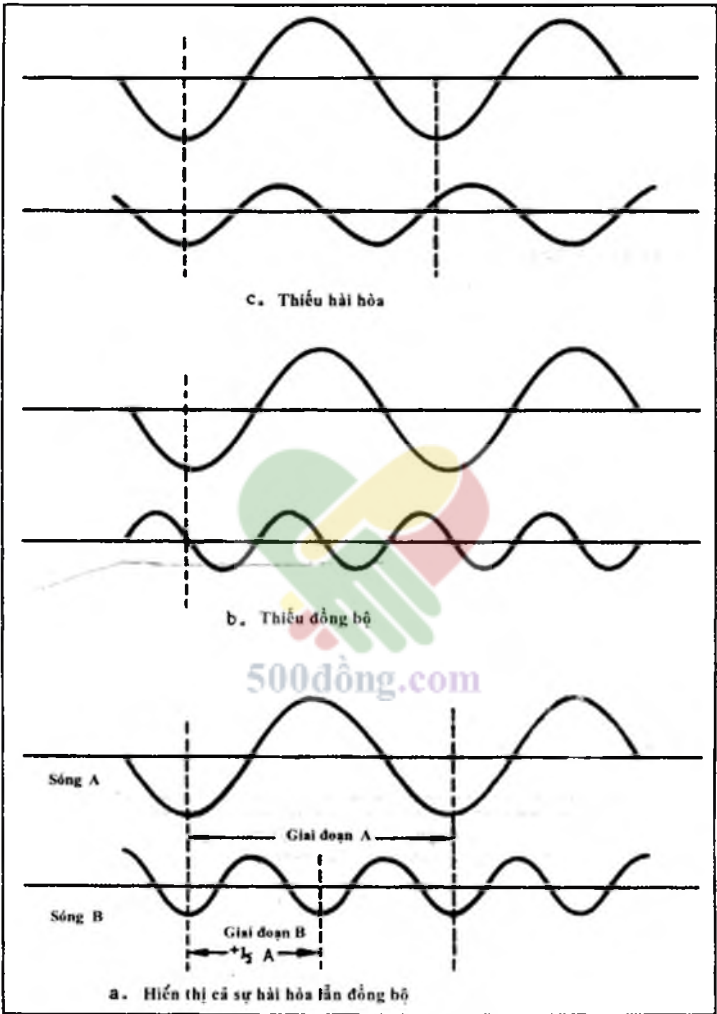
Hình 14.7 Sự chênh lệch pha giữa hai sóng là 6 ngày. Sự chênh lệch pha được đo giữa hai đáy sóng bởi vì trong sóng giá thì đáy là điểm dễ xác định hơn.

Các nguyên tắc chu kỳ

Hãy tìm hiểu một số nguyên tắc cơ bản của triết lý chu kỳ. Bốn nguyên tắc quan trọng nhất là Nguyên tắc Cộng gộp, Hải hòa, Đồng bộ và Cân đối.

Nguyên tắc Cộng gộp cho biết tất cả các vận động giá chỉ đơn thuần là tổng tất các chu kỳ hoạt động. Hình 14.8 mô tả mô hình giá tại đỉnh được hình thành bằng cách cộng hai chu kỳ khác nhau tại đáy lại với nhau. Đặc biệt, hãy chú ý hình dạng của hai đỉnh trong sóng hỗn hợp C. Lý thuyết chu kỳ nói rằng tất cả các mô hình giá đều được hình thành bởi sự tác động qua lại của từ hai chu kỳ khác nhau trở lên. Chúng ta sẽ quay lại vấn đề này sau. Nguyên tắc Tổng cộng giúp chúng ta hiểu thấu mấu chốt của dự đoán theo chu kỳ. Giả sử mọi vận động giá chỉ là tổng chiều dài những chu kỳ khác nhau. Tiếp tục, những chu kỳ riêng lẻ này có thể được tách ra và được đo lường. Giả sử mỗi chu kỳ sẽ tiếp tục biến động bất thường cho đến tương lai. Sau đó chỉ cần duy trì mỗi chu kỳ liên tục đến tương lai và cộng lại với nhau cấu thành xu hướng giá tương lai. Đó chính là lý thuyết chu kỳ.

Nguyên tắc Hải hòa phát biểu rằng các sóng lân cận thường liên hệ với nhau theo cấp số 2. Ví dụ, nếu chu kỳ 20 ngày xuất hiện thì chu kỳ



Hình 14.9 Nguyên tắc Hài hòa và Đồng bộ

xu hướng tương tự, mô tả tính đồng thời của chúng. Tính đồng thời cũng có nghĩa là những chu kỳ bằng nhau trong các thị trường khác nhau cũng sẽ có sự chuyển đổi như nhau.

Nguyên tắc Cân đối miêu tả mối quan hệ giữa thời gian và biên độ của chu kỳ. Chu kỳ có thời gian dài hơn (chiều dài) sẽ có biên độ tương ứng rộng hơn. Biên độ, hay chiều cao của một chu kỳ 40 ngày sẽ là gấp đôi chu kỳ 20 ngày.

Nguyên tắc biến thể và danh nghĩa

Có hai nguyên tắc chu kỳ khác mô tả hành vi chu kỳ theo một cách bao quát hơn - *Nguyên tắc Biến thể* và *Nguyên tắc Danh nghĩa*

Như chính tên gọi cho thấy, Nguyên tắc Biến động là sự thừa nhận thực tế rằng mọi nguyên tắc chu kỳ được đề cập - Cộng gộp, Hải hòa, Đồng bộ và Cân đối - là xu thế mạnh mẽ nhưng không phải là bất di bất dịch. Thế giới này đầy những biến đổi đó thôi.

Nguyên tắc Danh nghĩa dựa trên tiền đề rằng, bất chấp sự khác biệt của các thị trường khác nhau và việc cân nhắc những biến đổi trong việc thực hiện các nguyên tắc tuần hoàn, dường như vẫn có một chu kỳ hải hòa ảnh hưởng đến thị trường trên danh nghĩa. Và dạng chu kỳ danh

Năm	Tháng	Tuần	Ngày
18			
9			
	54		
	18		
		40	
		20	
			80
			40
			20
			10
			5

Hình 14.10 Mô hình danh nghĩa giản đơn

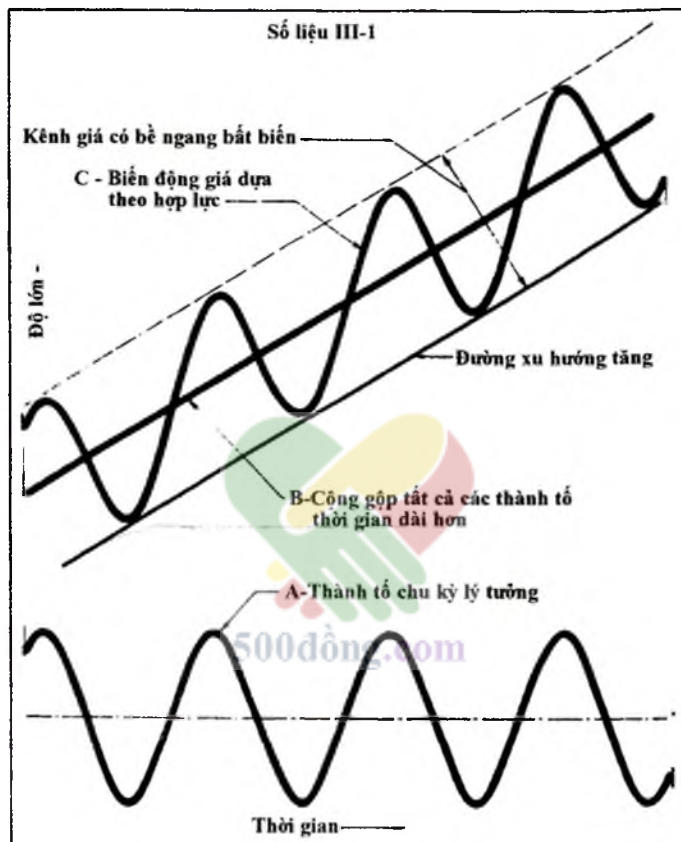
nghĩa như vậy được sử dụng như là điểm khởi động trong phân tích bất cứ thị trường nào. Hình 14.10 thể hiện một phiên bản giản đơn của mô hình danh nghĩa đó. Mô hình bắt đầu với chu kỳ 18 năm và cứ mỗi chu kỳ liên tiếp thấp hơn có chiều dài bằng một nửa mô hình trước. Ngoại lệ duy nhất là chu kỳ 18 tháng chỉ bằng $1/3$ chu kỳ 54 tháng chứ không phải một nửa.

Khi thảo luận về các chiều dài chu kỳ khác nhau trong những thị trường riêng lẻ, chúng ta sẽ thấy rằng mô hình danh nghĩa có thể giải thích cho hầu hết mọi hoạt động theo chu kỳ. Bây giờ, hãy nhìn vào cột "ngày". Chú ý ngày 40, 20, 10 và 5. Bạn sẽ nhanh chóng nhận ra đây là những thời gian tính đường trung bình di động phổ biến. Thậm chí có cả những con số như đường trung bình di động 4,9 và 18 ngày rất phổ biến vốn là biến thể của con số 5,10 và 20. Cú phá vỡ hàng tuần cũng sử dụng những con số này nhưng được chuyển sang giá trị tuần thành 2,4 và 8.

KHÁI NIỆM CHU KỲ GIÚP GIẢI THÍCH KỸ THUẬT SỬ DỤNG BIỂU ĐỒ NHƯ THẾ NÀO

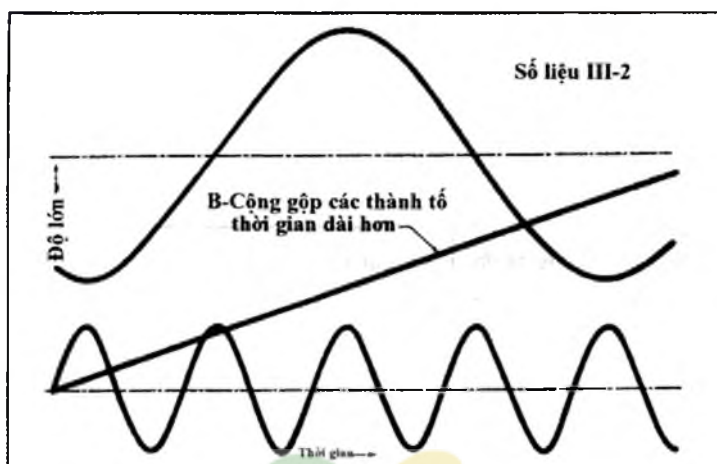
Chương 3 cuốn sách của Hurst giải thích rất chi tiết về cách thức mà các kỹ thuật dựng đồ thị chuẩn - đường và kênh giá, mô hình đồ thị, đường trung bình di động - có thể được hiểu tốt hơn và tận dụng nhiều ưu điểm hơn khi kết hợp với nguyên tắc tuần hoàn. Hình 14.11 giải thích sự xuất hiện của đường xu hướng và kênh giá. Khi kết hợp với đường xu hướng tăng dài hạn, sóng chu kỳ phẳng dọc đáy sẽ trở thành một kênh giá tăng. Chú ý chu kỳ nằm bên dưới giống như một chỉ báo dao động.

Hình 14.12 thể hiện một mô hình đầu và vai hình thành khi kết hợp hai chu kỳ với một đường hướng lên đại diện cho tất cả các yếu tố dài hạn cộng lại. Tiếp theo đó Hurst đi vào giải thích hai đỉnh, tam giác, cờ và cờ đuôi nheo thông qua việc áp dụng lý thuyết chu kỳ. Ví dụ, đỉnh hoặc đáy chữ V xuất hiện khi một chu kỳ trung gian chuyển hướng cùng thời điểm của chu kỳ dài hơn và ngắn hơn nó.



Hình 14.11 Sự hình thành kênh giá. (Nguồn: Hurst, J.M., *The Profit Magic of Stock Transaction Timing* (Englewood Cliffs, N.J.: Prentice-Hall, Inc., 1970).

Hurst còn giải thích cách thức một đường trung bình đi động trở nên hữu dụng hơn nếu chiều dài của nó xảy ra đồng thời với chu kỳ chi phối. Những người theo trường phái kỹ thuật vẽ đồ thị truyền thống sẽ có được sự hiểu biết sâu sắc về cách thức hình thành các đồ thị phổ biến này đồng thời biết được vì sao chúng hiệu quả nếu đọc chương "Thẩm tra lại mô hình đồ thị của bạn" trong cuốn sách của Hurst.



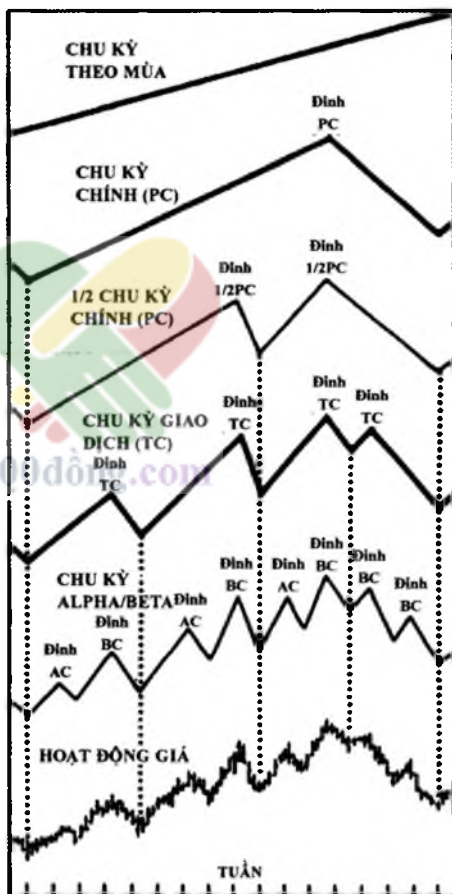
Hình 14.12a Bổ sung thêm một thành tố khác. (Nguồn: Hurst, J.M., *The Profit Magic of Stock Transaction Timing* (Englewood Cliffs, N.J.: Prentice-Hall, Inc., 1970).



Hình 14.12b Ứng dụng Nguyên tắc Cộng gộp (nguồn: Hurst, J.M., *The Profit Magic of Stock Transaction Timing* (Englewood Cliffs, N.J.: Prentice-Hall, Inc., 1970).

CÁC CHU KỲ CHI PHỐI

Có nhiều chu kỳ ảnh hưởng đến thị trường tài chính. Chỉ những chu kỳ thực sự có giá trị dự đoán mới được coi là chu kỳ chi phối. Chu kỳ chi phối luôn luôn ảnh hưởng đến giá và được xác định một cách rõ ràng. Đa số thị trường tương lai có ít nhất 5 chu kỳ chi phối. Trong chương nói về cách sử dụng đồ thị dài hạn, chúng ta đã thấy rằng nên bắt đầu phân tích kỹ thuật với đồ thị dài hạn, rồi dần dần chuyển sang những đồ thị ngắn hạn hơn. Nguyên tắc đó cũng đúng với lý thuyết chu kỳ. Quy trình thích hợp là ta khởi động bằng những chu kỳ nổi bật dài hạn, kéo dài trong vài năm, rồi dần chuyển về trung hạn trong vài tuần đến vài tháng, cuối cùng là những chu kỳ cực ngắn từ vài giờ đến vài ngày, để xác định thời điểm gia nhập và thoát khỏi thị trường đồng thời xác nhận những điểm chuyển đổi của những chu kỳ dài hơn.



Phân loại chu kỳ

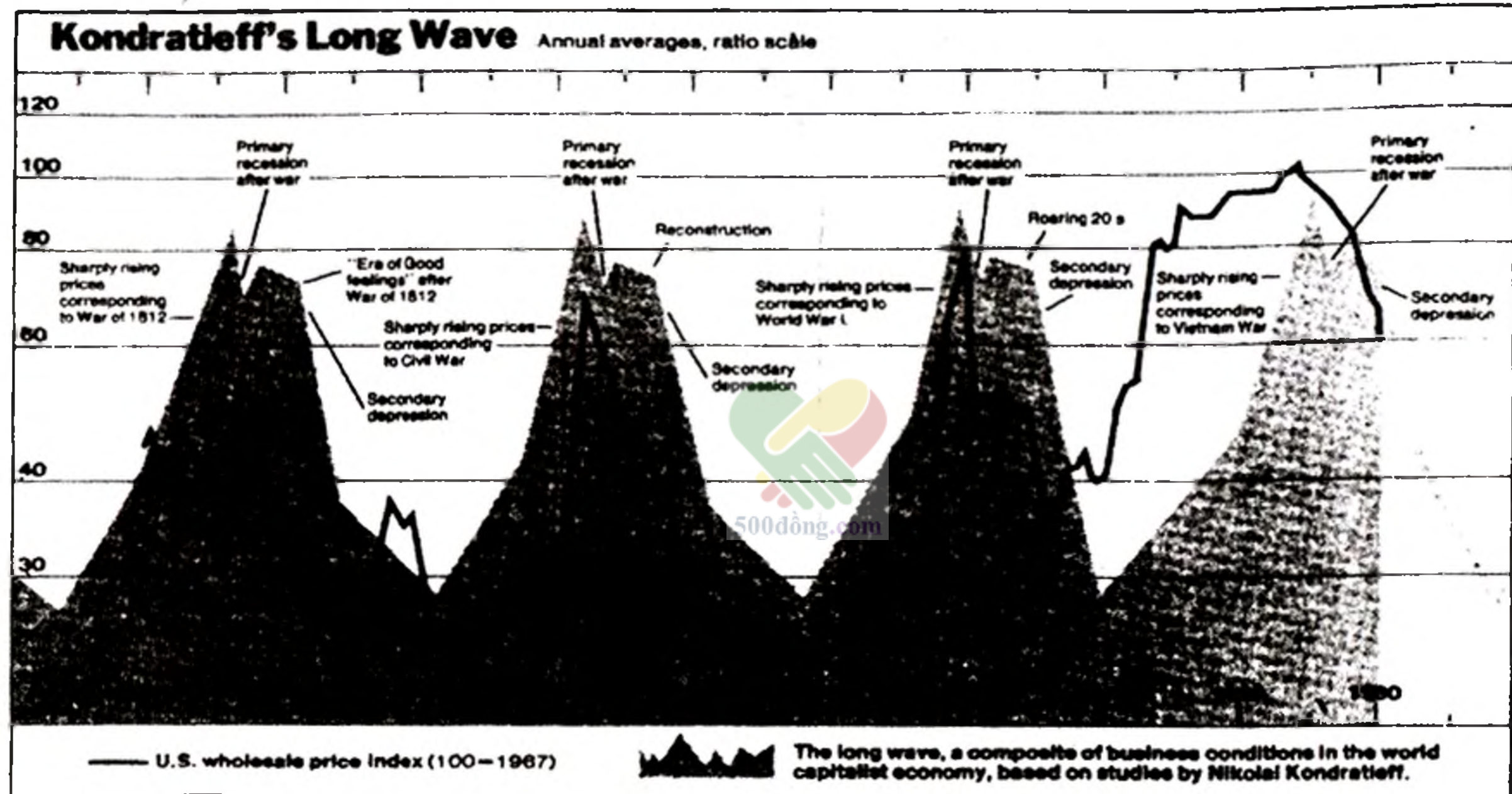
Chu kỳ có những loại chính như: dài hạn (từ 2

Hình 14.13 (Nguồn: Sức mạnh của việc kết hợp chỉ báo dao động/chu kỳ (The Power of Oscillator/Cycle combination) được viết bởi Walt Bressert.)

năm trở lên), *chu kỳ theo mùa* (1 năm), *chu kỳ sơ cấp* hoặc *trung cấp* (9 đến 26 tuần), *chu kỳ giao dịch* (4 tuần). Chu kỳ giao dịch được chia thành hai chu kỳ ngắn hơn là *alpha* và *beta*, trung bình mỗi chu kỳ kéo dài hai tuần. (Những tên gọi như *sơ cấp*, *giao dịch*, *alpha*, *beta* được Walt sử dụng để mô tả nhiều chiều dài chu kỳ khác nhau.) (Xem hình 14.13)

Sóng Kondratieff

Có những chu kỳ có biên độ dài hơn. Có lẽ chu kỳ nổi tiếng nhất là chu kỳ Kondratieff 54 năm. Lần đầu tiên được phát minh bởi Nikolai D. Kondratieff - một nhà kinh tế học người Nga trong những năm 20 của thế kỷ 20 - chu kỳ dài về hoạt động kinh tế gây nhiều tranh cãi này dường như che phủ tầm ảnh hưởng của nó đối với các động thái giá của hầu như tất cả các thị trường hàng hóa và chứng khoán. Đặc biệt, chu kỳ 54 năm được nhận diện trong thị trường lãi suất, đồng, vải bông, lúa mì, chứng khoán và giá hàng hóa bán sỉ. Kondratieff quan sát sóng dài của mình bắt đầu từ năm 1789 bằng những yếu tố như giá hàng hóa, sản lượng gang, lương công nhân trong ngành nông nghiệp tại Anh. (Xem hình 14.14). Chu kỳ Kondratieff trở thành đề tài tranh luận trong những năm gần đây, chủ yếu là vì đỉnh mới nhất của nó thật sự đã xuất hiện vào những năm 1920, và đỉnh kế tiếp thì đã trễ hạn khá lâu. Bản thân Kondratieff đặt rất nhiều tâm huyết cho quan điểm về chu kỳ của nền kinh tế tư bản. Người ta tin rằng ông đã chết trong một trại lao động khổ sai ở Siberia. Để có thêm thông tin, hãy đọc cuốn *Chu kỳ sóng dài* (*The Long Wave Cycle*) của Kondratieff được Guy Daniels dịch sang tiếng Anh. [Hai cuốn sách khác về chủ đề này là *Sóng K* (*The K Wave*) của David Knox Barker và *Chu kỳ lớn* (*The Great Cycle*) của Dick Stoken.]



Hình 14.14 Sóng dài của Kondratieff. Để biết thêm thông tin, hãy đọc cuốn "Chu kỳ sóng dài" của Nikolai Kondratieff, được dịch sang tiếng Anh bởi Guy Daniels. (New York: Richardson và Snyder, 1984). Đó là bản dịch đầu tiên từ bản gốc tiếng Nga. (Copyright © 1984 by The New York Company. Được phép in lại. (Ngày 27 tháng 5, 1984, trang F11.)

KẾT HỢP ĐỘ DÀI CHU KỲ

Thông thường, chu kỳ dài hạn và theo mùa quyết định xu hướng chính của thị trường. Hiển nhiên, nếu chạm đáy, một chu kỳ hai năm sẽ có ít nhất 1 năm tăng giá, được đo từ đáy đến đỉnh. Chính vì thế mà chu kỳ dài hạn có tầm ảnh hưởng lớn đối với hướng phát triển của thị trường. Thị trường cũng có mô hình theo mùa, nghĩa là cổ xu thế đạt đỉnh hoặc đáy tại một thời điểm nào đó trong năm. Ví dụ, thị trường thóc lúa thường chạm đáy tại thời điểm thu hoạch và phục hồi sau đó. Những biến động theo mùa thường chỉ kéo dài trong vài tháng.

Chu kỳ hàng tuần cơ bản được coi là hữu dụng nhất cho mục đích giao dịch. Chu kỳ cơ bản từ 3 đến 6 tháng được coi là tương đương một xu hướng cấp trung và xác định được hướng giao dịch. Chu kỳ ngắn hơn kế tiếp là chu kỳ giao dịch 4 tuần, được dùng để thiết lập điểm gia nhập và thoát khỏi theo chiều hướng của xu hướng chính. Nếu xu hướng cơ bản tăng, đáy chu kỳ giao dịch được sử dụng cho việc mua vào. Nếu xu hướng cơ bản là giảm, đỉnh chu kỳ sẽ được sử dụng cho việc bán ra. Chu kỳ 10 ngày alpha và beta được sử dụng cho những giao dịch ngắn hạn hơn. (Xem hình 14.13)

TẦM QUAN TRỌNG CỦA XU HƯỚNG

Giao dịch theo hướng phát triển của xu hướng là khái niệm được nhấn mạnh xuyên suốt môn học phân tích kỹ thuật. Trong chương trước, chúng ta đã được gợi ý rằng những cú rơi ngắn hạn nên được dùng để mua vào nếu như xu hướng trung gian tăng, và đợt tăng giá ngắn hạn dùng làm điểm bán trong xu hướng giảm. Lý thuyết sóng Elliott chỉ ra rằng biến động 5 bước sóng chỉ diễn ra theo chiều hướng của xu hướng lớn hơn. Chính vì thế mà cần phải xác định được chiều hướng của xu hướng lớn hơn kế tiếp và giao dịch theo hướng đó nếu muốn sử dụng bất kỳ một xu hướng ngắn hạn nào để xác định thời điểm. Khái niệm đó cũng đúng khi áp dụng cho lý thuyết chu kỳ. Xu hướng của một chu kỳ được xác định bởi hướng đi của chu kỳ dài hơn kế tiếp. Hay nói cách khác, một khi xu hướng của chu kỳ dài hơn được hình thành thì xu hướng của chu kỳ ngắn hơn kế tiếp cũng được nhận biết.

Chu kỳ giao dịch 28 ngày trong thị trường hàng hóa

Một chu kỳ rất quan trọng ảnh hưởng đến hầu hết mọi thị trường hàng hóa là *chu kỳ giao dịch 28 ngày*. Nói cách khác, hầu như mọi thị trường đều có xu thế hình thành đáy chu kỳ mỗi 4 tuần. Một cách giải thích tương đối hợp lý cho xu thế này trong tất cả các thị trường hàng hóa là *chu kỳ mặt trăng*. Burton Pugh nghiên cứu chu kỳ 28 ngày của lúa mì vào những năm 30 của thế kỷ 20 (*Science and Secret of Wheat Trading*, Lambert-Gann, Pomeroy, WA, 1978, orig., 1933) và kết luận rằng mặt trăng tác động đến điểm chuyển đổi thị trường. Lý thuyết của ông cho rằng nên mua lúa mì khi trăng tròn và nên bán khi trăng còn non. Tuy nhiên, Pugh biết rằng ảnh hưởng của mặt trăng không lớn và không thể tác động đến những chu kỳ dài hạn hơn hoặc những sự kiện trọng đại hơn.

Cho dù mặt trăng có tầm ảnh hưởng như thế nào thì chu kỳ bình quân 28 ngày vẫn tồn tại và giải thích cho nhiều con số được sử dụng trong việc hình thành những chỉ báo và hệ thống giao dịch ngắn hạn. Thứ nhất, chu kỳ 28 ngày là dựa theo ngày dương lịch. Nếu chuyển đổi thành phiên giao dịch trên thực tế thì con số trở thành 20. Chúng ta đã bình luận về việc nhiều đường trung bình động, chỉ báo dao động và quy luật hàng tuần dựa trên con số 20 và những chu kỳ ngắn hạn hơn có liên quan với nó là 5 và 10 như thế nào. Đường trung bình di động 5, 10 và 20 ngày được sử dụng rộng rãi cùng với những con số phái sinh của nó là 4, 9 và 18. Nhiều nhà giao dịch dùng đường trung bình di động 10 và 40 ngày, trong đó 40 là số gấp đôi của 20.

Trong Chương 9, chúng ta đã thảo luận lợi ích của quy luật 4 tuần được phát minh bởi Richard Donchian. Tín hiệu mua được tạo ra khi thị trường thiết lập đỉnh 4 tuần mới và tín hiệu bán xuất hiện tại khi đã hình thành đáy 4 tuần mới. Việc biết được sự tồn tại của chu kỳ giao dịch 4 tuần giúp ta hiểu thật rõ ý nghĩa của con số 4 và giải thích vì sao quy luật 4 tuần lại hiệu quả trong nhiều năm qua. Khi một thị trường vượt khỏi ngưỡng cao 4 tuần trước, thì ít nhất ta cũng có thể suy ra từ lý thuyết chu kỳ là chu kỳ lớn hơn kế tiếp (chu kỳ 8 tuần) đã chạm đáy và bật lên.

SỰ TỊNH TIẾN TRÁI PHẢI

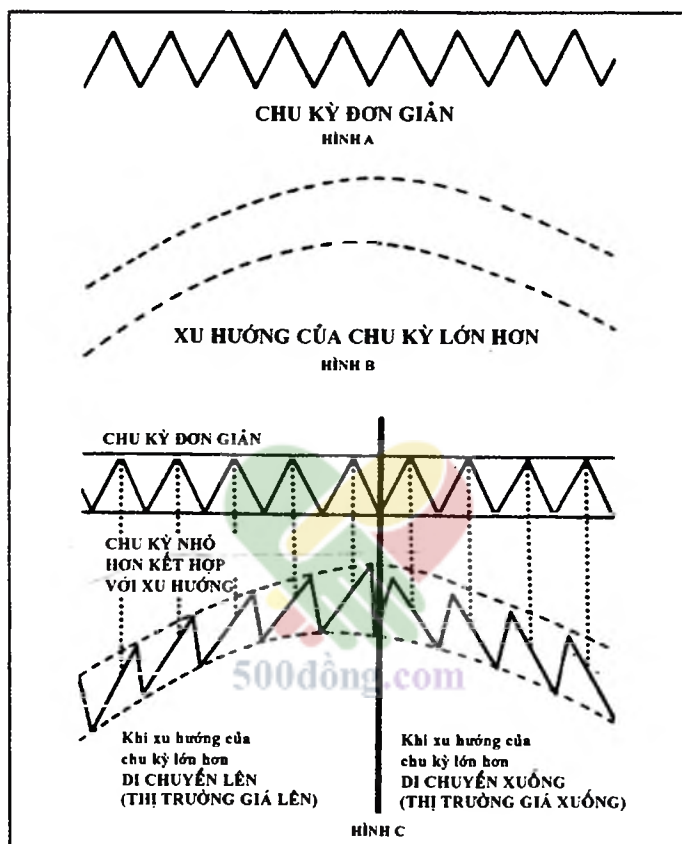
Khái niệm tịnh tiến là khía cạnh có ý nghĩa nhất trong phân tích chu kỳ. Tịnh tiến trái phải ngụ ý sự dịch chuyển đỉnh chu kỳ sang phải hoặc sang trái trung điểm của chu kỳ lý tưởng. Ví dụ, chu kỳ giao dịch 20 ngày được đo từ đáy này sang đáy kia. Đỉnh lý tưởng sẽ xuất hiện ở ngày 10 hay trung điểm. Có nghĩa là một đợt tăng giá 10 ngày sẽ tiếp nối một đợt rút giá trong 10 ngày. Tuy nhiên, đỉnh chu kỳ lý tưởng sẽ hiếm khi xuất hiện. Đa số những biến động quan trọng trong chu kỳ diễn ra tại đỉnh chứ không phải đáy. Đó là lý do đáy được xem là đáng tin cậy hơn và được dùng để đo chiều dài chu kỳ.

Các đỉnh chu kỳ hoạt động hoàn toàn khác, phụ thuộc vào xu hướng của chu kỳ dài hơn kế tiếp. Nếu xu hướng tăng, đỉnh chu kỳ dịch sang phải trung điểm lý tưởng, gây ra sự tịnh tiến sang phải. Nếu xu hướng dài hơn giảm, đỉnh chu kỳ dịch chuyển sang bên trái trung điểm và tạo nên sự dịch chuyển sang trái. Chính vì thế, tịnh tiến sang phải có nghĩa là tăng giá và tịnh tiến sang trái nghĩa là giảm giá. Hãy thử nghĩ về nó. Tất cả những gì chúng ta nói ở đây là trong một xu hướng tăng, thời gian giá tăng lớn hơn giảm. Trong một xu hướng giảm, giá mất thời gian đi xuống nhiều hơn đi lên. Đó không phải là định nghĩa căn bản của xu hướng sao? Chỉ có điều, trong trường hợp này chúng ta nói về thời gian chứ không phải giá. (Xem hình 14.15).

CÁCH TÁCH CHU KỲ

Để tìm hiểu được sự tác động của các chu kỳ khác nhau đối với một loại thị trường cho trước, ta cần phải tách từng chu kỳ chi phối. Có rất nhiều cách để làm được việc này. Cách đơn giản nhất là kiểm tra bằng mắt. Ví dụ, khi xem xét đồ thị thanh hàng ngày, ta có thể xác định các đỉnh và đáy hiển thị trên thị trường. Bằng cách tính thời gian bình quân giữa các đỉnh và các đáy chu kỳ này, chúng ta sẽ có được chiều dài trung bình.

Có những công cụ giúp ta thực hiện việc này dễ dàng hơn, chẳng hạn như *Ehrlich Cycle Finder*, một công cụ được đặt theo tên của nhà phát



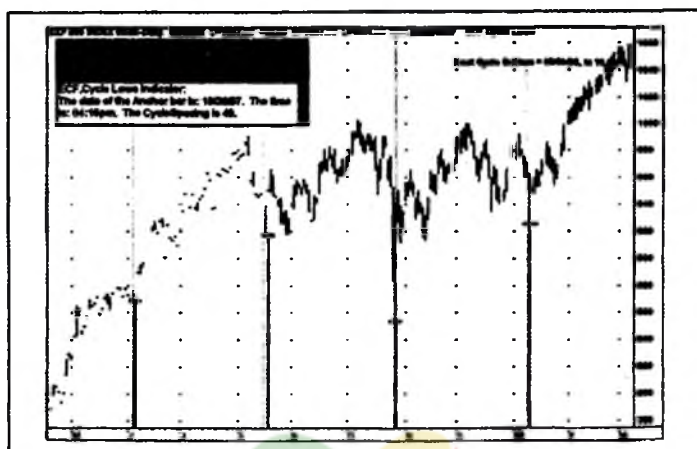
Hình 14.15 Ví dụ về sự tịnh tiến trái phải. Hình A thể hiện một chu kỳ đơn. Hình B thể hiện xu hướng của chu kỳ lớn hơn. Hình C thể hiện hiệu ứng kết hợp. Khi xu hướng lớn hơn tăng, đỉnh trung điểm dịch chuyển sang phải. Khi xu hướng lớn hơn giảm thì đỉnh trung điểm dịch chuyển sang trái. Tịnh tiến sang phải là tăng giá, tịnh tiến sang trái là giảm giá. (Nguồn: *The Power of Oscillator/Cycle Combination* của Walt Bresert.)

minh Stan Ehrlich (ECF, 112 Vida Court, Novato, CA 94947 [415] 892-1183). Cycle Finder là một công cụ có hình dạng đàn accordion được sử dụng trên đồ thị giá để kiểm tra bằng mắt. Khoảng cách giữa các điểm luôn luôn cách đều nhau và được nới rộng hoặc thu hẹp để vừa với chiều dài của chu kỳ. Bằng cách vẽ khoảng cách giữa hai đáy chu kỳ hiển thị, ta có thể nhanh chóng xác định liệu có tồn tại những đáy chu kỳ bằng nhau khác hay không. Một phiên bản điện tử của công cụ này có tên gọi *Ehrlich Cycle Forecaster* được cung cấp như một kỹ thuật phân tích có trong Omega Research's Trade Station and Super Chart (#Omega Research, 8700 West Flagler Street, Suite 250, Miami, FL. 33174, [305] 551-9991, www.omegaresearch.com). (Xem hình 14.16-14.18).

Máy tính có thể giúp phát hiện chu kỳ bằng sự kiểm tra trực quan.



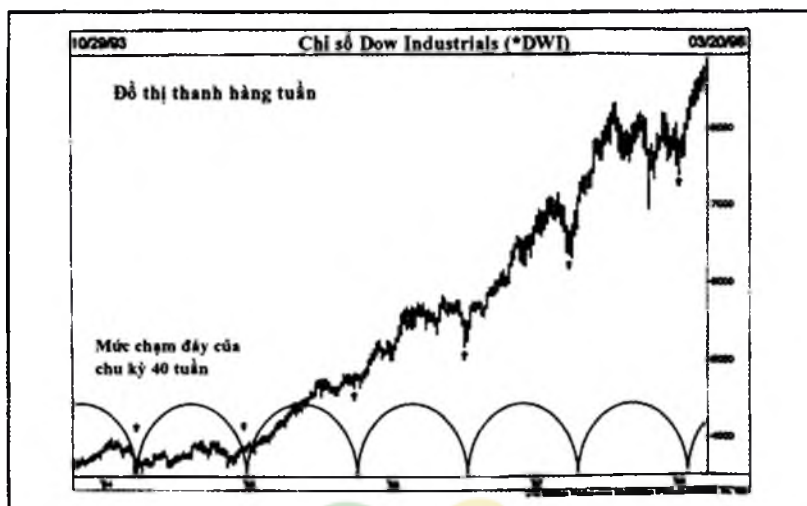
Hình 14.16 Chu kỳ tổng thống 4 năm một lần được xác định rõ ràng bằng *Ehrlich Cycle Forecaster* (đường thẳng đứng). Nếu chu kỳ tiếp tục diễn ra thì đáy tiếp theo dự đoán là vào năm 1998.



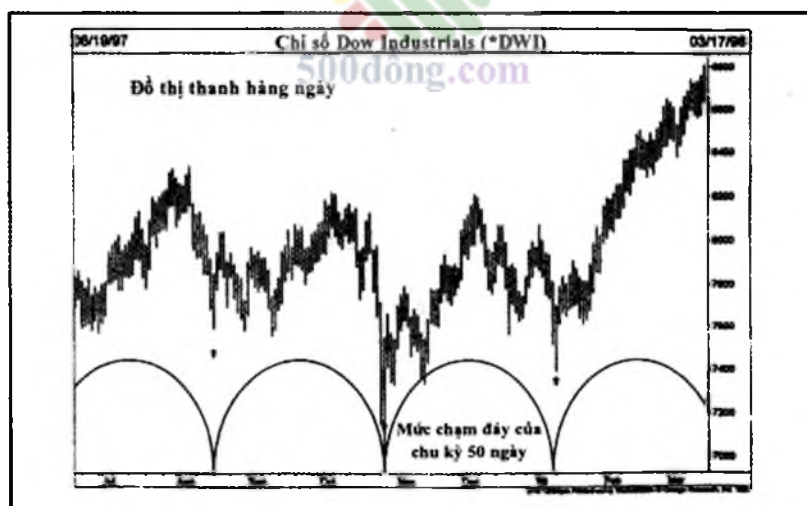
Hình 14.17 Ehrlich Cycle Forecaster xác định chu kỳ giao dịch 49 ngày của giá tương lai chỉ số S&P 500 (đường thẳng đứng). Theo ECF, dự đoán đây chu kỳ tiếp theo sẽ được hình thành 49 ngày sau kể từ đây gần nhất, tức là vào ngày 30 tháng 3 năm 1998.



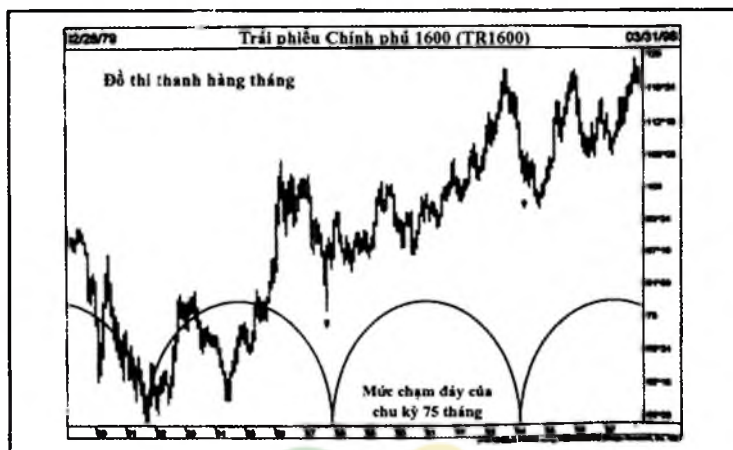
Hình 14.18 ECF khám phá chu kỳ 133 ngày của Boeing (đường thẳng đứng). Đây chu kỳ gần nhất là tháng 12 năm 1997, vì thế ECF dự đoán đây chu kỳ kế tiếp là 133 ngày sau đó, tức là tháng 3 năm 1998.



Hình 14.19a Dãy các đường cong chu kỳ xuất hiện đồng thời với những đáy quan trọng của chỉ số Dow sau mỗi 40 tuần. Điều đó đồng nghĩa rằng chỉ số Dow có chu kỳ 40 tuần. Hai đáy chu kỳ cuối cùng là vào mùa xuân năm 1997 và đầu năm 1998. (mũi tên).



Hình 14.19b Đường cong chu kỳ hàng ngày thể hiện sự hiện diện các đáy chu kỳ 50 ngày của chỉ số Dow vào nửa cuối năm 1997 và đầu năm 1998. Chúng ta dịch chuyển đường cong cho đến khi các đáy chu kỳ trùng với nhiều đáy của đồ thị giá.



Hình 14.20a Bắt đầu với đáy chính vào năm 1981, các đường cong chu kỳ cho biết trái phiếu có xu hướng chạm đáy sau mỗi 75 tháng (6,25 năm). Những con số này có thể thay đổi theo thời gian nhưng vẫn cung cấp cho ta những thông tin giao dịch hữu ích.



Hình 14.20b Ứng dụng vào đồ thị hàng ngày, đường cong chu kỳ thể hiện xu hướng chạm đáy của giá trái phiếu cứ mỗi 55 ngày giao dịch trong giai đoạn trên. (Xem mũi tên).

Trước tiên, người sử dụng đưa mô hình giá lên màn hình. Tiếp theo là chọn một đáy nổi bật để làm điểm khởi đầu. Sau đó, những đường thẳng đứng (hay cong) hình thành 10 ngày một lần (giá trị mặc định). Thời gian của chu kỳ có thể kéo dài hơn, ngắn hơn hoặc dịch chuyển sang trái hay phải để tìm thấy chu kỳ đúng thích hợp với đồ thị. (Xem hình 14.19 và 14.20)

CHU KỲ THEO MÙA

Ở một chừng mực nào đó, tất cả thị trường đều bị ảnh hưởng bởi chu kỳ theo mùa. Chu kỳ theo mùa cho biết các thị trường có xu hướng di chuyển theo một hướng cho trước trong một khoảng thời gian nào đó trong năm. Chu kỳ theo mùa của thóc có đáy thường xuất hiện vào thời điểm thu hoạch, khi nguồn cung phong phú nhất. Ví dụ, đỉnh theo mùa phổ biến nhất của chu kỳ thường diễn ra giữa tháng 4 và tháng 6 và đáy là vào giữa tháng 8 và tháng 10. (Xem hình 14.21). Mô hình được biết đến nhiều nhất là “vết rạn tháng 2”, trong đó giá thóc lúa và đậu nành



Hình 14.21 Đậu nành thường đạt đỉnh vào đầu tháng 5 và đáy vào tháng 10.

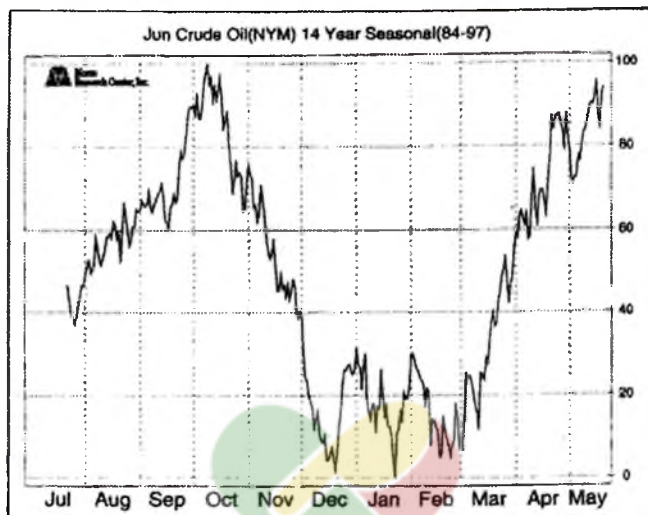
thường giảm từ cuối tháng 12 hoặc đầu tháng 1 đến tháng 2.

Mặc dù chu kỳ theo mùa là điều hiển nhiên đối với thị trường nông sản, nhưng hầu như mọi thị trường đều từng xuất hiện mô hình theo mùa. Ví dụ, đồng thể hiện một xu hướng tăng mạnh từ giai đoạn tháng 1/2 với xu thế đạt đỉnh vào tháng 3 hoặc tháng 4. (Xem hình 14.22). Bạc cũng có đáy vào tháng Giêng và giá tăng dần đến tháng 3. Vàng thể hiện xu hướng chạm đáy vào tháng 8. Sản lượng dầu có khuynh hướng chạm đỉnh vào tháng 10 và thường không chạm đáy cho đến cuối mùa đông. (Xem hình 14.23). Thị trường tài chính cũng có mô hình theo mùa.

Đồng đô-la Mỹ có khuynh hướng chạm đáy vào tháng Giêng. (Xem



Hình 14.22 Đồng thường chạm đáy vào tháng 10 và tháng 2, nhưng đỉnh lại xuất hiện vào giai đoạn tháng 4-5.

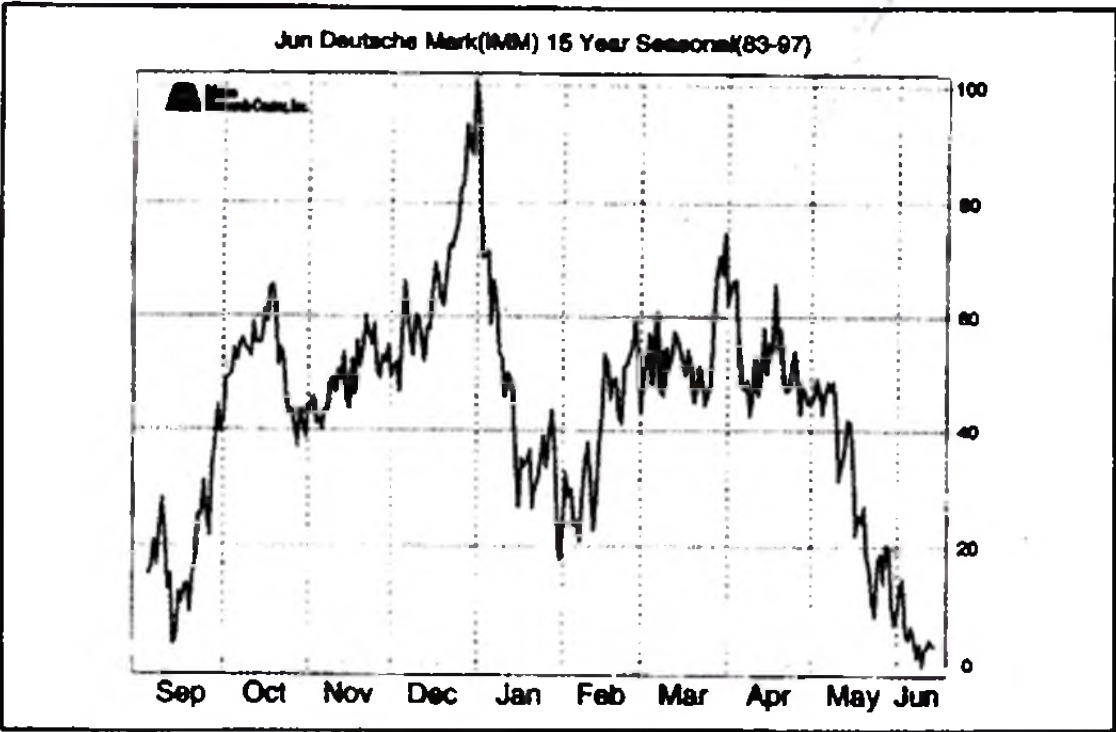


Hình 14.23 Giá dầu thô thường chạm đỉnh vào tháng 10 và chuyển hướng đi lên trong tháng 3.

hình 14.24.) Giá Trái phiếu Chính phủ thường đạt đỉnh quan trọng vào tháng Giêng. Suốt năm, giá Trái phiếu Chính phủ thường giảm vào nửa đầu năm và tăng trong nửa còn lại. (Xem hình 14.25). Ví dụ về đồ thị theo mùa được cung cấp bởi Moore Research Center (Moore Research Center, 321 West 13th Avenue, Eugene, OR 97401, (800) 927-7259), tổ chức chuyên về phân tích thị trường tương lai theo mùa.

CHU KỲ CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Bạn có biết rằng thị trường chứng khoán mạnh nhất trong giai đoạn từ tháng 11 đến tháng Giêng? Sau đó sẽ yếu đi vào tháng 2, nhưng mạnh lên lại vào tháng 3 và tháng 4. Sau tháng 6 trầm lắng, thị trường chuyển hướng sôi nổi hơn trong tháng 7 (bắt đầu đợt hồi phục truyền thống). Tháng yếu nhất trong năm là tháng 9. Tháng mạnh nhất là tháng 12 (kết thúc bằng đợt hồi phục Ông già Noel ngay sau lễ Giáng Sinh). Tất cả



Hình 14.24 *Đỉnh của đồng mác Đức xuất hiện vào tháng Giêng trùng với ngưỡng thấp của đồng đô-la Mỹ thường diễn ra vào đầu năm.*



Hình 14.25 *Giá Trái phiếu Chính phủ thường chạm đỉnh vào đầu năm mới, và giảm đi suốt nửa đầu năm. Nửa cuối năm là xu thế tăng giá của trái phiếu.*

những thông tin kể trên và còn nhiều điều khác về chu kỳ của thị trường có thể được tìm thấy trong cuốn *Niên giám dành cho nhà giao dịch chứng khoán* (*Stock Trader's almanac*) của Yale Hirsch. (The Hirsch Organization, 184 Central Avenue, Old Tappan, NJ 07675)

PHONG VŨ BIỂU THÁNG GIÊNG

Yale Hirsch đã từng nói rằng “Tháng Giêng thế nào thì cả năm sẽ thế đó”. Phong vũ biểu tháng Giêng cho rằng chỉ số S&P500 trong tháng Giêng sẽ xác định thị trường trong cả năm. Một biến thể khác của phong vũ biểu này cho rằng chiều hướng của 5 phiên giao dịch đầu tiên trong năm sẽ cho ta manh mối về những gì sẽ diễn ra trong thời gian còn lại của năm. Phong vũ biểu tháng Giêng có thể bị nhầm lẫn với Hiệu ứng tháng Giêng, theo đó, trong tháng Giêng, các chứng khoán quy mô nhỏ sẽ có khuynh hướng biểu hiện tốt hơn so với các loại chứng khoán quy mô lớn hơn.

CHU KỲ TỔNG THỐNG

Một chu kỳ nổi tiếng khác ảnh hưởng đến diễn biến của thị trường chứng khoán là chu kỳ 4 năm, còn được gọi là Chu kỳ Tổng thống, vì nó trùng với thời điểm bầu cử tổng thống. Từng năm trong 4 năm này có mức lợi nhuận khác nhau. Năm bầu cử (1) thường mạnh. Năm hậu bầu cử và năm giữa (2 và 3) thường yếu. Năm trước tuyển cử mới (4) thì mạnh. Theo *Niên giám dành cho nhà giao dịch chứng khoán* của Hirsch, năm bầu cử từ 1904 có mức tăng bình quân là 224%, năm hậu bầu cử đạt 72%, năm giữa đạt 63% và năm tiền bầu cử đạt 217%. (Xem hình 14.16).

VIỆC KẾT HỢP CHU KỲ VỚI NHỮNG CÔNG CỤ KỸ THUẬT KHÁC

Hai điểm chung giữa chu kỳ và chỉ báo kỹ thuật truyền thống là cách sử dụng đường trung bình di động và chỉ báo dao động. Người ta tin rằng giá trị của cả hai chỉ báo kỹ thuật sẽ gia tăng nếu thời gian được sử dụng để đo lường tương ứng với chu kỳ nổi bật của mỗi loại thị trường. Giả sử một thị trường có chu kỳ giao dịch 20 ngày. Thông

thường, khi vẽ một chỉ báo dao động, tốt nhất là sử dụng nửa chiều dài chu kỳ. Trong trường hợp này, thời gian của chỉ báo dao động là 10 ngày. Để giao dịch chu kỳ 40 ngày, ta sử dụng chỉ báo dao động 20 ngày. Trong cuốn *Sức mạnh của việc kết hợp chỉ báo dao động/chu kỳ* của mình, Walt Bressert thảo luận cách chu kỳ được sử dụng để điều chỉnh quãng thời gian của chỉ số kênh hàng hóa Comodity Channel Index, chỉ số cường độ tương đối, chỉ báo dao động và đường trung bình di động hội tụ/phân kỳ. (MACD).

Đường trung bình di động cũng có thể kết hợp với chu kỳ. Bạn có thể sử dụng những đường trung bình di động khác nhau để theo dõi những chu kỳ có độ dài khác nhau. Để tạo ra một hệ thống trung bình di động cho chu kỳ 40 ngày, bạn có thể sử dụng đường trung bình di động 40 ngày kết hợp với đường trung bình 20 ngày ($\frac{1}{2}$ của chu kỳ 40 ngày) hoặc đường trung bình 10 ngày ($\frac{1}{4}$ của chu kỳ 40 ngày). Vấn đề chính là phải xác định được chu kỳ chi phối tại một thời điểm nào đó.

PHÂN TÍCH QUANG PHỔ ENTROPY CỰC ĐẠI

Việc tìm được đúng chu kỳ chi phối của bất kỳ một thị trường nào cũng rất phức tạp vì chiều dài chu kỳ luôn luôn thay đổi theo thời gian. Những gì có hiệu quả vào một tháng trước có thể không có ý nghĩa kể từ tháng này. Trong cuốn sách của mình có tựa đề *MESA và các chu kỳ thị trường giao dịch* (MESA and Trading Market Cycles), John Ehlers sử dụng một cách tiếp cận theo thống kê được gọi là phân tích quang phổ entropy cực đại (Maximum Entropy Spectral Analysis (MESA)), Ehlers giải thích rằng một trong những ưu điểm của MESA là sự đo lường chu kỳ trong những khoảng thời gian tương đối ngắn với khả năng xử lý cao, vốn là yếu tố quyết định trong giao dịch ngắn hạn. Ehlers cũng diễn giải cách chu kỳ được sử dụng để tối ưu hóa chiều dài đường trung bình di động và nhiều chỉ báo dao động đã được nói đến. Những chu kỳ được giới thiệu cũng đã được điều chỉnh linh hoạt phù hợp với hoàn cảnh thị trường hiện tại. Ehler cũng diễn giải vấn đề gặp phải khi phân biệt một thị trường theo chu kỳ so với thị trường đang

theo xu hướng. Khi một thị trường đang trong xu hướng, một chỉ báo theo *xu hướng* như đường trung bình di động là thứ cần dùng để thực hiện giao dịch. Thị trường theo phương thức chu kỳ lại nghiêng về sử dụng chỉ báo dao động. Đo lường chu kỳ giúp xác định được phương thức của chu kỳ hiện hành và loại chỉ báo kỹ thuật thích hợp cho chiến lược giao dịch.

CON SỐ CHU KỲ VÀ PHẦN MỀM CHU KỲ

Hầu hết những cuốn sách được giới thiệu trong chương này đều có thể được đặt mua qua bưu điện từ những công ty như Trader Press (Xem tham khảo trong chương trước) của Trader's Library, P.O. Box 2466, Ellicott City, MD 21041, [800] 272-2855). Ngoài ra còn có nhiều phần mềm giúp phân tích chu kỳ. Có hai lựa chọn để sử dụng phần mềm đồ thị của Omega Research là *Erhlich Cycle Forecaster* và *Cycle Trader* của Walt Bressert. Cycle Trader của Walt Bressert hợp nhất khái niệm trong cuốn sách của mình có tựa đề *Sức mạnh của việc kết hợp chỉ báo dao động/chu kỳ (The Power of Oscillator/Cycle Combinations)*. (Bressert Marketing Group, 100 East Wlton, Suite 200, Chicago, IL 60611 (312) 867-8701). Nhiều thông tin khác về chương trình MESA có thể được lấy từ John Ehlers (Box 1801, Goleta, CA 93116 (805) 969-6478). Với nghiên cứu và phân tích chu kỳ hiện có, đừng quên đọc cuốn *Cơ sở nền tảng trong nghiên cứu chu kỳ (Foundation for the Study of Cycles)*.

CHƯƠNG 15

Máy tính và các hệ thống giao dịch

GIỚI THIỆU

Máy tính đóng vai trò ngày càng quan trọng trong lĩnh vực phân tích kỹ thuật. Trong chương này, chúng ta sẽ tìm hiểu cách máy tính thực hiện các nhiệm vụ của nhà giao dịch kỹ thuật một cách dễ dàng nhờ khả năng sử dụng nhanh chóng những công cụ kỹ thuật cũng như các nghiên cứu vốn đòi hỏi nhiều công sức để thực hiện nếu đó là vài năm về trước. Dĩ nhiên, chúng tôi muốn nói rằng, các nhà giao dịch biết cách sử dụng những công cụ này - điều sẽ hé lộ những khuyết điểm của máy tính.

Những nhà giao dịch không thực hành những khái niệm căn bản các chỉ báo khác nhau một cách thích hợp và những người không quen với cách từng loại chỉ báo được diễn giải có thể cảm thấy choáng ngợp với số lượng phần mềm máy tính hiện có trên thị trường. Tệ hơn là khả năng nắm giữ số lượng dữ liệu kỹ thuật khổng lồ chỉ bằng những ngón tay tạo điều kiện cho những phán đoán không chính xác về chứng khoán và khả năng của chúng. Các nhà giao dịch đã sai lầm khi cho rằng họ trở nên giỏi hơn nhờ sở hữu nhiều sức mạnh máy tính hơn.

Phần này nhấn mạnh rằng máy tính chính là một công cụ hữu dụng trong tay những nhà giao dịch kỹ thuật đã hoàn thành những công việc

HỌC CHUNG KHOAN tại: www.500dong.com / (facebook.com/Ngo500dong)

căn bản. Khi chúng tôi lướt qua những đặc điểm thường thấy của máy tính, bạn sẽ nhận thấy khá nhiều công cụ và chỉ báo hoàn toàn là căn bản và đã được nói đến trong những chương trước. Đương nhiên, còn có những công cụ tinh vi hơn đòi hỏi những chương trình phần mềm đồ thị hiện đại hơn.

Rất nhiều công việc phân tích kỹ thuật không cần đến máy tính. Một số công việc sẽ được thực hiện bằng một đồ thị và thước đo đơn giản dễ dàng hơn so với tin hiệu trên máy tính. Một số dạng phân tích biên độ dài hạn cũng không cần đến máy tính. Dù hữu dụng đến đâu, máy tính cũng chỉ là một công cụ. Nó có thể thực hiện phân tích kỹ thuật tốt hơn. Tuy nhiên, nó không giúp một nhà phân tích yếu kém trở thành một nhà giao dịch giỏi được.

Phần mềm đồ thị

Trong những chương trước, chúng ta đã đề cập đến một số công việc thường thấy của các phần mềm đồ thị. Chúng ta sẽ xem lại một số công cụ và chỉ báo có sẵn. Sau đó ta sẽ giới thiệu thêm một số đặc điểm như khả năng tự động hóa nhiều chức năng khác nhau theo yêu cầu của người sử dụng. Ngoài việc cung cấp những nghiên cứu kỹ thuật khác nhau, máy tính còn giúp ta kiểm tra những nghiên cứu khác nhau để tìm kiếm lợi nhuận, đó chính là đặc điểm có giá trị nhất của chương trình. Một số phần mềm cho phép người sử dụng thiết kế kiến thức căn bản về máy tính có thể vẽ được những chỉ báo kỹ thuật và hệ thống.

Hệ thống hướng vận động và hệ thống parabol của Welles Wilder

Chúng ta sẽ tiếp cận hai hệ thống phổ biến hơn của Welles Wilder là hệ thống hướng vận động và hệ thống parabol. Hai hệ thống này được sử dụng khi thảo luận về giá trị tương đối của những hệ thống giao dịch trên máy. Trong đó, hệ thống theo xu hướng trên máy chỉ hoạt động hiệu quả trong những hoàn cảnh thị trường nào đó. Nó còn cho thấy rằng một hệ thống trên máy có thể kết hợp với kết quả phân tích thị trường bằng tay như thế nào và hệ thống đó sẽ giúp xác nhận chỉ báo kỹ thuật ra sao.

Quá nhiều công dụng

Bạn sẽ cảm thấy có *quá nhiều* chỉ báo để lựa chọn. Thay vì mọi thứ cần được đơn giản hóa, máy tính lại làm mọi thứ phức tạp khi cung cấp quá nhiều thứ để ta xem xét. Các gói đồ thị cung cấp 80 nghiên cứu kỹ thuật khác nhau cho người sử dụng. Một người làm thế nào để rút ra được một kết luận (và tìm được thời điểm giao dịch) khi có quá nhiều dữ liệu?

NHU CẦU MÁY TÍNH

Phần mềm đồ thị có thể áp dụng cho hầu hết các thị trường tài chính. Đa số phần mềm đều thân thiện với người sử dụng, nghĩa là chúng được tiến hành một cách dễ dàng bằng cách lựa chọn từ danh sách những tính năng có sẵn. hãy bắt đầu với gói phần mềm đồ thị được cài đặt cho máy tính của bạn. hãy nhớ rằng đa số các phần mềm vẽ đồ thị đều được viết cho những máy tính tương hợp với IBM.

Gói đồ thị không cung cấp cho bạn dữ liệu thị trường hàng ngày. Người sử dụng phải lấy chúng từ những nơi khác. Dữ liệu có thể được cung cấp từ một dịch vụ dữ liệu qua điện thoại (cần có một modem điện thoại). Gói đồ thị cung cấp tên nhiều người bán dữ liệu tùy theo lựa chọn của bạn. Những người bán dữ liệu này cung cấp tất cả phần mềm và chỉ dẫn cần thiết để thiết lập và thu thập dữ liệu.

Khi việc đầu tiên đã bắt đầu, người sử dụng phải thu thập dữ liệu ít nhất là từ vài tháng trước để có thể làm việc. Sau đó, dữ liệu phải được cập nhật hàng ngày. Ta có thể phân tích dữ liệu trực tuyến bằng cách móc nối với một dịch vụ niêm yết giá. Tuy nhiên, khi sử dụng dữ liệu hàng ngày chúng ta sẽ sử dụng dữ liệu cuối ngày sau khi thị trường đóng cửa. Thiết bị cuối cùng bạn cần có là một máy in để có thể có được một bản sao những diễn biến trên màn hình gần đây nhất. Ngoài ra cũng yêu cầu khả năng đọc CD-room vì một số nhà cung cấp phần mềm cung cấp bạn dữ liệu nhiều năm trước trên một chiếc đĩa CD-room. Có một số người bán còn giúp đơn giản hóa những nhiệm vụ của bạn đưa ra với việc cung cấp chức năng vẽ đồ thị. Có thể kể ra một dịch

vụ như vậy là Telescan (5959 Corporate Drive, Suite 2000, Houston, TX 77036, (800) 324-8246, www.telescan.com).

TẬP HỢP CÁC CÔNG CỤ VÀ CHỈ BÁO

Danh sách sau đây tập hợp một số lựa chọn đồ thị và chỉ báo:

- *Đồ thị cơ bản*: thanh, đường, điểm và hình, nền Nhật
- *Tỷ lệ đồ thị*: toán học hoặc bán lô-ga
- *Đồ thị thanh*: giá, khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán (cho thị trường tương lai)
- *Khối lượng giao dịch*: thanh, cân bằng khối lượng và chỉ số nhu cầu
- *Công cụ cơ bản*: đường và kênh giá, thoái lùi theo tỷ lệ phần trăm, đường trung bình di động và chỉ báo dao động
- *Đường trung bình di động*: đường bao vây, dải băng Bollinger
- *Chỉ báo dao động*: chỉ số kênh giá hàng hóa, xung lượng, tốc độ biến thiên, MACD, Stochastic, Williams %R, chỉ số cường độ tương đối RSI
- *Chu kỳ*: Cycle Finder
- *Công cụ Fibonacci*: đường quạt, đường cong, vùng thời gian và thoái lui
- *Wilder*: RSI, chỉ số lựa chọn hàng hóa, hướng vận động, Parabol, Chỉ số dao động, đường ADX

SỬ DỤNG CÔNG CỤ VÀ CHỈ BÁO

Làm thế nào một nhà giao dịch có thể đối phó với quá nhiều lựa chọn? Một lời khuyên là sử dụng những công cụ cơ bản như giá, khối lượng giao dịch, đường xu hướng, thoái lùi theo tỷ lệ phần trăm, đường trung bình di động và chỉ báo dao động. Hãy chú ý đến số lượng lớn các chỉ báo dao động có sẵn. Hãy chọn một hoặc hai thứ mà bạn có thể sử dụng thuận tiện. Chỉ đặt những thứ như chu kỳ và Fibonacci ở vị trí thứ hai trừ phi bạn đặc biệt hứng thú với những dạng này. Chu kỳ có thể giúp

điều chỉnh vì cấp chiều dài đường trung bình di động và chỉ báo dao động, nhưng đòi hỏi bạn phải thực hành và nghiên cứu nghiêm túc. Với hệ thống giao dịch bằng mây, Parabol và DMI của Wilder đặc biệt có giá trị.

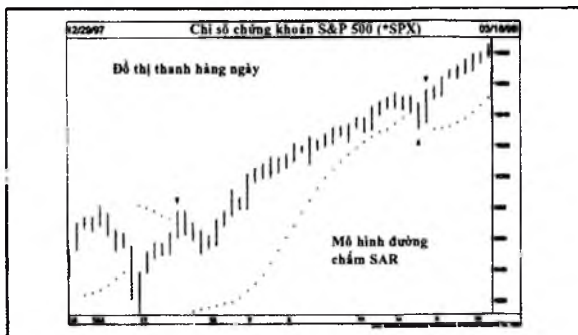
CÁC HỆ THỐNG PARABOL VÀ HUỐNG VẬN ĐỘNG CỦA WELLES WILDER

Chúng ta sẽ dành thời gian để nói về hai nghiên cứu đặc biệt hữu ích. Cả hai nghiên cứu này được phát triển bởi J.Welles Wilder (con) và được thảo luận trong cuốn sách của ông có tựa đề *Khái niệm mới trong hệ thống giao dịch kỹ thuật (New Concepts in Technical Trading System)*. Những nghiên cứu khác của ông được liệt kê trong danh sách trên máy tính - chỉ số lựa chọn hàng hóa, chỉ số cường độ tương đối và chỉ số dao động - cũng được giới thiệu trong cuốn sách nói trên.

Hệ thống parabel (SAR)

Hệ thống parabol của Wilder (SAR) là hệ thống đảo chiều thời gian/giá - một hệ thống thường diễn ra trên thị trường. Các chữ cái SAR là viết tắt của chữ "Stop and Reserve" (dừng và đảo chiều), nghĩa là vị thế bị đảo ngược khi chạm lệnh dừng. Đây là một hệ thống tuân theo xu hướng. Cái tên này bắt nguồn từ việc những lệnh dừng trượt giá uốn cong theo hình parabol. (Xem hình 15.1-15.4). Chú ý rằng khi giá có xu hướng tăng dần, đường chấm tăng nằm bên dưới đường biểu diễn giá (điểm dừng và đảo chiều) bắt đầu chậm lại rồi sau đó tăng tốc theo xu hướng. Trong một xu hướng giảm, trình tự cũng như vậy nhưng theo hướng ngược lại (đường chấm ở bên trên đường biểu diễn giá). Các số liệu SAR được tính và cập nhật vào ngày giao dịch hôm sau.

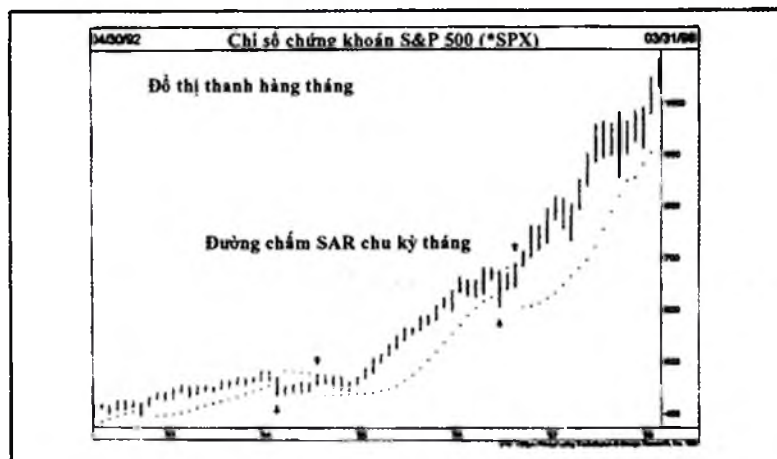
Wilder đưa yếu tố gia tốc vào hệ thống. Mỗi ngày, lệnh dừng lại di chuyển theo hướng của xu hướng mới. Ban đầu, sự vận động của lệnh dừng tương đối chậm cho phép xu hướng có thời gian hình thành. Khi yếu tố gia tốc tăng, SAR bắt đầu di chuyển nhanh hơn và cuối cùng bắt kịp đường động thái giá. Nếu xu hướng ngập ngừng, hoặc không thể



Hình 15.1 SAR parabol là đường chấm trên đồ thị. Tín hiệu mua xuất hiện khi đường SAR bên trên chạm đường giá (mũi tên thứ nhất). Chú ý cách SAR tăng tốc về phía trước trong đợt hồi phục và bắt kịp gần như cả xu hướng tăng. Hiện tượng lười của nhỏ phía trên bên phải lập tức được điều chỉnh. Hệ thống này có hiệu quả khi có xu hướng.



Hình 15.2 Một phiên bản dài hạn của đồ thị trước cho thấy những khía cạnh tốt và xấu của parabol cũng như bất kỳ một hệ thống theo xu hướng nào. Chúng hoạt động hiệu quả trong những giai đoạn có xu hướng (là phần bên phải và trái của đồ thị), nhưng lại vô dụng trong biên độ từ tháng 8 đến tháng Giêng.



Hình 15.3 Parabol có thể được sử dụng trong đồ thị hàng tháng để quan sát xu hướng chính. Tín hiệu bán vào đầu năm 1994 tiếp nối bằng một tín hiệu mua vào cuối mùa hè. Ngoại trừ một lồi cúa trong năm 1996, hệ thống này gần như hoạt động rất tốt trong 4 năm.



Hình 15.4 Parabol áp dụng trên đồ thị hàng tuần của Dell. Sau khi ở tình trạng tích cực suốt năm 1997, tín hiệu bán xuất hiện vào tháng 10. Tín hiệu bán đó đảo chiều và xuất hiện một tín hiệu mua vào thời điểm kết thúc năm 1997.

hình thành thì kết quả là sự xuất hiện của tín hiệu ngừng và đảo chiều. Như trên đồ thị đi kèm cho thấy, hệ thống parabol đặc biệt hiệu quả trong thị trường có xu hướng. Hãy lưu ý rằng trong khi các thành phần của xu hướng hoạt động tốt thì hệ thống lại xuất hiện hiện tượng lười cưa trong suốt những giai đoạn đi ngang hay vô hướng.

Điều đó chứng minh rằng mọi hệ thống theo xu hướng đều có điểm mạnh và điểm yếu. Chúng vận hành hiệu quả trong những giai đoạn xu hướng rõ ràng, tức là 30% theo như ước tính của Wilder. Nếu đưa vào thực tế, có nghĩa là một hệ thống theo xu hướng không làm việc hiệu quả 70% thời gian. Làm thế nào người ta có thể giải quyết được vấn đề này?

Đường DMI và ADX

Có một giải pháp khả thi là sử dụng một dạng bộ lọc nào đó hoặc một



Hình 15.5 Đường ADX đo được cường độ của hướng vận động. Một sự suy giảm từ mức trên 40 (mũi tên bên trái) báo hiệu sự giao dịch theo biên độ. Sự gia tăng từ mức dưới 20 (mũi tên bên phải) báo hiệu sự hồi phục thời kỳ theo xu hướng.

công cụ để xác định liệu thị trường có đang đi theo một xu hướng nào hay không. Đường ADX (ADX - Average Directional Movement Index - là kỹ thuật chỉ báo thể hiện thị trường đang trong trạng thái có xu hướng hay không có xu hướng - ND) của Wilder sắp xếp hướng vận động của nhiều dạng thị trường khác nhau theo một tỷ lệ từ 0 đến 100. Một đường ADX tăng tức là thị trường đang theo xu hướng và thích hợp cho một hệ thống theo xu hướng. Một đường ADX giảm chứng tỏ một môi trường không rõ xu hướng, vốn không nên được dùng cho những phương pháp tiếp cận theo xu hướng. (Xem hình 15.5)

Vi đường ADX có tỷ lệ từ 0 đến 100, nhà giao dịch theo xu hướng chỉ cần giao dịch khi có chỉ số xu hướng cao nhất. Những hệ thống vô hướng (chẳng hạn chỉ báo dao động) hữu ích hơn đối với những thị trường có chỉ số hướng vận động thấp.



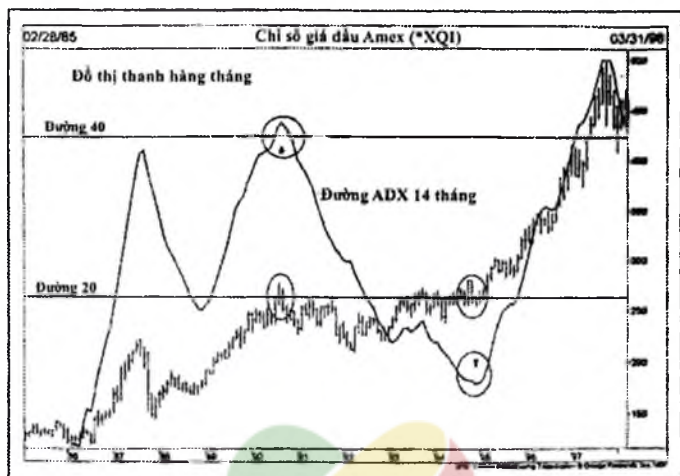
Hình 15.6 Đường hướng vận động dọc dày đồ thị có thể được sử dụng như một bộ lọc cho parabol (đồ thị trên). Khi đường +DI ở trên đường -DI (đầu bên phải và bên trái của đồ thị), tất cả tín hiệu bán trên parabol đều bị bỏ qua. Việc này sẽ loại bỏ những lưòi mua trong giai đoạn hồi phục.

Hướng vận động có thể được sử dụng như một hệ thống hoặc như một bộ lọc trên parabol hay bất kỳ một hệ thống nào tuân theo xu hướng. Có hai đường được sinh ra từ DMI (là một phần của chỉ báo ADX)+DI và -DI. Đường thứ nhất đo lường vận động dương (tăng) và đường thứ hai là vận động âm (giảm). Hình 15.6 thể hiện hai đường này. Đường sậm hơn là đường +DI và đường nhạt hơn là đường -DI. Tín hiệu mua xuất hiện khi đường +DI cắt đường -DI và tín hiệu bán là khi nó cắt đi xuống đường -DI.

Hình 15.6 cho thấy cả hệ thống parabol lẫn hướng vận động. Parabol là hệ thống nhạy cảm hơn, tức là các tín hiệu xuất hiện thường xuyên và sớm hơn. Tuy nhiên, việc sử dụng hướng vận động như một bộ lọc sẽ tránh được nhiều tín hiệu sai trong parabol bằng cách chỉ đi theo những tín hiệu cùng hướng với đường hướng vận động. Đường như hệ thống parabol và hướng vận động có thể được sử dụng đồng thời, trong đó Hướng vận động là bộ lọc của đường Parabol nhạy cảm.



Hình 15.7 Đường ADX 14 tuần có đỉnh vào đầu năm 1996 ở mức trên 40, và bắt đầu giao dịch theo biên độ trong 18 tháng. Sự tiến lên của đường ADX trong mùa hè năm 1997 từ mức dưới 20 báo hiệu xu hướng bắt đầu.



Hình 15.8 Một đường ADX trên đồ thị hàng tháng chỉ số dầu AMEX (XOI). ADX có đỉnh bên trên 40 vào năm 1990, kết thúc đợt hồi phục cổ phiếu dầu. Sự tiến lên của đường ADX từ bên dưới 20 vào đầu năm 1995 báo hiệu sự kết thúc giai đoạn 4 năm giao dịch theo biên độ của cổ phiếu dầu, nhận biết sự bắt đầu của một đợt tăng mới.

Thời điểm lý tưởng nhất sử dụng hệ thống xu hướng là khi đường ADX tăng. (Xem hình 15.7 và 15.8). Tuy nhiên, cần luôn luôn ghi nhớ là khi đường ADX bắt đầu rơi xuống từ mức trên 40 có nghĩa là xu hướng đang suy yếu. Sự quay đầu gia tăng lên trên mức 20 thường là một tín hiệu khởi động xu hướng mới. (Về cơ bản, đường ADX là sự chênh lệch giữa đường +DI và -DI).

NHỮNG Ý KIẾN TÁN THÀNH VÀ PHẢN ĐỐI GIAO DỊCH HỆ THỐNG

Ưu điểm của hệ thống máy móc:

1. Loại trừ được cảm xúc con người.
2. Tính quy tắc cao.

3. Tính nhất quán cao hơn.
4. Giao dịch theo hướng phát triển của xu hướng.
5. Người tham gia được bảo đảm bắt được hướng phát triển mọi xu hướng quan trọng.
6. Lợi nhuận liên tục.
7. Giảm thiểu tổn thất.

Bất lợi của hệ thống máy móc:

1. Phần lớn các hệ thống đều tuân theo xu hướng.
2. Hệ thống tuân theo xu hướng chỉ có ích khi dựa trên xu hướng chính.
3. Hệ thống tuân theo xu hướng nhìn chung không hiệu quả khi thị trường không rõ xu hướng.
4. Có những giai đoạn khá dài thị trường giao dịch vô hướng và vì thế không thích hợp cho cách tiếp cận theo xu hướng.

Vấn đề chính ở đây là sự thất bại của hệ thống trong việc xác định được thời điểm vô hướng của thị trường cũng việc mất khả năng tự ngừng hoạt động. Một hệ thống tốt không chỉ được đánh giá ở khả năng tạo ra lợi nhuận trong thị trường theo xu hướng, mà còn là khả năng bảo tồn vốn trong giai đoạn vô hướng. Sự thất bại trong việc tự kiểm soát là điểm yếu lớn nhất của nó. Đây là lý do tại sao một số công cụ có tính năng lọc như hệ thống hướng vận động của Wilder hay đường ADX thể hiện được tính hữu dụng khi cho phép nhà giao dịch xác định được thị trường nào thích hợp với hệ thống giao dịch nào.

Một hạn chế khác là nó không hỗ trợ việc dự đoán sự đảo chiều của thị trường. Các hệ thống tuân theo xu hướng hoạt động cùng với xu hướng cho đến khi có sự chuyển hướng. Chúng không nhận biết được khi nào thị trường chạm được ngưỡng hỗ trợ hay kháng cự dài hạn, khi nào các chỉ báo dao động xuất hiện sự phân kỳ, hay khi nào sóng thứ năm của mô hình sóng Elliott hiển thị rõ ràng. Đa số các nhà giao dịch trở về thế phòng thủ vào thời điểm đó và bắt đầu thu lợi nhuận. Tuy

nhiên, những hệ thống này hoạt động theo vị thế cho đến khi thị trường đổi hướng. Chính vì thế, mọi việc tùy thuộc vào cách thức sử dụng hệ thống của nhà giao dịch. Tức là điều này nên được thực hiện một cách mù quáng hay được kết hợp với những yếu tố kỹ thuật khác trong một kế hoạch giao dịch. Nó đưa chúng ta đến với vấn đề liên quan đến cách sử dụng hệ thống máy móc như một chỉ báo kỹ thuật khác trong quá trình dự đoán và giao dịch.

Sử dụng tín hiệu trên hệ thống như một thiết bị theo quy tắc

Tín hiệu trên hệ thống có thể được sử dụng đơn giản như một sự xác nhận trên máy cùng với những yếu tố kỹ thuật khác. Thậm chí nếu hệ thống không được giao dịch bằng máy và những yếu tố kỹ thuật khác cũng đang được sử dụng thì tín hiệu cũng được sử dụng để giữ nhà giao dịch theo đúng hướng thị trường chính. Không một vị thế bán nào được đưa ra khi xu hướng trên máy tính vẫn tăng. Không một vị thế mua nào được diễn ra khi xu hướng trên máy tính vẫn giảm. (Đây cũng là một phương pháp đơn giản để nhà giao dịch phân tích cơ bản có thể sử dụng những thiết bị kỹ thuật như là bộ lọc hoặc tiến hành các ý định giao dịch của họ). Hướng phát triển của xu hướng là yếu tố quyết định. Tín hiệu trên máy hỗ trợ các nhà giao dịch tránh được một số nguy cơ bất ổn. Chúng có thể ngăn nhà giao dịch khỏi nguy cơ sập bẫy “chạm đỉnh và đáy” (chạm đỉnh và đáy là chiến thuật nắm lấy thời cơ giao dịch đúng vào lúc giá đang ở đỉnh hoặc ở đáy, thông thường, hiếm khi ta bắt được giá ngay tại thời điểm nó chạm đỉnh hoặc đáy mà chỉ mong bắt được vào lúc lệch với thời điểm lý tưởng đó ít nhất).

Việc sử dụng tín hiệu như là thiết bị báo động

Tín hiệu trên hệ thống có thể được sử dụng như một thiết bị báo động những sự thay đổi xu hướng gần nhất. Nhà giao dịch chỉ cần liếc nhìn tín hiệu xu hướng và lập tức sẽ thấy được một số thay đổi. Công dụng này cũng được phát hiện khi nghiên cứu các đồ thị. Máy tính thực hiện nhiệm vụ nhanh hơn, dễ dàng hơn và có căn cứ chắc chắn hơn. Khả năng tự động hóa những tín hiệu hệ thống và báo động cho nhà giao

dịch khi tín hiệu xuất hiện là một giá trị quý báu đặc biệt là khi thị trường tài chính đã phát triển rộng lớn như thế này.

CẦN SỰ GIÚP ĐỠ CỦA CHUYÊN GIA?

Một trong những sản phẩm của Omega Research được gọi là TradeStation sẽ cung cấp hàng loạt dịch vụ chuyên gia (Omega Research, Miami, FL 33174, (305) 551-9991). Chỉ cần nhắc máy gọi cho dịch vụ Expert Commentary, bạn sẽ nhận được diễn giải về tất cả các chỉ báo dựa trên tình hình thị trường hiện tại. Các phân tích viên của Omega sẽ xác định những chỉ báo nào hiệu quả nhất trong thị trường lúc đó và diễn giải chúng cho bạn. Hơn nữa, dịch vụ này còn có hai công cụ chuyên môn khác là chỉ báo đường xu hướng tự động (Trendlines Automatic Indicator) giúp bạn vẽ đường xu hướng và chỉ báo mô hình nền Nhật sẽ đọc đồ thị hình nền cho bạn.

KIỂM TRA HỆ THỐNG HOẶC TỰ TẠO HỆ THỐNG RIÊNG

Omega Research cũng sở hữu một thư viện các hệ thống giao dịch phổ biến. Bạn có thể kiểm tra, thay đổi chúng hoặc tự tạo một hệ thống cho riêng mình. Tất cả các công cụ vẽ đồ thị của Omega, những chỉ báo, hệ thống giao dịch đều được viết bằng một ngôn ngữ dễ hiểu gọi là Easylanguage. Chương trình Easylanguage thu nhận quan điểm giao dịch của bạn bằng ngôn ngữ thường, sau đó chuyển sang dạng mã để chạy chương trình. Không gì có thể phát triển, kiểm tra, tối ưu hóa và tự động hóa các ý tưởng giao dịch của bạn ngoài một chương trình máy tính. Máy tính có thể tạo ra các lệnh giao dịch tương ứng và báo động cho bạn thông qua máy nhắn tin của bạn về sự xuất hiện của các dấu hiệu. (Trong Phụ lục C, chúng ta sẽ sử dụng chương trình Easylanguage và TradeStation để thể hiện cách tự tạo một hệ thống giao dịch cho riêng mình).

TÓM LƯỢC

Chương này giới thiệu hai hệ thống khác của Welles Wilder - Parabol và Hướng vận động. Parabol có thể sinh ra những tín hiệu giao dịch có ích nhưng không thể sử dụng độc lập. Hai đường DI có thể được sử dụng như là bộ lọc trên hệ thống Parabol hay bất kỳ một hệ thống nào tuân theo xu hướng nhạy cảm. Là một phần của hệ thống DMI, đường ADX tạo ra một phương pháp xác định loại thị trường mà bạn đang giao dịch: liệu đó là thị trường theo xu hướng hay không rõ xu hướng. Đường ADX tăng thể hiện có xu hướng và nghiêng về sử dụng đường trung bình di động. Đường ADX giảm thể hiện sự giao dịch theo biên độ và nghiêng về các chỉ báo dao động. Chúng ta cũng sử dụng các ví dụ về Parabol để trình bày những mặt tốt và xấu của hệ thống giao dịch theo xu hướng. Chúng hoạt động hiệu quả khi có một xu hướng đang diễn ra nhưng lại trở nên vô dụng trong thời gian giao dịch theo biên độ. Bạn có thể nhận thấy sự khác biệt. Chúng ta cũng đã nói về khả năng của những hệ thống giao dịch bằng máy. Những hệ thống này loại trừ cảm xúc của con người và cực kỳ hữu dụng tại những hoàn cảnh thị trường thích hợp. Chúng còn được sử dụng làm các báo động kỹ thuật và kết hợp với phân tích cơ bản. (Xem phụ lục C về sự giao dịch theo hệ thống)

Rõ ràng là máy tính đã làm một cuộc cách mạng trong việc phân tích và giao dịch thị trường tài chính. Mặc dù mối quan tâm chính của chúng ta là phân tích kỹ thuật, nhưng các chương trình máy tính cũng cho phép chúng ta kết hợp phân tích kỹ thuật với phân tích cơ bản. Khi phiên bản đầu tiên của cuốn sách được phát hành vào năm 1986, chi phí trang bị một phần mềm máy tính để thực hiện phân tích kỹ thuật là 5000\$. Gói phần mềm tốt nhất ngày nay chỉ mất \$2000. Hãy xem mọi thứ thay đổi như thế nào. Bạn có thể có được một chiếc máy tính cấu hình mạnh chỉ với một khoản tiền dưới \$2000. Hầu như các gói phần mềm đều có giá dưới \$300. Những phần mềm tốt hơn có thể cung cấp cho bạn dữ liệu giá trong hơn 20 năm được chứa trong một chiếc đĩa CD-Rom với giá rất thấp và không có phụ phí.

Một công dụng khác là sự hỗ trợ chuyên nghiệp từ các gói phần mềm này. Sách hướng dẫn sử dụng bao gồm các công thức kỹ thuật và tất cả những diễn giải. Khả năng của máy tính ngày nay cho phép theo dõi thị trường trái phiếu và chứng khoán toàn cầu cùng hàng ngàn chứng khoán riêng lẻ khác, nhưng không đề cập đến quỹ đầu tư. Trong Chương 17, chúng ta sẽ nói về một công dụng phức tạp hơn của máy tính trong việc phát triển các *mạng trung lập*. Nhưng rõ ràng, nếu bạn nghiêm túc với thị trường đầu tư và giao dịch tài chính thì nên có một chiếc máy tính và học cách sử dụng nó.



CHƯƠNG 16

Chiến lược quản lý tài sản và giao dịch

GIỚI THIỆU

Các phương pháp kỹ thuật dùng trong dự đoán và giao dịch các thị trường tài chính đã được giới thiệu trong những chương trước. Trong chương này, chúng ta sẽ hoàn thiện quá trình giao dịch hơn bằng cách bổ sung vào quy trình dự đoán thị trường các yếu tố quyết định của Chiến thuật giao dịch (hay xác định thời điểm) và khía cạnh thường bị bỏ qua là quản lý tài sản. Không có một chương trình giao dịch nào hoàn thiện nếu không hội đủ ba yếu tố trên.

BA YẾU TỐ ĐỂ GIAO DỊCH THÀNH CÔNG

Bất kỳ một chương trình giao dịch thành công nào cũng phải bao gồm ba yếu tố quan trọng là: dự đoán giá, xác định thời điểm và quản lý tài sản.

1. *Dự đoán giá* tức là dự đoán xu hướng của một thị trường. Đây là bước đầu tiên trong việc ra quyết định giao dịch. Quá trình dự đoán sẽ xác định được liệu nhà giao dịch nên đầu cơ giá lên hay giá xuống. Nó trả lời cho câu hỏi liệu nên gia nhập thị trường ở bên mua hay bên bán. Nếu nhà giao dịch dự đoán giá sai thì những điều kiện sau sẽ không còn ý nghĩa gì nữa.

2. *Chiến thuật giao dịch*, hay xác định thời điểm, quyết định điểm gia nhập và thoát khỏi thị trường. Xác định thời điểm là công việc có vai trò quyết định trong giao dịch tương lai. Bởi vì mức độ kỳ quỹ thấp và cấp độ đòn bẩy cao nên nhà giao dịch không được phép có nhiều sai sót. Ta hoàn toàn có thể đi đúng hướng của thị trường nhưng vẫn có thể mất tiền nếu chọn sai thời điểm. Về bản chất, xác định thời điểm gần như là một công việc mang tính kỹ thuật. Chính vì thế, cho dù nhà giao dịch thiên về phân tích cơ bản thì vẫn nên sử dụng công cụ kỹ thuật để nhận định điểm gia nhập và thoát khỏi thị trường dứt khoát.
3. *Quản lý tài sản* là cách phân phối tiền bạc của bạn, bao gồm việc xây dựng những danh mục đầu tư, đa dạng hóa danh mục đó ra sao, nên đầu tư bao nhiêu tiền hoặc mức độ rủi ro là bao nhiêu, cách sử dụng lệnh dừng, hệ số lợi nhuận/rủi ro, phải làm gì sau một giao dịch thành công hoặc thất bại, nên giao dịch thận trọng hay thật tích cực.

Ta có thể tóm tắt một cách rất đơn giản là việc dự đoán giá giúp nhà giao dịch biết nên làm gì (mua hay bán), còn việc xác định thời điểm giúp nhà giao dịch đưa ra quyết định khi nào nên thực thi đồng thời xác định mức độ tiến hành giao dịch. Đề tài dự đoán giá đã được nói đến trong những chương trước. Chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu hai khía cạnh khác của nó trong chương này. Chúng ta sẽ thảo luận về quản lý tài sản trước vì nó là vấn đề cần cân nhắc khi quyết định những chiến thuật giao dịch thích hợp.

QUẢN LÝ TÀI SẢN

Sau nhiều năm làm việc trong bộ phận nghiên cứu của một công ty môi giới lớn, tôi chuyển sang lĩnh vực quản trị tài sản và nhanh chóng khám phá ra sự khác biệt giữa việc đưa ra chiến lược giao dịch cho người khác và việc tự thực hiện nó. Thật ngạc nhiên là phần khó nhất trong giao dịch không hề liên quan đến chiến lược giao dịch. Cách tôi phân tích thị trường và xác định điểm gia nhập và thoát khỏi không thay đổi nhiều. Thay đổi nằm ở tầm quan trọng của việc quản trị tài sản. Tôi thấy

ngạc nhiên về tầm ảnh hưởng của những yếu tố như quy mô tài khoản, tổ hợp danh mục, và số tiền được cam kết cho từng giao dịch đối với kết quả cuối cùng.

Tôi là tín đồ của quản trị tài sản. Trong ngành công nghiệp tài chính này luôn hiện diện vô số công ty và dịch vụ tư vấn cung cấp cho khách hàng của họ những lời khuyên nên mua hay bán *cái gì* và *khi nào* thì nên làm việc đó. Tuy nhiên, họ lại không nói nhiều về *mức độ* nguồn vốn mà nhà giao dịch nên cam kết cho từng giao dịch.

Một số nhà giao dịch tin rằng quản trị tài sản là phần quan trọng nhất của một chương trình giao dịch, thậm chí quan trọng hơn cả bản thân giao dịch. Tôi thì không chắc chắn đến mức đó, nhưng lại không nghĩ là chúng ta có thể tồn tại mà không có nó. Quản trị tài sản giải quyết nhiều vấn đề sống còn. Nó cho nhà giao dịch biết được cách thức quản lý tiền bạc của họ. Bất kỳ một nhà giao dịch giỏi nào cũng có thể thắng cuộc trong cuộc đua dài hạn. Quản trị tiền bạc gia tăng khả năng tồn tại của nhà giao dịch để có thể tiếp tục cuộc chơi trong dài hạn.

Một số hướng dẫn chung về quản trị tài sản

Phải thừa nhận rằng vấn đề quản trị tài sản vô cùng phức tạp, đòi hỏi những phương pháp đánh giá thống kê hiện đại. Chúng ta sẽ tiếp cận phương pháp đó ở một mức độ tương đối đơn giản. Sau đây là một số hướng dẫn chung hỗ trợ việc phân phối tài sản và xác định được mức độ tham gia giao dịch của một người. Những hướng dẫn này chủ yếu là dành cho giao dịch tương lai.

1. *Tổng quỹ tiền đầu tư nên được giới hạn ở mức 50% tổng số vốn.* Phần còn lại nên được đầu tư vào Trái phiếu Chính phủ. Có nghĩa là tại bất kỳ một thời điểm nào cũng không nên đổ quá một nửa số vốn vào cuộc chơi. Nên để dành nửa còn lại như là phần dự trữ cho khoảng thời gian tồi tệ và thua lỗ. Ví dụ, nếu tài khoản có 100.000 thì chỉ nên dùng 50.000 để giao dịch.
2. *Tổng số tiền đổ vào một thị trường bất kỳ nên được giới hạn dưới 10-15% tổng số vốn sở hữu.* Trong một tài khoản có 100.000\$ thì

chỉ nên sử dụng 10.000-15.000\$ để ký quỹ. Điều này sẽ ngăn nhà giao dịch đổ quá nhiều tiền vào một giao dịch.

3. *Tổng số tiền đầu tư có nguy cơ mạo hiểm trong bất cứ thị trường nào cũng nên được giới hạn dưới mức 5% tổng số vốn sở hữu.* 5% ở đây là khoản tiền nhà đầu tư sẵn sàng chịu mất nếu giao dịch không hiệu quả. Đây là một điều quan trọng trong việc quyết định số lượng hợp đồng giao dịch và khoảng cách đặt lệnh dừng. Ví dụ trong một tài khoản 100.000\$, mức độ mạo hiểm cho một giao dịch không được vượt quá 5000\$.
4. *Tổng mức ký quỹ trong bất cứ nhóm thị trường nào cũng nên được giới hạn dưới mức 20-25% tổng số vốn sở hữu.* Tiêu chí này nhằm bảo vệ nhà giao dịch không tham gia quá sâu vào một thị trường. Các thị trường trong một nhóm có xu hướng cùng vận động với nhau. Vàng và bạc thuộc nhóm kim loại quý và thường vận động theo cùng một hướng. Việc đặt toàn bộ các vị thế vào từng thị trường trong nhóm sẽ phá vỡ nguyên tắc đa dạng hóa. Việc đầu tư vào thị trường trong cùng nhóm nên được kiểm soát.

Những hướng dẫn này được coi là khá chuẩn mực đối với giao dịch tương lai nhưng có thể được tùy biến theo nhu cầu của nhà giao dịch. Một số nhà giao dịch tích cực hơn những người khác và nắm vị thế lớn hơn. Số khác thì lại thận trọng hơn. Điều quan trọng cần cân nhắc là một số hình thức dạng đa dạng hóa nên được sử dụng - điều cho phép khả năng dự trữ nguồn vốn và một số đánh giá khả năng bảo vệ trong giai đoạn thua lỗ. (Mặc dù những hướng dẫn này được áp dụng cho giao dịch tương lai nhưng nguyên tắc quản trị tài sản và phân phối tài sản chung có thể được áp dụng cho mọi hình thức đầu tư.)

Đa dạng hóa trong sự đối sánh với tập trung hóa

Dù được coi là phương pháp giới hạn rủi ro nhưng đôi khi sự đa dạng hóa lại mất công dụng do bị cường điệu quá mức. Nếu một nhà giao dịch đầu tư cùng lúc vào quá nhiều thị trường thì số lượng các giao dịch có lợi nhuận sẽ giảm đi nhiều do số lượng các giao dịch thua lỗ quá lớn. Vì vậy, sự hiện diện của việc cân bằng các yếu tố khác nhau để đạt được

sự kết hợp tốt nhất cũng như sự cân nhắc kỹ lưỡng là điều cần thiết. Một số nhà giao dịch thành công thường tập trung giao dịch trong một nhóm rất ít thị trường. Điều đó được coi là ổn khi các thị trường này đều đang đi theo xu hướng. Mối tương quan giữa các thị trường càng nghịch thì sự đa dạng hóa càng nhiều hơn. Việc nắm giữ vị thế mua bốn loại ngoại tệ khác nhau cùng lúc không phải là cách đa dạng hóa hoàn hảo, vì các đồng ngoại tệ thường có cùng xu hướng với đồng USD.

Sử dụng lệnh dừng (Protective Stop)

Tôi đặc biệt khuyến khích các bạn sử dụng lệnh dừng (chiến lược giảm thiểu các khoản thua lỗ có thể xảy ra thông qua việc sử dụng lệnh cắt lỗ - ND). Tuy nhiên, đây thực sự là một nghệ thuật. Nhà giao dịch phải kết hợp được các yếu tố kỹ thuật của đồ thị giá với việc cân nhắc quản trị tài sản. Chúng tôi sẽ giới thiệu về cách thức thực hiện điều này trong phần nói về chiến thuật. Nhà giao dịch phải cẩn trọng với độ dao động của thị trường. Thị trường càng dao động, lệnh dừng càng mơ hồ. Vì thế, ở đây ta cần đến sự hiện diện của việc cân bằng các yếu tố khác nhau nhằm đạt được sự kết hợp tốt nhất. Nhà giao dịch muốn có lệnh dừng đủ gần để giảm thiểu các giao dịch thua lỗ. Tuy nhiên, điểm dừng càng gần càng sinh ra nhiều lệnh thanh lý không mong muốn vào lúc thị trường dao động (hay “tiếng ồn”). Nếu lệnh dừng nằm quá xa thì tránh được những tiếng ồn nhưng lại gây những khoản lỗ lớn hơn. Thủ thuật là ở chỗ tìm được điểm đặt lệnh nằm giữa khoảng đó.

HỆ SỐ LỢI NHUẬN/RỦI RO

Những nhà giao dịch tài ba nhất trong thị trường tương lai cũng chỉ kiếm được lợi nhuận trong 40% giao dịch của họ. Đúng vậy. Còn đa số là lỗ. Vậy họ làm cách nào để thu được lợi nhuận nếu phần lớn đều giao dịch thất bại? Nguyên nhân là các hợp đồng tương lai chỉ yêu cầu mức ký quỹ thấp, thậm chí một dịch chuyển nhỏ sai hướng cũng tạo ra nguy cơ buộc phải thanh lý vị thế. Do đó, nhà giao dịch cần phải kiểm tra kỹ lưỡng nhiều lần trước khi bắt kịp biến động mà họ đang tìm kiếm.

Đây là vấn đề về hệ số lợi nhuận/rủi ro. Vì đa số các giao dịch đều thất bại nên cách duy nhất để thành công là bảo đảm số lượng đồng đô-la Mỹ trong các giao dịch thành công lớn hơn lượng tiền trong những giao dịch thất bại. Để thực hiện việc này, đa số nhà giao dịch sử dụng hệ số lợi nhuận/rủi ro. Đối với mỗi giao dịch tiềm năng, phải xác định một mục tiêu lợi nhuận. Mục tiêu lợi nhuận đó phải được cân bằng trong sự tương phản với khả năng thua lỗ nếu giao dịch thất bại (rủi ro). Chuẩn so sánh phổ biến là hệ số lợi nhuận/rủi ro 3/1, tức là lợi nhuận ít nhất phải bằng ba lần thua lỗ khi cân nhắc một giao dịch.

“Kéo lợi nhuận đến và đẩy thua lỗ đi” là một trong những câu châm ngôn lâu đời trong giao dịch. Lợi nhuận lớn thu được bằng cách duy trì theo xu hướng cố định. Vì chỉ một số giao dịch trong năm có thể sinh ra lợi nhuận cao, nên cần tối đa hóa những thành công đó. Mặt khác, nhà giao dịch phải giảm thiểu những giao dịch thua lỗ. Có thể bạn sẽ ngạc nhiên về số lượng nhà giao dịch làm ngược lại châm ngôn này.

GIAO DỊCH ĐA VỊ THỂ: THEO XU HƯỚNG VÀ GIAO DỊCH

Việc kéo lợi nhuận đến không đơn giản như ta nghĩ. Hãy tưởng tượng một tình huống trong đó thị trường bắt đầu hình thành xu hướng, sinh lợi nhuận cao trong một khoảng thời gian ngắn. Đột nhiên, xu hướng chuyển lại với chỉ báo dao động báo hiệu tình trạng mua quá mức và xuất hiện ngưỡng kháng cự trên đồ thị. Bạn sẽ làm gì? Bạn tin rằng khả năng tăng giá rất cao, nhưng lại sợ mất khoản lợi nhuận trên giấy tờ (Khoản lãi chưa có thực trong một khoản đầu tư. Khoản lãi này được tính toán dựa trên so sánh giá thị trường hiện tại với chi phí của nhà đầu tư - ND.) nếu thị trường rút giá. Bạn sẽ lập tức chốt lấy cơ hội thu lãi về hay sẽ chờ đợi qua đợt hiệu chỉnh?

Một giải pháp cho vấn đề này là hãy luôn giao dịch đa vị thể. Những đơn vị này được chia nhỏ thành những vị thể theo *giao dịch* và theo *xu hướng*. Phần vị thể đi theo *xu hướng* được sử dụng cho hoạt động mua dài hạn. Các lệnh dừng nổi lòng được sử dụng và thị trường có nhiều không gian để dao động hoặc tự hiệu chỉnh. Đây là những vị thể tạo ra

lợi nhuận lớn nhất trong dài hạn.

Phần giao dịch trong danh mục đầu tư theo giao dịch được dùng riêng cho giao dịch mua bán tức thời trong ngắn hạn. Nếu thị trường đạt được mục tiêu đầu tiên - mục tiêu nằm gần một ngưỡng kháng cự và mua quá mức - nhà giao dịch có thể bán vị thế khi đang có lời hoặc một lệnh dừng sẽ được sử dụng với mục đích để bảo toàn lợi nhuận. Nếu sau đó xu hướng hồi phục thì có thể khôi phục lại những vị thế đã thanh lý. Tốt nhất là nên tránh giao dịch chỉ một đơn vị duy nhất trong một thời điểm. Sự linh hoạt từ cách giao dịch đa vị thế sẽ tạo nên sự khác biệt lớn trong kết quả giao dịch.

LÀM GÌ SAU NHỮNG GIAI ĐOẠN THÀNH CÔNG VÀ THẤT BẠI?

Nhà giao dịch sẽ làm gì sau khi thắng lợi hoặc thua lỗ? Giả sử tài sản của bạn bị giảm đi 50%, bạn có thay đổi hướng giao dịch? Nếu bạn vừa mất đi một nửa số tiền, việc cần làm là phải nhân đôi những gì còn lại để quay trở về điểm khởi động. Bạn sẽ có lựa chọn khác hay lặp lại những gì đã làm? Nếu bạn bảo thủ thì khả năng lấy lại những gì đã mất sẽ rất thấp.

Một tình thế tiến thoái lưỡng nan sẽ diễn ra sau một thời kỳ thắng lợi. Bạn sẽ làm gì với chiến thắng đó? Giả sử bạn nhân đôi số tiền hoặc tối đa hóa công dụng của nó bằng cách nhân đôi kích thước vị thế. Tuy nhiên, nếu như vậy thì điều gì sẽ diễn ra trong giai đoạn thua lỗ chắc không thể tránh được sau đó? Thay vì chỉ mất 50% những gì thắng được, bạn sẽ mất tất cả. Vì thế, câu trả lời cho hai câu hỏi này không đơn giản như ở trường hợp đầu tiên.

Mỗi nhà giao dịch ghi nhận các đỉnh và đáy, trông như một đồ thị giá. Xu hướng của đồ thị nên đi lên nếu nhà giao dịch kiếm được tiền sau khi cân nhắc kỹ. Thời điểm tệ hại nhất để tăng qui mô đầu tư là sau một thời kỳ chiến thắng. Điều này chẳng khác gì hành động mua vào trong một thị trường mua quá mức khi xu hướng đang tăng vậy. Cách khôn ngoan hơn (nhưng lại là điều đi ngược với bản năng con người

nhất) là gia tăng vị thế sau một lần thua lỗ. Điều này cho thấy rằng những khoản đầu tư nặng ký sẽ được thực hiện tại các đáy thay vì tại đỉnh.

CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH

Ngay khi hoàn thành việc phân tích thị trường, nhà giao dịch nên biết được liệu họ muốn mua hay muốn bán. Đây là thời điểm quan trọng của việc quản trị tài sản. Bước cuối cùng chính là mua hoặc bán trên thực tế. Đây có thể là phần khó khăn nhất của quy trình. Quyết định cuối cùng liên quan đến cách thức và địa điểm gia nhập thị trường được dựa trên sự kết hợp giữa các yếu tố kỹ thuật, thông số quản trị tài sản cũng như loại lệnh giao dịch được áp dụng. Hãy cùng xem xét chúng theo trình tự.

Sử dụng phân tích kỹ thuật trong việc xác định thời điểm

Việc áp dụng nguyên tắc kỹ thuật đã được giới thiệu trong những chương trước vào quy trình xác định thời điểm chẳng phải là vấn đề mới mẻ. Khác biệt duy nhất là việc xác định thời điểm diễn ra trong một thời gian rất ngắn. Khung thời gian ở đây được tính theo ngày, giờ và phút chứ không phải là tuần hay tháng. Nhưng những công cụ kỹ thuật được áp dụng thì lại không hề thay đổi. Thay vì xem lại tất cả các phương pháp phân tích kỹ thuật, chúng ta sẽ giới hạn vấn đề lại thành những khái niệm chung sau đây.

1. Chiến thuật tại các điểm phá vỡ
2. Sự phá vỡ đường xu hướng
3. Sử dụng ngưỡng hỗ trợ và kháng cự
4. Sử dụng sự thoái lui theo phần trăm
5. Sử dụng vùng trống

Chiến thuật phá vỡ: Dự báo hay phản ứng lại?

Nhà giao dịch luôn đối mặt với tình thế tiến thoái lưỡng nan của việc

nắm giữ vị thế trước một cú phá vỡ hay tại điểm phá vỡ hoặc sau khi nó diễn ra. Ở đây có sự hiện diện của các lý lẽ ủng hộ từng phương pháp hoặc cả ba tình huống được kết hợp lại. Nếu nhà giao dịch đang giao dịch nhiều vị thế thì một vị thế có thể được nắm giữ trong từng trường hợp. Nếu vị thế được nắm giữ trước cú phá vỡ giá lên thì lợi ích nhận được sẽ là giá tốt hơn (thấp hơn) nếu sự phá vỡ đó diễn ra. Tuy nhiên, khả năng thất bại cũng cao hơn. Việc chờ đợi sự phá vỡ thực tế sẽ làm gia tăng khả năng thành công, nhưng hậu quả là mức giá gia nhập thị trường sau đó sẽ cao hơn. Việc chờ đợi một sự thoái lùi sau cú phá vỡ là một thỏa hiệp khôn ngoan, miễn là sự thoái lùi đó diễn ra. Đáng tiếc là nhiều thị trường sôi động (thường là những thị trường tạo lợi nhuận) không phải lúc nào cũng dành cơ hội thứ hai cho những nhà giao dịch kiên nhẫn như vậy. Rủi ro liên quan đến việc chờ đợi một sự thoái lùi chính là việc để mất thị trường.

Tình huống này là ví dụ cho thấy việc giao dịch đa vị thế sẽ giúp đơn giản hóa tình thế tiến thoái lưỡng nan. Nhà giao dịch có thể nắm giữ vị thế nhỏ trước cú phá vỡ, mua thêm tại cú phá vỡ và thêm một ít nữa khi giá hiệu chỉnh sau cú phá vỡ.

Sự phá vỡ đường xu hướng

Đây là một trong những tín hiệu mua bán hữu hiệu sớm sủa nhất. Nếu nhà giao dịch hy vọng gia nhập một vị thế mới nhờ tín hiệu thay đổi xu hướng hay một lý do thoát khỏi một vị thế cũ, thì sự phá vỡ một đường xu hướng hẹp là tín hiệu hoàn hảo nhất. Đường xu hướng còn được sử dụng để xác định điểm gia nhập khi chúng vận hành như là ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự. Việc mua vào trên đường xu hướng tăng chính hoặc bán ra trên đường xu hướng giảm là chiến lược xác định thời điểm hiệu quả.

Sử dụng ngưỡng hỗ trợ và ngưỡng kháng cự

Ngưỡng hỗ trợ và kháng cự là công cụ hữu hiệu nhất để xác định điểm gia nhập và thoát khỏi thị trường. Sự phá vỡ ngưỡng kháng cự là một tín hiệu để nắm giữ vị thế mua mới. Lệnh dừng sau đó có thể được đặt ngay dưới điểm hỗ trợ gần nhất. Lệnh dừng gần hơn có thể có thể được

HOC CHUNG KHOAN tại: www.500dong.com / (facebook.com/Ngo500dong)

đặt ngay dưới điểm phá vỡ thực thể, ngưỡng giờ đây có chức năng như một ngưỡng hỗ trợ. Sự hồi phục lên ngưỡng kháng cự trong một xu hướng giảm hoặc sự rút giá xuống ngưỡng hỗ trợ trong một xu hướng tăng có thể được sử dụng để khởi động vị thế mới hoặc gia tăng những vị thế cũ có lời. Khi đặt lệnh dừng, ngưỡng hỗ trợ và kháng cự là những điểm có giá trị nhất.

Sử dụng sự thoái lui theo tỷ lệ phần trăm

Trong một xu hướng tăng, sự thoái lui 40-60% tăng giá trước đó có thể được sử dụng cho vị thế mới hoặc gia tăng vị thế mua vào. Vì chúng ta chủ yếu nói về việc xác định thời điểm nên sự thoái lui theo tỷ lệ phần trăm có thể được áp dụng cho những hoạt động cực ngắn hạn. Ví dụ, thoái lui 40% sau cú phá vỡ tăng giá có thể là điểm mua lý tưởng. Sự hồi phục 40-60% thường tạo ra các cơ hội bán hoàn hảo trong xu hướng giảm. Sự thoái lui theo tỷ lệ phần trăm còn được sử dụng trong đồ thị theo ngày.

Sử dụng vùng trống giá

Vùng trống giá trên đồ thị có thể được sử dụng một cách hiệu quả trong việc xác định thời điểm mua vào hoặc bán ra. Ví dụ, sau một biến động tăng giá thì những vùng trống cơ bản thường có chức năng như những ngưỡng hỗ trợ. Nên mua khi giá rơi xuống bên trên hoặc bên trong vùng trống. Có thể đặt lệnh dừng bên dưới vùng trống, bán khi giá hồi phục lên bên dưới hoặc tiến vào vùng trống. Có thể giữ lệnh dừng ở bên trên vùng trống.

Kết hợp các khái niệm kỹ thuật

Cách sử dụng những khái niệm kỹ thuật này hiệu quả nhất là kết hợp chúng với nhau. Hãy nhớ rằng khi chúng ta nói đến vấn đề xác định thời điểm, quyết định cơ bản liên quan đến việc gia nhập hay thoát khỏi thị trường đã được đưa ra. Tất cả những gì chúng ta cần làm ở đây chỉ là gia nhập hoặc thoát khỏi thị trường. Nếu tín hiệu mua xuất hiện thì nhà giao dịch muốn mua ở mức giá tốt nhất có thể. Giá sử giả rơi xuống

HOC CHUNG KHOAN tại: www.500dong.com / (facebook.com/Ngo500dong)

40-60% khu vực mua cho thấy ngưỡng hỗ trợ nổi bật trong khu vực đó và có thể có một vùng trống. Ngoài ra còn có khả năng đường xu hướng tăng quan trọng ở gần đó.

Tất cả những yếu tố này được kết hợp với nhau để xác định thời điểm giao dịch. Quan trọng là mua gần vùng hỗ trợ, nhưng phải nhanh chóng thoát khỏi nếu ngưỡng hỗ trợ bị phá vỡ. Sự phá vỡ một đường xu hướng giảm hẹp nối các đỉnh một xu hướng giảm có thể được sử dụng làm tín hiệu mua. Trong giai đoạn hồi phục xu hướng giảm, sự phá vỡ đường xu hướng tăng hẹp được xem là cơ hội mua.

KẾT HỢP CÁC YẾU TỐ KỸ THUẬT VỚI QUẢN TRỊ TÀI SẢN

Bên cạnh việc sử dụng các điểm trên đồ thị, các hướng dẫn về quản trị tài sản cũng đóng một vai trò trong việc thiết lập lệnh dừng. Giả sử một tài khoản có giá trị 100.000\$ và sử dụng 10% tiêu chí đầu tối đa thì ta chỉ đổ vào thị trường 10.000\$. Rủi ro tối đa là 5%, tức 5000\$. Chính vì thế, lệnh dừng của vị thế chung được đặt sao cho mức thua lỗ không quá 5000\$ nếu giao dịch không hiệu quả.

Một lệnh dừng gần hơn sẽ cho phép nắm giữ vị thế lớn hơn. Một lệnh dừng rời lỏng hơn sẽ làm giảm quy mô của vị thế. Một số nhà giao dịch chỉ sử dụng các yếu tố quản trị tài sản khi xác định điểm đặt lệnh dừng. Tuy nhiên, việc đặt lệnh dừng bên trên điểm kháng cự có hiệu lực cho một vị thế bán hoặc dưới điểm hỗ trợ có hiệu lực là điều rất quan trọng. Việc sử dụng đồ thị hàng ngày có thể trở nên đặc biệt hiệu quả nếu nhà giao dịch muốn có ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự gần hơn.

CÁC DẠNG LỆNH GIAO DỊCH

Việc chọn đúng loại lệnh giao dịch là yêu cầu cần thiết trong quy trình chiến thuật. Chúng ta sẽ tập trung vào những dạng lệnh phổ biến hơn như thị trường, giới hạn, lệnh dừng, lệnh dừng giới hạn, lệnh đến mức (Market-if-Touched: gần giống như lệnh giới hạn, chỉ khác ở chỗ nó sẽ trở thành lệnh thị trường khi một giao dịch ở mức giá được ấn định đó xảy ra).

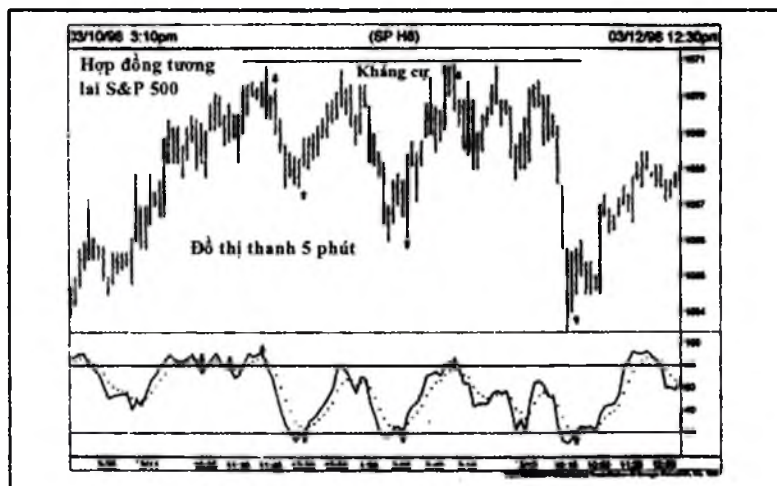
1. *Lệnh thị trường (Market Order)* hướng dẫn nhà môi giới của bạn biết phải mua hoặc bán ở giá hiện tại. Lệnh này được ưa dùng trong những điều kiện thị trường nhanh hay khi nhà giao dịch muốn chắc chắn rằng vị thế đã được nắm giữ và nhằm ngăn ngừa nguy cơ bỏ lỡ những biến động thị trường năng động tiềm năng.
2. *Lệnh giới hạn (Limit Order)* xác định một mức giá mà nhà giao dịch sẽ trả hoặc chấp nhận. Một lệnh giới hạn mua được đặt thấp hơn giá hiện tại và đó là mức giá cao nhất nhà giao dịch sẵn sàng trả. Lệnh giới hạn bán được đặt cao hơn giá hiện tại và là giá thấp nhất người bán sẵn sàng bán. Ví dụ, loại lệnh này được sử dụng sau một cú phá vỡ tăng giá trong đó người mua muốn mua khi giá giảm xuống gần ngưỡng hỗ trợ.
3. Một lệnh dừng lỗ (*Stop Order*), còn được gọi là lệnh cắt lỗ hay lệnh bán tự động (*Stop-loss-orders*), có thể được sử dụng để thiết lập một vị thế mới, hoặc bảo toàn lợi nhuận. Một lệnh chờ mua (*buy stop*) được đưa ra trên mức giá thị trường và một lệnh chờ bán dưới giá thị trường (ngược với lệnh giới hạn). Khi giá chạm điểm dừng, lệnh này sẽ trở thành lệnh thị trường và được thực hiện ở mức giá tốt nhất có thể. Trong một vị thế mua, lệnh chờ bán được đặt thấp hơn giá thị trường để hạn chế thua lỗ. Sau khi thị trường dịch chuyển theo hướng tăng giá, lệnh này có thể được nâng lên để bảo toàn lợi nhuận (một lệnh dừng trượt giá). Một lệnh chờ mua được đặt trên ngưỡng kháng cự để khởi động vị thế mua khi giá phá vỡ đi lên. Vì lệnh dừng sẽ trở thành lệnh thị trường nên giá thực tế có thể vượt qua giá đặt lệnh dừng, đặc biệt trong thị trường vận động nhanh.
4. *Lệnh dừng giới hạn (Stop Limit Order)* là loại lệnh kết hợp cả lệnh dừng lẫn lệnh giới hạn. Loại lệnh này ấn định cả mức giá lệnh dừng, nơi giao dịch được kích hoạt lẫn mức giá giới hạn. Một khi được đưa ra thì lệnh dừng trở thành lệnh giới hạn. Dạng lệnh này sẽ hữu ích nếu nhà giao dịch muốn mua hoặc bán tại điểm phá vỡ, nhưng cũng muốn kiểm soát mức giá chi trả hoặc nhận về.

5. **Lệnh đến mức (Market-if-Touched - MIT)** tương tự lệnh giới hạn, ngoại trừ việc nó chỉ trở thành lệnh thị trường khi giá chạm giá giới hạn. Một lệnh MIT để mua được đặt dưới giá thị trường giống lệnh giới hạn. Khi giá chạm giá giới hạn thì giao dịch được thực hiện. Dạng lệnh này có một ưu điểm lớn hơn lệnh giới hạn. Lệnh giới hạn mua được đặt dưới mức giá thị trường không bảo đảm sẽ được thực hiện cho dù giá đã chạm giá giới hạn. Giá có thể bật lên từ giá giới hạn mà không thực hiện lệnh. Một lệnh MIT hữu hiệu nhất nếu nhà giao dịch muốn mua khi giá giảm nhưng lại không muốn bỏ lỡ thị trường sau khi giá chạm giá giới hạn.

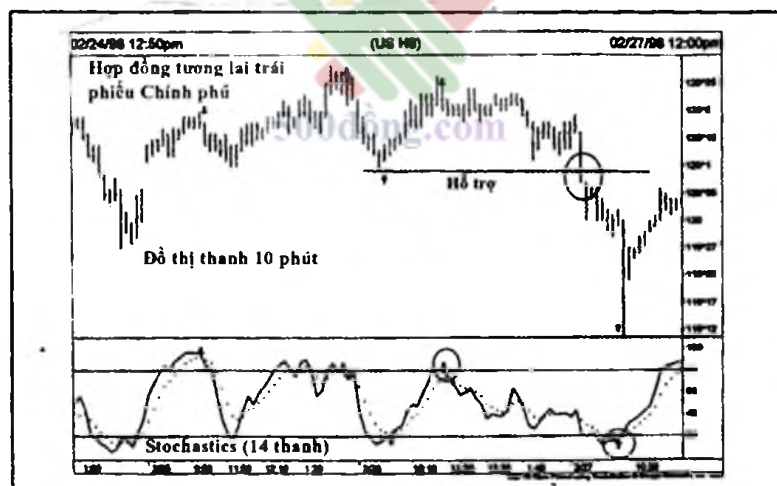
Mỗi loại lệnh thích hợp trong khoảng thời gian nhất định nào đó với những ưu và khuyết điểm riêng. Lệnh thị trường bảo đảm có một vị thế nhưng có thể phải chạy theo thị trường. Lệnh giới hạn tạo ra nhiều khả năng kiểm soát hơn cũng như giá tốt hơn nhưng lại có nguy cơ bỏ lỡ thị trường. Lệnh dừng cũng khiến nhà giao dịch bỏ lỡ cơ hội nếu giá vượt qua giá giới hạn. Lệnh dừng được khuyến khích sử dụng để cắt lỗ và bảo toàn lợi nhuận. Tuy nhiên, việc sử dụng lệnh chờ bán hoặc chờ mua để khởi động vị thế có thể gây ra kết quả không tốt. Lệnh MIT đặc biệt hữu ích nhưng không được phép sử dụng trên một số sàn giao dịch. Hãy làm quen với nhiều dạng lệnh khác nhau và biết được ưu điểm cũng như khuyết điểm của chúng. Mỗi loại đều hữu ích một phần nào đó trong kế hoạch giao dịch của bạn. Hãy chắc rằng bạn đã tìm được loại lệnh được phép sử dụng trên nhiều sàn giao dịch tài chính khác nhau.

TỪ ĐỒ THỊ HÀNG NGÀY ĐẾN ĐỒ THỊ GIÁ TRONG NGÀY

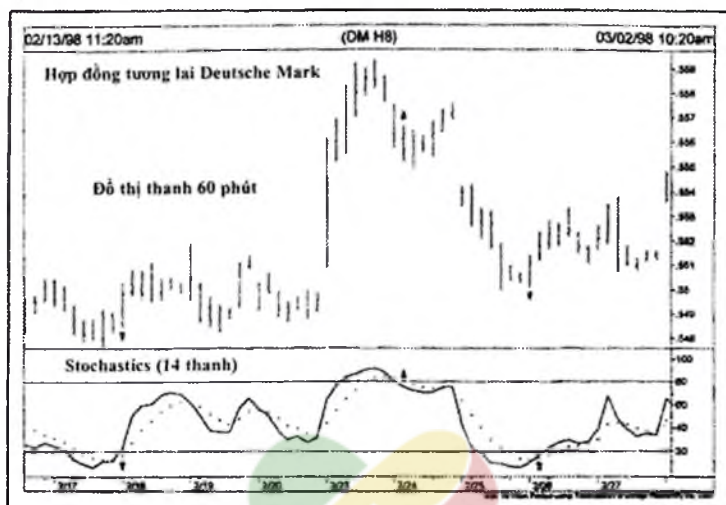
Vì việc xác định thời điểm gắn với sự biến động thị trường trong ngắn hạn nên đồ thị trong ngày đặc biệt hữu ích. Không thể bỏ qua đồ thị trong ngày nếu giao dịch theo ngày, mặc dù đó không phải là trọng tâm của chúng ta. Chúng ta đặc biệt quan tâm đến cách thức mà hoạt động trong ngày có thể được sử dụng để hỗ trợ nhà giao dịch trong việc xác định thời điểm mua và bán một khi quyết định cơ bản liên quan đến việc gia nhập hoặc thoát khỏi thị trường đã được đưa ra.



Hình 16.1 Một đồ thị thanh 5 phút của hợp đồng tương lai S&P500 thể hiện giao dịch trong 1.5 ngày. 5 tín hiệu stochastics cuối cùng khá hiệu quả. Đồ thị hàng ngày được dùng cho những giao dịch rất ngắn hạn.



Hình 16.2 Đồ thị thanh 10 phút của một hợp đồng tương lai Trái phiếu Chính phủ thể hiện 3 ngày giao dịch. Hai tín hiệu Stochastics cuối cùng là tín hiệu bán sau 10:10 sáng ngày 26/2 và tín hiệu mua cùng giờ sáng hôm sau.



Hình 16.3 Đồ thị thanh 1 giờ của hợp đồng tương lai đồng Mác Đức thể hiện 10 ngày giao dịch. Có ba tín hiệu stochastics. Một tín hiệu mua ngày 17/2 rồi tín hiệu bán ngày 24/2 và một tín hiệu mua ngày 26/2.

Cần nhắc lại rằng quy trình giao dịch phải được bắt đầu với viễn cảnh dài hạn và chuyển dần sang ngắn hạn hơn. Việc phân tích bắt đầu với đồ thị hàng tháng và hàng tuần cho những tầm nhìn dài hạn. Sau đó, đồ thị hàng ngày được để ý đến và đây là cơ sở nền tảng cho quyết định giao dịch thực tế. Đồ thị trong ngày là công cụ cuối cùng được xem xét để có độ chính xác cao hơn. Đồ thị dài hạn cung cấp tóm lược tình hình thị trường. Đồ thị trong ngày cho phép nghiên cứu chi tiết hơn. Các nguyên tắc kỹ thuật đã được thảo luận có thể được quan sát rõ ràng trên những đồ thị có tính nhạy cảm cao này. (Xem hình 16.1-16.3)

VIỆC SỬ DỤNG CÁC ĐIỂM TRỤC TRONG NGÀY

Để có thể gia nhập thị trường sớm hơn với những lệnh dừng sát hơn, một số nhà giao dịch thử dự đoán giá đóng cửa bằng cách sử dụng các điểm trục. Kỹ thuật này kết hợp 7 mức giá quan trọng trong 4 giai đoạn thời gian. 7 điểm trục là ngưỡng cao nhất, thấp nhất, giá đóng cửa ngày

HOC CHUNG KHOAN tại: www.500dong.com / (facebook.com/Ngo500dong)

hôm trước và giá mở cửa, cao nhất, thấp nhất và giá đóng cửa ngày hôm nay. 4 giai đoạn thời gian của ngày giao dịch hiện tại là lúc mở cửa, 30 phút sau khi mở cửa, giữa ngày (12:30 giờ New York) và 35 phút trước giờ đóng cửa.

Chúng là những khoảng thời gian trung bình và có thể được điều chỉnh theo từng thị trường riêng lẻ khác nhau. Quan điểm ở đây là sử dụng các điểm trục làm công cụ xác định thời điểm khi nhà giao dịch tin rằng thị trường đang chạm đỉnh hoặc đáy. Tín hiệu mua hoặc bán xuất hiện khi điểm trục bị phá vỡ trong ngày. Càng xuất hiện trễ thì tín hiệu càng chắc chắn. Với tư cách như là minh họa cho một tín hiệu mua, nếu giá mở cửa thị trường nằm trên mức giá đóng cửa của ngày hôm trước, nhưng thấp hơn ngưỡng cao nhất ngày hôm đó, lệnh chờ mua được đặt trên ngưỡng cao của ngày hôm trước. Nếu lệnh chờ mua được chọn, lệnh dừng bán được đặt dưới ngưỡng thấp nhất của ngày hiện tại. 35 phút trước khi đóng cửa nếu không có vị thế nào được nắm giữ thì một lệnh chờ mua được đặt bên trên ngưỡng cao nhất của ngày hiện tại và lệnh chờ bán bên dưới giá mở cửa hôm nay. Nhìn chung, không có hành động nào được thực hiện trong 30 phút đầu giao dịch. Càng về sau, các điểm trục được thu hẹp lại thành điểm dừng lỗ. Yêu cầu cuối cùng đối với tín hiệu mua đòi hỏi giá phải đóng cửa bên trên giá đóng cửa ngày hôm trước và giá mở cửa ngày hôm nay.

TÓM LƯỢC HƯỚNG DẪN VỀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN VÀ GIAO DỊCH

Danh sách dưới đây liệt kê những nguyên tắc quan trọng về quản trị tài sản và giao dịch:

1. Hãy giao dịch theo hướng của thị trường trung gian.
2. Hãy mua khi giá rút trong xu hướng tăng, hãy bán khi giá hồi phục trong xu hướng giảm.
3. Hãy gia tăng lợi nhuận, hạn chế thua lỗ.
4. Hãy sử dụng lệnh dừng để hạn chế thua lỗ.
5. Không giao dịch một cách hấp tấp, phải có kế hoạch cụ thể.

6. Hãy lên kế hoạch và làm theo kế hoạch.
7. Hãy sử dụng các nguyên tắc quản trị tài sản.
8. Hãy đa dạng hóa danh mục đầu tư nhưng không được lạm dụng.
9. Hãy sử dụng hệ số lợi nhuận/rủi ro thấp nhất là 3/1.
10. Khi gia tăng vị thế, hãy làm theo những bước sau:
 - a. Mỗi lớp kế tiếp nên nhỏ hơn lần trước.
 - b. Chỉ bổ sung những vị thế thành công.
 - c. Không bao giờ bổ sung vị thế thua lỗ.
 - d. Điều chỉnh lệnh dừng theo điểm phá vỡ.
11. Đừng bao giờ thực hiện yêu cầu tăng ký quỹ, đừng ném tiền qua cửa sổ.
12. Đóng các vị thế lỗ trước những vị thế lời.
13. Ngoại trừ những giao dịch rất ngắn hạn, nên ra quyết định vào lúc thị trường đóng cửa.
14. Thực hành từ dài hạn đến ngắn hạn.
15. Sử dụng đồ thị trong ngày để hiệu chỉnh điểm gia nhập và thoát khỏi thị trường.
16. Hãy thật sành sỏi trong giao dịch hàng ngày rồi mới chuyển sang giao dịch trong ngày.
17. Hãy cố gắng bỏ qua những lễ phải thông thường, đừng quá rập khuôn với những trong gì được phát ngôn từ các phương tiện truyền thông tài chính.
18. Hãy cảm thấy thoải mái khi ở vào thế thiếu số. Nếu bạn đang ở đúng hướng của thị trường, có thể số đông sẽ bắt đồng với bạn.
19. Phân tích kỹ thuật là một kỹ năng và kỹ năng đó sẽ hoàn thiện cùng với sự trải nghiệm thực tế và nghiên cứu. Phải luôn luôn học hỏi.
20. Hãy đơn giản hóa mọi thứ, sự phức tạp không phải lúc nào cũng tốt.

ỨNG DỤNG VÀO CHỨNG KHOÁN

Chiến thuật giao dịch được nói đến trong chương này (và cả các công cụ phân tích ở những chương trước) cũng được áp dụng được cho thị trường chứng khoán nếu có sự điều chỉnh. Trong khi trọng tâm của giao dịch tương lai là xu hướng ngắn và trung hạn, thì thị trường chứng khoán lại là trung và dài hạn. Giao dịch chứng khoán ít tập trung vào những giai đoạn ngắn hạn và ít sử dụng đồ thị hàng ngày. Tuy nhiên, nguyên tắc chung thì vẫn tương tự đối với việc phân tích và giao dịch thị trường, cho dù chúng có hiện diện trên sàn giao dịch chứng khoán Chicago hay New York.

PHÂN BỐ TÀI SẢN

Các hướng dẫn về quản trị tài sản được trình bày trong chương này chủ yếu có liên quan chủ yếu đến giao dịch tương lai. Tuy nhiên, có nhiều nguyên tắc trong đó có liên quan đến việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và phân bổ tài sản. Phân bổ tài sản là cách phân chia danh mục giữa các loại hình chứng khoán, trái phiếu và tiền mặt (thường theo dạng quỹ tiền tệ hoặc Trái phiếu Chính phủ). Nó cũng liên quan đến số lượng danh mục đầu tư được phân bổ cho các thị trường nước ngoài. Hơn nữa, nó còn là lượng cổ phiếu nắm giữ dàn trải giữa các lĩnh vực thị trường và nhóm ngành khác nhau. Gần đây, nó còn liên quan đến số lượng danh mục đầu tư được phân bổ cho thị trường hàng hóa truyền thống.

TÀI KHOẢN ĐƯỢC QUẢN LÝ VÀ CÁC QUỸ HỖ TƯƠNG

Tài khoản được quản lý đã có mặt trên thị trường tương lai vài năm gần đây và tạo ra phương tiện cho những người muốn đầu tư vào thị trường tương lai nhưng lại thiếu kiến thức. Tài khoản được quản lý đã tạo ra một dạng tiếp cận quỹ hỗ trợ tương vào giao dịch tương lai. Mặc dù được đầu tư vào tất cả các thị trường tương lai - bao gồm tiền tệ, hàng hóa, trái phiếu và chỉ số chứng khoán tương lai - các tài khoản này vẫn tạo ra một số phép đo lường quy trình đa dạng hóa danh mục đầu tư từ trái phiếu và chứng khoán. Một phần của việc đa dạng hóa được thể

hiện nhờ thực tiễn giao dịch từ cả vị thế mua lẫn vị thế bán. Phần khác là từ khu vực hàng hóa. Tuy nhiên, khả năng đầu tư một phần tài sản vào phân khúc hàng hóa được thực hiện một cách dễ dàng hơn nhiều bắt đầu từ năm 1997.

Được khai trương vào tháng Ba năm 1997, Oppenheimer Real Assets là quỹ hỗ trợ đầu tiên chuyên đầu tư vào thị trường hàng hóa. Bằng việc đầu tư vào những kỳ phiếu hàng hóa, quỹ này có thể tạo nên một danh mục hàng hóa theo dõi chỉ số hàng hóa Goldman Sachs bao gồm 22 thị trường hàng hóa. Vì thường có xu hướng ngược với trái phiếu và chứng khoán, hàng hóa tạo ra một công cụ đa dạng hóa hoàn hảo. Một phương thức đa dạng hóa thích hợp đòi hỏi việc phân bổ tài sản vào các nhóm thị trường có mối tương quan thấp với nhau - nói cách khác, chúng phải luôn không cùng xu hướng. Hàng hóa đáp ứng đúng tiêu chí đó.

Ở đây, chúng tôi sẽ trình bày hai lý do. Một là khó phân biệt quản trị tài sản và phân bổ tài sản. Hai là bản thân thị trường cũng rất khó phân loại. Trong hai chương tiếp theo, bạn sẽ thấy được mối liên hệ gần gũi giữa thị trường tương lai và chứng khoán, và tại sao nhà đầu tư chứng khoán cần phải biết được những diễn biến trên thị trường tương lai. Chương 17 sẽ giới thiệu về kỹ năng phân tích kỹ thuật liên thị trường.

KỸ THUẬT PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG (MARKET PROFILE)

Chúng ta không thể kết thúc chủ đề đồ thị hàng ngày mà không nắm được một trong những phương pháp kỹ thuật tiên tiến nhất đối với giao dịch trong ngày có tên gọi là *Kỹ thuật phân tích thị trường (Market Profile)* - đồ thị phân tích thị trường với giá được thể hiện ở trục đứng, thời gian/hoạt động được thể hiện trên trục hoành). Kỹ thuật giao dịch này được xây dựng bởi Peter Steilmayer, một cựu chuyên gia giao dịch trên sàn Chicago. Steilmayer tạo ra một phương pháp được nhiều người say mê trong cả thập niên, đặc biệt trong thị trường tương lai. Tuy nhiên, Kỹ thuật phân tích thị trường có thể được áp dụng vào các loại

chúng khoán phổ thông. Nó không phải là phương pháp dễ nắm bắt. Tuy nhiên, các nhà giao dịch đã từng sử dụng phương pháp này lại đánh giá rất cao. Dennis Hynes, một chuyên gia về Kỹ thuật phân tích Thị trường sẽ diễn giải cách tiếp cận này trong Phụ lục B.



CHƯƠNG 17

Mối liên hệ giữa thị trường chứng khoán và tương lai: Phân tích liên thị trường

Khi ấn bản đầu tiên của cuốn sách này được xuất bản năm 1986 thì sự phân chia giữa thị trường hàng hóa tương lai với những thị trường truyền thống như chứng khoán và trái phiếu đã bắt đầu hình thành. Hai thập kỷ trước, hàng hóa được xem là những thứ như bắp, đậu nành, thịt heo, vàng và dầu mỏ. Những hàng hóa truyền thống này có thể được trồng trọt, được khai thác hoặc được tinh lọc. Sự thay đổi mạnh mẽ diễn ra từ năm 1972 đến 1982 với sự xuất hiện của hợp đồng tương lai về tiền tệ, Trái phiếu Chính phủ, và chỉ số chứng khoán tương lai. Thuật ngữ “hàng hóa” được sử dụng trong các giao dịch tương lai vì trái phiếu và cổ phiếu hầu như không phải là hàng hóa mà là những hợp đồng tương lai. Kể từ đó, thế giới của các giao dịch tương lai đã trộn lẫn với thế giới của những cổ phiếu và trái phiếu truyền thống vì chúng hầu như không bị chia tách. Cuối cùng, các phương pháp phân tích kỹ thuật vốn được sử dụng để phân tích những thị trường tài chính khác nhau đã được áp dụng một cách phổ biến.

Vào một ngày nào đó, giá tương lai của đồng USD, trái phiếu, chỉ số chứng khoán đều được niêm yết - và chúng vận động đồng thời với nhau. Hướng vận động của ba loại thị trường này bị ảnh hưởng bởi những gì đang diễn ra trên các sàn giao dịch hàng hóa. *Giao dịch lập trình (Program Trading)* - giao dịch diễn ra khi giá của hợp đồng tương lai S&P 500 chênh với chỉ số tiền mặt S&P 500 - là một thực tế diễn ra hàng ngày. Vì những lý do này, nếu càng hiểu về giao dịch tương lai bao nhiêu thì bạn càng thấu hiểu về toàn bộ thị trường tài chính bấy nhiêu.

Rõ ràng là diễn biến của thị trường tương lai có thể tác động mạnh đến thị trường chứng khoán. Những tín hiệu cảnh báo sớm về nguy cơ lạm phát hay các xu hướng lãi suất được nhận biết trên các sàn giao dịch tương lai trước, và điều này thường xác định chiều hướng giá chứng khoán tại bất cứ thời điểm nào. Xu hướng của đồng USD cho ta thông tin về sức khỏe của nền kinh tế Mỹ - điều gây tác động lớn đến thu nhập của doanh nghiệp cũng như việc đánh giá giá cổ phiếu. Nhưng sự kết hợp còn tiến sâu hơn. Thị trường chứng khoán được chia thành các mảng và các nhóm ngành. Sự luân chuyển ra vào giữa các nhóm này thường bắt nguồn từ những hoạt động trên thị trường tương lai. Cùng với sự lớn mạnh không ngừng của các quỹ hỗ tương, đặc biệt là các quỹ chuyên ngành, khả năng vốn hóa đối với việc luân chuyển lĩnh vực thành các nhóm có lãi và thoát khỏi những nhóm thua lỗ đã trở nên đơn giản hơn nhiều.

Trong chương này, chúng ta sẽ khảo sát chủ đề phân tích liên thị trường với trọng tâm là sự tương tác lẫn nhau giữa tiền tệ, hàng hóa, trái phiếu và chứng khoán. Thông điệp chính của chúng ta là cách thức liên kết chặt chẽ với nhau giữa bốn thị trường này. Chúng tôi sẽ chỉ cho bạn cách sử dụng thị trường tương lai trong quá trình luân chuyển các lĩnh vực và nhóm ngành thuộc phạm vi thị trường chứng khoán.

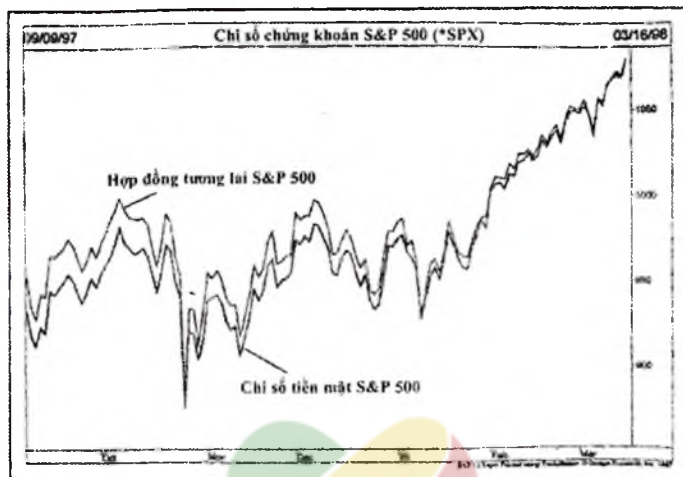
PHÂN TÍCH LIÊN THỊ TRƯỜNG

Năm 1991, tôi viết một cuốn sách có tựa đề *Phân tích Kỹ thuật Liên Thị trường (Intermarket Technical Analysis)*. Cuốn sách này mô tả sự tương

tác lẫn nhau được thừa nhận trên toàn thế giới giữa các thị trường tài chính khác nhau. Cuốn sách cung cấp các chỉ dẫn hayphác thảo giúp giải thích sự liên kết giữa các thị trường khác nhau và chỉ ra mức độ phụ thuộc lẫn nhau giữa chúng. Tiền đề cơ bản của phân tích kỹ thuật là tất cả các thị trường tài chính đều phụ thuộc lẫn nhau, cả thị trường quốc tế lẫn thị trường trong nước. Những mối quan hệ này có thể thay đổi ngẫu nhiên, nhưng luôn hiện diện theo cách này hay cách khác. Cuối cùng, chúng ta không thể thấu hiểu một cách đầy đủ về những gì đang diễn ra trên một thị trường- chẳng hạn thị trường chứng khoán - nếu không hiểu được diễn biến trên một thị trường khác. Bởi vì các thị trường phụ thuộc lẫn nhau nên phân tích kỹ thuật trở nên cực kỳ thuận lợi. Tất cả các công cụ kỹ thuật được giới thiệu trong cuốn sách này đều có thể áp dụng cho tất cả các thị trường, điều tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng phân tích liên thị trường. Bạn có thể hiểu được tại sao khả năng quan sát đồ thị trên nhiều thị trường sẽ là một lợi thế trong một thị trường như chiến trường ngày nay.

GIAO DỊCH LẬP TRÌNH: SỰ LIÊN KẾT THIẾT YẾU

Không đâu mà sự kết nối giữa thị trường chứng khoán và thị trường tương lai lại trở nên ràng buộc hơn trong mối quan hệ giữa chỉ số tiền mặt S&P 500 và chỉ số hợp đồng tương lai S&P 500. Thông thường, hợp đồng tương lai giao dịch với giá cao hơn chỉ số tiền mặt. Mức chênh lệch đó được xác định bởi mức lãi suất ngắn hạn, lợi tức của chính hợp đồng chỉ số S&P 500, và số ngày còn lại đến hạn của hợp đồng tương lai. Mức vượt trội (chênh lệch) này giữa chỉ số tương lai S&P 500 so với chỉ số tiền mặt sẽ biến mất khi hợp đồng tương lai đến hạn. (Xem hình 17.1). Mỗi ngày, các trung tâm giao dịch tính toán giá trị chênh lệch thực - được gọi là *giá trị hợp lý*. Giá trị hợp lý không đổi suốt phiên giao dịch, nhưng dần thay đổi trong mỗi phiên mới. Khi mức vượt trội của thị trường tương lai dịch chuyển cao hơn giá trị hợp lý đối với chỉ số tiền mặt một lượng ước định, giao dịch dựa trên chênh lệch giá sẽ được kích hoạt và được gọi là *mua theo lập trình (Program Buying)*. Khi hợp đồng tương lai có gắn kết quá mật thiết quá mức với chỉ số tiền



Hình 17.1 Các hợp đồng tương lai S&P 500 thường có giá giao dịch trội hơn chỉ số tiền mặt như trên đồ thị. Hãy chú ý mức chênh lệch thu hẹp khi hợp đồng tương lai tháng Ba gần đến hạn.

mất, nhà giao dịch lập trình bán hợp đồng tương lai và mua một loạt chứng khoán của S&P 500 để đưa hai chủ thể trên về lại mức thích hợp. Kết quả của việc mua lập trình là sự năng động của thị trường chứng khoán vì nó đẩy chỉ số tiền mặt S&P 500 lên. Bán theo lập trình (*Program Selling*) là hành động ngược lại và xuất hiện khi sự chênh lệch giữa chỉ số tương lai so với chỉ số tiền mặt thấp hơn giá trị hợp lý của nó. Trong trường hợp này, bán theo lập trình được kích hoạt, dẫn đến hoạt động mua vào chỉ số tương lai S&P 500 và bán rổ chứng khoán. Bán lập trình là hoạt động tiêu cực đối với thị trường. Đa số các nhà giao dịch hiểu được mối quan hệ giữa hai thị trường gắn kết này. Những gì mà họ thường không hiểu chính là việc những biến động bất ngờ trong hợp đồng tương lai S&P 500 - những biến động kích hoạt giao dịch lập trình - thường do các biến động bất ngờ trong các thị trường tương lai khác, chẳng hạn trái phiếu, gây ra.

MỐI LIÊN HỆ GIỮA TRÁI PHIẾU VÀ CHỨNG KHOÁN

Thị trường chứng khoán chịu ảnh hưởng từ chiều hướng lãi suất. Chiều hướng lãi suất (lợi tức) có thể được giám sát từng phút bằng cách theo dõi sự biến động của hợp đồng tương lai Trái phiếu Chính phủ. Giá trái phiếu vận động ngược chiều với lãi suất. Chính vì thế, khi giá trái phiếu tăng, lãi suất sẽ giảm. Điều này thường được coi là tích cực đối với thị trường chứng khoán. Sự rút giá trái phiếu, tức lợi nhuận tăng, được coi là tiêu cực đối với thị trường chứng khoán. Theo quan điểm của chuyên gia phân tích kỹ thuật, việc so sánh đồ thị hợp đồng tương lai Trái phiếu Chính phủ với đồ thị chỉ số tiền mặt S&P 500 hoặc hợp đồng tương lai có liên quan sẽ trở nên dễ dàng. Bạn sẽ thấy chúng di chuyển cùng hướng với nhau (Xem hình 17.2). Trong ngắn hạn, sự thay đổi xu hướng



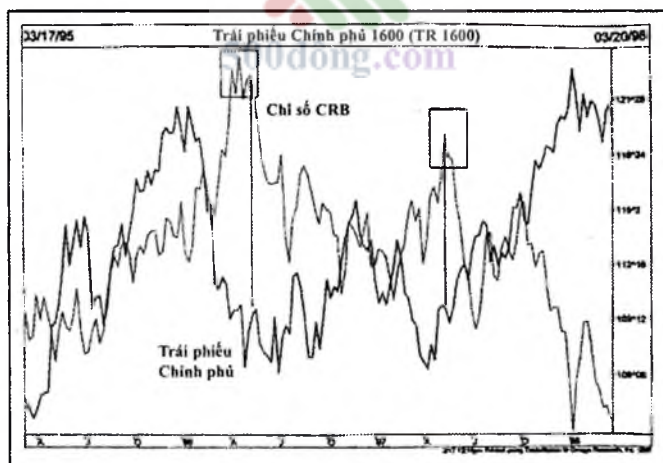
Hình 17.2 Sự gia tăng giá trái phiếu thường tốt cho giá chứng khoán. Thị trường trái phiếu chạm đáy năm 1982, 1984, 1988, 1991 và 1995 báo trước những biến động của chứng khoán. Giá trái phiếu chạm đỉnh năm 1987, 1990 và 1994 báo hiệu một năm tồi tệ của chứng khoán.

*Trong một môi trường giảm phát, trái phiếu và chứng khoán thường tách riêng ra. Giá trái phiếu tăng trong khi giá chứng khoán giảm.

bất chợt của chỉ số hợp đồng tương lai S&P 500 bị tác động bởi sự biến đổi của hợp đồng tương lai Trái phiếu Chính phủ. Trong dài hạn, sự thay đổi xu hướng của hợp đồng Trái phiếu Chính phủ thường cảnh báo về sự chuyển hướng tương tự trong chỉ số tiền mặt S&P 500. Theo đó, hợp đồng tương lai Trái phiếu Chính phủ có thể được nhìn nhận như một chỉ báo dẫn đường cho thị trường chứng khoán. Trái phiếu tương lai theo đó cũng bị tác động bởi xu hướng của thị trường hàng hóa.

MỐI LIÊN HỆ GIỮA TRÁI PHIẾU VÀ HÀNG HÓA

Giá Trái phiếu Chính phủ bị tác động bởi tỷ lệ lạm phát. Giá hàng hóa được coi là chỉ báo chủ đạo cho xu hướng lạm phát. Kết quả là giá hàng hóa thường có xu hướng ngược chiều với giá trái phiếu. Nếu nghiên cứu diễn biến thị trường từ năm 1970 đến nay, bạn sẽ thấy rằng sự chuyển hướng đột ngột trên các thị trường hàng hóa (báo hiệu lạm phát giá cao hơn) thường song hành với sự suy giảm tương ứng về giá Trái phiếu



Hình 17.3 Giá hàng hóa và giá trái phiếu thường có xu hướng ngược chiều nhau như được thể hiện trên đồ thị. Đáy trái phiếu trong mùa xuân 1997 và 1997 trùng với đỉnh chính trong giá hàng hóa (xem các ô vuông khoanh vùng).

Chính phủ. Mặt khác của mối quan hệ này được thể hiện ở chỗ rằng thu nhập từ Trái phiếu Chính phủ thường song hành với sự sụt giảm giá hàng hóa. (Xem hình 17.3). Đổi lại, giá hàng hóa lại bị tác động bởi chiều hướng của đồng đô-la Mỹ.

MỐI LIÊN HỆ GIỮA HÀNG HÓA VÀ ĐỒNG ĐÔ-LA MỸ

Đồng đô-la Mỹ tăng giá thường khiến cho đa số hàng hóa rớt giá. Nói cách khác, đồng đô-la Mỹ tăng giá thường được nhìn nhận là đồng tiền phi lạm phát. (Xem hình 17.4). Một trong những hàng hóa chịu ảnh hưởng bởi đồng đô-la Mỹ là thị trường vàng. Nếu tìm hiểu mối quan hệ giữa chúng từ xưa đến nay, bạn sẽ nhận thấy giá vàng và giá đô-la Mỹ thường có xu hướng ngược chiều nhau. (Xem hình 17.5). Thị trường vàng vận hành như một chỉ báo dẫn đường cho những thị trường hàng hóa khác. Vì thế, nếu phân tích thị trường vàng, bạn cần biết được diễn



Hình 17.4 Đồng đô-la Mỹ tăng giá thường khiến cho các thị trường hàng hóa rớt giá. Năm 1980, đáy của đồng đô-la Mỹ trùng với đỉnh chính trong thị trường hàng hóa. Đáy của đồng đô-la Mỹ năm 1995 gây ra sự suy yếu rõ rệt về giá hàng hóa 1 năm sau.



Hình 17.5 Giá đồng đô-la Mỹ và giá vàng thường có xu hướng ngược chiều nhau như trên hình. Tuần tự, giá vàng lại đóng vai trò như là chỉ báo chủ đạo cho những hàng hóa khác.

biến của đồng đô-la Mỹ. Còn nếu nghiên cứu xu hướng giá hàng hóa nói chung (bằng việc sử dụng một trong những chỉ số giá hàng hóa phổ biến hơn), bạn cần biết rõ diễn biến của thị trường vàng. Vấn đề là cả bốn thị trường đều có sự kết nối với nhau - đồng đô-la Mỹ tác động đến hàng hóa, hàng hóa tác động đến trái phiếu, trái phiếu lại tác động đến chứng khoán. Để có thể nắm được diễn biến của một loại tài sản, ta cần phải nắm được diễn biến của ba thị trường kia. Thật may mắn là điều này được thực hiện khá dễ dàng đơn giản bằng việc quan sát đồ thị giá của từng loại.

CÁC NHÓM CHỨNG KHOÁN VÀ NHÓM NGÀNH

Việc hiểu được mối quan hệ giữa các thị trường này đòi hỏi phải biết được sự tương tác giữa các lĩnh vực khác nhau của thị trường chứng khoán và nhóm ngành. Thị trường chứng khoán được chia thành các nhóm thị trường và các nhóm này lại được phân nhỏ thành những nhóm

ngành. Những loại thị trường này chịu ảnh hưởng bởi những diễn biến liên thị trường. Ví dụ, nếu chứng khoán tăng và hàng hóa giảm, nhóm chứng khoán nhạy lãi suất - như các ngành dịch vụ công, chứng khoán tài chính, nguyên liệu tiêu dùng - thường thể hiện tốt so với những phần còn lại của thị trường chứng khoán khác. Trong khi đó, nhóm chứng khoán nhạy cảm với lạm phát - như vàng, năng lượng và chứng khoán theo chu kỳ - thường thể hiện kém hơn. Khi thị trường hàng hóa mạnh lên do trái phiếu thì tình hình diễn ra theo chiều ngược lại. Khi Bằng việc giám sát mối quan hệ giữa giá Trái phiếu Chính phủ và giá hàng hóa, bạn có thể xác định được lĩnh vực và nhóm ngành nào tốt hơn.

Do mối liên hệ chặt chẽ giữa các nhóm ngành của thị trường chứng khoán và các thị trường tương lai có liên quan của chúng, các thị trường này có thể được sử dụng trong sự kết hợp với nhau. Ví dụ, nhóm cổ phiếu các công ty dịch vụ công (điện, nước, ga...) được kết nối chặt chẽ với giá Trái phiếu Chính phủ. (Xem hình 17.6). Cổ phiếu công ty



Hình 17.6 Mối liên hệ giữa giá Trái phiếu và nhóm cổ phiếu các công ty dịch vụ công là mối quan hệ chặt chẽ. Ngoài ra, nhóm cổ phiếu các công ty dịch vụ công thường chuyển hướng một chút trước trái phiếu.

khai thác vàng lại có mối quan hệ chặt chẽ với giá vàng. Hơn nữa, nhóm chứng khoán có liên quan khác có xu hướng dẫn dắt thị trường tương lai tương ứng của chúng. Kết quả là nhóm cổ phiếu các công ty dịch vụ công có thể được xem như là chỉ báo dẫn đường cho Trái phiếu Chính phủ. Cổ phiếu công ty khai thác vàng thì dẫn đường cho giá vàng. Một ví dụ về mối tương quan liên thị trường khác là ảnh hưởng của giá dầu đối với cổ phiếu năng lượng và hàng không. Giá dầu tăng kéo giá cổ phiếu năng lượng lên nhưng tác động xấu đến giá hàng không. Giá dầu giảm thì có kết quả ngược lại.

ĐỒNG ĐÔ-LA MỸ VÀ NHÓM CỔ PHIẾU VỐN HÓA LỚN

Một mối quan hệ liên thị trường khác liên quan đến cách thức tác động của đồng đô-la Mỹ đối với nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn và nhỏ. Các cổ phiếu công ty đa quốc gia với số vốn hóa lớn có thể bị ảnh hưởng tiêu cực từ đồng đô-la mạnh - điều khiến cho hàng hóa của họ trở nên đắt đỏ hơn ở thị trường nước ngoài. Ngược lại, cổ phiếu công ty nội địa có vốn hóa càng nhỏ thì càng ít chịu ảnh hưởng của sự biến động đồng đô-la Mỹ và thể hiện tốt hơn những loại cổ phiếu vốn hóa lớn trong môi trường đồng đô-la tăng giá. Kết quả, đồng đô-la mạnh hơn có thể sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho những cổ phiếu nhỏ (như những loại cổ phiếu trong chỉ số Russell 2000, chỉ số các loại cổ phiếu có vốn hóa thị trường nhỏ), trong khi đồng đô-la yếu hơn lại có lợi cho những công ty đa quốc gia vốn hóa lớn (chẳng hạn những loại cổ phiếu trong chỉ số Dow Industrial Average).

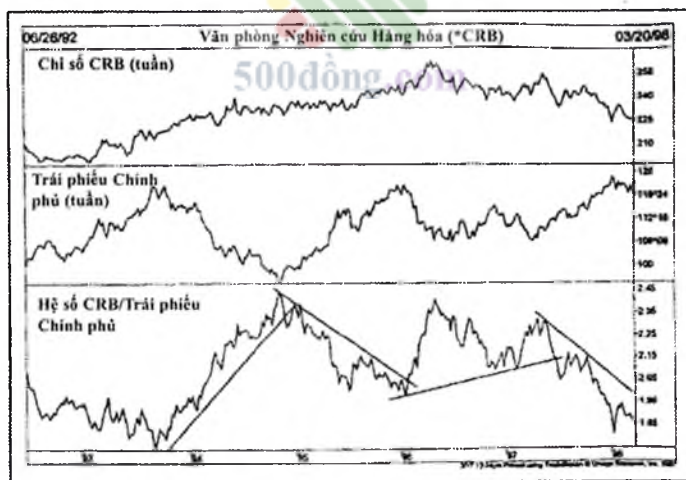
PHÂN TÍCH LIÊN THỊ TRƯỜNG VÀ QUỸ HỖ TƯƠNG

Rõ ràng là việc nắm bắt được những mối quan hệ liên thị trường này có thể giúp bạn tiến hành công việc trong mảng đầu tư quỹ hỗ tương. Ví dụ, chiều hướng của đồng đô-la Mỹ có thể ảnh hưởng đến cam kết đầu tư của bạn đối với quỹ vốn hóa nhỏ trong sự đối sánh với quỹ vốn hóa lớn. Điều này cũng có thể giúp xác định số tiền bạn muốn đổ vào các quỹ vàng hoặc quỹ tài nguyên khác. Sự xuất hiện của quá nhiều quỹ hỗ

hỗ trợ chuyên ngành khiến nhà đầu tư khó quyết định cần tập trung vào mảng nào. Nhiệm vụ này có thể được đơn giản hóa đi rất nhiều bằng cách so sánh kết quả tương đối của các thị trường tương lai và các nhóm chứng khoán và lĩnh vực khác nhau. Quy trình này được thực hiện dễ dàng nhờ phương pháp đồ thị có tên gọi là *phân tích hiệu quả cổ phiếu trong mối tương quan với các cổ phiếu khác (relative strength analysis)*.

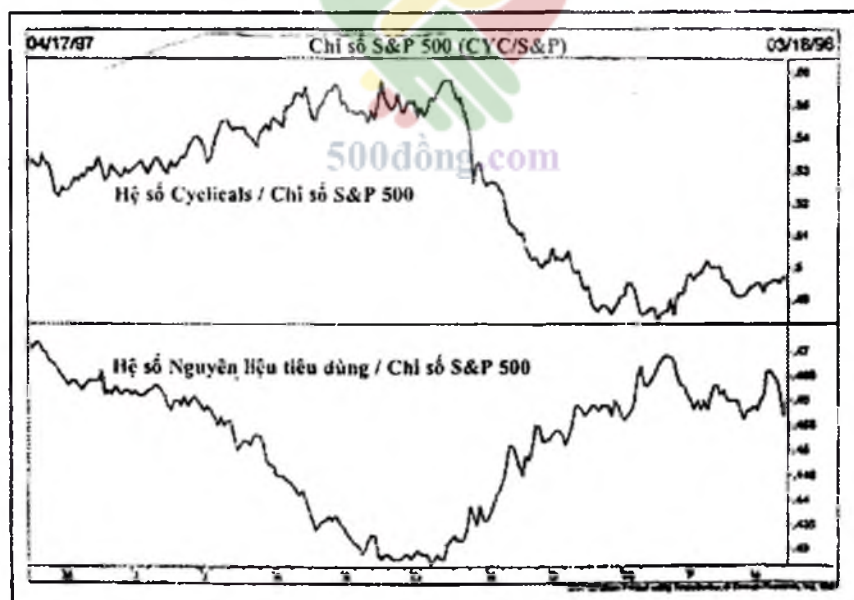
PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ CỔ PHIẾU TRONG SỰ ĐỐI SÁNH VỚI CÁC CỔ PHIẾU KHÁC (RELATIVE STRENGTH ANALYSIS)

Đây là một công cụ vẽ đồ thị đơn giản nhưng rất hiệu quả. Bạn chỉ cần chia một thực thể thị trường này cho một thực thể thị trường khác - nói cách khác, bạn phải thể hiện đường tỷ suất của hai thị trường. Khi



Hình 17.7 Tỷ suất của chỉ số CRB/Trái phiếu cho chúng ta thấy loại tài sản nào có giá trị cao hơn. Năm 1994 là năm thuận lợi cho thị trường hàng hóa, trong khi năm 1995 là năm của trái phiếu. Tỷ suất này rơi mạnh xuống vào giữa năm 1997 do cuộc khủng hoảng ở châu Á và nỗi lo giảm phát.

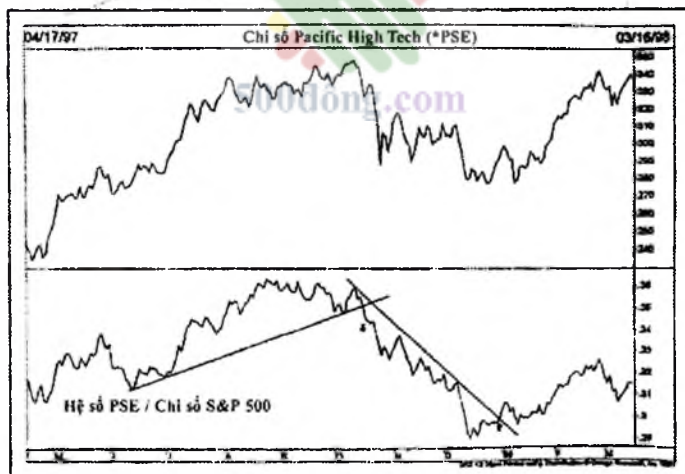
đường tỷ suất tăng, giá từ số lớn hơn mẫu số. Khi đường tỷ suất giảm, thị trường mẫu số lớn hơn. Hãy xem qua một số ví dụ về chỉ báo đơn giản này. Hãy chia chỉ số thị trường hàng hóa (chẳng hạn chỉ số giá tương lai CRB) cho giá tương lai Trái phiếu Chính phủ (hình 17.7). Khi đường tỷ suất tăng, giá hàng hóa mạnh hơn trái phiếu. Trong kịch bản đó, có lẽ nhà giao dịch tương lai sẽ mua hàng hóa và bán trái phiếu. Cùng lúc đó, nhà giao dịch chứng khoán có thể sẽ mua loại chứng khoán nhạy cảm với lạm phát và bán chứng khoán nhạy cảm với lãi suất. Khi đường tỷ suất giảm thì mọi việc diễn ra theo chiều ngược lại, nghĩa là nhà giao dịch sẽ bán hàng hóa và mua trái phiếu. Cùng lúc đó, nhà đầu tư chứng khoán sẽ bán vàng, dầu và cổ phiếu chu kỳ đồng thời mua cổ phiếu của các công ty dịch vụ công, công ty tài chính và nguyên liệu tiêu dùng. (Xem hình 17.8).



Hình 17.8 Trong tháng 10 năm 1997, cuộc khủng hoảng ở châu Á khiến các quỹ rút tiền khỏi cổ phiếu chu kỳ và đổ vốn vào nguyên liệu tiêu dùng, trùng với thời điểm đường hệ số CRB/Trái phiếu giảm trên hình 17.7.

HIỆU QUẢ CỔ PHIẾU CHUYÊN NGÀNH

Hiện nay có nhiều sàn giao dịch cho phép giao dịch quyền chọn chỉ số của các khu vực thị trường chuyên ngành khác nhau. Sàn quyền chọn Chicago Board có nhiều sự lựa chọn nhất và bao gồm các nhóm khác nhau như xe hơi, phần mềm máy tính, môi trường, trò chơi, bất động sản, chăm sóc sức khỏe, bán lẻ, vận chuyển. Sàn chứng khoán American và Philadelphia chào bán các hợp đồng quyền chọn chỉ số phổ biến trong lĩnh vực ngân hàng, vàng, dầu, dược phẩm, chất bán dẫn, công nghệ và các dịch vụ công. Tất cả những quyền chọn chỉ số này có thể được vẽ trên đồ thị và được phân tích như tất cả các thị trường khác. Cách tốt nhất để có thể sử dụng phân tích cường độ tương đối cho những thị trường này là chia giá chúng cho chuẩn đối sánh ngành như S&P 500. Sau đó, bạn có thể nhận biết được thị trường nào mạnh hơn thị trường nào (với đường RS tăng) hoặc yếu hơn (đường RS



Hình 17.9 Sự so sánh tỷ suất hiệu quả cổ phiếu của Chỉ số PSE High Tech với chỉ số S&P 500. Phân tích đường xu hướng đơn giản giúp phát hiện sự rớt giá của chứng khoán công nghệ trong tháng 10 năm 1997 và sự gia tăng vào cuối năm.

giảm). Việc sử dụng một số công cụ vẽ đồ thị đơn giản như đường xu hướng và đường trung bình di động trên chính đường hiệu quả cổ phiếu sẽ giúp bạn phát hiện được những sự thay đổi xu hướng quan trọng. (Xem hình 17.9). Lời khuyên chung cho vấn đề này là luân chuyển quỹ vào những khu vực chuyên ngành có đường RS vừa chuyển hướng đi lên, và rời khỏi những nhóm có đường RS vừa quay đầu đi xuống. Những biến động này bắt nguồn từ chính sự thay đổi của hợp đồng quyền chọn chỉ số hoặc thông qua những quỹ hỗ tương của các khu vực chuyên ngành và nhóm ngành khác nhau.

HIỆU QUẢ CỔ PHIẾU VÀ CÁC NHÓM CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

Các nhà đầu tư có hai cách để đi tiếp từ điểm này. Họ có thể đơn giản luân chuyển tiền ra khỏi một nhóm thị trường rồi chuyển vào một nhóm khác và duy trì ở đó. Hoặc, nếu muốn, họ có thể tiếp tục chọn những cổ phiếu riêng lẻ trong nhóm. *Phân tích hiệu quả cổ phiếu* cũng đóng



Hình 17.10 Phân tích tỷ suất của Dell Computer với chỉ số PSE High Tech vào cuối năm 1997 chỉ ra rằng Dell là một trong những cổ phiếu có biểu hiện tốt trong lĩnh vực công nghệ.

vai trò trong quá trình này. Một khi chỉ số mong đợi đã được chọn, bước tiếp theo là chia từng loại cổ phiếu riêng lẻ trong phạm vi chỉ số cho chính chỉ số đó. Bằng cách này, bạn có thể phát hiện được loại cổ phiếu riêng lẻ nào đang có hiệu quả lớn nhất. (Xem hình 17.10). Bạn có thể mua loại cổ phiếu có đường tỷ suất mạnh nhất, hoặc có thể mua loại rẻ hơn có đường tỷ suất vừa mới tăng. Tuy nhiên, phương án này tránh được những loại cổ phiếu có đường tỷ suất hiệu quả cổ phiếu đang giảm.

CÁCH TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG TỪ TRÊN XUỐNG DƯỚI

Những gì mà chúng ta mô tả ở đây chính là phương pháp tiếp cận thị trường *từ trên xuống dưới* (*top-down market approach*). Chúng ta sẽ bắt đầu bằng cách nghiên cứu mức trung bình của thị trường chính để xác định xu hướng chung của thị trường. Sau đó, ta chọn những nhóm chuyên ngành hoặc nhóm ngành có hiệu quả lớn nhất. Sau đó, ta lại chọn những loại cổ phiếu riêng lẻ có hiệu quả nhất thuộc nhóm này. Bằng cách kết hợp các nguyên tắc phân tích liên thị trường vào quá trình ra quyết định, ta có thể xác định được thị trường hiện tại đang nghiêng về trái phiếu, hàng hóa, hay chứng khoán - điều có thể đóng vai trò quan trọng trong quyết định phân bổ tài sản. Các nguyên tắc này cũng có thể được áp dụng cho việc đầu tư mang tầm quốc tế bằng cách so sánh hiệu quả của các thị trường chứng khoán khác nhau trên toàn cầu. Cuối cùng, tất cả các công cụ kỹ thuật mà ta đã nói đến đều có thể được sử dụng trong đồ thị các quỹ hỗ tương với tư cách là công cụ kiểm tra lần cuối công việc phân tích của bạn. Tất cả những công việc trên được hoàn thành bằng những đồ thị giá và một chiếc máy tính. Hãy thử áp dụng phân tích cơ bản vào nhiều thị trường cùng lúc.

SỰ GIẢM PHÁT

Các nguyên tắc liên thị trường được mô tả ở đây đều dựa trên những xu hướng thị trường kể từ năm 1970. Thập niên 70 của thế kỷ trước chứng kiến sự lạm phát khiến giá hàng hóa tăng lên. Thập niên 80 và 90 lại là giai đoạn rớt giá của hàng hóa (giảm phát) và sự tăng giá của thị trường

trái phiếu và chứng khoán. Trong nửa sau của năm 1997, cuộc khủng hoảng tiền tệ và chứng khoán châu Á đã tàn phá nhiều thị trường như đồng, vàng và dầu. Lần đầu tiên trong thập niên này, một số nhà quan sát thị trường bộc lộ nỗi lo lắng về sự giảm phát vốn có lợi (giá tăng với mức độ chậm hơn) có nguy cơ trở thành sự giảm phát có hại (giá giảm). Hơn thế nữa, lần đầu tiên giá thành sản xuất giảm trong hơn một thập kỷ. Kết quả là thị trường trái phiếu và chứng khoán bắt đầu đi theo hai hướng khác biệt. Lần đầu tiên trong 4 năm, nhà đầu tư quay lưng lại với chứng khoán và quan tâm hơn đến trái phiếu và nhóm cổ phiếu nhạy cảm với lãi suất như cổ phiếu của các công ty dịch vụ công. Lý do của sự điều chỉnh phân bổ tài sản này được thể hiện ở chỗ rằng sự giảm phát đã làm thay đổi diễn biến liên thị trường. Mỗi quan hệ ngược chiều của giá trái phiếu và hàng hóa vẫn được duy trì. Hàng hóa giảm trong khi trái phiếu tăng. Khác chăng là ở chỗ thị trường chứng khoán có thể phản ứng một cách tiêu cực trong hoàn cảnh này. Chúng tôi chỉ ra điều này vì thị trường tài chính đã gặp phải vấn đề giảm phát trong thời gian dài. Khi và chỉ khi giảm phát diễn ra thì mối quan hệ liên thị trường sẽ luôn hiện diện nhưng theo một cách khác. Giảm phát không có lợi cho hàng hóa, nhưng lại tốt cho trái phiếu và chứng khoán. Giảm phát tốt cho trái phiếu và không có lợi cho hàng hóa, nhưng cũng không tốt cho chứng khoán.

Xu hướng giảm phát bắt đầu tại châu Á giữa năm 1997 và sau đó lan đến Nga và châu Mỹ Latin vào giữa năm 1998 và bắt đầu ảnh hưởng đến những thị trường chứng khoán khác trên thế giới. Sự suy giảm giá hàng hóa đã tàn phá nghiêm trọng nền kinh tế của các quốc gia xuất khẩu hàng hóa như Úc, Canada, Mexico và Nga. Sự giảm phát gây rớt giá hàng hóa và chứng khoán có tác động tốt cho giá Trái phiếu Chính phủ và giúp nó có được cú hích kỷ lục. Những sự kiện diễn ra trong năm 1998 cũng là một ví dụ điển hình về mối liên kết liên thị trường trên thế giới và cho thấy cách thức mà trái phiếu và chứng khoán tách khỏi nhau như thế nào trong một thế giới giảm phát.

MỐI TƯƠNG QUAN LIÊN THỊ TRƯỜNG

Hai thị trường thường xuyên có cùng xu hướng như trái phiếu và chứng khoán thể hiện mối tương quan dương. Những thị trường xu hướng ngược chiều như trái phiếu và hàng hóa thường có mối tương quan âm. Phần mềm đồ thị cho phép bạn đo lường mức độ tương quan giữa hai thị trường khác nhau. Chỉ số dương cao cho thấy sự tương quan dương mạnh. Chỉ số âm cao cho thấy sự tương quan âm mạnh. Chỉ số tương quan gần bằng 0 cho thấy sự tương quan kém hoặc không có. Bằng cách đo độ tương quan, nhà giao dịch có thể xác định được ý nghĩa của một mối quan hệ liên thị trường nào đó. Cần quan tâm nhiều hơn đến những thị trường có mối tương quan cao, và không nên chú tâm nhiều đến những thị trường có mối tương quan gần bằng 0. (Xem hình 17.11)

Trong cuốn *Cybernetic Trading Strategies* (Chiến lược giao dịch tự động hóa) của mình, Murray Ruggiero (con) đã trình bày một nghiên



Hình 17.11 Đường kẻ dọc kép thể hiện tính tương quan dương giữa Trái phiếu Chính phủ và chỉ số S&P500. Trong suốt nửa sau năm 1997, cuộc khủng hoảng châu Á đã tạo ra nhiều sự tách biệt giữa các thị trường. Nhà đầu tư mua trái phiếu và bán chứng khoán.

cứu mang tính sáng tạo về mối tương quan liên thị trường. Ông cũng chỉ ra cách sử dụng bộ lọc liên thị trường trong hệ thống giao dịch. Ví dụ, ông chứng minh được hệ thống giao nhau giữa các đường trung bình di động trên thị trường trái phiếu có thể được sử dụng như là bộ lọc cho giao dịch chỉ số chứng khoán. Ruggiero đã khám phá ra cách ứng dụng những phương pháp tân tiến về trí thông minh nhân tạo như lý thuyết hỗn mang, logic mờ (fuzzy logic) và các mạng lưới thần kinh để phát triển hệ thống giao dịch kỹ thuật. Ông cũng phát minh ra cách ứng dụng mạng lưới thần kinh vào lĩnh vực phân tích liên thị trường.

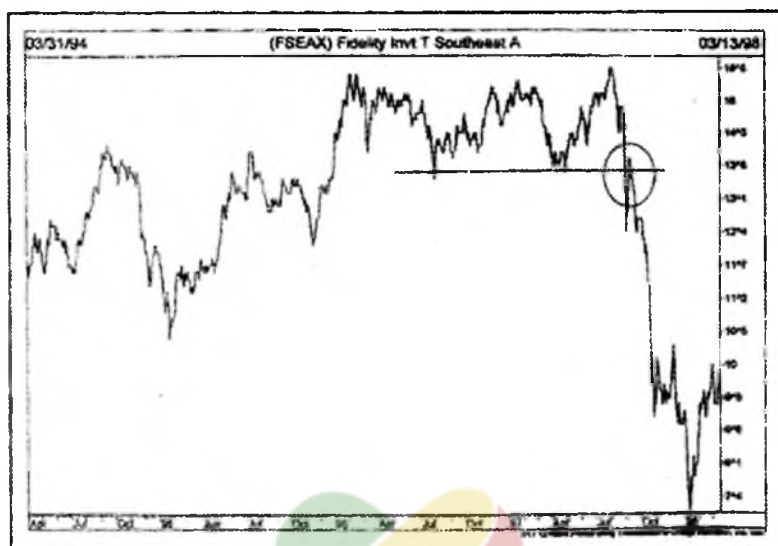
PHẦN MỀM MẠNG LƯỚI THẦN KINH LIÊN THỊ TRƯỜNG

Vấn đề chính trong nghiên cứu về mối quan hệ liên thị trường chính là việc có rất nhiều mối quan hệ tác động lẫn nhau trong cùng một thời gian. Đó cũng là môi trường để hình thành mạng lưới thần kinh. Mạng lưới thần kinh tạo ra một cơ sở định lượng giúp xác định và quan sát những mối quan hệ phức tạp giữa các thị trường tài chính. Louis Mendelsohn, Chủ tịch của Market Technologies Corporation (25941 Apple Blossom Lane, Wesley Chapel, FL 33544, email: 45141@ProfitTaker.com; website URL: www.ProfitTaker.com/45141), là người đầu tiên phát triển phần mềm phân tích liên thị trường trong lĩnh vực tài chính của thập niên 80. Mendelsohn là người tiên phong trong việc ứng dụng phần mềm vi tính và mạng lưới thần kinh vào phân tích liên thị trường. Phần mềm VantagePoint của ông lần đầu tiên được giới thiệu vào năm 1991 có sử dụng các nguyên tắc liên thị trường để giao dịch trên các thị trường lãi suất, chỉ số chứng khoán, thị trường tiền tệ, và thị trường năng lượng tương lai. VantagePoint sử dụng công nghệ mạng lưới thần kinh để phát hiện những mô hình ẩn và mối tương quan giữa các thị trường có liên quan.

TÓM LƯỢC

Trong chương này, chúng ta đã tóm tắt những điểm chính của cuốn sách *Phân tích kỹ thuật liên thị trường*, thảo luận những hiệu ứng từ đồng đô-la Mỹ sang hàng hóa rồi đến trái phiếu và chứng khoán. Nghiên cứu

liên thị trường cũng thừa nhận sự tồn tại của các mối liên kết toàn cầu. Những diễn biến trên thị trường châu Á, châu Âu và châu Mỹ Latin cũng ảnh hưởng đến thị trường Hoa Kỳ và ngược lại. Phân tích liên thị trường bao gồm sự luân chuyển khu vực chuyên ngành trong thị trường chứng khoán. Phân tích hiệu quả cổ phiếu trong sự đối sánh với các cổ phiếu khác giúp nhận biết các nhóm tài sản, nhóm thị trường chuyên ngành và cổ phiếu riêng lẻ nào đang có biểu hiện tốt hơn mong đợi. Trong cuốn sách *Công cụ chỉ báo hàng đầu của thập niên 90 (Leading Indicator for the 1990s)* của mình, tiến sĩ Geoffrey Moore chỉ ra cách thức mà sự tương tác giữa hàng hóa, trái phiếu và chứng khoán đi theo một mô hình liên tục - mô hình theo dõi các chu kỳ kinh doanh. Tiến sĩ Moore xác nhận sự luân chuyển liên thị trường trong ba loại tài sản và tranh luận về ứng dụng của chúng trong việc dự báo kinh tế. Trong việc thực hiện điều này, ông đã đề cao vai trò của nghiên cứu liên thị trường và phân tích kỹ thuật nói chung trong dự báo kinh tế. Cuối cùng, phân tích kỹ thuật có thể được áp dụng cho quỹ hỗ tương như trong bất kỳ một thị trường nào (với sự điều chỉnh nhỏ). Đúng vậy, tất cả các kỹ thuật trong cuốn sách này đều có thể được áp dụng thích hợp cho đồ thị của quỹ hỗ tương. Hơn thế nữa, tính dao động thấp của đồ thị quỹ hỗ tương là một lợi thế để công cụ này trở nên hiệu quả hơn nhiều khi phân tích đồ thị. Cuốn sách cuối cùng của tôi, *Nhà đầu tư trực quan (The Visual Investor)*, giải quyết triệt để chủ đề phân tích và giao dịch nhóm thị trường chuyên ngành đồng thời chỉ ra cách thức dựng đồ thị quỹ hỗ tương cũng như cách sử dụng nó để thực hiện các chiến lược giao dịch đa dạng. (Xem hình 17.12).



Hình 17.12 Phân tích đồ thị có thể được áp dụng cho đồ thị quỹ hỗ tương. Dù không phải là một chuyên gia nhưng chỉ cần theo dõi quỹ hỗ tương, bạn cũng có thể thấy rằng thị trường châu Á đang gặp biến động.

500dong.com

CHƯƠNG 18

Các chỉ báo thị trường chứng khoán

ĐO LƯỜNG ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

Trong chương trước, chúng ta đã mô tả cách tiếp cận từ trên xuống dưới rất phổ biến trong phân tích thị trường chứng khoán. Theo cách tiếp cận này, bạn sẽ bắt đầu quá trình phân tích với việc tìm hiểu sức khỏe của thị trường chung. Sau đó sẽ đi dần vào các khu vực thị trường chuyên ngành và nhóm ngành. Bước cuối cùng là nghiên cứu các nhóm cổ phiếu riêng lẻ. Mục tiêu cần đạt được là chọn lựa những cổ phiếu tốt nhất trong những nhóm tốt nhất trong một môi trường nơi thị trường chứng khoán hoàn toàn lành mạnh xét về mặt kỹ thuật. Việc nghiên cứu các nhóm thị trường và cổ phiếu riêng lẻ có thể được thực hiện với những công cụ kỹ thuật được sử dụng trong cuốn sách này - bao gồm mô hình đồ thị, phân tích khối lượng giao dịch, đường xu hướng, đường trung bình động, chỉ báo dao động v.v... Các chỉ báo này cũng có thể được áp dụng cho những chỉ số trung bình quan trọng. Nhưng ở đây có một loại chỉ báo thị trường khác được sử dụng rộng rãi trong phân tích thị trường chứng khoán với mục đích xác định tình trạng sức khỏe của thị trường chứng khoán chung thông qua cách đo lường chiều rộng thị trường. Dữ liệu được sử dụng là những mức gia tăng và suy giảm, ngưỡng cao mới và thấp mới, khối lượng giao dịch tăng và giảm.

DỮ LIỆU MẪU

Nếu kiểm tra hàng ngày mục Stock Market Data Bank (Ngân hàng Dữ liệu Thị trường Chứng khoán) của tờ *The Wall Street Journal* (mục C, trang 2), bạn sẽ thấy các dữ liệu của phiên giao dịch hôm trước như được thể hiện dưới đây với số liệu được lấy từ một phiên giao dịch thực:

<i>Nhật ký sàn NYSE</i>	<i>Thứ hai</i>
Hợp đồng được giao dịch	3.432
Tăng	1.327
Giảm	1.559
Không đổi	546
Ngưỡng cao mới	78
Ngưỡng thấp mới	43
Khối lượng GD tăng (000)	248.215
Khối lượng GD giảm (000)	279.557
Tổng khối lượng GD (000)	553.914
Số cổ phiếu đóng cửa tăng so với giao giá	-135
Chỉ số Arms (TRIN)	0.96

(Chỉ số đo lường chiều rộng trong phân tích kỹ thuật ngắn hạn và được tính theo công thức sau:

$$\text{TRIN} = \frac{\text{Advancing issue/declining issue}}{(\text{volume of advancing issue/} \\ \text{volume of declining issue})}$$

TRIN có nghĩa là Chỉ số của nhà giao dịch (TRaders' Index)

Những số liệu ở trên được trích từ dữ liệu của sàn giao dịch chứng khoán New York. Sự suy giảm ương tự cũng xảy ra trên sàn NASDAQ và Sàn Chứng khoán Mỹ. Trong cuộc thảo luận này, chúng ta sẽ tập trung vào sàn New York (NYSE). Dường như trong ngày hôm đó, chỉ số Dow Jones đã giành được 12,20 điểm. Vậy thị trường tăng khi đo

lượng bằng chỉ số Dow. Tuy nhiên, có nhiều chứng khoán giảm giá (1.559) hơn tăng (1.327) cho thấy thị trường quy mô lớn hơn không có sức khỏe tốt như Dow. Ngoài ra, khối lượng giao dịch cũng giảm nhiều hơn tăng. Hai loại dữ liệu này cho thấy thị trường nói chung vẫn yếu thế dù chỉ số Dow đóng cửa tăng trong ngày hôm đó. Những dữ liệu khác cho thấy một bức tranh tổng hợp. Số cổ phiếu đạt ngưỡng cao mới trong 52 tuần (78) lớn hơn số đạt ngưỡng thấp mới (43) cho thấy thị trường tích cực. Tuy nhiên, số cổ phiếu đóng cửa tăng so với giảm giá là -135. Nghĩa là số chứng khoán đóng cửa giảm nhiều hơn tăng là 135 - một yếu tố tiêu cực ngắn hạn. Tuy nhiên, số cổ phiếu đóng cửa tăng trong sự đối sánh với cổ phiếu đóng cửa giảm giá với mức âm được bù đắp bởi chỉ số Arm 0,96 - mức dương nhỏ. Chúng ta sẽ giải thích lý do tại sao trong phần sau. Tất cả các chỉ số thị trường nội bộ đều có một mục đích - cho chúng ta một chỉ số chính xác hơn về sức khỏe thị trường chung mà không phải lúc nào cũng được phản ánh trong sự biến động của chỉ số Dow.

SO SÁNH CÁC CHỈ SỐ TRUNG BÌNH CỦA THỊ TRƯỜNG

Một phương pháp nghiên cứu độ rộng thị trường là so sánh biểu hiện của chỉ số trung bình chứng khoán. Bằng cách sử dụng số liệu giao dịch của cùng ngày đó làm ví dụ, những số liệu dưới đây cho thấy biểu hiện tương đối của các chỉ số trung bình chứng khoán quan trọng:

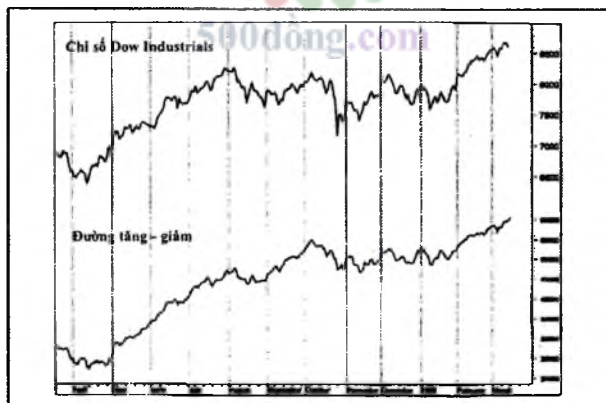
Dow Industrials	+12,20 (+0,16%)
S&P500	-0,64(-0,07%)
Nasdaq Composite	-14,47(-0,92%)
Russell 2000	-3.80(-0,89%)

Đầu tiên, ta thấy rằng chỉ số Dow Industrials là chỉ số duy nhất tăng trong ngày. Trong tất cả các chương trình TV của ngày hôm đó, nhà đầu tư được thông báo rằng thị trường (được đại diện bởi chỉ số Dow) đang tăng. Tuy nhiên, tất cả những chỉ số đo lường khác lại giảm. Lưu ý chỉ số có quy mô lớn hơn (với nhiều cổ phiếu được đưa vào tính toán

hơn) lại tệ hơn. Hãy so sánh sự thay đổi tỷ lệ. Chỉ số Dow 30 tăng 0.16%. Chỉ số S&P500 giảm 0.07%. Chỉ số Nasdaq Composite gồm hơn 5000 chứng khoán có một ngày tồi tệ với mức giảm 0.92%. Gần như bằng Nasdaq là Russell 2000 (-0.89) là chỉ số đo lường 2000 cổ phiếu có vốn hóa thị trường nhỏ. Thông điệp từ phép so sánh trên là mặc dù chỉ số Dow tăng trong ngày hôm đó, nhưng thị trường chung lại đánh mất điểm khi đo lường những chỉ số quy mô lớn hơn. Chúng ta sẽ nhắc lại phương pháp so sánh này sau, còn giờ đây, hãy chỉ ra những cách phân tích chỉ số độ rộng khác nhau.

ĐƯỜNG TĂNG-GIẢM

Đây là đường được biết đến với tên gọi chỉ báo độ rộng. Việc dựng đường tăng giảm cực kỳ đơn giản. Giao dịch của mỗi ngày trên sàn chứng khoán New York cho thấy một số lượng cổ phiếu tăng giá nào đó, một số giảm, và một số khác thì không tăng không giảm. Những con số này được báo cáo hàng ngày trên tờ *Wall Street Journal* và tờ



Hình 18.1 Đường tăng giảm trên sàn NYSE so với chỉ số Dow Industrials. Trong một thị trường mạnh, cả hai đường có cùng xu hướng tăng như hình trên.

Investor's Business Daily và được sử dụng để dựng đường tăng giảm (Advance-Decline - đường AD). Cách tính đường AD phổ biến nhất là lấy chênh lệch giữa con số tăng và số giảm. Nếu tăng nhiều hơn giảm, đường AD ngày đó dương. Nếu giảm nhiều hơn tăng, đường AD sẽ âm. Số liệu hàng ngày là dương hay âm được cộng vào đường AD tích lũy. Đường AD thể hiện xu hướng của chính nó. Việc cần làm là đảm bảo rằng đường AD và các chỉ số trung bình đang có cùng xu hướng (Xem hình 18.1).

SỰ PHÂN KỲ AD

Vậy đường AD đo lường cái gì? Đường này cho chúng ta biết được liệu một môi trường rộng lớn gồm 3500 cổ phiếu trên sàn NYSE có đang tăng cùng với những chỉ số trung bình phổ biến nhất gồm 30 cổ phiếu Dow Industrials 30, 500 cổ phiếu chỉ số S&P500 hay không. Một cách giải thích hài hước khác của tờ Wall Street: đường tăng giảm cho ta biết có phải các "binh đoàn" bắt kịp "tướng quân" của nó hay không. Ví dụ, khi đường AD còn tăng cùng với chỉ số Dow Industrials thì chiều rộng hay sức khỏe của thị trường vẫn tốt. Rủi ro xuất hiện khi đường AD bắt đầu phân kỳ so với chỉ số Dow. Nói cách khác, khi bạn thấy một tình trạng mà chỉ số Dow Industrials chạm ngưỡng cao mới nhưng thị trường rộng hơn (được đo lường bởi đường AD) không giống vậy thì nhà phân tích bắt đầu lo lắng về chỉ số độ rộng thị trường yếu kém hoặc sự phân kỳ của đường AD. Từ xưa đến nay, đường AD luôn chạm đỉnh trước chỉ số trung bình, điều được giải thích vì sao chúng được quan sát một cách tỉ mỉ.

ĐƯỜNG AD TUẦN VÀ ĐƯỜNG AD NGÀY

Đường AD hàng ngày được sử dụng chủ yếu cho sự so sánh ngắn hoặc trung hạn so với chỉ số trung bình. Nó không mấy hữu ích khi so sánh quãng thời gian vài năm. Đường tăng giảm hàng tuần thì đo lường số cổ phiếu tăng so với cổ phiếu giảm trong một tuần. Những dữ liệu này được công bố trên tờ *Barron's* mỗi tuần. Đường tăng giảm hàng tuần hữu ích trong phạm vi vài năm. Trong khi sự phân kỳ âm trong đường

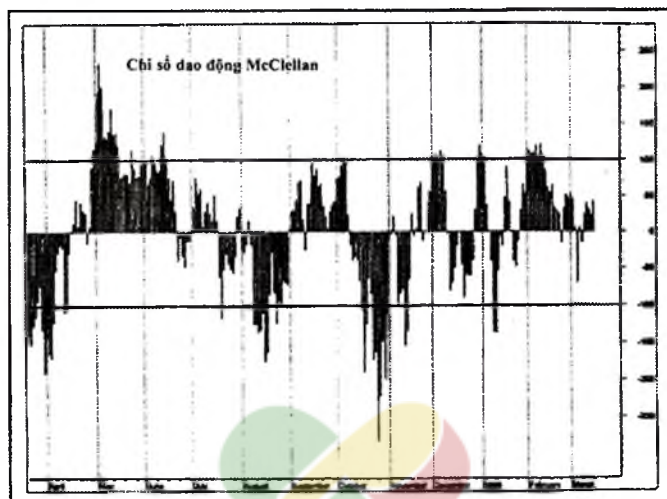
AD hàng ngày cảnh báo vấn đề của thị trường ngắn hạn và trung hạn, để xác nhận được một vấn đề cực kỳ nghiêm trọng, ta phải thấy được sự phân kỳ tương tự trong đường AD hàng tuần.

BIẾN THỂ ĐƯỜNG AD

Vì con số chứng khoán giao dịch trên sàn NYSE tăng lên hàng năm nên một số nhà phân tích thị trường tin rằng phương pháp lấy số chứng khoán tăng trừ cho số giảm có một ý nghĩa quan trọng hơn đối với các dữ liệu mới. Để đối phó với vấn đề này, nhiều nhà phân tích kỹ thuật thích sử dụng hệ số tăng/giảm với việc lấy số tăng chia cho số giảm. Một số người cho rằng nên sử dụng số lượng không đổi trong cách tính. Cho dù đường AD được tính bằng cách nào đi chăng nữa thì công dụng của nó luôn là đánh giá chiều hướng thị trường quy mô hơn và bảo đảm rằng nó di chuyển theo cùng hướng của những chỉ số trung bình phổ biến nhưng được thiết kế hẹp. Đường tăng giảm cũng được dựng cho Sàn Chứng khoán Hoa Kỳ và thị trường Nasdaq. Nhà phân tích kỹ thuật thích dựng chỉ báo mua quá mức/bán quá mức trên đường AD để hỗ trợ việc đo lường điểm cực thị trường ngắn đến trung hạn của chính dữ liệu độ rộng đó. Một trong những ví dụ phổ biến hơn là chỉ báo dao động McClellan.

CHỈ BÁO DAO ĐỘNG McCLELLAN

Được phát triển bởi Sherman McClellan, chỉ báo này được vẽ bằng cách lấy chênh lệch giữa hai đường trung bình di động hàm mũ của dữ liệu tăng giảm trên sàn NYSE. Chỉ báo dao động McClellan là chênh lệch giữa đường trung bình di động hàm mũ 19 ngày (10% xu hướng) và 39 ngày (5% xu hướng) của số liệu tăng giảm ròng hàng ngày. Chỉ báo dao động biến đổi thất thường quanh đường số 0 với điểm cực trên và cực dưới từ +100 đến -100. Chỉ số của chỉ báo dao động McClellan cao hơn +100 tức là thị trường chứng khoán mua quá mức. Chỉ số dưới -100 là thị trường bán quá mức. Đường này nằm trên và dưới đường số 0 tương ứng là tín hiệu mua và bán từ ngắn đến trung hạn. (Xem hình



Hình 18.2 Chỉ báo dao động McClellan là một đồ thị tần suất. Việc cắt lên trên đường số 0 là tín hiệu dương. Chỉ số trên +100 là mua quá mức, trong khi dưới -100 là bán quá mức. Lưu ý điểm cực bán quá mức trong tháng 10 năm 1997.

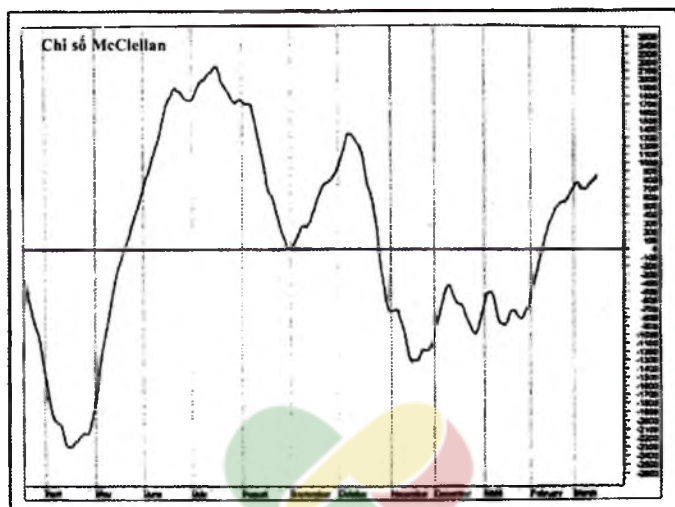
500dong.com

CHỈ SỐ TỔNG CỘNG McCLELLAN

Chỉ số tổng cộng là một phiên bản chỉ báo dao động McClellan dài hạn. Chỉ số tổng cộng McClellan là tổng tích lũy chỉ số dương hoặc âm mỗi phiên giao dịch trong chỉ báo dao động McClellan. Trong khi chỉ báo dao động McClellan được sử dụng cho giao dịch ngắn đến trung hạn thì chỉ số tổng cộng được sử dụng cho việc theo dõi chỉ số độ rộng thị trường dài hạn và để phát hiện điểm chuyển đổi thị trường quan trọng. (Xem hình 18.3)

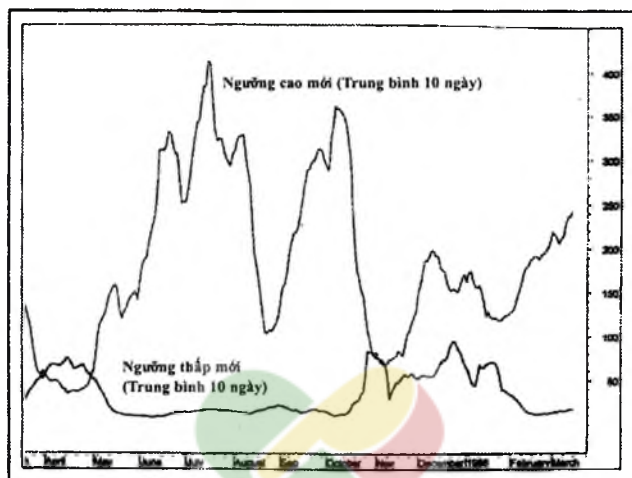
NGƯỠNG CAO MỚI SO VỚI NGƯỠNG THẤP MỚI

Ngoài những con số của cổ phiếu tăng và giảm, các tờ báo tài chính còn công bố số cổ phiếu đạt ngưỡng cao mới hoặc thấp mới của 52 tuần. Một lần nữa, những con số này lại được sử dụng trên đồ thị hàng



Hình 18.3 Chỉ số tổng cộng McClellan là phiên bản chỉ báo dao động McClellan dài hạn. Chỉ báo tổng cộng được sử dụng cho phân tích thị trường chính. Sự giao nhau xuống dưới đường số 0 là tín hiệu âm. Tín hiệu trong tháng 2 năm 1998 là dương.

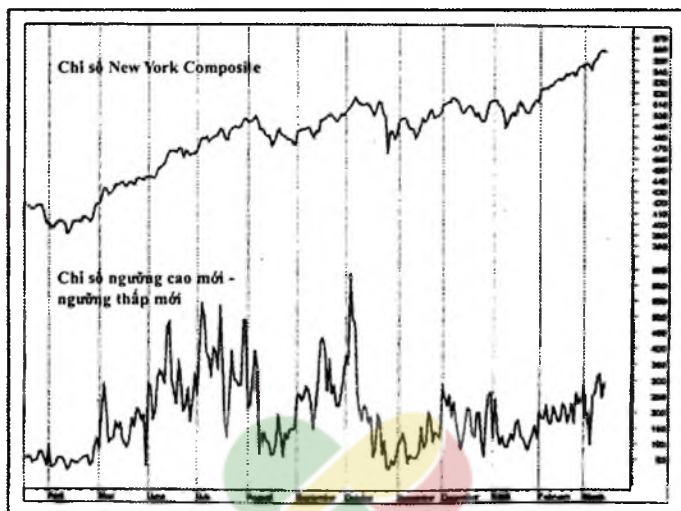
ngày và hàng tuần. Có hai cách trình bày những số liệu này. Cách thứ nhất là vẽ hai đường riêng biệt. Vì giá trị hàng ngày đôi khi thay đổi thất thường, nên đường trung bình di động (thường là 10 ngày) được dựng để thể hiện hai đường trên một cách nhẹ nhàng, ít dao động hơn. (Xem hình 18.4). Trong một thị trường mạnh, số cổ phiếu đạt ngưỡng cao mới lớn hơn số đạt ngưỡng thấp. Khi số ngưỡng cao bắt đầu giảm hoặc số ngưỡng thấp bắt đầu tăng, đó là lúc ta cần chú ý. Một tín hiệu thị trường âm được nhận biết khi đường trung bình di động các ngưỡng thấp mới giao lên trên đường trung bình của ngưỡng cao mới. Nó cũng cho thấy rằng bất kỳ lúc nào số lượng ngưỡng cao đạt cực điểm thì thị trường có xu hướng chạm đỉnh. Tương tự, số lượng ngưỡng thấp đạt cực điểm báo hiệu thị trường chạm đáy. Một cách khác là sử dụng số ngưỡng cao so với ngưỡng thấp để vẽ độ chênh lệch giữa hai đường.



Hình 18.4 Đường trung bình 10 ngày của ngưỡng cao so với đường trung bình 10 ngày của ngưỡng thấp. Thị trường mạnh là thị trường có nhiều chứng khoán đạt ngưỡng cao mới hơn ngưỡng thấp mới. Tháng 10 năm 1997, hai đường này gần như là cắt nhau trước khi xác nhận lại thứ tự tăng của mình.

CHỈ SỐ NGUỖNG CAO MỚI - NGUỖNG THẤP MỚI

Ưu điểm của chỉ số ngưỡng cao-thấp mới là nó có thể được so sánh trực tiếp với một trong những chỉ số trung bình quan trọng nhất. Theo đó, đường cao thấp có thể được sử dụng như đường tăng giảm. (Xem hình 18.5). Xu hướng của đường cao thấp có thể được thể hiện trên đồ thị và được sử dụng để phát hiện sự phân kỳ thị trường. Ví dụ, ngưỡng cao mới của chỉ số Dow không khớp với ngưỡng cao mới của đường cao thấp là tín hiệu thị trường lớn hơn suy yếu. Việc phân tích đường xu hướng và đường trung bình di động có thể được áp dụng cho bản thân đường này. Nhưng giá trị chính của nó là sự xác nhận hoặc sự phân kỳ so với xu hướng chứng khoán chính và báo hiệu sự thay đổi xu hướng sớm của thị trường chung. Trong cuốn “*Giao dịch để mưu sinh*” (Trading for a Living, Wiley), Tiến sĩ Alexanderr Elder mô tả chỉ số



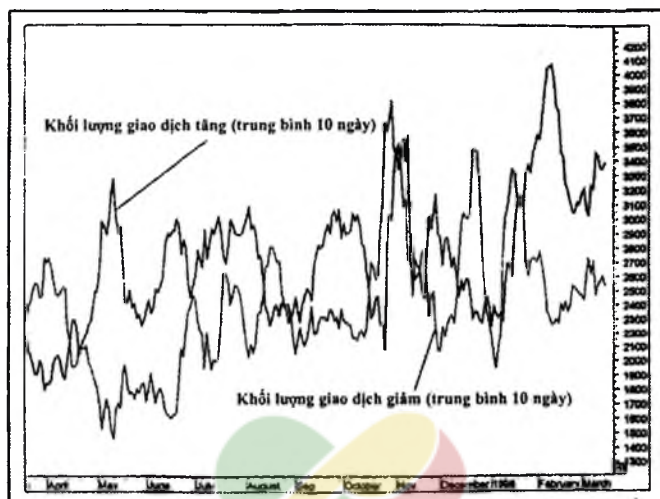
Hình 18.5 Chỉ số cao thấp mới so với chỉ số Nasdaq Composite. Đường này vẽ lại độ chênh lệch giữa số chứng khoán đạt ngưỡng cao mới và số đạt ngưỡng thấp mới. Đường này tăng là dương. Hãy lưu ý sự suy giảm rõ rệt trong tháng 10 năm 1997.

500dong.com

ngưỡng cao thấp mới như là "chỉ báo chủ đạo tốt nhất của thị trường chứng khoán".

KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH TĂNG SO VỚI GIẢM

Đây là dữ liệu thứ ba và cũng là dữ liệu cuối cùng có thể được sử dụng để đo lường chỉ số độ rộng thị trường. Sàn chứng khoán New York cũng cung cấp con số khối lượng giao dịch tăng và giảm. Dữ liệu này cũng được công bố trên các báo tài chính vào ngày hôm sau. Sau đó, ta có thể so sánh khối lượng giao dịch tăng và giảm để xác định cái nào chiếm ưu thế. (Xem hình 18.6). Khối lượng giao dịch tăng và giảm có thể được vẽ như hai đường riêng biệt (như cách làm với ngưỡng cao và ngưỡng thấp) hoặc dựng duy nhất một đường chênh lệch. Cả hai cách

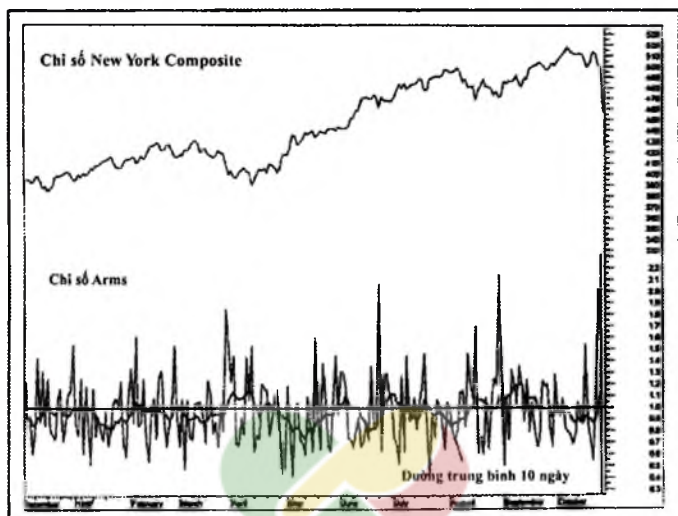


Hình 18.6 Đường trung bình đi động 10 ngày của khối lượng giao dịch tăng so với giảm (đường sẫm). Thị trường mạnh là thị trường có khối lượng giao dịch tăng lớn hơn khối lượng giảm.

đều có cách diễn giải như nhau. Khi khối lượng giao dịch tăng chiếm ưu thế, thị trường đang mạnh. Khi khối lượng giao dịch giảm lớn hơn chứng tỏ thị trường đang yếu. Có thể kết hợp số lượng cổ phiếu tăng và giảm giá với khối lượng tăng và giảm với nhau. Đó là cách mà Richard Arms đã làm để tạo ra chỉ số Arms.

CHỈ SỐ ARMS

Chỉ số Arms được đặt theo tên của Richard Arms, là tỷ suất của một tỷ suất. Từ số là tỷ suất của số cổ phiếu tăng chia cho số cổ phiếu giảm. Mẫu số là khối lượng giao dịch tăng trên khối lượng giao dịch giảm. Mục đích của chỉ số Arms là đo lường xem liệu khối lượng cổ phiếu tăng hoặc giảm có gia tăng hay không. Một chỉ số thấp hơn 1.0 có nghĩa khối lượng chứng khoán tăng lớn hơn và là tín hiệu tích cực. một chỉ số thấp hơn 1.0 phản ánh khối lượng chứng khoán giảm lớn hơn và là tín



Hình 18.7 Chỉ số Arms (còn được gọi là TRIN) có xu hướng ngược với thị trường, ngoại trừ những điểm cực trên báo hiệu thị trường chạm đáy. Đường trung bình đi động chỉ báo Arms 10 ngày là cách phổ biến để xem xét chỉ báo đảo nghịch này.

hiệu tiêu cực. Trong đồ thị ngày, chỉ số Arms quá cao là tích cực, quá thấp là tiêu cực. Chính vì lý do đó mà chỉ số Arms là chỉ báo đảo nghịch cho biết các xu hướng đang phát triển ngược chiều nhau. Nó có thể được sử dụng cho giao dịch trong ngày bằng cách theo dõi hướng phát triển của nó và nhận biết những tín hiệu đạt điểm cực thị trường ngắn hạn. (Xem hình 18.7).

CHỈ SỐ TRIN SO VỚI CHỈ SỐ TICK

Chỉ số Arms (TRIN) có thể được sử dụng trong sự kết hợp với chỉ báo TICK (chỉ báo thị trường dựa trên số cổ phiếu với giao dịch cuối cùng là tăng hoặc giảm. Đây được coi như là chỉ báo thể hiện ý kiến hay tâm lý thị trường nhằm đưa ra dự báo về xu hướng thị trường - ND) cho việc

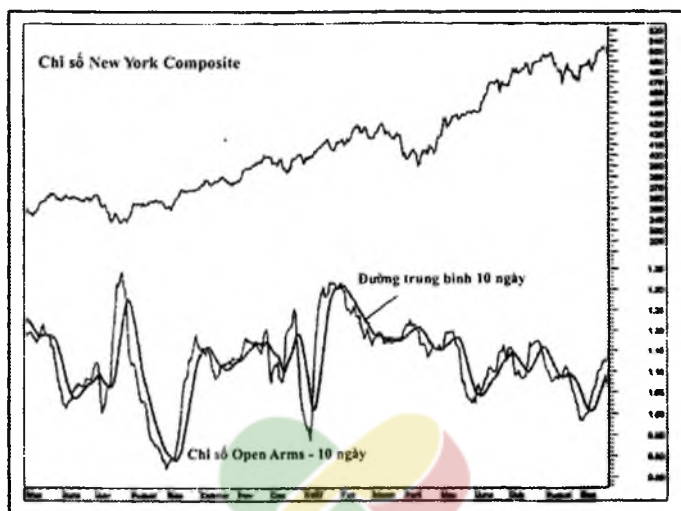
giao dịch trong ngày. TICK đo lường độ chênh lệch giữa số lượng cổ phiếu đang được giao dịch theo xu hướng giá sau cao hơn giá trước (upstick) so với số lượng được giao dịch theo xu hướng ngược lại (downtick). TICK là phiên bản từng-phút của đường tăng giảm hàng ngày và được sử dụng cho cùng một mục đích. Khi kết hợp cả hai vào giao dịch trong ngày, một chỉ báo TICK tăng và một chỉ số Arms tăng (TRIN) là tín hiệu tiêu cực. Tuy nhiên, chỉ báo Arms cũng có thể được sử dụng cho phân tích dài hạn.

LÀM PHẪNG CHỈ BÁO ARMS

Trong khi chỉ báo Arms được niêm yết trong ngày giao dịch và có giá trị dự đoán ngắn hạn thì đa số các nhà giao dịch lại sử dụng đường trung bình di động 10 ngày trong giá trị của nó. Theo Arms thì đường trung bình di động 10 ngày của chỉ báo Arms nếu cao hơn 1.20 tức là bán quá mức, trong khi thấp hơn 0.70 là mua quá mức, mặc dù những số này có thể thay đổi dựa trên xu hướng thị trường chung. Arms khuyến nghị dùng các con số Fibonacci. Ông đề nghị sử dụng chỉ báo Arms 21 ngày vào phiên bản 10 ngày. Ông cũng sử dụng sự giao nhau giữa đường trung bình di động 21 ngày và 55 ngày của chỉ báo Arms để tạo ra những giao dịch trung hạn hiệu quả. Để biết rõ hơn về vấn đề này, bạn có thể đọc cuốn *Chỉ báo Arms* (TRIN) của Richard W.Arms, Jr.

PHIÊN BẢN ARMS MỞ

Để tính chỉ số Arms 10 ngày, giá đóng cửa mỗi ngày được xác định bằng việc sử dụng được bốn yếu tố đầu vào và giá trị cuối cùng đó được làm mượt với đường trung bình di động 10 ngày. Trong phiên bản "Mở" của chỉ số Arms, mỗi yếu tố trong bốn yếu tố đó được tính bình quân trong giai đoạn 10 ngày. Chỉ số Arms mở sau đó được tính từ bốn số liệu bình quân này. Nhiều nhà phân tích thích sử dụng chỉ số Arms mở hơn so với biên bản gốc. Chiều dài đường trung bình di động khác nhau như đường 21 ngày và 55 ngày cũng có thể được áp dụng cho phiên bản chỉ số Arms mở. (Xem hình 18.8)



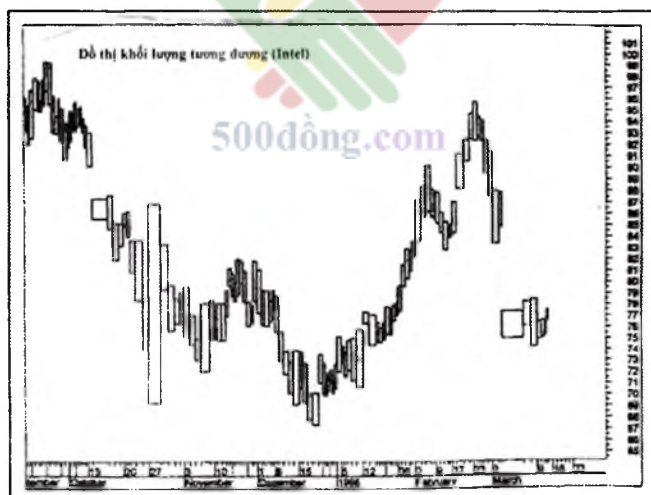
Hình 18.8 Chỉ số Arms mở 10 ngày được thể hiện một cách mượt mà, ít dao động hơn nhưng vẫn có xu hướng ngược với thị trường. Sự giao nhau với đường trung bình di động 10 ngày (đường sậm hơn) thường báo điểm chuyển hướng.

500dong.com

BIỂU ĐỒ KHỐI LƯỢNG TƯƠNG ĐƯƠNG

Mặc dù được coi là người sáng tạo nên chỉ số mang tên mình, song Arms cũng là người tiên phong trong việc kết hợp những cách phân tích giá và khối lượng giao dịch khác. Trong quá trình đó, ông tạo ra một dạng đồ thị hoàn toàn mới gọi là khối lượng tương đương (equivolume chart). Trong đồ thị thanh truyền thống, biên độ giao dịch của ngày được thể hiện trên thanh giá với các thanh khối lượng giao dịch ở đáy đồ thị. Vì kết hợp phân tích giá và khối lượng giao dịch nên các nhà phân tích kỹ thuật phải quan sát cả hai phần đồ thị cùng lúc. Trong đồ thị khối lượng tương đương, mỗi thanh giá được thể hiện bằng một hình chữ nhật. Chiều rộng hình chữ nhật được xác định bởi khối lượng giao dịch trong ngày. Ngày có khối lượng lớn thì có hình chữ nhật càng rộng. Ngày có khối lượng thấp được thể hiện bằng một hình chữ nhật hẹp hơn. (Xem hình 18.9)

Thông thường, sự phá vỡ giá tăng luôn song hành với sự bứt phá về khối lượng giao dịch. Trên một đồ thị khối lượng tương đương, cú phá vỡ giá tăng sẽ song hành cùng một hình chữ nhật đặc biệt rộng. Đồ thị khối lượng giao dịch tương đương kết hợp phân tích giá và khối lượng với nhau vào một đồ thị và giúp việc so sánh giá cũng như khối lượng trở nên dễ dàng hơn nhiều. Ví dụ, trong một xu hướng tăng, phiên tăng sẽ có hình chữ nhật rộng hơn trong khi phiên giảm là những hình chữ nhật hẹp hơn. Đồ thị khối lượng tương đương có thể được áp dụng cho các chỉ số trung bình của thị trường cũng như các loại chứng khoán riêng lẻ và được dựng cho đồ thị hàng ngày và hàng tuần. Để biết thêm thông tin, bạn có thể tham khảo cuốn *Chu kỳ khối lượng giao dịch trong thị trường chứng khoán (Volume Cycles in the Stock Market)* của Richard Arms (Dow Jones Irwin, 1983).



Hình 18.9 Đồ thị khối lượng tương đương kết hợp dữ liệu giá và khối lượng giao dịch. Chiều rộng của hình chữ nhật (thanh theo ngày) được xác định bằng khối lượng giao dịch ngày đó. Hình chữ nhật bắt đầu mở rộng trong lần giảm giá gần nhất của Intel - một tín hiệu tiêu cực.

ĐỒ THỊ HÌNH NỀN

Trong Chương 12, Greg Morris đã giải thích cách dựng đồ thị hình nền. Trong một bài báo đăng trên tạp chí *Phân tích Kỹ thuật Chứng khoán và Hàng hóa (Technical Analysis of Stocks and Commodities)* có tựa đề “Đông Tây hội ngộ: Vẽ đồ thị hình nền”, Morris đã đề xuất cách kết hợp đồ thị hình nền với phương pháp đồ thị khối lượng tương đương của Arms. Phiên bản của Morris mô tả đồ thị hình nền theo dạng thức khối lượng tương đương. Nói cách khác, chiều rộng của hình nền được xác định bởi khối lượng giao dịch. Khối lượng càng lớn thì hình nền càng rộng. Morris gọi sự kết hợp này là đồ thị Candlepower. Trích từ bài báo: “... đồ thị Candlepower cung cấp cho ta những thông tin tương tự nếu không muốn nói là tốt hơn so với đồ thị khối lượng tương đương hay hình nền và hấp dẫn như hai loại đồ thị kia.” Kỹ thuật Candlepower của Morris sẵn có trong phần mềm đồ thị của Megastock (phát hành



Hình 18.10 Một đồ thị CandlePower (được gọi là Candlevolume) kết hợp đồ thị khối lượng tương đương và đồ thị nền Nhật. Bề ngang của cây nến (thanh hàng ngày) là khối lượng giao dịch.

bởi Equis International, 3950 S.700 East, Suite 100, Salt Lake City, UT 84107 [800] 882-3040, www.equis.com). Tuy nhiên, nó đã được đổi tên thành Candlevolume. (Xem hình 18.10).

SO SÁNH CÁC CHỈ SỐ TRUNG BÌNH THỊ TRƯỜNG

Trong phần đầu chương, chúng ta đã nói rằng một cách thức khác để đo lường chỉ số độ rộng thị trường là so sánh các chỉ số trung bình thị trường với nhau. Chúng ta chủ yếu nói đến chỉ số Dow Industrials, S&P 500, chỉ số sàn giao dịch New York, chỉ số Nasdaq Composite, và chỉ số Russell 2000. Mỗi một chỉ số đo lường các phân khúc thị trường khác nhau. Chỉ số Dow và S&P 500 thể hiện xu hướng của một số ít các loại cổ phiếu có lượng vốn hóa lớn. Chỉ số NYSE Composite bao gồm tất cả các cổ phiếu giao dịch trên sàn New York và cho ta phạm vi quan sát rộng hơn. Thông thường, những cú phá vỡ của chỉ số Dow Industrials có thể được xác nhận bởi những cú phá vỡ tương tự của chỉ số S&P500 và chỉ số NYSE Composite để xác minh độ chắc chắn của đợt phá vỡ.

Hầu như những phân kỳ quan trọng đều có liên quan đến chỉ số Nasdaq và Russell 2000. Chỉ số Nasdaq Composite có số lượng cổ phiếu lớn nhất (5000). Tuy nhiên, vì là chỉ số đánh giá theo mức độ vốn hóa nên nó thường bị chi phối bởi 100 cổ phiếu công nghệ lớn nhất như Intel hay Microsoft. Chính vì thế mà Nasdaq thường là công cụ đánh giá chiều hướng của nhóm cổ phiếu chuyên ngành công nghệ. Russell là một thước đo dành cho những cổ phiếu nhỏ hơn. Tuy nhiên, cả hai chỉ số này đều có xu hướng đi lên theo Dow và S&P500 nếu xu hướng thị trường thực sự vững mạnh.

Phân tích hiệu quả cổ phiếu trong sự đối sánh với các cổ phiếu khác đóng một vai trò hữu ích ở đây. Tỷ suất của Nasdaq trên S&P500 cho ta biết liệu có phải cổ phiếu công nghệ đang dẫn đầu hay đi sau. Thường rất tốt cho thị trường nếu cổ phiếu công nghệ dẫn đầu và đường tỷ suất tăng. (Xem hình 18.11). Phép so sánh giữa chỉ số Russell 2000 và S&P 500 cho ta biết được liệu “binh đoàn” có theo sau “tướng quân” hay



Hình 18.11 Tỷ suất Nasdaq/S&P500 cho ta biết nhóm cổ phiếu công nghệ đang dẫn đầu hay thụt lùi. Thị trường sẽ trở nên tốt hơn khi đường tỷ suất này tăng.

không. Khi những chứng khoán nhỏ có cường độ tương đối kém hay tụt lại khá xa so với những chứng khoán lớn, thì đó là tín hiệu cảnh báo sự suy yếu của chỉ số độ rộng thị trường. (Xem hình 18.12)

TÓM LƯỢC

Việc so sánh hai chỉ số trung bình để tìm kiếm tín hiệu xác nhận hay phân kỳ bắt nguồn từ lý thuyết Dow. Trong Chương 2, chúng ta đã thảo luận về tầm quan trọng của mối quan hệ giữa chỉ số Dow Industrials và Dow Transports. Tín hiệu mua trong lý thuyết Dow sẽ hiện diện khi cả hai chỉ số này đạt ngưỡng cao mới. Khi một chỉ số chênh lệch với chỉ số kia, một tín hiệu cảnh báo sẽ được phát ra. Những nghiên cứu về chỉ số độ rộng thị trường và những chủ đề liên quan đến sự xác nhận và phân kỳ xuất hiện dưới nhiều dạng. Nguyên tắc chung cần phải tuân



Hình 18.12 So sánh giữa chỉ số Russell 2000 và Chỉ số Dow Industrials

theo là số lượng trung bình di động thị trường chứng khoán càng lớn - những đường có cùng xu hướng - thì khả năng xu hướng tiếp tục diễn ra càng cao. Ngoài ra, cần kiểm tra đường tăng giảm, đường cao thấp và đường khối lượng tăng giảm để chắc rằng chúng có cùng hướng đi.

CHƯƠNG 19

Danh sách kiểm tra

Cuốn sách này chứng minh rằng phân tích kỹ thuật là sự kết hợp nhiều cách tiếp cận với nhau. Mỗi cách tiếp cận là một phần thông tin cấu thành phân tích kỹ thuật. Phân tích kỹ thuật giống như mảnh ghép của nhiều mẫu thông tin, tương tự một trò chơi ghép hình khổng lồ. Cách tiếp cận phân tích thị trường của tôi là kết hợp càng nhiều kỹ thuật càng tốt. Mỗi cách tiếp cận lại hiệu quả trong một thị trường nhất định. Điều quan trọng là biết được công cụ nào cần nhấn mạnh trong tình huống hiện tại. Điều này diễn ra cùng kiến thức và kinh nghiệm.

Tất cả những cách tiếp cận đều có điểm tương đồng nào đó và chúng bổ sung cho nhau. Khi hiểu được những mối quan hệ liên đới này và có khả năng xem phân tích kỹ thuật là sự tổng hợp của các phần trong mối quan hệ này, đó là lúc người sử dụng xứng đáng với danh xưng nhà phân tích kỹ thuật. Danh sách kiểm tra sau đây giúp người sử dụng làm quen với tất cả các thông tin cơ bản. Sau này, danh sách kiểm tra đó sẽ không còn xa lạ với bạn. Danh sách này không bao gồm tất cả, nhưng có gần như đầy đủ các yếu tố quan trọng cần ghi nhớ. Có vẻ như phân tích kỹ thuật hiếm khi bao gồm việc thực hiện những điều hiển nhiên. Nhà phân tích kỹ thuật luôn không ngừng tìm kiếm tin hiệu của biến động thị trường tương lai. Tin hiệu cuối cùng đẩy nhà giao dịch vào một

hướng hay hướng còn lại thường là yếu tố phụ không được nhiều người khác chú ý đến. Nhà phân tích càng cân nhắc nhiều yếu tố thì càng có nhiều khả năng tìm được tín hiệu đúng.

DANH SÁCH KIỂM TRA

1. Chiều hướng của thị trường chung là gì?
2. Chiều hướng của các nhóm thị trường chuyên ngành khác nhau là gì?
3. Đồ thị *hàng tuần* và *hàng tháng* cho thấy điều gì?
4. Các *xu hướng* chính, trung gian và nhỏ tăng hay giảm hay đi ngang?
5. Ngưỡng *hỗ trợ* và *kháng cự* quan trọng nằm ở đâu?
6. Đường *xu hướng* và *kênh giá* quan trọng nằm ở đâu?
7. *Khối lượng* giao dịch và *số lượng hợp đồng chưa tất toán* có xác nhận động thái giá không?
8. Ngưỡng *thoái lui* 33%, 50% và 66% ở đâu?
9. Có vùng trống giá không và đó là loại vùng trống gì?
10. Có *mô hình đảo chiều chính* nào hiện diện ở đây không?
11. Có *mô hình tiếp diễn* nào hiện diện ở đây không?
12. *Mục tiêu giá* của những mô hình này ở đâu?
13. Các đường *trung bình di động* chỉ hướng nào?
14. *Chỉ báo dao động* thể hiện mua quá mức hay bán quá mức?
15. Có sự *phân kỳ* chỉ báo dao động không?
16. Những con số *quan điểm đối lập* có cho thấy một điểm cực nào hay không?
17. Mô hình sóng Elliott cho thấy điều gì?
18. Có mô hình 3 sóng hay 5 sóng nào hiện diện không?
19. Sự *thoái lui* hay ngưỡng được kỳ vọng *Fibonacci* là gì?
20. Có đỉnh hay đáy *chu kỳ* nào đến hạn hay không?

22.. Xu hướng trên máy dịch chuyển theo cách nào: tăng, giảm hay đi ngang?

23. Đồ thị điểm và hình hay đồ thị hình nền cho thấy điều gì?

Sau khi đã có được kết luận về thị trường đầu cơ giá lên và giá xuống, ta hãy tự trả lời những câu hỏi sau đây:

1. Xu hướng thị trường hiện tại sẽ như thế nào sau một vài tháng tới?
2. Tôi sẽ mua hay bán trong thị trường này?
3. Tôi nên giao dịch bao nhiêu đơn vị?
4. Rủi ro cho quyết định sai lầm của tôi đáng giá bao nhiêu?
5. Mục tiêu lợi nhuận là bao nhiêu?
6. Tôi sẽ gia nhập thị trường tại đâu?
7. Tôi nên sử dụng loại lệnh nào?
8. Tôi sẽ đặt lệnh dừng lỗ của tôi ở mức nào?

Việc thực hiện tất cả những điều này trong danh sách không có nghĩa là bạn sẽ đưa ra kết luận chính xác. Nó chỉ giúp bạn đặt đúng câu hỏi và việc đặt đúng câu hỏi là cách chắc chắn nhất để tìm đúng câu trả lời. Chia khóa thành công trong giao dịch là kiến thức, theo nguyên tắc và kiên trì. Giả sử bạn có kiến thức, cách tốt nhất để theo đúng nguyên tắc và có thể kiên nhẫn là làm những bài tập ở nhà và có kế hoạch hành động. Bước cuối cùng là thực hiện kế hoạch đó. Cho dù không đảm bảo sự thành công cho bạn, nhưng nó sẽ gia tăng khả năng chiến thắng của bạn trong thị trường tài chính.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ KẾT HỢP PHÂN TÍCH KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH CƠ BẢN

Mặc dù giữa các nhà giao dịch kỹ thuật và cơ bản tồn tại sự bất đồng trong quan điểm song vẫn có những khía cạnh mà họ có thể hợp tác vì lợi ích chung. Phân tích thị trường có thể được tiếp cận bằng một hướng khác. Mặc dù luôn tin rằng yếu tố kỹ thuật đóng vai trò dẫn đường trong mối quan hệ với yếu tố cơ bản, nhưng tôi cũng tin rằng bất kỳ một biến

động thị trường quan trọng nào cũng bắt nguồn từ những yếu tố cơ bản. Chính vì thế, điều này có ý nghĩa đối với nhà phân tích kỹ thuật để có được một số hiểu biết về điều kiện cơ bản của thị trường. Một nhà phân tích kỹ thuật có thể hỏi nhà phân tích cơ bản về các vấn đề cơ bản nào đã diễn ra để xác minh một vận động thị trường quan trọng trên đồ thị giá. Ngoài ra, việc tìm hiểu cách thị trường phản ứng với các tin tức cơ bản cũng là một sự chỉ dẫn kỹ thuật tuyệt hảo.

Phân tích cơ bản có thể sử dụng yếu tố kỹ thuật để xác nhận một kết quả phân tích hay là một tín hiệu cảnh báo điều gì đó quan trọng có thể sẽ xảy ra. Nhà phân tích cơ bản tham khảo đồ thị giá hoặc sử dụng hệ thống theo xu hướng trên máy tính như là bộ lọc nhằm giúp họ tránh được những hành động đi ngược với xu hướng hiện tại. Một số hành động bất thường trên đồ thị giá có thể là sự cảnh báo các phân tích viên cơ bản và khiến họ kiểm tra môi trường cơ bản cẩn thận hơn. Trong suốt khoảng thời gian đảm trách mảng phân tích kỹ thuật trong một công ty môi giới lớn, đã nhiều lần tôi tìm đến bộ phận phân tích cơ bản để thảo luận về một biến động thị trường nào đó trên đồ thị giá. Tôi thường nhận được những câu trả lời đại loại như “nó sẽ chẳng bao giờ xảy ra” hay “vô phương”. Thông thường, sau vài tuần sau, nhân vật này lâm vào cảnh rối tung như canh hẹ khi tìm hiểu những nguyên nhân cơ bản để giải thích cho biến động bất ngờ của thị trường. Luôn luôn có nhiều cơ hội để kết hợp hai phương pháp này.

NHÀ KỸ THUẬT THỊ TRƯỜNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN

Rất nhiều người sử dụng phân tích kỹ thuật và đưa ra quan điểm kỹ thuật về nhiều thị trường khác nhau. Nhưng họ có thực sự đủ khả năng làm việc đó không? Làm thế nào để biết được? Có bao giờ bạn đi khám ở phòng mạch của một bác sĩ không bằng cấp không. Hay có khi nào bạn lại đi xin lời khuyên từ một vị luật sư chưa tốt nghiệp hay không? Còn chuyên viên kế toán thì chắc chắn phải có bằng lý thuyết kế toán (Certificate for Theory in Accounting - CTA). Nếu hỏi một nhà phân tích về việc đánh giá một cổ phiếu phổ thông, bạn phải chắc chắn rằng

họ là một chuyên gia phân tích tài chính được công nhận (Chartered Financial Analyst - CFA). Tại sao bạn không cần trọng như vậy với một nhà phân tích kỹ thuật?

Hiệp hội những nhà phân tích kỹ thuật thị trường (Market Technician Association - MTA) đã giải quyết vấn đề này bằng việc giới thiệu chương trình Nhà kỹ thuật thị trường đạt chuẩn (Chartered Market Technician - CMT). Chương trình CMT là một quy trình gồm ba bước kiểm tra khả năng của một nhà phân tích kỹ thuật với danh xưng CMT. Hầu hết những nhà phân tích thị trường chuyên nghiệp đều phải trải qua chương trình này.

HIỆP HỘI NHỮNG NHÀ KỸ THUẬT THỊ TRƯỜNG (MTA)

Hiệp hội những nhà kỹ thuật thị trường (MTA) là hiệp hội kỹ thuật lâu đời nhất và nổi tiếng nhất thế giới. Hiệp hội này được thành lập năm 1972 để khuyến khích các ý tưởng về kỹ thuật giao dịch, đào tạo cho công chúng cũng như các cộng đồng đầu tư, và ban hành một nguyên tắc đạo đức và chuẩn mực chuyên nghiệp trong cộng đồng phân tích kỹ thuật. (Vào ngày 11 tháng 3 năm 1998, MTA đã tổ chức lễ mừng sinh nhật thứ 25 của mình. Sự kiện này được đánh dấu bởi một bài thuyết trình đặc biệt do ba thành viên sáng lập - Ralph Acampora, John Brooks và John Greeley thực hiện tại cuộc họp hàng tháng được tổ chức ở New York). Các thành viên của MTA bao gồm những nhà phân tích kỹ thuật làm việc toàn thời gian và những bên có quan tâm (được gọi là các chi nhánh liên kết). Một cuộc họp được tổ chức hàng tháng tại New York và một hội thảo thường niên được tổ chức vào tháng 5 trên toàn quốc. Các thành viên được truy cập vào thư viện MTA và hệ thống thông tin điện tử. Các bản tin tháng và tạp chí nội bộ theo kỳ cũng được phát hành. Một số điều lệ áp dụng cho các vùng cũng được ban hành. Các thành viên MTA cũng là những đồng nghiệp tại Liên đoàn các nhà phân tích kỹ thuật thế giới (International Federation of Technical Analysts - IFTA).

SỰ TIẾP CẬN PHÂN TÍCH KỸ THUẬT TRÊN TOÀN CẦU

Trong suốt mùa thu năm 1985, một cuộc họp được tổ chức tại Nhật Bản với đại diện là các nhà phân tích kỹ thuật của nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới nhằm soạn thảo hiến pháp cho Liên đoàn các nhà phân tích kỹ thế giới (IFTA). Kể từ đó, tổ chức này đã phát triển bao gồm các hiệp hội phân tích kỹ thuật ở hơn hai mươi quốc gia. Một trong những điều lý thú nhất cho những ai muốn trở thành thành viên là những cuộc họp thường niên được tổ chức tại các địa điểm như Úc, Nhật Bản, Paris và Roma bởi mỗi một quốc gia thành viên sẽ đứng ra tổ chức hội thảo. Tôi cũng rất vinh dự khi được trao giải nhất tại hội thảo IFTA vào năm 1992 vì “sự cống hiến xuất sắc cho ngành phân tích kỹ thuật thế giới”.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT VỚI BẤT KỲ TÊN GỌI NÀO

Sau một thế kỷ sử dụng ở Mỹ và 300 năm tại Nhật Bản, phân tích kỹ thuật đã trở nên phổ biến hơn bao giờ hết. Dĩ nhiên, không phải lúc nào nó cũng được gọi là phân tích kỹ thuật. Trong cuốn sách Nhà đầu tư trực quan của tôi, tôi gọi nó là phân tích trực quan. Đơn giản đó là nỗ lực nhằm kéo mọi người ra khỏi cái tên gọi đáng sợ như phân tích kỹ thuật và cho phép họ kiểm nghiệm cách tiếp cận này một cách cụ thể hơn. Cho dù bạn có định gọi đó là gì đi nữa thì phân tích kỹ thuật vẫn được thực hành dưới nhiều tên gọi khác nhau. Nhiều tổ chức tài chính tuyển dụng các chuyên gia phân tích với công việc chủ yếu là phân tích một lượng dữ liệu thị trường khổng lồ nhằm tìm kiếm loại cổ phiếu hoặc nhóm cổ phiếu đắt giá (được mua quá mức) và rẻ mạt (được bán quá mức). Những người này được gọi là chuyên gia phân tích định lượng, nhưng con số mà họ phân tích cũng chính là đối tượng mà các nhà phân tích kỹ thuật nghiên ngẫm. Các tờ báo tài chính đã viết về một tầng lớp nhà giao dịch mới có tên gọi là nhà giao dịch “xung lượng”. Những người này luân chuyển nguồn tiền ra khỏi những cổ phiếu hoặc nhóm cổ phiếu có xung lượng yếu và đổ tiền bạc vào những cổ phiếu có xung lượng mạnh. Họ sử dụng một kỹ thuật có tên gọi là phân tích hiệu quả cổ phiếu trong sự đối sánh với các cổ phiếu khác. Dĩ nhiên, chúng ta

thừa nhận cụm từ “xung lượng” và “hiệu quả cổ phiếu” như là những thuật ngữ phân tích kỹ thuật.

Ở đây có sự hiện diện của hoạt động nâng cao giá (upgrade) và đánh tụt giá (downgrade) cổ phiếu do các công ty môi giới thực hiện. Bạn có bao giờ chú ý đến những thay đổi về mặt cơ bản thường xuyên diễn ra vào ngay hôm sau của một cú phá vỡ hoặc rút giá quan trọng? Các nhà kinh tế học - những người không tự nhận mình là chuyên gia phân tích kỹ thuật - thường sử dụng đồ thị để đo lường chiều hướng của lạm phát, lãi suất, và tất cả các loại chỉ báo kinh tế. Và họ bàn về xu hướng của những đồ thị này. Đối với họ, ngay cả những công cụ cơ bản như tỷ suất giá/lợi nhuận đều có khía cạnh kỹ thuật của chúng. Khi đưa chúng vào biểu thức chính là bạn đang bước vào thế giới của phân tích kỹ thuật. Hoặc khi cho rằng cổ tức của thị trường chúng khoán quá thấp, có phải nhà phân tích chúng khoán có ý rằng giá đang quá cao? Đó chẳng phải ta đang cùng nói về vấn đề thị trường mua quá mức sao?

Cuối cùng, có những học giả đã tái phát minh phân tích kỹ thuật dưới tên gọi *Tài chính Hành vi (Behavioral Finance)*. Trong nhiều năm, các nhà học thuật tán đồng Thuyết Thị trường Hiệu quả (Efficient Market Hypothesis - Thuyết này cho rằng thị giá cổ phiếu luôn phản ánh đầy đủ các thông tin về giá trị.) nhằm chứng minh rằng phân tích kỹ thuật không hiệu quả.

CỤC DỰ TRỮ LIÊN BANG RỘT CUỘC CŨNG THÔNG QUA

Trong tháng 8 năm 1995, Ngân hàng Dự trữ Liên bang New York đã công bố một báo cáo nhân viên với tựa đề: “Mô hình đầu và vai: không phải là một mô hình dễ vỡ”. Báo cáo này có mục tiêu kiểm tra tính hiệu lực của mô hình đầu và vai trong giao dịch ngoại hối. (Ấn bản đầu tiên của cuốn sách này được trích dẫn như một trong những nguồn tài liệu đầu tiên về phân tích kỹ thuật). Câu mở đầu trong phần giới thiệu được thể hiện như sau:

Phân tích kỹ thuật - một hình thức dự đoán biến động giá dựa trên những vận động giá đã diễn ra - tạo ra những lợi nhuận đáng kể mang tính thống kê, bất chấp sự bất đồng với quan điểm thị trường hiệu quả của đa số các nhà kinh tế học." (Ngân hàng Dự trữ Liên bang New York, C.I. Osler và P.H. Kevin Chang, Báo cáo nhân viên, số 4, Tháng 8/1995).

Một báo cáo mới hơn được công bố vào mùa thu năm 1997 bởi Ngân hàng Dự trữ Liên bang St. Louis cũng giới thiệu về sự hữu dụng của phân tích kỹ thuật và những khả năng tương đối của thuyết thị trường hiệu quả. (Một lần nữa, *Phân tích Kỹ thuật Thị trường Tương lai (Technical Analysis of the Future Markets)* lại được trích dẫn như là nguồn thông tin chủ yếu về phân tích kỹ thuật.) Trong phần "Suy ngẫm lại về thuyết thị trường hiệu quả", tác giả viết:

Sự thành công của các nguyên tắc giao dịch kỹ thuật trong những phần trước là điển hình cho số lượng các nghiên cứu sau này cho thấy thuyết thị trường hiệu quả không thể mô tả cách thức hoạt động thực sự của thị trường ngoại hối. Mặc dù không khiến những người sử dụng lý thuyết này ngạc nhiên, các kết quả cũng thuyết phục được các nhà kinh tế kiểm nghiệm lại đặc tính của thị trường ... - điều có thể giải thích cho khả năng sinh lợi của phân tích kỹ thuật. (Neely).

TÓM LƯỢC

Nếu việc mô phỏng là hình thức tốt nhất của sự tôn lên vẻ đẹp thì phân tích kỹ thuật sẽ rất được tôn vinh. *Phân tích kỹ thuật* được thực hành dưới nhiều tên gọi khác nhau và những người thực hành nó đôi khi lại không nhận ra được rằng họ đang sử dụng công cụ hữu hiệu này. Tuy nhiên, trên thực tế nó vẫn đang được sử dụng. Phân tích kỹ thuật cũng càng ngày càng trở nên tiên bộ hơn. Ví dụ, phần giới thiệu về phân tích liên thị trường đã thay đổi sự tập trung từ sự phân tích "thị trường đơn lẻ" sang một quan điểm tương tác của các thị trường tài chính. Ý tưởng

về các thị trường toàn cầu được kết nối với nhau không còn được đem ra chất vấn nữa. Đó là lý do vì sao ngôn ngữ phân tích kỹ thuật đã trở nên đặc biệt hữu ích trong một thế giới nơi các thị trường tài chính trong và ngoài nước trở nên phụ thuộc lẫn nhau. Trong một thế giới nơi công nghệ thông tin và các phương tiện truyền thông hiện đại đòi hỏi sự phản hồi lập tức, thì khả năng đọc hiểu các tín hiệu của thị trường trở nên thiết yếu hơn bao giờ hết. Và việc đọc hiểu những tín hiệu thị trường chính là việc mà phân tích kỹ thuật đã và đang làm. Charles Dow giới thiệu phân tích kỹ thuật vào đầu thế kỷ 20. Và khi thế kỷ 20 trôi qua, hẳn Dow sẽ rất tự hào về những gì ông đã khởi động.



Phụ lục



PHỤ LỤC A

Các chỉ báo kỹ thuật nâng cao*

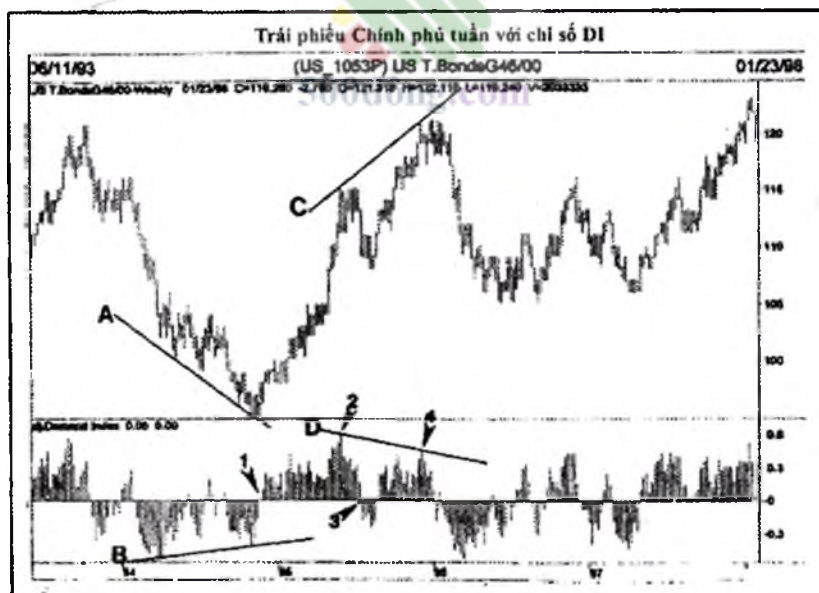
Phụ lục này giới thiệu đến các bạn những phương pháp kỹ thuật hiện đại hơn có thể được sử dụng riêng hoặc kết hợp với những nghiên cứu kỹ thuật khác. Cũng như mọi cách tiếp cận kỹ thuật khác, nhà đầu tư nên thường xuyên thực hiện việc kiểm tra độc lập và nghiên cứu trước khi thực sự đầu tư.

CHỈ SỐ NHU CẦU (DEMAND INDEX - DI)

Đa số các nhà kỹ thuật thị trường đồng ý rằng phân tích khối lượng giao dịch là một thành tố quan trọng trong việc xác định chiều hướng thị trường. *Chỉ số nhu cầu* (Demand Index - DI) là một trong những chỉ báo khối lượng giao dịch sớm được James Sibbett phát triển trong những năm 70. Công thức tính toán khá phức tạp (Xem cuối phần phụ lục này). Chỉ số nhu cầu là hệ số áp lực mua trên áp lực bán. Khi áp lực mua lớn hơn áp lực bán, đường DI ở trên đường số 0 tức thị trường dương. Áp lực bán lớn hơn nghĩa là đường DI ở bên dưới đường số 0 cho thấy giá sẽ giảm. Đa số các nhà giao dịch cũng chờ đợi sự phân kỳ giữa đường DI và đường giá.

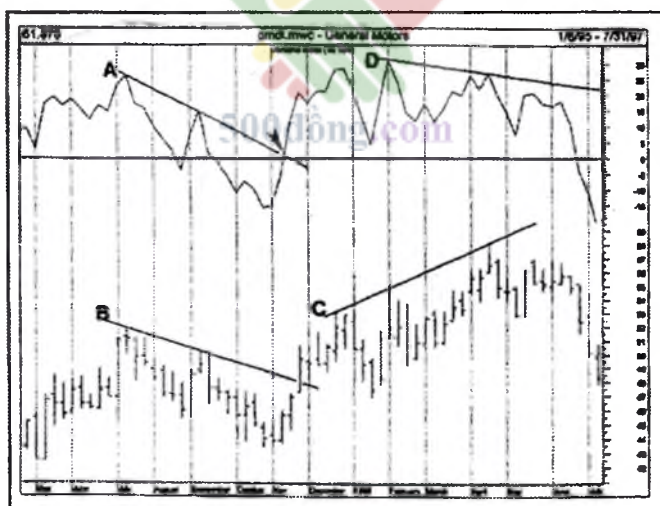
*Phụ lục này do Thomas E. Aspray cung cấp.

Hình A.1 là đồ thị hàng tuần Trái phiếu Chính phủ từ đầu năm 1994 đến cuối năm 1997. Từ tháng 4 năm tháng 11 năm 1994, đường DI hầu như nằm dưới đường số 0 khi trái phiếu giảm từ 104 xuống 96. Trong khi giá đạt những ngưỡng thấp mới (đường A), đường DI tạo những mức thấp cao hơn (đường B). Đây là một tín hiệu tích cực điển hình, hay là sự phân kỳ dương cho thấy giá trái phiếu đang chạm đáy. Sự phân kỳ được xác nhận khi đường DI dịch chuyển lên trên đường số 0 tại điểm 1. Đường DI chạm mức cao nhất sau đợt hồi phục vào cuối tháng 5 năm 1995 tại điểm 2, rồi sau đó rơi xuống trong 6 tuần tiếp theo trước khi giao xuống dưới đường số 0 tại điểm 3. Tình hình vẫn tiêu cực trong 5 tuần trước khi lại chuyển hướng tích cực. Trong đợt phục hồi tiếp theo, đường DI hình thành một ngưỡng cao thấp hơn vào cuối tháng 11 tại điểm 4. Trong khi đường DI đang thấp dần (đường D), hợp đồng trái phiếu gần như tăng 6 điểm (đường C). Sự phân kỳ dương và âm cảnh báo một đỉnh giá.



Hình A.1 Chỉ số nhu cầu (DI) kết hợp giá và khối lượng giao dịch được thể hiện dưới dạng đồ thị tần suất. Giá trị ở trên ngưỡng 0 là dương, dưới số 0 là âm. Lưu ý đến sự phân kỳ dương vào cuối năm 1994 và sự phân kỳ âm cuối năm 1995. (Courtesy MetaStock Equis International).

Chỉ báo này cũng được sử dụng cho chứng khoán. Đồ thị hàng tuần của General Motor (hình A.2) thể hiện đường DI được dựng theo dạng đường chứ không phải đồ thị tần suất. Nó khiến các đường xu hướng được vẽ dễ dàng hơn trên chỉ số. Bản thân tôi nhận thấy việc phân tích đường xu hướng cực kỳ có giá trị. Đường xu hướng của chỉ báo thường bị phá vỡ trước đường xu hướng giá. Trường hợp này từng diễn ra vào cuối năm 1995 khi đường xu hướng giảm của đường DI (đường A) bị phá vỡ trước sự phá vỡ đường xu hướng giá một tuần (đường B). Như trên đồ thị cho thấy, nếu việc mua vào sớm một tuần có thể giúp cải thiện đáng kể mức giá gia nhập. Đường DI cũng cảnh báo một ngưỡng giá cao vào giữa tháng 4 năm 1996. Trong khi GM hình thành thành ngưỡng cao mới (đường C) thì các ngưỡng cao của đường DI thấp dần (đường D). Tín hiệu cảnh báo xuất hiện trước đợt giảm giá quan trọng trong tháng 6 và tháng 7.



Hình A.2 Chỉ số nhu cầu (đường kẻ liền) so với đồ thị hàng tuần của GM. Đường xu hướng của đường DI bị phá vỡ trước đường xu hướng của đồ thị giá. Lưu ý đến sự phân kỳ âm (giảm giá) vào tháng 4 năm 1996. (Cung cấp bởi MetaStock, Equis International.)

CHỈ SỐ PAYOFF HERRICK (HPI)

Chỉ báo này được xây dựng bởi John Herrick và được sử dụng để phân tích các hợp đồng hàng hóa tương lai thông qua sự thay đổi của số lượng hợp đồng chưa tất toán. Như đã được thảo luận trong Chương 7, sự thay đổi của số lượng hợp đồng chưa tất toán tạo ra manh mối cho các nhà giao dịch trong việc nhận biết được xu hướng thị trường có bền vững hay không

Chỉ số Payoff Herrick sử dụng giá, khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán để xác định dòng tiền ra hay vào của một loại hàng hóa nào đó. Nó giúp nhà giao dịch nhận biết sự phân kỳ giữa giá và số lượng hợp đồng chưa tất toán. Điều này rất quan trọng vì tâm lý mua hoặc bán thường được xác định bằng việc phân tích số lượng hợp đồng chưa tất toán trong chỉ số Payoff của Herrick.

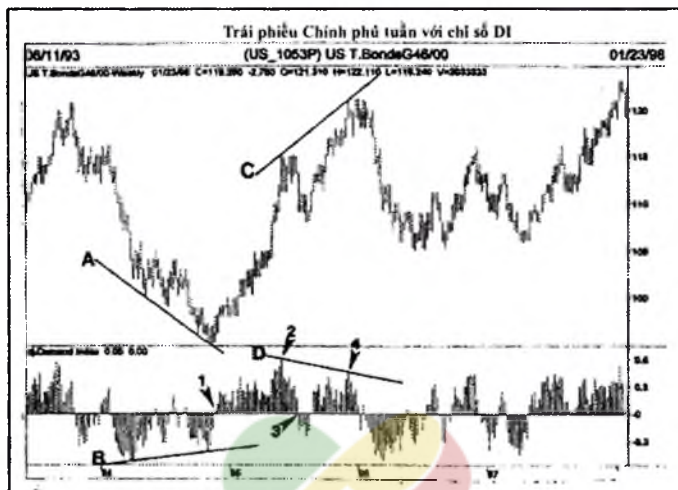


Hình A.3 Chỉ số Payoff Herrick (HPI) thể hiện dưới dạng đồ thị tần suất với giá cà phê. HPI sử dụng giá, khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán trong các tính toán của mình đồng thời được sử dụng cho thị trường tương lai. Việc giao nhau lên trên đường số 0 là tín hiệu mua (B), giao xuống dưới là tín hiệu bán (S).

Sự diễn giải cơ bản nhất về chỉ số HPI là liệu ở chỗ nó nằm trên hay dưới đường số 0. Giá trị dương có nghĩa là HPI thể hiện giá tăng và số lượng hợp đồng chưa tất toán tăng cùng với giá. Ngược lại, giá trị âm cho thấy tiền đang chảy ra khỏi loại hàng hóa được phân tích.

Một trong những thị trường hàng hóa có tính dao động lớn hơn là cà phê được dựng trên hình A.3. Trong tháng 3 và tháng 4 năm 1997, HPI 4 lần cắt đường số 0 trong đó tín hiệu dương cuối cùng là vào đầu tháng 4 (B) cho đến đầu tháng 6. HPI rơi xuống đường số 0 vào tháng 6, và mặc dù giá giảm thấp hơn các ngưỡng cao, cà phê vẫn giảm 70 xu. Một lần nữa, HPI chuyển hướng dương vào cuối tháng 7 tiến sát các ngưỡng thấp. Trong hai tháng tiếp theo có hai tín hiệu ngắn hạn và sau đó là một tín hiệu bán dài hạn khác. Đây là đặc điểm của HPI được sử dụng trong đồ thị hàng ngày khi nó cắt lên trên và xuống dưới đường số 0 một vài lần trước khi xuất hiện tín hiệu mua hoặc bán dài hạn cuối cùng.

Cũng giống như chỉ số Nhu cầu, HPI chỉ hiệu quả nhất khi được sử dụng trong dữ liệu hàng tuần bởi có ít tín hiệu sai hơn. Phân tích sự phân kỳ cũng có thể được sử dụng để cảnh báo nhà giao dịch về sự thay đổi dòng tiền từ dương sang âm. Có những ví dụ rõ ràng về đồ thị tương lai Trái phiếu Chính phủ (hình A.4) trong quãng thời gian khoảng 6 năm. HPI vẫn dương từ cuối năm 1992 cho đến cuối 1993. HPI đạt đỉnh đầu năm 1993, và khi trái phiếu tăng gần 10 điểm (đường A), HPI hình thành một ngưỡng cao mới thấp hơn (đường B). Sự phân kỳ âm cảnh báo các nhà giao dịch trái phiếu về sự rút giá trong năm 1994. HPI dao động quanh đường số 0 cuối tháng 10 năm 1993, nhưng nhích nhẹ lên phần dương vào đầu năm 1994 trước khi đổ xuống dưới đường số 0. HPI chạm mức thấp nhất nửa đầu năm 1994 và chạm đáy trước giá. Khi giá tạo nên những ngưỡng thấp thấp hơn (đường C), HPI đang tạo nên những ngưỡng thấp tăng dần và sự phân kỳ dương (đường D). HPI quay đầu vào vùng dương tháng 12 năm 1994 khi trái phiếu tiến gần những ngưỡng thấp. Sự phân kỳ âm xuất hiện cuối năm 1995 (đường F), sau khi chứng khoán hồi phục 25 điểm từ ngưỡng thấp cuối năm 1994. Đường số 0 bị cắt vài lần trong năm 1996 và đầu năm 1997 trước khi



Hình A.4 Mô hình tuần của chỉ số Herrick Payoff với Trái phiếu Chính phủ. Lưu ý sự phân kỳ giảm giá vào năm 1993 và 1995, cũng như sự phân kỳ tăng giá vào năm 1994

HPI dịch chuyển chắc chắn vào khu vực dương. Hai ví dụ này cho thấy lý do tại sao HPI và việc phân tích số lượng hợp đồng chưa tất toán lại giúp ích cho phân tích chiều hướng thị trường hàng hóa.

ĐẢI STARC VÀ KÊNH GIÁ KELTNER

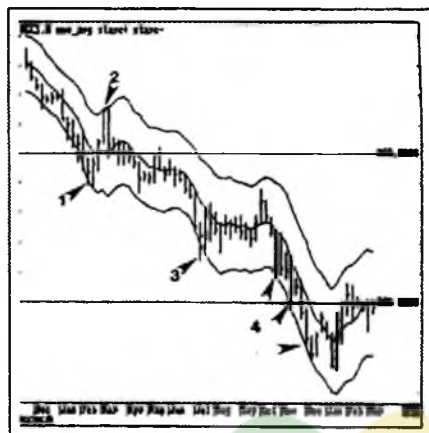
Như đã thảo luận trong Chương 9, kỹ thuật dải băng đã được sử dụng trong nhiều năm. Hai dạng mà tôi thích nhất được dựa trên cơ sở chỉ số đo lường mức độ biến động của giá (Average True Range). Bất chấp hệ số phổ biến này, hai dạng dải băng này vẫn được sử dụng theo nhiều cách. Average True Range là bình quân biên độ giá chính xác trong khoảng thời gian x. Biên độ chính xác (True Range) là khoảng cách lớn nhất từ ngưỡng cao nhất đến ngưỡng thấp nhất hôm nay, giá đóng cửa hôm qua đến ngưỡng cao nhất hôm nay, hay giá đóng cửa hôm qua đến ngưỡng thấp nhất hôm nay. Hãy đọc cuốn *Khái niệm mới về hệ thống*

giao dịch kỹ thuật (New Concepts in Technical Trading Systems) của Welles Wilder.

Manning Stoller, một chuyên gia kinh doanh hàng hóa nổi tiếng, đã phát triển kênh giá biên độ trung bình Stoller hay *dải băng Starc*. Theo công thức của ông, biên độ chính xác trung bình 15 giai đoạn được nhân đôi cộng vào đường trung bình di động 6 giai đoạn hoặc lấy đường trung bình di động 6 giai đoạn trừ đi kết quả. Đường băng trên là *starc+*; đường dưới là *starc-*. Sự biến động ra ngoài phạm vi các dải băng này là không phổ biến và cho thấy một tình huống đặc biệt. Theo cách này, chúng được sử dụng như bộ lọc giao dịch. Khi giá tiến gần hoặc ở trên đường băng *starc+*, đây là thời điểm rủi ro cao để mua vào và thời điểm rủi ro thấp để bán ra. Ngược lại, nếu giá ở trên hoặc dưới đường băng *starc-*, đó là vùng bán rủi ro cao và điểm thích hợp để mua vào.

Đồ thị tiếp diễn hàng tuần giá vàng tương lai (hình A.5) được vẽ với cả hai đường băng *starc+* và *starc-*. Mặc dù động thái giá yếu, đường băng *starc* chỉ ra rằng đây không phải là lúc thích hợp để bán. Bằng việc chờ đợi, có vẻ như một cơ hội bán tốt hơn sẽ diễn ra. Chỉ ba tuần sau, vàng tăng \$22 ở đường băng *starc+* (điểm 1). Điểm 2 là điểm bán rủi ro thấp. Vào tháng 7 (điểm 3), giá vàng giảm nhiều xuống dưới đường băng *starc*, nhưng thay vì giảm sâu hơn, giá lại dịch chuyển đi ngang trong 12 tuần kế tiếp. Giá vàng sau đó lại bắt đầu giảm từ tháng 11 đến tháng 12 năm 1997 và chạm đường băng *starc-* ba lần (điểm 4). Trong tất cả các ví dụ, giá luôn luôn ổn định hoặc tăng trong 1-2 tuần. Những đường băng này hoạt động hiệu quả trong tất cả các khung thời gian cho dù ngắn chỉ 5 đến 10 phút. Dải băng *Starc* có thể giúp nhà giao dịch tránh việc chạy theo thị trường kết quả là gia nhập ở mức giá không tốt.

Kênh giá Keltner ban đầu được phát triển bởi Chester Keltner trong cuốn sách của ông xuất bản năm 1960 có tựa đề *Làm thế nào để kiếm tiền trong thị trường hàng hóa (How to Make Money in Commodities)*.



Giá vàng hàng tuần với dải băng Starc

Đường biên trên = starc+

Đường giữa = đường trung bình 6 tuần

Đường biên dưới = starc-

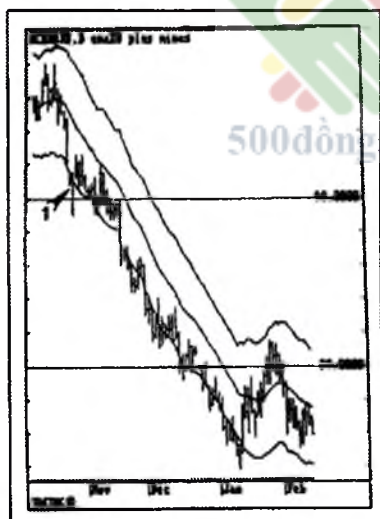
Hình A.5 Dải băng Starc dựng quanh đường trung bình di động hàng tuần giá vàng trong 6 tuần. Điểm 1 và 3 thể hiện giá bật lại sau khi rơi xuống dưới đường băng bên dưới. Điểm 2 thể hiện giá rơi xuống sau khi tăng lên trên đường băng bên trên.

Linda Raschke, một nhà giao dịch hàng hóa thành công đã giới thiệu lại cho các nhà phân tích kỹ thuật. Trong việc tùy biến của Linda Raschke, các dải băng cũng được dựa trên cơ sở chỉ số đo lường mức độ biến động của giá (Average True Range - ATR), nhưng ATR được tính trên 10 giai đoạn. Giá trị ATR được nhân đôi và cộng vào đường trung bình di động số mũ 20 giai đoạn cho đường băng trên và lấy đường trung bình di động số mũ 20 giai đoạn trừ cho giá trị đó để có đường băng dưới.

Cách sử dụng kênh giá Keltner rất khác với dải băng starc. Khi giá tiến đến bên trên đường băng trên, tín hiệu sẽ là dương vì nó chỉ ra sự phá vỡ trong biến động đi lên. Ngược lại, khi giá rớt xuống dưới đường băng bên dưới, tín hiệu sẽ là âm và cho biết giá sẽ giảm. Trong nhiều khía cạnh, đây chỉ là sự thể hiện bằng đồ họa của hệ thống phá vỡ kênh giá 4 tuần được thảo luận trong Chương 9.

Hình A-6 là đồ thị hàng ngày hợp đồng đồng tương lai tháng 3 năm 1998. Giá đóng cửa bên dưới đường băng dưới vào cuối tháng 10 năm 1997 tại điểm 1. Nó chỉ ra rằng giá có thể bắt đầu một xu hướng giảm mới và giá đồng giảm 16 xu trong hai tháng kế tiếp.

Có nhiều điểm nằm dưới đường băng dưới trong thời gian trên. Cho đến khi giá đóng cửa bên trên đường biên trên, tín hiệu âm vẫn có hiệu lực. Đồ thị thứ hai là giá cà phê tháng 3 năm 1998 (hình A.7) và giải thích một tín hiệu mua dương tại điểm 1. Sau hai lần đóng cửa trên đường biên trên, giá sẽ giảm xuống đường EMA 20 chu kỳ. Trong một thị trường tăng giá, đường EMA 20 chu kỳ hoạt động như một đường hỗ trợ. Một vài ngày sau khi đường EMA cắt đường giá (tại điểm 2) thì giá cà phê bắt đầu tăng mạnh 30 xu trong vài tuần.



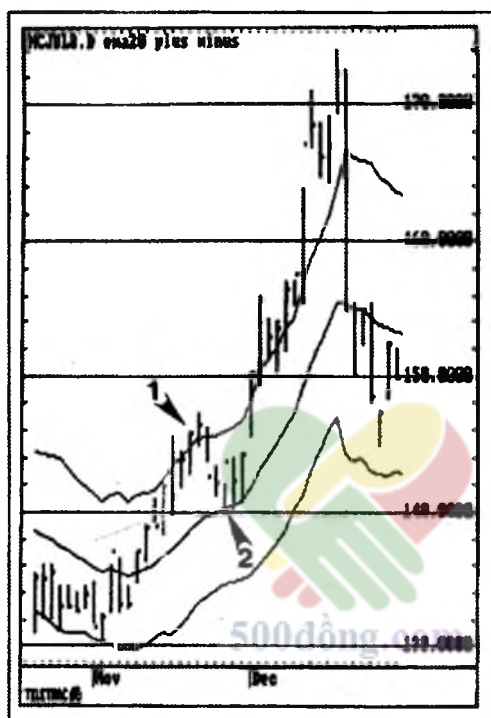
Giá đồng hàng ngày với kênh xu hướng Keltner

Đường biên trên = đường biên kênh dương

Đường giữa = đường trung bình số mũ 20 ngày

Đường biên dưới = đường biên kênh âm

Hình A.6 Kênh giá Keltner được dựng xung quanh đường trung bình di động làm mượt theo số mũ 20 ngày của giá đồng hàng ngày. Với chỉ báo này, những vận động xuống dưới đường biên dưới (như điểm 1) là tín hiệu suy yếu.



Đồ thị cà phê hàng ngày với dải Keltner

Hình A.7 Kênh giá Keltner trên đồ thị cà phê hàng ngày. Điểm 1 thể hiện giá phá vỡ đường biên xu hướng trên là một tín hiệu thị trường mạnh mẽ. Lưu ý rằng sau một tín hiệu mua, giá tìm thấy ngưỡng hỗ trợ tại đường trung bình di động số mũ (đường ở giữa) tại điểm 2.

Cả hai kỹ thuật này đều đem lại một cách tiếp cận thay thế các đường bao vây tỷ lệ phần trăm hoặc dải băng lệch chuẩn (đường băng Bollinger). Không có kỹ thuật nào được khuyến khích sử dụng độc lập nhưng có thể được xem như những công cụ giao dịch.

CÔNG THỨC CHỈ SỐ NHU CẦU

Chỉ số nhu cầu (DI) tính toán hai giá trị, áp lực mua (Buying Pressure - BP) và áp lực bán (Selling Pressure - SP), và lấy tỉ suất của HOC CHUNG KHOAN tại: www.500dong.com / facebook.com/Ngo500dong

cả hai. DI bằng BP/SP. Trong công thức này có một số biến thể và đây là một dạng:

Nếu giá tăng:

$BP = V$ hoặc khối lượng giao dịch

$SP = V/P$ trong đó P là sự thay đổi % giá

Nếu giá giảm:

$BP = V/P$ trong đó P là sự thay đổi % giá

$SP = V$ hoặc khối lượng giao dịch

Vì P là một số thập phân (<1) nên P được điều chỉnh bằng cách nhân với số K không đổi.

$$P = P(K)$$

$$K = (3 \times C) / VA$$

Trong đó, C là giá đóng cửa và VA (biên quân dao động) là đường trung bình 10 ngày của biên độ giá 2 ngày (ngưỡng cao cao nhất - ngưỡng thấp thấp nhất).

Nếu $BP > SP$ thì $DI = SP/BP$

Chỉ số nhu cầu có sẵn trong danh sách đồ thị của Megastock.

PHỤ LỤC B

Kỹ thuật phân tích thị trường (Market profile)*

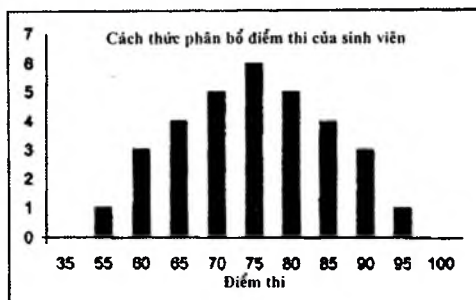
GIỚI THIỆU

Mục đích của phần này là giải thích thế nào là Kỹ thuật phân tích thị trường và xác định những nguyên tắc cơ bản của nó. Trước giai đoạn 1980, công cụ kỹ thuật duy nhất là đồ thị thanh và đồ thị điểm và hình. Sau đó, Kỹ thuật phân tích thị trường được giới thiệu để mở rộng thêm danh sách các công cụ kỹ thuật. Về cơ bản, Kỹ thuật phân tích thị trường là cách tiếp cận mang tính thống kê áp dụng cho việc phân tích dữ liệu giá.¹ Với những người không có kiến thức cơ bản về thống kê học thì một ví dụ quen thuộc sẽ giúp ích hơn. Hãy xem ví dụ về một nhóm sinh viên. Một số có điểm rất cao (90 điểm hoặc cao hơn), số khác có điểm rất thấp (60 điểm hoặc thấp hơn), số còn lại là điểm trung

*Phụ lục này do Dennis C. Hynes soạn thảo.

¹Kỹ thuật phân tích thị trường là thuật ngữ được đăng ký thương hiệu bởi sàn giao dịch Chicago (CBOT), sau đây được sử dụng như là thuật ngữ Kỹ thuật phân tích thị trường. Khái niệm này được J. Peter Steidlmayer, người từng có kinh nghiệm làm việc tại CBOT, phát triển. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với CBOT hoặc đọc cuốn sách cuối cùng của Steidlmayer: 141 WEST JACKSON - 1996

²Ban đầu được sử dụng cho giá hàng hóa tương lai, dạng này có thể được sử dụng cho bất kỳ loại dữ liệu giá nào có hoạt động giao dịch liên tục.

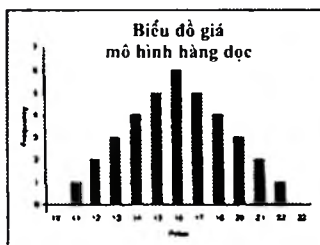


Hình B.1

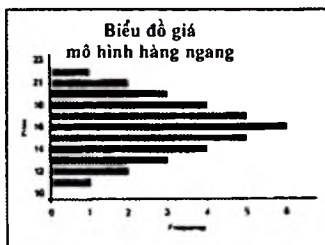
binh (75 điểm). Ở đây, đồ thị *tần suất* được sử dụng để mô tả sự *phân bố thường xuyên* những kết quả kiểm tra này bằng một bức tranh có tính thống kê. (Xem hình B.1).

Có thể thấy rằng mức điểm phổ biến nhất hay điểm có tần số tối đa là 75 (có 6 sinh viên) trong khi *phạm vi* điểm là từ thấp nhất đến cao nhất (55 đến 95). Hãy lưu ý *cách* phân bố theo tam giác đối xứng quanh điểm có tần số tối đa như trên. Đối với sự phân phối đối xứng hoàn hảo, điểm có tần số tối đa sẽ bằng điểm *bình quân*. Tiếp theo, sự phân phối theo "hình chuông" là tín hiệu của sự phân phối chuẩn. Đối với sự phân phối chuẩn hoàn hảo thì khoảng cách của một độ lệch chuẩn tương quan với số lượng cụ thể của các quan sát. Ví dụ, nếu điểm kiểm tra được phân phối hoàn hảo theo cách thông thường thì 68,3% số điểm này sẽ rơi vào trong phạm vi một độ lệch chuẩn. Mặc dù dữ liệu thực tế có vẻ như không cấu thành phân phối *chuẩn* hoàn hảo, nhưng thông thường, những mối quan hệ này vẫn có thể được sử dụng.

Cũng như những yếu tố đo lường tự nhiên khác (ví dụ, điểm kiểm tra tại trường học, mức dân số, v.v...), giá *phân phối* xung quanh một mức giá trung bình. Vậy đồ thị của Kỹ thuật phân tích thị trường là gì? Hãy nhìn nhận nó như một sự phân phối giá đơn giản và thường xuyên và được hiển thị như là đồ thị *tần suất* giá xoay mặt (Xem hình B.2a và B.2b).

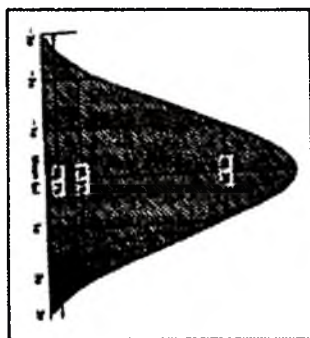


Hình B.2a Dạng truyền thống



Hình B.2b Được xoay mặt

Yếu tố quan trọng nhất của đồ thị Kỹ thuật phân tích thị trường là đường cong chuẩn hình chuông được sử dụng trong việc thể hiện sự phân phối giá. Một khi đường cong giá được thừa nhận thì giá có tần suất tối đa hoặc giá trung bình có thể được nhận diện, và sự phân tán giá độ lệch chuẩn) có thể được tính toán và các báo cáo xác suất có thể được thực hiện trong mối liên quan đến việc phân phối giá. Ví dụ, gần như toàn bộ giá trị giảm trong vòng 3 độ lệch chuẩn so với điểm trung bình, mặc dù 70% (chính xác là 68,3%) giảm trong vòng một độ lệch chuẩn so với đường trung bình (Xem hình B.3).



Hình B.1 Đồ thị Kỹ thuật phân tích thị trường thể hiện hoạt động thị trường được phân phối chuẩn đều đặn.

Kỹ thuật phân tích thị trường cho ta một bức tranh về diễn biến trong thời điểm hiện tại trên thị trường. Để cải tiến hoạt động giao dịch, thị trường ở trong tình trạng cân bằng hoặc hướng về phía trước. Xu hướng tự nhiên của Kỹ thuật phân tích thị trường là hướng về dạng đối xứng, nói một cách đơn giản là mức độ cân bằng (điểm cân bằng) hoặc sự mất cân bằng tồn tại giữa người mua và người bán. Khi thị trường năng động, đồ thị miêu tả điểm cân bằng là khoảng thời gian thị trường

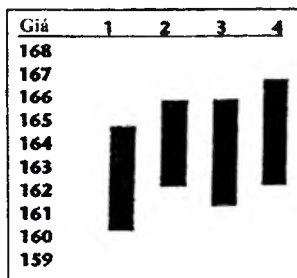
thăng bằng - khi phân bố giá là hình đối xứng, và thể hiện sự mất cân bằng khi giá không được phân bố lệch đi.

Kỹ thuật phân tích thị trường không phải là hệ thống giao dịch và cũng chẳng tạo ra những khuyến nghị giao dịch. Mục tiêu của đồ thị là giúp người sử dụng chứng kiến sự tiến triển trong giá trị của thị trường đối với sự lặp lại của giá theo thời gian. *Kỹ thuật phân tích thị trường* là công cụ *hỗ trợ quyết định* đòi hỏi người sử dụng phải luyện tập cách đưa ra đánh giá cá nhân trong quá trình giao dịch.

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG

Kỹ thuật phân tích thị trường thể hiện giá và thời gian theo một cách trực quan những gì diễn ra trong một phiên giao dịch đơn lẻ. Nó tạo ra một cấu trúc hợp lý cho việc quan sát hành vi thị trường ở thị hiện tại qua sự phân phối giá qua chu kỳ thời gian. Biên độ giá nở rộng theo cả chiều ngang và dọc trong suốt phiên. Vậy đồ thị kỹ thuật phân tích thị trường được dựng như thế nào?

Hãy xem xét một đồ thị thanh 4 giai đoạn (Xem hình B.3a). Dạng đồ thị thanh truyền thống này được chuyển sang đồ thị đặc trưng như sau: (1) ấn định một chữ cái cho mỗi giá trong biên độ giá của một giai đoạn, chữ A cho giai đoạn thứ nhất, B cho giai đoạn thứ hai, và tiếp tục như vậy (xem hình B.3b) và sau đó (2) số mỗi biên độ giá theo cột bên



Hình B.3a

Giá	1	2	3	4
168				
167				D
166		B	C	D
165	A	B	C	D
164	A	B	C	D
163	A	B	C	D
162	A			
161	A			
160				
159				

Hình B.3b

trái hay cột đầu tiên (xem hình B.3c). Đồ thị kỹ thuật phân tích thị trường được hoàn tất sẽ phản ánh giá ở bên trái và tần suất chu kỳ của sự xuất hiện giá ở bên phải, được thể hiện bằng chữ cái A đến D.

Giá				
168				
167	D			
166	B	C	D	
165	A	B	C	D
164	A	B	C	D
163	A	B	C	D
162	A	C		
161	A			
160				
159				

Hình B.3c

Mỗi chữ cái thể hiện một mối quan hệ giữa giá và thời

gian (Time Price Opportunity - TPO) để nhận biết một mức giá cụ thể mà tại đó thị trường giao dịch trong một chu kỳ thời gian cụ thể (ví dụ, trong khoảng thời gian B, giá giao dịch từ 163 đến 166). Những mối quan hệ giữa giá và thời gian này là đơn vị cơ bản để phân tích hoạt động giao dịch của ngày đó. Nói cách khác, mỗi mối quan hệ giữa giá và thời gian là một cơ hội được thị trường tạo ra tại một thời gian nào đó với một mức giá nào đó. Sự phân phối kỹ thuật phân tích thị trường được thiết kế từ các mối quan hệ giữa giá và thời gian. Sàn giao dịch Chicago (CBOT) ấn định một chữ cái cho mỗi nửa giờ giao dịch trong khung thời gian 24 giờ, các chữ cái in hoa từ A đến X đại diện cho mỗi nửa giờ từ giữa đêm cho đến trưa trong khi chữ cái thường là từ a đến x đại diện cho mỗi nửa giờ từ trưa đến nửa đêm.

CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG

Nếu đến sàn giao dịch trong một ngày sôi động, bạn sẽ nhận thấy cái được gọi là "sự hỗn loạn có kiểm soát". Đằng sau tiếng la hét và hươu chân múa tay của những nhà giao dịch tự do địa phương và các nhà

¹Các sàn giao dịch riêng lẻ khác nhau sử dụng chữ cái khác nhau. Ví dụ, CQG ấn định chữ cái in hoa từ A đến Z cho khoảng thời gian từ 8:00 sáng CST trong khi chữ cái thường từ a đến z được áp dụng cho khoảng thời gian từ 10:00 tối CST.

giao dịch khác vẫn hiện diện một quy trình. Hãy hình dung thị trường là nơi mà những người tham gia với những nhu cầu giá khác nhau cùng sự thúc ép về thời gian đang cạnh tranh để có thể thực hiện được công việc kinh doanh của bản thân. Cảm xúc có thể tăng cao khi sự lo lắng tăng đột biến.

Khái niệm Kỹ thuật phân tích thị trường được Steidlmayer giới thiệu trong nỗ lực giúp mô tả quá trình này. Là một nhà giao dịch trên sàn Chicago (CBOT) đồng thời là nhà nghiên cứu hành vi thị trường, ông quan sát những mô hình lặp đi lặp lại của hoạt động thị trường và cuối cùng lấy đó làm nền tảng cho những kiến thức về thị trường. Kể từ khi sàn giao dịch chứng khoán Chicago (CBOT) kiểm soát thị trường theo hướng đầu giá, ông đã định nghĩa các nguyên lý của Kỹ thuật phân tích thị trường theo thuật ngữ đầu giá.

Để giải thích vì sao quy trình đầu giá trên sàn giao dịch có hiệu quả, ông phát minh ra những thuật ngữ mới lạ lẫn lộn với nhà giao dịch ngoài sàn. Ông bắt đầu bằng việc định nghĩa mục tiêu của một thị trường - thứ giúp các nhà đầu tư giao dịch thuận tiện. Kế tiếp, ông định nghĩa một số thủ tục hoạt động, cụ thể là thị trường hoạt động trong một chế độ đầu giá kép khi giá luân chuyển quanh khu vực giá hợp lý hoặc giá bình quân (nghĩa là tương tự như cách phân phối điểm tại trường học). Cuối cùng, ông định nghĩa đặc điểm hành vi của những người tham gia thị trường, cụ thể là những người giao dịch ngắn hạn muốn tìm kiếm mức giá hợp lý, trong khi những nhà giao dịch dài hạn lại tìm kiếm mức giá cao.

CÁC NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC KỸ THUẬT PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG

Cài đặt chế độ đầu giá: Mục tiêu của thị trường là tạo điều kiện và phát triển các giao dịch. Tất cả các hoạt động thị trường đều diễn ra theo chế độ đầu giá này. Ban đầu, khi giá tăng, nhiều hoạt động mua hơn sẽ xuất hiện và khi giá giảm thì hoạt động bán sẽ nhiều hơn. Thị trường sẽ chuyển dịch theo chiều hướng tăng để chốt hoạt động mua



Hình B.4

(nghĩa là đầu giá theo xu hướng tăng lên cho đến lúc người mua cuối cùng mua vào) và dịch chuyển theo chiều hướng giảm để *chốt* hoạt động bán (nghĩa là đầu giá theo chiều hướng giảm cho đến khi người bán cuối cùng bán ra.) Khi giá dịch chuyển theo chiều hướng tăng và xuất hiện nhiều hoạt động mua, sự dịch chuyển này sẽ kêu gọi các phản ứng ngược chiều (nghĩa là bán) để ngừng chiều hướng dịch chuyển. Khi giá dịch chuyển theo chiều hướng giảm thì quy trình diễn ra ngược lại.

Đàm phán liên tục: Khi dịch chuyển theo hướng, một thị trường sẽ thiết lập nên các thông số giá, một *ngưỡng cao không hợp lý* và một *ngưỡng thấp không hợp lý*, rồi sau đó giao dịch giữa hai điểm đó để thiết lập *vùng giá hợp lý*. Tất

cả các giao dịch diễn ra trong *quy trình đàm phán* này và duy trì trong phạm vi các thông số trên cho đến khi một bên hoặc bên kia bị tách ra (nghĩa là khi ngưỡng cao mới hoặc thấp mới hình thành). (Xem hình B.4).

Cân bằng và mất cân bằng thị trường: Thị trường có thể ở điểm cân bằng hoặc vận hành theo hướng cân bằng giữa áp lực mua và bán. Để tạo điều kiện thuận lợi cho giao dịch, thị trường dịch chuyển từ vùng

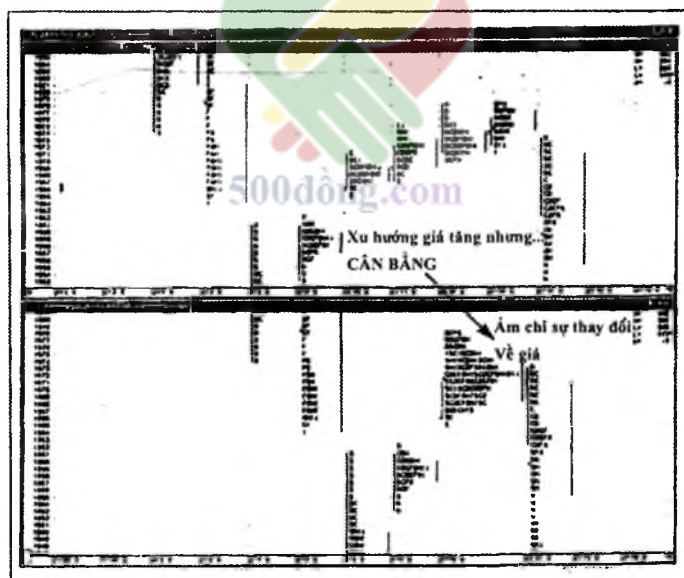
cân bằng đến một trong những điểm *mất cân bằng* rồi quay lại vùng cân bằng. Mô hình hành vi thị trường này xuất hiện trong mọi khung thời gian, từ hoạt động của phiên trong ngày đến phiên đơn lẻ rồi đến các phiên kết hợp hoạt động đầu giá dài hạn.

Khung thời gian và hành vi nhà giao dịch: Khái niệm về các khung thời gian khác nhau được trình bày để giải thích những mô hình hành vi của người tham gia thị trường. Hoạt động thị trường được chia thành hai giai đoạn, ngắn hạn và dài hạn. Hoạt động ngắn hạn là hoạt động *trong khung thời gian ngày* khi nhà giao dịch bị buộc phải thực hiện giao dịch trong hôm nay (ví dụ, nhà giao dịch tài khoản riêng, các nhà giao dịch theo ngày và giao dịch quyền chọn đến hạn). Trong khoảng thời gian bị giới hạn này, nhà giao dịch ngắn hạn tìm kiếm một mức giá *hợp lý*. Người mua và người bán ngắn hạn *thực hiện* giao dịch qua lại cùng một thời gian và cùng một mức giá. Hoạt động dài hạn là những *khung thời gian khác* (ví dụ, những nhà thương mại, nhà giao dịch dao động, và những nhà giao dịch vị thế khác rơi vào nhóm này). Không bị buộc phải giao dịch ngay trong ngày và có thời gian là bạn đồng hành, những nhà giao dịch này có thể tìm kiếm mức giá *cao* hơn. Trong quá trình theo đuổi lợi nhuận, những người mua dài hạn tìm kiếm giá thấp hơn và người bán dài hạn lại mong chờ giá cao hơn. Do sự khác nhau về mục tiêu giá, người mua và bán dài hạn nói chung không giao dịch với nhau tại cùng một thời điểm và mức giá. Sự tương tác hành vi giữa hai dạng hoạt động có khung thời gian khác nhau này khiến kỹ thuật phân tích thị trường phát triển.

Nhà giao dịch ngắn hạn và nhà giao dịch dài hạn có vai trò khác nhau: Nhà giao dịch ngắn hạn và dài hạn đều đóng vai trò chủ chốt nhưng không giống nhau nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao dịch. Sự cân bằng ban đầu của một thị trường (nghĩa là nơi giao dịch từ hai phía có thể diễn ra) luôn luôn được thiết lập trong giờ đầu tiên của giao dịch từ người mua và người bán ngắn hạn (hoạt động theo khung thời gian ngày) để tìm kiếm một mức giá hợp lý. Đa số các hoạt động theo ngày diễn ra ở vùng giá hợp lý hay giá trung bình. Giá cao

hơn hoặc thấp hơn vùng giá hợp lý này đem lại cơ hội thuận lợi cho nhà giao dịch dài hạn. Với lợi thế thời gian, nhà giao dịch dài hạn có thể đồng ý hoặc từ chối giá ở vùng hợp lý. Bằng việc gia nhập thị trường với khối lượng giao dịch đủ lớn, người mua và bán dài hạn có thể phá vỡ trạng thái *cân bằng ban đầu*, nơi rộng biên độ giá cao hơn hoặc thấp hơn. Nhà giao dịch dài hạn chịu trách nhiệm cho biên độ nổi dài đó và khoảng thời gian đầu giá dài hạn. Nói cách khác, vai trò của nhà giao dịch dài hạn là dịch chuyển thị trường theo hướng xác định.

Giá và giá trị: Sự chênh lệch giữa giá và giá trị xác định một cơ hội thị trường. Có hai loại giá: 1) loại giá được chấp nhận - được định nghĩa như một khu vực giá, nơi thị trường luôn trong trạng thái giao dịch và 2) loại giá bị từ chối - được định nghĩa như một khu vực giá, nơi các



Hình B.5 Bảng việc kết hợp các đồ thị kỹ thuật phân tích thị trường hàng ngày liên tục (ở trên) thành một đồ thị kỹ thuật phân tích thị trường tích lũy lớn hơn (bên dưới), một bức tranh về sự cân bằng hoặc mất cân bằng dài hạn sẽ hiện ra. (Xem giải thích ở trang 489).

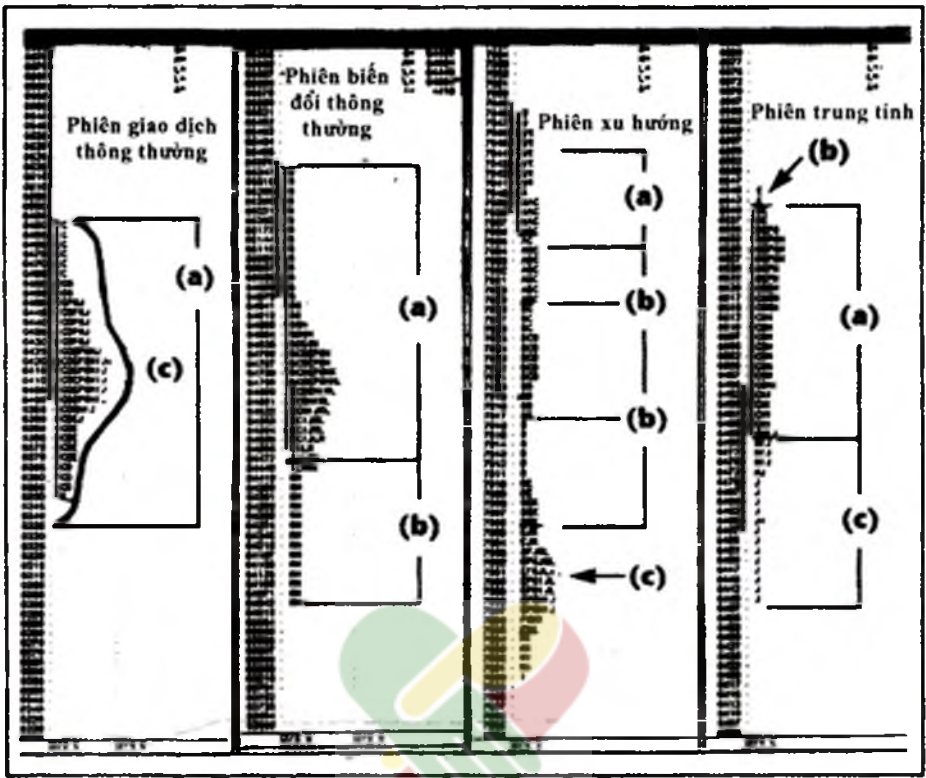
hoạt động giao dịch thương trong trạng thái buồn tẻ. Giá từ chối được coi là giá quá mức trên thị trường và được định nghĩa như ngưỡng cao bất hợp lý hoặc ngưỡng thấp bất hợp lý. Giá và giá trị là tất cả nhưng không đồng nghĩa đối với nhà giao dịch ngắn hạn bởi vì họ thường giao dịch ở vùng giá hợp lý. Tuy nhiên, đối với những nhà giao dịch dài hạn, khái niệm giá tương đương như giá trị thường không chính xác. Giá có thể *quan sát được* và có tính *khách quan* trong khi giá trị lại được *cảm nhận* và mang tính *chủ quan*, phụ thuộc vào các nhu cầu cụ thể của nhà giao dịch dài hạn. Ví dụ, một mức giá ở đỉnh biên độ của ngày hôm nay - mức giá hoặc quá mức hoặc không hợp lý - sẽ là rẻ đối với nhà giao dịch dài hạn vì họ tin rằng giá của tuần sau sẽ cao hơn. (Ví dụ, giá ngày hôm nay *thấp hơn* giá dự đoán của tuần tới.)

Nhà giao dịch dài hạn phân biệt giá và giá trị bằng cách chấp nhận hoặc từ chối giá hiện tại so với mức giá hợp lý. Hãy nhớ rằng giá tăng kích thích người bán trong khi giá giảm sẽ kích hoạt người mua. Khi nhà giao dịch dài hạn phản ứng với mức giá được thông báo, hành vi này được mong đợi và được xem là sự phản hồi. Mặt khác, nếu nhà giao dịch dài hạn hành động ngược lại (ví dụ, mua sau khi giá tăng và bán sau khi giá giảm), thì đây là hoạt động không được mong đợi và được xem là sự *gia nhập*. Việc phân loại hoạt động dài hạn thành sự phản hồi và gia nhập liên quan đến vùng giá trị của hôm qua hoặc hôm nay sẽ tạo ra bằng chứng mang tính giải thoát về sự quá quyết của nhà giao dịch dài hạn. Sự quá quyết của nhà giao dịch càng cao thì khả năng anh ta/cô ta gia nhập càng lớn.

PHÁT TRIỂN BIÊN ĐỘ VÀ MÔ HÌNH KỸ THUẬT PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG

Vì hoạt động thị trường không mang tính tùy ý nên không có gì ngạc nhiên khi bản thân các mô hình giá xuất hiện cùng với thời gian. Nhà giao dịch nắm vững kỹ năng có khả năng dự đoán được sự phát triển của các mô hình như vậy ở giai đoạn đầu cũng có thể có khả năng tận dụng cơ hội. Steidlmayer xác định những mô hình phát triển biên độ hàng ngày sau đây:

1. **Một phiên (ngày) thông thường (a normal day)** diễn ra khi nhà giao dịch dài hạn tương đối im ắng. Biên độ ngày được thiết lập trong phạm vi giao dịch đầu tiên (cột giá đầu tiên) trong nửa tiếng đầu phiên giao dịch. Nhà giao dịch ngắn hạn thiết lập sự cân bằng ban đầu, ngưỡng cao và thấp không hợp lý, và sau đó giá luân chuyển giữa những thông số này để tạo thế cân bằng ngày hôm đó (Xem hình B.6: cột số 1 - nước cam)
2. **Một phiên biến đổi thông thường (a normal variation day)** diễn ra khi nhà giao dịch dài hạn tích cực và mở rộng biên độ ra khỏi thế cân bằng ban đầu. Trong ví dụ này, các thông số cân bằng ban đầu của nhà giao dịch ngắn hạn không nắm giữ được và ở đây hiện diện một số biến động theo hướng và biến động này mở rộng biên độ sau đó thiết lập thông số cao nhất hoặc thấp nhất. Thông thường, sự nở rộng biên độ ra khỏi thế cân bằng ban đầu có thể xuất hiện tại bất kỳ điểm nào từ một vài tích tắc cho đến mức gấp đôi thế cân bằng ban đầu. Có lẽ đây là kỹ thuật phân tích phổ biến nhất (Xem hình B.6: Cột số 2 - Chỉ số trung bình Dow Jones.)
3. **Một phiên xu hướng (a trend day)** diễn ra khi nhà giao dịch dài hạn liên tục mở rộng biên độ. Trong ví dụ này, biên độ gia tăng hơn gấp đôi trạng thái cân bằng ban đầu, trong đó nhà giao dịch dài hạn kiểm soát chiều hướng bởi thị trường tiếp tục việc tìm kiếm mức giá hợp lý. Tại đây, thị trường vận động theo một hướng và tiến sát điểm cực (Xem hình B.6: Cột thứ 3 - Yên Nhật).
4. **Một phiên "lùng khùng" (a neutral day)** diễn ra khi nhà giao dịch dài hạn mở rộng biên độ sau thế cân bằng ban đầu theo một hướng, sau đó đảo chiều và mở rộng theo hướng ngược lại. Phiên trung tính chỉ rõ sự bất ổn của nhà giao dịch và diễn ra khi thị trường có ý thăm dò hay kiểm tra sự tiếp tục hoặc đảo chiều của xu hướng giá (Xem hình B.6: Cột thứ 4 - gia súc).



Bảng số 1

Nước cam

PHIÊN GIAO DỊCH THÔNG THƯỜNG

- a. Sự cân bằng ban đầu được thiết lập bởi nhà giao dịch ngắn hạn trong hai giai đoạn đầu tiên: C & D
- b. Nhà giao dịch dài hạn im ắng
- c. Sự phân phối giá đôi xứng hoặc cân bằng

Bảng số 2

Chỉ số trung bình Dow Jones Industrials

PHIÊN BIẾN ĐỔI THÔNG THƯỜNG

- a. Sự cân bằng ban đầu được thiết lập bởi nhà giao dịch ngắn hạn trong giai đoạn: B & C
- b. Nhà giao dịch dài hạn mở rộng biên độ hướng xuống một khoảng gần bằng gấp đôi phạm vi cân bằng ban đầu

Bảng số 3

Đồng Yên Nhật

PHIÊN XU HƯỚNG

- a. Thẻ cân bằng ban đầu được thiết lập bởi nhà giao dịch ngắn hạn trong những giai đoạn: y & z
- b. Nhà giao dịch dài hạn liên tục mở rộng biên độ
- c. Thị trường đóng cửa gần ngưỡng thấp theo hướng

Bảng số 4

Gia súc

PHIÊN TRUNG TÍNH

- a. Thẻ cân bằng ban đầu được thiết lập bởi nhà giao dịch ngắn hạn trong các giai đoạn: C & D
- b. Nhà giao dịch dài hạn lần đầu tiên mở rộng ra trong giai đoạn E
- c. Sau đó, nhà giao dịch dài hạn gia tăng giảm biên độ xuống trong chu kỳ H

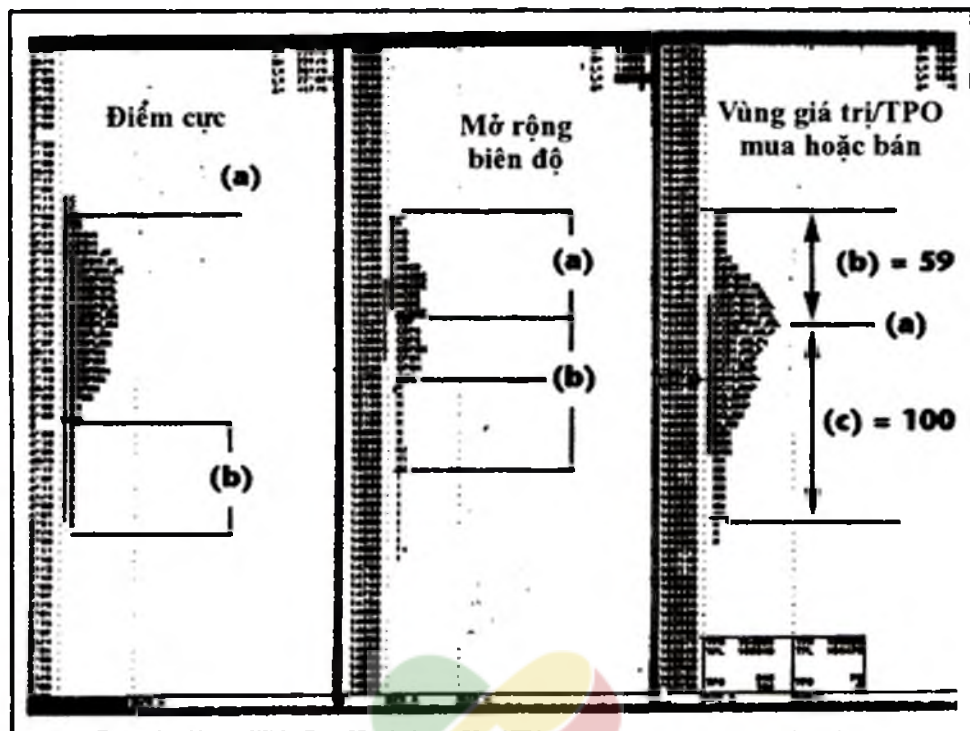
Hình B.6

THEO DÕI HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG DÀI HẠN

Ngoại trừ khả năng người bán quyền chọn có lời khi giá không đổi, chiến lược lợi nhuận của đa số nhà giao dịch đòi hỏi sự dịch chuyển giá mang tính định hướng. Nhà giao dịch thành công khi đi đúng hướng và thua lỗ nếu chọn nhầm hướng giao dịch. Vì nhà giao dịch dài hạn chịu trách nhiệm về việc xác định sự dịch chuyển mang tính định hướng của thị trường nên chúng ta sẽ quan sát hoạt động của họ để tìm kiếm dấu vết của một xu hướng giá. Sau khi nhận định và đánh giá hoạt động dài hạn, nhà giao dịch kết luận được hướng giá. Chúng ta bắt đầu quy trình bằng cách nhận định sự ảnh hưởng của nhà giao dịch dài hạn đối với phiên giao dịch của ngày hôm nay và xem xét sức ảnh hưởng đó trong tương lai.

- **Ảnh hưởng đến sự phát triển biên độ phiên trong ngày:** Đồ thị kỹ thuật phân tích thị trường giúp xác định hành vi nhà giao dịch dài hạn trong phạm vi biên độ hàng ngày. Bằng cách quan sát hoạt động của nhà đầu tư dài hạn thông qua phạm vi, đặc biệt tại các *điểm cực*, tại phần *mở rộng biên độ*, và sau sự kết thúc của *vùng giá trị*, chúng ta có thể nhận định được người mua hay người bán dài hạn tích cực hơn và từ đó ai là người kiểm soát chiều hướng của thị trường. Hoạt động giá tại điểm cực cung cấp những chỉ dẫn rõ ràng nhất về ảnh hưởng của nhà giao dịch dài hạn, thể hiện sau đó bằng sự nổi dài biên độ và hoạt động mua và bán tại vùng giá trị.

1. **Điểm cực** được hình thành khi nhà giao dịch dài hạn cạnh tranh với nhà giao dịch ngắn hạn trong việc nắm lấy cơ hội tại mức giá nào đó (sau đó trở thành ngưỡng cao hoặc ngưỡng thấp của phiên đó). Để thiết lập một điểm cực, chúng ta cần tối thiểu hai tín hiệu giao dịch đơn lẻ. Nhà giao dịch dài hạn càng hấp dẫn tại mức giá đó thì tín hiệu giao dịch càng lớn và điểm cực tín hiệu đơn (single print extreme) càng dài. Bất kỳ lúc nào nếu không đủ hai tín hiệu thực hiện giao dịch đều cho thấy nhà giao dịch dài hạn không hứng thú để cạnh tranh tại mức giá đó. Một đỉnh hoặc đáy của của sản giao dịch được hình thành khi đỉnh hoặc đáy của biên độ được xác định chỉ bởi một tín hiệu giao dịch đơn lẻ. Tình trạng này chỉ



Bảng số 1

Tập đoàn Intel

Điểm cực: Mô hình tối thiểu cần có hai mối quan hệ giữa giá và thời gian (TPO)

- a. Điểm cực bán từ 77 11/32 đến 77 5/32
- b. Điểm cực mua từ 73 31/32 đến 75 thể hiện sự cạnh tranh tâm lý giữa nhà đầu tư dài hạn và ngắn hạn

Bảng số 2

Cà phê

Mở rộng biên độ: Diễn ra khi nhà giao dịch dài hạn phá vỡ thể cân bằng ban đầu

- a. Thẻ cân bằng ban đầu được thiết lập trong khoảng thời gian: A & B
- b. Giảm biên độ xuống trong giai đoạn C, H và I.

Bảng số 3

Chỉ số S&P 500.

Vùng giá trị/TPO mua hoặc bán: Đánh giá xem người mua dài hạn hay người bán đang kiểm soát phiên hiện tại trong vùng giá trị

- a. Giá có sản xuất tối đa hoặc giá hợp lý nhất tại 1039.20
- b. TPO bán là 59
- c. TPO mua là 100
- d. Sự mất cân bằng đối với bên mua hàm ý rằng giá cần tăng lên nữa để đạt trạng thái cân bằng thị trường

Hình B.7

ra rằng thị trường tạo ra một cơ hội giá mà không ai muốn giành lấy (ví dụ, không có tin hiệu của sự cạnh tranh [xem hình B.7: Bảng số 1 - Tập đoàn Intel]).

2. **Sự mở rộng biên độ** diễn ra khi nhà giao dịch dài hạn gia nhập thị trường với một khối lượng giao dịch vừa đủ để đạt thế cân bằng ban đầu và mở rộng biên độ lên trên hoặc xuống dưới. Mở rộng biên độ lên trên tức là mua dài hạn hơn trong khi sự mở rộng biên độ xuống là bán dài hạn. Tuy nhiên, những trường hợp khi người mua và người bán dài hạn đều tích cực ở một điểm cực biên độ, nhưng không cùng một mức giá và thời gian (nên lưu ý rằng thông thường người mua và người bán không giao dịch với nhau). Ví dụ, nếu một điểm cực hình thành sau một sự mở rộng biên độ hướng lên, thị trường trước tiên vận động tăng giá để chốt hoạt động mua và sau đó giảm xuống để chốt hoạt động bán. Đây là trường hợp mà người mua và người bán dài hạn giao dịch tại cùng một mức giá nhưng khác thời điểm. Cả hai loại hoạt động tại điểm cực này đều được xác định để đánh giá tầm ảnh hưởng của hoạt động mua và bán dài hạn (xem hình B.7: Bảng số 2 - Cà phê).

3. **Vùng giá trị** được xác định trong mỗi phiên giao dịch bằng sự luân chuyển giá quanh mức giá có tần suất tối đa (Ví dụ: giá có TPO lớn nhất hoặc mức giá *hợp lý nhất*). Vùng giá trị được tính toán bằng cách đếm 70% điểm TPO của tất cả các TPO bao quanh mức giá hợp lý nhất. Nói cách khác, vùng giá trị là sự ước lượng của giá trị hợp lý, xấp xỉ độ lệch chuẩn với khối lượng của phiên giao dịch (hãy nhớ lại ví dụ về các sinh viên). Khi thực hiện giao dịch trong vùng giá trị, một nhà giao dịch dài hạn đang mua giá thấp hoặc bán giá cao theo quan điểm dài hạn, chứ không phải về quan điểm giá trị trong ngày. Hành vi này khiến vùng giá trị trong ngày mất cân bằng. Hoạt động của nhà giao dịch dài hạn được đo lường bằng việc đếm các TPO. Thủ tục sau đây có thể được sử dụng để xác định bên nào khống chế sự mất cân bằng dài hạn, 1) vẽ một đường băng qua mức giá hợp lý nhất, và 2) TPO được tính từ cả hai bên của mức giá hợp lý nhất cho đến khi xuất hiện tín hiệu thực hiện giao dịch đơn lẻ. Sự mất cân bằng nghiêng về phía có số TPO nhỏ hơn bởi vì hoạt động của nhà giao dịch dài

hạn chiếm tỷ lệ phần trăm nhỏ hơn trong tổng số giao dịch tại vùng giá trị. Ví dụ, nếu số TPO ở trên và ở dưới giá hợp lý nhất lần lượt là 22 và 12, thì việc bán TPO có khuynh hướng là những mức giá thấp hơn (Xem hình B.7: Bảng số 3 - chỉ số S&P 500). Lưu ý rằng việc mua và bán TPO trong vùng giá trị không được áp dụng trong phiên xu hướng, vì thị trường vẫn đang trong quá trình tìm kiếm một vùng giá hợp lý.

Sau khi xác định và đánh giá hoạt động của nhà giao dịch dài hạn trong đồ thị kỹ thuật phân tích thị trường của ngày hôm nay, người sử dụng có thể dễ dàng xác định liệu người mua hay người bán dài hạn đang kiểm soát phiên giao dịch hiện tại.

- **Tầm ảnh hưởng ra ngoài phạm vi ngày:** Đồ thị kỹ thuật phân tích thị trường cũng giúp xác định hành vi của nhà giao dịch dài hạn ngoài phạm vi ngày hôm nay. Mục đích chính của nhà giao dịch là xác định xu hướng giá thị trường hiện tại sẽ tiếp diễn hay có khả năng thay đổi. Sự thay đổi hướng phát triển của thị trường là sự đảo chiều xu hướng giá hiện tại. Cách tiếp cận kỹ thuật chuẩn mực để đánh giá xu hướng mà không cần kỹ thuật phân tích thị trường là vẽ một đường xu hướng thích hợp và quan sát động thái giá dựa trên đường đó sau đó. Trừ khi đường xu hướng bị phá vỡ, xu hướng giá hiện tại sẽ tiếp diễn. Phân tích đường xu hướng là công cụ kỹ thuật cơ bản quan trọng nhất, đặc biệt là nhờ tính phổ biến khắp thế giới và khả năng áp dụng cho mọi biên độ thời gian của nó (ví dụ, hàng giờ, hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng v.v...)

Mặc khác, kỹ thuật phân tích thị trường tạo ra một cách tiếp cận thay thế cho phân tích xu hướng truyền thống bằng cách đánh giá hoạt động thị trường trong những chu kỳ thời gian khác nhau. Nói một cách đơn giản nhất, việc đánh giá kỹ thuật phân tích thị trường hàng ngày có thể giúp xác định sự khởi đầu hoặc tiếp diễn của xu hướng giá ngắn hạn. Ví dụ, nếu vùng giá trị ngày hôm nay cao hơn ngày hôm qua thì xu hướng giá hiện tại là tăng. Hơn nữa, nếu vùng giá trị ngày hôm nay cao hơn ngày hôm qua thì thị trường hiện tại tiếp tục

theo xu hướng tăng. Bằng việc quan sát hoạt động thị trường theo dạng này, nhà giao dịch có thể dễ dàng xác định được sự tiếp diễn hoặc thay đổi của xu hướng. Tương tự phương pháp kết hợp đồ thị kỹ thuật phân tích thị trường hàng ngày vào đồ thị kỹ thuật phân tích thị trường tích lũy lớn hơn, bức tranh về thể cân bằng hoặc mất cân bằng dài hạn sẽ xuất hiện hoàn thiện hơn. Kỹ thuật phân tích thị trường trong hình B.5 (đường) trong trang 483 là để minh họa đặc điểm này. Việc lướt nhanh từng phiên từ 10/2 đến 13/2 trong bảng trên cho thấy thị trường tuân theo xu hướng tăng mà không có tín hiệu đảo chiều. Tuy nhiên, việc kết hợp 4 phiên liên tiếp này với nhau sẽ tạo nên một thể cân bằng tích lũy. Một khi đã được cân bằng, một thị trường có xu hướng dịch chuyển hướng về trạng thái mất cân bằng sau khi đã kiểm tra ngưỡng giá hợp lý nhất lần cuối cùng.

TÓM LƯỢC

Phương pháp kỹ thuật phân tích thị trường có thể được sử dụng để phân tích bất kỳ loại dữ liệu giá nào có hoạt động giao dịch liên tục. Nó bao gồm chứng khoán, trái phiếu và kỳ phiếu Chính phủ (giá và lợi tức), hợp đồng hàng hóa tương lai và quyền chọn được liệt kê hoặc không liệt kê có thể áp dụng được. Đồ thị kỹ thuật phân tích thị trường thể hiện sự biến động giá trong mỗi đơn vị thời gian, theo hai dạng kích thước - chiều dọc (ví dụ biến động có xu hướng) hoặc chiều ngang (ví dụ sự tần suất thường xuyên). Khi đồng thái giá được xem xét theo cách này, bức tranh về sự khám phá giá được mở ra, điều không thể xảy ra trong một đồ thị thanh truyền thống (theo chiều dọc).

Kỹ thuật phân tích thị trường tạo ra những ưu điểm độc nhất trên đồ thị thanh tiêu chuẩn:

Đặc tính đối xứng cho phép nhà giao dịch đánh giá tình trạng cân bằng hoặc mất cân bằng của thị trường trong bất kỳ khung thời gian nào. Khi một thị trường đối xứng, tình trạng đối xứng hoặc điểm cân bằng sẽ xuất hiện giữa người bán và người mua. Một sự mất cân bằng thị trường ngụ ý sự tiếp diễn xu hướng giá vì thị trường hướng

về phía điểm cân bằng mới. Tuy nhiên, thể cân bằng thị trường diễn ra nhanh chóng và ngụ ý sự thay đổi của thị trường hoặc một biến động có định hướng (cả lên và xuống) có thể xuất hiện, một tín hiệu để nhà giao dịch cân nhắc việc áp dụng những phương pháp theo xu hướng.

Mọi sự thay đổi xu hướng đều diễn ra trong một điểm thời gian nào đó, chứ không phải cuối một giờ, một ngày, một tuần hay tháng. Kỹ thuật phân tích thị trường có thể được sử dụng để xác định một cách chính xác thời điểm chuyển đổi của quyền kiểm soát từ người mua và người bán. Bằng việc thể hiện quá trình chuyển đổi quyền kiểm soát, đồ thị Kỹ thuật phân tích thị trường cho phép nhà giao dịch xác định ngưỡng hỗ trợ và kháng cự chính.

Tóm lại, Kỹ thuật phân tích thị trường cung cấp lượng thông tin giá ổn định trong mỗi đơn vị thị trường, cho phép nhà giao dịch nhận biết mô hình và động lực vốn khó có thể nhận biết được rõ ràng khi sử dụng những phương pháp khác.

500dong.com

PHỤ LỤC C

Các vấn đề cơ bản của việc xây dựng hệ thống giao dịch*

Việc phát triển hệ thống giao dịch là sự tổng hợp của nghệ thuật, khoa học và thường thức. Mục đích của chúng ta không phải là phát triển một hệ thống để đạt được lợi nhuận cao nhất khi sử dụng dữ liệu trong quá khứ mà là để trình bày ý tưởng đã rất thành công trong quá khứ và kỳ vọng sẽ tiếp tục hiệu quả trong tương lai.

Xét một cách lý tưởng, chúng ta thường ưa thích cách tiếp cận được vi tính hóa 100%, gia tăng khả năng lặp lại những kết quả tốt của quá khứ trong tương lai. Máy móc có nghĩa là khách quan: nếu 10 người đều tuân theo cùng một quy tắc và đạt được cùng một kết quả, quy tắc đó được xem là khách quan. Hệ thống kỹ thuật được thể hiện trên giấy hoặc đăng nhập vào một chiếc máy tính sẽ không tạo ra ý nghĩa gì.

Tuy nhiên, ở đây chúng ta giả sử mình sử dụng một chiếc máy tính cùng các thuật ngữ "máy móc" và "vi tính hóa" thay đổi cho nhau. Điều này không có nghĩa là bắt buộc phải có máy tính trong hệ thống giao dịch mặc dù nó thật sự hỗ trợ rất nhiều.

*Phụ lục này do Fred G. Schutzman soạn thảo

Cách tiếp cận máy móc này có ba ưu điểm:

- **Chúng ta có thể kiểm tra lại các ý tưởng trước khi bắt tay vào giao dịch.** Một chiếc máy tính cho phép chúng ta thử nghiệm những ý tưởng trên dữ liệu trong quá khứ hơn là những đồng tiền kiếm được một cách chật vật. Bằng cách giúp chúng ta thấy được cách thức thể hiện trong quá khứ của một hệ thống, nó cho phép chúng ta đưa ra những quyết định đúng đắn hơn trong hiện tại.
- **Chúng ta có thể khách quan hơn và ít bị cảm xúc chi phối hơn.** Phần lớn chúng ta đều gặp vấn đề khi ứng dụng việc phân tích khách quan vào hoàn cảnh giao dịch thực tế. Phân tích (nơi chúng ta không có tiền bạc để mạo hiểm) thì dễ dàng, còn giao dịch (nơi chúng ta có tiền bạc để mạo hiểm) thì căng thẳng hơn nhiều. Chính vì thế, tại sao chúng ta không để máy tính giúp mình? Nó miễn nhiễm với cảm xúc con người và thực thi chính xác những gì chúng ta hướng dẫn nó khi xây dựng hệ thống.
- **Chúng ta có thể làm nhiều việc hơn, có nhiều cơ hội hơn.** Cách tiếp cận bằng máy móc sẽ mất ít thời gian hơn so với những cách tiếp cận mang tính chủ quan, cho phép chúng ta bao quát nhiều thị trường hơn, giao dịch nhiều hệ thống hơn, và phân tích nhiều khung thời gian của từng ngày hơn. Điều này đặc biệt đúng đối với những người có khả năng sử dụng máy tính, vì nó có thể làm việc nhanh hơn và lâu hơn chúng ta mà vẫn không mất đi sự tập trung.

KẾ HOẠCH 5 BƯỚC

1. Hãy khởi đầu với một khái niệm
2. Chuyển nó thành tập hợp các quy tắc khách quan
3. Kiểm tra đồ thị bằng mắt
4. Kiểm nghiệm chính thức bằng máy tính
5. Đánh giá kết quả

BƯỚC 1: KHỞI ĐẦU VỚI MỘT KHÁI NIỆM (Ý TƯỞNG)

Hãy phát triển những ý tưởng của riêng bản thân về thị trường. Bạn có thể bắt đầu bằng cách xem xét càng nhiều đồ thị càng tốt, cố gắng nhận biết những lần giao nhau của các đường trung bình động, chỉ báo dao động, mô hình giá hoặc những tín hiệu khách quan xuất hiện trước sự biến động của thị trường chính. Bên cạnh đó, hãy nỗ lực nhận biết những tín hiệu cảnh báo trước về những vận động có khả năng thất bại. Tôi đã nghiên cứu nhiều mô hình đồ thị để có thể tìm được những câu trả lời như vậy. Cách tiếp cận bằng mắt này hiệu quả đối với tôi, và tôi khuyến khích mọi người nên sử dụng phương pháp đó.

Ngoài việc nghiên cứu đồ thị giá và đọc sách chuyên ngành, tôi cũng đề nghị bạn nên đọc những tài liệu về hệ thống giao dịch cũng như các công trình nghiên cứu của những người khác. Mặc dù chẳng ai cho bạn liều thuốc chữa bách bệnh, nhưng bạn có thể tìm thấy rất nhiều thông tin hữu dụng có sẵn trong các tài liệu đó. Điều quan trọng hơn là hãy nghĩ cho bản thân mình. Tôi đã phát hiện ra rằng những ý tưởng tạo ra nhiều lợi nhuận nhất thường là những ý tưởng được truyền bá rộng rãi trong cộng đồng và đó là những tài sản của chúng ta.

Đa số những hệ thống giao dịch thành công đều tuân theo xu hướng. Tuy nhiên, không nên bỏ qua những hệ thống phi xu hướng vì chúng tạo ra một mức độ tương quan âm với loại kia. Có nghĩa là khi một hệ thống đang vận hành cho việc thu lợi nhuận thì hệ thống còn lại sẽ gây ra thua lỗ, kết quả là tạo ra một đường cong nhẵn hơn thể hiện giá trị của tài khoản giao dịch được thể hiện trên đồ thị cho cả hai hệ thống kết hợp lại hơn là chỉ cho từng hệ thống riêng lẻ.

Các nguyên tắc để hình thành những ý tưởng tốt

Các ý tưởng tốt luôn tạo ra ý nghĩa. Nếu một ý tưởng có vẻ hiệu quả, nhưng lại tạo ra ít ý nghĩa thì có thể bạn sẽ bị trùng lặp, và khả năng hoạt động hiệu quả của ý tưởng này trong tương lai cũng sẽ mất đi. Ý tưởng của bạn phải thích hợp với tính cách của bạn nhằm tạo ra quy tắc

để bạn tuân theo ngay cả khi chúng không mang lại lợi nhuận cho bạn (chẳng hạn, trong quá trình suy giảm). Ý tưởng của bạn không được phức tạp và phải khách quan, và nếu tuân theo xu hướng, sẽ giao dịch theo xu hướng chính, kéo lợi nhuận đến và cắt giảm thua lỗ. Điều quan trọng nhất là ý tưởng của bạn phải tạo ra lợi nhuận trong dài hạn (ví dụ, kỳ vọng dành cho nó phải là tích cực).

Việc phác họa điểm gia nhập thì khó, nhưng phác họa điểm thoát ra còn khó hơn và quan trọng hơn. Lập luận gia nhập thì đơn giản, nhưng việc thoát ra thì phải tính toán các khả năng khác nhau, chẳng hạn như tốc độ cắt lỗ hoặc phải làm gì với lợi nhuận tích lũy. Tôi vẫn thích các hệ thống không đảo chiều tự động hơn - tôi thích thoát ra khỏi giao dịch trước, sau đó bắt đầu một giao dịch khác theo hướng ngược lại. Hãy làm việc tích cực để cải thiện các bước thoát khỏi giao dịch, và lợi nhuận của bạn sẽ được cải thiện trong mối tương quan với rủi ro.

Một khuyến nghị khác là hãy cố gắng tối ưu hóa càng ít càng tốt. Việc tối ưu hóa các dữ liệu quá khứ thường dẫn đến việc kỳ vọng vào con số lợi nhuận một cách phi thực tế - lợi nhuận không thể được nhân bản trong giao dịch thực tế. Hãy cố gắng sử dụng một ít thông số và áp dụng cùng một kỹ thuật trong nhiều thị trường khác nhau. Điều này sẽ cải thiện cơ hội thành công trong dài hạn thông qua việc giảm thiểu những cảm bầy của việc tối ưu hóa quá mức.

Có ba loại hệ thống giao dịch chính:

- **Tuân theo xu hướng.** Những hệ thống này giao dịch nằm trong chiều hướng của xu hướng chính, mua sau khi chạm đáy và bán sau khi chạm đỉnh. Đường trung bình di động và quy tắc tuần của Donchian là những phương pháp thông dụng dành cho các nhà quản lý tài sản.
- **Phi xu hướng:**
 - Ngưỡng hỗ trợ/kháng cự. Mua khi giá rơi xuống ngưỡng hỗ trợ, bán khi hồi phục lên ngưỡng kháng cự.

- Thoái lùi. Chúng ta mua vào khi giá rút trong thị trường đầu cơ giá lên và bán ra khi giá hồi phục trong thị trường đầu cơ giá xuống. Ví dụ, ta mua điểm thoái lùi 50% đợt tăng giá gần nhất, nhưng chỉ khi xu hướng chính vẫn tăng. Những hệ thống như vậy rủi ro ở chỗ bạn sẽ không bao giờ biết được đợt mức thoái lùi là bao nhiêu và sẽ khó khăn để ứng dụng kỹ thuật thoát ra khỏi giao dịch có thể chấp nhận.
- Các chỉ báo dao động. Mua khi chỉ báo dao động thể hiện bán quá mức và bán khi chỉ báo dao động thể hiện mua quá mức. Nếu sự phân kỳ giữa giá và chỉ báo dao động cũng xuất hiện thì tín hiệu mạnh hơn sẽ được đưa ra. Tuy nhiên, tốt nhất là nên chờ đợi một tín hiệu đảo chiều giá nào đó trước khi bán hoặc mua.
- **Sự thừa nhận mô hình** (trực quan và thống kê). Ví dụ mô hình đầu và vai đáng tin cậy (trực quan), và mô hình giá theo mùa (thống kê).

BƯỚC 2: CHUYỂN Ý TƯỞNG THÀNH MỘT TẬP HỢP QUY TẮC KHÁCH QUAN

Đây là bước khó khăn nhất trong kế hoạch 5 bước, và khó khăn hơn rất nhiều so với những gì chúng ta nghĩ! Để hoàn tất bước này, ta nên trình bày ý tưởng của mình một cách khách quan sao cho những ai tuân theo quy tắc này của chúng ta đều có thể đưa ra kết luận tương tự.

Hãy xác định mục tiêu của hệ thống cũng như cách thức nó thực hiện. Với bước này, chúng ta có được những chi tiết cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ lập trình. Chúng ta cần nắm được vấn đề chung và phân nó thành càng nhiều chi tiết cho đến khi tất cả các chi tiết được hoàn tất.

BƯỚC 3: KIỂM TRA TRỰC QUAN TRÊN ĐỒ THỊ

Khi tuân theo những quy tắc dứt khoát mà chúng ta đã xác định trong bước 2, chúng ta sẽ kiểm tra trực quan những tín hiệu giao dịch được tạo ra trên đồ thị giá. Đây là một quy trình không chính thức, nhằm đạt được hai kết quả: thứ nhất, chúng ta sẽ nhận biết liệu ý tưởng của mình

có được trình bày thích hợp hay không; và thứ hai, trước khi thể hiện những mã máy tính phức tạp, chúng ta cần ý niệm rằng ý tưởng này sẽ có khả năng sinh lợi.

BUỐC 4: KIỂM NGHIỆM CHÍNH THỨC BẰNG MÁY TÍNH

Bây giờ là lúc chúng ta chuyển đổi lập luận của mình thành mật mã cho máy tính. Đối với công trình nghiên cứu của mình, tôi sử dụng một chương trình gọi là TradeStation (Omega Research, Inc. Miami, Florida). TradeStation là gói phần mềm phân tích kỹ thuật toàn diện có thể xác lập công thức và kiểm tra hệ thống giao dịch. Nó kết nối tất cả mọi thứ bằng việc trực quan hóa ý tưởng của bạn, hỗ trợ việc giao dịch hệ thống của bạn trong thời gian thực.

Việc viết mật mã bằng bất kỳ một loại ngôn ngữ máy tính nào cũng không thể là nhiệm vụ dễ dàng và EasyLanguage của TradeStation không là ngoại lệ. Tuy nhiên, công việc với EasyLanguage có thể được đơn giản hóa nhờ chức năng thân thiện với người sử dụng và bao gồm nhiều hàm cài sẵn cùng rất nhiều mã ví dụ. Xem hình C.1

Khi chương trình đã được viết, chúng ta sẽ chuyển sang giai đoạn kiểm nghiệm. Để bắt đầu, chúng ta phải chọn một hoặc nhiều dữ liệu để tiến hành kiểm tra. Với nhà giao dịch chứng khoán thì việc này không mấy khó khăn. Tuy nhiên, nhà giao dịch tương lai sẽ phải đối mặt với những hợp đồng sẽ đến hạn sau một khoảng thời gian tương đối ngắn. Tôi thích thực hiện những chương trình kiểm nghiệm sáng tạo với việc sử dụng một loạt giá tiếp diễn (chiều rộng được điều chỉnh) của Jack Schwager. (*Schwager on Futures: Technical Analysis*, Wiley, 1996). Nếu những kết quả này có vẻ hứa hẹn, tôi sẽ chuyển sang thực hành với các hợp đồng thực.

Tiếp theo, chúng ta phải quyết định lượng dữ liệu được sử dụng để xây dựng hệ thống. Tôi sử dụng toàn bộ dữ liệu giá mà không cần giữ lại bất cứ phần nào để kiểm nghiệm thực tế (xây dựng hệ thống của bạn trên một phần dữ liệu và kiểm nghiệm chúng trên dữ liệu "ẩn"). Nhiều

```

*****
//FileName: JJMBook.Four96Model
//Written by Fred G. Schutzman, CMT
//Logic by Ned Davis
//see Zweig book: Martin Zweig's Winning with New IRAs, pages 117-128
//Model was designed to be applied to a weekly chart of the Value Line Composite Index (VLCI)
//Program uses the weekly (usually Friday) close of the VLCI to initiate trades
//buy if the weekly close of the VLCI rises 4% or more from its lowest close (since the last sell signal)
//sell if the weekly close of the VLCI falls 4% or more from its highest close (since the last buy signal)
//Date last changed: February 8, 1998
*****System Properties*****
Properties tab:
Pyramid Settings = Do not allow multiple entries in same direction
Entry Settings = default values
Max number of bars system will reference = 1
*****

Inputs:          perOffLo(4.00),      { percent off lowest close }
                  perOffHi(4.00);     { percent off highest close }
Variables:        LC(0),              { lowest close }
                  HC(0),              { highest close }
                  trend(0);           { 0 = no trades yet, +1 = up, -1 down }

{ initialize variables }
if currentBar = 1 then begin
  LC = close;
  HC = close;
  trend = 0;
end;

{ update trend variable and place trading orders }
if trend = 0 then begin
  if ((close-LC) / LC) >= (perOffLo / 100) then trend = +1;
  if ((HC-close) / HC) >= (perOffHi / 100) then trend = -1;
end
else if trend = +1 and ((HC-close) / HC) >= (perOffHi / 100) then begin
  sell on close;
  trend = -1;
  LC = close;
end
else if trend = -1 and ((close-LC) / LC) >= (perOffLo / 100) then begin
  buy on close;
  trend = +1;
  HC = close;
end;

{ update LC & HC variables }
if close < LC then LC = close;
if close > HC then HC = close;

{ End of Code }

```

Hình C.1 (Mã EasyLanguage): Mã này được viết thông qua cách sử dụng TradeStation's Power EditorSM. Nó có giao diện - và sức mạnh - của một ngôn ngữ lập trình phát triển. Xem hình C.2 và C.3 để thấy ví dụ trên hệ thống tuân theo xu hướng được mô tả bởi Martin Zeig.

chuyên gia không tán đồng cách tiếp cận này, nhưng tôi tin rằng đó là cách tốt nhất cho phương pháp luận của tôi - phương pháp được dựa trên các khái niệm đáng tin cậy mà gần như không cần tối ưu hóa, và một thủ tục kiểm nghiệm bao gồm một phạm vi rộng các thông số và thị trường lớn. Tôi bắt đầu với một phương pháp mà mình tin rằng có cơ sở và sau đó kiểm nghiệm nó để chứng minh hoặc bác bỏ giả thuyết của bản thân. Tôi nhận ra rằng đa số nhà đầu tư cá nhân đều thực hiện điều ngược lại với việc kiểm tra dữ liệu trước để có được một hệ thống giao dịch.

Tôi không tính toán chi phí giao dịch [phí chênh lệch (giữa giao dịch thực và ước tính) và phí hoa hồng] khi kiểm nghiệm các hệ thống, nhưng thay vào đó lại đưa nó vào phần cuối. Tôi tin việc này sẽ giữ cho quá trình đánh giá khách quan hơn và cho phép kết quả trở nên hữu ích hơn nếu sự giả định thay đổi trong tương lai.

Tôi yêu cầu hệ thống của mình vận hành theo:

- **Các tập hợp thông số khác nhau.** Nếu đang cân nhắc việc sử dụng một hệ thống giao nhau của đường trung bình di động 5/20, tôi sẽ kỳ vọng rằng đường 6/18, 6/23 và 5/19 cũng thể hiện tốt. Nếu không, tôi sẽ lập tức ngừng việc kết quả của đường 5/20.

Hình C.1: (Mã EasyLanguage): mã này được viết thông qua cách sử dụng TradeStation's Power Editor™. Nó có giao diện - và sức mạnh - của một ngôn ngữ lập trình phát triển. Xem hình C.2 và C.3 để thấy ví dụ trên hệ thống tuân theo xu hướng được mô tả bởi Martin Zeig.

- **Các chu kỳ thời gian khác nhau** (ví dụ: 1990-1995 và 1981-1986). Một hệ thống kiểm tra tốt đồng Yên Nhật trong giai đoạn 5 năm gần nhất cũng có thể kiểm tra những khoảng thời gian 5 năm khác. Đây là một lĩnh vực khác mà tôi giữ quan điểm của thiểu số.
- **Nhiều thị trường khác nhau.** Một hệ thống hoạt động hiệu quả trong thị trường dầu thô cũng có thể hiệu quả trong thị trường dầu truyền nhiệt và xăng trong cùng một khoảng thời gian. Nếu không, tôi sẽ tìm kiếm nguyên nhân và không sử dụng hệ thống này nữa.

Tuy nhiên, tôi đi sâu hơn nữa và sẽ kiểm nghiệm cùng một hệ thống

đó trên toàn bộ dữ liệu của các thị trường với mong đợi rằng phần lớn chúng sẽ hoạt động tốt.

Một khi việc kiểm nghiệm hoàn tất, chúng ta sẽ thẩm định lại bằng mắt những tín hiệu giao dịch trên đồ thị giá được tạo ra từ máy tính, để đảm bảo rằng hệ thống đã thực hiện những gì mà chúng ta mong muốn. TradeStation giúp quy trình này hoạt động dễ dàng bằng cách đặt mũi tên bán và mua ngay trên đồ thị. Nếu hệ thống không thực hiện được những gì như kỳ vọng, chúng ta cần chỉnh sửa những mã cần thiết và kiểm tra lần nữa. Hãy nhớ kỹ rằng có rất ít ý tưởng thực sự tạo ra lợi nhuận, thường là dưới 5%. Và, một lý do khác nữa là đa số các ý tưởng thành công không được giao dịch thực tế.

BUỚC 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Hãy cố gắng nắm bắt được ý tưởng ẩn sau hệ thống giao dịch của chúng ta. Nó có ý nghĩa không hay là bị trùng lặp? Hãy phân tích đường cong thể hiện giá trị của tài khoản giao dịch trên đồ thị. Liệu chúng ta có tồn tại được qua khỏi đợt khủng hoảng không? Hãy đánh giá hệ thống trên cơ sở từng giao dịch. Điều gì xảy ra nếu có tín hiệu xấu? Hệ thống thoát khỏi những vị thế thua lỗ nhanh đến mức nào? Chúng sẽ được duy trì với những kẻ thắng cuộc trong bao lâu? Chắc chắn Hãy đảm bảo rằng chúng ta hoàn toàn thoải mái với kết quả kiểm nghiệm, nếu không chúng ta sẽ không có khả năng giao dịch hệ thống trong thị trường thực.

Ba thống kê TradeStation chính dùng để phân tích là:

- **Chỉ số lợi nhuận** Công thức được tính bằng tỉ lệ phần trăm giữa *lợi nhuận gộp* và *lỗ gộp*. Thống kê này cho ta biết hệ thống sẽ tạo ra bao nhiêu đô-la lợi nhuận trên 1 đô-la thua lỗ, và đây cũng là một công cụ đo lường rủi ro. Nhà giao dịch dài hạn có thể nhắm đến chỉ số lợi nhuận là 2.00 hoặc cao hơn. Nhà giao dịch ngắn hạn chấp nhận con số thấp hơn.
- **Giao dịch bình quân (lời và lỗ)**. Đây là kỳ vọng toán học của hệ thống. Ít nhất nó phải đủ cao để trang trải chi phí giao dịch (phí chênh lệch và phí hoa hồng), nếu không chúng ta sẽ thua lỗ.

- **Giảm sút giá trị tài khoản tối đa trong ngắn hạn.** Đây là phạm vi sụt giảm lớn nhất từ một đỉnh vốn đến một đáy vốn liên quan đến đồng đô-la. Tôi thích thực hiện phép tính toán này trên cơ sở phần trăm. Tôi cũng phân biệt giữa sự giảm sút giá trị tài khoản từ điểm xuất phát (nơi tôi mất tiền túi) so với sự sụt giảm vốn từ một đỉnh vốn (nơi tôi thu hồi lợi nhuận từ thị trường). Thông thường, tôi không quá khắt khe với trường hợp sau.

QUẢN TRỊ TÀI SẢN

Quản trị tài sản không thuộc chủ đề của phụ lục này, nhưng là một vấn đề cực kỳ quan trọng. Đó là mấu chốt đối với việc giao dịch thành công, mỗi một đơn vị thông tin đều đóng vai trò quan trọng như một hệ thống giao dịch tốt.

Kỹ thuật quản trị tài sản phải được trù tính cẩn thận. Hãy chấp nhận sự thật rằng thua lỗ là một phần hiển nhiên của mọi cuộc chơi. Hãy kiểm soát sự thua lỗ và lợi nhuận sẽ bảo đảm cho chính bạn.

Trong lĩnh vực này, hãy thực hành việc đa dạng hóa càng nhiều càng tốt. Sự đa dạng hóa sẽ giúp bạn gia tăng lợi nhuận trong khi giữ rủi ro ở mức cố định, hoặc giảm thiểu rủi ro trong khi giữ cho lợi nhuận ở mức. Hãy đa dạng các loại thị trường, hệ thống, thông số và khung thời gian.

TÓM LƯỢC

Chúng ta đã thảo luận về triết lý cơ bản của hệ thống và tại sao khách quan lại tốt hơn chủ quan. Chúng ta đã nhắc đến ba lợi ích chính của phương pháp máy tính hóa và thiết lập kế hoạch 5 bước để xây dựng một hệ thống giao dịch. Và cuối cùng, chúng ta đã đề cập đến tầm quan trọng của quản trị tài sản và đa dạng hóa.

Hệ thống giao dịch có thể cải thiện kết quả của bạn và giúp bạn trở thành một nhà giao dịch hoàn hảo. Lý do rất rõ ràng là:

Chúng khiến bạn phải thực tập trước khi bước vào giao dịch thực

- Chúng có quy tắc nên bạn dễ dàng tuân theo
- Chúng có khả năng giúp bạn gia tăng mức độ đa dạng hóa

Với sự chăm chỉ và tâm huyết, ai cũng có thể xây dựng một hệ thống giao dịch thành công, và điều này mặc dù không dễ dàng nhưng vẫn nằm trong tầm tay. Cũng như phần lớn mọi thứ trên đời này, chúng ta trồng cây ắt sẽ đến ngày hái quả. (Xem hình C.2 và C.3)



Hình C.2 (Đồ thị giá). Hệ thống giao dịch được thiết kế để được áp dụng vào đồ thị hàng tuần của chỉ số Value Line Composite (VLCI), nhưng cũng có thể được kiểm nghiệm rất tốt trên đồ thị hàng ngày của VLCI và cả trên đồ thị hàng tuần và hàng ngày trong các thị trường khác, thể hiện niềm tin vào ý tưởng cơ bản này. Đây là hệ thống đã được mô tả trong hình C.1

JMBBook Four%Model Value Line Geometric - UNDE-Weekly 08/30/81 - 02/08/98			
Performance Summary: All Trades			
Total net profit	\$ 718.01	Open position P/L	\$ 0.00
Gross profit	\$ 1118.15	Gross loss	\$ -400.14
Total # of trades	137	Percent profitable	48%
Number winning trades	67	Number losing trades	70
Largest winning trade	\$ 78.08	Largest losing trade	\$ -15.95
Average winning trade	\$ 18.88	Average losing trade	\$ -5.72
Ratio avg win/avg loss	3.32	Avg trade(win & loss)	\$ 5.24
Max consec. winners	7	Max consec. losers	5
Avg # bars in winners	21	Avg # bars in losers	7
Max intraday drawdown	\$ -45.01		
Profit factor	2.79	Max # contracts held	1
Account size required	\$ 45.01	Return on account	1585%

Hình C.3 (Tóm tắt hiệu quả hoạt động): đây là bảng tóm tắt biểu hiện trong 36 năm của hệ thống trên hình C.1 và C.2, biểu hiện trong 12 năm cuối cùng thống nhất với kết quả chung. Chỉ số Lợi nhuận, giao dịch bình quân (lời và lỗ) và sự suy giảm tài khoản giao dịch cực đại trong ngắn hạn đều hoàn hảo.

500dong.com

PHỤ LỤC D

Các hợp đồng tương lai tiếp diễn*

Với một cơ sở dữ liệu “thô” rõ ràng về thị trường hàng hóa, ta có thể lược lật được nhiều dạng hợp đồng như. Hợp đồng gần nhất, Hợp đồng kế tiếp, Hợp đồng Gann, và Hợp đồng tiếp diễn. Ngoài ra còn có những ý tưởng xây dựng các hợp đồng tương lai phái sinh này. Các biểu tượng được sử dụng chỉ để minh họa cho mục đích này. Những hợp đồng tiếp diễn này được tạo ra thông qua Dial Data Service (56 Pine Street, New York, NY 10005, [212] 422-1600).

HỢP ĐỒNG GẦN NHẤT

Hợp đồng tương lai chủ yếu được các nhà giao dịch sử dụng - những người muốn có một lượng lớn hồ sơ về dữ liệu liên tục được thu thập từ giá giao dịch thực. Họ bằng lòng với những dữ liệu sắp hết hạn và sau đó quay vòng theo kiểu tự động.

Dường như hợp đồng gần nhất không được giao dịch trong phạm vi 15 đến 30 ngày mãn hạn. Lý do là việc thanh lý diễn ra gọn gàng nhanh chóng vào những ngày sau cùng của hợp đồng. Số ngày trước khi đến hạn mà một hợp đồng riêng lẻ chuyển hạn sang một hợp đồng kế tiếp

*Phụ lục này được biên soạn bởi Greg Morris.

là một chức năng của hàng hóa được đưa vào giao dịch (sổ tháng cho đến hợp đồng tiếp theo), và là phong cách giao dịch của cá nhân. Ta hoàn toàn có thể hình dung được một hợp đồng riêng lẻ sẽ tự chuyển hạn tại những thời điểm khác nhau đối với những hàng hóa khác nhau một cách tuyệt vời như thế nào.

Thời điểm chuyển hạn sang một hợp đồng khác có khả năng phụ thuộc vào khối lượng giao dịch hợp đồng hiện tại nhiều hơn. Khi bắt đầu đến điểm kết thúc cũng là lúc hợp đồng chuyển hạn.

Chính vì thế, một người có thể lựa chọn thời điểm chuyển hạn Hợp đồng gần nhất của mình. Hãy nhớ rằng, hợp đồng tương lai được dựng lên từ dữ liệu thực. Đây là một số ví dụ: Nhà quản lý danh mục A sẵn sàng chuyển hạn tại thời điểm đến hạn, vì thế tất cả những gì anh ta muốn là hợp đồng gần nhất đạt “chuẩn” với ký hiệu TRNE00 (Trái phiếu Chính phủ). Nhà quản lý A có thể quản lý tiền và cân tính toán số vốn từ những dữ liệu này. Nhà giao dịch B cảm thấy giao dịch trong tháng đến hạn không đủ ổn định, vì thế anh ta muốn hợp đồng gần nhất của mình sẽ chuyển hạn 15 ngày trước ngày đến hạn - ký hiệu có thể là TRNE15. Nhà phân tích C mong muốn kiểm tra các ngày chuyển hạn khác nhau, vì thế anh ta có thể muốn tải nhiều dạng hợp đồng gần nhất như: TRNE00, TRN05, TRNE12, và TRNE21 (chuyển hạn 5, 12 và 21 ngày trước khi đến hạn).

Hãy lưu ý rằng tất cả những hợp đồng này đều là Hợp đồng Gần nhất và chứa các dữ liệu hợp đồng thực tế. Sự khác biệt duy nhất là nguồn dữ liệu của hợp đồng này.

HỢP ĐỒNG KẾ TIẾP

Hợp đồng Kế tiếp là hậu bối của hợp đồng gần nhất. Nói một cách chính xác thì nó cũng tương tự như Hợp đồng Gần nhất ngoại trừ việc nó *luôn* là hợp đồng theo sau Hợp đồng Gần nhất. Nói cách khác, nếu Hợp đồng Gần nhất sử dụng dữ liệu Trái phiếu Chính phủ (TR) tháng 12, thì Hợp đồng Kế tiếp sử dụng dữ liệu từ hợp đồng TR tháng 3. Khi

hợp đồng tháng 12 đến hạn, Hợp đồng Gần nhất chuyển sang tháng 3 và Hợp đồng Kế tiếp chuyển sang hợp đồng tháng 6. Nó được định nghĩa là hợp đồng kế tiếp 1.

Từ khái niệm này, một Hợp đồng Kế tiếp khác cũng có sẵn và được gọi là Hợp đồng Kế tiếp-2. Dữ liệu của nó luôn bắt nguồn từ hợp đồng cách xa Hợp đồng Gần nhất 2 hợp đồng. Với ví dụ như trên, nếu Hợp đồng Gần nhất sử dụng dữ liệu từ hợp đồng tháng 12 thì Hợp đồng Kế tiếp-2 sử dụng dữ liệu từ hợp đồng tháng 6. Khi hợp đồng tháng 12 đến hạn thì Hợp đồng Gần nhất bắt đầu sử dụng dữ liệu từ hợp đồng tháng 3 và Hợp đồng Kế tiếp 2 sử dụng dữ liệu của hợp đồng tháng 12 và mọi việc cứ thế tiếp tục.

Ví dụ về ký hiệu của hợp đồng gần nhất là: TRNX11 và TRNX12. Dĩ nhiên, ký hiệu của hợp đồng tương lai thực sẽ được sử dụng thay vì TR trong ví dụ này.

HỢP ĐỒNG GANN

Hợp đồng Gann ám chỉ việc sử dụng tháng hợp đồng cụ thể và chuyển hạn sang cùng một hợp đồng đó trong năm sau. Ví dụ, hợp đồng lúa mì Tháng 7 sẽ được sử dụng cho đến khi hợp đồng tháng 7 đến hạn, sau đó hợp đồng Gann sẽ bắt đầu sử dụng dữ liệu từ hợp đồng lúa mì tháng 7 của năm sau.

Ví dụ, ký hiệu của hợp đồng Gann là: W07GN, GC04GN, JY12GN, v.v... (như lúa mì tháng 7, vàng tháng 4, đồng Yên tháng 12).

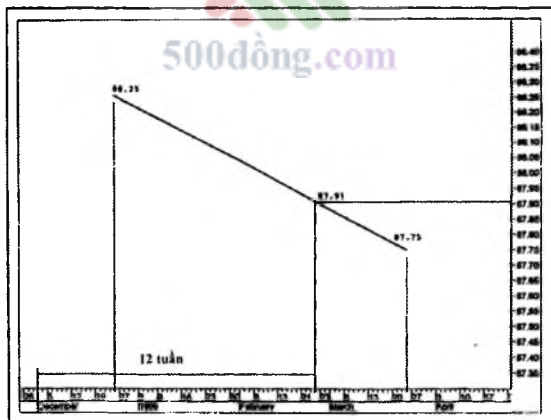
HỢP ĐỒNG TIẾP DIỄN

Hợp đồng Tiếp diễn được phát triển để giúp nhà phân tích giải quyết vấn đề thanh lý hoàn toàn và khoảng cách tăng (hoặc giảm) trong dữ liệu tương lai. Điều này sẽ trở thành vấn đề bất kỳ lúc nào nhà phân tích đang kiểm tra chế độ hoặc hệ thống giao dịch của dữ liệu diễn ra trong nhiều năm. Nó bao gồm chuỗi dữ liệu liên tục được bù đắp bằng sự chuyển hạn của xu hướng giá.

HỢP ĐỒNG LIÊN TỤC TIẾP DIỄN

Một Hợp đồng Liên tục Tiếp diễn kéo dài liên tục đến tương lai. Nó sử dụng nhiều hơn một hợp đồng để thực hiện việc này. Một phương pháp phổ biến là sử dụng hai hợp đồng gần nhất và làm một phép ngoại suy tuyến tính dữ liệu. (Xem hình D.1).

Một nhà giao dịch tương lai (với Hợp đồng Gần nhất) có khả năng xây dựng Hợp đồng Liên tục Tiếp diễn của bản thân mình. Cần phải có ba yếu tố để có thể thực hiện được việc này: Biểu tượng hàng hóa, số lượng hợp đồng anh ta muốn được sử dụng trong việc tính toán, số tuần đến thời điểm nào đó của hợp đồng tương lai mà anh ta tìm kiếm. Ví dụ, nếu anh ta muốn Trái phiếu Chính phủ với việc sử dụng ba trong số những hợp đồng gần nhất, và tìm kiếm loại 14 tuần, ký hiệu có thể là TRCF314. TR là ký hiệu, CF là tiếp diễn (Continuous Forward Looking), 3 là số hợp đồng được sử dụng, 13 là số tuần mà giá được dự đoán.



Hình D.1 Một kiểu trình bày trực quan về hợp đồng tiếp diễn

Trình tự khá đơn giản. Đầu tiên, ta cần thiết lập một ngày chuyển hạn cố định cho mỗi loại hàng hóa. Thời hạn hoàn hảo nhất là 10 ngày trước khi đến hạn. Điều quan trọng là có một khoảng thời gian chuyển hạn nào đó trước ngày đến hạn thực sự. Thứ hai, số lượng hợp đồng được sử dụng không bao giờ nhỏ hơn 2 và có thể không bao giờ nhiều hơn 4. Số tuần được sử dụng cũng có thể luôn luôn lớn hơn 3 và có thể cao đến 40 trong một số trường hợp.

Ví dụ: Đây là phương pháp được sử dụng bởi Commodity Systems, Inc. (Xem phần *Hợp đồng vĩnh viễn* trong Chương 8).

Ta lại sử dụng Trái phiếu Chính phủ một lần nữa, vì chúng có chu kỳ đến hạn giống nhau cứ mỗi 3 tuần. Giả sử rằng một nhà giao dịch muốn một hợp đồng Trái phiếu Chính phủ liên tục với việc sử dụng hai tháng gần nhất và tìm kiếm khoảng thời gian đến hạn là 12 tuần (ký hiệu = TRCF212). Giả sử hôm nay là ngày 1 tháng 12. Việc mô tả bằng đồ thị giúp ta dễ hiểu hơn (Xem hình D.1). Trục đứng là giá và trục ngang là thời gian. Hôm nay được đánh dấu trên trục ngang và ngày đến hạn của hai hợp đồng gần nhất (tháng 12 và tháng 3) cũng được đánh dấu. Anh ta muốn tìm kiếm hợp đồng còn 12 tuần đến hạn nên đánh dấu 12 tuần kể từ hôm nay, tức là khoảng vào ngày 25 tháng 2. Giá đóng cửa của hợp đồng tháng 12 là 88.25 và của tháng 3 là 87.75. Những điểm này sẽ được đặt bên trên ngày đến hạn tại mức giá tương ứng. Sau đó, một đường ngoại suy tuyến tính được vẽ giữa hai điểm. Độ dốc của đường này sẽ thay đổi lên xuống tùy vào viễn cảnh dài hạn của lãi suất (của trái phiếu trong ví dụ này). Trong ví dụ cụ thể này, viễn cảnh lãi suất sẽ tăng vì giá tương lai thấp hơn giá tháng 12.

Để tìm được giá đóng cửa ngày hôm nay của TRCF212, ta tìm điểm trên trục dọc 12 tuần kể từ hôm nay (25 tháng 2) và vượt lên trên đường kẻ được vẽ trên đồ thị. Sau đó, từ đường này ta hướng về phía phải và đó là giá đóng cửa của hợp đồng Liên tục Tiếp diễn (khoảng 87.91). Bạn cũng có thể nhận thấy rằng hợp đồng Tháng 3 có ý nghĩa quan trọng hơn hợp đồng tháng 12 bởi vì kết thúc gần tháng 3 hơn. Phương pháp này có thể được thực hiện từ giá mở cửa, cao nhất, thấp nhất và

đóng của tương tự. Dĩ nhiên là một máy tính có thể thực hiện công việc này theo công thức toán học, ở đây tôi chỉ là diễn giải cách thức để thể hiện một Hợp đồng Vĩnh viễn trên đồ thị.



Định nghĩa

Đường tăng giảm: Một trong những chỉ báo được sử dụng rộng rãi nhất dùng để đo lường của mức tăng hoặc giảm của một chỉ số độ rộng thị trường chứng khoán (độ rộng thị trường là thông số đo lường chiều hướng của thị trường chung bằng cách phân tích số cổ phiếu tăng so với số cổ phiếu giảm). Mỗi ngày (hay tuần) số hợp đồng tăng được so sánh với số hợp đồng giảm. nếu số hợp đồng tăng chiếm ưu thế hơn hợp đồng giảm, tổng ròng được cộng vào tổng tích lũy trước đó. Nếu số hợp đồng giảm có ưu thế, tổng tích lũy trừ cho chênh lệch ròng. Đường tăng giảm thường được so sánh với chỉ số trung bình chứng khoán phổ biến như Dow Jones Industrial Average. Chúng có thể cùng xu hướng. Khi đường tăng giảm bắt đầu phân kỳ so với chỉ số trung bình chứng khoán, một tín hiệu sớm đảo chiều có thể xảy ra.

Chỉ số Arms: Được phát triển bởi Richard Arms, chỉ báo đối lập này là tỷ suất của khối lượng bình quân cổ phiếu giảm chia cho khối lượng bình quân chứng khoán tăng. Chỉ số thấp hơn 1.0 cho thấy số cổ phiếu tăng nhiều hơn. Một chỉ số cao hơn 1.0 phản ánh số cổ phiếu giảm nhiều hơn. Đường trung bình di động 10 ngày của chỉ số Arms cao hơn 1.20 là bán quá mức, còn thấp hơn 0.70 là mua quá mức.

Tam giác tăng: Một mô hình giá đi ngang giữa hai đường xu hướng hội tụ, nơi đường bên dưới đang tăng trong khi đường bên trên lại phẳng. Nhìn chung, đây là một mô hình tăng giá. (Xem hình tam giác).

Đồ thị thanh: Trên đồ thị thanh, mỗi thanh thể hiện hoạt động giá của một ngày. Thanh đứng được vẽ từ mức giá cao nhất trong ngày đến giá thấp nhất trong ngày (gọi là biên độ). Gạch ngang bên trái thanh đánh dấu giá mở cửa, trong khi gạch ngang bên phải thanh là giá đóng cửa. Đồ thị thanh có thể được dựng cho bất kỳ quãng thời gian nào, cả hàng tháng, hàng tuần, hàng giờ và hàng phút.

Dải Bollinger: Được phát triển bởi John Bollinger, chỉ báo này sử dụng các dải băng giao dịch có độ lệch chuẩn bên trên và bên dưới đường trung bình di động 20 ngày. Giá thường gặp ngưỡng kháng cự ở đường băng trên và ngưỡng hỗ trợ ở đường băng dưới.

Vùng trống chạy trốn: Vùng trống giá hình thành tại điểm kết thúc mô hình giá quan trọng. Vùng trống chạy trốn thường báo hiệu sự khởi đầu một vận động giá quan trọng. (Xem phần Những vùng trống)

Đường kênh giá: Đường thẳng được vẽ song song với đường xu hướng. Trong một xu hướng tăng, đường kênh giá hướng lên bên phải và được vẽ trên những đỉnh hồi phục; trong một xu hướng giảm, đường kênh giá được vẽ bên dưới các đáy và hướng xuống bên phải giá sẽ thường gặp ngưỡng kháng cự tại đường kênh đang tăng và ngưỡng hỗ trợ tại đường kênh giảm.

Sự xác nhận: Là việc càng nhiều yếu tố thị trường tương đồng với một yếu tố khác càng tốt. Ví dụ, nếu giá và khối lượng giao dịch cùng tăng, khối lượng giao dịch sẽ xác nhận động thái giá. Đối lập của sự xác nhận là sự phân kỳ.

Mô hình tiếp diễn: Mô hình giá này chỉ ra một sự tạm ngừng hoặc củng cố xu hướng phổ biến. Dạng phổ biến nhất là tam giác, cờ hoặc cờ đuôi nheo.

Tam giác giảm: Là một mô hình giá di ngang giữa hai đường xu hướng hội tụ, trong đó đường bên trên đang giảm và đường bên dưới nằm ngang. Thông thường, nó là một mô hình giảm giá. (Xem phần Tam giác)

Sự phân kỳ: Là một tình huống trong đó hai chỉ báo không xác nhận lẫn nhau. Ví dụ, trong phân tích chỉ báo dao động, xu hướng giá là tăng trong khi một chỉ báo dao động bắt đầu giảm. Sự phân kỳ thường báo hiệu một sự đảo chiều xu hướng. (Xem *Sự xác nhận*)

Hai đỉnh: Là mô hình giá thể hiện hai đỉnh nổi bật. Sự đảo chiều kết thúc khi đáy giữa bị phá vỡ. Hai đáy là phiên bản đảo nghịch của hai đỉnh.

Đường xu hướng giảm: Một đường thẳng được vẽ hướng xuống sang phải bên trên các đỉnh hồi phục liên tiếp. Một sự phá vỡ đường xu hướng giảm thường báo hiệu sự đảo chiều của xu hướng giảm. (Xem phần *Đường xu hướng*.)

Lý thuyết Dow: Là một trong những lý thuyết phân tích kỹ thuật lâu đời nhất và được đánh giá cao nhất. Theo lý thuyết này, một tín hiệu mua sẽ xuất hiện khi Dow Industrial và Dow Transport đóng cửa cao hơn một đỉnh hồi phục trước đó. Một tín hiệu bán được nhận biết khi cả hai chỉ số bình quân này đóng cửa thấp hơn một ngưỡng thấp tương ứng trước đó.

Phân tích sóng Elliott: Là một cách tiếp cận phân tích kỹ thuật dựa trên mô hình sóng lặp lại và chuỗi số Fibonacci. Một mô hình sóng Elliott lý tưởng có 5 sóng tăng theo sau là 3 sóng giảm. (Xem phần *Chuỗi số Fibonacci*).

Đường bao vây: Là những đường nằm trên và dưới một đường trung bình di động theo một tỷ lệ phần trăm cố định. Đường bao vây giúp xác định khi nào một thị trường di chuyển quá xa đường trung bình di động của nó và được xem là nổi dài quá mức.

Vùng trống suy yếu: Một vùng trống giá xuất hiện vào cuối một xu hướng quan trọng, và báo hiệu rằng xu hướng sắp kết thúc. (Xem phần *Vùng trống*.)

Mượt theo hàm mũ: Một đường trung bình di động sử dụng tất cả các điểm dữ liệu, nhưng đặt dữ liệu gần gần hơn mức độ quan trọng cao hơn.

Dãy số Fibonacci: Chuỗi số Fibonacci (1,2,3,5,8,13,21,34,55,89,144...) được dựng bằng cách cộng hai số đầu tiên để có số thứ ba. Tỷ số của bất kỳ số nào với số lớn hơn kế tiếp đều bằng 62%, cũng chính là mức thoái lùi phổ biến theo số Fibonacci. Đảo nghịch của 62% là 38%, cũng được sử dụng như một số thoái lùi Fibonacci. Tỷ số của bất kỳ một số nào với số nhỏ hơn kế tiếp cũng bằng 1,62%, vốn được sử dụng để đạt mục tiêu giả Fibonacci. (Xem phần *Phân tích sóng Elliott*).

Cờ: Mô hình giá tiếp diễn, thông thường diễn ra trong ba tuần, giống với một hình bình hành tạo một góc tương phản với đường xu hướng hiện tại. Có thể hiện một sự tạm ngưng nhỏ trong một xu hướng giá sôi nổi. (Xem phần *Cờ đuôi nheo*.)

Phân tích cơ bản: Trái với phân tích kỹ thuật, phân tích cơ bản dựa trên thông tin cung cầu của nền kinh tế, chứ không phải hoạt động thị trường.

Vùng trống: Vùng trống là khoảng cách về bên trái trên đồ thị thanh, nơi không có giao dịch diễn ra. Một vùng trống tăng được hình thành khi giá thấp nhất của một phiên giao dịch lại cao hơn ngưỡng cao nhất của phiên trước đó. Một vùng trống giảm được hình thành khi giá cao nhất của một phiên thấp hơn mức giá thấp nhất của phiên hôm trước. Một vùng trống tăng thường là tín hiệu sức mạnh thị trường, trong khi một vùng trống giảm là tín hiệu cho thấy sự suy yếu của thị trường. Ba dạng vùng trống là chạy trốn, đo lường và suy yếu.

Đầu và vai: Là mô hình đảo chiều phổ biến nhất. Khi thị trường đạt đỉnh, ba đỉnh nổi bật hình thành với đỉnh giữa (hay đầu) hơi cao hơn hai đỉnh kia (vai). Khi đường xu hướng (đường viền cổ) nối các đáy ở giữa bị phá vỡ, mô hình kết thúc. Một mô hình đáy là phiên bản đảo ngược của một mô hình đỉnh và được gọi là đầu và vai đảo chiều.

Phân tích liên thị trường: Là một khía cạnh bổ sung của phân tích thị trường với việc xem xét động thái giá của các lĩnh vực thị trường có

mối quan hệ tương quan với nhau. Bốn lĩnh vực đó là tiền tệ, hàng hóa, trái phiếu và chứng khoán, trong đó bao gồm cả thị trường quốc tế. Cách tiếp cận này dựa trên tiền đề là tất cả các thị trường đều có quan hệ với nhau và tác động lẫn nhau.

Đảo chiều cụm đảo: Một sự kết hợp của một vùng trống suy yếu theo một hướng và một vùng trống chạy trốn của một hướng khác trong vòng một vài ngày. Ví dụ, tại giai đoạn cuối của một xu hướng có sự hiện diện của, vùng trống giá hướng lên và sau đó hướng xuống chỉ trong vài ngày. Kết quả là hai hoặc ba ngày giao dịch tách biệt giữa hai vùng trống theo hai hướng khác nhau. Đảo chiều cụm đảo thường báo hiệu sự đảo chiều xu hướng. (Xem phần *Vùng trống giá*.)

Phiên đảo chiều chính: Trong một xu hướng tăng, mô hình một phiên như vậy xuất hiện khi giá mở cửa đạt ngưỡng cao mới, và sau đó đóng cửa thấp hơn giá đóng cửa phiên trước đó. Trong một xu hướng giảm, giá mở cửa thì thấp hơn rồi lại đóng cửa cao hơn. biên độ giá của phiên đảo chiều chính càng rộng và khối lượng giao dịch càng lớn, thì khả năng đảo chiều càng cao. (Xem phần *Đảo chiều hàng tuần*).

Đồ thị dạng đường kẻ: Là đồ thị giá nối các mức giá đóng cửa của một thị trường nào đó trong một quãng thời gian nào đó. Kết quả là chúng ta có một đường lượn sóng. Dạng đồ thị này hữu ích nhất là khi được sử dụng trong đồ thị chồng lên nhau (mục đích để so sánh) hay đồ thị so sánh thường được dùng trong phân tích liên thị trường. Nó cũng được sử dụng trong phân tích xu hướng trực quan các quỹ hỗ tương mới.

MACD: Được phát triển bởi Gerald Appel, là hệ thống đường trung bình hội tụ phân kỳ hai đường. Đường thứ nhất (MACD) là sự chênh lệch giữa hai đường trung bình số mũ giá đóng cửa (thường là 12 và 26 giai đoạn). Đường thứ hai (tín hiệu) thường là đường EMA 9 giai đoạn của đường thứ nhất (MACD). Tín hiệu được cho khi hai đường này cắt nhau.

Đồ thị tần suất MACD: Là một biến thể của hệ thống MACD vẽ độ chênh lệch giữa hai đường tín hiệu và đường MACD. Sự thay đổi của

HOC CHUNG KHOAN tại: www.500dong.com / (facebook.com/Ngo500dong)

độ chênh lệch đó có thể được dụng nhanh hơn, dẫn đến những tín hiệu giao dịch sớm.

Chỉ báo dao động McClellan: Được phát triển bởi Sherman McClellan, chỉ báo dao động là độ chênh lệch giữa đường trung bình trơn hàm số mũ 19 ngày (10% xu hướng) và 39 ngày (5% xu hướng) của số liệu tăng giảm ròng hàng ngày. Sự giao nhau lên trên đường số 0 là tín hiệu tích cực và dưới là tiêu cực. Chỉ số cao hơn +100 là mua quá mức trong khi thấp hơn -100 là bán quá mức.

Chỉ số cộng gộp McClellan: Tổng tích lũy của tất cả các chỉ số chỉ báo dao động McClellan hàng ngày cho phép phân tích biên độ dài hạn thông số độ rộng thị trường. Được sử dụng tương tự như đường tăng giảm.

Xung lượng: Một kỹ thuật dùng để dụng một chỉ báo dao động mua bán quá mức. Xung lượng đo lường độ chênh lệch trong một khoảng thời gian được chọn. Để dụng một đường xung lượng 10 ngày, ta lấy giá đóng cửa gần nhất trừ cho giá đóng cửa 10 ngày trước. Giá trị âm hay dương đó sẽ được dụng trên hoặc dưới đường số 0. (Xem *Chỉ báo dao động*.)

Đường trung bình di động: Một chỉ báo theo xu hướng hoạt động hiệu quả trong một mô trường có xu hướng. Đường trung bình di động thể hiện biến động giá bằng một đường ít dao động hơn nhưng lại chậm trễ về mặt thời gian. Ví dụ, một đường trung bình di động 10 ngày trên đồ thị chứng khoán sẽ cộng giá đóng cửa 10 ngày gần nhất và chia tổng đó cho 10. Quy trình này được lặp lại mỗi ngày. Có thể sử dụng bất kỳ một con số đường trung bình di động nào được sử dụng, với các quãng thời gian khác nhau, để tạo ra tín hiệu mua và bán. Khi một đường trung bình được đưa vào sử dụng, tín hiệu mua xuất hiện khi giá đóng cửa bên trên đường trung bình. Khi sử dụng hai đường trung bình, tín hiệu mua xuất hiện khi đường ngắn hơn cắt lên trên đường dài hơn. Có ba dạng: đường đơn giản, đường tỷ trọng tuyến tính và đường mượt theo hàm mũ.

Chỉ báo cân bằng khối lượng (OBV): Được phát triển bởi Joseph Granville, OBV là tổng tích lũy liên tiếp khối lượng giao dịch tăng và giảm. Khối lượng của ngày tăng được cộng vào và của ngày giảm bị trừ đi. Đường OBV được vẽ với đường giá để có thể nhận thấy hai đường có xác nhận lẫn nhau không. (Xem phần *Khối lượng giao dịch*.)

Số lượng hợp đồng chưa tất toán: Là số hợp đồng tương lai hoặc quyền chọn chưa được thanh lý vào cuối một phiên giao dịch. Sự gia tăng hay suy giảm số lượng hợp đồng chưa tất toán tương ứng thể hiện dòng tiền đang đi vào hay ra khỏi một hợp đồng tương lai và quyền chọn. Trong thị trường tương lai, số lượng hợp đồng chưa tất toán tăng củng cố cho xu hướng hiện tại. Số lượng hợp đồng chưa tất toán cũng đánh giá tính thanh khoản.

Chỉ báo dao động: Chỉ báo xác định khi nào một thị trường ở trong tình trạng mua quá mức hoặc bán quá mức. Khi chỉ báo dao động chạm điểm cực trên, thị trường là mua quá mức. Khi đường chỉ báo này chạm điểm cực dưới là thị trường bán quá mức. (Xem phần *Xung lượng, Tđo thay đổi, Chỉ số sức mạnh tương đối và chỉ báo Stochastics*.)

Mua quá mức: Là thuật ngữ dùng cho chỉ báo dao động. Khi một chỉ báo dao động chạm điểm cực trên, thị trường được tin rằng đã tăng quá mức và không bền vững dẫn đến việc rút giá.

Bán quá mức: Một thuật ngữ thường được dùng cho chỉ báo dao động. Khi một chỉ báo dao động chạm điểm cực dưới, thì thị trường được cho là đã rút giá quá nhiều và đến hồi bật lại.

Cờ đuôi nheo: Là một hình giá tiếp diễn tương tự mô hình cờ, ngoại trừ việc nó kéo dài ra nhiều hơn và giống một tam giác đối xứng nhô. Giống với mô hình cờ, cờ đuôi nheo thường kéo dài từ một đến ba tuần và sau đó là một sự hồi phục xu hướng trước đó.

Tỷ lệ nhà đầu tư đầu cơ giá lên: Công cụ đánh giá tâm lý đầu cơ giá lên của thị trường chứng khoán này được công bố hàng tuần bởi Investor's Intelligence of New Rochelle, New York. Khi chỉ có 35% nhà

dầu tư chuyên nghiệp dầu cơ giá lên, thị trường được xem là bán quá mức. Còn con số 55% lại được cho là mua quá mức.

Mô hình giá: Các mô hình xuất hiện trên đồ thị giá và có giá trị dự đoán. Các mô hình này được chia thành mô hình đảo chiều và mô hình tiếp diễn.

Tốc độ biến thiên: Một kỹ thuật được sử dụng để dự đoán chỉ báo dao động mua bán quá mức. Tốc độ biến thiên áp dụng hệ số giá trên một khoảng thời gian. Để dựng một đường chỉ báo tốc độ biến thiên trong 10 ngày, ta lấy giá đóng cửa của 10 ngày trước đó chia cho giá đóng cửa ngày gần nhất. Kết quả sẽ được vẽ lên trên hoặc bên dưới ngưỡng giá trị 100.

Phân tích hệ số: Có công dụng so sánh sức mạnh tương đối của hai chủ thể. Ta lấy một cổ phiếu riêng lẻ hoặc nhóm cổ phiếu ngành chia cho chỉ số S&P 500 để xác định được tính vượt trội hay sụt giá của cổ phiếu/ nhóm cổ phiếu ngành đó so với các cổ phiếu khác trên thị trường chứng khoán chung. Một hệ số tăng chỉ ra rằng chủ thể ở trên thể hiện tốt hơn chủ thể ở dưới. Phân tích xu hướng có thể áp dụng đường hệ số này để xác định điểm chuyển đổi quan trọng.

Chỉ số cường độ tương đối: Là một chỉ báo dao động phổ biến được phát triển bởi Welles Wilder (con) và được giới thiệu trong cuốn sách của ông, *Khái niệm mới trong hệ thống Giao dịch Kỹ Thuật*. Chỉ số này được vẽ theo tỷ lệ dọc từ 0 đến 100. Giá trị cao hơn 70 cho thấy tình trạng mua và mức và thấp hơn 30 là bán quá mức. Khi giá cao hơn 70 và thấp hơn 30 và khác với động thái giá thì một tín hiệu đảo chiều xu hướng được tạo ra. Chỉ số cường độ tương đối luôn luôn áp dụng khoảng thời gian 9 và 14.

Ngưỡng kháng cự: Đối lập với ngưỡng hỗ trợ. Ngưỡng kháng cự được đánh dấu bằng một đỉnh giá trước đó và là rào cản của thị trường tăng giá. (Xem *Ngưỡng hỗ trợ*.)

Thoái lùi: Giá thường thoái lùi so với xu hướng trước đó theo một tỷ lệ nào đó trước khi hồi phục xu hướng ban đầu. Ví dụ thường thấy nhất là thoái lùi 50%. Ngưỡng thoái lùi tối thiểu và tối đa thường thấy lần lượt là một phần ba và hai phần ba. Các nhà phân tích sử dụng lý thuyết sóng Elliott cũng áp dụng các mức thoái lùi phần trăm theo Fibonacci là 38% và 62%.

Mô hình đảo chiều: Mô hình giá trên đồ thị giá thường cho thấy sự đảo chiều đang diễn ra. Mô hình đảo chiều thường thấy nhất là đầu và vai và hai đỉnh và hai đáy, ba đỉnh và ba đáy.

Vùng trống đo lường: Một vùng trống giá thường xuất hiện ở điểm giữa một xu hướng quan trọng. Vì thế mà nó được gọi là vùng trống đo lường. (Xem *Vùng trống*).

Chỉ báo tâm lý: Chỉ báo về mặt tâm lý đánh giá mức độ mong muốn mua vào hoặc bán ra trong một thị trường. Chúng là chỉ báo đối lập và gần giống với dạng của chỉ báo dao động mua quá mức và bán quá mức. Giá trị lớn nhất của nó thể hiện ở lúc chúng chạm điểm cực trên và điểm cực dưới.

Đường trung bình đơn: Một đường trung bình di động xem các dữ liệu giá của mỗi ngày có tỷ trọng bằng nhau. (xem Đường trung bình di động tỷ trọng bằng nhau và đường sườn theo số mũ.)

Chỉ báo Stochastics: Một chỉ báo mua - bán quá mức được phổ biến bởi Grogre Lane. 14 giai đoạn là khoảng thời gian thường được sử dụng. Stochastics sử dụng hai đường %K và đường trung bình ba giai đoạn của nó, đường %D. Hai đường này lắc lư theo chiều dọc trong biên độ từ 0 đến 100. Chỉ số trên 80 là mua quá mức, còn dưới 20 là bán quá mức, khi đường nhanh hơn là %K băng lên trên đường chậm hơn là %D và hai đường nằm dưới 20 thì tín hiệu mua xuất hiện. Khi đường %K băng xuống dưới đường %D và hai đường ở trên 80 cho một tín hiệu bán.

Ngưỡng hỗ trợ: Một mức giá hay vùng giá bên dưới giá thị trường hiện tại tại đó lực mua đủ khả năng kiềm chế một đợt giảm giá, một đáy tương ứng trước đó thường là một ngưỡng hỗ trợ.

Tam giác đối xứng: Một mô hình giá đi ngang giữa hai đường xu hướng hội tụ trong đó đường bên trên thì giảm còn đường bên dưới thì tăng. Mô hình này đại diện cho một sự cân bằng áp lực mua bán, mặc dù xu hướng trước đó thường sẽ hồi phục. Sự phá vỡ cả hai đường xu hướng báo hiệu hướng phát triển của xu hướng. (xem Tam giác tăng và giảm.)

Phân tích kỹ thuật: Là nghiên cứu hoạt động thị trường, thường bằng đồ thị giá, bao gồm khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán. Còn được gọi là phân tích đồ thị, phân tích thị trường và gần đây là phân tích trực quan.

Xu hướng: Âm chỉ chiều hướng của giá. Các đỉnh và đáy tăng dần xác định một xu hướng tăng, trong khi đó các đỉnh và đáy giảm dần xác định xu hướng giảm. Một biên độ giao dịch (hay giao dịch trong biên độ) là những đỉnh và đáy ngang nhau. Xu hướng thông thường được phân thành ba loại là chính (hơn 1 năm), trung bình (từ 1 đến 6 tháng), và phụ (ít hơn 1 tháng).

Đường xu hướng: Là đường thẳng vẽ nối các đáy trong xu hướng tăng, hoặc nối các đỉnh hồi phục trong xu hướng giảm xác định độ dốc của xu hướng hiện tại. Sự phá vỡ đường xu hướng thường là tín hiệu đảo chiều.

Tam giác: Mô hình giá đi ngang, trong đó giá dao động giữa hai đường xu hướng cắt nhau. Có ba dạng là đối xứng, tăng và giảm.

Ba đỉnh: Một mô hình giá có ba đỉnh nổi bật, tương tự đỉnh đầu và vai, ngoại trừ ba đỉnh này ngang nhau. Ba đáy là mô hình đảo ngược của ba đỉnh.

Đường xu hướng tăng: Là một đường thẳng hướng lên về phía phải

nổi các đáy tương ứng. Đường xu hướng tăng càng dài và càng được thử thách nhiều lần, thì càng có ý nghĩa. Sự phá vỡ đường xu hướng thường là tín hiệu thay đổi của xu hướng tăng. (Xem phần *Đường xu hướng giảm*)

Phân tích trực quan: Một dạng phân tích sử dụng đồ thị và chỉ báo thị trường để xác định hướng thị trường.

Khối lượng giao dịch: Mức độ giao dịch trong một chứng khoán, quyền chọn, hay hợp đồng tương lai. Khối lượng giao dịch theo hướng của xu hướng hiện tại nếu được gia tăng sẽ là sự xác nhận xu hướng đó. (xem *Cân bằng khối lượng*).

Đảo chiều tuần: Một sự đảo chiều hướng lên hàng tuần diễn ra khi giá mở cửa giảm vào Thứ Hai và đóng cửa vào Thứ Sáu cao hơn mức đóng cửa tuần trước. Một sự đảo chiều đi xuống hàng tuần với giá mở cửa tuần tăng nhưng giá đóng cửa giảm vào thứ 6. (Xem phần *Phiên đảo chiều chính*).

Trung bình tỷ trọng: Một đường trung bình sử dụng một quãng thời gian nào đó, nhưng đặt những dữ liệu giá gần nhất mức độ quan trọng lớn hơn. (Xem *Trung bình di động*.)